

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3528 8898 / 3528 9999
Fax: (84-4) 3528 9609 / 3528 9610
Website: www.baoviet.com.vn

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN THUỘC TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Số 31 Hai Bà Trưng
 Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3826 2654/3826 2774
Fax: (84-4) 3825 7188
Website: www.baoviet.com.vn/baohiem

TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Trụ sở chính: Tầng 6 và tầng 10, Tòa nhà
 Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 6251 7777
Fax: (84-4) 2577 0958
Website: www.baoviet.com.vn/vhantho

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Tầng 1 và tầng 2, Tòa nhà Bảo Việt
 Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3528 8080
Fax: (84-4) 3528 9088
Website: www.baoviet.com.vn/chungkhoan

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Bảo Việt
 Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3528 9589
Fax: (84-4) 3528 9590
Website: www.baoviet.com.vn/quanlyquy

NGÂN HÀNG TM CỔ PHẦN BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Bảo Việt
 Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3528 8989
Fax: (84-4) 3528 8899
Website: www.baoviet.com.vn/nganhang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Số 71 Ngõ Sĩ Liên
 Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3732 6888
Fax: (84-4) 3732 5858
Website: www.baoviet.com.vn/dautu



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2013

Bảo Việt - Vì những niềm tin của Bạn

là thông điệp nhằm thể hiện cam kết luôn đồng hành và hỗ trợ khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng vì niềm tin vào sự thành công, hạnh phúc và thịnh vượng.

Với Bảo Việt, chúng tôi tin vào giá trị của niềm tin - yếu tố tạo nên sức mạnh giúp chúng ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong cuộc sống và nắm bắt cơ hội để phát triển.

Bảo Việt luôn khao khát khám phá, thấu hiểu những điều mà bạn thật sự trân trọng và tin tưởng.



MỤC LỤC

SÁNG TẠO

THÔNG ĐIỆP | *Bảo Việt - Vì những niềm tin của Bạn*

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị	02
Thông điệp Tổng Giám đốc	08
Chỉ số hoạt động cơ bản 2009 - 2013	14
10 Sự kiện tiêu biểu năm 2013	18
10 Danh hiệu giải thưởng tiêu biểu năm 2013	20

TỔNG QUAN | *Niềm tin vững chắc, cam kết vững bền*

Nửa thế kỷ phát triển cùng Việt Nam	24
Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh	26
Cơ cấu quản trị Tập đoàn Bảo Việt	28
Giới thiệu Thành viên Ban Lãnh đạo	30
Thông tin vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông	36
Thông điệp cổ đông chiến lược	37
Chiến lược phát triển 2011 - 2015 và Chiến lược phát triển bền vững	38

TĂNG TRƯỞNG

KẾT QUẢ KINH DOANH 2013 | *Niềm tin vững vàng, vượt ngàn thử thách*

Kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính - bảo hiểm	48
Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013	56
Mục tiêu và kế hoạch kinh doanh năm 2014	69
Hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực	72
10 Sản phẩm dịch vụ tiêu biểu năm 2013	96

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP | *Niềm tin kết nối thành công*

Tổng quan về quản trị doanh nghiệp	100
Báo cáo Hội đồng Quản trị	105
Báo cáo Ban Kiểm soát	109
Báo cáo của các Hội đồng - Ủy ban	112
Báo cáo quản trị doanh nghiệp	117
Quản trị rủi ro	122
Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ	132
Thông tin cổ phiếu và Quan hệ cổ đông	136
Quản trị nguồn nhân lực	142
Văn hóa doanh nghiệp	146

BỀN VỮNG

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG | *Niềm tin kiến tạo tương lai vững bền*

Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững	158
Sự tham gia của các bên liên quan	166
Tăng trưởng vững chắc về kinh tế	176
Đầu tư phát triển cộng đồng	182
Hành động vì môi trường	196

MINH BẠCH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH | *Niềm tin vào sự minh bạch*

Báo cáo tài chính Hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS)	202
Báo cáo tài chính Riêng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS)	304



*Bạn không thể thay đổi hướng gió
nhưng bạn có thể điều chỉnh cánh buồm*



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

Báo Việt - Vì những niềm tin của Bạn



Báo cáo thường niên



Báo cáo
Phát triển bền vững

Hãy đọc Báo cáo thường niên và Báo cáo Phát triển bền vững của Báo Việt
tại website: www.baoviet.com.vn để giảm thiểu tác động đến môi trường



Bảo Việt **Vì những niềm tin của Bạn**

Bảo Việt sẽ tiếp tục thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững, trong đó tập trung thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị, điều hành doanh nghiệp, tăng cường hợp tác nội bộ nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của toàn Tập đoàn, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính, đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình an sinh xã hội, hướng tới phát triển cộng đồng bền vững.

Ông Lê Quang Bình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị





TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Tổng tài sản hợp nhất năm 2013



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2013



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2013

Kính thưa Quý vị,

Năm 2013, nền kinh tế thế giới chưa thoát khỏi tình trạng suy thoái với những diễn biến kinh tế - chính trị phức tạp khó lường. Nền kinh tế Việt Nam mặc dù có một số chuyển biến tích cực trong kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức cho doanh nghiệp. Trong năm 2013, số doanh nghiệp gặp khó khăn phải giải thể hoặc ngừng hoạt động là hơn 60 ngàn doanh nghiệp, tăng 11,9% so với năm trước.

Trước bối cảnh đó, với quyết tâm cao trong hoạt động quản trị và điều hành doanh nghiệp, sự nỗ lực, cam kết, đồng lòng của các cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống, đặc biệt là niềm tin và sự ủng hộ của quý vị khách hàng, cổ đông và các đối tác dành cho Bảo Việt, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục tăng trưởng và phát triển ổn định, hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh, đảm bảo lợi nhuận và cổ tức cho cổ đông.

Hành trình nửa thế kỷ xây dựng giá trị niềm tin

Gần nửa thế kỷ trước, ngày 15/01/1965, Công ty Bảo hiểm Việt Nam (gọi tắt là Bảo Việt) - tiền thân của Tập đoàn Bảo Việt đã chính thức đi vào hoạt động.

Trong những ngày bắt đầu hoạt động, Bảo Việt chỉ có 16 nhân viên, cung cấp dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ cho một nhóm nhỏ khách hàng xuất nhập khẩu, tàu biển thuộc Miền Bắc. Doanh số thời đó chỉ khoảng 800 nghìn đồng Việt Nam với tổng tài sản là 900 nghìn đồng. Bảo Việt đã đồng hành với sự phát triển của ngành bảo hiểm Việt Nam với tâm nguyện chân thành là "Phục vụ khách hàng tốt nhất để phát triển". Tâm nguyện ấy có một sức mạnh, một sức thuyết phục to lớn,

và đã trở thành phương châm, triết lý kinh doanh, thấm đẫm vào trái tim và hành động của từng cán bộ Bảo Việt trong mỗi hành trình phát triển.

Không chỉ tiên phong phát triển thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, khi người dân có nhu cầu bảo hiểm cho cuộc sống và tương lai của mình nhiều hơn, năm 1996, Bảo Việt trở thành doanh nghiệp khai mở thị trường bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam. Sự phát triển bảo hiểm nhân thọ đã mang lại sự tăng trưởng gấp đôi cho Bảo Việt cũng như thị trường bảo hiểm nói chung, góp phần đưa dịch vụ này tới khoảng 5 triệu khách hàng. Sự nhạy bén của Bảo Việt một lần nữa được thể hiện qua việc nhanh chóng nắm bắt xu hướng kết hợp bảo hiểm - tài chính, và thành lập công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam, góp phần phát triển một lĩnh vực mới mà giá trị vốn hóa của thị trường tới nay chiếm tới 37% GDP Việt Nam.

Bảo Việt cũng là một trong những doanh nghiệp đầu tiên tiến hành cổ phần hóa thành công, thu hút sự tham gia của cổ đông chiến lược nước ngoài, cũng như hàng ngàn nhà đầu tư trong nước. Cổ phần hóa như một cú huych giúp cho Bảo Việt tăng vốn, chuyển giao công nghệ với cổ đông chiến lược nước ngoài, đổi mới quản trị, thành lập Tập đoàn tổ chức theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con. Giai đoạn này Bảo Việt đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ với một diện mạo mới năng động, chuyên nghiệp trong phục vụ khách hàng. Việc chuyển đổi này giúp dần hoàn thiện mục tiêu phát triển Bảo Việt trở thành một định chế tài chính - bảo hiểm hàng đầu Việt Nam thông qua khả năng cung cấp dịch vụ kết hợp trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính như chứng khoán, đầu tư, quản lý quỹ, ngân hàng.



Công ty Mẹ

Vốn chủ sở hữu năm 2013



Công ty Mẹ

Tổng doanh thu năm 2013



Công ty Mẹ

Lợi nhuận trước thuế năm 2013



Công ty Mẹ

Vốn điều lệ năm 2013

Nhìn lại từng bước đi trong quá trình phát triển, niềm tin chính là yếu tố tạo nên sức mạnh giúp Bảo Việt vượt qua khó khăn, nắm bắt cơ hội để phát triển tới ngày hôm nay. Gần nửa thế kỷ qua là chặng đường mà chúng tôi đã đồng hành cùng khách hàng, đối tác và cổ đông vì niềm tin vào sự thành công, hạnh phúc và thịnh vượng. Tôi tin rằng, những giá trị thương hiệu truyền thống trong 50 năm qua sẽ tiếp tục phát triển Bảo Việt thành một thương hiệu hiện đại, năng động và chuyên nghiệp, giữ được niềm tin vững chắc của khách hàng, cổ đông, đối tác và cam kết vững bền của cán bộ Bảo Việt.

Năm 2013 – Hoàn thành mục tiêu kế hoạch kinh doanh, thực hiện chiến lược phát triển bền vững

Năm 2013 là một bước quan trọng trong thực hiện chiến lược phát triển của Tập đoàn Bảo Việt đến năm 2015. Với vai trò và ý nghĩa đó, toàn thể Lãnh đạo, cán bộ nhân viên của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty thành viên đã hợp lực tập trung vượt qua khó khăn, cơ bản hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2013 với kết quả cụ thể như sau: tổng doanh thu hợp nhất của toàn Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt thực hiện là 17.096 tỷ đồng, tăng trưởng 6,8% so với năm 2012; tăng trưởng bình quân 12,8% giai đoạn 2009-2013; Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.654 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 7,4% giai đoạn 2009-2013. Tổng doanh thu của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt đạt 1.352 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 10% giai đoạn 2009-2013. Lợi nhuận trước thuế của Công ty Mẹ đạt 1.192 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 7,8% giai đoạn 2009-2013. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ của Công ty Mẹ năm 2013 đạt 16,2%, đảm bảo mức chi trả cổ tức đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong hoạt động kinh doanh, Tập đoàn Bảo Việt đã tập trung thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững, trong đó đẩy mạnh các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị, điều hành doanh nghiệp, đặc biệt là triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt. Trong năm 2013, thực hiện chủ trương tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và Quyết định 929/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Tập đoàn Bảo Việt đã triển khai xây dựng và hoàn thành đề án tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt nhằm nâng cao năng lực quản trị, năng lực cạnh tranh hướng tới phát triển bền vững. Theo đó, Bảo Việt đã tập trung thực hiện các nhóm dự án thành phần nhằm tăng cường hiệu quả quản trị công ty, cụ thể là: Tái cơ cấu tài chính, trong đó triển khai kế hoạch tăng vốn của Tập đoàn Bảo Việt; Rà soát và điều chỉnh Kế hoạch chiến lược 2011-2015; Rà soát chiến lược đầu tư tại các đơn vị có vốn đầu tư của Tập đoàn; Tái cơ cấu cơ chế quản trị, rà soát quy chế liên quan tới hoạt động của HĐQT, quy chế quản trị công ty; Tái cơ cấu tổ chức bộ máy và quản trị của Tập đoàn Bảo Việt... Nhìn chung, các nhóm dự án thành phần trong Đề án đều đang được triển khai theo đúng tiến độ đề ra.

Chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt được cụ thể hóa theo ba mục tiêu về kinh tế - xã hội và môi trường bao gồm: Phát triển và tăng trưởng kinh tế vững chắc; Cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng; Giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường từ hoạt động của doanh nghiệp và nâng cao nhận thức của xã hội. Trong đó, mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất trong chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt vì chúng tôi chỉ có thể đạt được mục tiêu xã hội, môi trường khi đã đạt được các mục tiêu kinh tế.

1.416

Tỷ đồng



4,7%

Công ty Mẹ

Tổng doanh thu năm 2014

1.120

Tỷ đồng



1,4%

Công ty Mẹ

Lợi nhuận sau thuế năm 2014

16,5%

Công ty Mẹ

Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ năm 2014

Bảo Việt ưu tiên thực hiện mục tiêu phát triển cộng đồng vì một cộng đồng phát triển lành mạnh, an toàn và thịnh vượng là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính như Bảo Việt có thể phát triển và phục vụ lâu dài. Trong năm 2013, Bảo Việt tiếp tục đẩy mạnh triển khai các loại hình sản phẩm bảo hiểm vi mô tới hàng triệu khách hàng nhằm giúp khách hàng thu nhập thấp, ở các khu vực nông thôn có thể tiếp cận các dịch vụ bảo hiểm cho cuộc sống và hoạt động sản xuất, nông nghiệp.

Tính đến nay, Bảo Việt đã dành hơn 100 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội, trong đó các chương trình đến với đồng bào vùng cao hay thăm hỏi bệnh nhân có hoàn cảnh đặc biệt luôn thu hút sự tham gia của đông đảo cán bộ trong toàn hệ thống. Bảo Việt tự hào trong năm 2013 đã hỗ trợ cho hàng trăm hộ nghèo tại các tỉnh khó khăn như Bắc Kạn, Nghệ An, Hà Giang..., và tài trợ hàng nghìn suất học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh đặc biệt trên khắp cả nước với tổng đầu tư cho hoạt động xóa đói giảm nghèo và thế hệ trẻ khoảng 16 tỷ đồng.

Liên quan tới mục tiêu bảo vệ môi trường, Bảo Việt tích cực triển khai thực hiện lối sống xanh tại công sở thông qua chuỗi hành động vì môi trường Baoviet GoGreen với các sáng kiến sử dụng tiết kiệm năng lượng và vật liệu từ tự nhiên, giảm thiểu các chi phí vận hành và ủng hộ các chương trình bảo vệ, khôi phục môi trường do các tổ chức, chính phủ khởi xướng.

Năm 2013, chúng tôi cũng chú trọng hơn đến vấn đề xả thải ra môi trường từ nguồn nước thải sinh hoạt trong quá trình vận hành của doanh nghiệp.

Năm 2014 – Tiếp tục hành trình phát triển bền vững, phát huy “Sức mạnh niềm tin” của Bảo Việt

Từ những kết quả đạt được trong năm 2013 và giai đoạn sau cổ phần hóa 2007 - 2013, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty thành viên đã và đang xây dựng những nền tảng bền vững để hoàn thành chiến lược kinh doanh 5 năm (2011-2015) của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt đã được ĐHQĐ thông qua. Trên cơ sở đó, trong giai đoạn 2014-2015, Bảo Việt hoàn thành giai đoạn chuyển đổi mô hình kinh doanh và chuyển sang thực hiện giai đoạn phát huy sức mạnh tổng thể, khẳng định sự chuyên nghiệp và hợp tác nội bộ mạnh mẽ, thương hiệu và chất lượng dịch vụ hàng đầu Việt Nam và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.

Trên tinh thần quyết tâm vượt qua những khó khăn chung của nền kinh tế để hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh, HĐQT định hướng xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2014 cụ thể như sau:

- Về định hướng hoạt động: Tập trung thực hiện chiến lược phát triển bền vững; phát huy truyền thống và thi đua lập thành tích chào mừng 50 năm thành lập Bảo Việt (15/01/1965-15/01/2015) để tiếp tục phát triển Bảo Việt thành một tập đoàn tài chính - bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam với phương châm “Niềm tin vững chắc - Cam kết vững bền”.
- Về kế hoạch kinh doanh của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt: Tổng doanh thu đạt 1.416 tỷ đồng, tăng trưởng 4,7% so với thực hiện 2013; Lợi nhuận sau thuế phần đầu đạt mức 1.120 tỷ đồng, tăng 1,4% so với thực hiện năm 2013.

Trong năm 2014, Bảo Việt sẽ tiếp tục tập trung thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững, theo đó, nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt. Tập đoàn Bảo Việt sẽ tiếp tục triển khai sâu hơn Đề án tái cơ cấu ở cấp độ Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên, tất cả các dự án thành phần sẽ tập trung nguồn lực triển khai thực hiện các sáng kiến tái cơ cấu cụ thể của từng dự án với mục tiêu cụ thể như sau:

- **Tái cơ cấu tài chính:** triển khai kế hoạch tăng vốn của Tập đoàn Bảo Việt nhằm tăng cường năng lực tài chính cho Công ty Mẹ, nâng cao năng lực tài chính cho các công ty con để đáp ứng nhu cầu vốn và yêu cầu tăng trưởng của các công ty con, thực hiện xếp hạng tín nhiệm cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên.
- **Rà soát chiến lược đầu tư:** rà soát, phân tích danh mục đầu tư chiến lược và đầu tư tài chính hiện tại nhằm đánh giá rủi ro và lợi nhuận, trên cơ sở đó xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư đến năm 2015, đảm bảo an toàn, hiệu quả đầu tư.
- **Tái cơ cấu quản trị:** tập trung hoàn thiện cơ chế quản trị, xây dựng cơ chế phối hợp xuyên suốt trong toàn hệ thống Tập đoàn, nâng cao vai trò điều phối của Công ty Mẹ trong hệ thống Tập đoàn để phát huy sức mạnh tổng thể; kiện toàn mô hình tổ chức bộ máy nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động.
- **Triển khai có hiệu quả các nhóm dự án thành phần** về kiểm toán nội bộ, chiến lược công nghệ thông tin, và kiện toàn tổ chức Đảng, đoàn thể.
- **Gắn kết mục tiêu tăng trưởng bền vững,** có hiệu quả với các mục tiêu đóng góp cho phát triển của xã hội và bảo vệ tài nguyên môi trường, góp phần hiện thực hóa “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020” của Chính phủ.

Năm 2014 là một năm đặc biệt với nhiều cơ hội cho sự đổi mới, phát triển của Bảo Việt. Đây là năm Bảo Việt sẽ triển khai một chuỗi các hoạt động hướng tới chào mừng kỷ niệm 50 năm thành lập (15/01/1965-15/01/2015) với thông điệp “Bảo Việt - Vì những niềm tin của bạn”. Tôi tin tưởng rằng, sự cộng hưởng giữa niềm tin của quý cổ đông, đối tác và khách hàng dành cho Bảo Việt trong gần 50 năm qua, cùng với niềm tin của toàn thể cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống Bảo Việt vào sự thành công, thịnh vượng của doanh nghiệp, là động lực giúp Bảo Việt ngày càng phát triển bền vững.

Kính thưa Quý vị,

Thành công của Bảo Việt trong suốt chặng đường gần 50 năm qua chính là thành quả của sự lao động, sáng tạo của các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, tư vấn viên Bảo Việt và sự ủng hộ quý báu của quý vị khách hàng, của cổ đông và các đối tác. Tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ, hợp tác quý báu và thường xuyên của quý vị cổ đông, quý khách hàng và đối tác. Chúng tôi tin tưởng và cam kết sẽ nỗ lực thực hiện thành công các mục tiêu kinh doanh theo chiến lược phát triển đã đặt ra để xứng đáng với niềm tin mà quý vị cổ đông và quý khách hàng đã và sẽ tiếp tục dành cho Bảo Việt.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt, tôi xin chúc các quý vị cổ đông, quý khách hàng và đối tác một năm Giáp Ngọ An khang - Thịnh vượng và Bình an.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

LÊ QUANG BÌNH

Sức mạnh niềm tin

Gần nửa thế kỷ phát triển trên con đường thực hiện sứ mệnh của mình, Tập đoàn Bảo Việt luôn cam kết bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích bền vững cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng. Trải qua những thăng trầm, biến động của thị trường, Tập đoàn Bảo Việt đã và đang vững vàng khẳng định vị trí hàng đầu trên thị trường tài chính - bảo hiểm Việt Nam.

Ông Dương Đức Chuyển
Tổng Giám đốc



1.654

Tỷ đồng

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2013

1.192

Tỷ đồng

Công ty Mẹ

Lợi nhuận trước thuế năm 2013

15%

Công ty Mẹ

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2013

150

Tỷ đồng

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Tiết giảm chi phí năm 2013

Kính thưa Quý khách hàng, đối tác và Quý vị cổ đông,

Năm 2013, nền kinh tế vĩ mô đã có dấu hiệu ổn định hơn tuy nhiên đà phục hồi vẫn còn khá chậm. GDP tăng trưởng ở mức thấp, đạt 5,42%. Đây là năm thứ hai liên tiếp GDP Việt Nam tăng trưởng thấp nhất trong vòng 13 năm qua. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GDP giảm, mặt bằng lãi suất giảm khá mạnh, thị trường chứng khoán còn nhiều bất ổn, thị trường bất động sản tiếp tục ảm đạm. Trong bối cảnh đó, Bảo Việt vẫn kiên trì thực hiện các giải pháp chiến lược nhằm tạo nền tảng cho sự tăng trưởng và phát triển bền vững trong các lĩnh vực kinh doanh, mang lại lợi ích tối đa cho khách hàng, đối tác và cổ đông.

Tăng trưởng ổn định vượt qua khó khăn

Năm 2013 là năm bản lề của kế hoạch chiến lược 5 năm 2011 - 2015. Với chiến lược "mở rộng tầm nhìn" nhằm tập trung tìm kiếm, khai thác và nắm bắt các cơ hội của thị trường, đồng thời đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm, nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động của hệ thống phân phối, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, vượt qua những khó khăn, thách thức của thị trường, Bảo Việt vẫn đạt được sự tăng trưởng ổn định về doanh thu, lợi nhuận.

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2013 toàn Tập đoàn đạt 17.096 tỷ đồng, hoàn thành 103,6% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đã thông qua, tăng trưởng 6,8% so với năm 2012. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.234 tỷ đồng.

Công ty Mẹ đạt doanh thu 1.352 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 1.192 tỷ đồng, hoàn thành 102,7% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.104 tỷ đồng, hoàn thành 100,1% kế hoạch, tăng trưởng 2,1% so với năm 2012. Với mức tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ đạt 16,2%, Tập đoàn Bảo Việt dự kiến đảm bảo tỷ lệ cổ tức cam kết với cổ đông là 15%.

Năm 2013, thực hiện chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của Bộ Tài chính về tiết giảm chi phí, Tập đoàn Bảo Việt đã ký cam kết, triển khai các biện pháp tiết kiệm trong toàn hệ thống và hoàn thành mục tiêu tiết giảm 150 tỷ đồng.

DUY TRÌ TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG TRÊN CÁC LĨNH VỰC

Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tiếp tục khẳng định vị trí số 1 trên thị trường với 23,1% thị phần

Năm 2013, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề từ việc cắt giảm đầu tư công, thiên tai, hỏa hoạn khiến thị trường bảo hiểm phi nhân thọ gặp nhiều khó khăn, Bảo Việt vẫn khẳng định vị trí dẫn đầu thị trường với doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 5.673 tỷ đồng, tăng 5,4% so với năm 2012. Tổng doanh thu đạt 6.646 tỷ đồng, tăng trưởng 3,9% so với năm 2012 và duy trì được mức lãi thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Lợi nhuận trước thuế đạt 398 tỷ đồng.

Trong năm 2013, Bảo Việt tập trung phát triển các sản phẩm cá nhân, đẩy mạnh phát triển các kênh đại lý, mở rộng kênh bancassurance, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, đẩy mạnh hoạt động của trung tâm dịch vụ khách hàng, đồng thời kiện toàn mô hình tổ chức bộ máy theo định hướng khách hàng và đẩy mạnh chuyển đổi mô hình kinh doanh theo định hướng tập trung để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ tăng trưởng mạnh trong năm 2013 với doanh thu khai thác mới thực thu đạt 1.459 tỷ đồng, tăng 24%

Tổng doanh thu từ hoạt động bảo hiểm nhân thọ đạt 8.482 tỷ đồng, tăng trưởng 15,8% so với năm 2012; trong đó doanh thu khai thác mới thực thu đạt 1.459 tỷ đồng, tăng trưởng 24% so với năm 2012. Lợi nhuận trước thuế đạt 703 tỷ đồng, tăng trưởng 1,3% so với năm 2012.

6.646

Tỷ đồng

BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Tổng doanh thu năm 2013



3,9%

1.459

Tỷ đồng

BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Doanh thu khai thác mới thực thu năm 2013



24%

20.257

Tỷ đồng

QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Tổng tài sản quản lý quỹ năm 2013



12%

86

Tỷ đồng

CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Lợi nhuận trước thuế năm 2013



11%

536

Tỷ đồng

NGÂN HÀNG BẢO VIỆT

Tổng thu nhập hoạt động năm 2013



25%

204

Tỷ đồng

ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Tổng doanh thu năm 2013



22%

Việc tập trung vào nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa các hình thức chăm sóc khách hàng; hoàn thiện và triển khai áp dụng thành công mô hình quản lý tập trung trong toàn hệ thống; nâng cao trình độ, tính chuyên nghiệp của đội ngũ đại lý, tư vấn viên; nâng cao năng suất của hệ thống kênh phân phối mới đã giúp Bảo Việt tạo ra những thành tựu ấn tượng trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ trong năm 2013.

Quý Đầu tư cổ phiếu năng động Bảo Việt ra đời đánh dấu cột mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Bảo Việt trong lĩnh vực quản lý quỹ, đầu tư tài sản

Năm 2013 đã đánh dấu sự ra đời của một thể hệ quỹ đầu tư mới là quỹ mở và đây được coi là một bước ngoặt cho sự phát triển của ngành quản lý quỹ tại Việt Nam. Không nằm ngoài xu thế vận động của thị trường, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã cho ra mắt sản phẩm Quỹ Đầu tư cổ phiếu năng động Bảo Việt (BVFED) vào tháng 11 năm 2013. Đây là lần đầu tiên Công ty phát triển một sản phẩm hướng tới đối tượng khách hàng đại chúng, nhằm cung cấp cho khách hàng những sản phẩm đầu tư đa dạng, góp phần nâng cao uy tín và hình ảnh của Công ty.

Với kinh nghiệm quản lý nguồn vốn lớn và dài hạn, cùng khả năng cung cấp các dịch vụ tài chính đa dạng, trọn gói theo chuẩn mực quốc tế, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã và đang khẳng định được vị thế là một trong những nhà đầu tư tài chính chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam.

Với tổng tài sản quản lý là 20.257 tỷ đồng, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt trở thành đơn vị dẫn đầu thị trường về tổng tài sản quản lý. Tổng doanh thu của Công ty đạt 49 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 16 tỷ đồng.

Khẳng định thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán năm 2013 diễn biến phức tạp, Công ty

Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) đã đạt được kết quả kinh doanh đáng ghi nhận với tổng doanh thu cả năm đạt 207 tỷ đồng, bằng 112,7% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 86 tỷ đồng, bằng 110,7% kế hoạch, tăng trưởng 11% so với năm trước. Năm 2013, BVSC tiếp tục lọt vào TOP những công ty chứng khoán có thị phần môi giới dẫn đầu trên cả hai sàn HOSE, HNX, đồng thời được tặng danh hiệu Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất trong giai đoạn 2009 - 2013. BVSC cũng là 1 trong 6 công ty chứng khoán được vinh danh thành viên tiêu biểu HNX năm 2013. Việc chú trọng đầu tư cải tiến hệ thống công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng và dịch vụ khách hàng, tăng cường quản trị rủi ro, tập trung phát triển các dịch vụ môi giới, tư vấn, bảo lãnh phát hành, lưu ký đã giúp BVSC khẳng định được thương hiệu cũng như uy tín của công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường.

Ngân hàng Bảo Việt hoạt động ổn định với chiến lược tăng trưởng thận trọng, vững chắc

Năm 2013, trong bối cảnh toàn hệ thống ngân hàng thực hiện quá trình tái cơ cấu, tăng trưởng tín dụng thấp so với mục tiêu Ngân hàng Nhà nước đề ra, nợ xấu gia tăng..., Ngân hàng Bảo Việt kiên trì thực hiện chiến lược tăng trưởng thận trọng, vững chắc, do đó, kết quả các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh đều tăng trưởng vượt kế hoạch, đảm bảo chất lượng, an toàn, hiệu quả. Tổng huy động đạt 13.383 tỷ đồng, bằng 137,4% kế hoạch, tăng 37% so với năm 2012. Tổng cho vay khách hàng đạt 7.957 tỷ đồng, tăng 11,2% so với 2012. Tổng thu nhập hoạt động đạt 536 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2012. Lợi nhuận sau thuế đạt 106 tỷ đồng, hoàn thành 147,2% kế hoạch, tăng 16,4% so với năm 2012.

Mô hình cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự quản lý, công tác quản lý rủi ro tiếp tục được chuẩn hóa, kiện toàn sâu rộng. Ngân hàng Bảo Việt tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, và từng bước xây dựng

thương hiệu một ngân hàng chuyên nghiệp với chất lượng dịch vụ uy tín, mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng, tạo niềm tin nơi khách hàng khi giao dịch với ngân hàng.

Lĩnh vực đầu tư, quản lý bất động sản duy trì hoạt động hiệu quả

Năm 2013, nền kinh tế tiếp tục trầm lắng gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Đầu tư Bảo Việt nói riêng. Trên thị trường, đã có rất nhiều các doanh nghiệp phải đóng cửa ngừng hoạt động hoặc giải thể. Trong bối cảnh thị trường gặp nhiều thách thức như vậy, Công ty Đầu tư Bảo Việt đã chủ động điều chỉnh kế hoạch triển khai các dự án đầu tư, tập trung nguồn lực vào các dự án trọng điểm, đẩy mạnh hoạt động quản lý tòa nhà, dịch vụ bất động sản, và đã đạt được những kết quả khả quan. Tổng doanh thu của Công ty năm 2013 đạt 204 tỷ đồng, tăng trưởng 22% so với năm 2012. Lợi nhuận trước thuế đạt 21 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

NỀN TẢNG CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 2013, bên cạnh việc triển khai các giải pháp kinh doanh về mở rộng, phát triển thị trường, phát triển các sản phẩm, dịch vụ, phát triển kênh phân phối mới, Tập đoàn Bảo Việt chú trọng đẩy mạnh chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh theo định hướng tập trung dựa trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin, đồng thời hoàn thiện và chuẩn hóa mô hình quản trị theo thông lệ tiên tiến. Đây là nhân tố then chốt giúp Tập đoàn Bảo Việt duy trì được đà tăng trưởng bền vững trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động, tiềm ẩn nhiều rủi ro và bất ổn.

Chuyên môn hóa và chuyên nghiệp hóa - con đường dẫn tới thành công

Là một tập đoàn tài chính - bảo hiểm, Bảo Việt luôn đặt chất lượng

sản phẩm, dịch vụ lên hàng đầu. Với phương châm đó, Bảo Việt đã thực hiện chuyển biến mạnh mẽ trong chất lượng dịch vụ khách hàng, chú trọng khách hàng cá nhân; cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính kết hợp; phát triển lĩnh vực kinh doanh mới. Trong năm 2013, Bảo Việt đẩy mạnh chuyển đổi mô hình kinh doanh theo hướng tập trung hóa các hoạt động hỗ trợ kinh doanh và phân tán hoạt động khai thác, bán hàng, dịch vụ khách hàng, ưu tiên nguồn lực phát triển lực lượng bán hàng và dịch vụ khách hàng tại tất cả các đơn vị thành viên trong toàn hệ thống, qua đó góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh, giúp Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trên thị trường bảo hiểm Việt Nam. Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng tập trung khai thác các thị trường trọng điểm, phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới chất lượng, mang lại hiệu quả cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của khách hàng.

Mô hình quản trị tiên tiến khẳng định vai trò điều phối hạt nhân của Công ty Mẹ

Nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp luôn là một trong những yếu tố được chú trọng hàng đầu của Tập đoàn Bảo Việt trong nhiều năm qua. Trong năm 2013, Bảo Việt tập trung hoàn thiện hệ thống các quy chế quản trị nội bộ theo đó xác định rõ vai trò của Công ty Mẹ với vai trò chủ sở hữu, cổ đông góp vốn chi phối đối với các công ty con. Phân định rõ và nâng cao vai trò, trách nhiệm HĐQT, Tổng Giám đốc và những đại diện vốn trong thực hiện các chủ trương, định hướng phát triển của Tập đoàn với công ty con. Hệ thống các quy chế quản trị xuyên suốt liên quan tới các lĩnh vực chức năng trong Tập đoàn cũng đang được rà soát, hoàn thiện để ban hành như quy chế Đại diện vốn, Đầu tư tài chính, Thương hiệu, Công nghệ thông tin, Kiểm toán nội bộ... Hệ thống quản trị được phân định rõ ràng về quyền và trách nhiệm sẽ giúp nâng cao hiệu quả của việc chỉ đạo điều hành của Công ty Mẹ cũng sự như phối hợp của các đơn vị trong tập đoàn.

Nâng cao năng lực tài chính cho các lĩnh vực then chốt

Năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành tăng vốn điều lệ cho hai đơn vị kinh doanh chủ chốt là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt lên 2.000 tỷ đồng và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ lên 2.000 tỷ đồng nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của các đơn vị trong thị trường nội địa và tiến gần hơn tới những tiêu chuẩn quốc tế về năng lực tài chính. Với số vốn được tăng thêm, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ đã trở thành hai doanh nghiệp bảo hiểm có vốn điều lệ lớn nhất trên thị trường bảo hiểm nhân thọ và thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, góp phần nâng cao tầm vóc, uy tín và hình ảnh của doanh nghiệp trên thị trường.

Xây dựng mô hình hoạt động công nghệ thông tin (CNTT) theo hướng dịch vụ

Trong năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành rà soát, đánh giá và cơ cấu lại mô hình tổ chức và quản lý CNTT theo hướng dịch vụ, phân định rõ trách nhiệm và vai trò của các bên tham gia, gắn kết chặt chẽ CNTT với hoạt động kinh doanh nhằm đẩy nhanh tiến độ các dự án CNTT, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động kinh doanh. Quá trình tái cơ cấu hoạt động CNTT sẽ tiếp tục được triển khai, hoàn thiện trong năm 2014, 2015.

Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng CNTT tiếp tục được hoàn thiện với việc nâng cấp Trung tâm dữ liệu, nâng cấp các hệ thống hạ tầng CNTT nhằm đáp ứng nhu cầu gia tăng của hoạt động kinh doanh.

Nâng cao chất lượng công tác quản lý rủi ro, kiểm toán nội bộ, thực hiện đầu tư an toàn và hiệu quả

Trong bối cảnh thị trường tài chính tiền tệ có nhiều biến động, Bảo Việt tăng cường hoạt động quản lý rủi ro, đặc biệt chú trọng vào công tác quản

lý rủi ro tín dụng và rủi ro thị trường. Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng chú trọng công tác kiểm toán nội bộ để hỗ trợ cho công tác quản trị, điều hành kinh doanh của lãnh đạo các cấp.

Trong hoạt động đầu tư, Bảo Việt thường xuyên thực hiện đánh giá, bám sát diễn biến của thị trường để đưa ra các định hướng, chính sách, kế hoạch đầu tư trong toàn hệ thống, thực hiện đầu tư theo nguyên tắc an toàn, hiệu quả, phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh và tính chất nguồn vốn của từng đơn vị, đồng thời chủ động tìm kiếm cơ hội nâng cao hiệu quả đầu tư.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Trong năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thiện các chính sách, quy chế quy định về quản trị nhân sự trong toàn hệ thống; xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa giữa người lao động và người sử dụng lao động nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động. Việc kiện toàn và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp được triển khai bài bản theo đúng quy trình. Công tác đào tạo huấn luyện đội ngũ cán bộ nhất là cán bộ quản lý, cán bộ diện quy hoạch và cán bộ trực tiếp kinh doanh; công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực đội ngũ bán hàng, phát triển kinh doanh cũng được tập trung đẩy mạnh triển khai.

NĂM 2014 - SỨC MẠNH NIỀM TIN

Những thành quả gặt hái được trong năm 2013 nói riêng và trong gần nửa thế kỷ qua là nhờ sự cố gắng, là trí tuệ, là tâm huyết của biết bao thế hệ cán bộ, đại lý, tư vấn viên đã gắn bó đồng hành cùng Bảo Việt.

Hướng tới năm 2014, Bảo Việt sẽ phát triển nhanh hơn, bền vững hơn. Sức

mạnh tổng thể của toàn hệ thống sẽ tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trong tăng trưởng doanh thu và hiệu quả, khẳng định sự chuyên nghiệp và chất lượng dịch vụ hàng đầu, giúp Bảo Việt giữ vững vị trí số 1 trên thị trường tài chính - bảo hiểm. Để đạt được mục tiêu này, Bảo Việt sẽ tập trung thực hiện các nhóm giải pháp sau:

- Phát triển thương hiệu, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ chất lượng; tập trung phát triển thị trường trọng điểm, tăng cường hợp tác nội bộ, bán chéo sản phẩm để thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững và phát triển thị phần;

- Hoàn thiện cơ chế quản trị, cơ chế phối hợp xuyên suốt trong toàn hệ thống, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường luân chuyển cán bộ nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực trong Tập đoàn;

- Kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động CNTT để cung cấp dịch vụ CNTT kịp thời, hiệu quả, đáp ứng hoạt động quản lý, kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên;

- Đẩy mạnh hợp tác với cổ đông chiến lược Sumitomo Life thông qua Dự án TSCTA để phát huy kiến thức, kinh nghiệm, công nghệ của Sumitomo Life giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của Tập đoàn và các đơn vị thành viên;

- Tăng cường quản lý rủi ro, thực hiện đầu tư an toàn, hiệu quả, bám sát diễn biến thị trường;

- Thực hiện tiết kiệm, tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động;

- Tăng cường hoạt động truyền thông, đổi mới hình ảnh, thúc đẩy kinh doanh và tổ chức các hoạt động nội bộ nhân kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt.

Tôi tin tưởng rằng mỗi cán bộ Bảo Việt với tài năng và tâm huyết của mình sẽ tạo ra bước đột phá trong việc cung

cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính bảo hiểm trọn gói, linh hoạt, mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp và giá trị cho cổ đông.

Nền kinh tế đang dần hồi phục sau cú sốc khủng hoảng năm 2008, thu nhập người dân đang tăng, song tỷ lệ thâm nhập thị trường bảo hiểm so với GDP mới chỉ đạt 1,8%. Chúng ta sẽ nắm bắt cơ hội này để cùng sát cánh bên nhau thực hiện thành công kế hoạch kinh doanh năm 2014, hướng tới thực hiện thành công chiến lược đến năm 2015, đưa Bảo Việt trở thành Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, có tiềm lực tài chính vững mạnh, từng bước hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới dựa trên ba trụ cột: bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính.

Thay mặt cho Ban Điều hành, tôi trân trọng cảm ơn các Quý cổ đông, Quý khách hàng, nhà đầu tư, đối tác, các cơ quan quản lý Nhà nước và toàn thể cán bộ nhân viên trong hệ thống Bảo Việt đã luôn đồng hành, hỗ trợ chúng tôi trong suốt thời gian qua và rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ trong thời gian tới để đưa Bảo Việt ngày càng phát triển bền vững và thịnh vượng.

Kính chúc toàn thể Quý vị mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn./.

Tổng Giám đốc



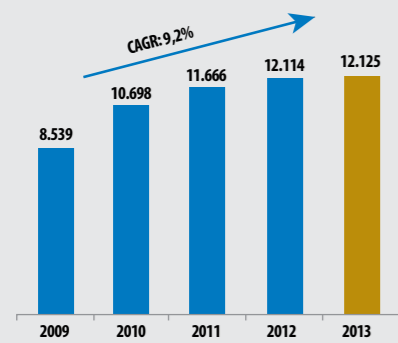
DƯƠNG ĐỨC CHUYỂN

CÁC CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN (KPIs) 2009 - 2013

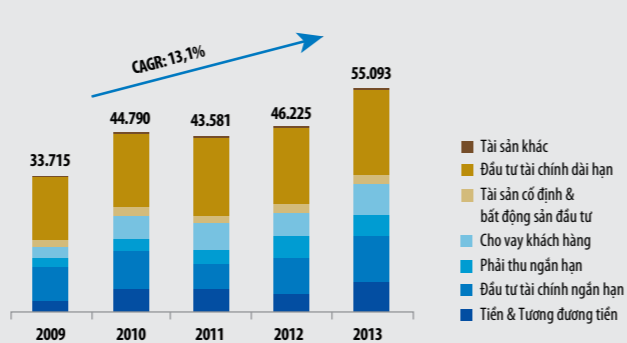
HỢP NHẤT

Đơn vị: Tỷ đồng

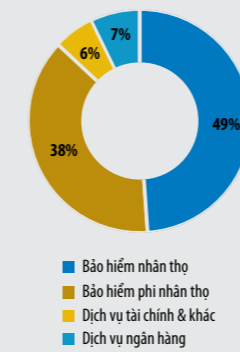
Vốn chủ sở hữu



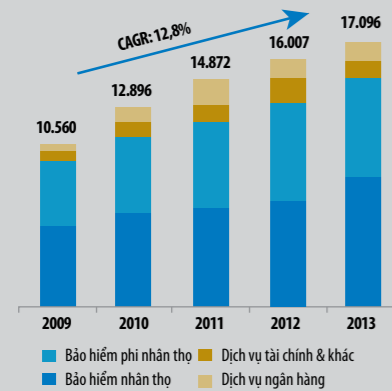
Tổng tài sản



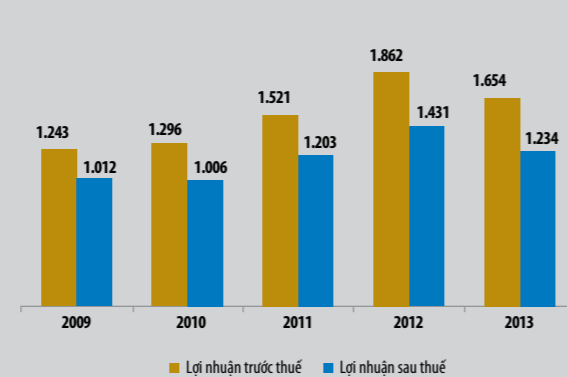
Cơ cấu doanh thu 2013



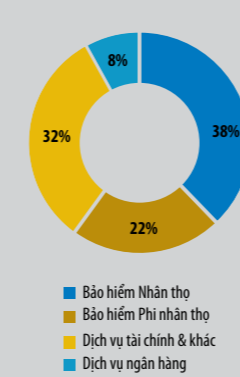
Tổng doanh thu



Lợi nhuận



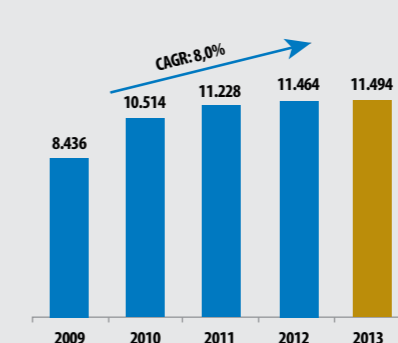
Cơ cấu LNTT 2013



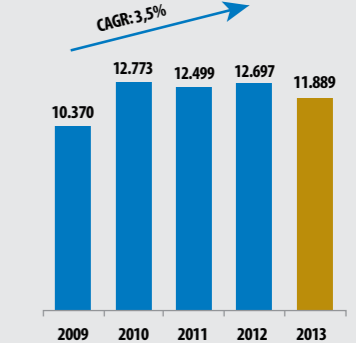
CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Đơn vị: Tỷ đồng

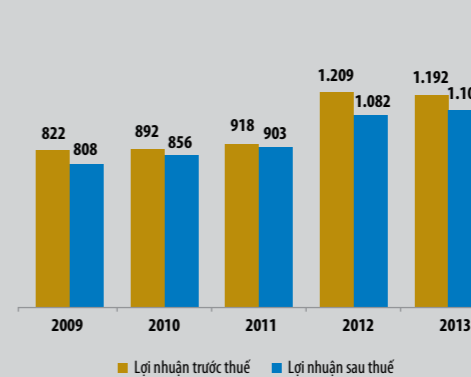
Vốn chủ sở hữu



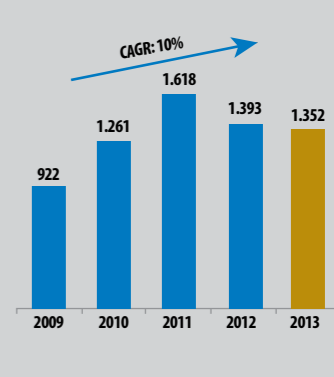
Tổng tài sản



Lợi nhuận



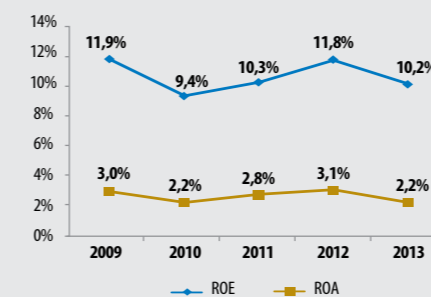
Tổng doanh thu



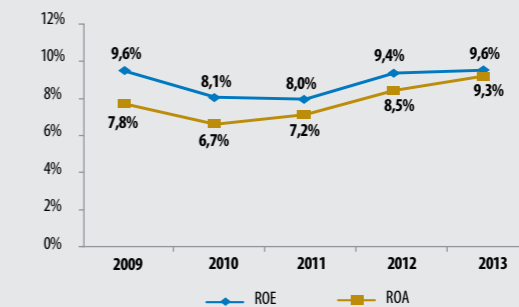
Chỉ tiêu	Hợp nhất	Công ty Mẹ	Bảo hiểm Bảo Việt	Bảo Việt Nhân thọ	Quản lý Quỹ Bảo Việt	Ngân hàng Bảo Việt	Chứng khoán Bảo Việt	Đầu tư Bảo Việt
Tổng tài sản	55.093	11.889	6.834	26.648	63	16.788	1.793	378
Vốn chủ sở hữu	12.125	11.494	2.078	2.212	55	3.184	1.212	226
Tổng doanh thu	17.096	1.352	6.646	8.482	49	1.213	207	204
Lợi nhuận trước thuế	1.654	1.192	398	703	16	142	86	21
Lợi nhuận sau thuế	1.234	1.104	297	529	13	106	86	15

CAGR: Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2009 - 2013

Tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu (ROE) LNST/ tổng tài sản (ROA)



Tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu (ROE) LNST/ tổng tài sản (ROA)



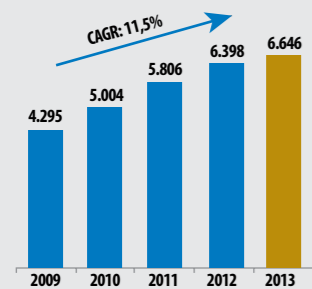
CÁC CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN (KPIs) 2009 - 2013

ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

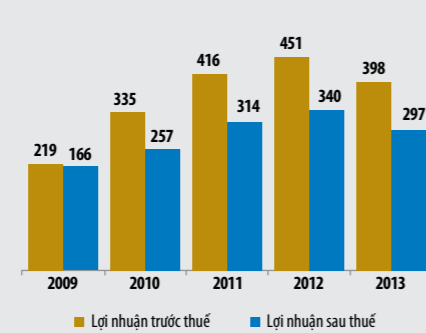
Đơn vị: Tỷ đồng

Bảo hiểm Bảo Việt

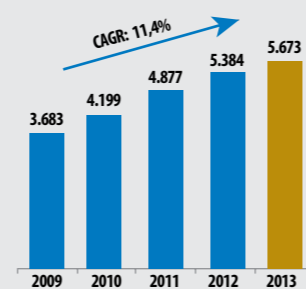
Tổng doanh thu



Lợi nhuận

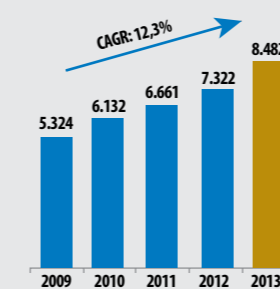


Doanh thu phí BH gốc

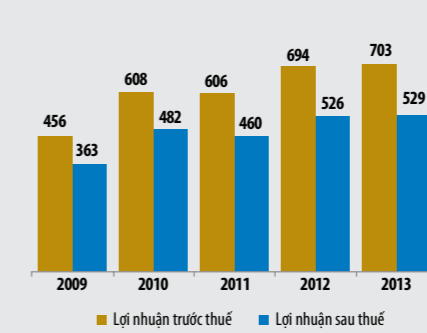


Bảo Việt Nhân thọ

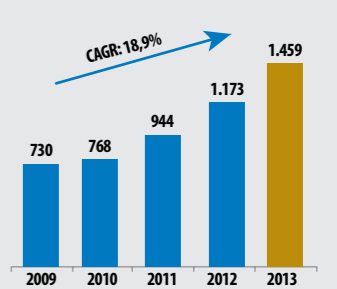
Tổng doanh thu



Lợi nhuận

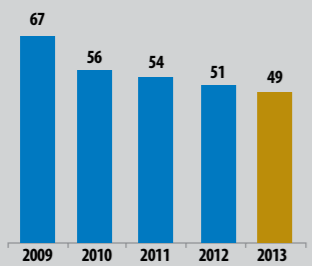


Doanh thu khai thác mới

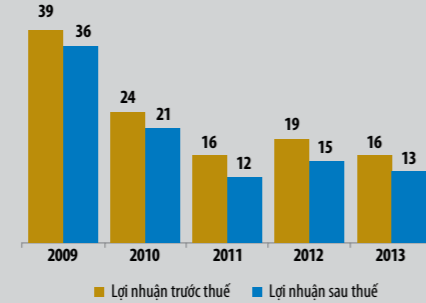


Quản lý Quỹ Bảo Việt

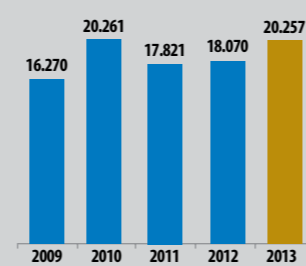
Tổng doanh thu



Lợi nhuận

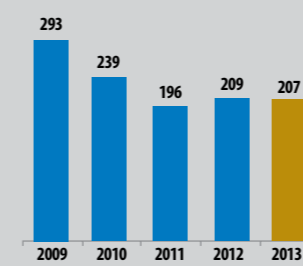


Tổng tài sản quản lý

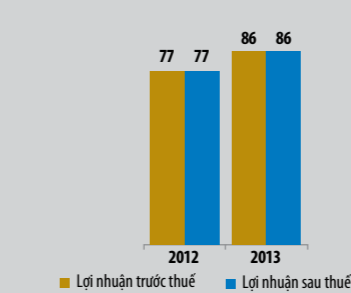


Chứng khoán Bảo Việt

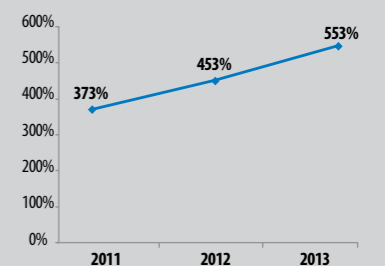
Tổng doanh thu



Lợi nhuận

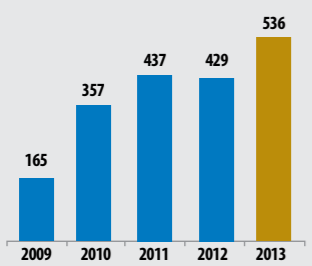


Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng

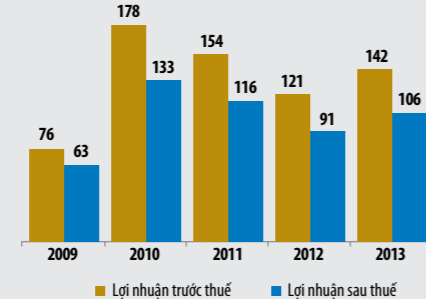


Ngân hàng Bảo Việt

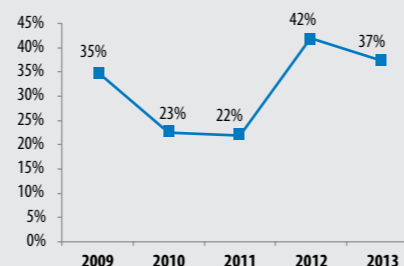
Tổng thu nhập hoạt động



Lợi nhuận

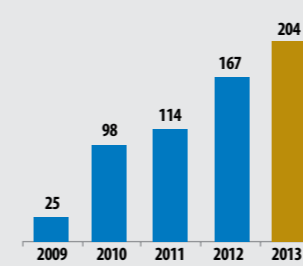


Tỷ lệ an toàn vốn

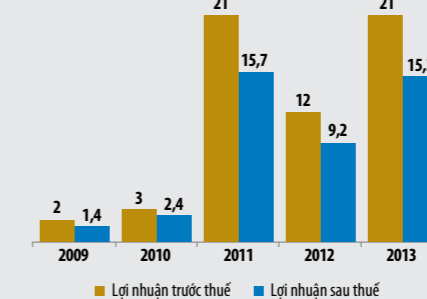


Đầu tư Bảo Việt

Tổng doanh thu



Lợi nhuận



CAGR: Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2009 - 2013

10 SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2013

Hoàn thành kế hoạch kinh doanh, đảm bảo thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo kế hoạch đề ra

Tập đoàn Bảo Việt hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh đã đặt ra, đạt 104% kế hoạch doanh thu và 99% kế hoạch lợi nhuận. Đảm bảo việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo kế hoạch đã được ĐHCĐ đề ra.

1



Bảo Việt và cổ đông chiến lược Sumitomo Life chính thức ký kết Kế hoạch triển khai Thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực (TSCTA) Giai đoạn I

Bảo Việt và Sumitomo Life chính thức ký kết Kế hoạch triển khai TSCTA Giai đoạn I và Sumitomo Life sẽ tập trung hỗ trợ cho Bảo Việt ở lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ; bảo hiểm phi nhân thọ và quản lý rủi ro.

2



3



4



5



6



Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt lần đầu tiên ra mắt Quỹ mở và hướng tới nhà đầu tư cá nhân

Quỹ BVFED là quỹ mở đầu tiên trên thị trường lựa chọn chiến lược đầu tư chủ động, nhằm vận dụng thế mạnh của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt trong dự báo xu hướng thị trường để đưa ra quyết định về tỷ trọng các tài sản đầu tư trong danh mục, giúp tối đa hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư.

7



Thương vụ Bảo Việt - HSBC được bình chọn là "Thương vụ phát hành riêng lẻ tiêu biểu nhất 2009-2013", Chứng khoán Bảo Việt được vinh danh là "Công ty tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009-2013"

Diễn đàn M&A Việt Nam 2013 do Báo Đầu tư tổ chức đã bình chọn Thương vụ Bảo Việt - HSBC là "Thương vụ phát hành riêng lẻ tiêu biểu nhất 2009 - 2013; Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC), đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt, được vinh danh là "Công ty tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009 - 2013".

8



Báo cáo thường niên và Báo cáo phát triển bền vững của Bảo Việt đạt nhiều giải thưởng cao trong nước và quốc tế

Giải Đặc biệt Báo cáo Thường niên và Giải nhì Báo cáo phát triển bền vững trong cuộc bình chọn báo cáo thường niên năm 2012 do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh và báo Đầu tư Chứng khoán tổ chức

Giải Vàng cho Báo cáo thường niên tốt nhất trong Ngành và Giải Bạc cho Báo cáo Phát triển bền vững do Hiệp hội Truyền thông Chuyên nghiệp Hoa Kỳ (LACP) tổ chức.

9



Bảo Việt đạt nhiều danh hiệu, giải thưởng danh giá

Tập đoàn Bảo Việt được bình chọn thuộc Top 10 Nhân hiệu nổi tiếng, Top 10 Doanh nghiệp Sao vàng Đất Việt tiêu biểu về trách nhiệm xã hội và Thương hiệu đầu ngành Sao Vàng đất Việt; Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam (Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn); Doanh nghiệp nhà nước duy nhất công bố đầy đủ các nội dung thuộc phạm vi khảo sát về tính minh bạch của khu vực doanh nghiệp nhà nước do Ngân hàng Thế giới (WB) công bố.

10



Hiện thực hóa Chiến lược phát triển bền vững thông qua tài trợ cho các dự án an sinh xã hội và tổ chức các chuỗi sự kiện về môi trường và cộng đồng như Bảo Việt GoGreen; Khăn áo ấm mùa đông, Hiến máu tình nguyện

Triển khai các hoạt động an sinh xã hội chương trình an sinh xã hội, "Baoviet Go Green" nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường, Chuỗi hoạt động "Khăn áo ấm mùa đông" mang thương yêu đến với bà con vùng cao, Hiến máu tình nguyện với thông điệp "Bảo Việt - Vì những niềm tin của Bạn".

10 DANH HIỆU GIẢI THƯỞNG

TIÊU BIỂU NĂM 2013

TOP 50 công ty niêm yết tốt nhất tại Việt Nam do Forbes bình chọn

Theo Forbes Việt Nam, danh sách được xây dựng không dựa trên tiêu chí quy mô của doanh nghiệp mà dựa trên phương pháp xếp hạng công ty của Tạp chí Forbes, có cân nhắc đến đặc thù các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam. Dữ liệu sử dụng để đánh giá dựa trên báo cáo tài chính có kiểm toán của ba năm liên tiếp, năm tài chính gần nhất kết thúc ngày 31/12/2012.



Một trong 19 thương hiệu đầu ngành Sao Vàng đất Việt 2013

Thương hiệu Bảo Việt đã có gần nửa thế kỷ phát triển tại Việt Nam và là một trong những thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính, có mặt tại tất cả các tỉnh thành trên cả nước. Triết lý kinh doanh, các đặc trưng văn hoá, tinh thần thái độ của cán bộ trong phục vụ khách hàng, trong đổi mới và phát triển nội bộ doanh nghiệp đều thể hiện nét đẹp và hồn thương hiệu Bảo Việt.

World Finance Insurance Awards 2013

Bảo Việt là doanh nghiệp Việt Nam duy nhất được vinh danh trong cả lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ. Giải thưởng do Tạp chí World Finance bình chọn - đây là tạp chí hàng đầu về tài chính, xuất bản bởi World News Media (trụ sở chính tại Luân Đôn).



TOP 10 Doanh nghiệp Sao Vàng đất Việt 2013 tiêu biểu về trách nhiệm xã hội

Là một trong những Tập đoàn tài chính bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, chiến lược phát triển của Bảo Việt tập trung thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế ổn định, bền vững kết hợp với các mục tiêu xã hội và môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

Thương vụ Bảo Việt - HSBC được bình chọn là "Thương vụ phát hành riêng lẻ tiêu biểu nhất 2009-2013", Chứng khoán Bảo Việt được vinh danh là "Công ty tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009-2013"

Diễn đàn M&A Việt Nam 2013 do Báo Đầu tư tổ chức đã bình chọn Thương vụ Bảo Việt - HSBC là "Thương vụ phát hành riêng lẻ tiêu biểu nhất 2009-2013; BVSC được vinh danh là "Công ty tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009 - 2013".



TOP 50 doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và phát triển cộng đồng

Chương trình do Tạp chí Kinh tế và Dự báo - Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng các doanh nghiệp trong công tác thực hiện trách nhiệm an sinh xã hội, đồng thời, quảng bá và tuyên truyền các doanh nghiệp điển hình trong việc tổ chức các chương trình an sinh xã hội hiệu quả và sáng tạo, mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng.

Giải Vàng cho Báo cáo thường niên tốt nhất trong Ngành, Giải Bạc cho Báo cáo phát triển bền vững do Hiệp hội Truyền thông chuyên nghiệp Hoa Kỳ - LACP trao

Vượt qua 6.000 báo cáo dự thi của các doanh nghiệp đến từ nhiều quốc gia trên thế giới, Tập đoàn Bảo Việt đã vinh dự giành 03 giải thưởng do Hiệp hội Truyền thông chuyên nghiệp Hoa Kỳ (League of American Communication Professionals-LACP) bình chọn, bao gồm: Giải Vàng cho Báo cáo thường niên tốt nhất trong Ngành và Top 10 Báo cáo thường niên Việt Nam tốt nhất, giải Bạc cho Báo cáo phát triển bền vững.

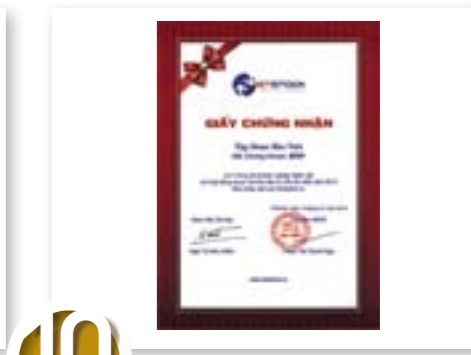
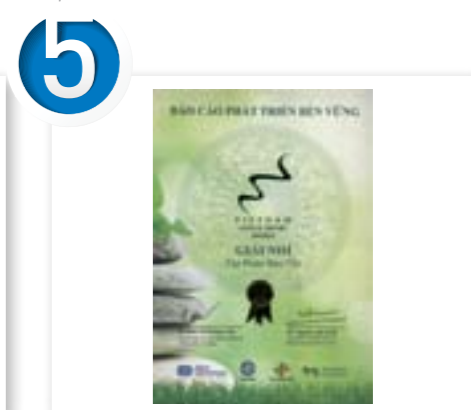


Tập đoàn Bảo Việt được xếp vào TOP 10 Nhân hiệu nổi tiếng Việt Nam 2013; Công ty Chứng khoán Bảo Việt được vinh danh trong TOP 50 nhân hiệu nổi tiếng Việt Nam trong chương trình "Tư vấn và bình chọn nhân hiệu cạnh tranh - nổi tiếng Việt Nam"

Đây là chương trình thường niên của Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam, các doanh nghiệp được lựa chọn TOP nhân hiệu nổi tiếng Việt Nam phải đáp ứng các tiêu chí về: Doanh số bán hàng; Mức độ nhận biết của nhân hiệu trên phạm vi toàn quốc; Uy tín rộng rãi của hàng hoá, ...

Giải Đặc biệt Báo cáo thường niên và Giải Nhì Báo cáo phát triển bền vững tại Cuộc Bình chọn Báo cáo thường niên

Vượt qua hơn 600 báo cáo của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam, Báo cáo thường niên (BCTN) của Tập đoàn Bảo Việt (BVH) một lần nữa trao giải Đặc biệt; Báo cáo phát triển bền vững đạt giải Nhì trong Cuộc bình chọn BCTN 2013 do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh và báo Đầu tư Chứng khoán đồng tổ chức. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt - đơn vị thành viên của Tập đoàn, cũng lọt vào Top 30 BCTN tốt nhất.



Bảo Việt thuộc TOP10 doanh nghiệp có hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR) tốt nhất năm 2013

Đây là chương trình khảo sát thường niên được Vietstock thực hiện từ năm 2011 nhằm tôn vinh các doanh nghiệp có hoạt động IR tốt nhất trong năm. Tập đoàn Bảo Việt (mã cổ phiếu BVH) đã vinh dự đứng trong TOP 10 doanh nghiệp có hoạt động IR tốt nhất năm 2013.

TỔNG QUAN

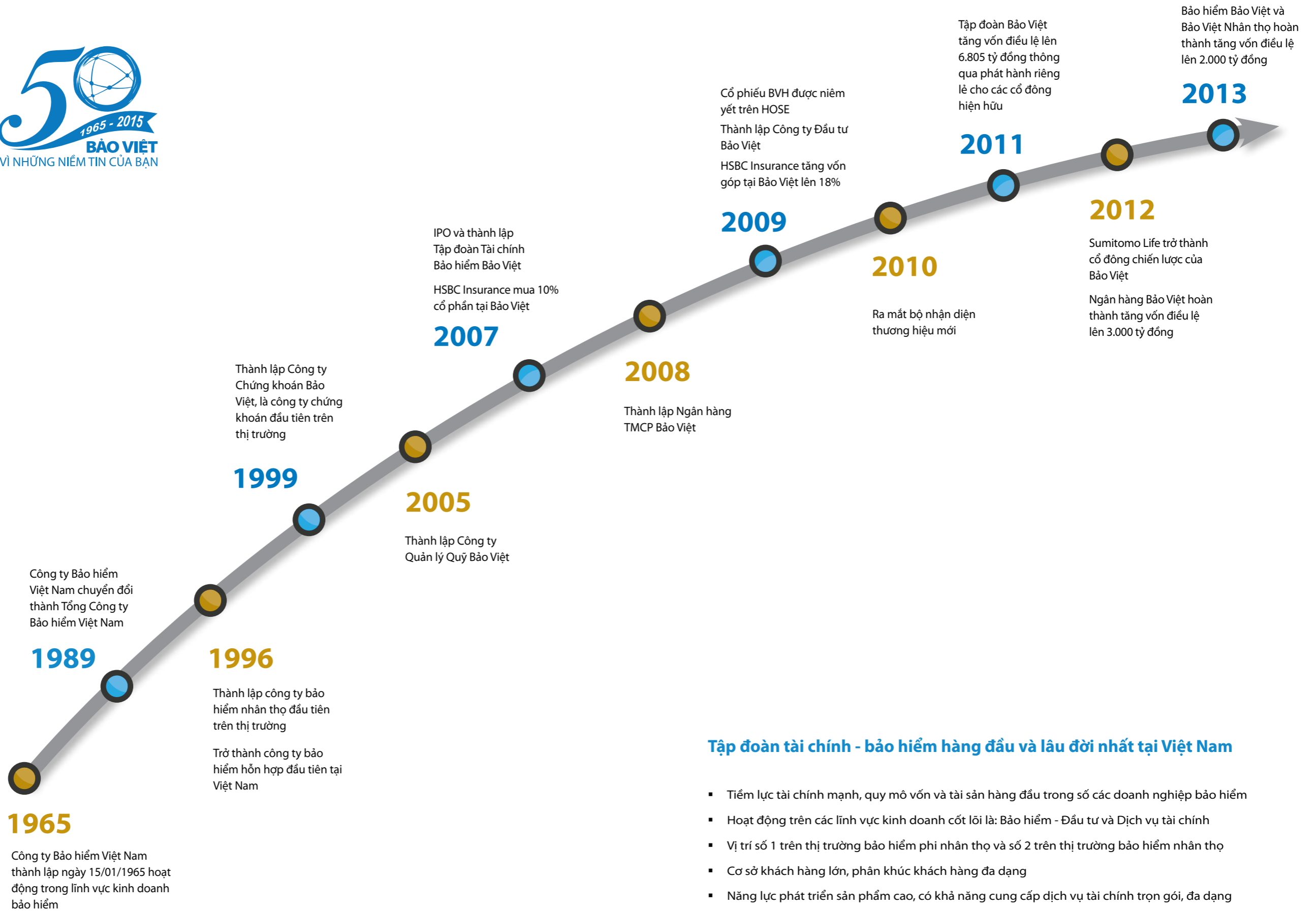
Niềm tin
vững chắc,
cam kết
vững bền

NỬA THẾ KỶ PHÁT TRIỂN CÙNG VIỆT NAM	24
LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	26
CƠ CẤU QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT	28
GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN BAN LÃNH ĐẠO	30
THÔNG TIN VỐN CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	36
THÔNG ĐIỆP CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC	37
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2011-2015	38
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	43



NỬA THẾ KỶ

PHÁT TRIỂN CÙNG VIỆT NAM



Tập đoàn tài chính - bảo hiểm hàng đầu và lâu đời nhất tại Việt Nam

- Tiềm lực tài chính mạnh, quy mô vốn và tài sản hàng đầu trong số các doanh nghiệp bảo hiểm
- Hoạt động trên các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là: Bảo hiểm - Đầu tư và Dịch vụ tài chính
- Vị trí số 1 trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ và số 2 trên thị trường bảo hiểm nhân thọ
- Cơ sở khách hàng lớn, phân khúc khách hàng đa dạng
- Năng lực phát triển sản phẩm cao, có khả năng cung cấp dịch vụ tài chính trọn gói, đa dạng
- Mạng lưới phân phối rộng khắp 63 tỉnh thành tại Việt Nam

LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

LĨNH VỰC KINH DOANH

Tập đoàn Bảo Việt hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100111761, đăng ký lần đầu ngày 15/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08/05/2013.

Tập đoàn Bảo Việt cung cấp các dịch vụ tài chính - bảo hiểm toàn diện, trọn gói, bao gồm: bảo hiểm, ngân hàng, quản lý quỹ, chứng khoán và đầu tư.



Bảo hiểm

Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ: Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; Bảo hiểm hàng không; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm y tế và tai nạn con người; Tải bảo hiểm; Giám định tổn thất...

Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ: Bảo hiểm trọn đời; Bảo hiểm sinh kỳ; Bảo hiểm tử kỳ; Bảo hiểm hỗn hợp; Bảo hiểm liên kết chung...

Kinh doanh tái bảo hiểm.



Đầu tư

Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

Đầu tư, kinh doanh và quản lý bất động sản.



Dịch vụ tài chính

Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán

Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán

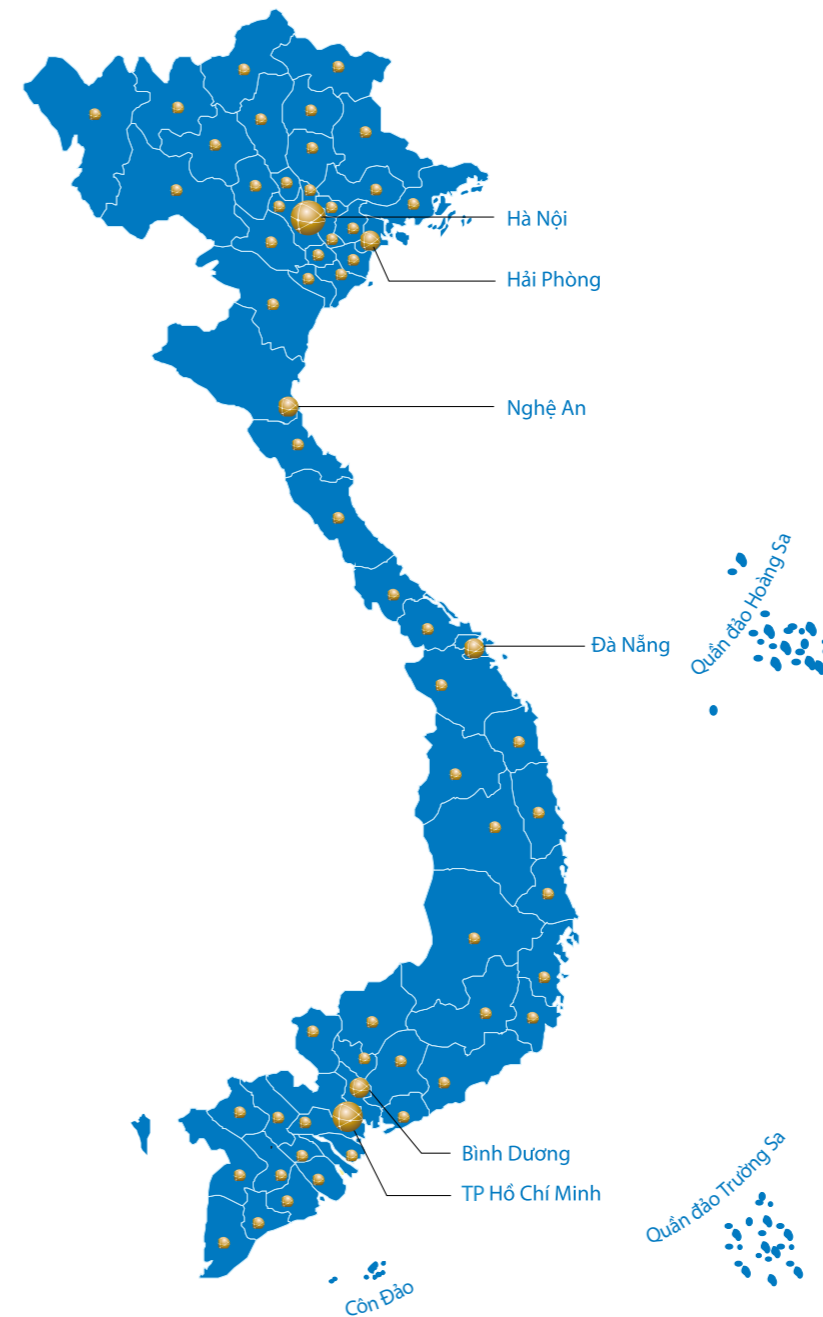
Kinh doanh ngân hàng: hoạt động tín dụng, huy động vốn, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ...

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Mạng lưới

Mạng lưới phân phối rộng khắp các tỉnh thành trên toàn quốc, phục vụ hàng triệu khách hàng với 150 chi nhánh tại 63 tỉnh thành.

400 phòng phục vụ khách hàng của bảo hiểm phi nhân thọ và 300 phòng phục vụ khách hàng của bảo hiểm nhân thọ; trên 40 chi nhánh, phòng giao dịch cung cấp dịch vụ ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ.



Khách hàng

Cơ sở khách hàng lớn trên khắp các tỉnh thành trong cả nước

Phân khúc khách hàng đa dạng (thấp - trung - cao cấp)

Sản phẩm dịch vụ

Dẫn đầu thị trường về danh mục sản phẩm đa dạng

80 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ

50 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ

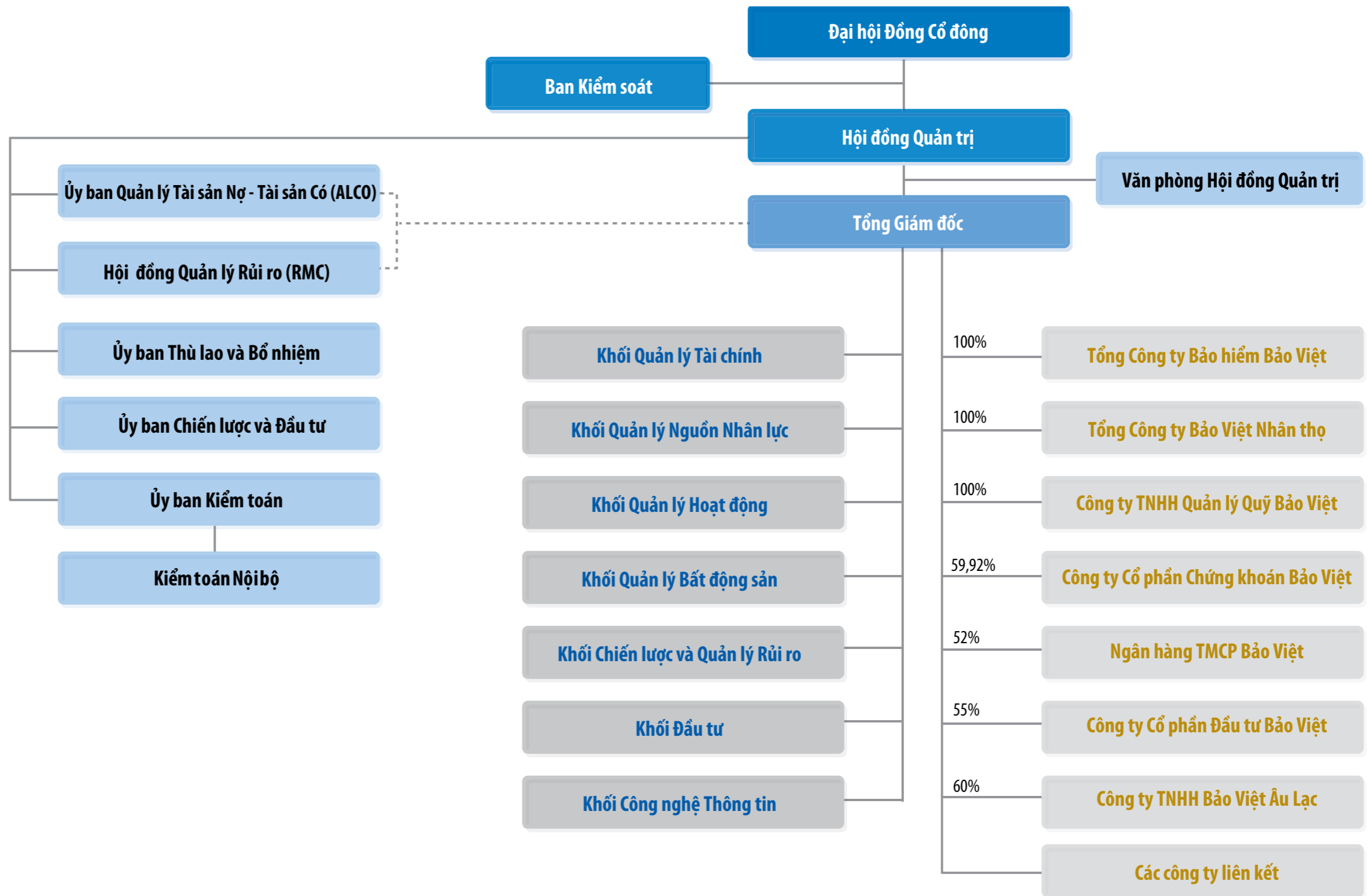
Sản phẩm ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ

Địa bàn trọng điểm

Các đơn vị thành viên đóng trụ sở tại các địa bàn Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nghệ An, Hải Phòng, Bình Dương luôn khẳng định là các đơn vị kinh doanh quan trọng (chiếm trên 10% tổng doanh thu của Bảo Việt).

CƠ CẤU QUẢN TRỊ

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



Cơ cấu quản trị Tập đoàn Bảo Việt cập nhật đến ngày 31/12/2013

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Nhiệm kỳ 2012-2017



1

1. ÔNG LÊ QUANG BÌNH

Chủ tịch HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính, Đại học Tài chính - Kế toán, Hà Nội.

Chức vụ đang đảm nhiệm: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ 2007); Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua: Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm, Bộ Tài chính (2003-2006).

Quốc tịch: Việt Nam



2

2. ÔNG NGUYỄN NGỌC ANH

Phó Chủ tịch HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế - Tài chính, Đại học Tổng hợp Loughborough, Vương Quốc Anh; Cử nhân Kinh tế, Đại học Ngoại thương Hà Nội.

Chức vụ đang đảm nhiệm: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ 11/2012);

Chức vụ công tác đã qua: Phó Vụ trưởng Vụ Tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính, Bộ Tài chính.

Quốc tịch: Việt Nam



3

3. ÔNG DƯƠNG ĐỨC CHUYÊN

Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Hoạch định chính sách công, Đại học Tổng hợp Carleton, Ottawa, Canada; Cử nhân Kinh tế - Tài chính, Đại học Tổng hợp Humboldt Berlin (Đức).

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ 2011); Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt (từ 31/3/2014); Giám đốc Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Bảo Việt; Phụ trách HĐQT Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt - Tokyo Marine.

Chức vụ công tác đã qua: Giám đốc Khối Xây dựng chiến lược Tập đoàn Bảo Việt; Giám đốc điều hành Công ty Bavina (UK) Ltd. Vương quốc Anh.

Quốc tịch: Việt Nam



4

4. NGUYỄN ĐỨC TUẤN

Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Pacific Western, Hoa Kỳ tổ chức; Cử nhân Kinh tế, Đại học Odessa - Liên Xô (cũ).

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ 2007); Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt; Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Quốc tịch: Việt Nam



5

5. ÔNG LÊ HẢI PHONG

Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội; Cử nhân kế toán, Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội.

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ 2012); Giám đốc Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc; Kiểm soát viên trưởng Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt; Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Biển Hải Âu; Thành viên Ban đại diện Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua: Giám đốc Khối Quản lý Bất động sản (kiêm nhiệm); Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt.

Quốc tịch: Việt Nam



6

6. ÔNG TRẦN TRỌNG PHÚC

Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học California Miramar, Hoa Kỳ; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Quốc gia, Hà Nội và Đại học Quản trị kinh doanh Touro, Hoa Kỳ tổ chức; Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Sophia - Bungaria.

Chức vụ đã đảm nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt; Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt (tới ngày 31/03/2014); Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam; Thành viên HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt; Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt; Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.

Quốc tịch: Việt Nam

*Ghi chú:
Ngày 31/3/2014, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt đã quyết định về việc được thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt đối với Ông Trần Trọng Phúc. Ông Trần Trọng Phúc cũng thôi không là thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt.*



7

7. ÔNG NGUYỄN QUỐC HUY

Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Amstuck; Cử nhân kế toán, Đại học Tài chính - Kế toán, Hà Nội.

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ 2009); Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC); Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Điện tử tin học Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam.

Chức vụ công tác đã qua: Trưởng ban Kiểm soát Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC); Phó Giám đốc Công ty Kiểm toán Việt Nam.

Quốc tịch: Việt Nam



8

8. ÔNG YOSHIHARU YUKIHIRA

Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Pennsylvania, Philadelphia, Pennsylvania, Hoa Kỳ; Cử nhân Kinh tế, Đại học Hitotsubashi, Tokyo, Nhật Bản.

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ 4/2013); Thành viên HĐQT Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (từ 2013).

Chức vụ công tác đã qua: Trưởng Văn phòng Đại diện Sumitomo Life tại Hà Nội; Phó Giám đốc, Phòng Quan hệ Khách hàng Tổ chức Tài chính Sumitomo Life, Tokyo, Nhật Bản; Trưởng phòng, Phòng Xúc tiến bán hàng các chương trình hưu trí đóng góp xác định Sumitomo Life; Phó Chủ tịch điều hành, Sumitomo Life Insurance Agency America; Trợ lý Giám đốc Sumitomo Life, Chi nhánh Sapporo, Nhật Bản.

Quốc tịch: Nhật Bản



9

9. ÔNG SHINZO KONO

Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Thương mại, Đại học Waseda, Tokyo, Nhật Bản.

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ 2013); Thành viên Ban điều hành, Giám đốc Điều hành phòng Kinh doanh Quốc tế Sumitomo Life, Nhật Bản.

Chức vụ công tác đã qua: Thành viên Ban điều hành, đồng Giám đốc Điều hành phòng Kinh doanh Quốc tế Sumitomo Life, Nhật Bản; Giám đốc chi nhánh Nagano; Trưởng phòng Kế hoạch Chiến lược và phòng Kế toán.

Trưởng phòng Nhân sự, Trưởng phòng Đầu tư, Trợ lý Trưởng phòng Đầu tư Chứng khoán Quốc tế, Trợ lý Trưởng phòng, Chi nhánh Sumitomo Life tại New York, Hoa Kỳ. Trợ lý trưởng phòng Đầu tư lãi suất cố định.

Quốc tịch: Nhật Bản

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



1

1. ÔNG DƯƠNG ĐỨC CHUYỂN

Tổng Giám đốc
(Từ ngày 31/3/2014)

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Hoạch định chính sách công, Đại học Tổng hợp Carleton, Ottawa, Canada; Cử nhân Kinh tế - Tài chính, Đại học Tổng hợp Humboldt Berlin (Đức).

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ 2011); Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt (từ 31/3/2014); Giám đốc Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Bảo Việt; Phụ trách HĐQT Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt - Tokyo Marine.

Chức vụ công tác đã qua: Giám đốc Khối Xây dựng chiến lược Tập đoàn Bảo Việt; Giám đốc điều hành Công ty Bavina (UK) Ltd. Vương quốc Anh.

Quốc tịch: Việt Nam



2

2. ÔNG LÊ HẢI PHONG

Giám đốc Khối Quản lý Tài chính

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội; Cử nhân kế toán, Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội.

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ 2012); Giám đốc Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc; Kiểm soát viên trưởng Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt; Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Biển Hải Âu; Thành viên Ban đại diện Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua: Giám đốc Khối Quản lý Bất động sản (kiêm nhiệm); Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt.

Quốc tịch: Việt Nam



3

3. ÔNG PHAN TIẾN NGUYÊN

Giám đốc Khối Quản lý Nguồn Nhân lực

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính, Đại học Greenwich, London, Vương quốc Anh; Cử nhân bảo hiểm, Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội.

Chức vụ đang đảm nhiệm: Giám đốc Khối Quản lý Nguồn nhân lực Tập đoàn Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua: Trưởng ban Thư ký HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Trưởng ban Nghiên cứu và Phát triển thị trường kiêm Giám đốc Quản lý chất lượng Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam; Giám đốc điều hành Công ty Bavina (UK) Ltd. Vương quốc Anh.

Quốc tịch: Việt Nam



4

4. ÔNG HOÀNG VIỆT HÀ

Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ quản lý, Trường Quản trị kinh doanh MGSM, Australia; Thạc sỹ kinh tế, Học viện Kinh tế Xã hội Hà Lan và Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội; Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

Chức vụ đang đảm nhiệm: Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt; Người phát ngôn của Tập đoàn Bảo Việt; Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn HiPT.

Chức vụ công tác đã qua: Trưởng ban Thư ký Tập đoàn Bảo Việt, Trợ lý Tổng Giám đốc; Thư ký Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Quốc tịch: Việt Nam



5

5. BÀ THÂN HIỀN ANH

Giám đốc Khối Chiến lược và Quản lý rủi ro

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Birmingham, Vương Quốc Anh; Cử nhân ngân hàng, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội; Cử nhân bảo hiểm, Trường Bảo hiểm quốc gia Paris Pháp.

Chức vụ đang đảm nhiệm: Giám đốc Khối Chiến lược và Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua: Giám đốc Khối Xây dựng chiến lược Tập đoàn Bảo Việt; Giám đốc Khối Truyền thông Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI); Giám đốc Phát triển kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI.

Quốc tịch: Việt Nam



6

6. ÔNG NGUYỄN THANH SƠN

Giám đốc Khối Quản lý Bất động sản

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Impac Hoa Kỳ tổ chức; Cử nhân Kế toán, Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh.

Chức vụ đang đảm nhiệm: Giám đốc Khối Quản lý Bất động sản Tập đoàn Bảo Việt; Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt; Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế; Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Khách sạn và Du lịch Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam SSG; Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Quốc tịch: Việt Nam

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Nhiệm kỳ 2012-2017



1

1. ÔNG PHAN KIM BẰNG

Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Học viện Tài chính.

Chức vụ đang đảm nhiệm: Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (từ 2012).

Chức vụ công tác đã qua: Phó Giám đốc Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt; Trưởng Ban Kiểm toán hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ; Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty Bảo Việt Hà Nội; Trưởng phòng Quản lý đại lý Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Quốc tịch: Việt Nam



2

2. ÔNG ÔNG TIẾN HÙNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Cử nhân kinh tế, Học viện Tài chính.

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (từ 2012); Giám đốc Ban Kiểm tra nội bộ và Quản lý rủi ro Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua: Phó Trưởng phòng Thanh tra nội bộ ngành; Thanh tra viên chính, Thanh tra Bộ Tài chính.

Quốc tịch: Việt Nam



3

3. ÔNG NGUYỄN NGỌC THỤY

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Học viện Ngân hàng.

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (từ 2007); Chuyên viên phòng Kiểm tra và kiểm soát nội bộ, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Chức vụ công tác đã qua: Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam; cán bộ tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP. Hải Phòng; Trợ lý tín dụng văn phòng Cộng đồng Châu Âu vùng phía Bắc tại Hải Phòng.

Quốc tịch: Việt Nam



4

4. ÔNG ĐẶNG THÁI QUÝ

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (từ 2012); Phó Trưởng phòng Quản lý Tài chính doanh nghiệp giao thông - xây dựng, Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính.

Chức vụ công tác đã qua: Chuyên viên Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính; Chuyên viên Vụ Giao thông Bưu điện - Tổng cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

Quốc tịch: Việt Nam



5

5. ÔNG NOBUYUKI YAGI

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Đại học Waseda, Tokyo, Nhật Bản.

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (từ 2013); Thành viên Ban Kiểm toán và Kiểm soát Sumitomo Life, Nhật Bản

Chức vụ công tác đã qua: Giám đốc Phòng Nhân sự Sumitomo Life, Nhật Bản. Giám đốc, Phòng Kinh doanh sản phẩm hưu trí, Phó Chủ tịch, Bảo hiểm nhân thọ PICC, Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro, Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro Hoạt động Đầu tư, Trưởng Bộ phận Pháp chế, Trợ lý Giám đốc, Bộ phận Kế hoạch Đầu tư, Trợ lý Giám đốc, Bộ phận Phân tích Rủi ro Tín dụng, Sumitomo Life, Nhật Bản; Phó Chủ tịch, Công ty Bảo hiểm nhân thọ Sumitomo tại Hồng Kông; Trợ lý Trưởng phòng, VPĐD Sumitomo Life tại London, Vương Quốc Anh.

Quốc tịch: Nhật Bản

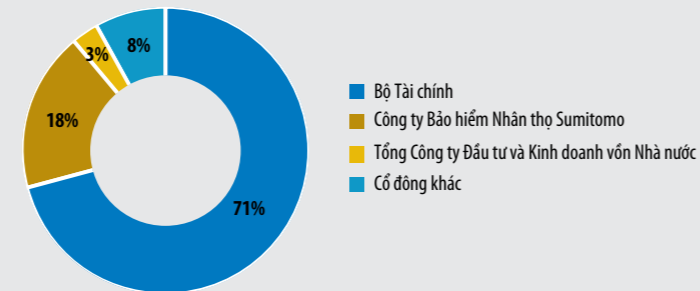
THÔNG TIN VỐN CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN VỐN CỔ PHẦN

Tính đến ngày 31/12/2013:

- Vốn điều lệ của Công ty : **6.804.714.340.000 đồng**
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: **680.471.434 cổ phiếu**
- Loại cổ phiếu: **Phổ thông**
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: **680.471.434 cổ phiếu**
- Cổ phiếu quỹ : **0 cổ phiếu**
- Mệnh giá: **10.000 đồng/01 cổ phiếu**

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



(Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2013)

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 2008 - 2013

Đơn vị: VND

Thời điểm phát hành	Phương thức phát hành	Đối tượng	Vốn điều lệ trước phát hành	Vốn huy động từ đợt phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành
2009	Phát hành riêng lẻ	Cổ đông chiến lược nước ngoài	5.730.266.050.000	536.824.740.000	6.267.090.790.000
2010	Phát hành ra công chúng	Cổ đông hiện hữu	6.267.090.790.000	537.623.550.000	6.804.714.340.000

LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TỨC KỂ TỪ 2008 - 2013

Cổ tức qua các năm	Tỷ lệ thực hiện	Thời gian thực hiện
2013	15% (1.500 đồng/01 cổ phần)	Quý III/2014 (dự kiến)
2012	15% (1.500 đồng/01 cổ phần)	Bắt đầu từ ngày 17/07/2013
2011	12% (1.200 đồng/01 cổ phần)	Bắt đầu từ ngày 02/07/2012
2010	12% (1.200 đồng/01 cổ phần)	Bắt đầu từ ngày 04/07/2011
2009	11% (1.100 đồng/01 cổ phần)	Bắt đầu từ ngày 10/06/2010
2008	10% (1.000 đồng/01 cổ phần)	Bắt đầu từ ngày 20/05/2009

THÔNG điệp CỦA CỔ ĐÔNG CHIẾN lược



ÔNG MASAHIRO HASHIMOTO
Tổng Giám đốc
Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Năm thành lập: Tháng 5 năm 1907
Trụ sở chính: Tokyo/Osaka, Nhật Bản
Số lượng nhân viên và đội ngũ bán hàng
11.228 nhân viên, 30.870 đại lý bán hàng

Mạng lưới

Tại Nhật Bản: 71 chi nhánh, 1.516 văn phòng giao dịch
Trên toàn cầu: 1 công ty con tại Mỹ, 1 công ty liên kết tại Trung Quốc, VPĐD tại New York, London, Bắc Kinh và Hà Nội

Tổng tài sản: 282,5 tỷ USD
Tổng tài sản ròng: 13,0 tỷ USD
Tổng doanh thu phí bảo hiểm: 33,3 tỷ USD
Số lượng hợp đồng: 11,3 triệu hợp đồng
Xếp hạng tín nhiệm: Moody's A2; S&P A

Thay mặt cho Sumitomo Life, tôi xin chúc mừng Bảo Việt đã đạt được thành tích xuất sắc trong điều kiện kinh tế Việt Nam còn khó khăn.

Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Sumitomo Life đã mua lại 18% cổ phần và chính thức trở thành cổ đông chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt. Sau quá trình khảo sát, trao đổi, chúng ta đã đạt được thỏa thuận về giai đoạn 1 của Kế hoạch triển khai Thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực. Theo đó, Sumitomo Life và Tập đoàn Bảo Việt đã có những phối hợp chặt chẽ để đạt hiệu quả cao nhất trong một số lĩnh vực quan trọng mà Sumitomo Life hỗ trợ. Trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, Sumitomo Life tập trung hỗ trợ các lĩnh vực: dịch vụ actuary trong phát triển sản phẩm; công nghệ thông tin; bancassurance và quản lý đại lý. Ngoài sự hỗ trợ trực tiếp bởi đội ngũ chuyên gia của chúng tôi tại Hà Nội, chúng tôi còn tiến hành trao đổi thông tin qua nhiều hình thức khác như gặp gỡ cán bộ quản lý cấp cao, họp TV Conference.

Trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, Sumitomo Life đã họp và thảo luận với Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt về việc làm thế nào để có thể đóng góp cho sự phát triển của thị trường bảo hiểm y tế Việt Nam dựa trên những kinh nghiệm về bảo hiểm y tế của chúng tôi tại Nhật Bản.

Chúng tôi cũng đang hợp tác với Bảo Việt để tăng cường quản lý rủi ro. Sumitomo Life áp dụng phương pháp quản lý rủi ro tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, do vậy, chúng tôi tin rằng kinh nghiệm của chúng tôi trong quản lý rủi ro doanh nghiệp dựa trên giá trị kinh tế sẽ giúp ích cho Bảo Việt trong việc nâng cao kỹ năng quản lý rủi ro.

Sumitomo Life cam kết sẽ tiếp tục các hoạt động chung với đội ngũ của Bảo Việt để duy trì và nâng cao kết quả kinh doanh của Bảo Việt trong những năm tới. Chúng tôi tin rằng quan hệ đối tác này sẽ tạo ra nhiều giá trị mới cho cả hai bên. Thực hiện sứ mệnh 3 năm đầy mạnh mẽ của Sumitomo Life ở nước ngoài, chúng tôi luôn cố gắng tích lũy những tri thức để có thể làm việc một cách hiệu quả với các đối tác nước ngoài. Do đó, quan hệ hợp tác của chúng tôi với Bảo Việt chắc chắn là một mô hình lý tưởng không thể thiếu.

Chúng tôi mong muốn năm 2014 sẽ ngày một thành công hơn nữa.



ÔNG LẠI VĂN ĐẠO
Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

Sau gần 5 năm thực hiện Thỏa thuận hợp tác chiến lược toàn diện trong các lĩnh vực quản trị doanh nghiệp và hợp tác triển khai các dự án đầu tư, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) và Tập đoàn Bảo Việt đã có những bước tiến quan trọng trong quan hệ hợp tác giữa hai đơn vị. Với vai trò là cổ đông chiến lược, SCIC đã tích cực hỗ trợ và chia sẻ kinh nghiệm về quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực để kiện toàn và nâng cao chất lượng các hoạt động này. Đồng thời, hai bên đã phối hợp tiến hành rà soát, đánh giá các nội dung trọng tâm trong Thỏa thuận hợp tác đã ký kết và đẩy nhanh tiến độ các dự án đang triển khai.

Việc triển khai các nội dung trong Thỏa thuận hợp tác là cơ hội tốt để Bảo Việt và SCIC phát huy lợi thế của mỗi bên góp phần xây dựng cơ sở khách hàng và nâng cao hiệu quả các dự án hai bên đang phối hợp thực hiện, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh một cách toàn diện và triển khai thành công các giải pháp đã đề ra, đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển bền vững trong dài hạn.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2011 - 2015

Sứ mệnh

Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng.

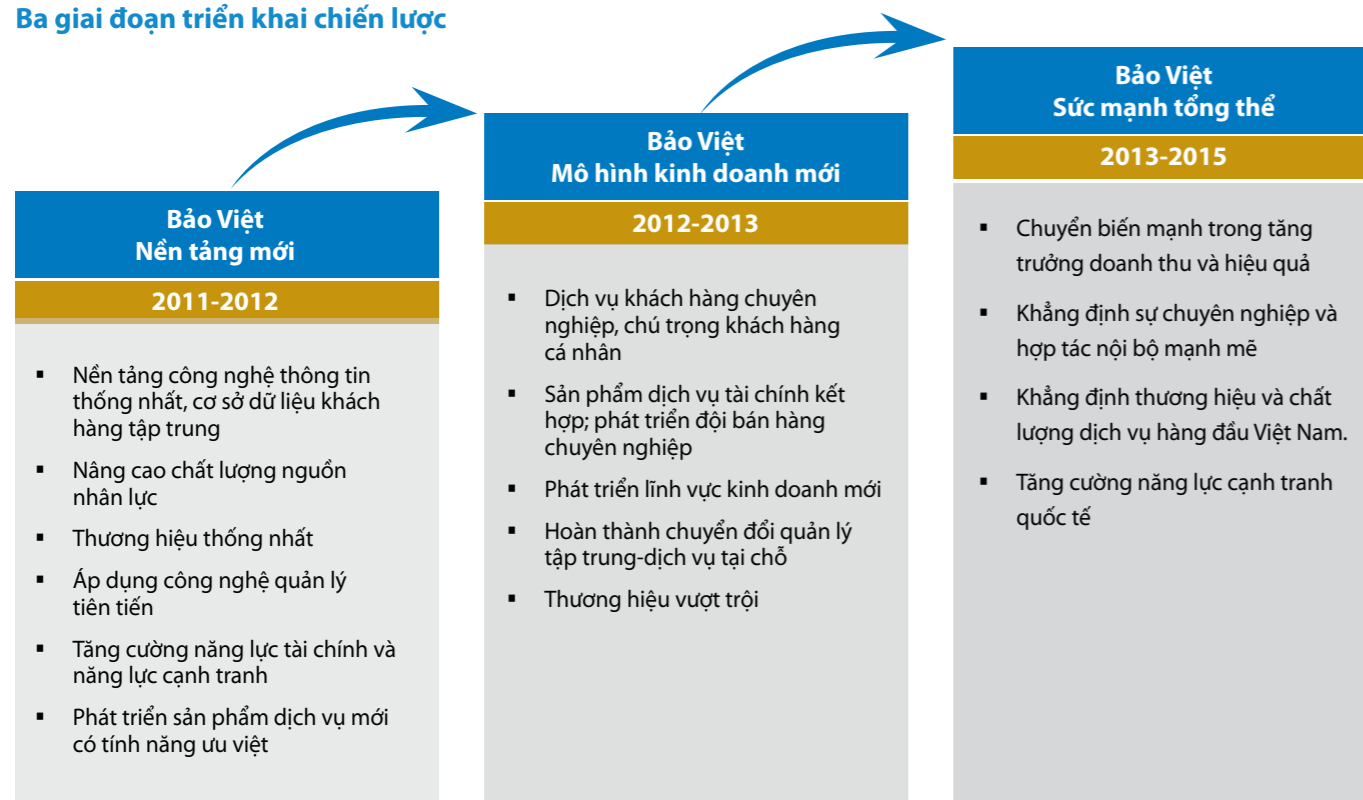
Tầm nhìn

Tầm nhìn đến năm 2015 của Bảo Việt là trở thành Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, có tiềm lực tài chính vững mạnh, từng bước hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới dựa trên ba trụ cột: bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2011 - 2015

Để hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2015, chiến lược 2011-2015 của toàn Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt được triển khai theo 3 giai đoạn:

Ba giai đoạn triển khai chiến lược



KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2011-2013

Qua 3 năm triển khai Kế hoạch chiến lược 2011-2015, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã đổi mới toàn diện trên tất cả các lĩnh vực và hoàn thành cơ bản giai đoạn 1 và 2 của Kế hoạch chiến lược 2011-2015.

Giai đoạn 1 (2011 - 2012): Xây dựng “Một Bảo Việt, Một nền tảng mới”

Tập đoàn Bảo Việt đã thành công trong việc xây dựng “Một Bảo Việt, Một nền tảng mới”, bước đầu xây dựng được mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con, hệ thống công nghệ thông tin từng bước tập trung hiện đại, hệ thống quản trị nguồn nhân

lực theo thông lệ quốc tế, đổi mới thương hiệu với sự hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực từ đối tác chiến lược nước ngoài HSBC và chuyển giao dự án hỗ trợ kỹ thuật hiệu quả 3 bên giữa HSBC, Sumitomo Life và Bảo Việt sau khi Sumitomo Life chính thức trở thành cổ đông nước ngoài thay thế

HSBC tại Bảo Việt. Tập đoàn cũng phát hành thành công 2 đợt tăng vốn điều lệ từ 5.730 tỷ đồng lên 6.805 tỷ đồng năm 2009 - 2010, qua đó nâng cao năng lực tài chính của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên.

Xây dựng thành công Một Bảo Việt - Một nền tảng mới

Giải pháp	Tác động	Hiệu quả
Quản trị doanh nghiệp, quản lý rủi ro, tài chính	Nâng cao tính minh bạch và quản lý thông tin, thực hiện lập báo cáo tài chính theo thông lệ quốc tế (IFRS)	<p>Tăng trưởng vững chắc về doanh thu, lợi nhuận</p> <p>Quản trị tiên tiến, minh bạch</p> <p>Bảo đảm quyền lợi của cổ đông, khách hàng, người lao động</p>
Nguồn nhân lực	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hướng đến xây dựng môi trường làm việc hiệu quả cao	
Công nghệ thông tin	Đầu tư vào các dự án công nghệ thông tin nhằm đẩy mạnh quá trình chuyển đổi doanh nghiệp và tăng trưởng	
Marketing và truyền thông	Tăng cường các hoạt động truyền thông, xây dựng thương hiệu mạnh, thống nhất trong toàn Tập đoàn	
Chuyển đổi mô hình kinh doanh	Thực hiện chuyên môn hóa và chuyên nghiệp hóa, nâng cao năng suất lao động	

Giai đoạn 2 (2012 - 2013): Chuyển đổi mô hình kinh doanh

Trên nền tảng chung của cả Tập đoàn trong những năm qua các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt đã thành công bước đầu trong đổi mới mô hình kinh doanh, phát triển sản phẩm và kênh phân phối mới, cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng.

Bước đầu chuyển đổi thành công mô hình kinh doanh

Chuyển đổi thành công mô hình kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động bán hàng và dịch vụ khách hàng nhằm nâng cao hiệu quả lĩnh vực cốt lõi là bảo hiểm, phát triển các lĩnh vực dịch vụ tài chính nhằm tận dụng cơ hội mới trên thị trường tài chính và triển khai sản phẩm mới, nghiên cứu thị trường mới.

	Đơn vị	Giải pháp thực hiện và kết quả đạt được giai đoạn 2011-2013
Lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm	Bảo hiểm phi nhân thọ	<ul style="list-style-type: none"> Giữ vững vị trí doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ dẫn đầu thị trường với 23-24% thị phần giai đoạn 2011-2013 Đẩy mạnh triển khai sắp xếp, đổi mới, chuyển đổi sang mô hình quản lý tập trung, dịch vụ tại chỗ trên nền tảng hệ thống phần mềm nghiệp vụ tập trung Chú trọng phát triển sản phẩm cá nhân (bảo hiểm y tế, sức khỏe, bảo hiểm tài sản tư nhân...) Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, phát triển kênh phân phối bancassurance, call center Tăng cường quản lý rủi ro, quản lý bồi thường bảo hiểm
	Bảo hiểm nhân thọ	<ul style="list-style-type: none"> Củng cố vị trí doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ hàng đầu tại Việt Nam, duy trì vị trí thứ hai thị trường về doanh thu phí với 28-29% thị phần giai đoạn 2011-2013 Hoàn thành chuyển đổi mô hình hoạt động từ mô hình kinh doanh phân tán sang mô hình kinh doanh theo hướng tập trung, tập trung hóa một số khâu back-office nhằm cắt giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động Đẩy mạnh hoạt động bán hàng, nâng cao chất lượng kênh phân phối đại lý, phát triển telesales, call center, bancassurance Tích cực triển khai nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, đón đầu nhu cầu tiềm năng của khách hàng về bảo vệ, tiết kiệm, đầu tư Triển khai áp dụng hệ thống phần mềm nghiệp vụ mới
Lĩnh vực Đầu tư	Quản lý quỹ, Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì vị trí số 2 thị trường quản lý quỹ về tổng tài sản quản lý Nghiên cứu triển khai các sản phẩm mới như quỹ mở, quỹ chỉ số, quỹ đầu tư bất động sản. Đẩy mạnh quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư, phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao
Lĩnh vực Dịch vụ tài chính	Chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> Vị trí số 1 về thị phần môi giới trái phiếu trên sàn HOSE, đứng thứ 4 thị phần môi giới trái phiếu trên sàn HNX, thuộc Top 10 thị phần môi giới cổ phiếu trên sàn HNX Chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh, thu hẹp hoạt động đầu tư tự doanh, thận trọng trong quản lý danh mục đầu tư, quản trị tập trung các nghiệp vụ có tính rủi ro cao Đầu tư đẩy mạnh hoạt động môi giới (hệ thống CNTT, con người...), phát triển nghiệp vụ M&A
	Ngân hàng	<ul style="list-style-type: none"> Ngân hàng quy mô nhỏ nhưng phát triển lành mạnh (Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu - CAR: 37,3%, Tỷ lệ nợ xấu - NPL: 3,9%) Đẩy mạnh củng cố tổ chức, xây dựng hệ thống CNTT, phát triển mạng lưới kênh phân phối với 29 chi nhánh và phòng giao dịch
	Bất động sản	<ul style="list-style-type: none"> Phát huy vai trò quản lý hiệu quả tài sản bất động sản của toàn Tập đoàn theo đúng định hướng chiến lược
Lĩnh vực Kinh doanh tiềm năng	Nghiên cứu lĩnh vực mới, thị trường mới	<p>Đẩy mạnh nghiên cứu đầu tư vào lĩnh vực mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> Triển khai quỹ mở vào cuối năm 2013 Nghiên cứu triển khai bảo hiểm hưu trí tự nguyện, Quỹ Bảo hiểm hưu trí bổ sung Nghiên cứu cơ hội mở rộng kinh doanh tại Lào, Myanmar

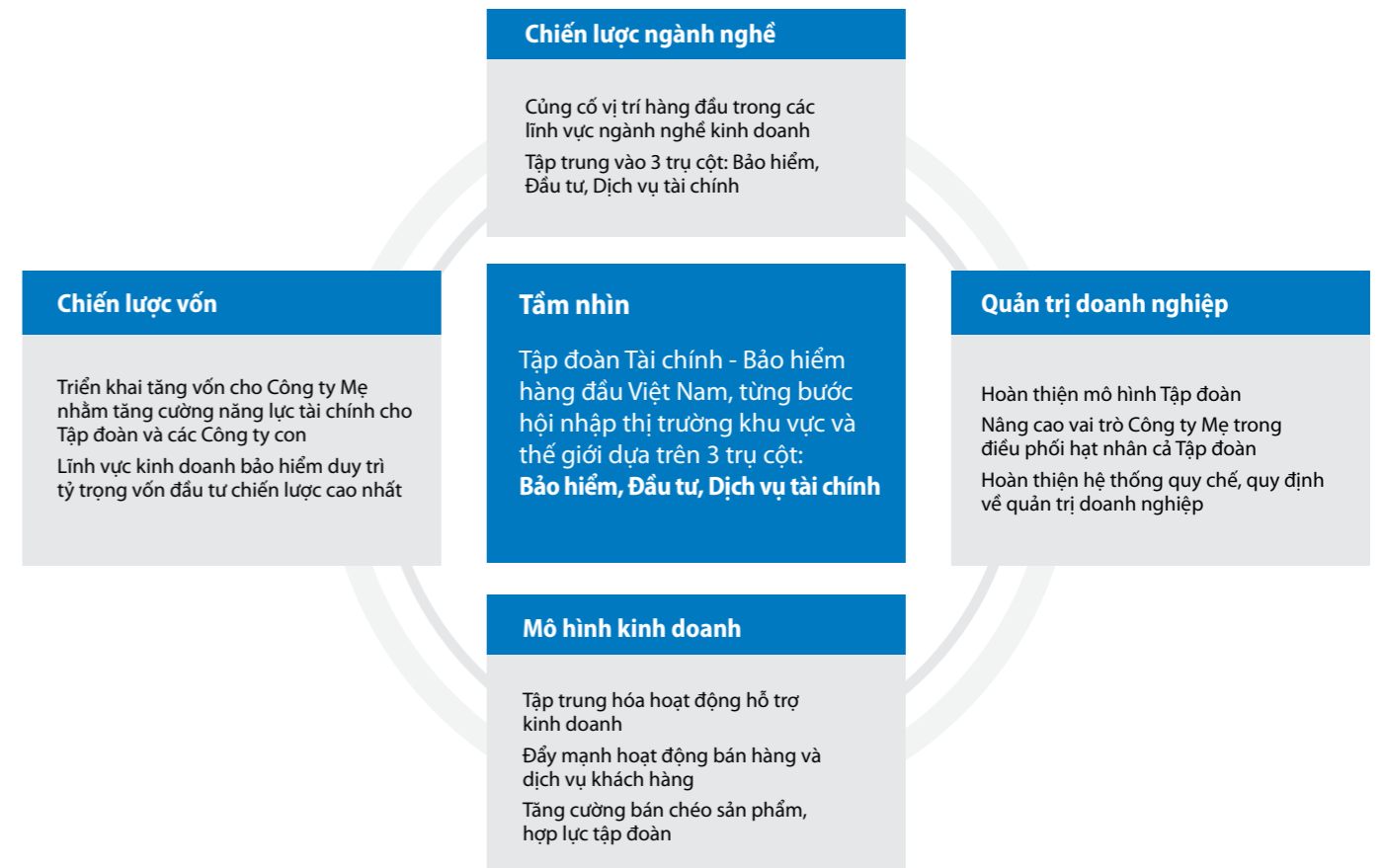
ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC 2014 - 2015

Rủi ro và thách thức: Giai đoạn 2014-2015, với định hướng của Chính phủ là tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, dự báo kinh tế Việt Nam tiếp tục phục hồi chậm, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, ngân hàng, bất động sản vẫn nhiều khó khăn.

Các điều kiện không thuận lợi từ môi trường kinh doanh, yêu cầu tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, hệ thống ngân hàng, thị trường chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định chặt chẽ hơn của Chính phủ đối với thị trường tài chính có thể sẽ ảnh hưởng tới khả năng hoàn thành mục tiêu tăng trưởng đến 2015 của Tập đoàn Bảo Việt.

Cơ hội: xu hướng lạm phát ổn định, kinh tế vĩ mô phát triển theo hướng bền vững, các yếu tố thuận lợi về dân số trong thời kỳ dân số vàng, nhận thức và nhu cầu cho các sản phẩm tài chính cá nhân như bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm y tế, dịch vụ quản lý tài sản cá nhân ngày càng tăng sẽ đem lại cơ hội tăng trưởng cho Bảo Việt.

Năm 2013 Tập đoàn Bảo Việt thực hiện Đề án Tái cơ cấu trong đó các giải pháp chiến lược tới 2015 tập trung vào các lĩnh vực:



Chiến lược ngành nghề

Ưu tiên nguồn lực để tạo bứt phá trong hiệu quả lĩnh vực cốt lõi là bảo hiểm - đầu tư, duy trì phát triển các lĩnh vực dịch vụ tài chính nhằm tận dụng cơ hội mới trên thị trường tài chính, hỗ trợ lĩnh vực bảo hiểm và đẩy mạnh triển khai sản phẩm mới, mở rộng thị trường mới.

Bảo hiểm	Đầu tư	Dịch vụ tài chính
<p>Ưu tiên nguồn lực về vốn, công nghệ, con người để tạo bứt phá trong hiệu quả hoạt động, củng cố lợi thế cạnh tranh và vị trí hàng đầu của lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>Định hướng tập trung phát triển sản phẩm cá nhân, phát triển các địa bàn trọng điểm tại các tỉnh thành lớn, đông dân cư.</p>	<p>Tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư, tăng cường quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư,</p> <p>Chuyên môn hóa hoạt động đầu tư trong Tập đoàn nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh bảo hiểm và hiệu quả hoạt động đầu tư của toàn Tập đoàn.</p>	<p>Tiếp tục đẩy mạnh hiệu quả lĩnh vực dịch vụ tài chính gồm ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ, quản lý tài sản bất động sản là các lĩnh vực giúp Bảo Việt tận dụng cơ hội mới trên thị trường tài chính.</p> <p>Phát huy sức mạnh hợp lực Tập đoàn, hỗ trợ bảo hiểm.</p>

Lĩnh vực kinh doanh mới, thị trường mới: tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, Quỹ hưu trí tự nguyện, Bảo hiểm hưu trí bổ sung theo lộ trình của Chính phủ, tiếp tục nghiên cứu cơ hội mở rộng kinh doanh sang thị trường khu vực Đông Nam Á.

Chiến lược vốn

- Bám sát chiến lược ngành nghề, triển khai tăng vốn cho Công ty Mẹ và các Công ty con.
- Tăng cường năng lực tài chính cho Tập đoàn và các Công ty con.
- Bổ sung vốn chủ sở hữu tương xứng với quy mô phát triển kinh doanh. Đáp ứng quy định pháp lý về vốn, đảm bảo biên khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật.
- Bảo vệ tốt nhất quyền lợi khách hàng.
- Đầu tư vào cơ sở hạ tầng để phát triển kinh doanh.

Mô hình kinh doanh

- Định hướng tập trung hóa các hoạt động hỗ trợ kinh doanh và phân tán hoạt động khai thác, bán hàng, dịch vụ khách hàng tại các đơn vị thành viên, ưu tiên nguồn lực phát triển lực lượng bán hàng và dịch vụ khách hàng tại tất cả các đơn vị.
- Tiếp tục củng cố nền tảng thống nhất về công nghệ, con người, thương hiệu.
- Tăng cường bán chéo sản phẩm, hợp tác nội bộ, phát triển các Trung tâm giao dịch tài chính của Tập đoàn Bảo Việt tại các địa bàn trọng điểm.

Quản trị doanh nghiệp

- Hoàn thiện mô hình Tập đoàn, từng bước nâng cao vai trò của Công ty Mẹ trong điều phối hạt nhân, kết nối các đơn vị thành viên trong cả hệ thống Tập đoàn.
- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy chế, quy định quản trị nội bộ của Tập đoàn.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức theo hướng tinh giản, gọn nhẹ.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là một trong những Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, Bảo Việt nhận thức rõ vai trò không chỉ là đầu tàu kinh tế mà còn là doanh nghiệp tiên phong trong các vấn đề bảo vệ môi trường, bảo đảm sự bình an và phát triển cộng đồng.

Là doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính - bảo hiểm cho hàng triệu người dân Việt Nam, Bảo Việt xác định doanh nghiệp chỉ có thể thực hiện chiến lược phát triển bền vững khi thực hiện kết hợp mục tiêu tăng trưởng, lợi nhuận kinh tế với thực hiện phát triển xã hội, bảo vệ môi trường.

Mối quan tâm của Bảo Việt không chỉ là làm thế nào để thúc đẩy hoạt động kinh doanh, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp, đóng góp cho sự phát triển của kinh tế đất nước. Nếu tiếp tục khai thác các tài nguyên thiên nhiên như nguồn nước, đất đai, năng lượng, thực phẩm mà không cân nhắc đến việc duy trì lâu dài các tài nguyên đó thì không một ai trong chúng ta sẽ có thể tăng trưởng và phát triển.

Xây dựng một doanh nghiệp phát triển bền vững có nghĩa là cân bằng giữa những nhu cầu hiện tại của khách hàng song song với việc thực hiện các trách nhiệm đối với thế hệ tương lai.

Phát triển bền vững là nội dung trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh doanh của Bảo Việt.

Mục tiêu phát triển bền vững

Bảo Việt luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt. Trong đó, mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của Bảo Việt vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường. Việc thực hiện mục tiêu kinh tế được kết hợp với thực hiện các mục tiêu khác về mặt xã hội và môi trường nhằm

đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động trong hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của Bảo Việt.

Bảo Việt tin rằng việc thực hiện sứ mệnh cũng đồng nghĩa với việc bảo đảm, gia tăng và cân bằng lợi ích cho các bên liên quan như nhà đầu tư, khách hàng, cán bộ nhân viên, chính phủ, cộng đồng... qua đó đảm bảo sự phát triển bền vững cho Bảo Việt và giữ vững được niềm tin của khách hàng và các bên liên quan.

Mục tiêu phát triển bền vững của Bảo Việt được gắn kết chặt chẽ với tăng trưởng bền vững, có hiệu quả, đi đôi

với đóng góp cho phát triển của xã hội và góp phần bảo vệ tài nguyên và môi trường, góp phần hiện thực hóa "Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020" của Việt Nam.

Mục tiêu đến năm 2015

- Phát triển và tăng trưởng kinh tế vững chắc.
- Cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng.
- Giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường từ hoạt động của doanh nghiệp và nâng cao nhận thức của xã hội.
- Con người là trung tâm của phát triển bền vững.

Mô hình phát triển bền vững của Bảo Việt



PHÁT TRIỂN VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VỮNG CHẮC

Mục tiêu

- Tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận.
- Đảm bảo quyền lợi cho cổ đông về cổ tức và giá trị cổ phiếu.
- Tuân thủ mọi nghĩa vụ về thuế, ngân sách đối với địa phương và quốc gia.
- Quản lý chi phí hiệu quả.

Biện pháp

- Chú trọng đẩy mạnh đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ tài chính, phù hợp với nhu cầu người dân.
- Tập trung triển khai đẩy mạnh bán hàng và thúc đẩy tăng trưởng doanh thu.
- Tiết giảm chi phí và đảm bảo hiệu quả kinh doanh, quản lý rủi ro để phòng hạn chế tổn thất.
- Tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi để tối đa hóa lợi nhuận.
- Đảm bảo lợi nhuận để chi trả cổ tức cho cổ đông.
- Tập trung phát triển 3 lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là bảo hiểm - đầu tư - dịch vụ tài chính.
- Tăng cường tiềm lực tài chính của các lĩnh vực kinh doanh mũi nhọn và phát huy sức mạnh tổng lực của Tập đoàn.

CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA CỘNG ĐỒNG

Mục tiêu

- Phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm cho cộng đồng như bảo hiểm vi mô, phục vụ nhu cầu số đông.
- Triển khai các gói sản phẩm bảo hiểm xanh, tài chính xanh và ngân hàng xanh vì một cộng đồng xanh và bền vững.
- Cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân các vùng khó khăn thông qua các chương trình kết hợp với Ban ngành Trung ương.
- Đảm bảo lợi ích và môi trường làm việc cho người lao động, đời sống và thu nhập cho tư vấn viên và sự gắn bó lâu dài.

Biện pháp

- Nghiên cứu và triển khai các sản phẩm tài chính vi mô.
- Đầu tư 10% lợi nhuận sau thuế cho các hoạt động cộng đồng như công tác xóa đói giảm nghèo, đầu tư cho thế hệ trẻ, khắc phục hậu quả thiên tai và tri ân anh hùng liệt sỹ.

GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG CỦA Ô NHIỄM VÀ TÍCH CỰC THAM GIA BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Mục tiêu

- Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy việc sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.
- Xanh hóa hoạt động kinh doanh: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên.
- Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững thông qua gắn kết trực tiếp cán bộ, khách hàng, đối tác trong các hành động cụ thể vì môi trường.

Biện pháp

- Tham gia vào việc giảm khí thải nhà kính ra môi trường.
- Giảm phát khí thải nhà kính từ các tòa nhà văn phòng, điều hòa và tủ lạnh.
- Giảm thiểu các chuyến đi công tác của nhân viên.
- Giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc.



Thân thiện với môi trường

Chi tiết xem tại Phần V - Phát triển bền vững

Niềm tin kết nối thành công

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	100
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	105
BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT	109
BÁO CÁO CỦA CÁC HỘI ĐỒNG - ỦY BAN	112
BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP NĂM 2013	117
QUẢN LÝ RỦI RO	122
KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ	132
THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG	136
QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC	142
VĂN HÓA DOANH NGHIỆP	146



50
1965 - 2015
BẢO VIỆT
VÌ NHỮNG NIỀM TIN CỦA BẠN

Niềm tin vững vàng, vượt ngàn thử thách

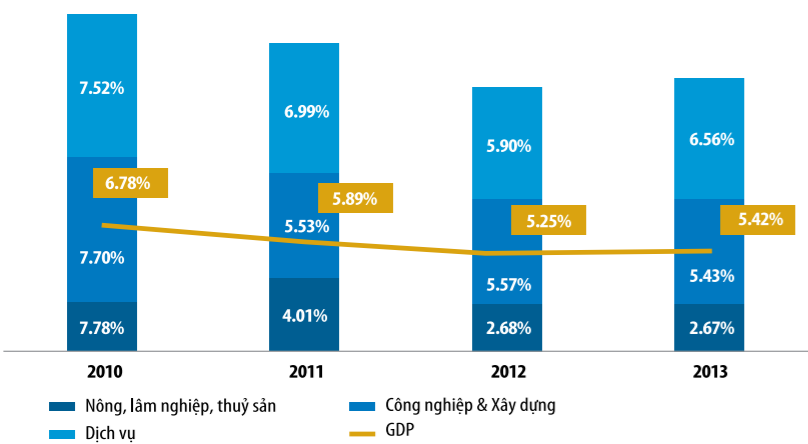
KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM	48
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2013	56
MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2014	69
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO CÁC LĨNH VỰC	72
10 SẢN PHẨM DỊCH VỤ TIÊU BIỂU NĂM 2013	96



KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM NĂM 2013

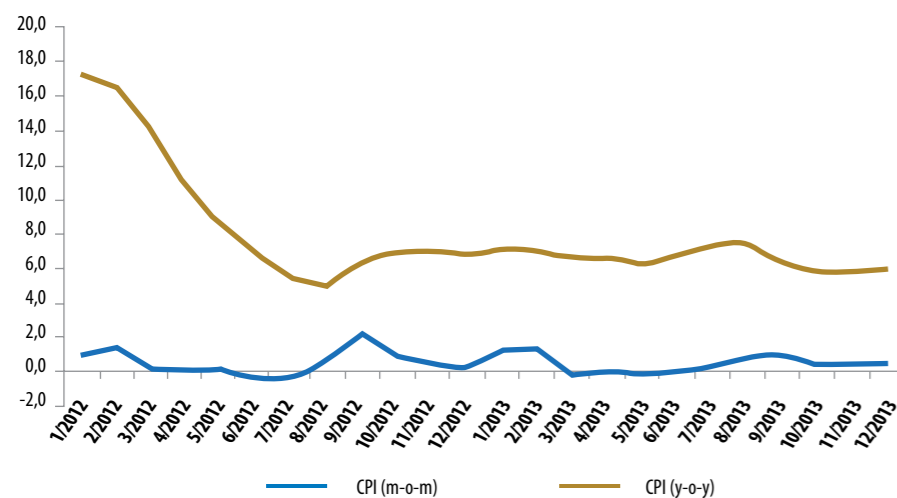
Năm 2013, nền kinh tế Việt Nam đã ghi nhận những bước tiến tích cực và thành công nhất định trong điều hành kinh tế vĩ mô. Tuy vậy, 2013 tiếp tục là năm khó khăn khi tốc độ phục hồi kinh tế vẫn còn chậm, tăng thấp chỉ đạt 5,42%, thấp hơn mức mục tiêu đề ra 5,5%, nhưng cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012. Đây là năm thứ hai liên tiếp GDP của Việt Nam tăng trưởng thấp nhất trong vòng 13 năm qua. Kinh tế khó khăn ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ và ngân hàng.

Tăng trưởng GDP từ 2010 - 2013



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Diễn biến chỉ số CPI năm 2013 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

KINH TẾ VĨ MÔ

Những thành tựu kinh tế

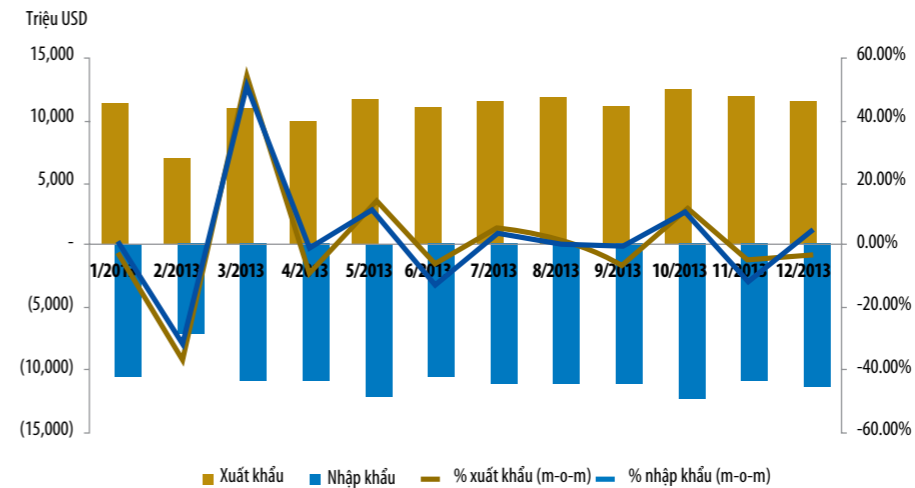
Chính phủ tiếp tục thành công trong quá trình kiểm soát lạm phát

Năm 2013 ghi nhận chỉ số giá tiêu dùng (CPI) chỉ tăng 6,04% - mức tăng thấp nhất trong vòng 10 năm qua. Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng theo tháng có xu hướng giảm, do sự điều hành quyết liệt và nhất quán của Chính phủ. Lạm phát trong tầm kiểm soát là cơ sở cho việc cắt giảm lãi suất của NHNN. Bên cạnh đó lạm phát giảm còn giúp giảm rủi ro tăng chi phí hoạt động của doanh nghiệp, nhất là chi phí bồi thường bảo hiểm của các doanh nghiệp bảo hiểm.

Xuất siêu năm thứ 2 liên tiếp, dòng vốn FDI tăng trưởng mạnh, góp phần ổn định tỷ giá và tăng dự trữ ngoại hối

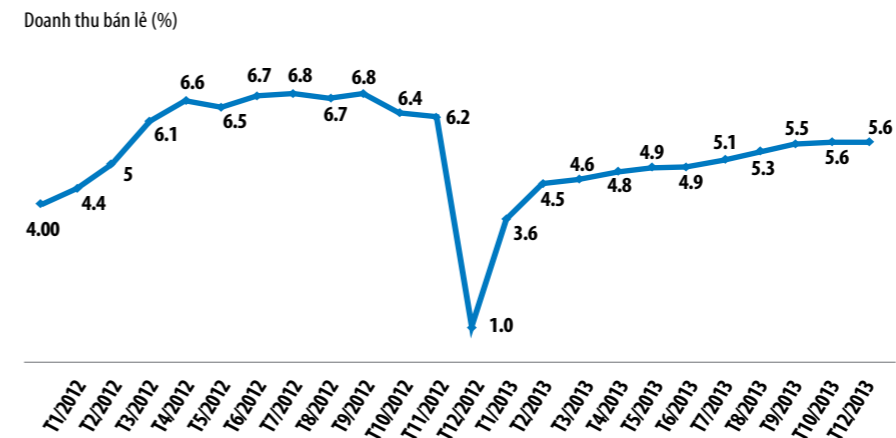
Hoạt động xuất khẩu tăng trưởng khả quan (15,4%) góp phần cải thiện cán cân thương mại. Với mức xuất siêu gần 10 triệu USD, đây là năm xuất siêu

Tình hình xuất nhập khẩu năm 2013



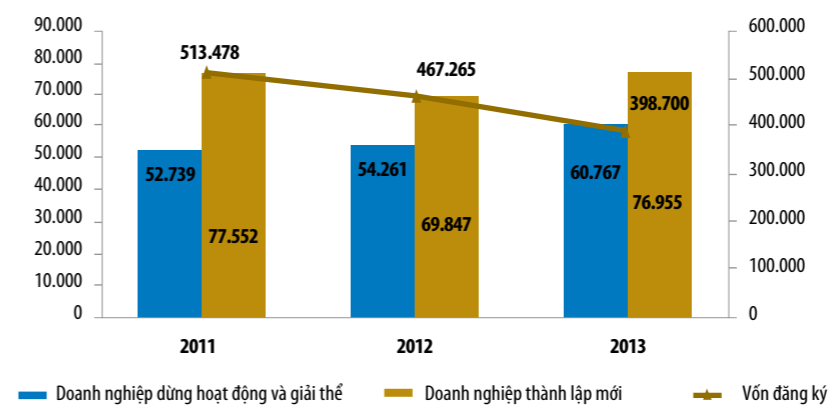
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tăng trưởng doanh thu bán lẻ 2012-2013 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tình hình doanh nghiệp giai đoạn 2011 - 2013



Nguồn: Tổng cục Thống kê

thứ 2 liên tiếp sau gần 20 năm nhập siêu, góp phần quan trọng giữ tỷ giá ổn định, tạo điều kiện thuận lợi để NHNN mua vào lượng lớn ngoại tệ, tăng dự trữ ngoại hối năm 2013 lên 32 tỷ USD tương đương với 12 tuần nhập khẩu.

Dòng vốn FDI vào Việt Nam và vốn FDI giải ngân năm 2013 đều tăng mạnh, lần lượt tăng 54,5% và 9,9% so với 2012. Lượng vốn thực hiện tăng trưởng tốt là tín hiệu cho thấy các nhà đầu tư vẫn đặt niềm tin và tích cực triển khai các dự án tại Việt Nam.

Khó khăn và thách thức

Bên cạnh những thành tựu đạt được, kinh tế Việt Nam năm 2013 vẫn phải đối mặt với những vấn đề nổi cộm gây lo ngại về nền tảng vĩ mô thiếu bền vững như tổng cầu tăng yếu, các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do sản xuất thua lỗ kéo dài, không tìm được thị trường.

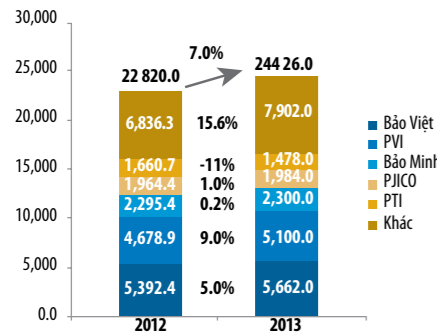
Tổng cầu tăng yếu, doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn

Tổng cầu yếu trong suốt năm 2013 phản ánh không chỉ qua mức tăng thấp của chỉ số giá tiêu dùng mà cả mức tăng yếu của tổng mức bán lẻ hàng hóa và giảm tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Đầu tư xã hội sụt giảm đáng kể do đầu tư công bị thắt chặt. Đây nguyên nhân chính khiến xu hướng giảm tỷ trọng tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GDP kéo dài từ năm 2011.

Những khó khăn về nguồn vốn cộng với tổng cầu yếu đã gây nhiều trở ngại cho sản xuất - kinh doanh. Hệ quả là trong năm 2013 số doanh nghiệp gặp khó khăn phải giải thể hoặc ngừng hoạt động là 60.737 doanh nghiệp, tăng 11,9% so với năm trước. Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn đã tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và hoạt động ngân hàng.

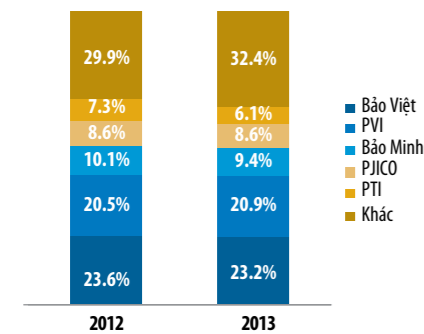
THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Tổng doanh thu phí (tỷ VND)



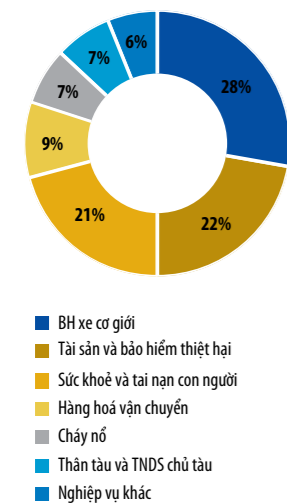
Nguồn: Cục QLGSBH – Bộ Tài chính

Thị phần doanh thu phí gốc (%)



Nguồn: Cục QLGSBH – Bộ Tài chính

Thị phần Tổng doanh thu phí theo nghiệp vụ



Nguồn: Cục QLGSBH – Bộ Tài chính

Kinh tế năm 2013 phục hồi chậm, tỷ trọng đầu tư xã hội/GDP giảm, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vẫn nhiều khó khăn đã ảnh hưởng lớn đến thị trường bảo hiểm, đặc biệt là lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.

Theo số liệu của Cục Quản lý giám sát bảo hiểm (Cục QLGSBH), năm 2013, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường ước đạt 47.074 tỷ đồng, tăng 14,1% so với 2012, trong đó doanh thu phí bảo hiểm gốc bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 24.426 tỷ đồng, tăng 7%, tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ ước đạt 22.648 tỷ đồng, tăng 23,1% so với năm 2012.

Về hoạt động đầu tư, toàn ngành bảo hiểm đầu tư vào nền kinh tế 105.000 tỷ đồng, tăng 17,5% so với năm 2012 trong đó, tổng vốn đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đạt khoảng 24.265 tỷ đồng tăng 14%; các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đạt khoảng 81.000 tỷ đồng, tăng 24%.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

Tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc tăng trưởng thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây

Năm 2013, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ gặp rất nhiều khó khăn do chịu tác động của tăng trưởng GDP thấp, đà phục hồi kinh tế chậm, thắt chặt đầu tư công, đầu tư xã hội giảm, khu vực doanh nghiệp và ngành vận tải khó khăn dẫn đến nhu cầu và khả năng chi trả các khoản phí bảo hiểm ngày càng giảm, tình trạng nợ phí bảo hiểm cao, trực lợi bảo hiểm gia tăng. Mặc dù đã có sự nỗ lực rất lớn trong hoạt động khai thác kinh doanh của các doanh nghiệp BHPNT, thị trường BHPNT tiếp tục tăng trưởng thấp năm thứ hai liên tiếp, đạt 7% so với 2012 và là mức tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây.

Theo số liệu của Cục QLGSBH, tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2013 ước đạt 24.426 tỷ đồng. Mặc dù tăng trưởng doanh thu phí thấp hơn tăng trưởng toàn thị trường tuy nhiên Bảo Việt vẫn duy trì vị trí dẫn đầu trong với doanh thu phí gốc cả năm 2013 đạt 5.673 tỷ đồng, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2012, chiếm 23,2% thị phần.

Nhóm các doanh nghiệp ngoài 5 doanh nghiệp dẫn đầu tăng trưởng tốt đạt 15,6%, thị phần tăng từ 29,9% năm 2012 lên 32,4% năm 2013. Tăng trưởng cao của khu vực doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài một phần là nhờ sự tăng trưởng tích cực của nguồn vốn FDI (các nước châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc duy trì dòng vốn ổn định, vốn từ Trung Quốc, Đài Loan tăng cao).

Tỷ lệ phí giữ lại toàn thị trường cũng tăng từ 66,4% năm 2012 lên 69% năm 2013, một phần phản ánh năng lực bảo hiểm tăng và sự chuyển hướng tập trung khai thác sản phẩm bán lẻ.

Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ngày càng quan tâm đến thị trường bán lẻ

Do cầu bảo hiểm khu vực doanh nghiệp giảm đáng kể nên nhiều doanh nghiệp bảo hiểm tập trung đầu tư và phát triển thị trường bảo hiểm bán lẻ, khiến cạnh tranh trên phân khúc này ngày càng gay gắt. Bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm tài sản và bảo hiểm sức khỏe là 3 nghiệp vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất thị trường. Trong đó, bảo hiểm xe cơ giới tăng 8% và bảo hiểm sức khỏe tăng 27% so với năm 2012.

Bảo Việt tiếp tục thực hiện chiến lược tập trung khai thác thị trường bán lẻ, tăng trưởng sản phẩm cá nhân (nghiệp vụ xe cơ giới và bảo hiểm sức khỏe) đạt 14,5%, chiếm khoảng 64% tổng doanh thu phí gốc. Các doanh nghiệp khác cũng đẩy mạnh khai thác bán lẻ như

PVI (tăng trưởng sản phẩm cá nhân đạt 32,4%), BIC (26%), MIC (26,3%).

Tỷ lệ bồi thường tăng cao do xảy ra nhiều sự kiện rủi ro được bảo hiểm

Theo ước tính của Cục QLGSBH, tỷ lệ bồi thường bảo hiểm gốc toàn thị trường năm 2013 là 44%, tăng cao so với cùng kỳ 2012 là 39%.

Tỷ lệ bồi thường tăng cao do có nhiều sự kiện bảo hiểm xảy ra gây tổn thất lớn như tổn thất con tôm ở Đồng bằng Sông Cửu Long, các vụ cháy nổ của nhà máy da giấy Pouchen, pháo hoa Z121, Diana, diễn biến thời tiết phức tạp với 16 cơn bão đổ bộ vào Việt Nam (đặc biệt là cơn bão lớn số 10, 11)... Một số nghiệp vụ khác có tỷ lệ bồi thường cao là: thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu (103%), bảo hiểm cháy nổ (51%), bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính (52%)...

Bảo hiểm nông nghiệp tạm dừng sau 3 năm thí điểm

Trong giai đoạn 2011 - 2013, bảo hiểm nông nghiệp được thí điểm trên 20 tỉnh thành. Năm 2013, các nhà tái bảo hiểm quốc tế không nhận tái bảo hiểm cho các hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp liên quan đến tôm, cá do rủi ro cao, tỷ lệ bồi thường lớn - tỷ lệ thực bồi thường nông nghiệp năm 2013 là 330%. Từ lúc được triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp từ năm 2011 đến 31/9/2013 tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc là 426 tỷ đồng và tổng số tiền bồi thường thực trả 486 tỷ đồng.

Cạnh tranh thị trường diễn ra gay gắt

Bối cảnh kinh tế phục hồi chậm ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, khiến cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm ngày càng gay gắt. Hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh thông qua giảm phí vẫn khá phổ biến, vấn đề trực lợi bảo hiểm có xu hướng gia tăng phức

tạp, đặc biệt là tại các nghiệp vụ bán lẻ chính như bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm y tế, sức khỏe.

Tuy nhiên, xu hướng cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ngày càng theo hướng lành mạnh hơn. Để bắt kịp với xu hướng phát triển của thế giới, các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ bước đầu đã nghiên cứu và áp dụng công nghệ số vào việc phát triển sản phẩm, chăm sóc khách hàng và khai thác kênh phân phối mới. Các kênh phân phối mới như bancassurance và thương mại điện tử đã được nhiều doanh nghiệp như BIC, MIC... tập trung phát triển.

Tái cấu trúc được triển khai mạnh mẽ

Năm 2013 là năm đầu tiên triển khai Quyết định số 1826/TTg phê duyệt Đề án tái cấu trúc thị trường chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm. Tái cấu trúc doanh nghiệp bảo hiểm diễn ra khá mạnh mẽ thông qua việc thay đổi, luân chuyển các vị trí cấp cao tại nhiều doanh nghiệp bảo hiểm như PVI, Aon, Marsh, Bảo Ngân, Vietinbank Avia, Viễn Đông, AAA, UIC, Bảo Việt Tokio Marine, AIA, Prevoir.

Bên cạnh thay đổi nhân sự cấp cao, các doanh nghiệp bảo hiểm cũng tiến hành tái cấu trúc thông qua tăng vốn. Dẫn đầu xu thế đó, Bảo Việt tăng vốn điều lệ từ 1.800 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng, trở thành doanh nghiệp đứng đầu về quy mô vốn điều lệ trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam. Ngoài ra, còn có Bảo hiểm Quân đội MIC, PVI Insurance, PVI Re đã tăng vốn trong 2013. Riêng PVI Insurance, PVI Re có kế hoạch tăng thêm vốn trong 2014.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ tăng trưởng khả quan

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, mặt bằng lãi suất giảm mạnh, xu hướng người dân thắt chặt chi tiêu, gia tăng tiết kiệm... là những yếu tố giúp nhu cầu sản phẩm bảo hiểm nhân thọ tăng cao. Song song với điều kiện thị trường thuận lợi, những nỗ lực khai thác và phát triển kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ cũng là động lực phát triển của thị trường bảo hiểm nhân thọ năm 2013.

Theo số liệu của Cục QLGSBH, tổng doanh thu phí bảo hiểm của thị trường tăng 23,1% so với năm 2012, đạt mức 22.648 tỷ đồng. Tổng doanh thu phí của Bảo Việt đứng thứ 2 với doanh thu 6.316 tỷ đồng chiếm 28,7% thị phần. Thị phần tổng doanh thu phí bảo hiểm của các doanh nghiệp nhìn chung không có sự thay đổi đáng kể. Thị phần của 5 doanh nghiệp dẫn đầu chiếm 86,8% toàn thị trường.

Doanh thu phí khai thác mới có sự tăng trưởng bất phá

Theo số liệu cục QLGSBH, doanh thu khai thác mới toàn thị trường năm 2013 ước đạt 7.603 tỷ đồng, có mức tăng kỷ lục 45,9% so với cùng kỳ năm 2012. Bảo Việt Nhân thọ đứng thứ 2 thị trường với 1.459 tỷ đồng, chiếm 21,1% thị phần.

Nguyên nhân tốc độ tăng trưởng doanh thu khai thác mới tăng cao là các doanh nghiệp bảo hiểm tập trung phát triển các sản phẩm mới cùng với sự gia nhập của các doanh nghiệp mới. Trong năm 2013, các doanh nghiệp cũng đẩy mạnh khai thác sản phẩm bảo hiểm tử kỳ có hoàn phí qua kênh bancassurance, nhờ đó tăng trưởng doanh thu khai thác mới cao, như Prevoir, VCLI và Viettin Aviva.

Cạnh tranh tiếp tục gia tăng mạnh mẽ

Thị trường bảo hiểm nhân thọ 2013 đón nhận một làn sóng gia nhập mới. Trong năm 2013, Phú Hưng Life, BIDV MetLife xin được giấy phép hoạt động, PVI SunLife chính thức triển khai sản phẩm mới ra thị trường.

Xu hướng cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm nhân thọ tiếp tục diễn ra chủ yếu ở kênh phân phối truyền thống đại lý, cạnh tranh tập trung phát triển và nâng cao chất lượng đại lý qua đào tạo, chính sách thưởng hoa hồng... Đồng thời, các doanh nghiệp bảo hiểm cũng đẩy mạnh kênh phân phối mới như bancassurance và telesales kết hợp với phát triển sản phẩm, dịch vụ, gia tăng quyền lợi khách hàng.

Bảo hiểm hưu trí tự nguyện bước đầu được triển khai

Bảo hiểm hưu trí tự nguyện là xu hướng mới của thị trường bảo hiểm nhân thọ trong năm 2013 và được kỳ vọng là một động lực thúc đẩy thị trường phát triển trong trung và dài hạn. Đến nay đã có 6/15 doanh nghiệp bảo hiểm có giấy phép triển khai. Trong đó, có 3 doanh nghiệp là Dai ichi Life, AIA và Manulife đã đưa sản phẩm ra thị trường.

Tái cấu trúc các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ diễn ra mạnh mẽ

Năm 2013, nhiều doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ triển khai tăng vốn. Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ đã tăng vốn điều lệ từ 1.500 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng, trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu thị trường nhân thọ về quy mô vốn. Ngoài ra còn có một số công ty cũng đã tiến hành tăng vốn điều lệ là Generali tăng từ 720 tỷ đồng lên 800 tỷ đồng, Cathay tăng từ 966 tỷ đồng lên 2.008 tỷ đồng, AIA tăng từ 1.035 tỷ đồng lên 1.244 tỷ đồng.

Các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ mới gia nhập thị trường cũng có số vốn điều lệ quy mô tương đối lớn. Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life có vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng hiện đang

hoạt động rất tốt trên thị trường, và hai công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ BIDV MetLife với vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng và Phú Hưng Life với vốn điều lệ là 633 tỷ đồng có giấy phép và sẽ đi vào hoạt động trong 2014.

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

Thị trường tài chính - tiền tệ đã có nhiều điểm sáng: mặt bằng lãi suất giảm mạnh, tỷ giá ổn định, thị trường vàng được kiểm soát

Mặt bằng lãi suất giảm khá mạnh, cuối năm 2013, lãi suất huy động giảm 2-3%, lãi suất cho vay giảm 3-5% so với đầu năm 2013 trở về mức lãi suất của giai đoạn 2005-2006, nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định thị trường tiền tệ. Tuy nhiên, mặt bằng lãi suất sụt giảm đã ảnh hưởng đáng kể tới kết quả hoạt động đầu tư tài chính của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp bảo hiểm.

Tín dụng tăng tốc và bất ngờ vượt kế hoạch vào phút chót

Tính đến 31/12/2013, tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống ngân hàng đạt trên 12,5%. Con số này gây nhiều bất ngờ, bởi trước đó không lâu, Ngân hàng Nhà nước công bố con số tăng trưởng tín dụng đến ngày 12/12/2013 mới đạt 8,8%. Việc tăng trưởng tín dụng vượt kế hoạch đạt được do nhiều ngân hàng lớn tăng trưởng tín dụng cao hơn mức tăng trưởng chung của toàn ngành. Tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng Bảo Việt cũng ở mức khá đạt 14%.

Mặc dù thị trường đã ổn định hơn năm 2012, hệ thống ngân hàng vẫn phải đối mặt với nhiều rủi ro, đặc biệt là tỷ lệ nợ xấu vẫn ở mức cao.

Dù rất quyết tâm, nhưng vấn đề lớn nhất trong quá trình thực hiện tái cơ cấu của ngành ngân hàng là xử lý nợ xấu đã không được như mong đợi. Nợ xấu vẫn ở mức cao, nợ xấu trên tổng

dư nợ của các tổ chức tín dụng tăng 23,73% so với năm 2012 chiếm tỷ lệ 3,79% tổng dư nợ tín dụng.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Thị trường chứng khoán sôi động

Thị trường chứng khoán 2013 đánh dấu một năm thành công cả về giá trị và khối lượng giao dịch. VN-Index đạt 504,63 điểm ngày 31/12/2013, tăng 21,97% so với cuối 2012, HNX-Index đạt 67,84 điểm, tăng 18,8%. Khối lượng và giá trị giao dịch bình quân cả năm lần lượt tăng 12% và 21,3% trên sàn Tp. Hồ Chí Minh và 11,5% và 31,9% trên sàn Hà Nội so với cùng kỳ 2012. Thị trường cổ phiếu 2013 là kênh thu hút vốn đầu tư khá lớn trong nền kinh tế.

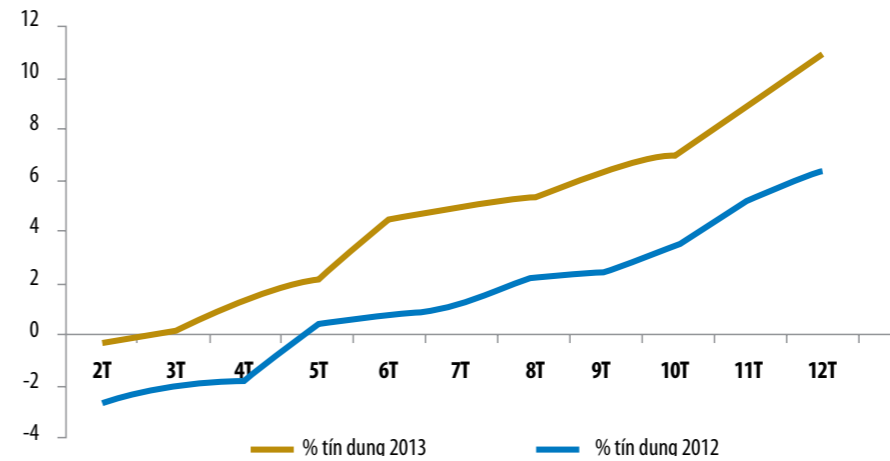
Thị trường chứng khoán tăng trưởng tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư cổ phiếu của Tập đoàn Bảo Việt, các đơn vị thành viên và hoạt động kinh doanh dịch vụ chứng khoán của Công ty Chứng khoán Bảo Việt. Công ty Chứng khoán Bảo Việt tiếp tục tăng trưởng có lợi nhuận, vượt kế hoạch kinh doanh 2013, vươn lên giành vị trí số 1 về thị phần môi giới trái phiếu trên sàn HOSE, đứng thứ 4 thị phần môi giới trái phiếu trên sàn HNX và Top 10 thị phần môi giới cổ phiếu trên sàn HNX.

Tái cấu trúc mạnh mẽ TTCK và bùng nổ sự ra đời các quỹ mở

Năm 2013 đánh dấu năm tái cấu trúc TTCK từ khung pháp lý tới cơ chế giao dịch và là năm bùng nổ sự ra đời của các quỹ mở.

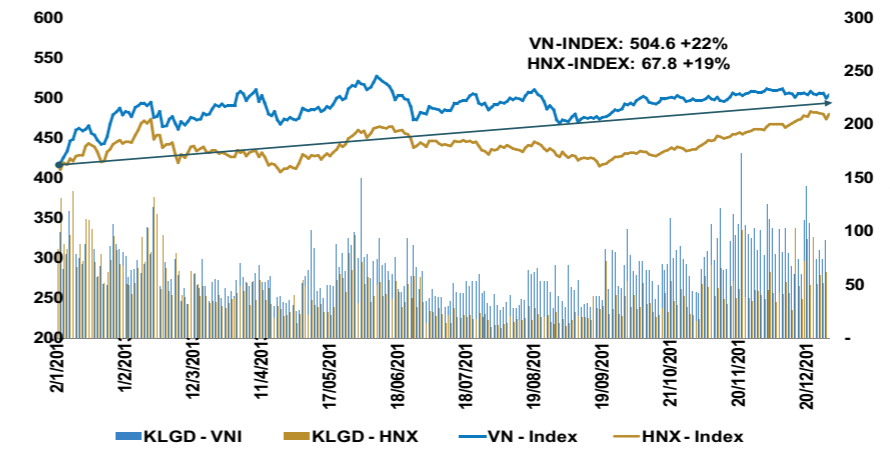
Từ 2 quỹ mở đầu tiên thành lập vào tháng 12/2012, quỹ mở phát triển nhanh chóng trên cơ sở chuyển đổi các quỹ đóng sang quỹ mở và thành lập các quỹ mở mới. Tính đến hết tháng 12, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp phép thành lập cho 10 quỹ mở.

Tăng trưởng tín dụng 2012-2013 (%)



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

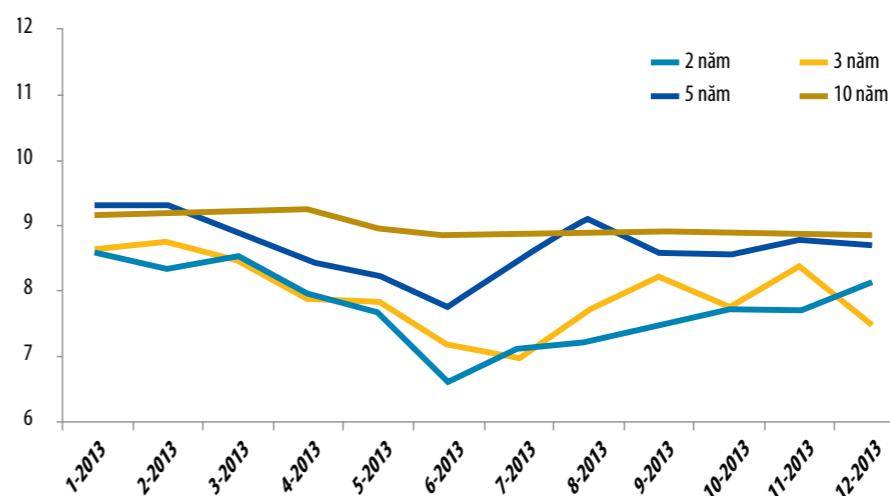
Diễn biến thị trường chứng khoán 2013



(* Số điểm đóng cửa của VN-Index ngày 2/1/2013 là mức điểm gốc để tính toán dữ liệu HNX Index năm 2013 nhằm thể hiện mức độ tương quan giữa 2 chỉ số.

Nguồn: HOSE, HNX

Lãi suất thực trái phiếu chính phủ năm 2013 (%)



Nguồn: HNX

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Thị trường trái phiếu tiếp tục là kênh đầu tư hấp dẫn trong năm 2013 trong bối cảnh các kênh đầu tư khác đối mặt với rủi ro gia tăng.

Giao dịch trên thị trường sơ cấp và thứ cấp tăng mạnh so với năm 2012. Dư nợ trái phiếu/GDP năm 2013 đạt 19,1%, cao hơn 16,6% năm 2012. Lãi suất trái phiếu giảm mạnh trong 6 tháng đầu năm và tăng nhẹ 6 tháng cuối năm, đà tăng chủ yếu ở các kỳ hạn ngắn và ổn định ở các kỳ hạn dài. Mặt bằng lãi suất trái phiếu giảm làm tăng giá trị thị trường của danh mục trái phiếu hiện tại, song lại tạo sức ép cho danh mục đầu tư mới. Thị trường trái phiếu sơ cấp cũng phát hành một số đợt trái phiếu kỳ hạn dài 10 - 15 năm, tuy nhiên số lượng phát hành rất hạn chế, chiếm chưa đầy 5% tổng khối lượng phát hành, do vậy, chỉ đáp ứng 1 phần nhỏ nhu cầu đầu tư dài hạn của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ.

Năm 2013 tiếp tục ghi nhận việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý cho hoạt động của thị trường. Một trong những dấu ấn của thị trường trái phiếu là từ tháng 3, HNX đã ban hành quy định và xây dựng đường cong lãi suất chuẩn cho trái phiếu Chính phủ, nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng một đường cong lãi suất chuẩn cho thị trường trái phiếu Việt Nam và làm cơ sở để các thành viên có thể định giá giá trị danh mục đầu tư.

TRIỂN VỌNG KINH TẾ NĂM 2014

Năm 2014, mặc dù xuất hiện những yếu tố tích cực về nền tảng kinh tế vĩ mô của Việt Nam, các tổ chức quốc tế tiếp tục giữ thái độ thận trọng khi đưa ra mức dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam từ 5,4%-5,6%. Các khuyến nghị được đưa ra theo hướng Việt Nam cần nhanh chóng tái cơ cấu nền kinh tế và giải quyết nợ xấu hơn là tập trung cho tăng trưởng.

CƠ HỘI

Kinh tế vĩ mô

Trong nước, trọng tâm các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô tiếp tục là ổn định, kiểm soát lạm phát; tăng trưởng hợp lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế trên cơ sở đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược bao gồm hoàn thiện thể chế, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng kết cấu hạ tầng gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế. Một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch phát triển kinh tế năm 2014 được Quốc hội phê duyệt tại kỳ họp thứ 13 như sau: GDP 5,8%, lạm phát 7%, tăng trưởng xuất khẩu 10%, tỷ lệ nhập siêu khoảng 6% kim ngạch xuất khẩu, tổng vốn đầu tư toàn xã hội 30% GDP.

Với những kết quả đạt được trong năm 2013 và kỳ vọng Chính phủ tiếp tục có các chính sách điều hành hiệu quả, môi trường vĩ mô năm 2014 có cơ sở để ổn định hơn. Chúng tôi duy trì mức dự báo thận trọng, GDP ở mức 5,5-5,7%, lạm phát 6-7%, tăng trưởng xuất khẩu 15%, FDI thực hiện 12 tỷ USD.

Thị trường bảo hiểm

Với triển vọng ổn định hơn của nền kinh tế và động lực bền vững về dân số, xã hội, doanh thu phí thị trường bảo hiểm nhân thọ năm 2014 dự báo tăng trưởng khả quan ở mức 13-15%. Mặt bằng lãi suất duy trì mức thấp dự báo sẽ tiếp tục kích thích xu hướng khách hàng chuyển sang đầu tư qua hợp đồng bảo hiểm nhân thọ để thay thế cho tiết kiệm ngân hàng và các kênh đầu tư khác khiến nhu cầu bảo hiểm nhân thọ tăng cao, đặc biệt là các sản phẩm có tính tiết kiệm, đầu tư.

Với kỳ vọng đầu tư và sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, sức mua tiêu dùng trong dân cư có những cải thiện bước đầu góp phần thúc đẩy nhu cầu bảo hiểm phi nhân thọ của cả khu vực doanh nghiệp và hộ gia đình mặc dù chỉ ở mức thấp, doanh thu phí bảo hiểm gốc của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ dự báo tăng trưởng ở mức 8-10%.

Thị trường tiền tệ - ngân hàng

Mặt bằng lãi suất dự báo duy trì ở mức thấp, lãi suất cho vay có khả năng giảm

nhẹ nhằm kích thích tăng trưởng tín dụng, hỗ trợ khu vực doanh nghiệp. Ngân hàng Nhà nước đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2014 là 12-14%. Nợ xấu được đẩy mạnh xử lý, VAMC đang xây dựng phương án giải quyết và mua bán lại nợ xấu trên thị trường. Tái cơ cấu ngân hàng kỳ vọng tiếp tục triển khai. Tỷ giá dự báo ổn định.

Thị trường cổ phiếu

Niềm tin của nhà đầu tư được củng cố bởi hiệu quả chính sách và sự phục hồi của nền kinh tế. Dòng vốn của nhà đầu tư nước ngoài dự báo tích cực nhờ các chính sách nới room cho khối ngoại như nâng tỷ lệ sở hữu của một nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng từ 15% lên 20%, dự kiến cho phép nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 60% cổ phiếu có quyền biểu quyết và tâm lý của nhà đầu tư trong nước kỳ vọng tiếp tục ổn định theo đà phục hồi của nền kinh tế. Dự báo thị trường cổ phiếu năm 2014 trở thành kênh thu hút vốn cạnh tranh trong nền kinh tế. Thị trường tăng trưởng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư cổ phiếu và hoạt động của công ty chứng khoán.

Thị trường trái phiếu

Nguồn cung trái phiếu 2014 trên thị trường lớn hơn năm 2013. Theo kế hoạch của Bộ Tài chính, tổng số trái phiếu chính phủ phải huy động trong năm 2014 là 394.000 tỷ đồng, tăng khoảng 100 ngàn tỷ đồng so với năm 2013. Về cầu trái phiếu, năm 2014 dự báo nhu cầu đối với kênh đầu tư trái phiếu ổn định do trái phiếu vẫn là kênh đầu tư an toàn của các tổ chức tín dụng và các doanh nghiệp bảo hiểm trong bối cảnh kinh tế vĩ mô 2014 dự báo vẫn khó khăn, tăng trưởng tín dụng ngân hàng và các kênh đầu tư dài hạn hạn chế.

THÁCH THỨC

Kinh tế vĩ mô

Mặc dù bức tranh kinh tế 2014 dự báo có nhiều điểm tích cực hơn 2013 song quá trình hồi phục của nền kinh tế 2014 vẫn trong giai đoạn ban đầu. Tổng cầu của nền kinh tế còn yếu, sự hồi phục của doanh nghiệp và gia tăng sức cầu thị trường có thể diễn ra chậm hơn mong đợi, lòng tin xã hội vẫn còn rất mong manh. Lạm phát được kỳ vọng ở mức thấp song áp lực tăng giá vẫn còn (tăng giá điện, biến động tăng giá xăng, dầu, tăng lương tối thiểu vùng từ đầu năm 2014).

Thị trường bảo hiểm

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ trong năm 2014 dự báo vẫn chịu tác động bởi sự phục hồi chậm của nền kinh tế, đầu tư toàn xã hội ở mức thấp, tình trạng nợ phi bảo hiểm kéo dài, trực lợi bảo hiểm tăng. Mặt bằng lãi suất huy động thấp khiến doanh thu từ hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm giảm, tạo áp lực lên lợi nhuận. Cạnh tranh thị trường ngày càng gay gắt do nhiều doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ chuyển hướng khai thác sản phẩm bán lẻ và sự gia nhập thị trường của một số doanh nghiệp bảo

hiểm nhân thọ mới như Liên doanh BIDV Metlife. Quy định quản lý giám sát nhà nước sẽ chặt chẽ hơn về vốn, xử phạt hành chính trong kinh doanh bảo hiểm, quy định về Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm... sẽ tạo áp lực tăng vốn, công khai, minh bạch hoạt động kinh doanh và gia tăng chi phí cho doanh nghiệp bảo hiểm.

Thị trường tiền tệ - ngân hàng

Thị trường tiền tệ mặc dù ổn định song vẫn còn nhiều khó khăn. Xử lý nợ xấu, tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, nâng cao chất lượng tăng trưởng tín dụng vẫn là những vấn đề nổi cộm cần giải quyết triệt để. Các ngân hàng quy mô nhỏ sẽ đứng trước sức ép về cạnh tranh thị phần và áp lực tăng quy mô vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Chênh lệch lãi suất cho vay và huy động giảm do mặt bằng lãi suất cho vay giảm nhằm đẩy mạnh tín dụng sẽ tạo áp lực lợi nhuận cho các ngân hàng.

Thị trường cổ phiếu

Việt Nam không chịu tác động đáng kể từ việc cắt giảm dòng vốn của các quỹ đầu tư quốc tế tại khu vực thị trường mới nổi khi FED cắt giảm QE3 từ tháng 1/2014. Tuy nhiên, sự biến động của thị trường cổ phiếu sẽ chịu tác động chính từ các yếu tố nội tại và sự thay đổi của lượng vốn nước ngoài đổ vào thị trường Việt Nam trong cả năm 2014. Xét về tổng thể, thị trường chứng khoán 2014 vẫn tiếp tục chịu những tác động từ các rủi ro vĩ mô của kinh tế thế giới và kinh tế trong nước (nợ xấu cao, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn...) để có thể phát triển bền vững.

Thị trường trái phiếu

Trên thị trường trái phiếu, giao dịch thị trường dự báo chủ yếu vẫn tập trung ở các kỳ hạn ngắn, các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ có ít lựa chọn đối với công cụ đầu tư trái phiếu dài hạn. Dự báo lãi suất trái phiếu sẽ có xu hướng tăng nhẹ năm 2014, làm giảm giá trị của danh mục trái phiếu đang nắm giữ.



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2013 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2014

Năm 2013, trong bối cảnh kinh tế đầy khó khăn và thách thức, với quyết tâm cao trong quản trị điều hành của Hội đồng Quản trị cùng với nỗ lực trong công tác chỉ đạo của Ban Điều hành Tập đoàn và các đơn vị thành viên, sự đồng lòng của cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống, sự ủng hộ của quý vị khách hàng, cổ đông và các đối tác, Tập đoàn vẫn đạt được sự ổn định về doanh thu, lợi nhuận.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2013

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT TOÀN TẬP ĐOÀN

Doanh thu hợp nhất giữ đà tăng trưởng trong bối cảnh kinh tế không thuận, nòng cốt vẫn là lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2013 đạt 17.096 tỷ đồng, tăng 6,8% so với năm 2012, tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2009-2013 đạt 12,8%, trong đó:

- Tổng doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ là 8.482 tỷ đồng, tăng trưởng 15,8% so với năm 2012, hoàn thành vượt mức kế hoạch 9,6%, đóng góp mạnh vào tổng doanh thu hợp nhất. Doanh thu khai thác mới đạt 1.459 tỷ đồng, tăng trưởng 24% so với cùng kỳ.
- Tổng doanh thu trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ là 6.646 tỷ đồng, tăng trưởng 3,9% so với năm 2012 và cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra.
- Thu nhập từ hoạt động ngân hàng là 1.213 tỷ đồng.
- Tổng doanh thu trong lĩnh vực tài chính & khác là 1.098 tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm luôn là điểm mạnh và tiếp tục ghi nhận thành công trong năm 2013 đầy khó khăn là nhờ Tập đoàn đã phát huy các thế mạnh vốn có, nỗ lực khai thác và phát triển kinh doanh. Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ đạt mức tăng trưởng doanh thu ấn tượng. Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ ghi nhận kết quả doanh thu tương đối khả quan so với các doanh nghiệp phi nhân thọ khác vì lĩnh vực này không có nhiều cơ hội kinh doanh trong năm 2013, trong điều kiện GDP tăng trưởng thấp, đà phục hồi kinh tế chậm và Chính phủ hạn chế đầu tư công. Ngoài ra, việc Tập đoàn bổ sung vốn điều lệ cho Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ lên 2.000 tỷ đồng cũng đã hỗ trợ không nhỏ trong việc phát triển kinh doanh của đơn vị. Hoạt động đầu tư tài chính cơ bản ổn định. Bảo Việt đã thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư phù hợp với tình hình biến động của thị trường, đồng thời xây dựng chiến lược đầu tư trung và dài hạn hợp lý. Lĩnh vực quản lý và đầu tư bất động sản vẫn đạt mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ trong điều kiện chịu tác động của sự đóng băng trên thị trường và việc cắt giảm đầu tư công của Chính phủ.

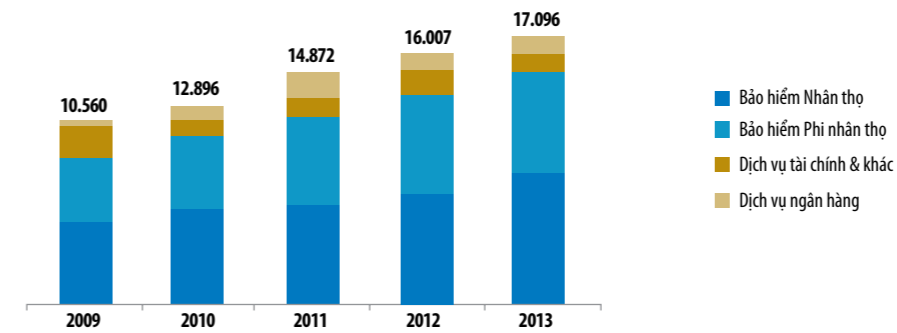
Đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, lợi nhuận hợp nhất cơ bản hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm

Trước một số biến động không thuận lợi trong năm 2013, lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn Tập đoàn có phần bị ảnh hưởng, nhưng cơ bản hoàn thành thành mục tiêu kế hoạch. Kết quả kinh doanh đã được tiên lượng trước khi Đại hội đồng Cổ đông thông qua kế hoạch năm 2013.

Trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, Bảo Việt đã rất nỗ lực mang về kết quả doanh thu tương đối khả quan, vượt qua khó khăn của nền kinh tế và môi trường kinh doanh không thuận lợi, tuy nhiên trong năm nay xảy ra nhiều sự kiện bảo hiểm lớn gây ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh doanh. Lợi nhuận từ lĩnh vực dịch vụ tài chính & khác chịu tác động của việc lãi suất liên tục giảm và nguồn vốn đầu tư giảm. Trong năm 2013, nguồn vốn đầu tư giảm do Công ty Mẹ thực hiện tăng vốn điều lệ cho các Công ty Con theo chiến lược 2011-2015 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Khoản đầu tư này không mang lại lợi nhuận tức thì trong năm nay mà có độ trễ nhất định vào những năm tới.

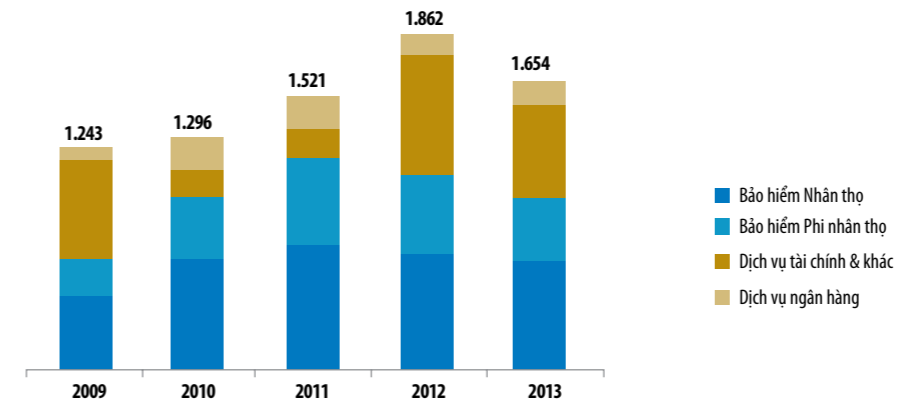
Tổng doanh thu hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

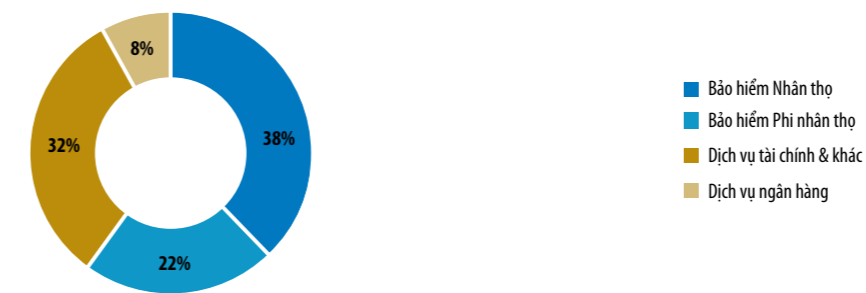


LN trước thuế hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng



Cơ cấu LN trước thuế hợp nhất 2013



Trong bối cảnh này, lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ tiếp tục đạt mức tăng trưởng lợi nhuận ổn định, bền vững và đóng góp tỷ trọng lớn nhất trong lợi nhuận hợp nhất năm 2013. Lợi nhuận từ hoạt động ngân hàng tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ, chủ yếu do chi phí trả lãi huy động tiền gửi khách hàng giảm.

Mặc dù có những biến động lớn về lợi nhuận của từng lĩnh vực kinh doanh nhưng cơ cấu lợi nhuận vẫn giữ được sự ổn định như năm trước: đóng góp lớn nhất vào lợi nhuận hợp nhất năm 2013 vẫn là lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ (38%). Lợi nhuận từ lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm phi nhân thọ đóng góp 22% vào lợi nhuận hợp nhất; lĩnh vực dịch vụ tài chính & khác là 32%.

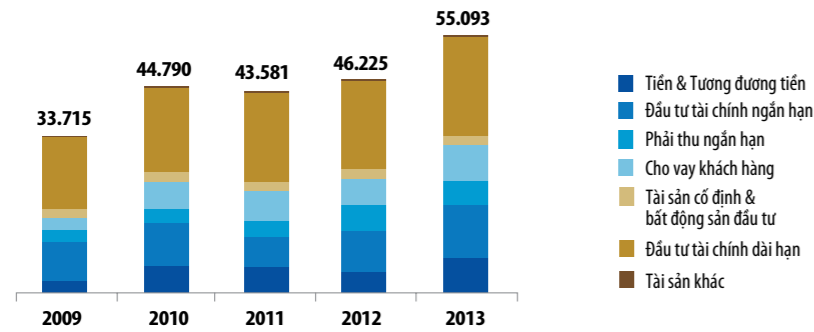
Tài sản hợp nhất tăng trưởng ấn tượng, tiền gửi và trái phiếu tăng mạnh, chiếm tỷ trọng cao, đảm bảo an toàn

Tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn Bảo Việt tăng mạnh qua các năm 2009 - 2013, năm 2013, tổng tài sản tăng 8.868 tỷ đồng so với năm 2012 do hoạt động repo trái phiếu được đẩy mạnh, các đơn vị cũng tăng cường đầu tư vào trái phiếu và đầu tư vào tiền gửi - kênh đầu tư an toàn, hiệu quả nhất trong bối cảnh kinh tế hiện nay.

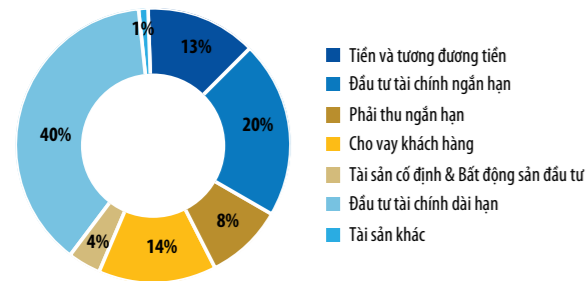
Cụ thể, cuối năm 2013, tổng tài sản hợp nhất của Bảo Việt tăng mạnh lên 55.093 tỷ đồng, tăng 19,2% so với năm 2012. Trong đó, tiền và tương đương tiền tăng nhiều nhất 79,5% so với năm 2012, trong đó chủ yếu do tăng cường các hoạt động repo trái phiếu để tận dụng khoảng cách lãi suất có lợi. Tiếp theo đó, đầu tư trái phiếu tăng 24,3% so với năm ngoái, chủ yếu là từ Bảo Việt Nhân thọ và Ngân hàng Bảo Việt. Thực hiện đúng chủ trương của Hội đồng Quản trị, Tập đoàn thực hiện tái cơ cấu danh mục cổ phiếu, thanh toán cổ phiếu có tính thanh khoản thấp. Giá trị đầu tư cổ phiếu giảm 3,9% trong năm 2013. Cho vay khách hàng tăng 843 tỷ đồng (12%) so với năm 2012 do tận dụng lợi thế tăng vốn điều lệ của

Tổng tài sản hợp nhất

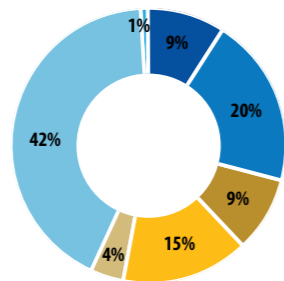
Đơn vị: tỷ đồng



Cơ cấu tài sản hợp nhất năm 2013



Cơ cấu tài sản hợp nhất năm 2012



Ngân hàng Bảo Việt (từ 1.500 tỷ đồng lên đến 3.000 tỷ đồng) và các chính sách marketing nhằm tăng cường thu hút tiết kiệm phát huy hiệu quả.

Có thể nhận thấy, khoản mục tiền và tương đương tiền tăng mạnh (tăng 3.240 tỷ đồng, 79% so với năm 2012) là nguyên nhân chính dẫn đến tăng tỷ trọng của tài sản ngắn hạn (29%). Trong khi đó, tài sản dài hạn tăng nhẹ 13% so với năm 2012 do tăng cường đầu tư trái phiếu.

Như vậy, xu hướng tăng trưởng mạnh tài sản chủ yếu là từ tài sản ngắn hạn đã khiến cho tính thanh khoản của Bảo Việt tăng lên, tạo ra thế mạnh cạnh tranh và tính linh hoạt trong hoạt động đầu tư, kinh doanh, rất phù hợp với tình hình thị trường, khi nền kinh tế chưa có chuyển biến khởi sắc rõ rệt.

Cơ cấu tài sản

Cơ cấu tài sản toàn Tập đoàn khá ổn định qua các năm. Chiếm tỷ trọng lớn nhất luôn là các khoản đầu tư tài chính dài hạn (trên 40%), tiếp đến là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (20%), cho vay khách hàng (14%-15%); tiền và các khoản tương đương tiền (9%-13%). Nhìn chung, cơ cấu tài sản năm 2013 không có biến động lớn so với năm trước, cơ cấu tài sản tương đối an toàn, không có sự dịch chuyển đáng kể.

Nguồn vốn hợp nhất được tăng cường, trong đó vốn huy động từ dân cư tăng mạnh là một nỗ lực lớn trong mảng ngân hàng

Tổng nguồn vốn năm 2013 có bước tiến mạnh so với đà tăng trưởng thấp của những năm trước đó, đạt 55.093 tỷ đồng, cao hơn 8.868 tỷ đồng so với năm 2012. Trong đó tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Bảo Việt tăng trưởng tới 62%, đạt 11.552 tỷ đồng, ghi nhận nguồn huy động tiền gửi từ dân cư là khá dồi dào. Nợ ngắn hạn cũng có mức tăng 51% trong đó chủ yếu là phải trả các hợp đồng repo trái phiếu lên đến 3.355 tỷ đồng. Đặc biệt trong năm 2013 dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm đã tăng thêm 2.452 tỷ đồng nhằm đảm bảo sự chủ động của Bảo Việt trong việc giảm thiểu các tổn thất tài chính có thể xảy ra trong tương lai.

Quy mô tài sản

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	Thay đổi	
				+/-	%+/-
1	Tiền và tương đương tiền	4.078	7.318	3.240	79,5%
2	Tiền gửi	10.745	11.363	618	5,7%
	<i>Dự phòng tiền gửi</i>	<i>(591)</i>	<i>(739)</i>	<i>(148)</i>	<i>25,1%</i>
3	Cổ phiếu	2.354	2.263	(92)	-3,9%
	<i>Dự phòng giảm giá chứng khoán</i>	<i>(870)</i>	<i>(639)</i>	<i>231</i>	<i>-26,5%</i>
4	Trái phiếu	16.052	19.946	3.894	24,3%
	<i>Dự phòng trái phiếu</i>	<i>(132)</i>	<i>(140)</i>	<i>(8)</i>	<i>6,3%</i>
5	Cho vay ủy thác / giải ước	713	718	5	0,8%
	<i>Dự phòng cho vay ủy thác</i>	<i>(48)</i>	<i>(48)</i>	<i>(0)</i>	<i>0,9%</i>
6	Cho vay khách hàng	7.043	7.886	843	12,0%
7	Tài sản khác	4.504	4.825	320	7,1%
8	Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	366	368	2	0,6%
9	Tài sản cố định (vô hình và hữu hình)	2.009	1.972	(37)	-1,9%
	Tổng tài sản	46.225	55.093	8.868	19,2%

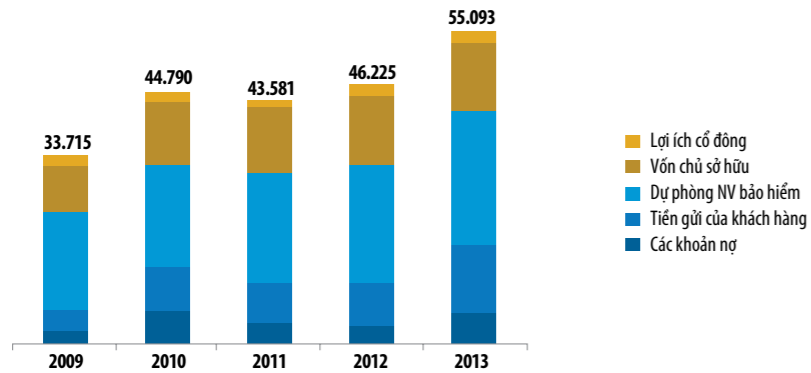
Quy mô nguồn vốn

Đơn vị: tỷ đồng

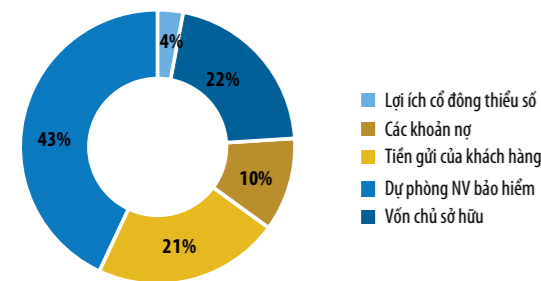
STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	Thay đổi	
				+/-	%+/-
1	Các khoản nợ	3.851	5.828	1.976	51%
2	Tiền gửi của khách hàng	7.148	11.552	4.403	62%
3	Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	21.046	23.499	2.452	12%
4	Vốn chủ sở hữu	12.114	12.125	12	0%
5	Lợi ích cổ đông thiểu số	2.065	2.090	25	1,2%
	Tổng nguồn vốn	46.225	55.093	8.868	19,2%

Tổng nguồn vốn hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng



Cơ cấu nguồn vốn hợp nhất năm 2013



Cơ cấu nguồn vốn

Trong cơ cấu nguồn vốn, tỷ trọng vốn chủ sở hữu giảm từ 26% trong năm 2012 xuống còn 22% năm 2013. Các khoản nợ gia tăng tỷ trọng, chiếm gần

11% tổng nguồn vốn do Tập đoàn đẩy mạnh repo trái phiếu tại Bảo Việt Nhân thọ. Tập đoàn Bảo Việt không có nợ xấu, nợ lâu ngày và đặc biệt là không có nợ vay. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng

cao nhất với 43% cơ cấu nguồn vốn. Nhờ đó, khả năng thanh toán của Tập đoàn trong năm 2013 cũng như trong các năm tài chính tiếp theo tiếp tục được đảm bảo ở mức tốt.

Dự kiến tổng nguồn vốn của toàn Tập đoàn sẽ còn tiếp tục tăng nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư trước triển vọng phục hồi kinh tế trong năm 2014.

Khả năng thanh toán các đơn vị thành viên trong Tập đoàn luôn đảm bảo

Hệ số thanh toán hiện thời và hệ số thanh toán nhanh thời điểm 31/12/2013 của các đơn vị thuộc Tập đoàn đều được duy trì ở mức khả quan và an toàn. Thông qua việc tiếp tục tăng vốn cho Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ lên đến 2.000 tỷ đồng, biên khả năng thanh toán của hai đơn vị được cải thiện đáng kể, đáp ứng vượt mức yêu cầu của Bộ Tài chính và nâng cao năng lực cạnh tranh – khai thác bảo hiểm.

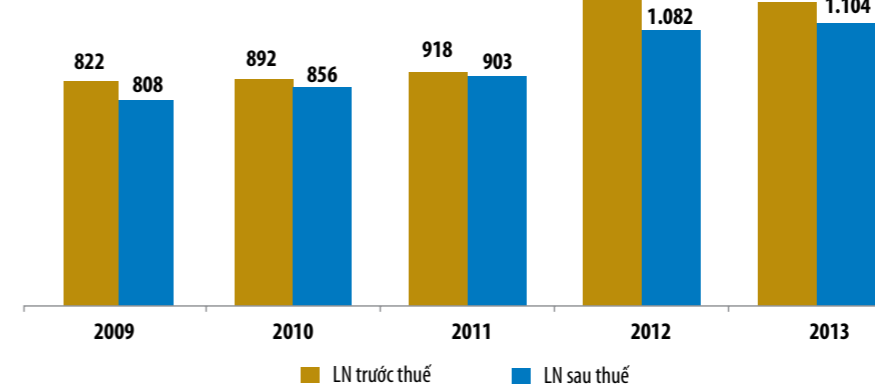
Khả năng sinh lời giữ ở mức khả quan

Năm 2013, các chỉ số về doanh thu và đặc biệt là tổng tài sản có sự tăng trưởng mạnh (tổng tài sản hợp nhất tăng 19,2%, chủ yếu vào quý IV năm 2013) trong khi lợi nhuận thấp hơn so với 2012 dẫn đến các chỉ số sinh lời không duy được đà tăng trưởng của 3 năm liền trước. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ vẫn giữ được ở mức khả quan trong bối cảnh thị trường khó khăn.

STT	Tỷ suất sinh lời	Hợp nhất				
		2009	2010	2011	2012	2013
1	Lợi nhuận sau thuế / Tổng doanh thu	9,6%	7,8%	8,1%	8,9%	7,2%
2	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	3,0%	2,2%	2,8%	3,1%	2,2%
3	Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	11,9%	9,4%	10,3%	11,8%	10,2%
4	Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	17,7%	16,0%	17,7%	21,0%	18,1%

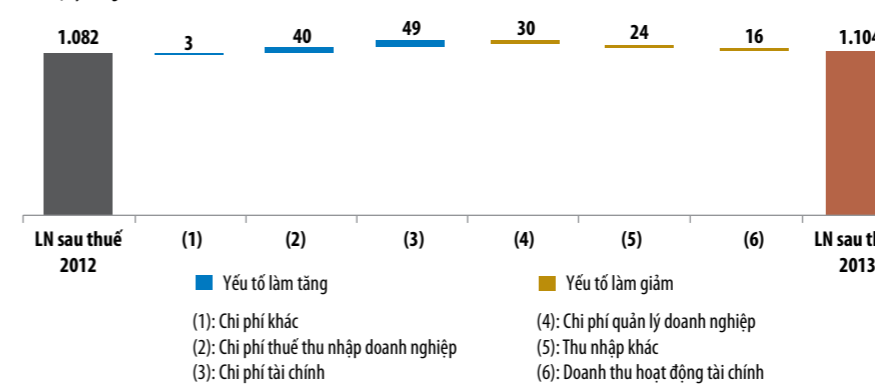
Lợi nhuận Công ty Mẹ

Đơn vị: tỷ đồng



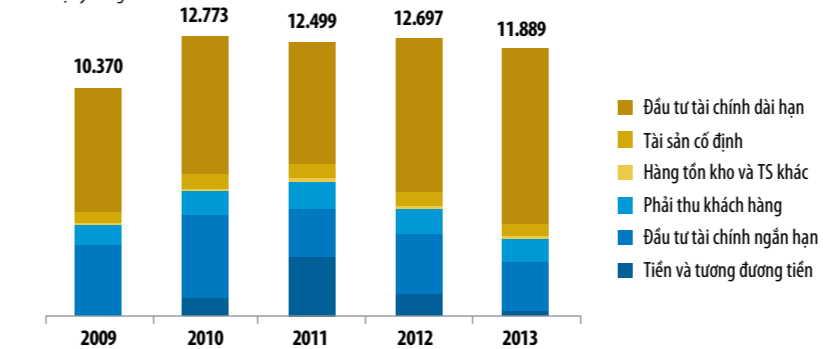
Các yếu tố tác động đến lợi nhuận sau thuế Công ty Mẹ 2013

Đơn vị: tỷ đồng

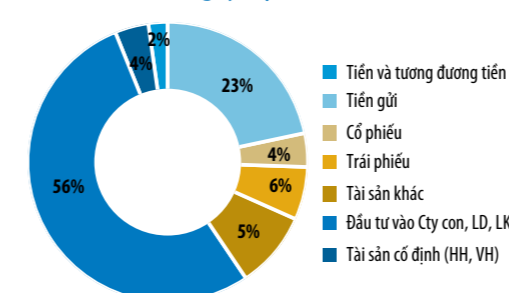


Tổng tài sản Công ty Mẹ

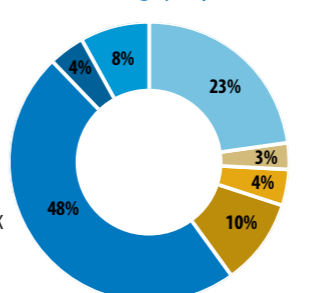
Đơn vị: tỷ đồng



Cơ cấu tài sản Công ty Mẹ năm 2013



Cơ cấu tài sản Công ty Mẹ năm 2012



KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ tiếp tục tăng trưởng.

Hoạt động của Công ty Mẹ tăng trưởng ổn định qua các năm dù tình hình kinh tế trong nước nói chung và thị trường tài chính nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn.

Lợi nhuận trước thuế năm 2013 đạt 1.192 tỷ đồng; bằng 102,7% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.104 tỷ đồng; bằng 100,1% kế hoạch, tăng trưởng 2,1% so với cùng kỳ. Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 16,2%; đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức như đã cam kết với cổ đông.

So với năm 2012, lợi nhuận sau thuế Công ty Mẹ tăng 22 tỷ đồng. Trong đó, các biến động đáng lưu ý chủ yếu từ hoạt động tài chính. Thị trường lãi suất cố định diễn biến bất lợi (lãi suất tiết kiệm liên tục giảm trong năm) và nguồn vốn đầu tư giảm do Công ty Mẹ tăng cường năng lực tài chính cho các Công ty Con (Bảo hiểm Bảo Việt: 500 tỷ đồng từ cuối năm 2012, Bảo Việt Nhân thọ: 500 tỷ đồng cuối năm 2013) với hiệu quả đầu tư có độ trễ vào những năm sau; dẫn tới doanh thu đầu tư từ danh mục lãi suất cố định giảm. Đây là nguyên nhân chính khiến doanh thu hoạt động tài chính Công ty Mẹ 2013 thấp hơn 2012. Tuy nhiên, nhờ sự khởi sắc của thị trường chứng khoán, Công ty Chứng khoán Bảo Việt liên tục có lãi và vượt kế hoạch, chi phí tài chính Công ty Mẹ giảm 49 tỷ đồng so với 2012 nhờ được hoàn nhập thêm dự phòng cổ phiếu. Doanh thu cho thuê nhà 2013 vẫn tương đương mức cùng kỳ.

Cơ cấu tài sản của Công ty Mẹ dịch chuyển theo hướng tăng cường đầu tư dài hạn

Tổng tài sản năm 2013 đạt 11.889 tỷ đồng, giảm 6,4% so với năm 2012 chủ yếu do chuyển trả tài sản ủy thác cho

Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ (tổng cộng khoảng 500 tỷ đồng). Tài sản ngắn hạn của Công ty Mẹ là 3.269 tỷ đồng, chiếm 27,5% tổng tài sản; tài sản dài hạn là 8.620 tỷ đồng, chiếm 72,5% tổng tài sản.

Nguồn vốn chủ sở hữu Công ty Mẹ tại 31/12/2013 đạt 11.494 tỷ đồng, tăng 30 tỷ đồng (0,3%) so với cuối năm 2012

do tăng lợi nhuận chưa phân phối sau khi đã trừ phần cổ tức trả cho cổ đông.

Có sự chuyển dịch từ tài sản ngắn hạn (tiền và tương đương tiền) sang tài sản dài hạn do Công ty Mẹ giảm phần đầu tư ngắn hạn để góp thêm vốn vào các đơn vị thành viên (Bảo hiểm Bảo Việt: 200 tỷ đồng, Bảo Việt Nhân thọ: 500 tỷ đồng) làm tăng tương ứng

khoản đầu tư tài chính dài hạn (đầu tư vào Công ty Con).

Về cơ cấu đầu tư, ngoài các khoản đầu tư vào Công ty Con, liên doanh, liên kết luôn chiếm tỷ trọng lớn (56% vào năm 2013) và dự kiến sẽ còn tiếp tục gia tăng, tiền gửi là mảng đầu tư có tính thanh khoản cao cũng được duy trì.

Vốn chủ sở hữu ổn định, đảm bảo phát triển bền vững

STT	Cơ cấu nguồn vốn	Công ty Mẹ				
		2009	2010	2011	2012	2013
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	18,6%	17,7%	10,2%	9,7%	3,3%
1.1	Nợ ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	18,4%	17,5%	10,0%	9,7%	3,3%
1.2	Nợ dài hạn/Tổng nguồn vốn	0,2%	0,2%	0,2%	0,0%	0,0%
2	Vốn CSH/Tổng nguồn vốn	81,4%	82,3%	89,8%	90,3%	96,7%

Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt có nguồn vốn chủ sở hữu ổn định. Tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn tăng dần qua các năm, chiếm 96,7% tổng nguồn vốn vào năm 2013.

Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn của Công ty Mẹ luôn ở mức thấp và tiếp tục giảm mạnh trong năm 2013 xuống mức 3,3%.

Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt không có nợ ngân hàng và các tổ chức tín dụng bên ngoài.

Khả năng thanh toán luôn ở mức cao

STT	Khả năng thanh toán	Công ty Mẹ				
		2009	2010	2011	2012	2013
1	Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2,17	2,6	4,84	4,01	8,28
2	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	2,17	2,6	4,84	4,01	8,28

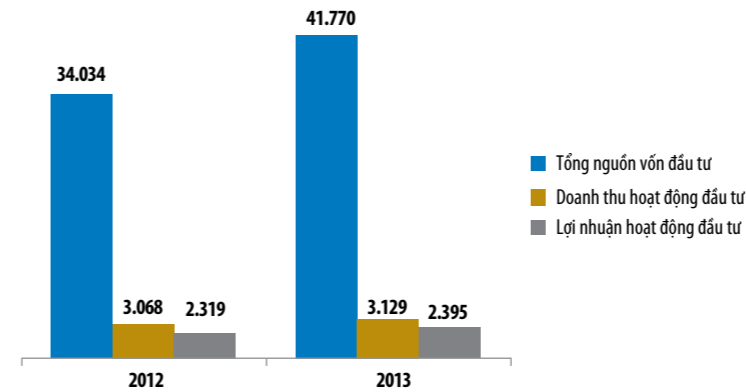
Các chỉ tiêu thanh toán của Công ty Mẹ luôn đạt mức cao. Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh và hiện hành là 8,28 lần trong năm 2013. Các chỉ tiêu này tăng mạnh so với những năm trước do nguồn ủy thác của các đơn vị thành viên giảm dẫn đến nợ ngắn hạn giảm.

Khả năng sinh lời không ngừng được nâng cao

STT	Tỷ suất sinh lời	Công ty Mẹ				
		2009	2010	2011	2012	2013
1	LNST/Doanh thu thuần	89,9%	70,6%	58,5%	84,0%	86,9%
2	LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	95,9%	70,8%	56,3%	87,7%	89,0%
3	LNST/Tổng tài sản	7,8%	6,7%	7,2%	8,5%	9,3%
4	LNST/Vốn chủ sở hữu	9,6%	8,1%	8,0%	9,4%	9,6%
5	LNST/Vốn điều lệ	14,1%	13,7%	13,3%	15,9%	16,2%

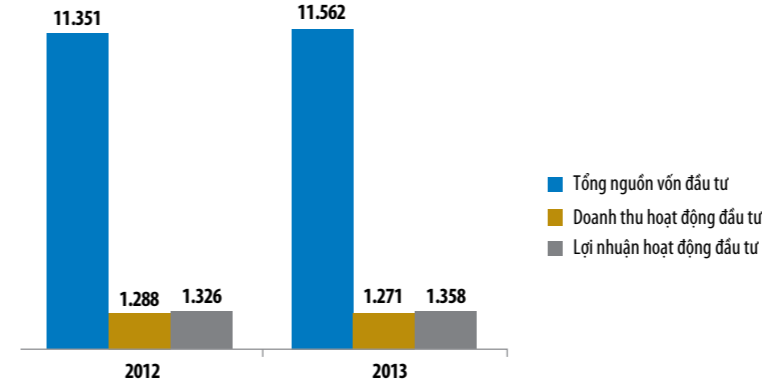
Kết quả hoạt động đầu tư toàn Tập đoàn

Đơn vị: tỷ đồng

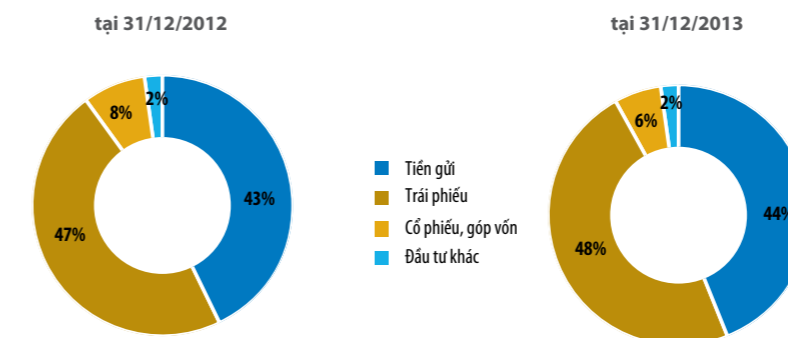


Kết quả hoạt động đầu tư Công ty Mẹ

Đơn vị: tỷ đồng



Cơ cấu danh mục đầu tư toàn Tập đoàn



Năm 2010, Tập đoàn Bảo Việt tăng vốn điều lệ từ 5.730 tỷ đồng lên 6.267 tỷ đồng nên các chỉ tiêu về khả năng sinh lời nhất thời giảm so với năm 2009. Năm 2011, Tập đoàn tiếp tục tăng vốn điều lệ lên đến 6.804,7 tỷ đồng.

Từ năm 2011, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều có xu hướng tăng dần qua các năm do lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt mức 9,6% trong năm 2013. Hiệu quả hoạt động luôn ở mức cao với tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu thuần đạt 87% trong năm 2013.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

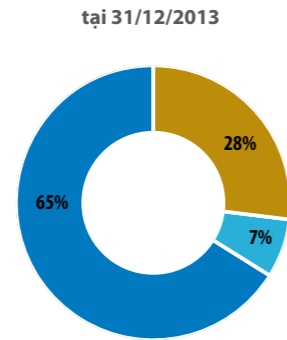
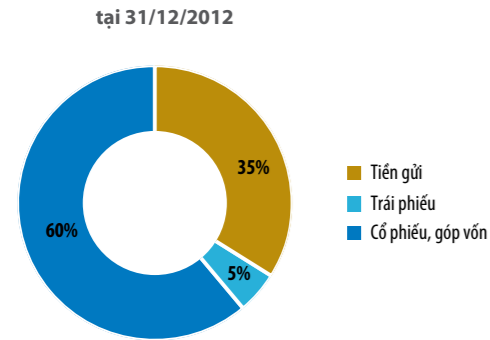
Hoạt động đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt tuân thủ nguyên tắc an toàn và hiệu quả nhằm gia tăng lợi ích của cổ đông, khách hàng và đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động. Năm 2013, Tập đoàn đã tiếp tục củng cố, hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động đầu tư toàn hệ thống. Bên cạnh đó, Tập đoàn đã phát huy vai trò đầu mối tổ chức, phối hợp giữa các đơn vị trong toàn hệ thống trong công tác đánh giá, dự báo thị trường để đưa ra định hướng, chính sách, kế hoạch đầu tư trong toàn hệ thống đảm bảo danh mục đầu tư của từng đơn vị phù hợp với đặc thù hoạt động, tính chất nguồn vốn của đơn vị, đảm bảo mục tiêu an toàn, hiệu quả đồng thời chủ động tìm kiếm cơ hội nâng cao hiệu quả đầu tư khi có điều kiện.

Tình hình đầu tư toàn Tập đoàn năm 2013

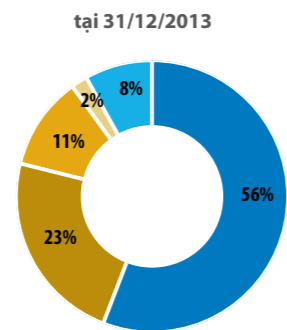
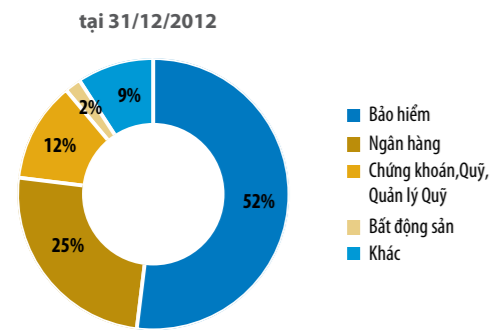
Năm 2013, hoạt động đầu tư toàn Tập đoàn đã hoàn thành các mục tiêu và phương hướng kinh doanh đã đề ra.

Tại 31/12/2013, Tổng nguồn vốn đầu tư của toàn Tập đoàn đạt 41.770 tỷ đồng, tăng 23% so với thời điểm 31/12/2012. Trong đó, đầu tư lãi suất cố định (tiền gửi, trái phiếu) đạt 38.042 tỷ đồng, tăng 7.821 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2012, chiếm 92% tổng nguồn vốn đầu tư. Tỷ trọng đầu tư lãi suất cố định lớn đảm bảo an toàn cho nguồn vốn đầu tư. Doanh thu hoạt động tài chính năm 2013 đạt 3.129 tỷ đồng, tăng 2% so với năm 2012, lợi nhuận hoạt động tài chính đạt 2.395 tỷ đồng, tăng 3,3% so với năm

Cơ cấu danh mục đầu tư Công ty Mẹ



Cơ cấu danh mục cổ phiếu, góp vốn Công ty Mẹ



2012. Trong đó, doanh thu danh mục đầu tư lãi suất cố định chiếm 92% tổng doanh thu.

Từ năm 2012, dự báo xu hướng lãi suất có thể giảm trong thời gian tới nên Bảo Việt đã thay đổi chiến lược đầu tư, tập trung tăng tỷ trọng đầu tư lãi suất cố định (đầu tư tiền gửi và trái phiếu chính phủ, hạn chế trái phiếu doanh nghiệp) với kỳ hạn dài (trái phiếu chính phủ kỳ hạn 5 - 10 năm) nhằm tận dụng lãi suất cao. Tỷ trọng đầu tư lãi suất cố định (tiền gửi, trái phiếu) thường xuyên chiếm trên 90% tổng nguồn vốn đầu tư nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả nguồn vốn đầu tư, cân đối dòng tiền với các nghĩa vụ nợ của đơn vị. Để đảm bảo an toàn cho danh mục đầu tư lãi suất cố định của toàn Tập đoàn, Tập đoàn Bảo Việt với vai trò là Công ty Mẹ đã phát huy vai trò quản lý thông qua các chính sách quản lý rủi ro, xây dựng và triển khai mô hình đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng để xác định hạn mức đầu tư tại các ngân hàng mà Bảo Việt được phép đầu tư. Tập đoàn

cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Nhờ vậy mà hoạt động đầu tư của toàn Tập đoàn luôn đảm bảo an toàn, tăng trưởng qua các năm, đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh chung của toàn Tập đoàn và của từng đơn vị.

Tình hình đầu tư Công ty Mẹ năm 2013

Hoạt động đầu tư của Công ty Mẹ hoàn thành mục tiêu đã đề ra.

Tại 31/12/2013, tổng nguồn vốn đầu tư của Công ty Mẹ đạt 11.562 tỷ đồng, bằng 102% so với năm 2012. Tổng doanh thu hoạt động đầu tư năm 2013 đạt 1.271 tỷ đồng, bằng 99% so với năm 2012, lợi nhuận hoạt động đầu tư đạt 1.358 tỷ đồng, bằng 102% so với năm 2012.

Đối với hoạt động đầu tư lãi suất cố định:

- Tập đoàn đã bám sát diễn biến lãi suất thị trường và kế hoạch dòng tiền để thực hiện tái đầu tư các khoản tiền

nhàn rỗi với kỳ hạn phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư. Đẩy mạnh Repo trái phiếu nhằm gia tăng hiệu suất danh mục trái phiếu.

- Doanh thu đầu tư lãi suất cố định 2013 hoàn thành vượt kế hoạch: doanh thu lãi suất cố định năm 2013 đạt 424 tỷ đồng, bằng 107% kế hoạch năm, trong đó đầu tư tiền gửi đạt 371 tỷ đồng, bằng 105% kế hoạch và đầu tư trái phiếu 52,5 tỷ đồng, bằng 120% kế hoạch năm.

Đối với hoạt động đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các doanh nghiệp:

- Doanh thu từ hoạt động đầu tư cổ phiếu, góp vốn đạt 847 tỷ đồng, bằng 111% kế hoạch năm và 123% thực hiện 2012. Trong đó, doanh thu đầu tư từ các công ty con Tập đoàn sở hữu 100% chiếm 86% doanh thu đầu tư danh mục đầu tư cổ phiếu, góp vốn và chiếm 57% tổng doanh thu đầu tư 2013.

- Cơ cấu danh mục đầu tư: Tại 31/12/2013, 90% tỷ trọng danh mục đầu tư cổ phiếu, góp vốn tập trung vào các ngành bảo hiểm, chứng khoán, ngân hàng - đây là những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn Bảo Việt. Cụ thể:

Lĩnh vực bảo hiểm: bảo hiểm là ngành nghề kinh doanh thế mạnh của Tập đoàn. Các dự án trong danh mục bảo hiểm đang phát huy hiệu quả tốt với tỷ suất lợi nhuận bình quân hàng năm cao (Bảo hiểm Bảo Việt, Bảo Việt Nhân thọ, Công ty TNHH Tokio Marine, Tổng công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam đều có Tỷ suất LNST/VĐL bình quân từ 15% trở lên trong những năm qua. Năm 2013, Tỷ suất LNST/VĐL bình quân của Bảo Việt Nhân thọ đạt 35,3%, Bảo hiểm Bảo Việt đạt 15%, Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine đạt 25%, Tổng công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam đạt 27%).

Lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ: Năm 2013, do tình hình thị trường chứng khoán chưa hồi phục nên ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình kinh doanh của các công ty chứng khoán,

công ty quản lý quỹ. Tuy nhiên, các công ty con của Tập đoàn trong lĩnh vực này gồm Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF), Công ty Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) đều đạt kết quả kinh doanh khả quan: BVF là công ty quản lý quỹ quản lý tổng nguồn vốn đầu tư lớn thứ hai thị trường, chủ yếu quản lý nguồn vốn cho Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ, đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh của các đơn vị. Lợi nhuận sau thuế 2013 của BVSC đạt 86 tỷ đồng, là một trong số ít các công ty chứng khoán kinh doanh có lãi trong năm 2013.

Lĩnh vực ngân hàng: năm 2013 tiếp tục là năm kinh doanh khó khăn đối với các ngân hàng thương mại cổ phần Việt

Nam, trong đó, Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt (BaovietBank) là Ngân hàng mới thành lập với hệ thống mạng lưới mỏng nên khó tránh khỏi ảnh hưởng xấu của thị trường. Tuy nhiên, với tiềm lực tài chính vững mạnh từ Tập đoàn Bảo Việt, Ngân hàng Bảo Việt đẩy mạnh đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin, phát triển mở rộng mạng lưới, kênh phân phối, phát triển dịch vụ tiện ích của ngân hàng trực tuyến, chú trọng những sản phẩm liên kết ngân hàng - bảo hiểm, vốn được coi là thế mạnh của ngân hàng, từng bước hoàn thiện và vững mạnh trong tương lai.

- Đầu tư mới và tái cơ cấu danh mục đầu tư: Năm 2013, định hướng đầu tư của Bảo Việt là tiếp tục tăng cường

năng lực tài chính cho các đơn vị kinh doanh cốt lõi. Đến cuối năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành tăng vốn điều lệ cho Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ lên 2.000 tỷ đồng nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của các đơn vị trong thị trường nội địa và tiến gần hơn tới những tiêu chuẩn quốc tế về năng lực tài chính. Bên cạnh đó, Tập đoàn đã từng bước thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư phù hợp với tình hình biến động của thị trường để nâng cao hiệu quả đầu tư, đồng thời xây dựng chiến lược đầu tư trung và dài hạn, đón đầu những cơ hội trên thị trường để thực hiện đầu tư mang lại lợi nhuận tốt cho doanh nghiệp.

Cơ cấu danh mục đầu tư toàn Tập đoàn tại 31/12/2013

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2012		Tại 31/12/2013		So sánh 2013/2012
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
I. Đầu tư lãi suất cố định	30.581	90%	38.402	92%	126%
1. Tiền gửi	14.529	43%	18.456	44%	127%
2. Trái phiếu	16.052	47%	19.946	48%	124%
II. Đầu tư cổ phiếu, góp vốn	2.721	8%	2.631	6%	97%
III. Đầu tư tài chính khác	732	2%	737	2%	101%
Tổng cộng	34.034	100%	41.770	100%	123%

Ghi chú: Số liệu dựa trên BCTC hợp nhất năm 2013 đã kiểm toán

Cơ cấu danh mục đầu tư Công ty Mẹ tại 31/12/ 2013

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Tại 31/12/2012		Tại 31/12/2013		So sánh 2013/2012
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
I	Đầu tư lãi suất cố định	4.522	40%	4.004	35%	89%
1	Tiền gửi	3.977	35%	3.193	28%	80%
2	Trái phiếu	545	5%	810	7%	149%
II	Đầu tư cổ phiếu, góp vốn	6.829	60%	7.558	65%	111%
III	Tổng cộng	11.351	100%	11.562	100%	102%

Ghi chú: Số liệu dựa trên BCTC riêng năm 2013 đã kiểm toán

Danh mục các dự án góp vốn của Công ty Mẹ tại 31/12/2013

STT	Tên dự án	Năm bắt đầu góp vốn	Vốn góp (tỷ đồng)		Tỷ lệ vốn góp/Vốn điều lệ
			31/12/2012	31/12/2013	
1	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	2004	1.500	2.000	100%
2	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	2005	1.800	2.000	100%
3	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	2006	50	50	100%
4	Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	1999	695	695	59,92%
5	Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt	2008	1.560	1.560	52%
6	Công ty cổ phần Đầu tư Bảo Việt	2009	110	110	55%
7	Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc	2009	36	36	60%
8	Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine	1996	153	153	51%
9	Công ty cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	2006	9	9	15%
10	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Vigeba	2009	15	15	8,33%
11	Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa	2013	0	12	0,51%
12	Công ty cổ phần Thủy điện Cấn Đơn	2013	0	5	0,75%
13	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội	2013	0	24	0,17%
14	Tổng Công ty cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	2005	58	68	9,08%
15	Công ty cổ phần Vận Tải Biển Việt Nam	2007	60	60	2,14%
16	Công ty cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	2007	144	144	5,04%
17	Công ty cổ phần Tập đoàn HIPT	2007	63	63	9,79%
18	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2008	109	109	0,07%
19	Tổng Công ty cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn	2008	35	35	0,08%
20	Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải	1993	39	39	0,61%
21	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	1995	64	64	18,93%
22	Công ty cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	1998	10	10	10%
23	Quỹ Đầu tư chứng khoán Bảo Việt (BVF1)	2006	94	47	9,42%
24	Công ty cổ phần Tập đoàn SSG	2007	225	225	4,98%
25	Quỹ đầu tư cổ phiếu năng động Bảo Việt (BVFED)	2013	0	25	35,09%
Tổng cộng			6.829	7.558	

Kết quả thực hiện các giải pháp trọng tâm trong năm 2013

Năm 2013, để hoàn thành mục tiêu kinh doanh đã đặt ra, Tập đoàn tập trung thực hiện chiến lược tăng trưởng bền vững, nâng cao tính chuyên nghiệp và tăng cường hợp tác nội bộ, khẳng định thương hiệu và chất lượng dịch vụ hàng đầu Việt Nam của Bảo Việt thông qua 10 nhóm giải pháp sau:

Đẩy mạnh chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh theo hướng tập trung hóa

Chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh theo hướng tập trung hóa là giải pháp chiến lược nhằm tăng cường chuyên môn hóa, nâng cao năng suất lao động, góp phần tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động. Năm 2013, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đã tiến hành rà soát, kiện toàn lại mô hình tổ chức bộ máy tại Trụ sở chính theo hướng dịch vụ cùng với việc triển khai hệ thống công nghệ thông tin tập trung, trong thời gian tới sẽ từng bước triển khai tại các địa bàn trọng điểm và tiến tới triển khai rộng trong toàn hệ thống. Tại Bảo Việt Nhân thọ đã thành lập thêm Khối Quản lý kênh phân phối, với mục tiêu chuyên nghiệp hóa và nâng cao chất lượng hoạt động quản lý đại lý khai thác bảo hiểm nói riêng và các kênh phân phối nói chung. Bên cạnh đó, trong năm 2013, Tập đoàn tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy trình nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Tập đoàn với các đơn vị thành viên, giữa các đơn vị thành viên với nhau.

Tập trung khai thác các thị trường trọng điểm, đưa ra thị trường nhiều sản phẩm, dịch vụ mới chất lượng mang lại hiệu quả cao

Năm 2013, các đơn vị thành viên trong Tập đoàn đã tập trung khai thác các thị trường trọng điểm tại các thành phố lớn, phát huy tối đa thế mạnh về mạng lưới phân phối rộng khắp cả nước, đồng thời Tập đoàn đang triển khai

nghiên cứu các thị trường mới, nhiều tiềm năng để tìm kiếm cơ hội mở rộng, phát triển kinh doanh như thị trường Lào, Campuchia, Myanmar. Nhiều sản phẩm mới, dịch vụ mới chất lượng đã được nghiên cứu, triển khai thông qua hệ thống kênh phân phối đa dạng (đại lý, môi giới, bán hàng qua điện thoại, bán hàng qua mạng internet) và mang lại hiệu quả cao: Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã chào bán và huy động thành công hơn 71 tỷ đồng cho sản phẩm quỹ mở Quỹ Đầu tư cổ phiếu năng động Bảo Việt; tổng doanh thu bảo hiểm của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ tăng trưởng 15% so với năm 2012; dịch vụ tư vấn, phát hành bảo lãnh của Công ty Chứng khoán Bảo Việt tăng trưởng 51% so với năm 2012.

Tăng cường năng lực tài chính cho các đơn vị thành viên

Nằm trong chiến lược kinh doanh giai đoạn 2011-2015, năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện tăng vốn điều lệ cho hai đơn vị kinh doanh nòng cốt là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ lên 2.000 tỷ đồng. Nguồn vốn được tăng thêm đã giúp nâng cao biên khả năng thanh toán, tăng cường khả năng cạnh tranh trong thị trường nội địa và tiến gần hơn tới những tiêu chuẩn quốc tế về năng lực tài chính. Sau lần tăng vốn này, Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ đã lần lượt trở thành doanh nghiệp có vốn điều lệ lớn nhất trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ, góp phần nâng cao tầm vóc, uy tín và hình ảnh của hai đơn vị trên thị trường.

Hoàn thiện mô hình hoạt động CNTT theo hướng dịch vụ và đẩy nhanh tiến độ các dự án CNTT trọng điểm phục vụ hoạt động kinh doanh

Trong năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành rà soát, đánh giá và cơ cấu lại mô hình tổ chức và quản lý CNTT theo hướng dịch vụ, phân định rõ trách nhiệm và vai trò của các bên tham gia,

gắn kết chặt chẽ CNTT với hoạt động kinh doanh nhằm đẩy nhanh tiến độ các dự án CNTT, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động kinh doanh. Quá trình tái cơ cấu hoạt động công nghệ thông tin sẽ tiếp tục được triển khai, hoàn thiện trong năm 2014, 2015.

Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng CNTT tiếp tục được hoàn thiện với việc nâng cấp Trung tâm dữ liệu, nâng cấp các hệ thống hạ tầng CNTT nhằm đáp ứng nhu cầu gia tăng của hoạt động kinh doanh. Các hệ thống phần mềm đang dần được hoàn thiện với việc triển khai áp dụng hệ thống các phần mềm quản lý nghiệp vụ nhân thọ, phi nhân thọ; hoàn thành triển khai phân hệ Home Trading tại Công ty Chứng khoán Bảo Việt; đẩy nhanh tiến độ triển khai phần mềm quản lý đầu tư tại Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.

Hoàn thành việc chuyển giao đối tác chiến lược và triển khai kế hoạch hợp tác với Sumitomo Life

Năm 2013, sau khi hoàn tất việc chuyển giao phần vốn góp tại Tập đoàn Bảo Việt từ HSBC Insurance sang đối tác chiến lược Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo, ba bên đã hoàn tất Dự án hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực (TSCTA) giai đoạn chuyển tiếp theo đúng kế hoạch vào tháng 10/2013 một cách hiệu quả trên tinh thần hợp tác và thực hiện đúng cam kết.

Cũng ngay trong tháng 10/2013, Tập đoàn Bảo Việt và Sumitomo Life đã tiến hành ký kết Kế hoạch triển khai TSCTA giai đoạn 1 (16/10/2013 – 15/10/2014), theo đó Sumitomo Life sẽ tập trung hỗ trợ chủ yếu cho lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ về định phí bảo hiểm, bancassurance, công nghệ thông tin trong hoạt động bảo hiểm nhân thọ và quản lý chất lượng đại lý. Sumitomo Life cũng sẽ hỗ trợ Tập đoàn Bảo Việt trong lĩnh vực Quản lý rủi ro và Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt trong lĩnh vực bảo hiểm y tế và con người với

nguồn lực hỗ trợ gián tiếp từ Sumitomo Life Nhật Bản. Các hạng mục công việc của dự án TSCTA được Bảo Việt và Sumitomo Life triển khai đúng kế hoạch.

Nâng cao chất lượng công tác quản lý rủi ro, kiểm toán nội bộ, thực hiện đầu tư an toàn và hiệu quả

Trong bối cảnh thị trường tài chính tiền tệ có nhiều biến động, Tập đoàn Bảo Việt tăng cường hoạt động quản lý rủi ro, đặc biệt chú trọng vào công tác quản lý rủi ro tín dụng và rủi ro thị trường thông qua việc ban hành và thực thi chính sách về hạn mức tiền gửi tại các định chế tài chính của toàn Tập đoàn, đồng thời duy trì chế độ báo cáo định kỳ phục vụ quản trị và điều hành doanh nghiệp, triển khai thành công dự án an ninh bảo mật và an toàn thông tin tại Tập đoàn Bảo Việt. Khung pháp lý về quản lý rủi ro cũng đang được hoàn thiện nhằm nâng cao chất lượng hoạt động quản lý rủi ro trong toàn Tập đoàn.

Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng chú trọng công tác kiểm toán nội bộ. Do đó, chất lượng của các cuộc kiểm toán, hoạt động kiểm soát, cảnh báo rủi ro và đánh giá tính thích hợp của các quy trình quản lý đã được nâng cao, qua đó hỗ trợ cho công tác quản trị, điều hành kinh doanh của lãnh đạo các cấp. Trong năm 2013, Tập đoàn đã triển khai các cuộc kiểm toán chuyên đề, tập trung vào một số vấn đề và rủi ro trọng yếu nhằm nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian kiểm toán, tiết kiệm nguồn lực.

Nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư, tăng cường quản lý rủi ro đầu tư và tái cơ cấu danh mục đầu tư

Đối với hoạt động đầu tư, Tập đoàn Bảo Việt thường xuyên thực hiện đánh giá, bám sát diễn biến của thị trường để đưa ra các định hướng, chính sách, kế hoạch đầu tư trong toàn hệ thống, thực hiện đầu tư

theo nguyên tắc an toàn, hiệu quả, phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh và tính chất nguồn vốn của từng đơn vị, đồng thời chủ động tìm kiếm cơ hội nâng cao hiệu quả đầu tư. Năm 2013, Tập đoàn đã thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư, thực hiện đầu tư vào các cổ phiếu của các đơn vị có hoạt động kinh doanh hiệu quả, bền vững, chi trả cổ tức cao, bước đầu mang lại hiệu quả khả quan, đồng thời phối hợp với các đối tác để triển khai hoạt động M&A khi có cơ hội phù hợp. Đặc biệt, trong năm 2013, đã triển khai và chào bán chứng chỉ quỹ mở BVFED, huy động thành công quỹ mỗi với tổng số vốn ban đầu hơn 71 tỷ đồng.

Đẩy mạnh việc đào tạo, phát triển đội ngũ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Trong năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thiện các chính sách, quy chế quy định về quản trị nhân sự trong toàn hệ thống đặc biệt là các chính sách, chế độ về tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi; xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa giữa người lao động và người sử dụng lao động nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động; kiện toàn và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp; tăng cường công tác đào tạo huấn luyện đội ngũ cán bộ nhất là cán bộ quản lý, cán bộ diện quy hoạch và cán bộ trực tiếp kinh doanh; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực đội ngũ bán hàng, phát triển kinh doanh.

Triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu Tập đoàn

Trong năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt đã triển khai thực hiện Chương trình hành động của Đề án Tái cơ cấu đã được Bộ Tài chính phê duyệt, phân công nhiệm vụ cho 09 nhóm Dự án thành phần và bước đầu đạt được

một số kết quả. Dự án tái cơ cấu tài chính đã được triển khai theo kế hoạch, Tập đoàn đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng cho Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt. Đối với Dự án tái cơ cấu cơ chế quản trị, Tập đoàn đang triển khai rà soát, hoàn thiện, các văn bản, quy chế, quy định thuộc hệ thống quy chế quản trị nội bộ của Tập đoàn. Đối với Dự án tái cơ cấu tổ chức bộ máy, Tập đoàn và các đơn vị thành viên đã từng bước kiện toàn lại mô hình tổ chức nhằm tinh giản bộ máy tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động. Đối với Dự án rà soát chiến lược, Tập đoàn đã hoàn thành báo cáo rà soát kế hoạch chiến lược đến 2015. Các dự án về nâng cao vai trò kiểm toán nội bộ, kiểm tra kiểm soát nội bộ, dự án về chiến lược đầu tư vốn của Tập đoàn tại các đơn vị, dự án về định hướng phát triển và mô hình hoạt động công nghệ thông tin, dự án kiện toàn Đảng, đoàn cũng được thực hiện theo đúng tiến độ.

Khẳng định vị thế thông qua nhiều giải thưởng lớn trong nước và quốc tế

Năm 2013, Bảo Việt tiếp tục đạt được nhiều giải thưởng lớn trong nước và quốc tế, qua đó khẳng định vị thế của Tập đoàn Bảo Việt, nâng cao hình ảnh, thương hiệu và góp phần thúc đẩy kinh doanh trong toàn Tập đoàn.

Tóm lại, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã nỗ lực triển khai thành công những giải pháp đã đề ra để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được giao. Những kết quả này khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, phù hợp, hiệu quả của các giải pháp đã được Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Tập đoàn đặt ra, đồng thời thể hiện sự cố gắng, quyết tâm cao của các đơn vị thành viên, cán bộ lãnh đạo, nhân viên trong toàn Tập đoàn.

MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2014



HỢP NHẤT
Tổng doanh thu năm 2014



HỢP NHẤT
LNST năm 2014



CÔNG TY MẸ
Tổng doanh thu năm 2014



CÔNG TY MẸ
LNST năm 2014



CÔNG TY MẸ
Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ năm 2014

Năm 2014 là năm nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, do vậy Tập đoàn Bảo Việt cần nỗ lực, quyết tâm hơn nữa để vượt qua những khó khăn chung của nền kinh tế để hoàn thành những mục tiêu chiến lược đến năm 2015 đề ra.

Doanh thu hợp nhất năm 2014 toàn Tập đoàn đạt mục tiêu đạt 18.329 tỷ đồng, tăng trưởng 7,2% so với thực hiện năm 2013. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất ước đạt 1.183 tỷ đồng.

Tổng doanh thu Công ty Mẹ năm 2014 dự kiến đạt 1.416 tỷ đồng, tăng trưởng 4,7% so với thực hiện 2013; Lợi nhuận sau thuế phần đầu đạt mức 1.120 tỷ đồng, tăng 1,4% so với thực hiện năm 2013. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ Công ty Mẹ dự kiến đạt 16,5%. Với tỷ suất lợi nhuận này, Tập đoàn Bảo Việt dự kiến chia cổ tức cho các cổ đông ở mức 13%.

Năm 2014, Bảo Việt cần tập trung thực hiện các giải pháp trọng tâm sau:

Phát triển thương hiệu, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ chất lượng; tập trung phát triển thị trường trọng điểm, tăng cường hợp tác nội bộ, bán chéo sản phẩm để thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững và phát triển thị phần

Tập trung phát triển thị trường trọng điểm tại các thành phố lớn, đông dân cư, đẩy mạnh khai thác phân khúc khách hàng trung và cao cấp;

đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu thị trường khu vực, theo dõi diễn biến của các thị trường mới, kịp thời đánh giá cơ hội đầu tư trong lĩnh vực bảo hiểm. Tập trung nguồn lực thúc đẩy hợp tác, bán chéo sản phẩm giữa các đơn vị trong Tập đoàn; phát triển các sản phẩm mới (bảo hiểm hưu trí, quỹ mở, quỹ hưu trí...), dịch vụ chất lượng đem lại giá trị gia tăng cho khách hàng; phát triển hệ thống phân phối theo hướng đa kênh, tăng cường hiệu quả của kênh trực tiếp và đại lý, tập trung phát triển kênh phân phối mới (bancassurance, telesales, e-commerce, ...). Xây dựng các chương trình thúc đẩy doanh số bán hàng gắn với phát triển thương hiệu Bảo Việt theo hướng hiện đại, năng động, chuyên nghiệp để thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững và vươn lên vị trí dẫn đầu trong các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh cốt lõi trong năm 2014 (bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ); trở thành đơn vị quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam về tổng tài sản quản lý; top 10 công ty chứng khoán về thị phần giao dịch cổ phiếu trên HoSE và HNX; hoạt động ngân hàng thương mại phát triển bền vững, an toàn.

Tăng cường năng lực tài chính cho Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên

Xây dựng và triển khai để án tăng vốn cho Công ty Mẹ, đảm bảo tăng cường sức mạnh tài chính của toàn hệ thống, bổ sung vốn cho các Công ty Con hoạt động trong các mảng kinh doanh cốt lõi (bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ) nhằm nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo biên khả năng thanh toán, nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu xếp hạng tín nhiệm. Tăng vốn điều lệ cho Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt để có nguồn lực triển khai xây dựng phần mềm quản lý quỹ đã được phê duyệt trong năm 2013.

Kiện toàn mô hình tổ chức bộ máy, hoàn thiện cơ chế quản trị, cơ chế phối hợp xuyên suốt trong toàn hệ thống, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường luân chuyển cán bộ nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực trong Tập đoàn

Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy tại Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên theo hướng quản lý tập trung. Thực hiện rà soát, chỉnh sửa Điều lệ các đơn vị thành viên, hoàn thiện các chế độ, chính sách, quy chế, quy định nội bộ của Tập đoàn theo hướng phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm của các bên, đảm bảo tính rõ ràng, thống nhất, tránh chồng chéo nhằm tạo ra khung quản trị nhất quán, cơ chế phối hợp xuyên suốt giúp nâng cao năng lực của toàn hệ thống, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Kiện toàn đội ngũ cán bộ các cấp; đẩy mạnh công tác đào tạo theo Bản đồ học tập chuyên môn nghiệp vụ và thí điểm hình thức đào tạo trực tuyến tại



Công ty Mẹ và Trụ sở chính các đơn vị thành viên nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tăng cường luân chuyển cán bộ nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực trong Tập đoàn, nâng cao năng suất lao động trong toàn hệ thống.

Kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động CNTT để cung cấp dịch vụ CNTT kịp thời, hiệu quả, đáp ứng hoạt động quản lý, kinh doanh của Tập đoàn và các Đơn vị thành viên

Kiện toàn tổ chức bộ máy công nghệ thông tin theo hướng dịch vụ, nâng cao khả năng phối hợp và phân định rõ trách nhiệm trong hoạt động công nghệ thông tin giữa Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên để cung cấp dịch vụ CNTT kịp thời, hiệu quả, đáp ứng hoạt động quản lý, kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh.

Đẩy mạnh hợp tác với đối tác chiến lược Sumitomo Life thông qua Dự án TSCTA để phát huy kiến thức, kinh nghiệm, công nghệ của Sumitomo Life giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của Tập đoàn và các Đơn vị thành viên

Năm 2014, Sumitomo Life đẩy mạnh triển khai các hạng mục trong dự án TSCTA giai đoạn 1, tập trung hỗ trợ Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ các vấn đề trọng tâm như dịch vụ định phí, phát triển sản phẩm (bao gồm cả sản phẩm bảo hiểm hưu trí), lựa chọn và triển khai hệ thống công nghệ thông tin, chuyển giao kỹ năng kinh doanh bancassurance và quản lý chất lượng đại lý. Đối với Tập đoàn Bảo Việt, Sumitomo Life chuyển giao kỹ năng về quản lý rủi ro như hỗ trợ xây dựng khẩu vị rủi ro, chia sẻ khuyến nghị về rủi ro thị trường, chia sẻ báo cáo trong hệ thống thông tin quản trị. Đối với Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Sumitomo Life sẽ tập trung hỗ trợ mảng bảo hiểm y tế và con người, bao gồm

phát triển sản phẩm, kênh phân phối, cung cấp các khuyến nghị đối với hành vi trực lợi bảo hiểm, cung cấp thông tin về cơ cấu và mô hình hoạt động của công ty bảo hiểm y tế theo mô hình công ty con.

Thực hiện đầu tư an toàn, hiệu quả, bám sát diễn biến thị trường

Hoạt động đầu tư trong toàn hệ thống cần tiếp tục bám sát mục tiêu chiến lược đã đề ra cho giai đoạn 2011-2015 là an toàn và hiệu quả nhằm bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông và khách hàng, phát huy vai trò của Tập đoàn trong công tác quản lý, giám sát hoạt động đầu tư tại các đơn vị thành viên và quản lý rủi ro trong đầu tư tại Tập đoàn. Tăng cường hơn nữa vai trò quản lý thống nhất hoạt động đầu tư trong toàn hệ thống từ Công ty mẹ đến các Công ty Con, chuyên môn hóa, tối ưu hóa các nguồn lực trong toàn Tập đoàn; tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống chính sách đầu tư chung của Tập đoàn; nghiên cứu cơ cấu lại danh mục đầu tư phù hợp với tình hình thị trường nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư, đóng góp chung vào hiệu quả kinh doanh của Tập đoàn.

Tăng cường quản lý rủi ro, đẩy mạnh thu hồi nợ phí, nợ xấu

Năm 2014, cần tiếp tục chú trọng công tác quản lý rủi ro, tăng cường thu hồi nợ phí, nợ xấu trong toàn hệ thống; nghiên cứu, phân tích, đánh giá các tổ chức tài chính nhằm đưa ra hạn mức tín dụng phù hợp. Đẩy mạnh việc nghiên cứu phương pháp phù hợp nhằm đo lường rủi ro thị trường cho các tài sản đầu tư khác; xây dựng và ban hành Quy chế Quản lý rủi ro của Tập đoàn và các văn bản

có liên quan điều chỉnh hoạt động quản lý rủi ro toàn Tập đoàn; thí điểm xây dựng khẩu vị rủi ro cho Tập đoàn Bảo Việt; tiếp nhận các kỹ năng về quản lý rủi ro được chuyển giao từ Sumitomo Life theo thỏa thuận TSCTA giai đoạn 1.

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn

Năm 2014 là năm then chốt trong triển khai Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Bảo Việt. Đề án tái cơ cấu sẽ tiếp tục được triển khai sâu hơn ở cấp độ Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên, công tác truyền thông các nội dung tái cơ cấu sẽ được đẩy mạnh, đối với các dự án thành phần sẽ tập trung nguồn lực triển khai thực hiện các sáng kiến tái cơ cấu cụ thể đối với từng dự án. Mục tiêu năm 2014, Tập đoàn Bảo Việt sẽ hoàn thành dự án tăng vốn cho Công ty Mẹ, tăng vốn mở rộng hoạt động kinh doanh cho các Đơn vị thành viên; hoàn thành dự án tái cơ cấu quản trị theo hướng hoàn thiện cơ chế quản trị, nâng cao vai trò điều phối của Công ty Mẹ trong hệ thống Tập đoàn để phát huy hợp lực toàn Tập đoàn; đồng thời triển khai đúng tiến độ các dự án thành phần khác.

Thực hiện tiết kiệm, tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động

Trong bối cảnh tình hình kinh tế năm 2014 tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành tiếp tục chủ trương thực hiện tiết giảm chi phí toàn Tập đoàn, phấn đấu đạt mục tiêu tiết giảm bằng hoặc lớn hơn năm 2013. Tập đoàn sẽ đẩy mạnh truyền thông về nâng cao ý thức tiết kiệm tại trụ sở làm việc, đồng thời khuyến khích người

lao động tích cực nghiên cứu đưa ra những sáng kiến nhằm nâng cao năng suất lao động; tăng cường quản lý rủi ro nhằm để phòng, hạn chế tổn thất, giảm tỷ lệ bồi thường, tiết giảm chi tiêu trong hoạt động kinh doanh, khai thác bảo hiểm và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

Tăng cường hoạt động truyền thông, đổi mới hình ảnh, thúc đẩy kinh doanh và tổ chức các hoạt động nội bộ nhân kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt

Năm 2014 là năm bản lề hướng tới kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt (15/1/1965 - 15/1/2015), toàn Tập đoàn cần tăng cường hoạt động truyền thông, đổi mới hình ảnh, thúc đẩy kinh doanh, tổ chức các hoạt động tri ân khách hàng và các hoạt động nội bộ nhân kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt nhằm tôn vinh những thành tựu Bảo Việt đã đạt được trong suốt chặng đường phát triển qua 50 năm, gia tăng thị phần, nâng cao hình ảnh của Bảo Việt trên thị trường, động viên, khích lệ toàn thể cán bộ nhân viên tin tưởng, tự hào, nâng cao ý thức trách nhiệm, phát huy truyền thống, không ngừng phấn đấu để đưa Bảo Việt tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai.

Hướng tới kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt (15/1/1965-15/1/2015), trong năm 2014 toàn Tập đoàn Bảo Việt cần tập trung toàn lực, nỗ lực thực hiện các mục tiêu kinh doanh thông qua việc bám sát các nhiệm vụ trọng tâm chung của toàn Tập đoàn và nhiệm vụ trọng tâm của từng đơn vị thành viên, đảm bảo tăng trưởng ổn định, bền vững, phấn đấu đạt và vượt các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2011-2015 đã đề ra.



ÔNG NGUYỄN XUÂN THỦY
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

- Doanh nghiệp Bảo hiểm phi nhân thọ đầu tiên có mặt trên thị trường bảo hiểm Việt Nam.
- Số 1 thị trường về thị phần doanh thu phí bảo hiểm gốc.
- Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có vốn điều lệ lớn nhất thị trường Bảo hiểm phi nhân thọ với 2.000 tỷ đồng.
- 67 Công ty thành viên
- 3.000 cán bộ

Trải qua chặng đường gần nửa thế kỷ hình thành và phát triển (từ 15/01/1965), Bảo hiểm Bảo Việt tự hào là doanh nghiệp bảo hiểm lâu đời nhất tại Việt Nam luôn khẳng định vị trí dẫn đầu thị trường cả về thị phần, doanh thu phí bảo hiểm lẫn quy mô vốn điều lệ.

Bảo hiểm Bảo Việt đã nỗ lực không ngừng để thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của nhà bảo hiểm hàng đầu Việt Nam trong công tác hỗ trợ, giải quyết bồi thường cho khách hàng cũng như trong công tác an sinh xã hội, bảo đảm phát triển bền vững góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng.

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt là công ty thành viên được Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn. Với hệ thống mạng lưới gồm 67 công ty thành viên và hơn 300 phòng kinh doanh phục vụ khách hàng trên toàn quốc, hơn 3.000 cán bộ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tiềm lực tài chính vững mạnh, sản phẩm đa dạng và ưu việt, năng lực quản trị - kinh doanh, quản lý rủi ro và giải quyết bồi thường tốt, Bảo hiểm Bảo Việt tự tin về khả năng tư vấn và đáp ứng mọi yêu cầu bảo hiểm của khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp.

Mục tiêu của Bảo hiểm Bảo Việt là không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, phát triển các sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm cho các doanh nghiệp với thiết kế đa dạng, ưu việt và phù hợp với nhu cầu của khách hàng. Trong những năm gần đây, Bảo hiểm Bảo Việt là một trong những doanh nghiệp tiên phong trong việc triển khai mô hình kinh doanh theo định hướng quản lý tập trung, đa dạng hóa sản phẩm và kênh phân phối, đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro và xây dựng hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến nhằm đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh.

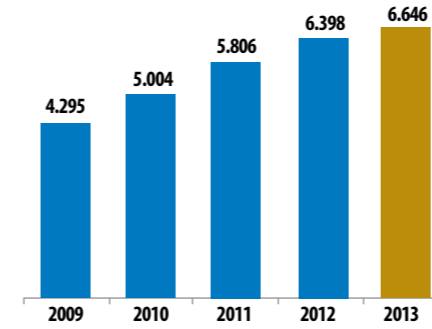
Kết quả kinh doanh năm 2013

Năm 2013, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ chỉ tăng trưởng 7,46% - mức thấp nhất trong 10 năm trở lại đây do chịu tác động bất lợi của nền kinh tế: tăng trưởng GDP thấp, đà phục hồi kinh tế chậm, Chính phủ thắt chặt đầu tư công, đầu tư xã hội giảm, ngành vận tải khó khăn dẫn đến nhu cầu bảo hiểm giảm, tình trạng nợ phí bảo hiểm cao, trực lợi bảo hiểm gia tăng. Năm 2013 cũng là năm có nhiều sự kiện bảo hiểm xảy ra gây tổn thất lớn như tổn thất về tôm, bão lớn liên tiếp, các vụ cháy nổ nhà máy sản xuất... gây ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm.

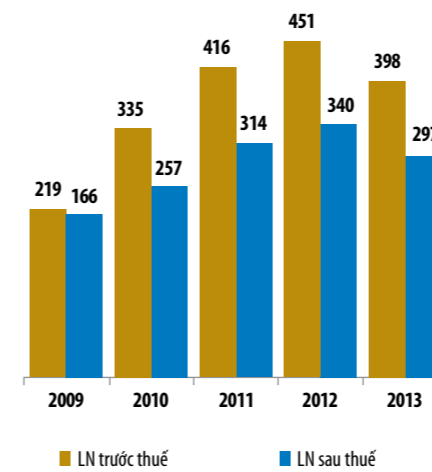
Trong bối cảnh đó, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt vẫn tiếp tục giữ vững ngôi vị dẫn đầu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam cả về thị phần và doanh thu bảo hiểm, và đạt được kết quả kinh doanh khả quan và tăng trưởng bền vững trên tất cả các lĩnh vực, cụ thể:

- Tổng doanh thu đạt 6.646 tỷ đồng; tăng trưởng 3,8% so với năm 2012.
- Tổng doanh thu bảo hiểm đạt 6.241 tỷ đồng, tăng trưởng 4,7% so với năm 2012.
- Tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 5.673 tỷ đồng, tăng trưởng 5,4% so với năm 2012.

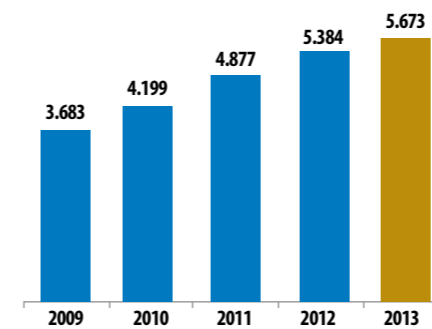
Tổng doanh thu
Đơn vị: tỷ đồng



Lợi nhuận
Đơn vị: tỷ đồng



Doanh thu phí bảo hiểm gốc
Đơn vị: tỷ đồng



- Lợi nhuận trước thuế đạt 398,4 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 297 tỷ đồng.
- Biên khả năng thanh toán tại 31/12/2013 đạt 138,9%; đảm bảo năng lực tài chính và nghĩa vụ chi trả với khách hàng.
- Các nghiệp vụ của Bảo hiểm Bảo Việt hầu hết đều đạt tăng trưởng khả quan, trong đó phải kể đến:
 - Bảo hiểm tai nạn con người và Bảo hiểm y tế và sức khỏe: tăng trưởng lần lượt là 8,4% và 43,6%; là doanh nghiệp dẫn đầu thị trường về tổng doanh thu từ bảo hiểm y tế và sức khỏe. Hiện nay dịch vụ chăm sóc khách hàng và bồi thường của Bảo hiểm Bảo Việt về mảng bảo hiểm y tế sức khỏe đã đảm bảo giải quyết thắc mắc quyền lợi cho khách hàng 24/7.
 - Bảo hiểm nông nghiệp tăng trưởng 20%. Chính sách và điều khoản chấp nhận bảo hiểm được điều chỉnh đã giảm tỷ lệ thất đáng kể cho các doanh nghiệp triển khai nghiệp vụ này.
 - Bảo hiểm xe cơ giới tăng trưởng 7,2%. Trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế, thu nhập của người dân giảm sút, do đó nhu cầu về bảo hiểm xe cơ giới gần như không tăng, nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới của Bảo hiểm Bảo Việt vẫn đạt mức tăng trưởng ổn định và giữ vững vị trí doanh nghiệp số 1 thị trường về thị phần bảo hiểm xe cơ giới.

Những tiến bộ đã đạt được năm 2013

Giữ vững vị trí số 1 về thị phần và doanh thu phí bảo hiểm gốc trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ

Năm 2013, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đã trải qua nhiều "nốt trầm": tốc độ tăng trưởng thấp nhất trong vòng nhiều năm trở lại đây, các doanh nghiệp nhỏ mất khả năng thanh toán, nhiều doanh nghiệp cạnh tranh không lành mạnh bằng cách giảm phí trái quy định... Trong bối cảnh thị trường khó khăn, nhưng với uy tín, vị thế vững

mạnh và thực hiện công tác quản lý rủi ro hiệu quả, Bảo hiểm Bảo Việt vẫn đạt tăng trưởng ổn định và phát triển bền vững trên mọi mặt hoạt động, tiếp tục giữ vững vị trí số 1 trên thị trường cả về thị phần lẫn doanh thu phí bảo hiểm gốc.

Khẳng định vị trí dẫn đầu thị trường ở các nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân; tiếp tục duy trì vị thế vững mạnh, hàng đầu tại các địa bàn kinh doanh trọng điểm

Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị trí dẫn đầu cả về thị phần và doanh thu ở các nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân, bao gồm: Bảo hiểm y tế và tai nạn con người, Bảo hiểm xe cơ giới. Những đơn vị thành viên của Bảo hiểm Bảo Việt có trụ sở tại các địa bàn kinh tế trọng điểm như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Bình Dương... tiếp tục giữ vững vị thế hàng đầu, tiên phong trong các hoạt động quản lý, kinh doanh và chăm sóc khách hàng.

Đứng đầu về vốn điều lệ trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam

Ngày 27/03/2013, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng. Là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đứng đầu về quy mô vốn điều lệ, Bảo hiểm Bảo Việt có tiềm lực tài chính và năng lực quản trị - kinh doanh vững mạnh, dẫn đầu tiệm cận với tiêu chuẩn và quy định về năng lực vốn của các doanh nghiệp bảo hiểm trên thị trường bảo hiểm khu vực.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của nhà bảo hiểm, đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho người tham gia bảo hiểm

Trong năm 2013, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng trước và sau bán hàng. Sau hơn hai năm đi vào hoạt động, Trung tâm dịch vụ khách hàng của Bảo hiểm Bảo Việt đã nhận được nhiều phản hồi tích cực từ khách hàng với tỷ lệ hài lòng rất cao.

138,9%

Biên khả năng thanh toán tại 31/12/2013

5,4%

Tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm gốc năm 2013

7.038

Tỷ đồng

Tổng doanh thu năm 2014

423

Tỷ đồng

LN trước thuế năm 2014

Ra mắt gói sản phẩm “Bảo hiểm toàn diện gia đình” – Bảo vệ 3 thế hệ gia đình cùng các tài sản cá nhân trong cùng một đơn bảo hiểm

Đây là gói sản phẩm bảo hiểm đầu tiên được Bảo hiểm Bảo Việt thiết kế với nhiều đặc tính ưu việt, ưu đãi về phí và quyền lợi. Qua đây, Bảo hiểm Bảo Việt đã tạo được một bước đột phá mới về sản phẩm và kênh bán hàng, đồng thời thực hiện đúng cam kết luôn mang đến những dịch vụ tối ưu và giá trị gia tăng cho khách hàng.

Đẩy mạnh triển khai mô hình kinh doanh theo định hướng Quản lý tập trung dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại

Là một trong những doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đầu tiên áp dụng mô hình kinh doanh theo hướng quản lý tập trung, trong đó công nghệ thông tin là nền tảng vững chắc cho việc chuyển đổi mô hình, Bảo hiểm Bảo Việt đã đạt được những thành tựu nhất định trên các mặt hoạt động từ quản lý rủi ro, đầu tư, quản lý sử dụng hiệu quả nguồn lực đến quản lý sản phẩm và đơn bảo hiểm.

Định hướng kinh doanh năm 2014

Hướng tới kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt (15/1/2015), Bảo hiểm Bảo Việt đặt mục tiêu tăng trưởng bền vững, giữ vững vị trí số 1 về thị phần bảo hiểm phi nhân thọ và trong các nghiệp vụ bảo hiểm cho cá nhân và hộ gia đình, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu đạt 7.038 tỷ đồng; tăng trưởng 5,9% so với năm 2013.
- Tổng doanh thu bảo hiểm đạt 6.676 tỷ đồng, tăng trưởng 7% so với năm 2013.
- Tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 6.130 tỷ đồng, tăng trưởng 8,1% so với năm 2013.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 423 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 330 tỷ đồng; tăng trưởng lần lượt 6,2% và 11,1%.

Để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm

2014 Bảo hiểm Bảo Việt sẽ thực hiện những giải pháp trọng tâm sau:

Giữ vững vị trí số 1 trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ

Năm 2014, Bảo hiểm Bảo Việt vẫn đặt mục tiêu giữ vững thị phần số 1 trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ và là doanh nghiệp dẫn đầu trong phân phối các sản phẩm bảo hiểm cho cá nhân và doanh nghiệp.

Tiếp tục đẩy nhanh mô hình kinh doanh theo hướng tập trung hóa với sự hỗ trợ của hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến

Bảo hiểm Bảo Việt sẽ thúc đẩy nhanh hơn nữa việc chuyển đổi mô hình và áp dụng công nghệ thông tin để tăng cường và củng cố mô hình quản lý theo hướng quản lý tập trung, hướng đến khách hàng để nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng Công ty.

Nâng cao và chuẩn hóa chất lượng dịch vụ khách hàng

Việc ra đời của Trung tâm dịch vụ Khách hàng đã đẩy nhanh được tiến độ giải đáp thắc mắc, nhận yêu cầu bồi thường và giải quyết các quyền lợi của khách hàng. Trong năm 2014, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ tập trung chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng từ khai thác đến các dịch vụ sau bán hàng.

Tăng cường quản lý rủi ro

Bảo hiểm Bảo Việt hiện nay đang áp dụng những mô hình quản lý rủi ro tiên tiến nhất trên thế giới trong việc kiểm soát rủi ro và cấp đơn bảo hiểm nhằm giảm tỷ lệ bồi thường và trực lợi bảo hiểm. Ngoài ra, việc quản lý các rủi ro đầu tư, rủi ro hoạt động của doanh nghiệp, rủi ro thông tin cũng sẽ được chú trọng hơn.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.805	3.606
Tiền	127	493
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	807	1.007
Các khoản phải thu	1.821	2.052
Hàng tồn kho	14	13
Tài sản ngắn hạn khác	36	41
TÀI SẢN DÀI HẠN	4.029	3.202
Tài sản cố định	770	763
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.184	2.359
Tài sản dài hạn khác	75	80
TỔNG TÀI SẢN	6.834	6.808
NỢ PHẢI TRẢ	4.756	4.889
Nợ ngắn hạn	1.275	1.164
Nợ dài hạn	1	1
Dự phòng nghiệp vụ	3.480	3.724
VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.078	1.919
Vốn đầu tư của công ty mẹ	2.000	1.800
Quỹ dự trữ bắt buộc	78	63
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	56
TỔNG NGUỒN VỐN	6.834	6.808

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÀI CHÍNH NĂM 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2012
Tổng doanh thu	6.646	6.398
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	6.241	5.958
Doanh thu hoạt động tài chính	400	434
Doanh thu khác	5	6
Phí tái bảo hiểm và các khoản giảm trừ	(1.595)	(1.707)
Doanh thu thuần	5.051	4.691
Tổng chi phí	(4.651)	(4.239)
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(3.192)	(2.833)
Chi phí hoạt động tài chính	(66)	(95)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.390)	(1.309)
Chi phí khác	(3)	(2)
Lợi nhuận trước thuế	398	451
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(101)	(111)
Lợi nhuận sau thuế	297	340



ÔNG NGUYỄN ĐỨC TUẤN
Tổng Giám đốc

Bảo Việt Nhân thọ là doanh nghiệp Việt Nam đi tiên phong trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ. Sau 17 năm đồng hành phát triển với thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam, cùng với sự cố gắng không ngừng trong cải tiến dịch vụ, thay đổi mô hình kinh doanh, đầu tư vào con người và đổi mới sản phẩm, Bảo Việt Nhân thọ đã đạt được những khởi sắc toàn diện trong cả tổng doanh thu phí bảo hiểm và doanh thu khai thác mới.

Năm 2014 Bảo Việt Nhân thọ sẽ tròn 18 tuổi, cùng với sự kiện 50 năm thành lập Tập đoàn Bảo Việt. Đây là dấu mốc lớn của riêng Bảo Việt Nhân thọ cũng như toàn Tập đoàn Bảo Việt.

- Doanh nghiệp đầu tiên có mặt trên thị trường bảo hiểm nhân thọ.
- Thứ 2 thị trường về thị phần doanh thu phí bảo hiểm và doanh thu khai thác mới.
- Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có quy mô vốn lớn nhất thị trường: 2.000 tỷ đồng.
- 60 Công ty thành viên
- 1.500 cán bộ
- 33.800 đại lý

Bảo Việt Nhân thọ là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đầu tiên khai mở thị trường bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam, Bảo Việt Nhân thọ có hệ thống mạng lưới 60 Công ty thành viên và hơn 300 điểm phục vụ khách hàng trên toàn quốc, đội ngũ 1.500 cán bộ và gần 34.000 đại lý chuyên nghiệp.

Trong hơn 17 năm qua, Bảo Việt Nhân thọ đã hoạch định và cam kết bảo vệ cho 5,5 triệu khách hàng, chi trả số tiền bảo hiểm lên đến gần 17.000 tỷ đồng cho 1,3 triệu khách hàng đáo hạn và giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho 130.000 khách hàng với tổng số tiền gần 750 tỷ đồng.

Ngày 19/12/2013, vốn điều lệ của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ là 2.000 tỷ đồng Việt Nam. Với việc tăng số vốn mới này, Bảo Việt Nhân thọ đã trở thành doanh nghiệp dẫn đầu thị trường bảo hiểm nhân thọ về quy mô vốn.

Với vai trò là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ Việt Nam duy nhất, Bảo Việt Nhân thọ luôn không ngừng hoàn thiện sản phẩm và chất lượng dịch vụ để đảm bảo kế hoạch tài chính lâu dài cho các gia đình Việt Nam.

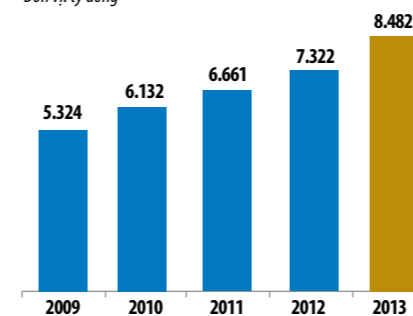
Kết quả kinh doanh năm 2013

Năm 2013, Tổng Công ty Bảo Việt nhân thọ đã đạt được những thành công toàn diện trên cả doanh thu và lợi nhuận. Thành công mang lại nhờ phát huy sức mạnh tổng thể trong lĩnh vực kinh doanh, tăng cường tập trung hóa các mặt hoạt động, nâng cao năng suất lao động, tập trung đầu tư và phát triển đội ngũ cán bộ đồng thời nâng cao chất lượng của tư vấn viên.

- Tổng doanh thu của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ năm 2013 đạt 8.482 tỷ đồng, tăng 15,8% so với năm 2012, trong đó:
 - Doanh thu phí bảo hiểm đạt 6.306 tỷ đồng, tăng trưởng 21% so với năm 2012.
 - Doanh thu tài chính đạt 2.170 tỷ đồng, tăng trưởng 3% so với năm 2012.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 703 tỷ đồng.
- Doanh thu khai thác mới thực thu đạt 1.459 tỷ đồng (theo AFYP đạt 1.589 tỷ đồng), tăng trưởng 24% so với năm 2012. Duy trì vị trí trong top đầu thị trường về thị phần doanh thu khai thác mới.
- Tổng tài sản của Bảo Việt Nhân thọ tăng ổn định qua các năm. Tính đến 31/12/2013, tổng tài sản đạt 26.648 tỷ đồng, tăng 33% so với năm 2012.

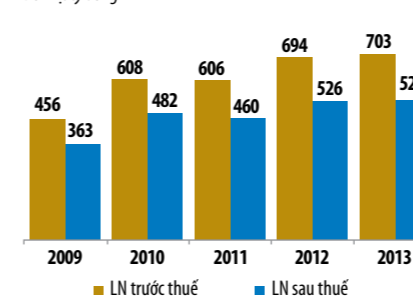
Tổng doanh thu

Đơn vị: tỷ đồng



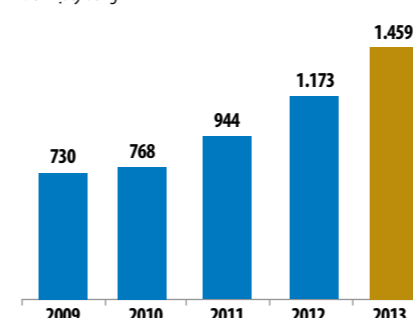
Lợi nhuận

Đơn vị: tỷ đồng



Doanh thu khai thác mới

Đơn vị: tỷ đồng



Trong đó, tài sản ngắn hạn là 4.778 tỷ đồng; tài sản dài hạn là 21.870 tỷ đồng, tăng lần lượt 43% và 31% so với năm 2012.

- Tăng trưởng trong cả doanh thu và lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ bình quân đạt 34,3%.
- Số lượng đại lý trên toàn hệ thống tăng từ 24.000 năm 2011; 30.000 năm 2012 lên 33.800 đại lý năm 2013. Tốc độ tăng trưởng đại lý từng năm luôn đảm bảo được nhu cầu phát triển, mở rộng thị trường của Tổng Công ty.
- Tại 31/12/2013, biên khả năng thanh toán của Bảo Việt Nhân thọ đạt 165%. Tổng Công ty luôn chú ý tới việc đảm bảo khả năng tài chính khi có rủi ro xảy ra nhằm đáp ứng tốt các nghĩa vụ tài chính trong cả ngắn hạn và dài hạn đối với khách hàng.

Những tiến bộ đã đạt được năm 2013

Chú trọng công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới - giữ vững cam kết và nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng

Cụ thể, trong năm 2013 Bảo Việt Nhân thọ đã cho ra mắt 03 sản phẩm bảo hiểm ưu việt:

- An Tâm Hạnh Phúc
- An Hưng Thịnh Vượng
- An Tâm Tri Kỳ

Tổng đài chăm sóc khách hàng 1900558899 chính thức ra đời từ năm 2012 đã đi vào hoạt động ổn định, trở thành kênh liên lạc hữu hiệu kịp thời giải đáp các ý kiến của khách hàng.

Tăng cường hội nhập và hợp tác với đối tác chiến lược

Trong năm 2013, Bảo Việt Nhân thọ đã ký biên bản Thỏa thuận Hợp tác với đối tác chiến lược - Sumitomo Life thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực (TSCTA). Với kinh nghiệm hoạt động trên thị trường bảo hiểm nhân thọ Nhật Bản, phía Sumitomo Life đang hỗ trợ hiệu quả cho Bảo Việt Nhân thọ trên các mảng hoạt động kinh doanh.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, tư vấn viên chuyên nghiệp, hiện đại

Công tác tuyển dụng, đào tạo và huấn luyện đội ngũ cán bộ, tư vấn viên luôn được quan tâm sâu sát. Các chương trình đào tạo liên tục được cập nhật, đổi mới, quy trình, chính sách được rà soát thường xuyên đóng góp đáng kể trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, tư vấn viên chuyên nghiệp, hiện đại, mang tới cho khách hàng chất lượng phục vụ ngày càng cao.

Tăng cường phối hợp bán chéo với các đơn vị thành viên trong Tập đoàn

Nhằm phát huy được tối đa sức mạnh tổng thể và lợi thế Tập đoàn, năm 2013, Bảo Việt Nhân thọ đã đẩy mạnh hợp tác trong bán chéo sản phẩm đảm bảo hiệu quả toàn Tập đoàn.

Hoàn thành tăng vốn lên 2.000 tỷ đồng; đảm bảo ổn định năng lực tài chính.

Luôn chú trọng tới việc đảm bảo khả năng tài chính và nghĩa vụ với khách hàng, năm 2013, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng - trở thành công ty bảo hiểm nhân thọ có vốn lớn nhất thị trường. Đồng thời, việc tăng vốn điều lệ cũng đáp ứng được nhu cầu phát triển và mở rộng quy mô kinh doanh cho Bảo Việt Nhân thọ.

Mô hình quản trị tập trung ngày càng phát huy hiệu quả

Sau 6 năm triển khai, mô hình quản lý tập trung đã mang lại những chuyển biến rõ rệt trong các lĩnh vực, các mặt quản lý hoạt động của Bảo Việt Nhân thọ, mà thể hiện rõ nhất là qua kết quả kinh doanh vượt trội, tăng trưởng doanh thu khai thác mới cao trong giai đoạn 2010 - 2013.

Để tiếp tục phát triển và mở rộng quy mô kinh doanh, năm 2013, Bảo Việt Nhân thọ đã xây dựng và kiện toàn mô hình tổ chức bộ máy nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và triển khai hiệu quả các kênh bán hàng, phân phối mới.

9.197
tỷ đồng **8,4%**

Tổng doanh thu năm 2014

741
tỷ đồng **5,4%**

LN trước thuế năm 2014

28,8%

LN sau thuế/Vốn điều lệ năm 2014

1.605
tỷ đồng **10%**

Doanh thu khai thác mới năm 2014



Bảo Việt Nhân thọ hiện đang cung cấp hơn 50 sản phẩm nhân thọ trên toàn quốc

Định hướng kinh doanh năm 2014

Với tiềm lực tài chính ổn định và vững chắc, trên nền tảng kết quả kinh doanh liên tục tăng trưởng cao trong những năm qua, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục hướng tới mục tiêu tăng trưởng doanh thu và chất lượng hoạt động trong năm 2014, cụ thể với các mục tiêu sau:

- Tổng doanh thu đạt 9.197 tỷ đồng, tăng trưởng 8,4% so với năm 2013.
- Doanh thu khai thác mới tăng trưởng 10%, đạt 1.605 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 741 tỷ đồng tăng trưởng 5,4% so với năm 2013.

Bảo Việt Nhân thọ sẽ thực hiện kế hoạch kinh doanh 2014 thông qua những mục tiêu sau:

Giữ vững tăng trưởng của kênh khai thác truyền thống, triển khai đẩy mạnh bán hàng qua các kênh khai thác mới

Việc tiếp tục tăng trưởng và phát triển kênh khai thác truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu mang sản phẩm bảo hiểm tới mọi đối tượng khách hàng trên toàn quốc.

Bên cạnh kênh phân phối truyền thống, Bảo Việt Nhân thọ cũng tiếp tục đa dạng hóa hình thức bán hàng cũng như tăng cường tư vấn cho các khách hàng về các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ.

Tiếp tục kiện toàn mô hình quản trị

Mô hình quản lý tập trung đã hoạt động ổn định và mang lại những thành tựu to lớn cho Bảo Việt Nhân thọ. Năm 2014, mô hình quản trị sẽ tiếp tục được kiện toàn theo hướng tập trung hóa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại. Công tác quản trị rủi ro, quản lý tài sản... được chú trọng thực hiện nhằm đảm bảo tính ổn định về tiềm năng tài chính, đảm bảo quyền lợi cho khách hàng và cổ đông.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

Tận dụng tối đa ứng dụng công nghệ thông tin để đa dạng hóa các hình thức chăm sóc khách hàng, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người dân. Sau hơn 1 năm triển khai tổng đài Call center 1900 558899, bước sang năm 2014, các dịch vụ giải đáp, tư vấn mới sẽ được triển khai, đáp ứng tối đa và kịp thời các nhu cầu về tư vấn cho các khách hàng của Bảo Việt Nhân thọ.

Phát triển sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường

Chiến lược sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ là phát triển các sản phẩm bảo hiểm phù hợp với nhu cầu và đem lại giá trị cao cho khách hàng, tạo ra sự phát triển bền vững và lợi nhuận cho doanh nghiệp, đồng thời phát huy thế mạnh của Tập đoàn Bảo Việt, tạo sự khác biệt và nâng cao vị thế của doanh nghiệp trên thị trường.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
TÀI SẢN NGẮN HẠN	4.778	3.340
Tiền và các khoản tương đương tiền	742	676
Các khoản đầu tư ngắn hạn	2.604	1.415
Các khoản phải thu	1.389	1.212
Hàng tồn kho	16	13
Tài sản ngắn hạn khác	27	24
TÀI SẢN DÀI HẠN	21.870	16.695
Tài sản cố định	551	576
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	21.239	16.083
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	50	7
Tài sản dài hạn khác	30	29
TỔNG TÀI SẢN	26.648	20.035
NỢ PHẢI TRẢ	24.436	18.321
Nợ ngắn hạn	4.332	933
Nợ dài hạn	85	66
Dự phòng nghiệp vụ	20.019	17.322
VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.212	1.713
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.000	1.500
Lợi nhuận để lại và các quỹ	212	213
TỔNG NGUỒN VỐN	26.648	20.035

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÀI CHÍNH NĂM 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2012
Tổng doanh thu	8.482	7.322
Doanh thu từ hoạt động bảo hiểm	6.306	5.201
Doanh thu từ hoạt động tài chính	2.170	2.108
Doanh thu từ hoạt động khác	6	13
Tổng chi phí	(7.779)	(6.628)
Chi phí từ hoạt động bảo hiểm	(6.013)	(5.030)
Chi phí từ hoạt động tài chính	(630)	(608)
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.136)	(990)
Chi phí khác	(0.1)	(0.1)
Lợi nhuận trước thuế	703	694
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(167)	(161)
Lợi nhuận sau thuế	529	526



ÔNG BÙI TUẤN TRUNG
Tổng Giám đốc

Năm 2013 là một cột mốc quan trọng trong sự phát triển của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt với sự ra đời của Quỹ Đầu tư cổ phiếu năng động Bảo Việt. Đây là lần đầu tiên Công ty phát triển một sản phẩm hướng tới đối tượng khách hàng đại chúng, nhằm cung cấp cho khách hàng những sản phẩm đầu tư đa dạng, góp phần nâng cao uy tín và hình ảnh của Công ty.

Trong năm 2014, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt sẽ đẩy mạnh phát triển nền tảng về con người, hoàn thành việc đầu tư nền tảng về công nghệ, đồng thời tiếp tục nâng cao hiệu quả đầu tư để giữ vững niềm tin của khách hàng, tiếp tục tăng qui mô tài sản quản lý.

- Tổng tài sản quản lý của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 là 20.257 tỷ đồng.
- Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đang quản lý 6 danh mục và 1 quỹ mở.
- Quỹ đầu tư Cổ phiếu năng động Bảo Việt (BVFED) là một trong những quỹ mở cổ phiếu đầu tiên trên thị trường Việt Nam với tổng số vốn huy động được là 71,3 tỷ đồng.

Được thành lập từ năm 2005, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt là công ty thành viên do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn điều lệ.

Lĩnh vực hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt bao gồm dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán. Với kinh nghiệm quản lý nguồn vốn lớn và dài hạn, cùng khả năng cung cấp các dịch vụ tài chính đa dạng, trọn gói theo chuẩn mực quốc tế - Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã và đang khẳng định được vị thế là một trong những nhà đầu tư tài chính chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam với cam kết mang đến lợi ích cao nhất cho các Nhà đầu tư và khách hàng.

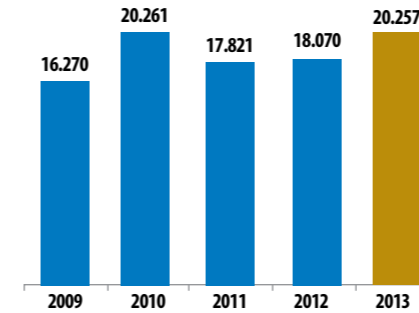
Kết quả kinh doanh năm 2013

Môi trường đầu tư chưa thật sự ổn định là thử thách lớn nhất cho ngành quản lý quỹ trong năm 2013. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của ngành quản lý quỹ đang dần được hoàn thiện. Năm 2013 đã đánh dấu cho sự ra đời của một thế hệ quỹ đầu tư mới là quỹ mở và đây được coi là một bước ngoặt cho sự phát triển của ngành quản lý quỹ tại Việt Nam.

Không nằm ngoài xu thế vận động của thị trường, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã cho ra mắt sản phẩm Quỹ Đầu tư cổ phiếu năng động Bảo Việt (BVFED) vào tháng 11 năm 2013. Cùng với thành công trong việc phát triển sản phẩm mới, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt cũng đã đạt được những kết quả kinh doanh ổn định trong điều kiện thị trường còn nhiều biến động, cụ thể như sau:

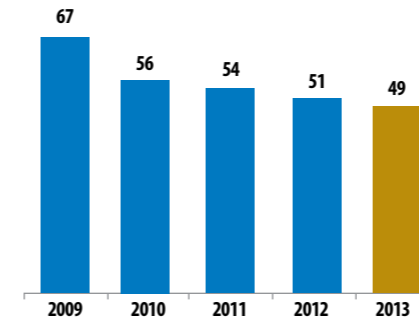
Tổng tài sản quản lý

Đơn vị: tỷ đồng



Tổng doanh thu

Đơn vị: tỷ đồng



26,3%

Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ năm 2013

- Tổng tài sản quản lý của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 là 20.257 tỷ đồng, tăng trưởng 12% so với năm 2012, giúp Công ty trở thành công ty quản lý quỹ nội địa có tổng tài sản quản lý lớn nhất thị trường.
- Tổng doanh thu đạt 49 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 13 tỷ đồng, lần lượt vượt 2% và 25% so với kế hoạch Công ty đề ra cho năm 2013.
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 26,3%, đây là chỉ tiêu khá cao khi so sánh với mặt bằng chung của thị trường.
- Chỉ tiêu an toàn tài chính đạt mức cao: Hệ số an toàn vốn khả dụng của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt tại 31/12/2013 đạt 369%, gấp đôi chỉ tiêu vốn khả dụng do Bộ Tài chính quy định.

Những tiến bộ đạt được trong năm 2013

Phát triển thành công sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu của thị trường và khách hàng

Ra mắt thành công sản phẩm quỹ mở - Quỹ đầu tư cổ phiếu năng động Bảo Việt (BVFED) với số vốn huy động được là 71,3 tỷ đồng từ hơn 140 nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài. Với Quỹ BVFED, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã có một bước đi dài để đến gần hơn tới các nhà đầu tư.

Hoạt động đầu tư được triển khai hiệu quả, tỷ suất lợi nhuận các danh mục đầu tư đều đáp ứng và vượt kỳ vọng của khách hàng

Hoạt động đầu tư cho các danh mục của khách hàng năm 2013 được Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt triển khai trên nguyên tắc cẩn trọng, linh hoạt. Song song với việc kiểm soát tốt các rủi ro đầu tư, Công ty liên tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới theo tiêu chí đã thống nhất với khách hàng và bám sát diễn biến thị trường để vận hành danh mục đạt hiệu quả cao nhất. Do đó, trong năm 2013, các danh mục đầu tư do Công ty quản lý đều có tỷ suất lợi nhuận đáp ứng và vượt kỳ vọng của khách hàng.

Công tác dịch vụ khách hàng được chuyên nghiệp hóa, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng

Bên cạnh hiệu quả đầu tư tốt, chất lượng dịch vụ khách hàng ngày càng được nâng cao thông qua việc áp dụng các chính sách đồng bộ và phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

Hoạt động Quản lý rủi ro, đánh giá hiệu quả hoạt động được triển khai thường xuyên và hiệu quả

Việc triển khai đồng bộ các giải pháp để giảm thiểu các rủi ro đã góp phần đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp cũng như kết quả đầu tư của các danh mục ủy thác.

Củng cố và tăng cường hoạt động kiểm toán, kiểm soát nội bộ

Hoạt động kiểm toán, kiểm soát nội bộ được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ theo các quy định của pháp luật, các quy định nội bộ của Công ty nhằm đảm bảo hạn chế các sai sót, vi phạm có thể xảy ra. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã chú trọng vào việc thiết lập các công cụ mới để kiểm soát hoạt động của quỹ mở BVFED, giúp việc vận hành quỹ an toàn và chuyên nghiệp hơn.



Quỹ Đầu tư cổ phiếu năng động Bảo Việt - một trong những quỹ mở cổ phiếu đầu tiên trên thị trường Việt Nam.

Định hướng kinh doanh năm 2014

Năm 2014 được dự đoán là một năm khá sôi động của ngành quản lý quỹ với sự ra đời của hàng loạt quỹ mới, bao gồm các quỹ mở đã nở rộ từ cuối năm 2013 và quỹ đầu tư chưa được phát triển rộng rãi ở Việt Nam như quỹ ETF hay quỹ hưu trí. Trong số các quỹ được dự kiến ra mắt, quỹ hưu trí được xem là một lĩnh vực đầy tiềm năng, thu hút sự quan tâm đặc biệt của ngành. Cùng với sự đa dạng hóa sản phẩm, sân chơi còn có sự góp mặt của một số công ty quản lý quỹ mới có tiềm lực mạnh. Có thể nhận thấy mức độ cạnh tranh trong ngành sẽ ngày một gia tăng, kéo theo đó là yêu cầu nâng cao tính chuyên nghiệp đối với công ty trong việc đáp ứng kỳ vọng của nhà đầu tư.

Trong bối cảnh đó, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đặt ra mục tiêu kinh doanh cho năm 2014 cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu đạt 41 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ hoạt động kinh doanh đạt 37 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 9 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 7 tỷ đồng.

Dựa trên mục tiêu kinh doanh, cùng những đánh giá về thị trường và thế mạnh của mình, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2014 như sau:

Tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư và tăng cường quản lý rủi ro

Trong điều kiện lợi nhuận đầu tư của thị trường giảm, rủi ro đầu tư vẫn còn cao và thị trường rất thiếu các tài sản đầu tư phù hợp đặc biệt là các tài sản dài hạn, do đó Công ty tập trung tăng cường quản lý rủi ro, nâng cao hiệu quả đầu tư để đáp ứng kỳ vọng của khách hàng, duy trì tốc độ tăng trưởng tài sản quản lý (10%).

Chú trọng sử dụng nguồn lực con người và công nghệ

Sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện thành công các dự án nền tảng của Công ty và phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao sức cạnh tranh và uy tín thương hiệu của Công ty.

Tập trung nghiên cứu và triển khai quỹ hưu trí

Với những quỹ được dự tính sẽ triển khai, công ty hướng trọng tâm vào loại hình quỹ hưu trí với một kế hoạch và chiến lược dài hạn, bắt đầu từ việc nghiên cứu chuyên sâu sản phẩm mới dựa trên việc cập nhật xu thế thị trường và những nghiên cứu sơ bộ trong năm 2013.

10%



Tăng trưởng tổng tài sản quản lý năm 2014

41

tỷ đồng

Tổng doanh thu năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	35	72
Tiền và các khoản tương đương tiền	1	5
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	27	57
Các khoản phải thu ngắn hạn	6	7
Tài sản lưu động khác	1	2
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	28	1
Tài sản cố định	0,2	1
Đầu tư dài hạn	28	0
TỔNG TÀI SẢN	63	73
NỢ PHẢI TRẢ	8	22
Nợ ngắn hạn	8	22
VỐN CHỦ SỞ HỮU	55	51
Vốn điều lệ	50	50
Lợi nhuận chưa phân phối	5	1
TỔNG NGUỒN VỐN	63	73

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÀI CHÍNH NĂM 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2012
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	42	42
Chi phí hoạt động kinh doanh	(0,1)	(0,1)
Doanh thu hoạt động tài chính	6	9
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(32)	(33)
Lợi nhuận trước thuế	16	19
Lợi nhuận sau thuế	13	15



ÔNG NHỮ ĐÌNH HÒA
Tổng Giám đốc

Trải qua 14 năm hình thành và phát triển, với những nỗ lực bền bỉ và sự đồng lòng của cả tập thể, BVSC đã tạo dựng được bề dày truyền thống, tiếp tục duy trì vị thế công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường trên cơ sở kinh nghiệm và chất lượng dịch vụ, luôn tạo dựng một nền tảng vững chắc cho sự phát triển của công ty, khách hàng và cổ đông.

Lĩnh vực tư vấn

- Công ty tư vấn tốt nhất - tạp chí Finance Asia bình chọn.
- Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009 - 2013

Lĩnh vực môi giới

- TOP 10 - công ty chứng khoán có thị phần giao dịch lớn nhất trên 2 sàn HSX và HNX.
- TOP 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất thị trường
- TOP 6 thành viên tiêu biểu trên HNX

Lĩnh vực khác

- TOP 30 Báo cáo thường niên tốt nhất
- TOP 50 Nhân hiệu nổi tiếng
- TOP 100 Thương hiệu mạnh Việt Nam
- TOP 30 Doanh nghiệp niềm yết minh bạch trên HNX

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) là công ty chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư chứng khoán cho tất cả các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài. Được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn tài chính bảo hiểm hùng mạnh.

Trải qua 14 năm hình thành và phát triển, với vai trò Công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập và tiên phong trên thị trường chứng khoán, BVSC đã liên tục nâng cao năng lực tài chính, củng cố hoạt động, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng dịch vụ và trở thành công ty chứng khoán uy tín trên thị trường. BVSC liên tiếp được đón nhận các giải thưởng và bình chọn đánh giá của các tổ chức lớn có uy tín trong và ngoài nước. Về lĩnh vực tư vấn, BVSC đã được vinh danh với giải thưởng "Công ty tư vấn tốt nhất" do tạp chí Finance Asia bình chọn, giải thưởng "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009 - 2013" tại diễn đàn thường niên do báo Đầu tư Chứng khoán và Bộ Kế hoạch

Đầu tư tổ chức. Các thương vụ M&A do BVSC tư vấn cũng được bình chọn là những thương vụ tiêu biểu nhất trên thị trường. Về lĩnh vực môi giới, BVSC luôn giữ vững vị trí trong TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần giao dịch lớn nhất trên 2 sàn HSX và HNX. Đặc biệt, BVSC thường xuyên nằm trong TOP 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất thị trường.

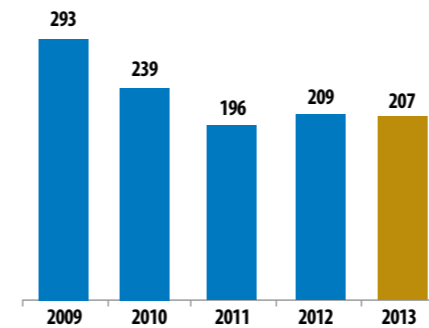
Kết quả kinh doanh năm 2013

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán năm 2013 có nhiều biến động, cùng với việc triển khai thành công các giải pháp kinh doanh đồng bộ, Công ty đã đạt được kết quả khả quan, vượt kế hoạch trên cả 2 chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận, cụ thể:

- Tổng doanh thu trong năm đạt 207 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 86 tỷ đồng, lần lượt vượt 12,7% và 10,7% so với kế hoạch đề ra.
- Các mảng nghiệp vụ mang lại hiệu quả cao nhất là doanh thu từ các dịch vụ lãi suất cố định, doanh thu trên vốn đạt 102 tỷ đồng, chiếm 49% tổng doanh thu và đạt 145% kế hoạch đề ra. Doanh thu từ hoạt động môi giới đạt 45 tỷ đồng và doanh thu tự doanh đạt 50 tỷ đồng.

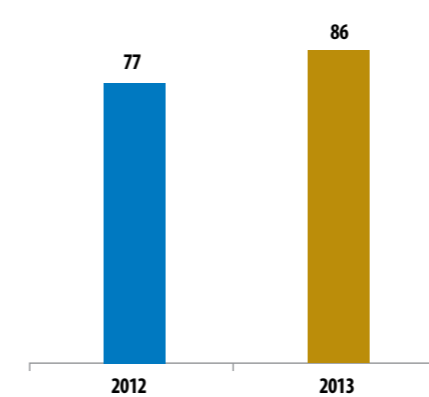
Tổng doanh thu

Đơn vị: tỷ đồng

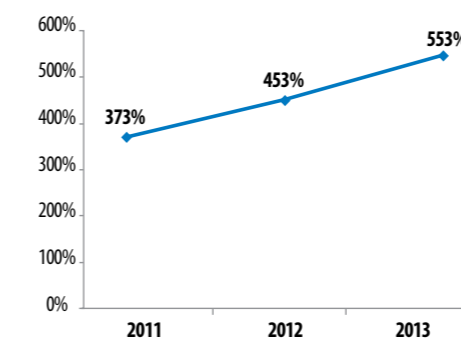


Lợi nhuận sau thuế

Đơn vị: tỷ đồng



Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng



- Thị phần giao dịch cổ phiếu và chứng chỉ quỹ luôn nằm trong TOP 10 công ty có thị phần giao dịch lớn nhất trên cả 2 sàn HSX và HNX. TOP 3 công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất về thị phần giao dịch trái phiếu.
- Tài sản và nguồn vốn chủ sở hữu tăng so với 2012: Tổng tài sản của BVSC tại thời điểm 31/12/2013 là 1.793 tỷ đồng tương ứng mức tăng 17% so với ngày 31/12/2012. Vốn chủ sở hữu của BVSC tại thời điểm 31/12/2013 là 1.212 tỷ tăng 8%. BVSC nằm trong nhóm các công ty chứng khoán có hiệu quả kinh doanh cao nhất trong năm 2013.

- Chỉ tiêu an toàn tài chính đạt mức cao: Tại thời điểm 31/12/2013, hệ số an toàn vốn khả dụng của BVSC đạt 553%, gấp 3 lần so với chỉ tiêu vốn khả dụng quy định của Bộ T ài chính là 180%.
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:
 - Hệ số LNST/Doanh thu thuần đạt 41,4%; tăng trưởng 11,7% so với năm 2012. Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần đạt 41,6%; tăng 12,2% so với năm 2012.
 - Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả hoạt động kinh doanh của BVSC cho thấy Công ty đã nỗ lực giữ vững thị phần kinh doanh, đảm bảo doanh thu ở mức tốt nhất, kiểm soát chi phí đem lại hiệu quả kinh doanh.

Những tiến bộ đã đạt được năm 2013

Cải tiến hệ thống công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng và dịch vụ khách hàng

Trong năm 2013, BVSC đã chính thức ra mắt hệ thống giao dịch BVS@Bloomberg cho phép kết nối trực tiếp đến mạng Bloomberg. Đồng thời, ra mắt website thể hệ mới bằng hai phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh với nhiều tiện ích nổi trội giúp khách hàng tra cứu thông tin và giao dịch dễ dàng.

Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, giữ vững thị phần môi giới

BVSC chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng nhằm mang lại cho khách hàng những tiện ích tốt nhất. Trong năm 2013, BVSC luôn nằm trong TOP 10 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ lớn nhất tại HNX, giữ vững vị trí số 1 về thị phần giao dịch trái phiếu tại HSX năm 2013 và nằm trong TOP 3 Công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất tại HNX.

Tiếp tục đồng hành cùng các cơ quan quản lý thị trường và ghi dấu ấn đậm nét

Là công ty chứng khoán đầu tiên trên thị trường chứng khoán Việt Nam, BVSC luôn duy trì vị thế tiên phong dẫn đầu và đồng hành cùng các cơ quan quản lý thị trường. Trong năm 2013, BVSC đã vinh dự được nhận Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thành tích xuất sắc trong hoạt động của thị trường trái phiếu thứ cấp. BVSC là đơn vị bảo lãnh chính và duy nhất thực hiện thành công đợt Bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 15 năm đầu tiên trong năm 2013.

17%



Tổng tài sản năm 2013

553%



Hệ số an toàn vốn khả dụng năm 2013



BVSC khẳng định vị thế công ty chứng khoán tiên phong, uy tín trên thị trường

HNX đã thực hiện chấm điểm và vinh danh 6 Công ty chứng khoán tiêu biểu trong đó có BVSC. Đặc biệt, BVSC cũng được HNX ghi nhận là 1 trong 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất 2013.

Định hướng kinh doanh năm 2014

Dựa trên các dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2014, trên quan điểm thận trọng và ưu tiên mục tiêu bảo toàn vốn trước cổ đông, BVSC đặt mục tiêu cho năm 2014, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu đạt 198 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 90 tỷ đồng.

Để đạt được kế hoạch kinh doanh 2014 BVSC sẽ tập trung thực hiện những giải pháp trọng tâm sau:

Nâng cao năng lực phục vụ khách hàng thông qua hệ thống công nghệ thông tin hiện đại

BVSC tiếp tục tập trung nguồn lực để đầu tư, nâng cấp các dự án công nghệ thông tin trọng điểm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, phục vụ tốt hơn nhu cầu giao dịch của khách hàng, cũng như nâng cao hình ảnh của công ty trên thị trường.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực

BVSC sẽ triển khai chính sách đào tạo đồng bộ về chuyên môn nghiệp vụ lẫn kỹ năng mềm để nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng phát triển khách hàng cho cán bộ nhân viên. Ngoài ra, sẽ tập trung mở rộng mạng lưới nhân viên môi giới thông qua việc thu hút lao động bằng các chính sách đãi ngộ cạnh tranh.

Đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ

Năm 2014, Công ty tiếp tục thực hiện mục tiêu nâng cao số lượng và chất lượng tài khoản giao dịch qua BVSC. Đầu tư nâng cao quan hệ với các khách hàng. Đẩy mạnh hoạt động của Phòng Quản lý giao dịch và Phát triển sản phẩm trong việc vận hành, quản lý hệ thống giao dịch và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phục vụ tốt hơn nhu cầu đầu tư của khách hàng.

Tập trung tối đa nguồn lực tài chính của Công ty để tối ưu hóa nhu cầu đầu tư của khách hàng

BVSC sẽ sử dụng nguồn lực của công ty cũng như phối hợp với các Ngân hàng và tổ chức tín dụng tìm kiếm nguồn tài chính nhằm tăng khả năng cung ứng dịch vụ, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng trên cơ sở quản trị rủi ro chặt chẽ.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	1.645	1.245
Tiền và các khoản tương đương tiền	535	599
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	662	423
Các khoản phải thu ngắn hạn	443	220
Tài sản ngắn hạn khác	5	4
TÀI SẢN DÀI HẠN	148	289
Tài sản cố định	8	13
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	119	257
Tài sản dài hạn khác	20	19
TỔNG TÀI SẢN	1.793	1.535
NỢ PHẢI TRẢ	581	409
Nợ ngắn hạn	581	409
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.212	1.126
Vốn điều lệ đã góp	722	722
Thặng dư vốn cổ phần	610	610
Lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ	(121)	(207)
TỔNG NGUỒN VỐN	1.793	1.535

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÀI CHÍNH NĂM 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2012
Doanh thu	207	209
Chi phí hoạt động kinh doanh	(71)	(90)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(50)	(41)
Lợi nhuận trước thuế	86	77
Lợi nhuận sau thuế	86	77



ÔNG NGUYỄN HỒNG TUẤN
Tổng Giám đốc

Ngân hàng Bảo Việt luôn cung cấp cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng với chất lượng tốt nhất dựa trên nền tảng công nghệ quản trị ngân hàng đạt tiêu chuẩn quốc tế, nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, đối tác, cổ đông và toàn xã hội.

Hướng tới kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt, năm 2014 Ngân hàng tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được nhằm đóng góp tích cực vào sự phát triển của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt.

Ngân hàng TMCP Bảo Việt là thành viên trẻ nhất của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt và cũng là một ngân hàng thương mại trẻ trong hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam, cung cấp các sản phẩm dịch vụ như sau:

- **Dành cho cá nhân:** Tài khoản và Tiền gửi, Cho vay, Dịch vụ thẻ, Ngân hàng điện tử, Dịch vụ chuyển tiền.
- **Dành cho doanh nghiệp:** Tài khoản tiền gửi, Tín dụng, Tài trợ thương mại, Bảo lãnh.
- **Bancassurance:** Các sản phẩm liên kết ngân hàng - bảo hiểm cho cá nhân và doanh nghiệp.

Mặc dù hoạt động trong điều kiện khó khăn do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và suy giảm kinh tế trong nước, nhưng Ngân hàng Bảo Việt vẫn luôn chú trọng xây dựng nền tảng ban đầu và tập trung thực hiện chiến lược tăng trưởng thận trọng, vững chắc.

Năm 2013, trong bối cảnh toàn hệ thống ngân hàng thực hiện quá trình tái cơ cấu, tăng trưởng tín dụng thấp so với mục tiêu Ngân hàng Nhà nước đề ra, nợ xấu gia tăng nhưng Ngân hàng Bảo Việt đã nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, trở ngại, phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ, mục tiêu quan trọng đề ra. Kết quả các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh cơ bản đều đạt và tăng trưởng vượt kế hoạch, đảm bảo chất lượng, an toàn, hiệu quả. Mô hình cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự quản lý, công tác quản lý rủi ro tiếp tục chuẩn hóa, kiện toàn sâu rộng. Ngân hàng Bảo Việt tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại và từng bước xây dựng thương hiệu Ngân hàng Bảo Việt, tạo niềm tin nơi khách hàng... Năm 2013 là năm đánh dấu bước đổi mới quan trọng của Ngân hàng Bảo Việt trong quá trình thực hiện chiến lược tăng trưởng thận trọng, vững chắc, tạo đà cho các năm tiếp theo.

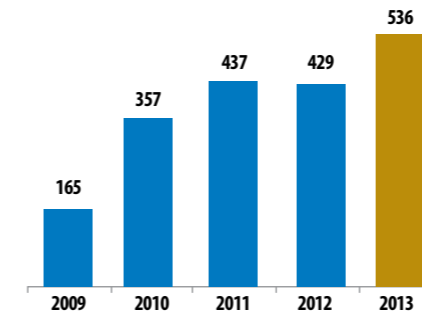
Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013

Năm 2013 toàn ngành ngân hàng nói chung và Ngân hàng Bảo Việt nói riêng gặp rất nhiều khó khăn do nền kinh tế Việt Nam rơi vào trì trệ, tăng trưởng dưới tiềm năng. Tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và nỗ lực của các đơn vị kinh doanh, Ngân hàng Bảo Việt cơ bản đã đạt được các mục tiêu quan trọng đề ra, đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả. Kết quả kinh doanh năm 2013 của Ngân hàng Bảo Việt rất khả quan với những chỉ tiêu cơ bản đều vượt kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

- Tổng tài sản đạt 16.788 tỷ đồng, hoàn thành 127% kế hoạch đề ra;
- Nguồn vốn huy động đạt 13.383 tỷ đồng, hoàn thành 137,4% kế hoạch năm 2013 và tăng 37% so với thực hiện năm 2012;
- Cho vay khách hàng đạt 7.957 tỷ đồng, hoàn thành 101% kế hoạch đề ra;
- Doanh thu từ hoạt động Bancassurance đạt 21,6 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 142 tỷ đồng, hoàn thành 147% kế hoạch đề ra, trong đó hoạt động cho vay

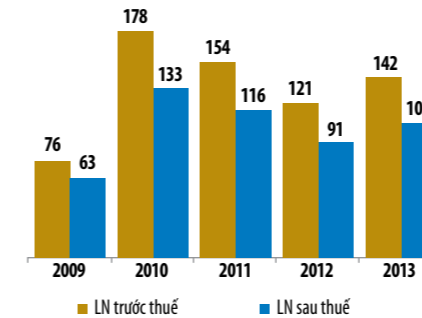
Tổng thu nhập hoạt động

Đơn vị: tỷ đồng



Lợi nhuận

Đơn vị: tỷ đồng



16.788 tỷ đồng
Tổng tài sản năm 2013

Tổng tài sản năm 2013

37,3%
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) năm 2013

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) năm 2013

vẫn là hoạt động chính tạo ra lợi nhuận lớn nhất cho Ngân hàng Bảo Việt với tỷ trọng 76% tổng doanh thu;

- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu CAR đạt 37,32%;
- Tỷ lệ khả năng chi trả ngay của Ngân hàng Bảo Việt là 27,2% đảm bảo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và luôn đáp ứng khả năng thanh khoản của ngân hàng.

Đạt được các kết quả này là do Ngân hàng Bảo Việt đã thực hiện tăng cường quản lý rủi ro đặc biệt là rủi ro tín dụng, phát triển các dịch vụ mới thân thiện, hiện đại cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng và ứng dụng công nghệ hiện đại tạo niềm tin lớn cho khách hàng khi giao dịch với Ngân hàng Bảo Việt.

Những tiến bộ đã đạt được năm 2013

Tăng cường công tác quản lý rủi ro

Trong năm 2013, Ngân hàng Bảo Việt đã tích cực triển khai đồng bộ nhiều biện pháp trong công tác quản lý rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Theo đó, Ngân hàng Bảo Việt đã xây dựng, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định để làm cơ sở triển khai các hoạt động của ngân hàng một cách có hệ thống, đảm bảo tuân thủ đúng quy trình, quy định, góp phần hạn chế rủi ro.

Phát triển nhiều sản phẩm và dịch vụ mới

Song song với việc nghiên cứu triển khai các sản phẩm mới như: Thanh toán trực tuyến BVB-Ecom, Chuyển tiền nhanh liên ngân hàng 24/7, Cho vay bảo đảm bằng tiền gửi của khách hàng doanh nghiệp, Bao thanh toán, Tài trợ nhà phân phối...; Ngân hàng Bảo Việt đã thực hiện rà soát,

điều chỉnh và hoàn thiện các sản phẩm đang triển khai. Những sản phẩm, dịch vụ này đã thu hút được sự quan tâm, chú ý của khách hàng, qua đó giúp tăng doanh thu, lợi nhuận cho ngân hàng trong năm 2013.

Đẩy mạnh đầu tư công nghệ thông tin

Ngân hàng Bảo Việt tiếp tục tập trung hoàn thiện hệ thống Core Banking và các dự án công nghệ thông tin trọng điểm khác nhằm nâng cao khả năng xử lý và khắc phục những điểm tồn tại của hệ thống cũng như tăng cường hoạt động quản trị tập trung và giảm mức độ rủi ro trong các hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống. Đẩy mạnh phát triển các tiện ích ngân hàng điện tử và các sản phẩm thẻ; đồng thời phát triển các công cụ hỗ trợ cho hoạt động nhân sự, thương hiệu truyền thông.

Tăng cường phát triển thương hiệu và xây dựng văn hóa doanh nghiệp

Bên cạnh việc quảng bá cho thương hiệu và sản phẩm dịch vụ, Ngân hàng Bảo Việt chú trọng triển khai các hoạt động nhằm xây dựng văn hóa doanh nghiệp góp phần kết nối cán bộ nhân viên toàn hệ thống, nâng cao tinh thần đoàn kết, gắn bó, hỗ trợ giữa các đơn vị.

Kiện toàn mô hình bộ máy, tổ chức

Năm 2013, Ngân hàng Bảo Việt đã kiện toàn mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động mới để vận hành một cách hiệu quả theo nguyên tắc quản lý tập trung tại Hội sở, đồng thời phát huy vai trò chỉ đạo theo mô hình dọc với các Khối kinh doanh để gia tăng hiệu quả hoạt động.

Định hướng kinh doanh 2014

Thị trường tài chính ngân hàng 2014 sẽ được tiếp tục duy trì ổn định với các quy định và chính sách tài chính tiền

577

Tỷ đồng

Tổng thu nhập hoạt động năm 2014



7,8%

160

Tỷ đồng

LN trước thuế năm 2014



13,1%

26%

Tăng trưởng tín dụng năm 2014



13%

Tăng trưởng tổng tài sản năm 2014



20%

Tăng trưởng tổng huy động năm 2014



Ngân hàng Bảo Việt nỗ lực phát triển các dịch vụ mới, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

tệ thận trọng nhưng có xu hướng linh hoạt hơn dưới sự điều tiết của NHNN và Chính phủ. Trên cơ sở dự báo tình hình thị trường và đánh giá thực trạng, Ngân hàng Bảo Việt đặt ra định hướng, mục tiêu và các chỉ tiêu kinh doanh như sau:

- Tổng thu nhập hoạt động đạt 577 tỷ đồng, tăng 7,8% so với năm 2013;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 160 tỷ đồng, tăng trưởng 13,1% so với năm 2013;
- Tăng trưởng tín dụng 26% so với năm 2013;
- Tổng tài sản tăng trưởng 13% so với năm 2013;
- Tổng huy động tăng trưởng 20%, so với năm 2013;

Để đạt được những mục tiêu đã đặt ra, Ngân hàng Bảo Việt sẽ tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm sau:

- **Phát triển mạng lưới:** Tập trung phát triển mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch nhằm cung cấp sản phẩm, dịch vụ đến đông đảo khách hàng hơn nữa, qua đó gia tăng lợi nhuận và đạt được hiệu quả theo quy mô.
- **Sản phẩm, dịch vụ, khách hàng:** Đẩy mạnh hoạt động bán lẻ, phát triển các sản phẩm và dịch vụ ngân

hàng hiện đại trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin. Tập trung tìm kiếm các khách hàng mới và phát triển khách hàng hiện có.

- **Quản lý rủi ro, tiết kiệm chi phí:** Tiếp tục triển khai đo lường rủi ro thanh khoản, thị trường và áp dụng các hạn mức để thực hiện giám sát đồng thời phát triển chất lượng huy động vốn nhằm cân đối vốn trên toàn hệ thống; Tiếp tục tăng cường quản lý chi phí theo hướng tiết kiệm, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- **Công nghệ thông tin:** Tập trung nguồn lực để hoàn thiện các dự án công nghệ thông tin trọng điểm nhằm hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động kinh doanh và công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp.
- **Marketing và truyền thông:** Triển khai các chiến dịch quảng cáo nhằm phát triển thương hiệu và hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh; Kết hợp với Tập đoàn và các đơn vị triển khai chuỗi chương trình bán hàng hướng đến kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	125	109
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	271	278
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	4.823	4.280
Chứng khoán kinh doanh	1.550	95
Cho vay khách hàng	7.857	6.611
Chứng khoán đầu tư	1.760	1.536
Tài sản cố định	43	67
Tài sản cố khác	360	307
TỔNG TÀI SẢN	16.788	13.283
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	4.781	3.535
Tiền gửi của khách hàng	8.602	6.265
Các khoản nợ khác	221	329
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	13.604	10.130
Vốn điều lệ	3.000	3.000
Lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ	184	153
VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.184	3.153
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	16.788	13.283

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÀI CHÍNH NĂM 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2012
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.171	1.515
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(690)	(1.118)
THU NHẬP LÃI THUẦN	481	397
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	8	15
Chi phí hoạt động dịch vụ	(4)	(7)
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	4	8
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1	0
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	43	24
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác	6	0
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	536	429
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(277)	(249)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	258	179
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(117)	(58)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	142	121
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	106	91



ÔNG BÙI THANH NGUYÊN
Tổng Giám đốc

Với những kết quả khả quan đã đạt được trong năm 2013, Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt đã chuẩn bị sẵn sàng để có những bước tiến vững chắc cho năm 2014, năm đánh dấu cột mốc quan trọng trong suốt 50 năm hình thành và phát triển của Bảo Việt nói chung và 5 năm thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt nói riêng.

Sau 5 năm thành lập và phát triển, Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt đã mở rộng phạm vi hoạt động, cung cấp dịch vụ quản lý, thi công xây lắp bất động sản cho các công trình do Tập đoàn và các đơn vị thành viên làm chủ đầu tư, đồng thời từng bước vững chắc tiến ra thị trường bên ngoài.

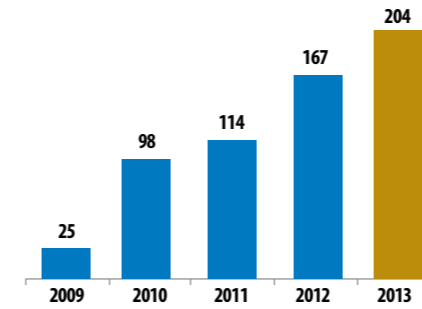
Được thành lập vào tháng 01 năm 2009, Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt là một đơn vị thành viên của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt. Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt được thành lập trên cơ sở hợp lực các nguồn lực tài chính, con người, chức năng, nhiệm vụ và những thành tựu trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng của Bảo Việt trong gần 50 năm qua, nhằm chuyên nghiệp hóa hoạt động đầu tư, cung cấp các dịch vụ liên quan đến bất động sản nhằm phát huy hơn nữa vị thế, vai trò của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013

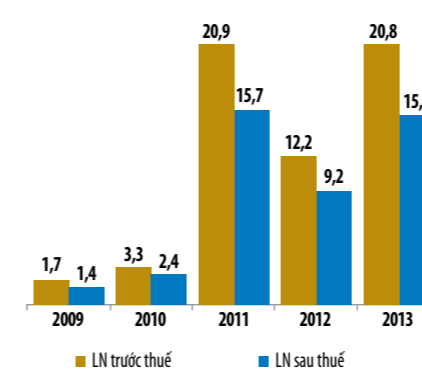
Năm 2013, nền kinh tế tiếp tục trầm lắng gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt nói riêng. Trên thị trường, đã có rất nhiều các doanh nghiệp phải đóng cửa ngừng hoạt động hoặc giải thể. Trong điều kiện khó khăn, Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp kinh doanh nhằm nâng cao năng suất lao động, chủ động tìm kiếm và thực hiện được những hợp đồng mới có giá trị lớn, do đó đã đạt được kết quả kinh doanh thuận lợi, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu đạt 204 tỷ đồng, tăng 21,7% so với năm 2012. Trong đó hoạt động đầu tư đạt 17,9 tỷ đồng; hoạt động xây lắp đạt 81,2 tỷ đồng; hoạt động quản lý tòa nhà, quản lý dự án đạt 67,1 tỷ đồng; hoạt động kinh doanh nhập khẩu đạt 22,3 tỷ đồng; còn lại là doanh thu từ hoạt động tài chính và các hoạt động khác.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 15 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch đã đặt ra.
- Tổng giá trị tài sản tăng 115%, từ 327,7 tỷ đồng năm 2012 lên 378,1 tỷ đồng năm 2013.

Tổng doanh thu
Đơn vị: tỷ đồng



Lợi nhuận
Đơn vị: tỷ đồng



Tổng doanh thu năm 2014



LN trước thuế năm 2014

Những tiến bộ đã đạt được trong năm 2013

Duy trì cung cấp dịch vụ cho khách hàng nội bộ và tăng cường tìm kiếm khách hàng bên ngoài.

- Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh khác như hoạt động quản lý tòa nhà, dịch vụ Bất động sản. Bên cạnh việc tiếp tục duy trì được tiến độ và chất lượng đối với các công trình do Tập đoàn và các đơn vị thành viên làm chủ đầu tư, Công ty đã chủ động tìm kiếm và thực hiện các công trình với các đối tác ngoài Tập đoàn và bước đầu đã khẳng định được uy tín ở các công trình khác.
- Hoạt động kinh doanh dịch vụ quản lý tòa nhà: Công ty tập trung cung cấp dịch vụ cho các tòa nhà của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, đồng thời mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ ra thị trường bên ngoài. Công ty luôn chú trọng công tác bảo trì bảo dưỡng, đảm bảo các hệ thống được bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên đúng quy trình kỹ thuật. Công ty đã chủ động thuê cơ quan chức năng để kiểm định toàn diện hệ thống nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các tòa nhà Công ty cung cấp dịch vụ.
- Tăng cường hoàn thiện công tác tổ chức, quản lý hoạt động nhằm nâng cao năng suất lao động.
- Công tác quản lý tài chính được thực hiện một cách nghiêm túc, khoa học nhằm bảo đảm nguồn vốn hoạt động luôn được sử dụng hiệu quả, tiết kiệm. Quản lý tốt cơ sở vật chất, tài sản phục vụ cho các hoạt động thường nhật của Công ty.

Định hướng kinh doanh 2014

Bước sang năm 2014, trong bối cảnh thị trường dự kiến còn nhiều thách thức, Công ty Đầu tư Bảo Việt sẽ tiếp tục phát huy năng lực để tạo ra cơ hội mới, đủ sức cạnh tranh với thị trường, cụ thể:

- Tổng doanh thu năm 2014 đạt 229 tỷ đồng, tăng 12,3% so với thực hiện năm 2013.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 21 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 16,4 tỷ đồng; tăng lần lượt 1,2% và 7% so với năm 2013.

Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt sẽ thực hiện kế hoạch kinh doanh 2014 thông qua những giải pháp trọng tâm sau:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý tòa nhà, mở rộng tìm kiếm các khách hàng mới để cung cấp dịch vụ của Công ty cho các đơn vị bên ngoài Tập đoàn, nhằm mang lại doanh thu và lợi nhuận ổn định cho đơn vị.
- Đẩy nhanh tiến độ các dự án, các công trình trọng điểm, nghiên cứu đầu tư/tham gia các dự án khác trên nguyên tắc đảm bảo an toàn nguồn vốn khi nền kinh tế phục hồi.
- Chủ động mở rộng thị trường, tìm kiếm các đối tác, khách hàng tiềm năng trong các lĩnh vực thi công xây lắp, quản lý tòa nhà, kinh doanh thiết bị.
- Nghiên cứu tham gia một số dự án có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn đầu tư nước ngoài như các dự án ODA, FDI nhằm mở rộng thị trường và phát triển thương hiệu.
- Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ; tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý, hiệu quả hoạt động và từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của đơn vị.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
TÀI SẢN NGẮN HẠN	373	322
Tiền và các khoản tương đương tiền	33	29
Các khoản phải thu ngắn hạn	207	194
Hàng tồn kho	132	98
Tài sản ngắn hạn khác	0.5	0.4
TÀI SẢN DÀI HẠN	5	6
Tài sản cố định	4	5
Tài sản dài hạn khác	1	1
TỔNG TÀI SẢN	378	328
NỢ PHẢI TRẢ	152	116
Nợ ngắn hạn	152	115
Nợ dài hạn	0.03	0.2
VỐN CHỦ SỞ HỮU	226	212
Vốn điều lệ đã góp	200	200
Lợi nhuận chưa phân phối và các Quỹ	26	12
TỔNG NGUỒN VỐN	378	328

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÀI CHÍNH NĂM 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2012
Doanh thu bán hàng	194	153
Giá vốn hàng bán	(173)	(144)
Doanh thu hoạt động tài chính	9	15
Chi phí tài chính	(0,2)	(1)
Chi phí bán hàng	(0,8)	(2)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(8)	(8)
Thu nhập khác	1	0
Chi phí khác	(1,5)	0
Lợi nhuận trước thuế	21	12
Lợi nhuận sau thuế	15	9

Thân thiện với môi trường



10 SẢN PHẨM - DỊCH VỤ TIÊU BIỂU NĂM 2013

1 Bảo Việt Nhân thọ ra mắt giải pháp tài chính mới An Hưng Thịnh Vượng dành cho khách hàng VIP

An Hưng Thịnh Vượng là sản phẩm bảo hiểm tiết kiệm được Bảo Việt Nhân thọ thiết kế dành riêng cho khách hàng cao cấp, vốn là những khách hàng thu nhập khá trở lên nhưng có quỹ thời gian ít, cần đơn giản trong thủ tục giao dịch, nhu cầu bảo mật thông tin cao, đồng thời vẫn có mong muốn lợi nhuận gia tăng ổn định và liên tục.

1



2 Bảo hiểm Bảo Việt ra mắt sản phẩm Bảo hiểm Toàn diện gia đình

Nhằm đến đối tượng khách hàng là những hộ gia đình có thu nhập ổn định, trên trung bình, gói sản phẩm Bảo hiểm Toàn diện gia đình có nhiều đặc tính vượt trội như: bảo vệ 3 thế hệ gia đình trong cùng một đơn bảo hiểm; được khám và điều trị tại các bệnh viện chất lượng cao kèm theo dịch vụ bảo lãnh viện phí 24/7; nhiều ưu đãi về phí và quyền lợi khi khách hàng tham gia nhiều loại hình bảo hiểm.

2



3 Bảo Việt Nhân thọ ra mắt gói sản phẩm An Tâm Tri Kỳ với thông điệp "Để hôn nhân là bờ vai che chở"

Với tinh thần tôn vinh các giá trị hôn nhân bền vững, chia ngọt sẻ bùi trong những lúc hạnh phúc hay khó khăn, Bảo Việt Nhân thọ mang đến cho các khách hàng có kế hoạch sở hữu một sản phẩm bảo hiểm chính thêm một lựa chọn hấp dẫn và bổ ích: mua thêm 01 gói sản phẩm bảo hiểm bổ trợ dành cho vợ hoặc chồng nhằm đạt được kế hoạch bảo vệ tài chính toàn diện cho gia đình trong trường hợp xảy ra rủi ro về sức khỏe với người bạn đời.

3



4



4 Bảo Việt Nhân thọ ra mắt sản phẩm bổ trợ An Tâm Hạnh Phúc

Từ ngày 15/3/2013, Bảo Việt Nhân thọ chính thức ra mắt thị trường sản phẩm Bảo hiểm phẫu thuật và điều trị ngoại khoa An Tâm Hạnh Phúc - sản phẩm bổ trợ cho Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ chính để mang đến sự bảo vệ toàn diện cho khách hàng và những người thân trước những rủi ro không may trong cuộc sống.

5



5 Quản lý Quỹ Bảo Việt ra mắt Quỹ Đầu tư cổ phiếu năng động Bảo Việt (BVFED)

Quỹ BVFED là quỹ mở đầu tiên trên thị trường lựa chọn chiến lược đầu tư chủ động, nhằm vận dụng thế mạnh của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt trong dự báo xu hướng thị trường để đưa ra quyết định về tỷ trọng các tài sản đầu tư trong danh mục, tận dụng các cơ hội đầu tư trên thị trường cổ phiếu và thị trường lãi suất cố định.

Sản phẩm được phân phối qua đại lý là Công ty Chứng khoán Bảo Việt.

6



6 Bảo hiểm Bảo Việt ký kết hợp tác triển khai sản phẩm bảo hiểm sức khỏe OCB-Care

Đây là sản phẩm hợp tác với Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB). OCB-Care cung cấp cho khách hàng giải pháp tài chính toàn diện hơn trước những rủi ro trong cuộc sống.

7



7 Nhân thọ Bảo Việt tri ân khách hàng nhân dịp kỷ niệm 17 năm hoạt động

Nhằm tri ân sự tin tưởng của khách hàng và đồng hành cùng mình, nhân tháng kỷ niệm, Bảo Việt Nhân thọ triển khai chương trình tặng ô thời trang tiện dụng cho mọi khách hàng tham gia bảo hiểm nhân thọ. Chương trình áp dụng cho khách hàng tham gia với số tiền từ 6 triệu đồng trở lên.

8



8 BVSC tri ân khách hàng nhân kỷ niệm 14 năm thành lập

Nhân dịp kỷ niệm 14 năm thành lập, BVSC ra mắt chương trình "Tri ân khách hàng - Rộn ràng quà tặng" nhằm tri ân các khách hàng đã và đang song hành với BVSC trong suốt 14 năm qua.

9



9 Ngân hàng Bảo Việt ưu đãi cho khách hàng doanh nghiệp sử dụng Payroll Plus

Gói sản phẩm Ngân hàng Bảo Việt Payroll Plus tích hợp thêm tiện ích và ưu đãi không chỉ cho doanh nghiệp mà còn cho khách hàng cá nhân là chủ doanh nghiệp và những người nhận lương từ doanh nghiệp.

10



10 Ngân hàng Bảo Việt áp dụng chương trình Ưu đãi lãi suất dành cho khách hàng cá nhân với lãi suất chỉ 5%

Chương trình Ưu đãi lãi suất là lời cảm ơn dành cho khách hàng đã, đang và sẽ đồng hành cùng Ngân hàng Bảo Việt. Ngân hàng Bảo Việt đang không ngừng hoàn thiện và đưa ra các sản phẩm dịch vụ mới nhằm phục vụ khách hàng một cách tối ưu nhất.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản trị doanh nghiệp là yếu tố cốt lõi để thực hiện phát triển bền vững trong dài hạn, góp phần xây dựng và củng cố niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư và cổ đông dành cho doanh nghiệp.

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Tại Tập đoàn Bảo Việt, Quản trị doanh nghiệp được xác định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững. Bên cạnh việc xây dựng một cơ cấu quản trị vững mạnh trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam kết hợp với việc vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp, Tập đoàn Bảo Việt đã ban hành hệ thống các quy chế nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng trong dài hạn.

Nền tảng cơ cấu Quản trị doanh nghiệp vững chắc	Chuẩn mực quản trị quốc tế	Phù hợp thông lệ và pháp luật Việt Nam	Áp dụng thống nhất trên toàn Tập đoàn
Cơ cấu quản trị của Bảo Việt có đầy đủ các chủ thể quản trị của một công ty niêm yết (Đại hội Đồng Cổ đông, HĐQT, Ban Điều hành, Ủy ban trực thuộc HĐQT).	Tuân thủ các khuôn khổ và thông lệ quốc tế về Quản trị doanh nghiệp của OECD, IFC và mô hình quản trị tiên tiến trên cơ sở vận dụng mô hình của các đối tác chiến lược nước ngoài.	Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và các quy chế quản trị cho công ty niêm yết tại Việt Nam, điều chỉnh, rà soát thay đổi thích nghi với điều kiện tại Việt Nam.	Xây dựng và phát triển mô hình quản trị xuyên suốt toàn Tập đoàn nhằm đảm bảo tính thống nhất và nhất quán trong mọi hoạt động.
Chuẩn mực	Hiện đại	Linh hoạt	Nhất quán

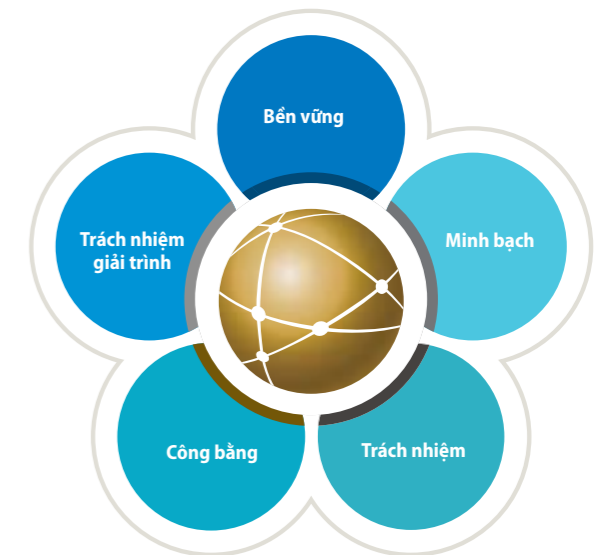
Các nguyên tắc quản trị tại Bảo Việt: Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả; Đảm bảo quyền lợi của cổ đông; Đối xử công bằng giữa các cổ đông; Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan; Minh bạch trong hoạt động và đảm bảo Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát doanh nghiệp có hiệu quả.

Mô hình quản trị doanh nghiệp bền vững của Bảo Việt được thực hiện dựa trên các giá trị cốt lõi sau:

Các nguyên tắc Quản trị doanh nghiệp



5 giá trị cốt lõi trong khuôn khổ Quản trị doanh nghiệp

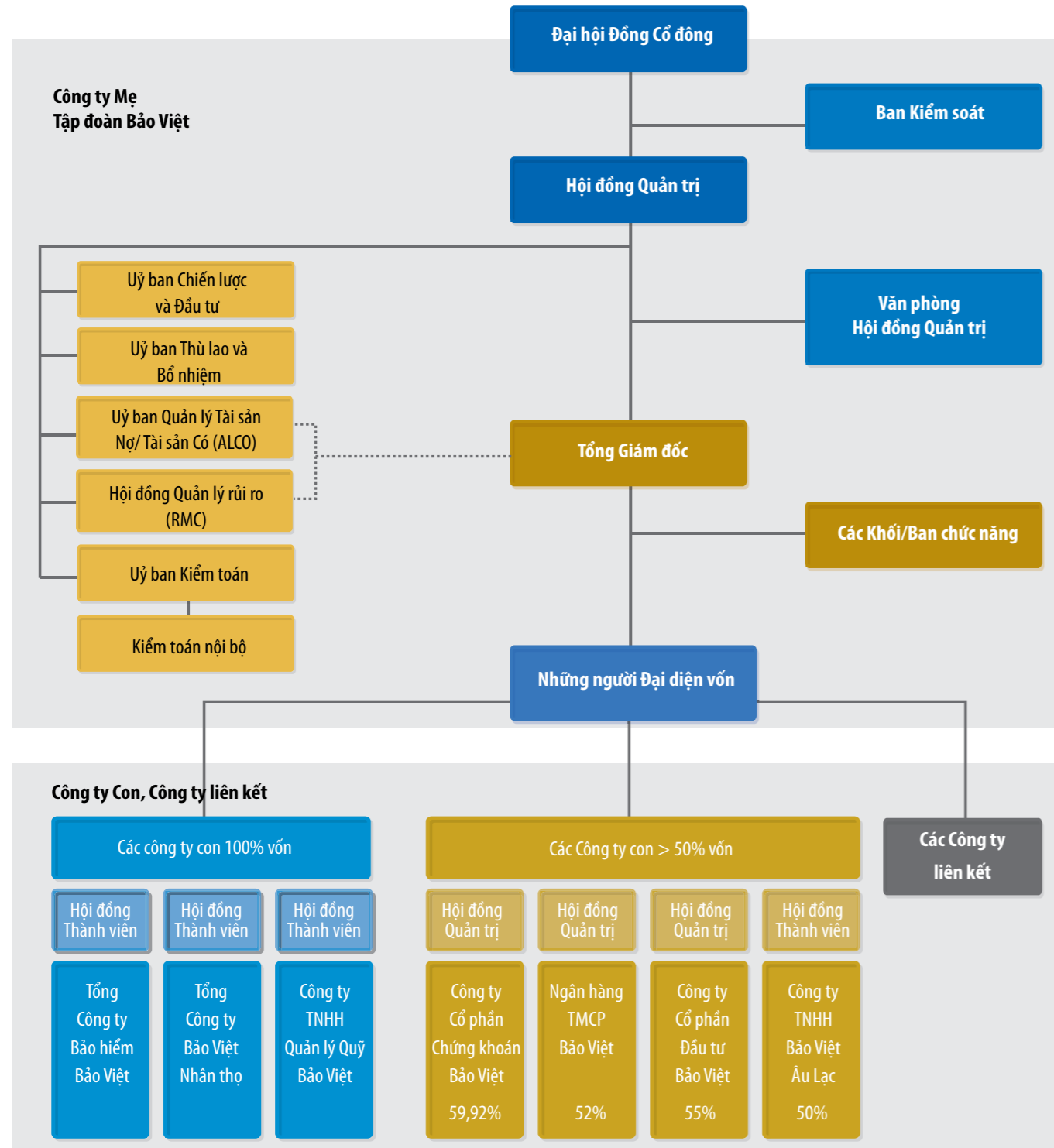


Công bằng	Minh bạch	Trách nhiệm	Trách nhiệm giải trình	Bền vững
Bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông, kể cả các cổ đông nhỏ lẻ và các cổ đông nước ngoài.	Đảm bảo việc công khai thông tin về các vấn đề quan trọng liên quan tới doanh nghiệp bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động, quyền sở hữu, và các cơ cấu kiểm soát luôn được thực hiện một cách kịp thời và chính xác.	Công nhận quyền lợi của các bên có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa các công ty/đơn vị thành viên và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo ra của cải, công ăn việc làm và đảm bảo tính bền vững về mặt tài chính của Bảo Việt.	Đảm bảo việc cung cấp định hướng chiến lược cho công ty, đảm bảo việc giám sát có hiệu lực từ HĐQT, đảm bảo việc giải trình của HĐQT trước công ty và các cổ đông.	Đảm bảo mang lại lợi ích lâu dài và bền vững cho cổ đông và đảm bảo hài hòa các yếu tố quản trị liên quan đến phát triển kinh tế-xã hội và môi trường.

GỚI THIỆU MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Bảo Việt thực hiện cổ phần hóa thành công và bắt đầu hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ tháng 10/2007 theo mô hình Công ty Mẹ – Công ty Con. Sau 7 năm cổ phần hóa, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã đổi mới toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến áp dụng theo thông lệ quốc tế.

Mô hình quản trị Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt (tại thời điểm 31/12/2013)



Mô hình quản trị của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt

Mô hình quản trị doanh nghiệp của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát; Hội đồng Quản trị (bao gồm các Ủy ban/Hội đồng giúp việc và Thư ký Công ty); Ban Điều hành; và Những người đại diện quản lý phần vốn góp của Tập đoàn Bảo Việt tại các đơn vị Tập đoàn góp vốn. Từ ngày 01/7/2008, mô hình quản trị doanh nghiệp mới đã được áp dụng tại Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt, theo đó Cơ cấu tổ chức của Ban Điều hành được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối chức năng.

Đại hội Đồng Cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Tập đoàn Bảo Việt.

Ban Kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền thay mặt Đại hội Đồng Cổ đông giám sát hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt. Ban Kiểm soát phải hành động một cách độc lập với HĐQT và Tổng Giám đốc.

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý của Tập đoàn Bảo Việt, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn Bảo Việt để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn Bảo Việt không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị thành lập các Ủy ban có chức năng tư vấn, tham mưu và hỗ trợ hoạt động của Hội đồng Quản trị. Các Ủy ban trực thuộc bao gồm: Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ – Tài sản Có (ALCO), Hội đồng Quản lý rủi ro, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư, Ủy ban Thủ lao và Bổ nhiệm, Ủy ban Kiểm toán.

Thư ký Công ty: Văn phòng Hội đồng Quản trị phối hợp với Ban Thư ký – Tổng hợp Tập đoàn Bảo Việt có chức năng là Thư ký Công ty để hỗ trợ cho hoạt động quản trị doanh nghiệp được tiến hành một cách có hiệu quả; có nhiệm vụ tổ chức các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội Đồng Cổ đông;

Đảm bảo việc xây dựng, tuân thủ và định kỳ rà soát những chính sách và thông lệ quản trị; Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát; Đảm bảo công bố thông tin trọng yếu một cách kịp thời, chính xác, minh bạch và thực hiện các nhiệm vụ khác theo các quy định của pháp luật, Quy chế quản trị nội bộ và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt.

Ban Điều hành do Tổng Giám đốc Tập đoàn quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua Giám đốc phụ trách khối chức năng, bao gồm: Khối Quản lý Hoạt động, Khối Quản lý Tài chính, Khối Quản lý Nguồn Nhân lực, Khối Công nghệ thông tin, Khối Chiến lược và Quản lý rủi ro, và Khối Bất động sản, Khối Đầu tư.

Những người đại diện quản lý phần vốn góp của Tập đoàn Bảo Việt tại các đơn vị Tập đoàn góp vốn là những người thay mặt Tập đoàn, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách là chủ sở hữu, thành viên góp vốn, hoặc cổ đông tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn.

Trong 7 năm thực hiện theo mô hình quản trị Công ty mẹ - Công ty con, Tập đoàn Bảo Việt đã liên tục rà soát, hoàn thiện mô hình quản trị chuẩn hóa theo thông lệ quốc tế, phân tách rõ trách nhiệm giữa Công ty mẹ và các Đơn vị thành viên nhằm tạo sự chủ động cho các Đơn vị trong tổ chức hoạt động kinh doanh, đồng thời đảm bảo cơ chế quản trị xuyên suốt trong toàn Tập đoàn nhằm tăng cường hiệu quả quản trị doanh nghiệp, nâng cao tính chuyên nghiệp, năng suất lao động từ đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Mối quan hệ giữa Công ty Mẹ (Tập đoàn Bảo Việt) với các công ty con, và các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty

Quan hệ giữa Công ty Mẹ (Tập đoàn Bảo Việt) với các công ty con, các công ty Liên kết được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và các quy định của pháp luật có liên quan. Tập đoàn Bảo Việt thực hiện quyền và nghĩa vụ của

minh với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với Công ty con theo quy định tương ứng của pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.

Đối với Công ty Con do Tập đoàn Bảo Việt sở hữu 100% vốn Điều lệ

Tập đoàn Bảo Việt thực hiện quyền Chủ sở hữu theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Điều lệ Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, và các quy định khác có liên quan và thông qua Người đại diện vốn để thực hiện các quyền Chủ sở hữu của Công ty.

Các công ty con tổ chức thực hiện các quyết định của Tập đoàn Bảo Việt và quyết định các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Tập đoàn Bảo Việt; thực hiện việc báo cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu, quy định của Tập đoàn Bảo Việt; đồng thời Công ty con có trách nhiệm trình Tập đoàn Bảo Việt xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Tập đoàn Bảo Việt với tư cách Chủ sở hữu.

Đối với các doanh nghiệp có vốn góp khác

Tùy theo tỷ lệ vốn góp Tập đoàn Bảo Việt thực hiện quyền cổ đông, thành viên góp vốn thông qua Người đại diện vốn của Tập đoàn tại Công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty con đó và các quy định khác có liên quan.

Quản trị của Công ty Mẹ đối với Công ty Con

Quy chế quản trị của Tập đoàn Bảo Việt được HĐQT sửa đổi và ban hành kèm theo Quyết định số 204/2014/QĐ-HĐQT ngày 28 tháng 02 năm 2014 đã nêu rõ phân công, phân cấp thực hiện quyền và trách nhiệm của Tập đoàn Bảo Việt trong quan hệ với các Công ty con, Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn qua bộ máy của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người đại diện vốn cụ thể như sau:

Quyền, trách nhiệm của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị có toàn quyền nhân danh Tập đoàn Bảo Việt (Tập đoàn) để quyết định,

thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ của Tập đoàn, Điều lệ Công ty con, Điều lệ Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Quyết định phân cấp, ủy quyền cho Tổng Giám đốc trong việc nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa của mình với tư cách Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.

Quyền, trách nhiệm của Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn, chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn nhằm thực hiện quyền và trách nhiệm của Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con và doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.

- Theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng Quản trị, quyết định đối với những nội dung thuộc quyền và trách nhiệm của Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.

- Chịu trách nhiệm tổ chức, đôn đốc, chỉ đạo và giám sát Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ, Người đại diện vốn thực hiện các nghị quyết, quyết định của Tập đoàn nhằm thực hiện quyền của Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn của Tập đoàn trong quan hệ Công ty con và các Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.

- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị trong tổ chức đôn đốc, chỉ đạo Người đại diện vốn triển khai thực hiện các mục tiêu chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn tại Công ty con và các Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn nhằm bảo toàn, phát triển vốn, nâng cao hiệu quả kinh

doanh, phối hợp sử dụng hiệu quả các nguồn lực của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.

- Chịu trách nhiệm về đánh giá kết quả hoạt động của Người đại diện vốn và quyết định theo thẩm quyền hoặc đề xuất với Hội đồng Quản trị trong việc đề cử, bổ nhiệm thay thế Người đại diện vốn.

- Trong phạm vi thẩm quyền, quyết định phân cấp và ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc các Giám đốc Khối chức năng tổ chức triển khai công việc nhằm thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn.

Quyền, trách nhiệm của Người đại diện vốn

Tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ

- Tham gia Hội đồng thành viên Công ty con để nhân danh Tập đoàn (với tư cách Chủ sở hữu của Công ty con) tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn tại Công ty con và nhân danh Công ty con thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty con, quyết định phân cấp, ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty con thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty con.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tập đoàn về thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo các quy định pháp luật, quy định nội bộ liên quan của Tập đoàn và quy định tại Điều lệ Công ty con.

Tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu dưới 100% vốn điều lệ và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn

- Thực hiện quyền cổ đông, thành viên góp vốn của Tập đoàn theo phạm vi ủy quyền.

- Tham gia quản trị tại Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn, thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo Điều lệ của Công ty con và Doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn và các quy định pháp luật, nội bộ của Tập đoàn.

Cơ chế phối hợp hoạt động giữa Công ty Mẹ và các Công ty con

Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trên nguyên tắc bình đẳng, thỏa thuận giữa các đơn vị độc lập về tư cách pháp nhân vì lợi ích của đơn vị và lợi ích chung của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.

Tập đoàn quy định chính sách, định hướng phối hợp các lĩnh vực hoạt động trong phạm vi toàn Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực, thế mạnh, nâng cao tính chuyên nghiệp và chuyên môn hóa của các đơn vị thành viên nhằm phát huy hiệu quả hoạt động chung toàn Tập đoàn.

Các doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn được ưu tiên sử dụng các dịch vụ trong nội bộ Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt như: dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ ngân hàng, dịch vụ thanh toán, hỗ trợ bán chéo sản phẩm, hoạt động đầu tư, dịch vụ quản lý và kinh doanh bất động sản, dịch vụ đào tạo, cho thuê tài chính và các dịch vụ khác trên cơ sở các hợp đồng, thỏa thuận sử dụng dịch vụ nội bộ.

Nhìn chung, mô hình quản trị mới đã được xây dựng và tiếp cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Việc cơ cấu lại mô hình quản trị đã góp phần tăng cường hiệu quả quản lý, quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành; thực hiện chức năng quản trị vốn đầu tư của chủ sở hữu là Tập đoàn Bảo Việt tại các công ty con thông qua hệ thống các quy chế quản trị xuyên suốt toàn Tập đoàn về chiến lược, đầu tư, quản lý rủi ro, kiểm tra kiểm soát và cơ chế bổ nhiệm và báo cáo của người đại diện vốn của Tập đoàn tại các công ty con do Tập đoàn đầu tư vốn. Công ty Mẹ đã thực hiện quyền chủ sở hữu của Công ty Mẹ tại các công ty con qua hoạt động của Những người đại diện vốn nhằm chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, phối hợp hoạt động kinh doanh, chuyên môn hóa trong toàn Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện tốt vai trò trong việc chỉ đạo thực hiện các mục tiêu chiến lược của Tập đoàn, xây dựng và củng cố những nền tảng quan trọng để thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2011 - 2015.

Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

Theo quy định tại Điều 26 - Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt - HĐQT Tập đoàn Bảo Việt có trách nhiệm giám sát và chỉ đạo hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty, thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông, thông qua các nhóm công việc:

- Tuân thủ việc họp HĐQT định kỳ nhằm đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp và đưa ra các định hướng phát triển doanh nghiệp;
- Chỉ đạo giải quyết các công việc và đưa ra các quyết định quan trọng thuộc thẩm quyền theo tờ trình của Tổng Giám đốc Tập đoàn để kịp thời triển khai các hoạt động kinh doanh hàng ngày của doanh nghiệp;
- Thực hiện báo cáo ĐHCĐ về các công việc đã thực hiện;
- Giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trong năm 2013, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt đã duy trì hoạt động theo quy định tại Điều lệ của Tập đoàn và Quy chế hoạt động của HĐQT với số lượng thành viên HĐQT là 08 (tám) thành viên đến ngày 24/4/2013, và sau đó được nâng lên 09 (chín) thành viên từ ngày 24/4/2013 theo kết quả bầu cử tại ĐHCĐ thường niên năm 2013 của Tập đoàn Bảo Việt.

Danh sách Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2012 - 2017

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT
4	Ông Dương Đức Chuyển	Thành viên HĐQT
5	Ông Lê Hải Phong	Thành viên HĐQT
6	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT
7	Ông Yoshiharu Yukihira (*)	Thành viên HĐQT
8	Ông Shinzo Kono (*)	Thành viên HĐQT
9	Ông Charles Gregory (*)	Thành viên HĐQT
10	Ông Trần Trọng Phúc(**)	Thành viên HĐQT

(*) Ông Yoshiharu Yukihira và ông Shinzo Kono được bầu giữ chức vụ thành viên HĐQT từ ngày 24/4/2013. Ông Charles Gregory thôi giữ chức vụ thành viên HĐQT từ ngày 24/4/2013.

(**) Ngày 31/3/2014, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt đã quyết định về việc được thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt đối với Ông Trần Trọng Phúc. Ông Trần Trọng Phúc cũng thôi không là thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt.

Hoạt động của HĐQT năm 2013

Tuân thủ việc họp HĐQT định kỳ nhằm đánh giá tình hình hoạt động và đưa ra các định hướng phát triển của Tập đoàn Bảo Việt:

Thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, trong năm 2013, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt duy trì việc họp định kỳ mỗi quý một lần nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, theo đó HĐQT đã tổ chức 05 (năm) phiên họp trong đó có 04 (bốn) phiên họp định kỳ hàng quý và 01 (một) phiên họp bất thường. Việc tổ chức các phiên họp của HĐQT đảm bảo được thực hiện theo đúng những quy định của Điều lệ của Tập đoàn và Luật Doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT hoặc ủy quyền cho các thành viên HĐQT dự họp và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT	5/5	100%	
2	Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	5/5	100%	
3	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
4	Ông Dương Đức Chuyển	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
5	Ông Lê Hải Phong	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
6	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	3/5	60%	Đi công tác và đã ủy quyền cho ông Lê Quang Bình dự họp
7	Ông Yoshiharu Yukihira(*)	Thành viên HĐQT	3/3	100%	
8	Ông Shinzo Kono(*)	Thành viên HĐQT	2/3	66%	01 cuộc họp HĐQT được diễn ra ngay giữa phiên họp ĐHĐCĐ thường niên, khi đó ông Shinzo Kono đang bận công tác tại Nhật Bản không tham dự được
9	Ông Charles Gregory (*)	Thành viên HĐQT	2/2	100%	
10	Ông Trần Trọng Phúc (**)	Thành viên HĐQT	5/5	100%	

(*) Ông Yoshiharu Yukihira và ông Shinzo Kono được bầu giữ chức vụ thành viên HĐQT từ ngày 24/4/2013. Ông Charles Gregory thôi giữ chức vụ thành viên HĐQT từ ngày 24/4/2013.

(**) Ngày 31/3/2014, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt đã quyết định về việc được thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt đối với Ông Trần Trọng Phúc. Ông Trần Trọng Phúc cũng thôi không là thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt.

Các cuộc họp HĐQT đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến việc rà soát chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh giai đoạn 05 năm 2011 - 2015; chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2013; chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt... Các Nghị quyết được HĐQT thống nhất đưa ra tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp Ban Điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Tập đoàn hiệu quả.

Danh mục các Nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2013

Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
01/2013/NQ-HĐQT	10/01/2013	Kết quả phiên họp HĐQT Quý IV/2012 Hoàn thiện đánh giá kết quả kinh doanh năm 2012 và xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2013
02/2013/NQ-HĐQT	12/04/2013	Nội dung họp Đại hội cổ đông Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BVB) và nhân sự tham gia HĐQT BVB
03/2013/NQ-HĐQT	16/4/2013	Kết quả phiên họp HĐQT định kỳ Q1/2013 <ul style="list-style-type: none"> Hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2013 trình ĐHĐCĐ; Hoàn thiện việc quyết toán tiền lương năm 2012; Hoàn thiện Kế hoạch tiền lương năm 2013; Tổ chức thành công Hội nghị triển khai nhiệm vụ kinh doanh năm 2013 của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt;
04/2013/NQ-HĐQT	16/4/2013	Kết quả phiên họp HĐQT định kỳ Q1/2013 <ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt lên 2.000 tỷ đồng.
05/2013/NQ-HĐQT	24/4/2013	Thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt đối với bà Nguyễn Thị Phúc Lâm
06/2013/NQ-HĐQT	24/4/2013	Bổ nhiệm ông Trần Trọng Phúc giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt.
07/2013/NQ-HĐQT	30/5/2013	Người Đại diện vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt
08/2013/NQ-HĐQT	31/7/2013	Kết quả phiên họp HĐQT định kỳ Quý II/2013 <ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2013 của Công ty Mẹ và giao kế hoạch kinh doanh năm 2013 cho các công ty con được Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn điều lệ; Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2013
09/2013/NQ-HĐQT	14/8/2013	Thay đổi Người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn Bảo Việt tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt
10/2013/NQ-HĐQT	06/11/2013	Kết quả phiên họp HĐQT Quý III/2013 <ul style="list-style-type: none"> Triển khai Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt Hợp tác với đối tác chiến lược Sumitomo Life (SML) và hoàn thành giai đoạn chuyển tiếp giữa Bảo Việt, HSBC và SML. Thực hiện tăng vốn cho Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ vào ngày 06/12/2013. Đẩy mạnh tiến độ triển khai các dự án Công nghệ thông tin (CNTT) trọng điểm, rà soát điều chỉnh mô hình CNTT theo định hướng dịch vụ.

Chỉ đạo giải quyết các công việc và đưa ra các quyết định quan trọng thuộc thẩm quyền theo tờ trình của Tổng Giám đốc Tập đoàn để kịp thời triển khai các hoạt động kinh doanh hàng ngày của doanh nghiệp

Ngoài các phiên họp trực tiếp của HĐQT, HĐQT đã tổ chức nhiều Phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo giải quyết các công việc cụ thể thuộc thẩm quyền của HĐQT theo tờ

trình của Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Ủy ban thuộc HĐQT. Trong năm 2013, HĐQT đã giải quyết trên 80 vấn đề có liên quan đến các định hướng lớn về đầu tư xây dựng công nghệ thông tin, phát triển nguồn nhân lực, hoạt động đầu tư v.v.; chỉ đạo điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản trị, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; ban hành các quy chế quản trị, quy định

nội bộ. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị được ban hành dựa trên sự nhất trí, đồng lòng của các thành viên Hội đồng Quản trị vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

Thực hiện báo cáo ĐHĐCĐ về các công việc đã thực hiện

HĐQT thực hiện báo cáo kết quả hoạt động trong năm tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên của Tập đoàn Bảo Việt

Công tác giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

HĐQT thực hiện tốt việc giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn

Trong năm 2013, HĐQT tiếp tục thực hiện chức năng quản lý Tập đoàn thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và thực hiện điều hành Tập đoàn thông qua Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành của Tổng Giám đốc. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng Giám đốc đều phù hợp với phạm vi quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt và quy định của pháp luật. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý được mời tham dự và báo cáo tại các cuộc họp của HĐQT, đồng thời được thông báo đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của HĐQT để đảm bảo Ban Điều hành thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, quyền hạn được giao và các chỉ đạo của HĐQT trong từng thời điểm. Nhìn chung, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Ban Điều hành đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo đúng các định hướng, chỉ đạo của HĐQT

Trong năm 2013, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, cụ thể:

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2013 đã được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt;
- Xây dựng Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt và tiến hành triển khai thực hiện các nội dung của Đề án;
- Tiếp tục củng cố các nền tảng phát triển bền vững theo định hướng chiến lược kinh doanh 2011 – 2015;
- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của HĐQT;
- Triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được HĐQT phê duyệt.

Trong năm 2013, HĐQT chỉ đạo và theo sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định, thông báo của HĐQT đối với Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt và không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Tập đoàn của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.

Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2014

Năm 2014, HĐQT định hướng tiếp tục tập trung duy trì mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao tính chuyên nghiệp và hợp tác nội bộ mạnh mẽ;

phát huy truyền thống 50 năm để tiếp tục phát triển Bảo Việt thành một tập đoàn tài chính - bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam với phương châm “Niềm tin vững chắc - Cam kết vững bền”. Trên cơ sở đó, HĐQT đã đưa ra các nhiệm vụ trọng tâm để Ban Điều hành thực hiện trong năm 2014, đồng thời HĐQT chỉ đạo tập trung công tác dự báo, thường xuyên theo dõi sát sao diễn biến thực tiễn về tình hình kinh tế và hoạt động kinh doanh, để chủ động điều chỉnh linh hoạt và kịp thời đưa ra các định hướng, quyết sách, giải pháp cho phù hợp, hiệu quả, đảm bảo chỉ đạo triển khai hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm và chiến lược kinh doanh.

Với những nền tảng bền vững đã được xây dựng trong giai đoạn sau cổ phần hóa từ năm 2007 đến năm 2013, HĐQT sẽ tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của mình trong các lĩnh vực liên quan tới chỉ đạo chiến lược; chỉ đạo triển khai Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt; quy hoạch phát triển nhân sự cao cấp. Nhìn lại một năm qua, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc chỉ đạo thực hiện các mục tiêu chiến lược của Tập đoàn, xây dựng và củng cố những nền tảng quan trọng để thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2011 – 2015.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Thông qua việc cải tiến phương thức hoạt động, tăng cường giám sát hoạt động quản trị, hoạt động của hệ thống kiểm soát, quản lý rủi ro, Ban Kiểm soát đã hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, góp phần nâng cao tính minh bạch, trung thực và mức độ cẩn trọng trong hoạt động quản trị, điều hành kinh doanh tại Tập đoàn Bảo Việt, góp phần hoàn thành tốt các mục tiêu và kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn bầu ra và hoạt động tuân thủ theo quy định tại Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội ban hành ngày 29/11/2005, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và các quy định của Pháp luật có liên quan.

Ban Kiểm soát có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện nghĩa vụ giám sát việc quản trị, điều hành Tập đoàn của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và mọi hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt; Chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Giám sát tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Tập đoàn và cổ đông.

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường của Tập đoàn Bảo Việt, giám sát việc tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và các quy định quản lý nội bộ trong quản trị và điều hành;
- Giám sát tình hình tài chính; thẩm định Báo cáo tài chính.

Thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát tại thời điểm hiện tại có 5 thành viên. Các thành viên Ban Kiểm soát đều đáp ứng đủ tư cách và có đủ năng lực để thực thi nhiệm vụ của mình.

Thành viên Ban Kiểm soát tại các thời điểm cụ thể trong năm 2013 như sau:

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012-2017 bắt đầu nhiệm kỳ từ ngày 29/11/2012

STT	Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Phan Kim Bằng	Trưởng Ban Kiểm soát	29/11/2012
2	Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Thành viên	29/11/2012
3	Ông Đặng Thái Quý	Thành viên	29/11/2012
4	Ông Ông Tiến Hùng	Thành viên	29/11/2012
5	Ông Lui Ho Yin Danny (*)	Thành viên	29/11/2012
6	Ông Nobuyuki Yagi (*)	Thành viên	24/04/2013

(*) Ông Nobuyuki Yagi được bầu giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát thay thế ông Lui Ho Yin Danny từ ngày 24/4/2013.

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2013

Trong quá trình hoạt động ngoài việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, Ban Kiểm soát đã ban hành và tuân thủ triệt để “Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt”. Trong năm 2013, với thẩm quyền của mình, kết quả việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát đạt được theo một số nội dung cơ bản như sau:

Thực hiện giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

thường niên và bất thường của Tập đoàn Bảo Việt, giám sát việc tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và các quy định quản lý nội bộ trong quản trị và điều hành thông qua việc tham dự các phiên họp định kỳ hàng quý của Hội đồng Quản trị và các phiên họp giao ban định kỳ hàng tháng của Tổng Giám đốc; tiếp cận các tài liệu, báo cáo, thông tin do Hội đồng quản trị, Ban điều hành cung cấp.

Đề xuất mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập:

Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012, Tập đoàn đã lựa chọn Công ty kiểm toán Ernst & Young Vietnam (E&Y) thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán trong 3 năm 2012, 2013 và 2014 nhằm thực hiện tốt việc kiểm toán, soát xét các loại báo cáo tài chính năm 2013 Ban Kiểm soát đã rà soát, thống nhất các nội dung, phạm vi, tiến độ và mức phí kiểm toán và soát xét các Báo cáo Tài chính trong năm tài chính 2013 của Tập đoàn Bảo Việt theo đúng quy định của Pháp luật;

Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh: Phối hợp với Ủy ban Kiểm toán làm việc với kiểm toán độc lập về kết quả kiểm toán và các vấn đề phát sinh liên quan đến kiểm toán độc lập, thực hiện việc giám sát nội dung, phạm vi, tiến độ soát xét và kiểm toán các báo cáo tài chính trong năm 2013 theo Hợp đồng Cung



cấp Dịch vụ Kiểm toán đã được ký kết với Ernst & Young Vietnam. Tổ chức xem xét, thẩm tra các báo cáo tài chính bán niên, các báo cáo tài chính quý và báo cáo tài chính năm 2013 của Tập đoàn được soát xét và kiểm toán bởi E&Y. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Tổng Giám đốc Tập đoàn và HĐQT. Ban Kiểm soát không có bất cứ sự phản đối nào về các số liệu đã được thể hiện trong các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2013 của Tập đoàn Bảo Việt.

Giám sát hoạt động của hệ thống kiểm soát, quản lý rủi ro: thông qua việc xem xét, thảo luận các báo cáo quản trị rủi ro và báo cáo kiểm toán nội bộ do bộ phận quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ cung cấp.

Cải tiến phương thức hoạt động của Ban Kiểm soát: Thực hiện đề án tái cấu trúc quản trị Tập đoàn để hoạt động của Ban kiểm soát đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật và phù hợp với điều lệ Tập đoàn được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua, nâng cao hiệu quả hoạt động;

Năm 2013, Ban Kiểm soát đã xem xét, rà soát, điều chỉnh và ban hành sửa đổi: Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát theo hướng tăng cường trách nhiệm của Trưởng ban và các thành viên, nhanh chóng lấy ý kiến và thông qua các quyết định của Ban kiểm soát bằng việc đa dạng hóa các hình thức lấy ý kiến biểu quyết ngoài việc tổ chức họp trực tiếp...

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Tập đoàn Bảo Việt trong năm 2013, Ban Kiểm soát thấy rằng các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã có sự nỗ lực rất lớn trong việc lãnh đạo Tập đoàn thực hiện kế hoạch kinh doanh và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định trong các hoạt động quản trị và điều hành Tập đoàn Bảo Việt của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc là phù hợp với điều kiện thực tế và đúng với các quy định. Giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc đã duy trì mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Tập đoàn, của cổ đông và tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ.

Sự phối hợp giữa các thành viên Ban Kiểm soát với các bộ phận liên quan

Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi với các bộ phận chức năng: Văn phòng Hội đồng Quản trị (Thư ký Công ty) và Ủy ban Kiểm toán để nắm bắt kịp thời

các thông tin về công tác quản trị của Hội đồng Quản trị, sự chỉ đạo điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin xin ý kiến các thành viên Ban Kiểm soát, duy trì các cuộc họp nhằm thảo luận

thống nhất các vấn đề liên quan đến việc thực thi chức trách nhiệm vụ của mình. Giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 và 2014 Ban Kiểm soát đã tiến hành 2 cuộc họp với các nội dung cụ thể sau:

Phiên họp	Số thành viên dự	Nội dung
Lần thứ 1 Ngày 02/08/2013	5/5	<ul style="list-style-type: none"> Thảo luận, thông qua việc sửa đổi “Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt”. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về việc thẩm định Báo cáo Tài chính bán niên 2013 (giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013) của Tập đoàn Bảo Việt. Thông qua đánh giá hoạt động 9 tháng 2013 và kế hoạch hoạt động quý 4/2013 của Ban Kiểm soát.
Lần thứ 2 Ngày 04/04/2014	4/5	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua báo cáo giám sát tình hình hoạt động, kết quả giám sát hoạt động quản trị của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành; báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2013. Thông qua báo cáo hoạt động Ban Kiểm soát giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ 2013 - 2014, và chương trình hoạt động Ban Kiểm soát giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ 2014 - 2015. Thông qua tờ trình ĐHĐCĐ thường niên 2013 về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập. Thông qua đánh giá hoạt động quý 1/2014 và kế hoạch hoạt động quý 2/2014 của Ban Kiểm soát.

Định hướng hoạt động 2014

Năm 2014, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục cải tiến phương thức hoạt động, tăng cường giám sát hoạt động quản trị, hoạt động của hệ thống kiểm soát, quản lý

rủi ro, hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, góp phần nâng cao tính minh bạch, trung thực và mức độ cần trọng trong hoạt động quản trị, quản lý, điều hành kinh doanh. Ban Kiểm soát hoàn toàn tin tưởng vào năng lực quản trị,

điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành; sẽ lãnh đạo Tập đoàn thực hiện tốt các mục tiêu kế hoạch năm 2014 và chiến lược kinh doanh 2011-2015 mà ĐHĐCĐ đã thông qua.

BÁO CÁO CỦA CÁC HỘI ĐỒNG - ỦY BAN

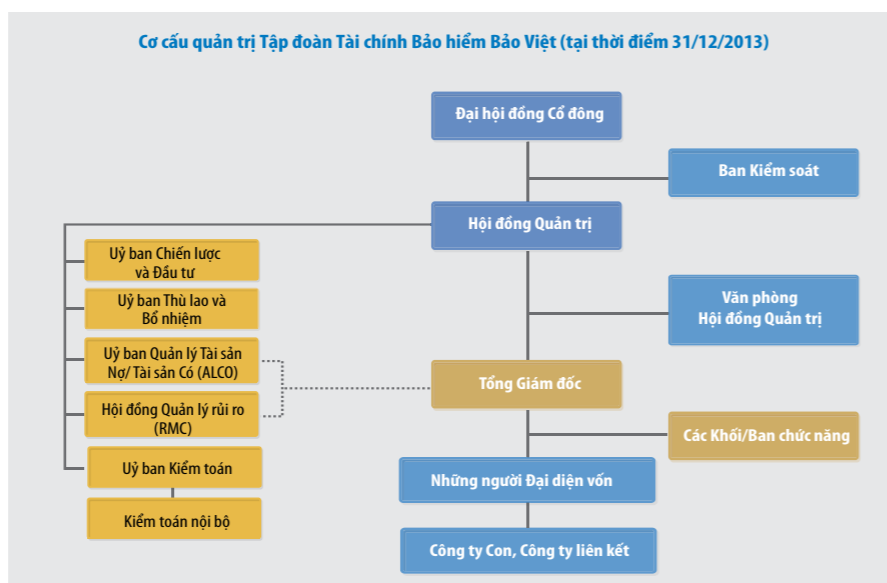
Để nâng cao hiệu quả quản trị công ty theo chuẩn mực quốc tế, HĐQT đã thành lập các Ủy ban, Hội đồng chức năng giúp việc bao gồm: Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Thủ lao và Bổ nhiệm, Ủy ban Đầu tư Chiến lược, Ủy ban ALCO, Hội đồng Quản lý rủi ro để có thể thực hiện công tác chỉ đạo chiến lược, kiểm toán, quản lý tài chính, rủi ro, nhân sự cao cấp và đầu tư.

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Chức năng và nhiệm vụ

Ủy ban Kiểm toán là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do Hội đồng Quản trị quyết định thành lập. Chức năng chính của Ủy ban Kiểm toán (UBKT) bao gồm:

- Tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ và tuân thủ pháp luật một cách hiệu quả;
- Đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về báo cáo tài chính ra bên ngoài gồm các yêu cầu áp dụng cho việc niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn;
- Giám sát, đánh giá tính trung thực của các báo cáo tài chính liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt;
- Đảm bảo hoạt động của kiểm toán nội bộ, kiểm tra, giám sát kế hoạch kiểm toán nội bộ, tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán nội bộ.



Thành viên Ủy ban Kiểm toán

Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2012 - 2017 tiếp tục bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Huy - thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), nguyên Phó Tổng Giám đốc Deloitte - VACO Việt Nam - là Chủ nhiệm Ủy ban kiểm toán nhiệm kỳ 2012-2017 và bổ nhiệm các thành viên UBKT bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên Hội đồng Quản trị - Chủ nhiệm Ủy ban	
2	Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên Thường trực Ủy ban	
3	Ông Yoshiharu Yukihira	Thành viên Hội đồng Quản trị - Ủy viên	Là Ủy viên Ủy ban từ ngày 31/07/2013
4	Ông Charles Gregory	Thành viên Hội đồng Quản trị - Ủy viên	Là Ủy viên Ủy ban đến ngày 24/04/2013
5	Ông Lê Văn Bình	Giám đốc Kiểm toán nội bộ Tập đoàn - Ủy viên	

Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán năm 2013

Nhằm nâng cao hiệu quả quản trị của HĐQT, HĐQT đã bổ nhiệm ông Yoshiharu Yukihira - Thành viên HĐQT, Đại diện của cổ đông chiến lược Sumitomo Life - là Ủy viên Ủy ban từ ngày 31/07/2013. Sự tham gia của thành viên Ủy ban Kiểm toán từ cổ đông Sumitomo Life đã góp phần chuyển giao nhiều thông tin, kiến thức và kinh nghiệm của Nhật Bản và quốc tế, nâng cao vị thế và hiệu quả hoạt động của Ủy ban.

Năm 2013, UBKT đã thực hiện các công việc theo chức năng và quyền hạn của mình như sau:

Tiếp tục tiến hành đánh giá tính trung thực của tất cả các báo cáo tài chính, bao gồm các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và các báo cáo theo Chuẩn mực kế toán Quốc tế (IFRS), đánh giá việc tuân thủ trong công tác lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán, tuân thủ các quy định về thuyết minh và công bố thông tin báo cáo tài chính của công ty niêm yết.

Chỉ đạo Kiểm toán nội bộ Tập đoàn thực hiện 32 cuộc kiểm toán nội bộ tại các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và 4 cuộc kiểm toán lĩnh vực đầu tư, tài chính, nhân sự tại Công ty Mẹ Tập đoàn và Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt. Các cuộc kiểm toán nội bộ đã phát hiện kịp thời những điểm yếu trong việc thực hiện các quy trình nghiệp vụ, đưa ra các khuyến nghị thuyết phục, khả thi nhằm hỗ trợ các đơn vị được kiểm toán tăng cường tính tuân thủ, nâng cao hiệu quả quản lý.

Định hướng hoạt động năm 2014

Năm 2014, với nền tảng kinh nghiệm trong nước và quốc tế về kiểm toán và kiểm toán nội bộ, Ủy ban Kiểm toán tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tư vấn đảm bảo

hệ thống kiểm soát hiệu quả; Chỉ đạo sát sao hoạt động kiểm toán nội bộ, hoàn thành kế hoạch phù hợp với chiến lược kiểm toán của Tập đoàn; đảm bảo tính hiệu quả, ngăn ngừa rủi ro trong các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Năm 2014 cũng là năm tăng cường hợp tác với đối tác chiến lược Sumitomo Life trong việc trao đổi các kinh nghiệm về tổ chức, triển khai hoạt động của Ủy ban kiểm toán và Kiểm toán nội bộ nhằm khẳng định vai trò của Ủy ban kiểm toán và kiểm toán nội bộ trong quản trị doanh nghiệp, mang lại các giá trị thiết thực cho Tập đoàn.

ỦY BAN THỦ LAO VÀ BỔ NHIỆM

Chức năng và nhiệm vụ

Ủy ban Thủ lao và Bổ nhiệm là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Chức năng chính của Ủy ban là:

- Tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt;
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt những vấn đề cơ bản về:
 - Mô hình tổ chức bộ máy và mô hình quản trị doanh nghiệp;
 - Chính sách quản lý lao động và tiền lương của Tập đoàn;
 - Chính sách quản lý cán bộ của Tập đoàn.

Thành viên Ủy ban Thủ lao và Bổ nhiệm

Sau Đại hội Đồng Cổ đông bất thường tháng 11/2012, Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2012 - 2017 đã bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Anh - Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt - là Chủ nhiệm Ủy ban Thủ lao và Bổ nhiệm nhiệm kỳ 2012 - 2017 và bổ nhiệm các thành viên Ủy ban Thủ lao và Bổ nhiệm bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Chủ nhiệm Ủy ban	
2	Ông Phan Tiến Nguyên	Giám đốc Nguồn Nhân lực - Ủy viên thường trực Ủy ban	
3	Ông Hoàng Việt Hà	Giám đốc Hoạt động - Ủy viên Ủy ban	Là Ủy viên Ủy ban từ ngày 31/07/2013
4	Ông Charles Bernard Gregory	Thành viên HĐQT - Ủy viên Ủy ban	Là Ủy viên Ủy ban đến ngày 24/04/2013
5	Ông Dương Đức Chuyển	Thành viên HĐQT - Giám đốc Đầu tư - Ủy viên Ủy ban	Là Ủy viên Ủy ban đến ngày 30/07/2013
6	Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm	Tổng Giám đốc Tập đoàn - Ủy viên Ủy ban	Là Ủy viên Ủy ban đến ngày 31/05/2013

Hoạt động của Ủy ban năm 2013

Trong năm 2013, Ủy ban đã tiến hành nghiên cứu, thẩm định, đánh giá các đề xuất của Công ty Mẹ và các Công ty Con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ để Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt/quyết định những vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị nhân sự cơ bản sau đây:

- Dự án thành phần về kiện toàn mô hình tổ chức bộ máy và quản trị của Tập đoàn thuộc Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2 (2013-2015);
- Điều chỉnh mô hình tổ chức bộ máy của Công ty Mẹ và 02 Công ty Con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ (Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ). Trong đó, Công ty Mẹ đã tiến hành sáp nhập 2 Khối chức năng (Quản lý Rủi ro và Xây dựng Chiến lược) thành Khối Chiến lược và Quản lý Rủi ro.
- Quy hoạch cán bộ kế nhiệm các chức vụ lãnh đạo và quản lý cấp cao của Công ty Mẹ và 03 Công ty Con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ; phối hợp chỉ đạo thực hiện quy hoạch Người đại diện vốn tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư chi phối của Tập đoàn.
- Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian đảm nhiệm chức vụ cũng như chế độ đãi ngộ, lương thưởng đối với các chức danh lãnh đạo và quản lý cấp cao của Tập đoàn và các Công ty Con Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ;
- Định hướng chính sách xây dựng và ban hành hệ thống thang bảng lương mới của các đơn vị thuộc Tập đoàn thực hiện theo Nghị định số 49/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Định hướng hoạt động 2014

Năm 2014, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt, tư vấn tham mưu cho Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt/

quyết định các chính sách phát triển và hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy, mô hình quản trị doanh nghiệp và các chính sách về quản trị nhân sự trong phạm vi toàn Tập đoàn theo Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Bảo Việt đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ

Chức năng và nhiệm vụ

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Chức năng chính của Ủy ban là tư vấn và tham mưu cho HĐQT Tập đoàn trong việc hoạch định chiến lược kinh doanh, chiến lược đầu tư, và nghiên cứu, thẩm định, đánh giá các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Thành viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư

Sau Đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 11/2012, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012 - 2017 đã bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Anh - Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt - là Chủ nhiệm Ủy ban Chiến lược và Đầu tư nhiệm kỳ 2012-2017 và bổ nhiệm các thành viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ nhiệm Ủy ban	
2	Ông Nguyễn Trung Thực	Ủy viên Thường trực Ủy ban	Là Ủy viên Ủy ban đến ngày 31/8/2013
3	Ông Yoshiharu Yukihira	Thành viên Hội đồng quản trị - Ủy viên	Là Ủy viên Ủy ban từ ngày 31/7/2013
4	Ông Charles Gregory	Thành viên Hội đồng quản trị - Ủy viên	Là Ủy viên Ủy ban đến ngày 24/4/2013
5	Bà Thân Hiến Anh	Giám đốc Khối Chiến lược và Quản lý rủi ro - Ủy viên	Là Ủy viên Ủy ban đến ngày 30/7/2013

Hoạt động của Ủy ban năm 2013

Nhằm nâng cao hiệu quả quản trị của HĐQT, HĐQT đã bổ nhiệm ông Yoshiharu Yukihira - Thành viên HĐQT, Đại diện của cổ đông chiến lược Sumitomo Life - là Ủy viên Ủy ban từ ngày 31/7/2013. Sự tham gia của thành viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư từ cổ đông Sumitomo Life đã góp phần chuyển giao nhiều thông tin, kiến thức, kinh nghiệm của Nhật Bản và quốc tế, nâng cao vị thế, hiệu quả hoạt động của Ủy ban.

Trong năm 2013, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư đã tham gia tích cực trong việc rà soát Chiến lược phát triển của toàn Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt giai đoạn 2011 - 2015, xây dựng Đề án tái cơ cấu của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm, đưa ra các ý kiến thẩm định, tư vấn trong các lĩnh vực đầu tư và các khoản đầu tư chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên để đảm bảo hiệu quả đầu tư.

Định hướng hoạt động 2014

Trong năm 2014, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư sẽ tập trung rà soát chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Ủy ban để nâng cao hiệu quả hoạt động của Ủy ban, nhằm phát huy tốt hơn nữa chức năng tham mưu và tư vấn cho HĐQT trong lĩnh vực hoạch định chiến lược kinh doanh và chiến lược đầu tư của toàn Tập đoàn.

ỦY BAN QUẢN LÝ TÀI SẢN NỢ - TÀI SẢN CÓ (ALCO)

Chức năng và nhiệm vụ

Nhiệm vụ chính của Ủy ban ALCO bao gồm:

- Giám sát và xem xét các nội dung liên quan tới quản lý và bảo đảm sự cân đối giữa tài sản có và tài sản nợ trên bảng tổng kết tài sản của toàn Tập đoàn, đảm bảo tính thanh khoản;
- Đánh giá các rủi ro có khả năng ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và Bảng Cân đối Kế toán của Tập đoàn Bảo Việt cũng như tại các đơn vị thành viên nhằm đưa ra các khuyến nghị về chính sách, chiến lược, kế hoạch quản lý tài sản, quản lý rủi ro, nhằm đảm bảo cơ cấu và hiệu quả quản lý tài sản với mục đích tối ưu hóa lợi nhuận và cân đối rủi ro cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Thành viên Ủy ban ALCO

Ủy ban ALCO gồm 17 thành viên, trong đó: Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt là Chủ nhiệm Ủy ban, Giám đốc Khối Quản lý Tài chính là Thành viên Thường trực, ba (3) thành viên làm Thư ký Ủy Ban, mười hai (12) thành viên còn lại từ các Khối Ban của Tập đoàn và đại diện của các đơn vị thành viên.

Các khuyến nghị chính trong các cuộc họp ALCO năm 2013

STT	Nội dung khuyến nghị	Đơn vị thực hiện/ phối hợp	Thời gian thực hiện
1.	Phối hợp với các Đơn vị thành viên rà soát lại chiến lược của từng đơn vị	Tập đoàn Bảo Việt và các Đơn vị thành viên	Năm 2013
2.	Đánh giá ảnh hưởng của biến động lãi suất đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Đơn vị thành viên	Tập đoàn Bảo Việt và các Đơn vị thành viên	Năm 2013
3.	Rà soát, đánh giá hiệu quả của các dự án đầu tư, tái cơ cấu danh mục đầu tư, đảm bảo hiệu quả, an toàn vốn và phù hợp với tình hình thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, biến động lãi suất	Tập đoàn Bảo Việt và các Đơn vị thành viên	Năm 2013
4.	Xây dựng phương án tăng vốn và thực hiện tăng vốn cho Đơn vị thành viên (Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ)	Tập đoàn Bảo Việt và các Đơn vị thành viên	Năm 2013
5.	Tập trung đôn đốc, thu hồi nợ xấu, nợ phí bảo hiểm, đặc biệt là các khoản nợ quá hạn; tăng cường đánh giá khả năng trả phí của khách hàng trước khi chấp nhận bảo hiểm; tăng cường quản lý bồi thường bảo hiểm	Tập đoàn Bảo Việt và các Đơn vị thành viên	Năm 2013

Hoạt động của Ủy ban năm 2013

Trong năm 2013, Ủy ban ALCO đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng Quý. Tại các cuộc họp, Ủy ban đã tiến hành đánh giá các tác động của kinh tế vĩ mô đến các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, rà soát danh mục đầu tư, đánh giá các rủi ro liên quan tới các biến động trên tài sản nợ và tài sản có, đồng thời đưa ra các giải pháp quản lý rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho toàn Tập đoàn. Những bước tiến cơ bản trong hoạt động của Ủy ban ALCO

Chất lượng các cuộc họp ALCO ngày càng được nâng cao và hoàn thiện, tập trung vào những vấn đề cần lưu ý và cần ưu tiên tại các đơn vị thành viên;

- Có mối liên hệ chặt chẽ giữa việc phân tích khác biệt số liệu giữa Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS), từ đó đem lại các góc nhìn tổng thể và đa chiều về các Tài sản Nợ - Tài sản Có;
- Có mối quan hệ chặt chẽ trong trao đổi thông tin và chia sẻ ý kiến giữa Ủy ban ALCO và các Ủy ban, bộ phận khác như: Quản lý Rủi ro (RMC), Xây dựng chiến lược, Đầu tư, Actuary... Tạo sự liên kết và trao đổi thông tin giữa các Ủy Ban của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính.

Định hướng hoạt động 2014

Trong năm 2014, Ủy ban ALCO tiếp tục định hướng nâng cao hơn nữa chất lượng của các cuộc họp nhằm cung cấp các thông tin quản trị cho các cấp lãnh đạo một cách kịp thời và hiệu quả, cụ thể:

- Đưa ra các khuyến nghị về các chính sách, chiến lược và kế hoạch quản lý Tài sản Nợ, Tài sản Có, quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên cho từng thời kỳ khác nhau;
- Xem xét, đánh giá và khuyến nghị các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu Tài sản Nợ, Tài sản Có và cân đối tốc độ tăng trưởng của Bảng Cân đối Kế toán với kế hoạch và chiến lược phát triển kinh doanh, quy mô vốn chủ sở hữu;
- Đánh giá và khuyến nghị các giải pháp quản lý các rủi ro có khả năng ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và Bảng Cân đối Kế toán, bao gồm các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và các rủi ro khác có liên quan của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên.
- Khuyến nghị về các hạn mức đầu tư, hạn mức sinh lời, hạn mức rủi ro và các chỉ tiêu khác đối với các cấp tại Tập đoàn Bảo Việt và tại các đơn vị thành viên.

Chức năng và nhiệm vụ

Hội đồng Quản lý Rủi ro Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là Hội đồng Quản lý rủi ro) là Hội đồng trực thuộc Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt, thực hiện chức năng tư vấn, giúp việc cho Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để triển khai công tác quản lý rủi ro. Hội đồng Quản lý Rủi ro Tập đoàn Bảo Việt có các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt trong việc xây dựng chiến lược và chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn;

- Tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách quản lý rủi ro; Tham mưu cho Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt ban hành các quy định về quản lý rủi ro;

- Đảm bảo các đơn vị áp dụng các phương pháp phù hợp để hạn chế các rủi ro quan trọng và bảo đảm nguyên tắc quản lý rủi ro là một quá trình liên tục và thống nhất trong Tập đoàn;

- Truyền thông nhận thức về rủi ro trong đó có việc đào tạo về quản lý rủi ro trong Tập đoàn; đảm bảo các đơn vị chú trọng và giám sát quá trình quản lý các loại rủi ro quan trọng;

- Thường xuyên rà soát hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn trong việc hạn chế rủi ro; Xây dựng biểu hạn mức các loại rủi ro của Tập đoàn, trình Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt ban hành;

- Rà soát và đánh giá các tổn thất, xác định các rủi ro cụ thể để chú trọng xử lý các lĩnh vực có mức độ rủi ro cao; Rà soát và chú trọng các vấn đề trong Báo cáo tài chính; Báo cáo Actuary;



- Cập nhật các rủi ro hiện tại, các rủi ro tiềm tàng và quan trọng, đề xuất với Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt;

- Lập báo cáo về quản lý rủi ro trình Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt; Tham gia ý kiến trong việc bổ nhiệm các vị trí điều hành then chốt trong lĩnh vực quản lý rủi ro của các đơn vị thành viên;

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt giao.

Hoạt động của Hội đồng năm 2013

Năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các quy định nội bộ về Quản lý rủi ro theo hướng phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan, thực tiễn kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và thông lệ quốc tế. Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức các cuộc họp định kỳ để rà soát các rủi ro trên phạm vi toàn Tập đoàn và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp. Thông qua việc rà soát và trao đổi tại cuộc họp Hội đồng quản lý rủi

ro, các loại rủi ro được nhận dạng, phân tích, đánh giá và kiểm soát một cách có hệ thống theo quy trình chuẩn.

Hội đồng Quản lý Rủi ro Tập đoàn Bảo Việt và đơn vị thành viên đã thực hiện tốt nhiệm vụ giúp việc Ban Điều hành tổ chức công tác quản lý rủi ro trên tất cả các lĩnh vực hoạt động góp phần vào sự tăng trưởng bền vững của Tập đoàn Bảo Việt.

Định hướng hoạt động 2014

Năm 2014, Hội đồng Quản lý Rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt sẽ tiếp tục nâng cao vai trò tư vấn cho Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt trong việc triển khai chiến lược, chính sách quản lý rủi ro phù hợp với mô hình quản trị doanh nghiệp, theo chuẩn mực quốc tế, góp phần thực hiện hoàn thành chiến lược kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt đến năm 2015.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2013

Trong năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty theo Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, thực hiện công bố thông tin các vấn đề có liên quan đến quản trị doanh nghiệp và báo cáo tình hình quản trị công ty theo đúng quy định.

Đánh giá tình hình thực hiện quản trị công ty năm 2013

Tập đoàn Bảo Việt đã tập trung thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị công ty, cụ thể:

Về cơ cấu tổ chức bộ máy và quản trị:

Từ sau khi đi vào xây dựng và triển khai mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến áp dụng theo thông lệ quốc tế, Tập đoàn Bảo Việt đã liên tục rà soát, hoàn thiện mô hình quản trị, tinh giản bộ máy điều hành để phù hợp với hoạt động kinh doanh thực tế của Tập đoàn Bảo Việt và nhằm tăng cường hiệu quả, năng suất lao động.

Về tái cơ cấu cơ chế quản trị: Tập đoàn Bảo Việt đã rà soát, nghiên cứu sửa đổi và lên kế hoạch hoàn thiện Hệ thống các văn bản và quy chế quản trị nội bộ tại Tập đoàn Bảo Việt trong các lĩnh vực bao gồm quản trị doanh nghiệp, quản lý tài chính, đầu tư, quản lý rủi ro, quản trị thương hiệu, công nghệ thông tin, quản lý tài sản, và các quy chế liên quan tới hoạt động kiểm soát và kiểm toán nội bộ.

Tăng cường minh bạch hóa thông tin:

Bảo Việt là một trong số ít doanh nghiệp thực hiện Báo cáo tài chính theo 02 chuẩn mực kế toán: chuẩn



mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS). Đây là nỗ lực của Bảo Việt nhằm hướng tới mục tiêu cung cấp thông tin không chỉ cho các nhà đầu tư trong nước mà còn hướng tới các nhà đầu tư nước ngoài. Bảo Việt cũng tuân thủ nghiêm túc các quy định về báo cáo tình hình quản trị doanh nghiệp, các vấn đề công bố thông tin định kỳ và bất thường có liên quan theo quy định của Luật pháp áp dụng cho công ty niêm yết; đồng thời cập nhật các thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp đầy đủ trên website của Bảo Việt và

các phương tiện thông tin đại chúng để các khách hàng, nhà đầu tư và cổ đông dễ dàng tiếp cận.

Tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty: Các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt đương nhiệm người Việt Nam và Thư ký Công ty đã tham gia đầy đủ các chương trình về quản trị công ty và có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán tổ chức và các thành viên đã tham dự nhiều hội thảo lớn trong và ngoài nước về quản trị công ty và phát triển bền vững.

Ghi chú: Thông tin chi tiết xem tại phần Quản lý Rủi ro trang 122 Báo cáo này.

Sở hữu và giao dịch của Cổ đông nội bộ

Năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt không có các giao dịch cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân của cổ đông nội bộ bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký Công ty và những người có liên quan đến các đối tượng nói trên.

Sự thay đổi số lượng cổ phiếu nắm giữ trong giai đoạn từ 01/01/2013 đến 31/12/2013 của các nhân sự chủ chốt chủ yếu do việc thay đổi cổ đông lớn dẫn đến sự thay đổi số lượng cổ phần do người đại diện vốn của cổ đông đó nắm giữ.

Thống kê số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu của Cổ đông nội bộ (từ 01/01/2013 đến 31/12/2013)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu				Ghi chú
			Tại 01/01/2013	Thay đổi trong kỳ báo cáo	Tại 31/12/2013	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2013	
I Thành viên Hội đồng Quản trị							
1	Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT	212.983.486	-	212.983.486	31,30%	Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 212.980.663; Sở hữu cá nhân: 2.823
2	Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	157.529.137	-	157.529.137	23,15%	Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 157.529.137; Sở hữu cá nhân: 0
3	Trần Trọng Phúc*	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	28.002.063	-	28.002.063	4,12%	Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 28.000.000; Sở hữu cá nhân: 2.063
4	Yoshiharu Yukihira	Thành viên HĐQT	-	122.509.091	122.509.091	18,00%	Đại diện sở hữu phần vốn Sumitomo Life: 122.509.091; Sở hữu cá nhân: 0
5	Shinzo Kono	Thành viên HĐQT	-	-	-	0,00%	
6	Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	28.003.200	-	28.003.200	4,12%	Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 28.000.000; Sở hữu cá nhân: 3.200
7	Dương Đức Chuyển	Thành viên HĐQT	28.001.737	-	28.001.737	4,12%	Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 28.000.000; Sở hữu cá nhân: 1.737
8	Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	22.154.400	-	22.154.400	3,26%	Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 22.154.400; Sở hữu cá nhân: 0
9	Lê Hải Phong	Thành viên HĐQT - Giám đốc Khởi Quản lý Tài chính - Người được ủy quyền CBTT	28.001.194	-	28.001.194	4,12%	Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 28.000.000; Sở hữu cá nhân: 1.194
II Thành viên Ban Kiểm soát							
1	Phan Kim Bằng	Trưởng Ban Kiểm soát	500	-	500	0,00007%	Sở hữu cá nhân
2	Nguyễn Ngọc Thụy	Thành viên Ban Kiểm soát	318	-	318	0,00005%	Sở hữu cá nhân
3	Ông Tiến Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát	0	-	0	0,00000%	
4	Đặng Thái Quý	Thành viên Ban Kiểm soát	0	-	0	0	
5	Nobuyuki Yagi	Thành viên Ban Kiểm soát	0	-	0	0,00000%	
III Giám đốc Khối, Kế toán Trưởng							
1	Hoàng Việt Hà	Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động	3.212	-	3.212	0,00047%	Sở hữu cá nhân
2	Phan Tiến Nguyên	Giám đốc Khối Quản lý Nguồn Nhân Lực	0	-	0	0	
3	Thần Hiến Anh	Giám đốc Khối Chiến lược và Quản lý rủi ro	0	-	0	0	
4	Nguyễn Thanh Sơn	Giám đốc Khối Quản lý Bất động sản	0	-	0	0	
5	Lê Văn Bình	Giám đốc Kiểm toán nội bộ	0	-	0	0	
6	Nguyễn Thanh Hải	Kế toán Trưởng	1.300	-	1.300	0,00019%	Sở hữu cá nhân

(*) Từ ngày 31/3/2014, Ông Trần Trọng Phúc thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt và thôi không là thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt. Toàn bộ số cổ phiếu Tập đoàn Bảo Việt (28.002.063 cổ phiếu) thuộc sở hữu của Bộ Tài chính do Ông Trần Trọng Phúc đại diện sở hữu đã được chuyển sang cho Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch quan trọng giữa Tập đoàn Bảo Việt với các bên liên quan trong năm 2013 bao gồm:

Các bên liên quan	Giao dịch	VND
Cổ đông sáng lập		
Bộ Tài chính	Cổ tức đã trả	723.764.700.000
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Cổ tức đã trả	33.231.600.000
HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	Chi phí dự án Hỗ trợ và Chuyển giao Năng lực Kỹ thuật	3.961.249.812
Cổ đông chiến lược		
Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo	Cổ tức đã trả	183.763.636.500
Công ty Con		
Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ	Lợi nhuận chuyển về Doanh thu cho thuê nhà	458.650.190.861 4.358.409.590
Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Lợi nhuận chuyển về Doanh thu cho thuê nhà	259.494.809.139 4.985.627.640
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	Lợi nhuận chuyển về Doanh thu cho thuê nhà	10.932.000.000 3.569.568.940
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Doanh thu cho thuê nhà	10.361.606.254
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Doanh thu cho thuê nhà Doanh thu lãi tiền gửi Cổ tức nhận được	17.696.868.909 71.514.811.717 39.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	Chi phí quản lý tòa nhà Doanh thu cho thuê nhà	21.291.592.402 24.604.582.875
Công ty liên kết, liên doanh		
Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine	Cổ tức được chia	42.991.618.156
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGIBA	Cổ tức được chia	1.800.000.000

Thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 25, Báo cáo Tài chính Riêng của Công ty Mẹ

Thù lao lương thưởng và các khoản lợi ích khác

Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

Tổng Quỹ thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát được phê duyệt trong năm 2013.

Tổng Quỹ thù lao của Thành viên HĐQT và Thành viên Ban Kiểm soát của Tập đoàn Bảo Việt được phê duyệt năm 2013 do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Tập đoàn phê duyệt theo tỷ lệ phần trăm (%) trên Lợi nhuận sau thuế thực hiện của Tập đoàn Bảo Việt, cụ thể như sau:

- Thù lao đối với Thành viên HĐQT: 0,15% lợi nhuận sau thuế thực hiện.
- Thù lao đối với Ban Kiểm soát: 0,04% lợi nhuận sau thuế thực hiện.

Nguyên tắc chi trả

Việc chi trả thù lao hàng tháng cho các thành viên tuân thủ theo định mức quy định tại Quyết định của HĐQT về việc Ban hành Quy định về chế độ thù lao, tiền thưởng và chi phí hoạt động đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và thành viên Ban kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt.

Tại thời điểm 31/12/2013 Tập đoàn Bảo Việt có 09 thành viên HĐQT trong đó chuyên trách 02 người; không chuyên trách 07 người và Ban Kiểm soát có 05 thành viên, trong đó chuyên trách 01 người, không chuyên trách 04 người.

- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 10 triệu đồng/người/tháng.
- Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách: 5 triệu đồng/người/tháng.

Thù lao chi trả trong năm 2013

Căn cứ vào định mức thù lao nêu trên và dựa vào số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát thực tế tại từng thời điểm trong năm 2013, tình hình chi trả thù lao đối với các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2013 cụ thể như sau:

Bảng chi trả thù lao đối với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2013

STT	Nội dung	Tỷ lệ thù lao/ LN sau thuế	LN sau thuế thực hiện năm 2013 (Tỷ đồng)	Kế hoạch LN sau thuế do ĐHĐCĐ thông qua (Tỷ đồng)	Quý Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2013		
					Thực hiện năm 2013 (Triệu đồng)	Đã chi trả (bao gồm thuế TNCN) (Triệu đồng)	Chưa sử dụng (Triệu đồng)
1	Thù lao Hội đồng Quản trị	0,15%	1.104,3	1.103,3	1.656,2	957,3	689,9
2	Thù lao của Ban Kiểm soát	0,04%	1.104,3	1.103,3	441,7	296,6	144,9
Cộng		0,19%			2.097,9	1.253,9	843,8

Phần thù lao chưa sử dụng 843,8 triệu đồng được để lại để bổ sung vào lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm tài chính 2013 của Tập đoàn Bảo Việt.

Mức chi trả Thù lao đối với các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2013

Đơn vị: Đồng

STT	Họ và tên	Chuyên trách	Kiểm điều hành	Nhiệm kỳ	Mức thù lao theo tháng (sau thuế)
1	Lê Quang Bình	x		Nhiệm kỳ 2007- 2012, 2012 - 2017	Hưởng lương
2	Nguyễn Ngọc Anh	x		Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Hưởng lương
3	Dương Đức Chuyển		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	10.000.000
4	Lê Hải Phong		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	10.000.000
5	Trần Trọng Phúc (*)		x	Nhiệm kỳ 2007- 2012, 2012 - 2017	10.000.000
6	Nguyễn Đức Tuấn		x	Nhiệm kỳ 2007- 2012, 2012 - 2017	10.000.000
7	Nguyễn Quốc Huy		x	Nhiệm kỳ 2007- 2012, 2012 - 2017	10.000.000
8	Shinzo Kono		x	Nhiệm kỳ 2012 -2017	10.000.000
9	Yoshiharu Yukihira		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	10.000.000

(*) Ngày 31/3/2014, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt đã quyết định về việc được thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt đối với Ông Trần Trọng Phúc. Ông Trần Trọng Phúc cũng thôi không là thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt.

Mức chi trả thù lao đối với các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2013

Đơn vị: Đồng

STT	Họ và tên	Chuyên trách	Kiểm điều hành	Nhiệm kỳ	Mức thù lao theo tháng (sau thuế)
1	Phan Kim Bằng	x		Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Hưởng lương
2	Nguyễn Ngọc Thụy		x	Nhiệm kỳ 2007- 2012, 2012 - 2017	5.000.000
3	Nobuyuki Yagi		x	Nhiệm kỳ 2012 -2017	5.000.000
4	Ông Tiến Hùng		x	Nhiệm kỳ 2012 -2017	5.000.000
5	Đặng Thái Quý		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	5.000.000

Bảng thống kê thù lao đã chi qua các năm từ năm 2009 đến năm 2013

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	2013		2012		2011		2010		2009	
		Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)
1	Thù lao HĐQT	957,3	0,087	1.130,6	0,104	979,9	0,108	816,7	0,096	390,6	0,048
2	Thù lao Ban Kiểm soát	296,6	0,027	294,3	0,027	275,0	0,030	275,0	0,032	110,0	0,014
Cộng		1.253,9		1.424,9		1.254,9		1.091,7		500,6	

Về chế độ tiền thưởng của thành viên HĐQT, BKS và Ban Điều hành

Bên cạnh chế độ thù lao cho các thành viên không chuyên trách, các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát còn nhận được quỹ tiền thưởng được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2013 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Về các chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

▪ **Chế độ sử dụng ô tô:** Tập đoàn thực hiện áp dụng chế độ ô tô đưa đón hàng ngày đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn. Ngoài ra, các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát được sử dụng ô tô của Tập đoàn để thực hiện công tác quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo quyền hạn và trách nhiệm của từng thành viên tương ứng.

▪ **Chế độ sử dụng điện thoại:** Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Trưởng Ban Kiểm soát được Tập đoàn trang bị 01 số máy điện thoại di động và 01 số máy điện thoại cố định tại nhà riêng và được chi trả theo chi phí thực tế phát sinh (bao gồm chi phí lắp đặt, bảo dưỡng và hoạt động của các số điện thoại này).

Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác:

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Thành viên Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách được thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế theo hệ số lương quy định tại nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ. Ngoài ra, các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Thành viên Ban Kiểm soát được tham gia bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và được chi trả theo chi phí phát sinh thực tế.

▪ **Các chế độ khác:** Các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Thành viên Ban Kiểm soát còn được hưởng các chế độ sau:

Được khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại bệnh viện y tế chất lượng cao tại Việt Nam và được chi trả theo chi phí phát sinh thực tế.

Được sử dụng vé hạng thương gia, áp dụng đối với tất cả các phương tiện đường hàng không, đường sắt, đường thủy và đường bộ và được chi trả theo chi phí phát sinh thực tế khi đi công tác.

Được thanh toán chi phí lưu trú tại khách sạn hạng 4 sao hoặc 5 sao theo chi phí phát sinh thực tế.

Được hưởng công tác phí khoán để bù đắp chi phí khác phát sinh theo các mức sau:

Ở Việt Nam:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát: 500.000 đồng/người/ngày;
- Thành viên Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ kiêm nhiệm: 250.000 đồng/người/ngày.

▪ **Ở nước ngoài:** Áp dụng mức chi phí gấp 2 lần so với quy định hiện hành của Bộ Tài chính tùy thuộc vào quốc gia đến.

Định hướng năm 2014

Năm 2014, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục tập trung thực hiện nâng cao chất lượng quản trị công ty hướng tới phát triển bền vững, cụ thể:

- Thực hiện các chính sách đảm bảo quyền lợi công bằng cho tất cả các cổ đông;
- Thực hiện minh bạch hóa thông tin cho các cổ đông trong và ngoài nước đối với các vấn đề quan trọng có liên quan đến hoạt động của công ty theo quy định của pháp luật, cụ thể: tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các vấn đề yêu cầu công bố thông tin theo quy định;
- Nghiên cứu, rà soát và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ để đảm bảo cơ chế quản trị vận hành xuyên suốt từ Tập đoàn đến các công ty thành viên;
- Tiếp tục nâng cao hoạt động của các Ủy ban giúp việc HĐQT qua việc rà soát chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức, hoạt động của các Ủy ban.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Tập đoàn Bảo Việt luôn đề cao vai trò hoạt động quản lý rủi ro trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như sự phát triển bền vững của Tập đoàn. Hoạt động quản lý rủi ro được thực hiện thống nhất từ Tập đoàn Bảo Việt đến các Công ty con để phòng ngừa những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, góp phần duy trì hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con theo phương châm ổn định, an toàn, hiệu quả; tạo môi trường quản lý minh bạch, bảo vệ tài sản và uy tín của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con.

Bảo Việt đã xây dựng và áp dụng những quy trình hoạt động chuyên nghiệp theo thông lệ quốc tế, phân bổ và sử dụng hiệu quả những nguồn lực để hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đạt hiệu quả cao nhất. Đồng thời, nâng cao nhận thức và hình thành văn hóa quản lý rủi ro, đảm bảo Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ, nhân viên của Tập đoàn Bảo Việt và Công ty con nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của hoạt động quản lý rủi ro và luôn chủ động xem xét mọi khía cạnh của các loại rủi ro trong hoạt động hàng ngày, bao gồm cả việc ra quyết định kinh doanh.

Cơ cấu tổ chức Quản lý rủi ro

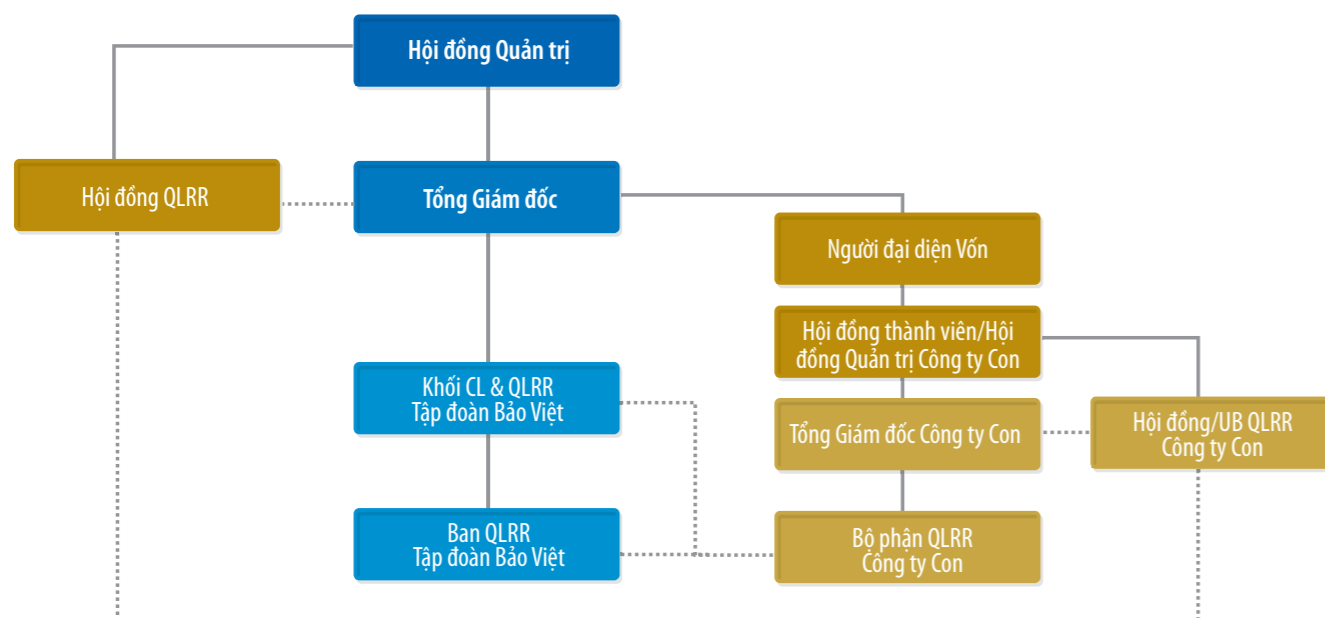
Hội đồng Quản lý rủi ro (RMC)

Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt có trách nhiệm xây dựng và triển khai khung pháp lý quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con, phối hợp và giám sát hoạt động quản lý rủi ro tại các Công ty con nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế.

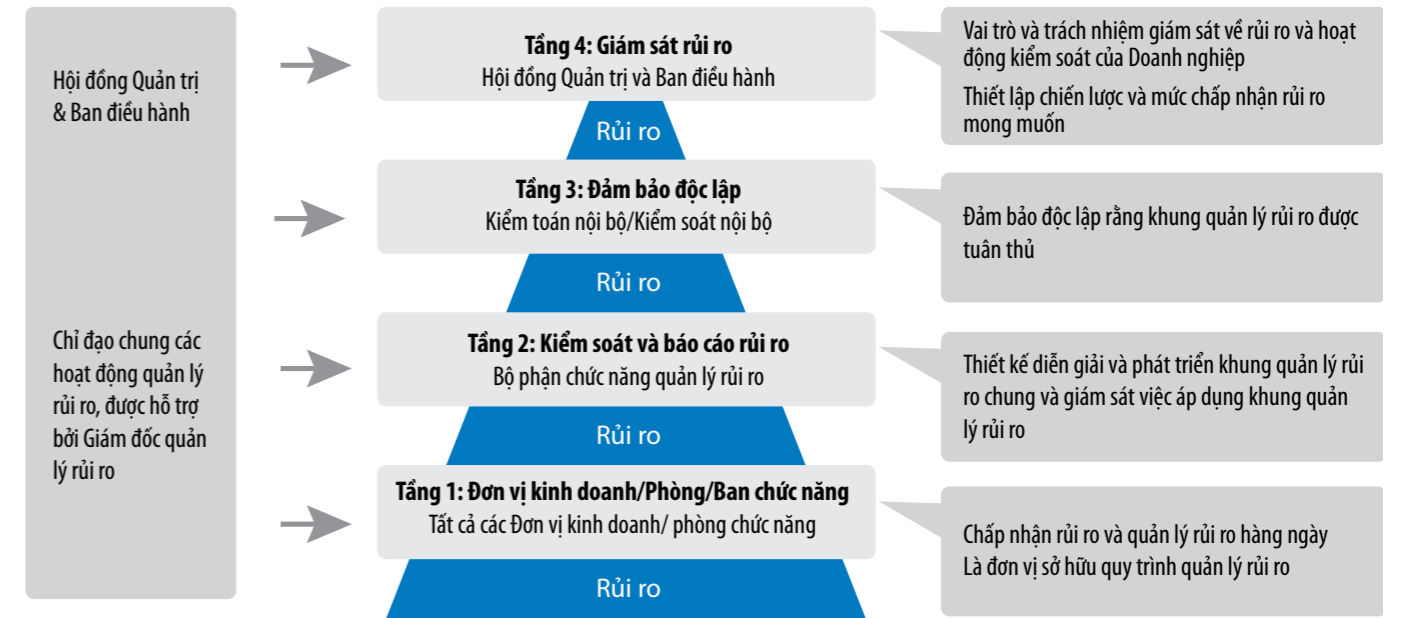
Năm 2013, Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con tổ chức họp định kỳ hàng quý để rà soát các loại rủi ro và đề xuất những biện

pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp. Thông qua các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro, các loại rủi ro được nhận dạng, phân tích, đánh giá và kiểm soát một cách có hệ thống theo quy trình chuẩn các công cụ đo lường, hạn mức rủi ro đã được phê duyệt. Ngoài ra, có sự trao đổi thông tin chặt chẽ trong hoạt động kiểm soát rủi ro giữa các Ủy ban/Hội đồng với các Khối, Ban chức năng tại Tập đoàn Bảo Việt cũng như giữa Tập đoàn Bảo Việt với các Công ty con.

Cơ cấu tổ chức Quản lý rủi ro - Tập đoàn Bảo Việt

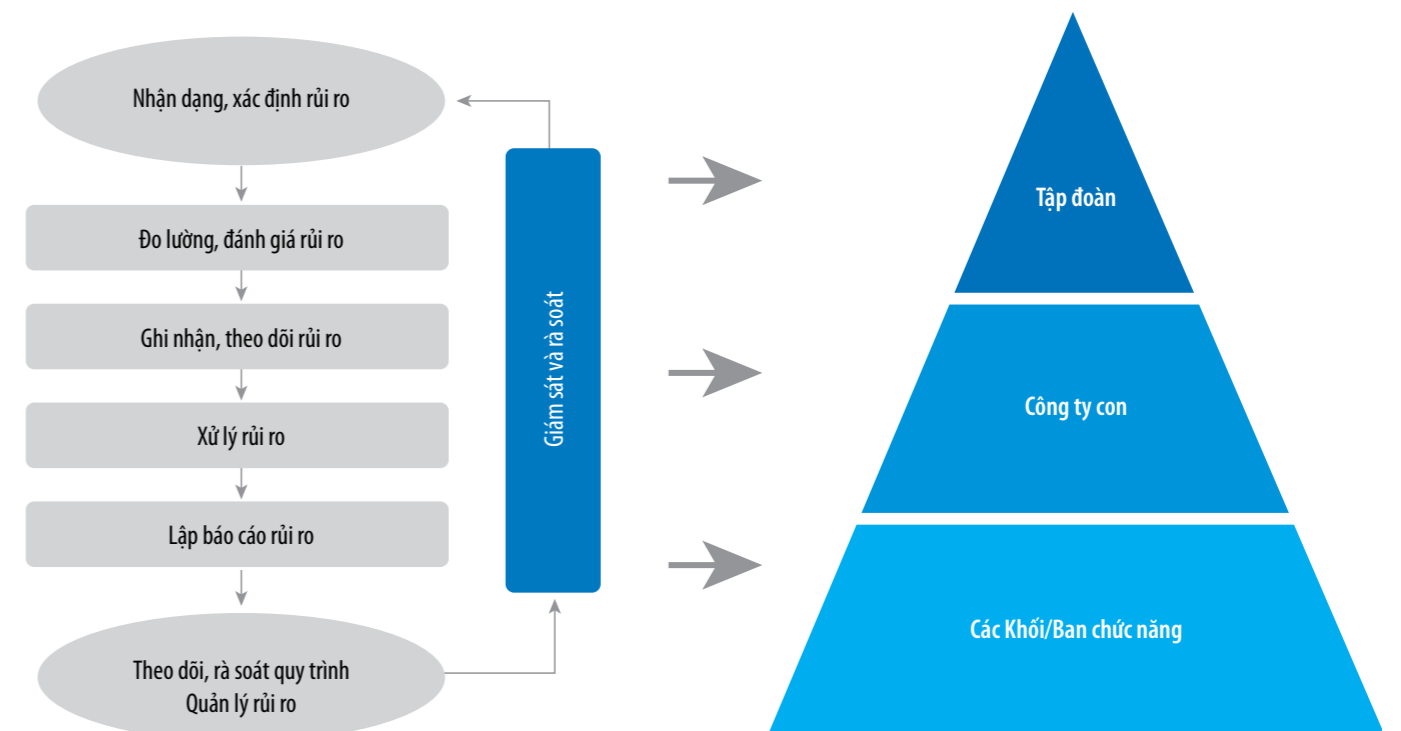


Mô phỏng Khung quản lý rủi ro



Quy trình quản lý rủi ro

Quy trình quản lý rủi ro được thiết kế đồng bộ và có sự gắn kết với việc xây dựng và thực thi chiến lược kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt. Quy trình quản lý rủi ro bao gồm các giai đoạn hoặc các bước công việc cơ bản như sau:



Bảng đánh giá rủi ro (Minh họa)

Mức độ rủi ro/Xu hướng trong bảng dưới đây chỉ có tính chất minh họa

STT	Loại rủi ro	Mức độ RR/ Xu hướng		Nhận diện/Tiêu chí xác định rủi ro	Các hành động xử lý thích hợp
		(kỳ trước)	(kỳ này)		
1	Rủi ro tín dụng	(*)			
	Đầu tư (Tiền gửi & Trái phiếu)	↔	↓	Rủi ro phát sinh từ việc gia tăng lượng tiền gửi quá hạn và/hoặc lãi tiền gửi không trả đúng theo thời hạn đã cam kết; trái phiếu không được thanh toán đúng ngày đáo hạn (đối với danh mục trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn), lãi coupon không thanh toán đúng hạn; thay đổi tiêu cực trong đánh giá phân loại của các tổ chức tín dụng.	Ban hành và thực thi chính sách về hạn mức tiền gửi tại các định chế tài chính để kiểm soát chặt chẽ hơn về rủi ro tín dụng. Giám sát chặt chẽ hạn mức tín dụng.
	Tín dụng (bảo hiểm)	↔	↔	Rủi ro phát sinh từ việc gia tăng các khoản nợ phí bảo hiểm; tăng giá trị các khoản bồi thường bị quá hạn cần thu hồi từ các nhà nhận tái bảo hiểm (các nhà nhận tái bảo hiểm không thanh toán phần trách nhiệm đúng hạn); đánh giá tín nhiệm của các doanh nghiệp tái bảo hiểm khác thay đổi tiêu cực.	Ban hành và yêu cầu tuân thủ chặt chẽ quy trình gia hạn đóng phí bảo hiểm, việc nhượng tái bảo hiểm chỉ được thực hiện đối với các nhà bảo hiểm được xếp hạng tín dụng cao bởi các tổ chức xếp hạng có uy tín theo quy định hiện hành có liên quan. Đánh giá, theo dõi chặt chẽ tình hình tài chính của các nhà nhận tái bảo hiểm trong nước chưa được xếp hạng tín dụng.
	Cho vay	↑	↑	Rủi ro từ việc tăng các khoản vay và/hoặc lãi vay quá hạn; thay đổi lớn trong điều kiện tài chính của bên đi vay (xảy ra với số lượng lớn các bên đi vay); cho vay ký quỹ (đối với công ty chứng khoán) khi giá trị cầm cố thấp hơn giá trị khoản vay chiếm tỷ trọng lớn.	Nâng cao công tác thẩm định đánh giá cấp tín dụng Phân loại và đánh giá khách hàng, phân loại khoản vay, tăng cường hệ thống phê duyệt và kiểm soát tín dụng.
2	Rủi ro bảo hiểm	↓	↔	Rủi ro từ việc tăng đột biến các khoản bồi thường chưa được tính tới khi tính toán phí bảo hiểm để giao kết hợp đồng bảo hiểm; xu hướng tăng các khoản bồi thường so với tỷ lệ bồi thường trong quá khứ (ví dụ: 3 năm gần nhất). Các khoản bồi thường lớn trên (ví dụ: 20 tỷ đồng) trong năm vừa qua.	Quy định chặt chẽ về thiết kế, định phí và quản lý sản phẩm, ban hành hạn mức khai thác bảo hiểm, rà soát điều kiện chấp nhận bảo hiểm đối với các sự kiện được bảo hiểm; chia sẻ các rủi ro có mức độ tác động lớn thông qua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ. Đầu tư phần mềm quản lý bảo hiểm.
3	Rủi ro thanh khoản	↔	↓	Rủi ro thiếu tài sản thanh khoản để đáp ứng nhu cầu thanh toán hiện tại như: tỷ lệ cho vay/dư nợ tín dụng > 100% (không tính khoản tiền gửi liên ngân hàng); chênh lệch lớn trong kế hoạch dòng tiền 12 tháng tới.	So sánh tài sản và nợ phải trả (loại tiền tệ, thời điểm đáo hạn, hình thức thanh toán). Xác định chính sách về thanh khoản phù hợp. Giám sát kế hoạch dự phòng. Rà soát thông tin hoạt động kinh doanh (sản phẩm, tài sản, thị trường) để xác định các tình huống gây áp lực thanh khoản.
4	Rủi ro thị trường				
	Cổ phiếu	↑	↑	Biến động tiêu cực giá trị cổ phiếu đang nắm giữ làm tăng các khoản dự phòng; tăng giá trị rủi ro (VaR) trên mức chấp nhận; tăng các khoản lỗ trong các tình huống phân tích kịch bản (Stress-testing).	Xây dựng hạn mức cho danh mục đầu tư theo từng loại tài sản, linh hoạt đầu tư và thiết lập hệ thống kiểm soát để quản lý. Quản lý chặt chẽ kết quả hoạt động và biến động của danh mục đầu tư. Đánh giá, lựa chọn các cổ phiếu tốt để đầu tư.
	Tỷ giá hối đoái	↔	↔	Biến động lớn về tỷ giá ngoại hối ảnh hưởng đến tài sản và kết quả kinh doanh; tăng danh mục chịu rủi ro tỷ giá.	Thực hiện kiểm tra bắt buộc đối với các loại biến động, thay đổi về tỷ giá hối đoái.
	Lãi suất	↑	↑	Biến động lãi suất tác động đến kết quả đầu tư như việc giảm giá trái phiếu (đối với danh mục trái phiếu kinh doanh).	Thực hiện kiểm tra bắt buộc đối với các loại biến động lãi suất.
5	Rủi ro hoạt động				
	Báo cáo và kiểm soát tài chính	↔	↔	Cung cấp các thông tin/báo cáo tài chính chậm so với quy định của các cơ quan chức năng hoặc các bên liên quan. Mắc lỗi khi báo cáo thông tin tài chính, có thể dẫn đến việc ra quyết định sai hoặc ảnh hưởng đến danh tiếng.	Tuân thủ nghiêm ngặt thời hạn báo cáo, công bố thông tin theo các quy định hiện hành có liên quan.
	Pháp chế và tuân thủ	↔	↓	Nhận được cảnh báo từ các cơ quan chức năng hoặc bị xử phạt do không tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Nhận được báo cáo/thông tin vi phạm từ bộ phận kiểm soát nội bộ hoặc các nguồn khác do không tuân thủ các quy định nội bộ tạo ra một môi trường quản lý lỏng lẻo hoặc dẫn đến các tổn thất.	Tăng cường tinh thần tuân thủ các quy định liên quan đến công tác pháp chế.
	Con người	↓	↓	Ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh do thiếu hụt về kỹ năng làm việc/nhân sự như: số nhân viên nghỉ việc tăng (so với mức trung bình trong quá khứ); tăng số vị trí chưa tuyển dụng được.	Phân công trách nhiệm rõ ràng, phân bổ nguồn nhân lực phù hợp, đào tạo các kỹ năng làm việc chuyên nghiệp. Áp dụng phần mềm quản lý nhân sự (HR) và quản lý hiệu quả làm việc.
	Hệ thống và thông tin	↓	↔	Hiệu quả hoạt động kinh doanh thấp do hệ thống không đáp ứng đủ các yêu cầu của công việc; các chức năng của hệ thống không đáp ứng đủ các yêu cầu hiện tại của công việc hoặc nhu cầu phát triển trong tương lai; hệ thống bị lỗi với tần suất lớn.	Đầu tư nâng cấp hệ thống. Phát triển và vận hành các phần mềm quản lý nghiệp vụ.
	Quy trình và quy chế	↔	↔	Rủi ro từ việc áp dụng sai các quy trình, quy chế; các vấn đề tồn tại tại/lỗi trong các quy trình tác nghiệp bị phát hiện qua việc kiểm tra chất lượng, kiểm soát nội bộ, khiếu nại của khách hàng hoặc các nguồn thông tin khác.	Tăng cường hoạt động kiểm toán nội bộ, định kỳ đánh giá tuân thủ và kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 27001-2005...

Chú thích:

(*) Hướng dẫn sử dụng ký hiệu:

■ mức độ rủi ro cao	↑ xu hướng rủi ro tăng lên
■ mức độ rủi ro trung bình	↔ xu hướng rủi ro ổn định
■ mức độ rủi ro thấp	↓ xu hướng rủi ro giảm

Tập đoàn Bảo Việt kinh doanh đa lĩnh vực dịch vụ tài chính: Bảo hiểm - Đầu tư - Dịch vụ tài chính, do vậy hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu chịu sự tác động của các loại rủi ro sau:

Rủi ro tín dụng

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được định nghĩa là khoản lỗ tiềm tàng do khả năng hoặc thiện chí trả nợ theo hợp đồng của bên vay hoặc đối tác có những thay đổi bất lợi.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn có thể phát sinh từ hoạt động đầu tư tài chính (tiền gửi, trái phiếu và các công cụ tài chính khác), hoạt động tín dụng bảo hiểm (chủ yếu tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt), hoạt động cho vay của ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác. Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đã áp dụng đồng bộ các biện pháp để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tiền gửi: Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng và triển khai mô hình đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng dựa trên mô hình phân tích tín dụng nội bộ. Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt xác định hạn mức tín dụng đối với mỗi tổ chức tín dụng mà các đơn vị được phép gửi tiền, các hạn mức này được rà soát định kỳ. Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đưa ra hành

Rủi ro bảo hiểm

động kịp thời khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng.

Quản lý rủi ro tín dụng từ đầu tư trái phiếu: Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng kế hoạch, phê duyệt hạn mức đầu tư từng loại trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản, xem xét thận trọng khi đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, tuân thủ quy trình thẩm định, phê duyệt các khoản đầu tư mới.

Quản lý rủi ro tín dụng bảo hiểm: Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đã ban hành và yêu cầu tuân thủ chặt chẽ quy trình gia hạn đóng phí bảo hiểm, việc nhượng tái bảo hiểm chỉ được thực hiện đối với các nhà bảo hiểm được xếp hạng tín dụng cao bởi các tổ chức xếp hạng hàng đầu thế giới. Đối với các nhà nhận tái bảo hiểm trong nước chưa được xếp hạng tín dụng, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt cũng có những đánh giá riêng và theo dõi chặt chẽ diễn biến khả năng tài chính của họ.

Quản lý rủi ro tín dụng ngân hàng: Ngân hàng Bảo Việt đã áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để đánh giá mức độ tín nhiệm và phân loại khách hàng, thiết lập hạn mức tín dụng;

Rủi ro thị trường

tăng cường việc thẩm định, định giá và quản lý đối với tài sản đảm bảo theo cơ chế tập trung; giám sát chặt chẽ các khoản cho vay nhằm đưa ra cảnh báo sớm đối với rủi ro tín dụng. Ngân hàng Bảo Việt đã thành lập các Tổ xử lý nợ tại Hội sở chính và các đơn vị kinh doanh để chỉ đạo, triển khai đồng bộ và mạnh mẽ việc thu hồi nợ và xử lý nợ xấu. Đồng thời, thực hiện bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) theo quy định.

Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động giao dịch ký quỹ: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) đã thực hiện chính sách đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để quản lý rủi ro này, xây dựng tiêu chuẩn cho các cổ phiếu và chứng chỉ quỹ nằm trong danh mục cho vay ký quỹ, xây dựng tỷ lệ ký quỹ an toàn, để ra các biện pháp thực hiện xử lý tài sản đảm bảo nhằm đảm bảo an toàn nguồn vốn phục vụ cho vay ký quỹ của BVSC.

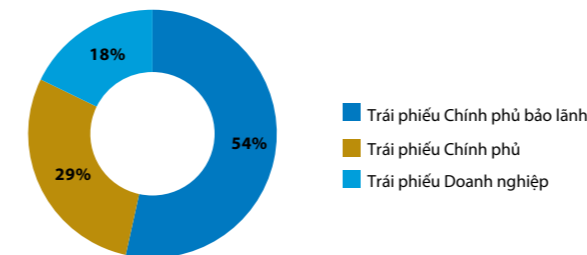
Quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được triển khai tại hai Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (Bảo Việt Nhân thọ)

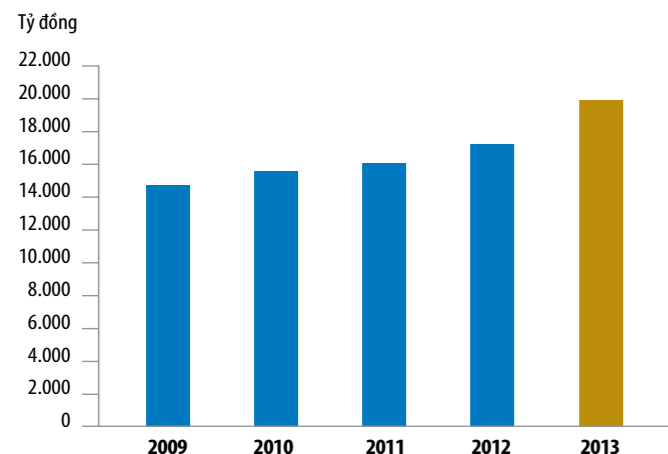
Công tác quản lý rủi ro luôn được chú trọng trong quá trình hoạt động kinh doanh, trong đó rủi ro bảo hiểm được giám sát chặt chẽ thông qua việc xây dựng những giả định về tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng trực tiếp trong hợp đồng bảo hiểm. Trong quá trình hoạt động, Bảo Việt Nhân thọ có thể chịu rủi ro về các khoản bồi thường chưa xác định rõ thời điểm cũng như mức độ liên quan đến

Tỷ trọng Trái phiếu theo nhóm đơn vị phát hành



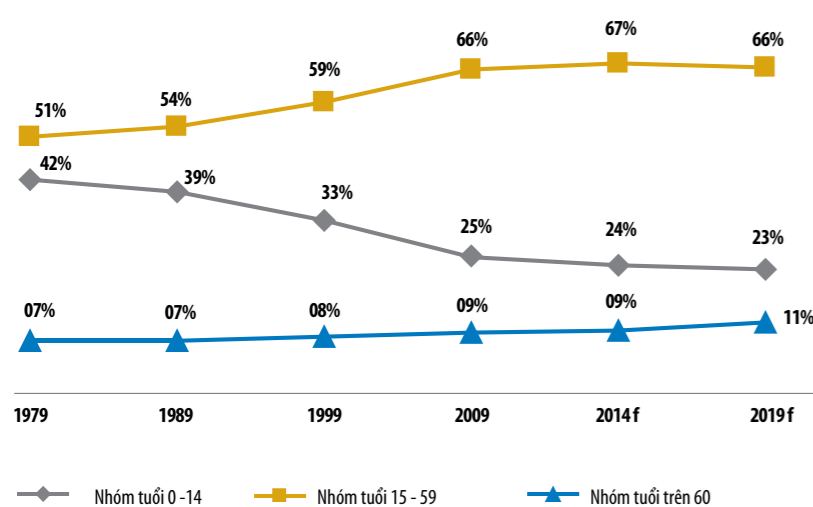
Nguồn: Tập đoàn Bảo Việt 2013

Quy mô quỹ dự phòng công bố



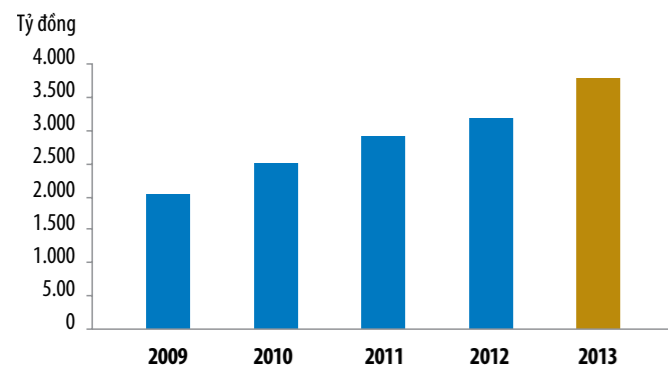
Nguồn: Bảo Việt Nhân thọ 2009 - 2013

Tỷ trọng dân số Việt Nam theo độ tuổi



Nguồn: Tổng cục Dân số KHHGD - Bộ y tế 2013

Giá trị lợi nhuận tương lai của các hợp đồng đang có hiệu lực - PVIF



Nguồn: Bảo Việt Nhân thọ 2009 - 2013

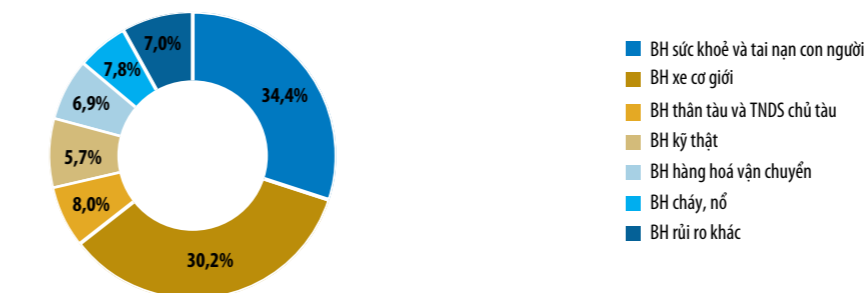
những tổn thất do tai nạn, sức khỏe, khả năng tài chính của người được bảo hiểm hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện bảo hiểm. Do vậy, Bảo Việt Nhân thọ đã đưa ra và thực hiện quy định, quy trình chặt chẽ về thiết kế và quản lý sản phẩm, theo dõi kinh nghiệm triển khai thông qua việc đánh giá sản phẩm về lợi nhuận, doanh số, phân tích kinh nghiệm; kịp thời hoàn thiện sản phẩm, định phí lại khi thấy kinh nghiệm thực tế khác với giả định, ban hành hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình/thủ tục phê duyệt những giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc giao dịch vượt hạn mức khai thác bảo hiểm, nguyên tắc tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Quy trình xây dựng các giả định của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai để tránh các biến động trong thực tiễn kinh doanh. Hoạt động kiểm tra được thực hiện định kỳ nhằm duy trì mức chênh lệch nhỏ nhất giữa giả định áp dụng với kết quả ước tính, đảm bảo quyền lợi của khách hàng và tối đa hoá lợi nhuận.

Bảo Việt Nhân thọ đã đưa ra các quy định chặt chẽ, đặc biệt là trong hoạt động thiết kế sản phẩm và các quy định loại trừ nhằm hạn chế tối đa rủi ro trực lợi bảo hiểm và lựa chọn đối nghịch. Đồng thời, đưa ra các quy định về triển khai sản phẩm như quy định đối tượng được chấp nhận bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối đa, sản phẩm được bảo hiểm, bệnh viện được chấp thuận thanh toán quyền lợi bảo hiểm... Thực hiện định phí đầy đủ, đảm bảo lợi nhuận và khả năng thanh toán trong tình huống kinh nghiệm bồi thường thực tế xấu hơn so với giả định trong một giới hạn nhất định.

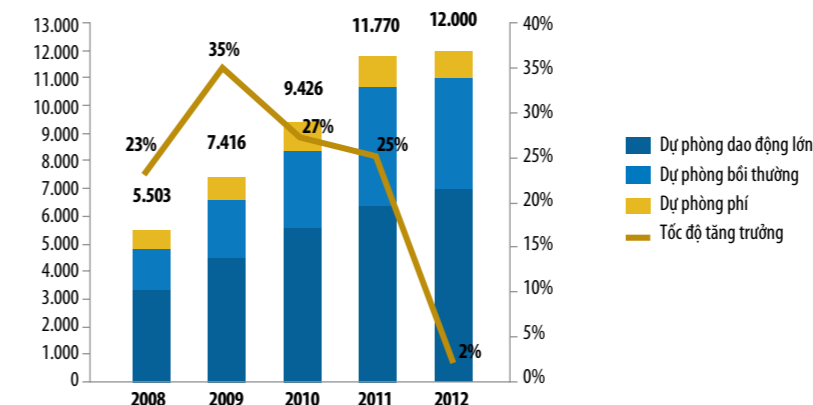
Các phương pháp, công cụ được Bảo Việt Nhân thọ sử dụng để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm như mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phân tích kịch bản (stress-testing). Các lý thuyết xác suất được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục

Tỷ trọng doanh thu theo sản phẩm bảo hiểm của Bảo Việt



Nguồn: Bảo Việt Nhân thọ 2013

Tổng dự phòng nghiệp vụ thị trường bảo hiểm phi nhân thọ



Nguồn: Thị trường bảo hiểm Việt Nam 2012 - Bộ Tài chính

các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp. Trong rủi ro bảo hiểm, rủi ro chủ yếu là tần suất xảy ra tổn thất bảo hiểm lớn hơn dự kiến. Theo bản chất, các tổn thất bảo hiểm xảy ra mang tính ngẫu nhiên và tổn thất thực tế của các sự kiện bảo hiểm có thể xảy ra bất kỳ thời điểm nào và có thể khác nhiều so với con số ước tính bằng các phương pháp thống kê thông thường.

Bảo Việt Nhân thọ cũng thực hiện chính sách quản lý rủi ro thông qua tái bảo hiểm, chuyển giao một phần rủi ro của hợp đồng bảo hiểm cho công ty nhận tái bảo hiểm cố định. Mức giữ lại phụ thuộc vào khả năng tài chính và mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, bên nhận tái bảo hiểm đồng ý chi trả số tiền tương ứng đã nhận tái bảo

hiểm trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm. Trong mọi trường hợp, Bảo Việt Nhân thọ phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với chủ hợp đồng kể cả khi bên nhận tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ. Để giảm thiểu rủi ro này, Bảo Việt Nhân thọ chỉ giao dịch với những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành.

Công tác đánh giá rủi ro và chấp nhận bảo hiểm, giám định xác minh và giải quyết quyền lợi bảo hiểm đã được tăng cường thông qua việc hoàn thiện các quy định, quy trình, đào tạo cán bộ và xây dựng mối quan hệ hợp tác hiệu quả với các đối tác... Đặc biệt, nhờ có việc tập trung hoá, các công tác này được quản lý thống nhất và nâng cao đáng kể.

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo Việt Nhân thọ)

Mục đích chính của hoạt động quản lý rủi ro tại Bảo Việt Nhân thọ là nhằm bảo vệ, gia tăng giá trị và sự phát triển bền vững của chủ sở hữu (Tập đoàn Bảo Việt). Hoạt động quản lý rủi ro tại Bảo Việt Nhân thọ được thực hiện thông qua quá trình nhận diện, phân loại sự kiện rủi ro; đánh giá nguyên nhân, khả năng xảy ra sự kiện rủi ro; đánh giá quy mô và mức độ nghiêm trọng của những tác động mà sự kiện rủi ro có thể gây ra; đề ra các giải pháp phù hợp cho từng loại rủi ro và xác định các hạn mức rủi ro mà Bảo Việt Nhân thọ sẵn sàng chấp nhận.

Năm 2013 Bảo Việt Nhân thọ đã tăng cường hoạt động đánh giá rủi ro cũng như rà soát điều kiện chấp nhận bảo hiểm đối với các sự kiện được bảo hiểm có mức độ tác động nhỏ thông qua chủ trương duy trì và phát triển kênh bán lẻ, kênh bancassurance, hướng đến khách hàng cá nhân cũng như duy trì mức trách nhiệm giữ lại tính trên từng rủi ro bảo hiểm; hạn chế các rủi ro thuộc nhóm có nguy cơ cao, tăng cường đánh giá rủi ro đối với các loại rủi ro bảo hiểm mới, phân loại đối tượng chuyển giao rủi ro bảo hiểm cũng như địa bàn của rủi ro bảo hiểm. Chia sẻ các rủi ro có mức độ tác động lớn thông qua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ...

Mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm của Bảo Việt Nhân thọ là kiểm soát được quy mô và mức độ tổn thất phát sinh từ các rủi ro bảo hiểm và đảm bảo rằng, với mức chi phí quản lý, chi phí bán hàng, chi phí khác hợp lý, Bảo Việt Nhân thọ có lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm.

Bảo Việt Nhân thọ đã thiết lập và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, ngoài việc chủ động đa dạng hóa loại hình rủi ro bảo hiểm hướng tới khách hàng cá nhân và qua kênh bán lẻ, Bảo hiểm Bảo Việt cũng xây dựng các khẩu vị rủi ro, cụ thể là không chấp nhận bảo hiểm đối với các rủi ro bảo hiểm có khả năng xảy ra cao hoặc có nguy cơ bị trục lợi cao như rủi ro cháy nổ đối với kho, nhà xưởng sản xuất đồ gỗ, da giày và các rủi ro cháy nổ khác thuộc nhóm 3, nhóm 4; rủi ro bão lũ đối với các khu du lịch, khu nghỉ dưỡng dọc bờ biển miền trung; rủi ro sạt lở của các công trình xây dựng đường, cầu cống ở các tỉnh miền núi phía Bắc; rủi ro vận chuyển hàng rời hoặc trên các tuyến đường biển rủi ro cao; rủi ro gắn với tàu gài, xe đầu kéo, xe taxi; rủi ro chi phí y tế của các nhóm có lịch sử khiếu nại quá xấu.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm, năm 2013, Bảo hiểm Bảo Việt đã xác định lại tỷ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên kinh nghiệm tổn thất và dự báo, xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh, các quy định của pháp luật. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất và chi phí gia tăng, Bảo hiểm Bảo Việt chỉ chấp nhận bảo hiểm nếu người tham gia bảo hiểm chấp nhận tăng phí bảo hiểm tương ứng hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm, tăng mức miễn thường. Đối với các nhóm rủi ro có tỷ lệ tổn thất vẫn đảm bảo lợi nhuận bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt chủ trương tăng tỷ trọng chấp nhận bảo hiểm để gia tăng thị phần, gia tăng dòng tiền vào để sinh lợi từ hoạt động đầu tư tài chính.

Bảo hiểm Bảo Việt cũng áp dụng triệt để các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác và với chính người tham gia bảo hiểm như đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, áp dụng miễn thường. Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm không trực tiếp mua tái bảo hiểm như bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm con người, Bảo hiểm Bảo Việt mua các hợp đồng tái bảo hiểm

bảo vệ để giới hạn mức bồi thường tối đa cho 1 sự kiện rủi ro. Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm còn lại, Bảo hiểm Bảo Việt yêu cầu thu xếp tái bảo hiểm theo vụ trước khi cấp đơn bảo hiểm gốc cũng như mua các hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường theo vụ và theo nghiệp vụ.

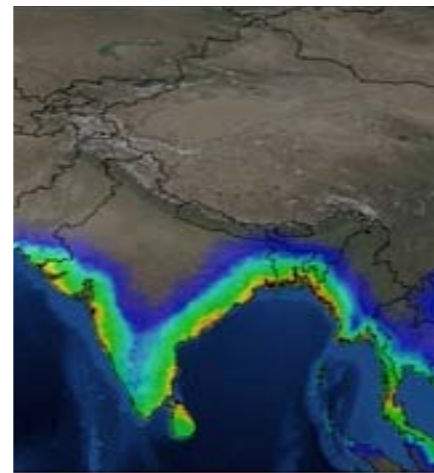
Mô hình đánh giá rủi ro thiên tai (Catastrophe modeling - CAT modeling)

Những thảm họa do thiên nhiên hay con người gây ra đều ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Các dữ liệu lịch sử cho thấy chỉ một cơn bão, động đất, lốc xoáy, lũ lụt hoặc hành động khủng bố đều có thể phá hủy tài sản, làm gián đoạn hoạt động kinh doanh, gây thương tích cho người lao động hoặc đẩy một doanh nghiệp đang thành công vào tình trạng bất ổn. Để quản lý hiệu quả những rủi ro không xảy ra thường xuyên nhưng có sức tàn phá mạnh do thiên tai, doanh nghiệp phải nhận thức được những tác động về tài chính của các thiệt hại do thiên tai gây ra cũng như khả năng xảy ra các thiệt hại đó. Mô hình đánh giá rủi ro thiên tai (CAT model) được xây dựng để giúp doanh nghiệp quản lý các rủi ro nói trên, mô hình này sử dụng các kiến thức khoa học về những hiểm họa để ước tính tổn thất tài chính do các sự kiện có thể xảy ra trong khu vực nghiên cứu. Kết quả thường dựa trên dữ liệu lịch sử (chẳng hạn như 1 trong 250 năm) để xác định xác suất tổn thất vượt mức báo cáo. Kết quả này cho phép các công ty bảo hiểm xác định mức tái bảo hiểm cần mua phù hợp với mức độ tổn thất với xác suất nhất định, ví dụ để đáp ứng yêu cầu đã quy định. Rõ ràng, tái bảo hiểm quá mức cần thiết sẽ lãng phí nguồn lực tài chính vì phải trả quá nhiều phí cho nhà tái bảo hiểm, trong khi tái bảo hiểm thấp hơn mức cần thiết sẽ dẫn đến việc làm bất ổn về tài chính cho công ty bảo hiểm. Vì vậy, việc xác định trách nhiệm bảo hiểm là rất quan trọng và việc này phụ thuộc chủ yếu vào đánh giá tổn thất dựa trên mô hình CAT và các giải thích liên quan.



Chú thích bản đồ:
 ■ Miền bắc,
 ■ Miền trung,
 ■ Miền nam
 — Đường đi của bão

Nguồn: AON Benfield



- China
- Hong Kong
- India
- Malaysia
- Philippines
- South Korea
- Taiwan
- Thailand
- Vietnam

Nguồn: AON Benfield

Tóm tắt mô hình sử dụng cho Việt Nam

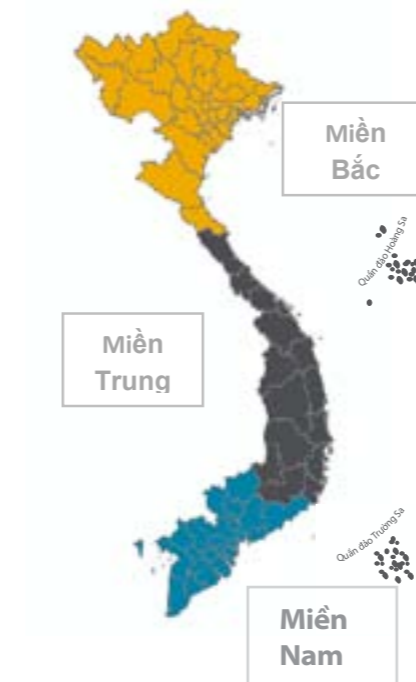
Thiên tai	Mô hình	Năm	Rủi ro đánh giá được	Rủi ro không đánh giá được
Bão	IF ATM v5	2010	Gió, mưa - gây ra lũ lụt, bão	
Động đất	RMS DLM v13.1	2007	Địa chấn, sụt lún do động đất	Cháy do động đất, động đất, sóng thần
Động đất	AIR Clasic2 v15	2008	Địa chấn	Cháy do động đất, động đất, sóng thần, sụt lún do động đất

Nguồn: AON Benfield

Mô hình Dự báo ảnh hưởng của bão tới Châu Á

Ở Việt Nam hiện nay chỉ có thể sử dụng Mô hình Dự báo ảnh hưởng của các cơn bão Châu Á (Impact Forecasting's Asia Typhoon Model - IF ATM) để đánh giá tác động của bão. Mô hình này bắt đầu được sử dụng từ năm 2010 và là mô hình được sử dụng đầu tiên ở châu Á. Mô hình mô phỏng thiệt hại do gió, mưa và bão gây ra.

Lũ gió mùa, động đất hoặc sóng thần đều gây ra rủi ro thiên tai cho Việt Nam, nhưng chưa có mô hình sẵn có nào có thể đánh giá ảnh hưởng của các rủi ro này. Trong đó, động đất được đánh giá là nguy hiểm nhất và có ảnh hưởng đến việc mua tái bảo hiểm. AON Benfield đã sử dụng phương pháp so sánh tương ứng (mô hình đánh giá thiệt hại do



Nguồn: AON Benfield

động đất RMS và AIR Clasic2) để gián tiếp đánh giá rủi ro động đất cho miền Bắc Việt Nam.

Miền Bắc Việt Nam được xác định là khu vực dễ bị động đất nhất ở Việt Nam vì nguy cơ sụt lún của sông Hồng. Trong lịch sử, 90% các trận động đất đều xảy ra ở Tây Bắc Việt Nam. Các chuyên gia sử dụng dữ liệu của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc để đánh giá ảnh hưởng của động đất tới miền Bắc Việt Nam.

Phương pháp so sánh tương ứng thiệt hại do động đất gây ra (Earthquake Proxy Methodology)

1. Các tỉnh thành của Việt Nam được gộp thành 3 nhóm: miền Bắc, miền Trung, miền Nam.
2. Miền Bắc Việt Nam chịu tác động giống tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.
3. Mô hình đánh giá thiệt hại do động đất RMS và AIR Clasic2 được sử dụng để phân tích ảnh hưởng của động đất đến miền Bắc Việt Nam.

Mô hình RMS và AIR Clasic2 khi áp dụng cho Trung Quốc cho kết quả ước tính thiệt hại khác biệt đáng kể. AON Benfield xác nhận kết quả của cả hai mô hình và cho rằng cả hai mô hình đều thể hiện nỗ lực tạo ra một mô hình đánh giá tác động do động đất gây ra trên toàn quốc cho Trung Quốc. Tuy nhiên, để đánh giá rủi ro động đất tại Việt Nam, mô hình nên được sử dụng thận trọng do đó chỉ là phương pháp so sánh tương ứng áp dụng cho Việt Nam. Kết quả thiệt hại do các mô hình này ước tính có thể phóng đại tần suất thiệt hại do tần suất xảy ra động đất ở Vân Nam cao hơn miền Bắc Việt Nam.

Quản lý rủi ro thanh khoản

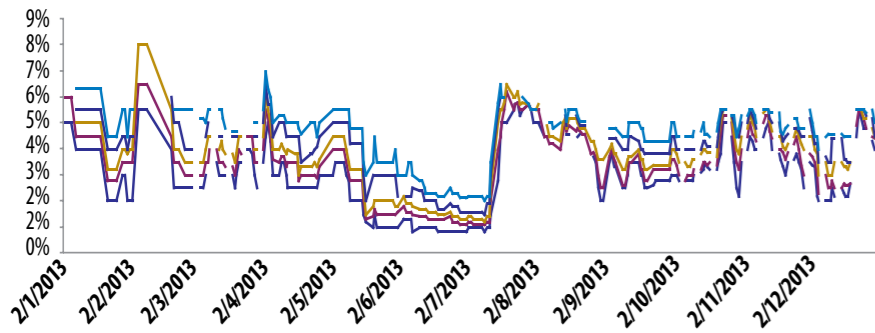
Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và trách nhiệm trong ngắn hạn.

Mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con là đảm bảo cân đối các dòng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đã xây dựng và áp dụng những biện pháp, cách thức phòng ngừa và ứng phó với các trường hợp rủi ro thanh khoản; duy trì một mức thanh khoản hợp lý để bảo đảm có thể thực hiện được đầy đủ các cam kết tài chính của Tập đoàn trong điều kiện kinh doanh bình thường. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ xem xét và báo cáo cho Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO). Ủy ban này sẽ rà soát mức độ thanh khoản, hiệu quả đầu tư và xác định các hành động phù hợp.

Đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng, rủi ro thanh khoản được hiểu là rủi ro khi ngân hàng không đủ khả năng để thực hiện đúng những cam kết tài chính hàng ngày hoặc để đáp ứng nhu cầu rút tiền trước hạn của khách hàng, dẫn đến tổn thất cho ngân hàng do tăng chi phí kinh doanh, giảm uy tín hoặc mất khả năng thanh toán.

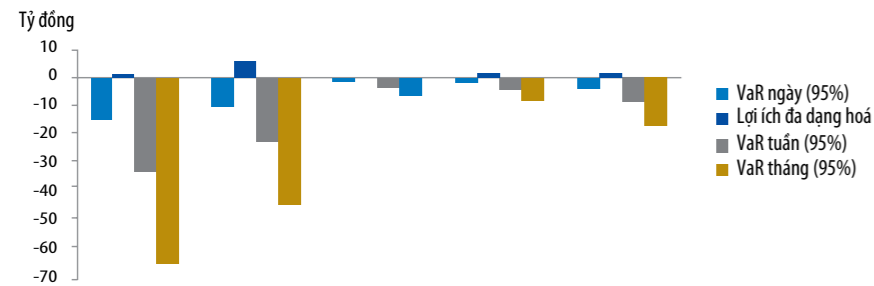
Ngân hàng Bảo Việt đã đo lường, kiểm soát và báo cáo tình trạng thanh khoản hàng ngày để giảm thiểu rủi ro thanh khoản; nỗ lực huy động đa dạng nguồn vốn, giám sát tỷ lệ huy động từ nhóm khách hàng có tiền gửi lớn; duy trì một lượng tài sản Có có khả năng thanh khoản cao làm nguồn dự phòng thanh khoản để có thể đáp ứng mọi nghĩa vụ thanh toán tại bất cứ thời điểm nào; đo lường, kiểm soát trạng thái mất cân đối về kỳ hạn của dòng tiền ra và dòng tiền vào. Đồng thời, kiểm soát các chỉ số thanh khoản chính và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Lãi suất liên ngân hàng



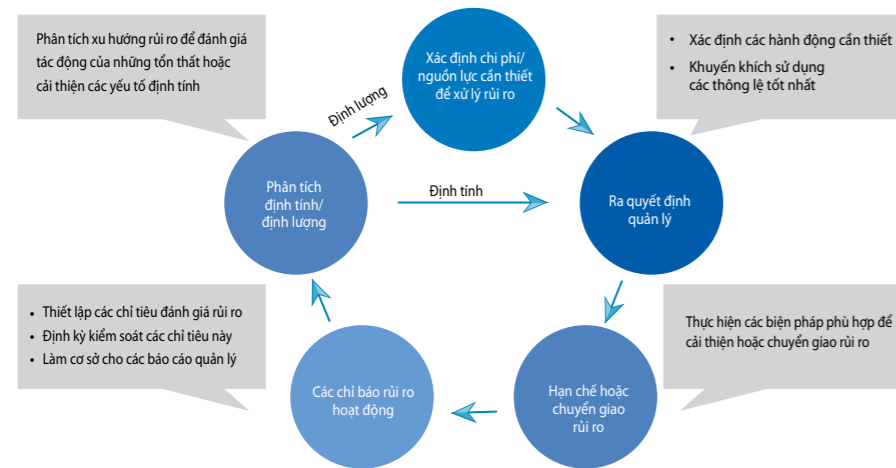
Nguồn: Reuters 2013

Biểu đồ VaR của danh mục đầu tư cổ phiếu niêm yết năm 2013



Nguồn: Tập đoàn Bảo Việt 2013

Sơ đồ mô phỏng quá trình quản lý rủi ro hoạt động



Quản lý rủi ro thị trường

Rủi ro lãi suất

Danh mục các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu có lãi suất thả nổi của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con chịu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất. Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá rủi ro này ở mức thấp do các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu có lãi suất thả nổi chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong toàn bộ danh mục đầu tư.

Ngoài ra, biến động lãi suất giảm cũng tác động đến các dòng tiền đảo hạn được tái đầu tư vào danh mục tiền gửi hoặc trái phiếu. Chúng tôi thường xuyên rà soát và lựa chọn kỳ hạn tái đầu tư hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất trong khi vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận.

Đối với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các sản phẩm bảo hiểm truyền thống và có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không đảm bảo.

Rủi ro lãi suất của Ngân hàng Bảo Việt chủ yếu xuất phát từ hoạt động đầu tư, huy động và sử dụng vốn. Ngân hàng Bảo Việt quản lý quy mô, cơ cấu tài sản trong và ngoài bảng cân đối cũng như xây dựng các kịch bản tình huống giả định về tình hình biến động lãi suất trên thị trường nhằm mô phỏng biến động giá trị danh mục tài sản Có - tài sản Nợ để xác định mức độ thay đổi lợi nhuận/giá trị tài sản. Ngân hàng Bảo Việt quản lý rủi ro lãi suất thông qua đo lường mức độ mất cân đối cấu trúc tài sản (Khe hở nhạy cảm với lãi suất - GAP). Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) của Ngân hàng Bảo Việt giám sát chặt chẽ để điều chỉnh hoạt động quản lý rủi ro lãi suất phù hợp với những thay đổi điều kiện thị trường.

Rủi ro giá cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu toàn Tập đoàn bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Danh mục các cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá. Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết có thể có thay đổi bất lợi nếu điều kiện thị trường và tình hình tài chính của doanh nghiệp xấu đi. Danh mục cổ phiếu của Tập đoàn được đầu tư đa dạng hóa theo các ngành, lĩnh vực khác nhau và tỷ trọng đầu tư cổ phiếu giữ ở mức tương đối thấp trong toàn danh mục đầu tư.

Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con sử dụng thước đo Giá trị rủi ro ("VaR") để giám sát và giới hạn rủi ro cổ phiếu niêm yết. Thước đo VaR dùng để ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động bất lợi trong khoảng thời gian nhất định (1 ngày, 1 tuần, 1 tháng), với mức độ tin cậy cho trước (95%).

Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con cũng sử dụng phương pháp phân tích kịch bản "stress-testing" để đánh giá những ảnh hưởng tiềm ẩn đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. Đơn vị chịu tác động lớn nhất của rủi ro ngoại tệ là Bảo hiểm Bảo Việt và Ngân hàng Bảo Việt.

Trong danh mục nợ của Bảo hiểm Bảo Việt, một phần công nợ tái bảo hiểm được quy đổi và chốt theo đồng đô la Mỹ. Trong năm 2013, tỷ giá giữa đồng đô la Mỹ và đồng Việt Nam ổn định, nguồn thu ngoại tệ

của công ty dồi dào nên rủi ro tỷ giá ngoại tệ được đánh giá ở mức thấp.

Đối với Ngân hàng Bảo Việt, rủi ro tỷ giá ngoại tệ chủ yếu xuất phát từ hoạt động đầu tư, kinh doanh ngoại tệ, hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn bằng đồng đô la Mỹ (6,95% tổng tài sản). Ngân hàng Bảo Việt đã xây dựng các kịch bản, tình huống giả định biến động tỷ giá để xác định mức biến động lợi nhuận/giá trị tài sản. Ngoài ra, Ngân hàng Bảo Việt đã thiết lập các hạn mức để quản lý rủi ro tỷ giá ngoại tệ như hạn mức trạng thái ngoại tệ, hạn mức lỗ tối đa đối với hoạt động kinh doanh ngoại tệ. Các hạn mức này do Ủy ban ALCO phê duyệt từng thời kỳ phù hợp với diễn biến tỷ giá trên thị trường và khẩu vị rủi ro của Ngân hàng Bảo Việt.

Quản lý rủi ro hoạt động

Các loại rủi ro hoạt động chủ yếu bao gồm: rủi ro liên quan đến Báo cáo và Kiểm soát tài chính; Pháp chế và Tuân thủ; Con người; Quy trình và Quy chế; Hệ thống và Thông tin; Tính liên tục của hoạt động kinh doanh. Tập đoàn Bảo Việt sử dụng phương pháp tiếp cận định tính, định lượng hoặc kết hợp cả hai để đánh giá và xử lý các rủi ro hoạt động phát sinh.

Năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đã tăng cường quản lý tập trung về công nghệ thông tin, tăng cường các biện pháp an ninh bảo mật, đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. Duy trì hệ thống quản lý an ninh thông tin (ISMS - Information Security Management System) theo Tiêu chuẩn ISO 27001-2005 để vận hành, giám sát và cải tiến Hệ thống ISMS, giúp Ban lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt thực hiện việc giám sát, quản lý hệ thống thông tin, tăng cường an ninh bảo mật, giảm thiểu rủi ro cho hệ thống thông tin,

đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn;

Bên cạnh đó, Bảo hiểm Bảo Việt đã xây dựng và đưa vào phục vụ kinh doanh Trung tâm dịch vụ khách hàng để từng bước hoàn thiện quy trình khai thác bảo hiểm và đặc biệt là quy trình tiếp nhận thông báo tai nạn, giám định tổn thất và giải quyết bồi thường. Bảo hiểm Bảo Việt cũng đã bước đầu triển khai phần mềm In-sureJ và xây dựng mô hình Trung tâm cấp đơn và giám định bồi thường để đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường tập trung tới cấp công ty thành viên. Phần mềm cũng cho phép ghi nhận thông tin khách hàng, thông tin hợp đồng bảo hiểm, thông tin tổn thất một cách chính xác và kịp thời nhất, phục vụ phân tích, đánh giá và ra quyết định quản lý rủi ro; tăng cường quản lý rủi ro trong hoạt động khai thác, bồi thường/thanh toán bảo hiểm, tiết giảm chi phí hoạt động; nâng cao chất lượng cán bộ thông qua đa dạng hình thức đào tạo...

Nổi tiếp những thành quả đã đạt được trong hoạt động quản lý rủi ro, năm 2014 Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục chú trọng việc đánh giá và xử lý các loại rủi ro, hoàn thiện các văn bản có liên quan điều chỉnh hoạt động quản lý rủi ro toàn Tập đoàn; nghiên cứu, phân tích, đánh giá các tổ chức tín dụng trong nội bộ Tập đoàn nhằm đề xuất hạn mức tín dụng phù hợp; đẩy mạnh việc nghiên cứu phương pháp đo lường rủi ro thị trường cho các tài sản đầu tư khác; thí điểm xây dựng Khẩu vị rủi ro Tập đoàn Bảo Việt; tiếp nhận các kinh nghiệm, kỹ năng quản lý rủi ro được cổ đông chiến lược nước ngoài chuyển giao theo Thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật TSCTA nhằm nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro và góp phần hoàn thành kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn.

KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Khung Kiểm soát nội bộ Tập đoàn Bảo Việt

▪ **Môi trường kiểm soát:** Tại Tập đoàn Bảo Việt, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát tính đầy đủ và tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. Ban điều hành chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả xuyên suốt toàn Tập đoàn. Tất cả nhân viên, lãnh đạo tại tất cả các cấp bậc đều có trách nhiệm với việc quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.

▪ **Nhận diện và giám sát rủi ro:** Quy chế quản lý rủi ro thống nhất và xuyên suốt toàn Tập đoàn đã được xây dựng và vận hành một cách hiệu quả nhằm nhận diện, kiểm soát và báo cáo về các rủi ro chính, bao gồm rủi ro bảo hiểm, rủi ro đầu tư (rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản), rủi ro hoạt động, và các rủi ro khác. Trong Quy chế quản lý rủi ro có quy định rõ cơ cấu tổ chức, quyền hạn và trách nhiệm quản lý rủi ro của các cấp (Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các bộ phận và từng cá nhân); cách thức nhận biết các rủi ro trọng yếu và các chuẩn mực quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con. Các vấn đề liên quan đến rủi ro được phân tích, đánh giá và xử lý thấu đáo tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản lý rủi ro.

▪ **Hoạt động kiểm soát:** Các biện pháp kiểm soát được thiết kế và vận hành đối với mọi hoạt động của Tập đoàn tại tất cả các cấp (Công ty Mẹ, Tổng/ Công ty thành viên, phòng ban, hoạt động...) và được lồng ghép trong tất cả các quy trình nghiệp vụ và các tác nghiệp hàng ngày để đảm bảo xử lý được các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đến việc hoàn thành mục tiêu của các đơn vị.

Các nguyên tắc kiểm soát cơ bản bao gồm:

- Phân cấp uỷ quyền rõ ràng, minh bạch, đảm bảo tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận; tránh các xung đột lợi ích và các hành vi gian lận, trục lợi.
- Kiểm tra, giám sát chéo giữa các cá nhân, các bộ phận trong quá trình xử lý quy trình nghiệp vụ.
- Phân tách trách nhiệm: mỗi một công việc được thực hiện và kiểm tra bởi ít nhất hai người. Không một cá nhân nào được phép thực hiện và quyết định một quy trình nghiệp vụ, một giao dịch cụ thể, ngoại trừ những giao dịch cho phép phù hợp với quy định của pháp luật (Nguyên tắc kiểm soát kép).

Các loại hình kiểm soát chính bao gồm: Kiểm soát định hướng, Kiểm soát phòng ngừa, Kiểm soát phát hiện; Kiểm soát thủ công, Kiểm soát tự động; trong đó Kiểm soát tự động thông qua hệ thống công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng nhằm hạn chế sai sót và tác động của con người tới hiệu quả của kiểm soát.

Các biện pháp kiểm soát chính bao gồm: rà soát kết quả hoạt động của Ban điều hành cấp cao, của từng phòng ban; thẩm định, phê duyệt; phân tích các chỉ số KPIs...

▪ **Thông tin và truyền đạt:** Ban điều hành Tập đoàn Bảo Việt duy trì một cơ chế trao đổi thông tin cởi mở, đảm bảo các thông tin cần thiết được truyền đạt một cách thông suốt, kịp thời và hiệu quả giữa các cấp, bộ phận và cá nhân có liên quan. Các thông tin do Tập đoàn Bảo Việt cung cấp ra bên ngoài cho khách hàng, đối tác, cổ đông, cơ quan quản lý nhà



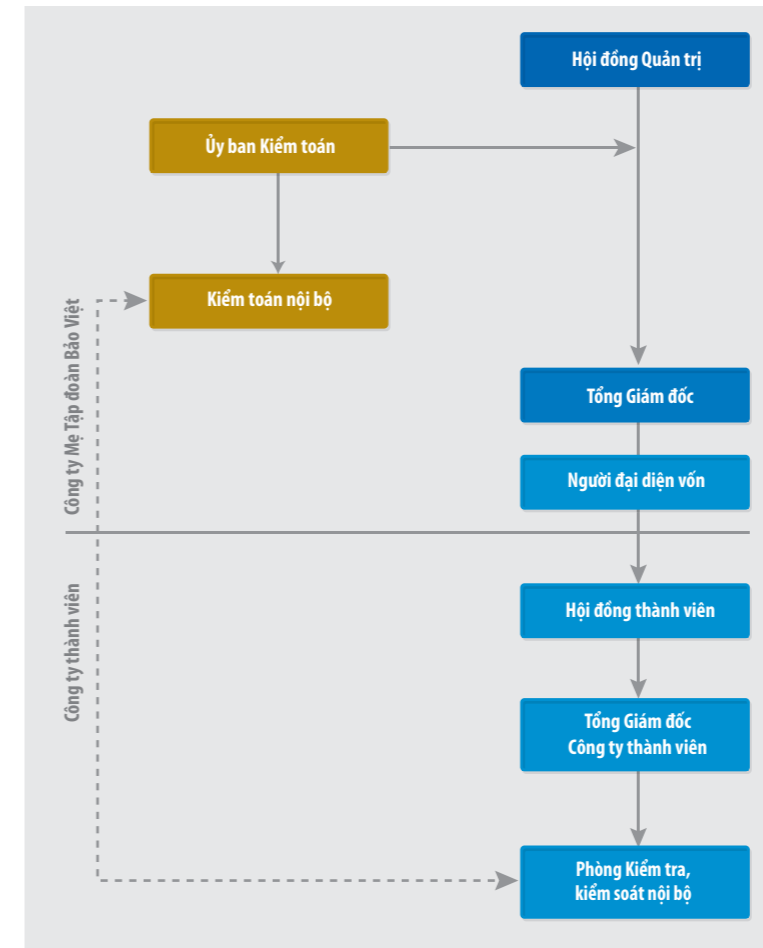
Ông Lê Văn Bình

Giám đốc Kiểm toán Nội bộ

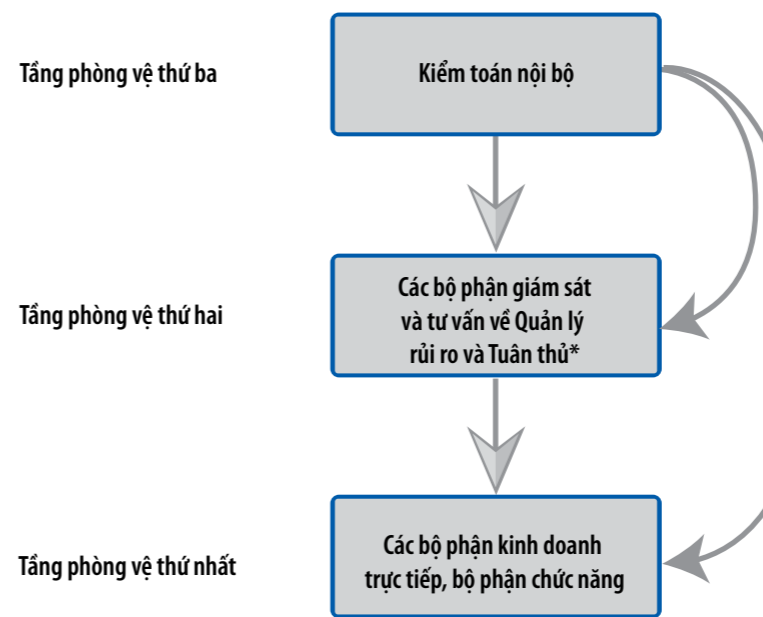
nước được Ban điều hành ủy quyền cho Giám đốc Tài chính - Người được ủy quyền Công bố thông tin và Giám đốc Hoạt động - Người phát ngôn của Tập đoàn Bảo Việt. Các thông tin bên ngoài có liên quan hoặc ảnh hưởng đến Tập đoàn Bảo Việt được thường xuyên theo dõi, tổng hợp, phân tích, đánh giá và xử lý tại Ban Truyền thông - Thương hiệu.

▪ **Giám sát:** Tại Tập đoàn Bảo Việt, cơ chế giám sát hoạt động kiểm soát nội bộ được xây dựng và vận hành xuyên suốt thông qua Ủy ban Kiểm toán. Ủy ban Kiểm toán cung cấp cho Hội đồng quản trị các đánh giá về tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Kiểm toán nội bộ Tập đoàn và của bộ phận Kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại các Tổng/ Công ty thành viên, từ đó có các giải pháp chung để hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ. Tất cả các bộ phận Kiểm toán, kiểm tra cho dù trực thuộc Hội đồng quản trị hay thuộc các Tổng/ Công ty thành viên đều nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía Hội đồng quản trị và Ban điều hành để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ của mình.

Cơ chế giám sát và phối hợp



Ba tầng phòng vệ của Hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tập đoàn Bảo Việt



Vị trí của Kiểm toán nội bộ trong hệ thống Kiểm soát nội bộ Tập đoàn Bảo Việt

Hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt được thiết kế gồm 03 tầng phòng vệ. Trong đó, Kiểm toán nội bộ (KTNB) được xem là tầng phòng vệ cuối cùng, có trách nhiệm kiểm tra, phát hiện những yếu điểm trong tầng phòng vệ thứ nhất và tầng phòng vệ thứ hai, qua đó đưa ra các giải pháp nhằm củng cố 02 tầng phòng vệ này.

Hoạt động Kiểm toán nội bộ

Chức năng và nhiệm vụ

Cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tập đoàn (bao gồm Công ty Mẹ và các công ty con được Tập đoàn đầu tư 100% vốn) cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn.

Những đánh giá này được tiến hành thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ cùng với các đề xuất mang tính thực tế nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt.

Phương pháp tiếp cận

Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro để tiến hành hoạt động kiểm toán nội bộ và phương pháp ORCA để đánh giá rủi ro (**ORCA: Objectives** - các mục tiêu kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên, **Risks** - các rủi ro đe dọa việc đạt được các mục tiêu kinh doanh, **Controls** - các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro trên, **Alignment** - tính thống nhất giữa các mục tiêu kinh doanh, rủi ro và biện pháp kiểm soát).

(*) Các bộ phận giám sát và tư vấn về Quản lý rủi ro và Tuân thủ gồm:

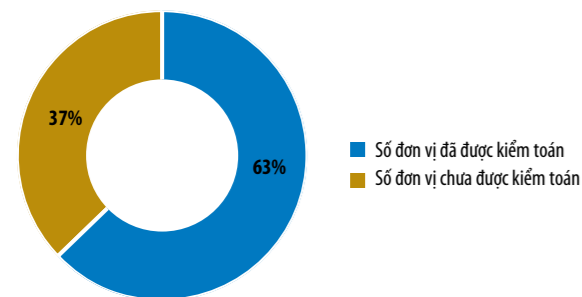
- Hội đồng QLRR, Ban QLRR, bộ phận Pháp chế Tập đoàn
- Hội đồng QLRR/Ủy ban QLRR, bộ phận QLRR, bộ phận Pháp chế, bộ phận Kiểm tra kiểm soát nội bộ Công ty con

Phương pháp tiếp cận

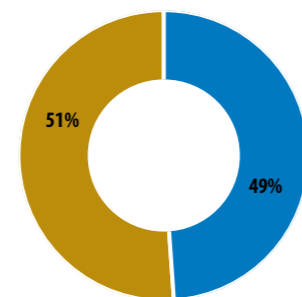


Tỷ lệ đơn vị đã được kiểm toán và chưa được kiểm toán

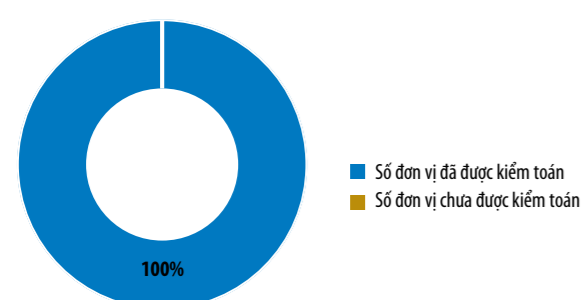
Lĩnh vực kiểm toán bảo hiểm phi nhân thọ



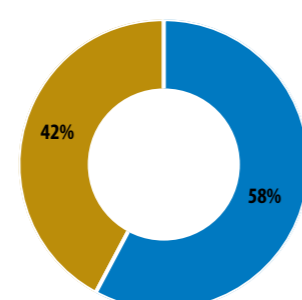
Lĩnh vực kiểm toán bảo hiểm nhân thọ



Lĩnh vực kiểm toán Đầu tư



Tổng hợp 3 lĩnh vực kiểm toán



Chuẩn mực hoạt động

Ngay từ đầu, Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã được thành lập theo đúng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về tổ chức hoạt động bộ phận Kiểm toán nội bộ.

Trong quá trình hoạt động, Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt luôn hướng tới việc tuân thủ các chuẩn mực (Standards) và hướng dẫn thực hiện chuẩn mực (Practice Advisories, Practice Guides, Position Papers) thuộc Khung hành nghề quốc tế (International Professional Practices Framework – IPPF) của Viện Kiểm toán viên nội bộ Hoa Kỳ (The Institute of Internal Auditors – IIA).

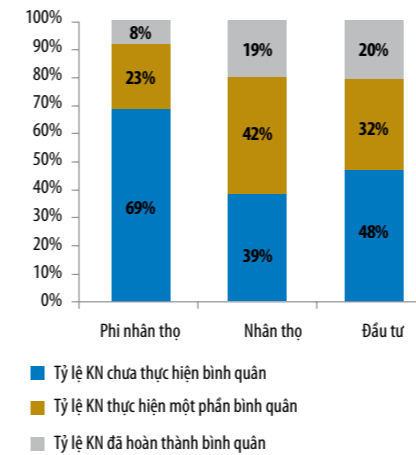
Kết quả hoạt động năm 2013

Đổi mới hoạt động kiểm toán:

Hoàn thành 36 cuộc kiểm toán, trong đó:

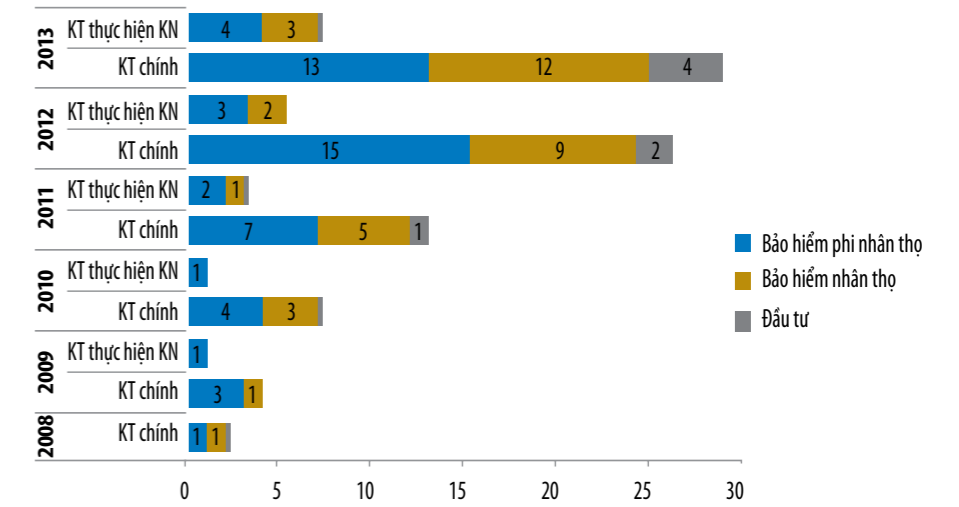
- 17 cuộc tại các công ty thành viên thuộc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- 15 cuộc tại các công ty thành viên thuộc Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ
- 01 cuộc tại Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt
- 03 cuộc tại Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt

Tỷ lệ hoàn thành khuyến nghị KTNB theo lĩnh vực kiểm toán*



(* Số liệu tại thời điểm 31/12/2013 đối với các đơn vị đã đến thời hạn đánh giá và đã được KTNB đánh giá.

Số lượng cuộc kiểm toán thực hiện qua các năm



Ghi chú: Kiểm toán (KT); Khuyến nghị (KN)

Kiểm toán chuyên đề

Năm 2013 là năm đầu tiên KTNB triển khai kiểm toán theo hướng chuyên đề, tập trung vào những vấn đề, rủi ro trọng yếu nhất trong kinh doanh và quản lý tại các đơn vị thành viên để từ đó đưa ra những khuyến nghị phù hợp, giúp các đơn vị xử lý triệt để vấn đề hoặc kiểm soát các rủi ro trọng yếu này một cách hiệu quả hơn.

Mở rộng phạm vi, đối tượng kiểm toán:

Năm 2013 là năm đầu tiên, công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ được thực hiện tại văn phòng trụ sở chính Công ty Mẹ (tại Khối Đầu tư, Khối Quản lý Tài chính, Khối Nguồn Nhân lực). Trên cơ sở báo cáo của KTNB, Tổng Giám đốc Tập đoàn đã chỉ đạo các Khối liên quan thực hiện triệt để các khuyến nghị của KTNB theo đúng thời hạn đã cam kết nhằm hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình của các Khối này, qua đó giúp các Khối quản lý và hỗ trợ hiệu quả hơn nữa hoạt động của các công ty thành viên trong Tập đoàn.

Nâng cao hiệu lực khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ

Hầu hết các khuyến nghị trọng yếu (mức độ ưu tiên Cao và Trung bình)

của KTNB đã được các đơn vị được kiểm toán hoàn thành trong khoảng thời gian quy định (theo chuẩn mực là 01 tháng đối với khuyến nghị Cao và 03 tháng đối với khuyến nghị Trung bình). Các khuyến nghị chưa được hoàn thành hoặc hoàn thành một phần chủ yếu là các khuyến nghị có mức độ ưu tiên Thấp (hoàn thành trong 06 tháng), không ảnh hưởng tới việc hoàn thành các mục tiêu kinh doanh và quản lý của đơn vị và đã được các đơn vị cam kết tập trung nguồn lực để thực hiện hành động khắc phục. Kết quả này đã góp phần hoàn thiện các hệ thống chính sách, quy chế, quy định, quy trình kinh doanh và quản lý của các đơn vị, giúp các đơn vị hoàn thành được các mục tiêu tăng trưởng trong khi vẫn đảm bảo kiểm soát tốt các rủi ro trọng yếu.

Hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

- Tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch các vị trí lãnh đạo chủ chốt cho các Ban Kiểm toán trực thuộc KTNB và cho KTNB.
- Đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ Kiểm toán viên, bao gồm các khóa đào tạo kỹ năng sử dụng các phần mềm hệ thống trọng yếu của Tập đoàn (phần mềm kế toán Sun Account, phần mềm quản

lý các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống, phần mềm quản lý các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết chung Talisman...) và khóa đào tạo chuyên sâu về kiểm toán hoạt động đầu tư do KPMG thực hiện.

Định hướng 2014

- Hoàn thành Kế hoạch kiểm toán thực địa năm 2014 đã được HĐQT phê duyệt.
- Hoàn thành giai đoạn chuẩn bị cho việc triển khai kiểm toán Trụ sở chính Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ về hoạt động quản lý và kinh doanh bảo hiểm trong năm 2015.
- Triển khai dự án mời một tổ chức kiểm toán nội bộ tiến hành đánh giá độc lập hiệu quả hoạt động của KTNB Tập đoàn Bảo Việt trong 05 năm qua theo đúng yêu cầu của chuẩn mực quốc tế (Viện Kiểm toán viên nội bộ Hoa Kỳ), qua đó đưa ra ý kiến tư vấn nhằm giúp KTNB nâng cao hơn nữa vai trò và hiệu quả hoạt động của mình, từ đó hỗ trợ đặc lực hơn nữa cho HĐQT Tập đoàn trong việc kiểm soát rủi ro, cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị doanh nghiệp xuyên suốt toàn hệ thống.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Thống kê khối lượng giao dịch và diễn biến của cổ phiếu BVH năm 2013

THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH

Tổng số phiên
250 phiên

Tổng khối lượng khớp lệnh
109.946.910 cổ phiếu

Tổng giá trị khớp lệnh
4.891.010.038.000 đồng

Khối lượng giao dịch bình quân/ngày
435.517 cổ phiếu

Khối lượng giao dịch cao nhất 52 tuần (17/01/2014)
2.071.220 cổ phiếu

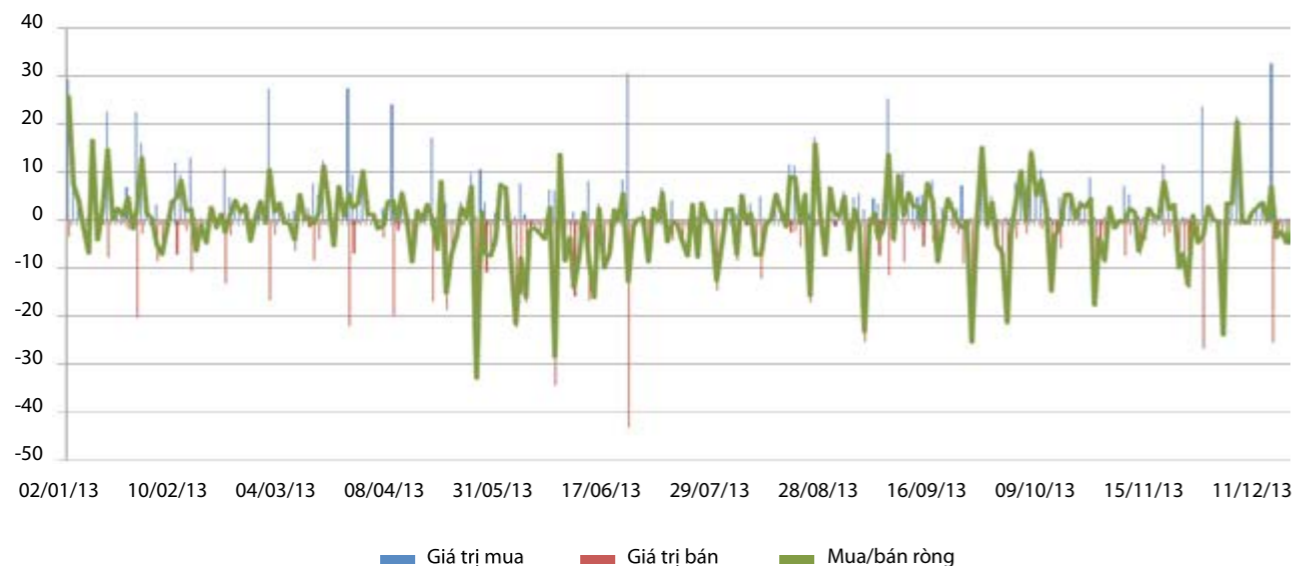
Khối lượng giao dịch thấp nhất 52 tuần (15/05/2013)
43.262 cổ phiếu

Năm 2013, cổ phiếu BVH có diễn biến tích cực hơn các cổ phiếu cùng ngành bảo hiểm và thị trường chung trong nửa đầu Quý I/2013 với mức tăng trưởng về giá đạt xấp xỉ 55%. Các thông tin kết quả kinh doanh năm 2012 với tốc độ tăng trưởng ổn định và vững chắc cả về doanh thu và lợi nhuận trong bối cảnh tình hình khó khăn của nền kinh tế là nhân tố hỗ trợ cho tốc độ tăng trưởng giá cổ phiếu trong những tháng đầu năm 2013.

Từ cuối Quý I đến hết Quý III/2013, giá cổ phiếu BVH tăng trưởng có phần chậm lại với các nhịp tăng giảm ngắn đan xen. Trong giai đoạn này, dòng tiền ưu tiên tìm đến những nhóm cổ phiếu thuộc các ngành sản xuất kinh doanh thuần túy như hàng tiêu dùng, vật liệu cơ bản và một số ngành hàng công nghiệp thay vì nhóm cổ phiếu ngành tài chính, ngân hàng, bất động sản nói chung.

Từ Quý IV/2013, mặc dù không tạo được những nhịp tăng điểm mạnh như trong sóng tăng đầu năm song BVH duy trì diễn biến tích lũy đi ngang (sideway) ổn định với mặt bằng thanh khoản được giữ ở mức khá tốt, đạt bình quân gần 500 nghìn đơn vị cổ phiếu khớp lệnh mỗi phiên. Sự hồi phục về lợi nhuận đem lại từ mảng hoạt động ngân hàng và những thành công trong nỗ lực tăng trưởng doanh thu khai thác mới của lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đi kèm với việc ra mắt một số sản phẩm mới mang thêm giá trị gia tăng cho khách hàng đã tạo sức hấp dẫn dòng tiền đầu tư cho BVH. Về trung hạn, với các chỉ tiêu kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt, BVH có cơ hội duy trì được vị trí dẫn đầu và bứt phá đi lên cùng tín hiệu khởi sắc của thị trường chung.

Thống kê giao dịch của Nhà đầu tư nước ngoài năm 2013



(Nguồn: BVSC, HSX)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Phân loại cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Danh mục	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Cơ cấu cổ đông		Tổng số cổ đông
				Tổ chức	Cá nhân	
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên)	605.018.891	88,91%	02	0	02
	Trong nước	482.509.800	70,91%	01	0	01
	Nước ngoài	122.509.091	18%	01	0	01
2	Cổ đông khác	75.452.543	11,09%	126	6.802	6.928
	Trong nước	31.162.521	4,58%	50	6.514	6.564
	Nước ngoài	44.290.022	6,51%	76	288	364
Tổng cộng		680.471.434	100%	128	6.802	6.930

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2013)

Phân loại cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (*)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông nội bộ	627.189.638	92,17%
1	Hội đồng Quản trị	627.185.502	92,17%
	- Nước ngoài	122.509.091	18,00%
	- Trong nước	504.675.217	74,17%
2	Ban Điều hành	8.206	0,000014%
3	Ban Kiểm soát	818	0,0000012%
4	Kế toán Trưởng	1.300	0,0000019%
II	Cổ đông khác	53.281.796	7,83%
1	Trong nước	10.177.536	1,5%
2	Nước ngoài	43.104.260	6,33%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2013)

(*) Bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu cho cổ đông lớn và số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân

Danh sách 20 cổ đông lớn nhất

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Bộ Tài Chính	482.509.800	70,91%
2	Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo	122.509.091	18,00%
3	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh Doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH	22.154.400	3,26%
4	Market Vectors ETF Trust - Market Vectors - Vietnam ETF	13.004.656	1,91%
5	Deutsche Bank AG London	4.401.630	0,65%
6	Smallcap World Fund Inc.	4.137.486	0,61%
7	New World Fund Inc	2.931.430	0,43%
8	J.P.Morgan Whitefriars Inc.	1.579.580	0,23%
9	KITMC Worldwide Vietnam RSP Balance Fund	1.409.270	0,21%
10	Lion Global Vietnam Fund	1.241.850	0,18%
11	Eaton Vance Structured Emerging Markets Fund	676.500	0,10%
12	CitiGroup Global Markets Ltd	616.529	0,09%
13	Aizawa Securities Co., Ltd	600.180	0,09%
14	Royal Bank of Scotland Plc	569.094	0,08%
15	Government of Singapore	532.650	0,08%
16	American Funds Insurance Series Global Small Capitalization Fund	462.777	0,07%
17	Tong Yang Vietnam Privatisation Trust Fund 1	450.005	0,07%
18	Vietnam Enterprise Ltd	437.230	0,06%
19	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	400.000	0,06%
20	KITMC Worldwide Vietnam Fund 2	393.520	0,06%
	TỔNG CỘNG	661.017.678	97,14%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2013)

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Tại Tập đoàn Bảo Việt, chúng tôi luôn xác định bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư là một trong những vấn đề cốt lõi trong quản trị doanh nghiệp, vì vậy nâng cao chất lượng quan hệ nhà đầu tư là một phần quan trọng trong định hướng chiến lược của Bảo Việt nhằm xây dựng một hệ thống quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư của chúng tôi hướng tới việc bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông, tuân thủ các quy định pháp luật, đảm bảo công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông.



Theo xu thế hiện nay, các nhà đầu tư thường xem xét chất lượng quản trị công ty là một tiêu chí quan trọng khi đưa ra các quyết định đầu tư. Khi các biện pháp quản trị công ty càng hiệu quả thì nhà đầu tư có thể tin tưởng rằng tài sản của công ty sẽ được sử dụng để mang lại lợi ích cho cổ đông, nhà đầu tư và các bên có lợi ích liên quan chứ không chỉ phục vụ cho lợi ích riêng của cổ đông nắm quyền chi phối hay ban lãnh đạo công ty.

Tại Tập đoàn Bảo Việt, chúng tôi luôn xác định bảo vệ quyền cổ đông là vấn đề cốt lõi trong quản trị công ty nhằm tạo ra một khuôn khổ quản trị hiệu quả và đảm bảo quyền cổ đông, năm 2013

Bảo Việt đã kiện toàn các quy trình nội bộ và đa dạng hóa các kênh truyền thông nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông thực hiện các quyền lợi cơ bản và quan trọng, bao gồm:

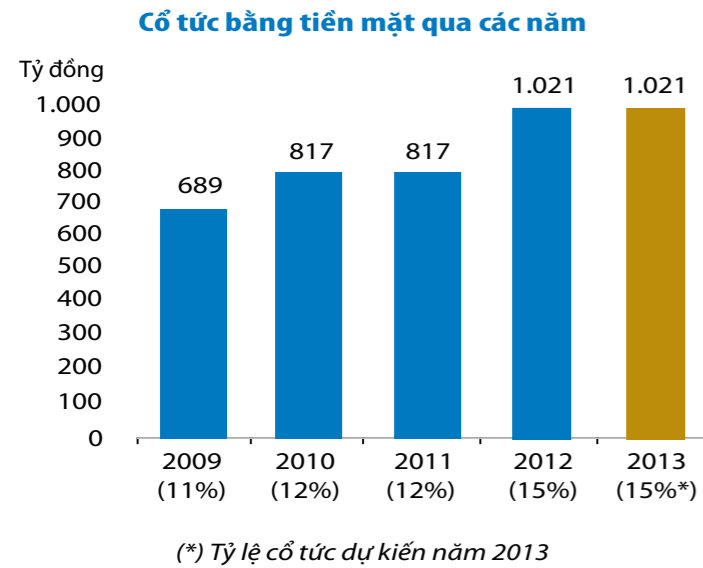
Đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền cơ bản của cổ đông

Thông qua việc chuẩn hóa quy trình về trình tự, thủ tục triệu tập họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, công bố quy chế quản trị nội bộ được kiện toàn trong năm 2013 ra thị trường, Tập đoàn Bảo Việt mong muốn:

▪ **Khuyến khích các cổ đông ý thức hơn về các quyền của mình** bao gồm quyền biểu quyết, quyền nhận cổ tức,

quyền được đề cử người vào HĐQT, BKS, quyền thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyền tiếp cận các thông tin về hoạt động của Bảo Việt.

▪ **Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên** thông qua việc bố trí thời gian và địa điểm trung tâm thuận tiện cho giao thông (Khách sạn Melia, Hà Nội); đăng thông báo thông báo mời họp trên 03 kỳ liên tiếp của một tờ báo có phạm vi phát hành toàn quốc và trên website, đồng thời công bố đầy đủ tài liệu họp theo quy định trên website và hướng dẫn cổ đông truy cập các tài liệu làm cơ sở thảo luận và biểu quyết thông qua tại Đại hội.



Bảo Việt tăng cường tiếp xúc và chia sẻ thông tin với nhà đầu tư tại Invest Asean 2014



Phân trình bày của Giám đốc Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt tại Hội nghị Việt Nam Access Day thu hút sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư.

Đảm bảo chi trả cổ tức đầy đủ, đúng hạn cho cổ đông thông qua chính sách cổ tức ổn định

Chúng tôi hiểu rằng một trong những quyền quan trọng nhất của cổ đông là quyền được nhận cổ tức. Sau 5 năm niêm yết, với chính sách cổ tức bằng tiền mặt ổn định từ 12%-15%, Bảo Việt mong muốn đảm bảo các khoản cổ tức định kỳ và đảm bảo thu nhập ổn định cho cổ đông. Năm 2013, bên cạnh việc chuẩn hóa quy trình chi trả cổ tức, Bảo Việt còn sử dụng công ty chứng khoán chuyên nghiệp (Công ty Chứng khoán Bảo Việt - BVSC) để tạo điều kiện cho các cổ đông chưa lưu ký nhận tiền mặt trực tiếp hoặc nhận qua chuyển khoản với thủ tục đơn giản. Đồng thời, Bộ phận Quan hệ cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt cũng phối hợp chặt chẽ với BVSC để rà soát và đẩy nhanh tiến độ chi trả cổ tức cho các cổ đông cá nhân, đặc biệt các cổ đông là đại lý, tư vấn viên, cán bộ nhân viên của Bảo Việt.

Đảm bảo việc đối xử bình đẳng với cổ đông

Việc thực thi các chính sách đảm bảo sự bình đẳng giữa cổ đông lớn và cổ đông thiểu số luôn được Bảo Việt chú trọng để đảm bảo các cổ đông được cung cấp thông tin như nhau, bao gồm các thông tin về thời gian và tỷ lệ chi trả cổ tức, thông tin về đợt phát hành, thông tin mời họp ĐHCĐ thường niên và bất thường, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện quyền biểu quyết (cổ đông ở nước ngoài có thể biểu quyết thông qua ủy quyền).

Bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số: Chuẩn bị tài liệu hướng dẫn cách bầu dồn phiếu với những nội dung rõ ràng, giải thích rõ quyền lợi của cổ đông và tác động của việc bầu dồn phiếu nếu được thực hiện không hiệu quả.

Tăng cường tiếp xúc với cổ đông lớn và nhà đầu tư tổ chức: tiếp đón gần 100 nhà đầu tư tổ chức, quý đầu tư lớn trụ sở Bảo Việt. Thực hiện các bài phỏng vấn trên các tạp chí chuyên

ngành lớn trong khu vực, tham gia diễn đàn và hệ thống hội thảo tại các thị trường quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Tăng cường minh bạch thông tin

Ngoài việc thực hiện đầy đủ công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật, Tập đoàn Bảo Việt chủ động tăng cường truyền thông thông qua việc đa dạng hóa các kênh thông tin tới nhà đầu tư:

- Chủ động truyền thông các thông tin tài chính và phi tài chính thông qua các bài viết truyền thông.
- Tổ chức câu truyền hình họp báo công bố kết quả kinh doanh tại hai đầu cầu Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phát hành thông cáo báo chí định kỳ tại các thời điểm công bố kết quả kinh doanh với các phân tích, thuyết minh về các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng doanh thu lợi nhuận.
- Ra mắt Bản tin Nhà đầu tư (IR Newsletter) nhằm cung cấp cái nhìn cận cảnh về hoạt động kinh doanh tại Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên và cập nhật kịp thời tới nhà đầu tư về

tình hình đầu tư và thực hiện các dự án lớn, các sản phẩm dịch vụ mới, các bước tiến trong hợp tác với cổ đông chiến lược để nhà đầu tư có thể nắm bắt kịp thời các thông tin liên quan đến hoạt động của Bảo Việt

▪ Chuyên mục Quan hệ cổ đông trên website được Bảo Việt đẩy mạnh nhằm xây dựng một kênh giao tiếp với đông đảo NGT, đặc biệt là NGT cá nhân. Đồng thời, bổ sung chuyên mục thông tin cổ phiếu BVH nhằm cung cấp cho nhà đầu tư cái nhìn toàn diện về cổ phiếu BVH.

Với tư cách là công ty niêm yết được góp mặt đầy đủ trong các kỳ sàng lọc VN30, Bảo Việt luôn ý thức được trách nhiệm cần thực hiện tốt minh bạch thông tin tới nhà đầu tư qua nhiều kênh: website, báo cáo thường niên, báo cáo tài chính theo hai chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực lập và trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), đối thoại trực tiếp với nhà đầu tư, họp báo công bố thông tin... Ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định, Bảo Việt còn chủ động công bố kịp thời các thông tin được đánh giá là trọng yếu, có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.

Trong Báo cáo khảo sát về tính minh bạch của khu vực doanh nghiệp nhà nước được Ngân hàng Thế giới (WB) công bố trong tháng 9/2013, Tập đoàn Bảo Việt được đánh giá là doanh nghiệp nhà nước duy nhất công bố đầy đủ các nội dung trong phạm vi khảo sát và được Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn là một trong 50 công ty tốt nhất thị trường chứng khoán. Đây là sự ghi nhận với những nỗ lực không nhỏ của Tập đoàn Bảo Việt trong minh bạch hóa thông tin.

Định hướng Hoạt động quan hệ nhà đầu tư 2014

Theo lộ trình đã đề ra trong Chiến lược quan hệ nhà đầu tư 5 năm (2011-2015), công tác Quan hệ Nhà đầu tư của Bảo Việt sẽ được hoàn thiện theo định hướng ngày càng chuyên nghiệp, năng động, chuẩn mực và minh bạch hơn.

Năm 2014, Bảo Việt sẽ tăng cường gặp gỡ, tìm hiểu nhu cầu của các nhà đầu tư, qua đó tìm kiếm các cơ hội hợp tác hiệu quả với nhà đầu tư tại Việt Nam và trên thế giới.



QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng hàng đầu, quyết định sự phát triển của mọi doanh nghiệp. Để nâng cao sức cạnh tranh, việc thu hút duy trì, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố then chốt để nâng cao sức cạnh tranh của Bảo Việt trên thị trường Tài chính – Bảo hiểm Việt Nam.

Qua gần 50 năm hoạt động, Bảo Việt đã xây dựng được đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu, cập nhật được các kiến thức mới, tiên tiến, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu trong hoạt động kinh doanh.

Kể từ khi tiến hành cổ phần hóa, được sự hỗ trợ của đối tác chiến lược nước ngoài, các hoạt động quản trị nguồn nhân lực của Bảo Việt đã được đổi mới và nâng cao một cách toàn diện.

Các chính sách quản trị nguồn nhân lực như lương thưởng và phúc lợi, đào tạo, quản lý nhân tài, quản lý hiệu quả làm việc... được xây dựng theo thông lệ và tiêu chuẩn tiên tiến, đảm bảo sự công bằng, minh bạch, đã thu hút, duy trì và phát triển được một đội ngũ cán bộ, nhân viên năng động, chuyên

nghiệp, luôn hướng đến sự thay đổi để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của một Tập đoàn hàng đầu hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính - bảo hiểm.

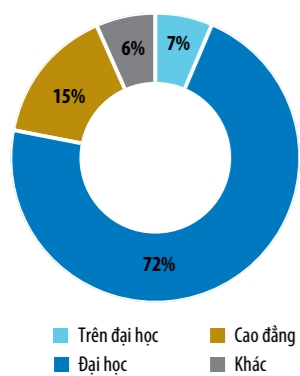
Cơ cấu lao động

Tổng số lao động của Bảo Việt tính đến ngày 31/12/2013 là 5.899 cán bộ, nhân viên và 37.329 đại lý, tư vấn viên bảo hiểm. Trong số 5.899 cán bộ nhân viên, số lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm tỷ trọng lớn và ngày một tăng lên (58,2% năm 2000; 62% năm 2006 và 79% năm 2013). Đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao, cơ cấu lao động hợp lý và ngày càng được trẻ hóa là một trong các nhân tố quan trọng để Bảo Việt đạt được những thành công quá trình phát triển của mình.

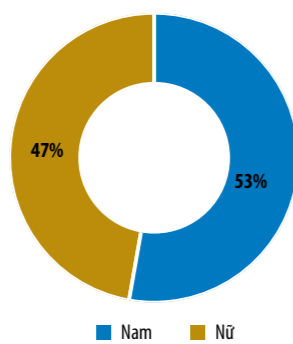


Biểu đồ cơ cấu lao động năm 2013

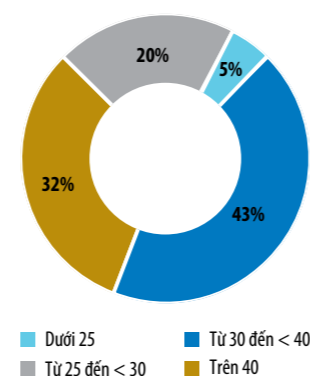
Cơ cấu theo trình độ đào tạo



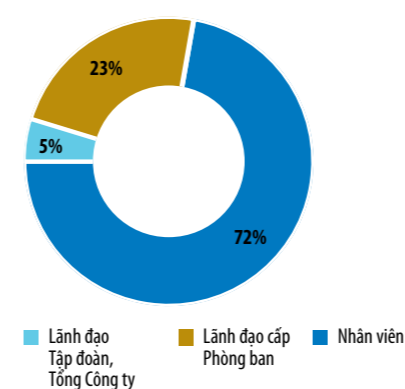
Cơ cấu theo giới tính



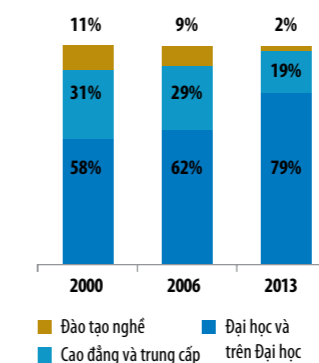
Cơ cấu theo độ tuổi



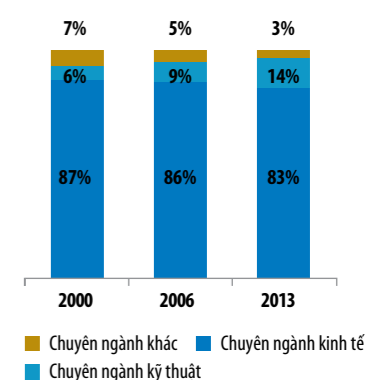
Cơ cấu theo cấp quản lý



Sự thay đổi cơ cấu lao động theo trình độ đào tạo qua các năm



Sự thay đổi cơ cấu lao động theo chuyên ngành đào tạo



Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, có thái độ, động cơ làm việc tích cực, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến, hoàn thành sứ mệnh và giá trị của Bảo Việt. Đặc biệt, tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi trong một số lĩnh vực then chốt; phát huy tính chủ động sáng tạo và nhiệt tình của người lao động tạo môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp và thân thiện.

Chính sách và giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Xác định con người là nhân tố quan trọng nhất tạo nên sự phát triển, Bảo Việt đã chú trọng xây dựng và phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách và giải pháp chủ yếu sau đây:

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Việc tuyển dụng tại Bảo Việt được thực hiện hàng năm dựa trên nhu cầu công việc. Tất cả các ứng viên đều có cơ hội ngang nhau khi tham gia vào hoạt động tuyển dụng, đảm bảo sự công bằng, khách quan. Công tác tuyển dụng được tiến hành qua thi tuyển để lựa chọn được những ứng viên phù hợp nhất đối với từng vị trí công việc.

Bảo Việt luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi nhân viên phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí và nhóm bậc công việc thông qua các khóa đào tạo theo bản đồ học tập chung và Bản đồ học tập chuyên môn nghiệp vụ.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Để nhân viên gắn bó lâu dài, tập trung phát triển sự nghiệp, luôn sáng tạo, nỗ

lực tạo ra và chia sẻ những giá trị mới, Bảo Việt xây dựng và liên tục hoàn thiện chính sách lương thưởng dựa trên các nền tảng cơ bản:

- Phân tích công việc, xây dựng bản mô tả công việc, tiến hành sắp xếp, đánh giá các công việc một cách logic dựa trên các yếu tố cấu thành gồm “kiến thức, giải quyết vấn đề, trách nhiệm” để xác định độ lớn tương đối của các công việc, từ đó xây dựng hệ thống bậc công việc với một số giao thoa giữa các bậc đảm bảo có sự phát triển, thăng tiến, tạo dựng một bộ khung về phát triển nghề nghiệp làm nền tảng để xây dựng và phát triển hệ thống lương thưởng có cấu trúc công bằng và cạnh tranh.
- Triển khai hệ thống quản lý hiệu quả làm việc bao gồm các quy trình tuần hoàn, liên tục có quan hệ chặt chẽ giữa cá nhân, người quản lý trong việc Xây dựng mục tiêu làm việc cho mỗi

năm hoạt động; tiến hành hai kỳ đánh giá giữa năm và cuối năm; sử dụng thang đánh giá hiệu quả làm việc 5 mức và áp dụng phương pháp hiệu chỉnh để đánh giá hiệu quả làm việc và hành vi của cá nhân, đảm bảo rõ ràng, hợp lý và công bằng. Kết quả đánh giá hiệu quả làm việc trong năm là thước đo giúp cá nhân và người quản lý xác định mức độ phù hợp của mục tiêu và các điều kiện và nguồn lực hỗ trợ cần thiết giúp cá nhân đạt mục tiêu, đồng thời là căn cứ để tiến hành điều chỉnh lương hàng năm, trả lương theo hiệu quả làm việc và khen thưởng từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho mỗi cá nhân.

- Xác định tính cạnh tranh về tổng thu nhập trên thị trường mục tiêu, so sánh mức lương trả thực tế trong cấu trúc lương của từng cá nhân, tương ứng với mỗi bậc công việc bao gồm

lương cơ bản, lương kinh doanh, lương tháng thứ 13 và lương trả theo hiệu quả làm việc để xây dựng hệ thống đãi lương. Hệ thống đãi lương được áp dụng mang tính động đối với từng thang cấp bậc, có mức tối thiểu và mức tối đa, cân đối về hai phía so với mức trung bình là điểm giữa của thị trường mục tiêu. Hệ thống đãi lương được điều chỉnh chính hàng năm dựa trên kết quả điều tra, khảo sát về lương thưởng trên thị trường lao động, phù hợp với chiến lược định vị tiền lương và chính sách đãi ngộ của Bảo Việt trên thị trường mục tiêu.

Ngoài lương, thưởng, phụ cấp, Bảo Việt còn thực hiện các chế độ phúc lợi như bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm sinh mạng, bảo hiểm cho người thân, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao,

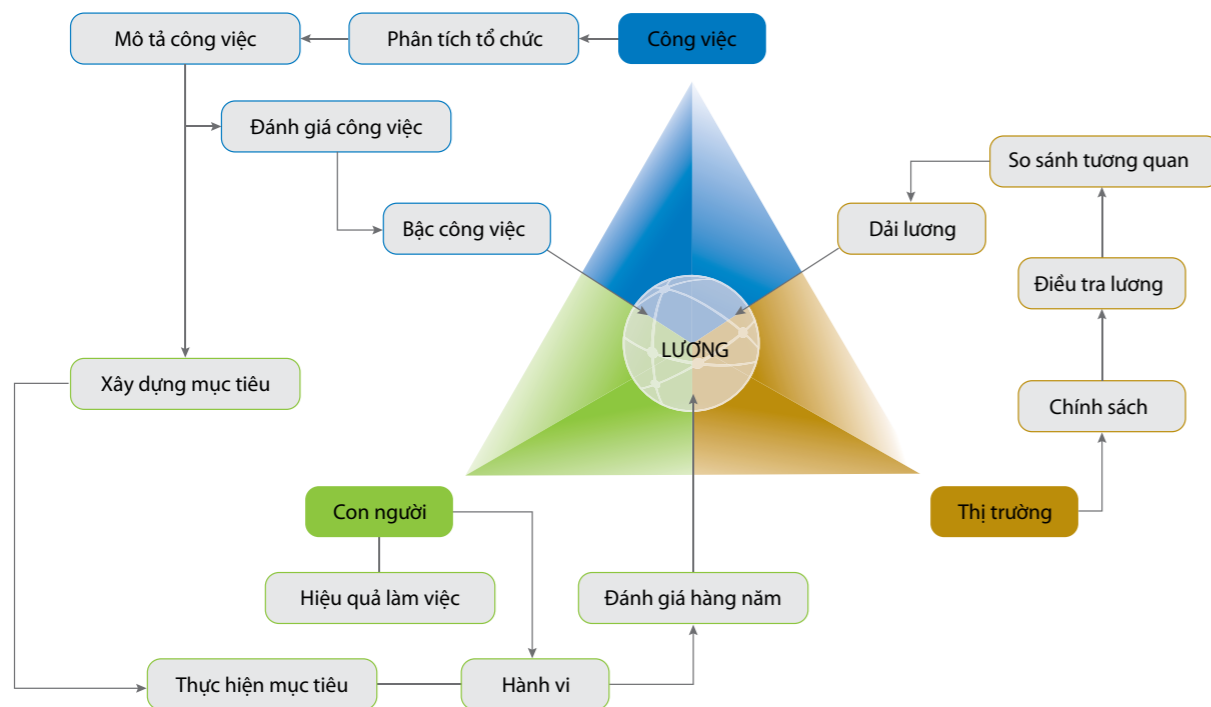
ngày hội doanh nghiệp... đáp ứng các nhu cầu đời sống tinh thần của người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống và sức khỏe, tạo sự hứng thú, say mê trong công việc, tạo sự gắn kết, đồng lòng và xây dựng tinh thần đoàn kết thân ái trong tổ chức.

Chính sách thăng tiến

Bảo Việt đã xây dựng các chính sách và tạo điều kiện về cơ hội, môi trường để nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực cá nhân trong một môi trường chuyên nghiệp, bình đẳng, thân thiện.

Bên cạnh đó, Bảo Việt rất quan tâm chú trọng công tác đánh giá, quy hoạch và bồi dưỡng cán bộ kế nhiệm các cấp, tạo nguồn cán bộ lâu dài, ổn định và chủ động bổ sung, tăng cường đội ngũ cán bộ lãnh đạo khi cần thiết.

MÔ HÌNH CÁC NỀN TẢNG CƠ BẢN HÌNH THÀNH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG CỦA BẢO VIỆT

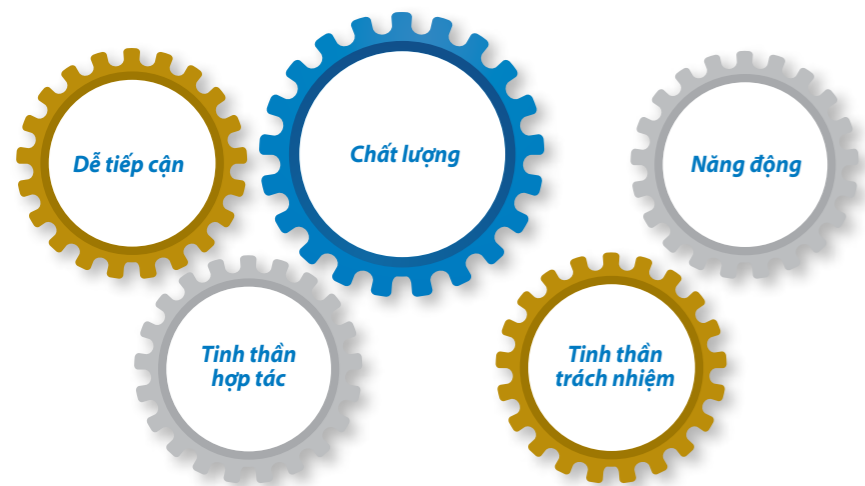


VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Văn hóa Bảo Việt được xây dựng dựa trên các giá trị cốt lõi của thương hiệu Bảo Việt, được đúc kết qua quá trình hình thành và phát triển trong suốt gần nửa thế kỷ qua, từ những trải nghiệm của lớp lớp thế hệ cán bộ Bảo Việt nhằm tạo lập và xây dựng niềm tin cho cộng đồng.

Giá trị cốt lõi

Hoạt động của Bảo Việt gắn liền với 5 giá trị cốt lõi hướng đến tăng trưởng bền vững.



Chất lượng và hiệu quả

Bảo Việt không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, cung cấp sản phẩm đa dạng mang lại nhiều sự lựa chọn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng nhằm phát huy giá trị văn hóa Bảo Việt, giữ vững niềm tin của khách hàng, cổ đông, đối tác và người lao động.

Bảo Việt cũng luôn đề cao hiệu quả công việc, khích lệ sự sáng tạo và luôn tạo điều kiện để cán bộ nhân viên nâng cao năng suất lao động, phát huy thế mạnh của cá nhân.

Chuyên nghiệp để thành công

Bảo Việt quan tâm chia sẻ và thấu hiểu nhu cầu đa dạng của khách hàng dựa trên sự thông hiểu thị trường, mạng lưới

phân phối rộng khắp toàn quốc. Sự gắn gũi, chuyên nghiệp, am tường nghiệp vụ của cán bộ nhân viên luôn mang lại cho khách hàng, đồng nghiệp sự tin tưởng.

Chính bởi sự gắn gũi trong giao tiếp, sự dễ dàng trong tiếp cận, thương hiệu Bảo Việt đã tạo dựng được uy tín, vị thế vững chắc trong tâm trí công chúng, để lại dấu ấn trong hàng triệu trái tim khách hàng bằng sản phẩm và dịch vụ của mình.

Hợp tác để phát triển

Một nét đáng quý trong truyền thống văn hóa của Bảo Việt là tinh thần đoàn kết. Tinh thần ấy là sợi dây gắn kết, thúc đẩy cán bộ Bảo Việt đồng lòng cống hiến cho Bảo Việt vì niềm tin vào sự



thành công. Thông qua các hoạt động như cuộc thi ảnh “Bảo Việt - Đẹp + ...”, cuộc thi Miss Bảo Việt, Gala Dinner Kết nối đồng nghiệp, chương trình “Bảo Việt trong tôi”; cũng như sự quan tâm trong dịp lễ tết, sinh nhật, hiếu hỉ, thăm hỏi khi bị tai nạn ốm đau,... đời sống tinh thần của cán bộ Bảo Việt thêm phong phú, người Bảo Việt có thêm cơ hội để gắn kết.

Tinh thần hợp tác còn thể hiện ở sự tôn trọng quyền lợi của khách hàng, thực hiện phương châm “Phục vụ khách hàng tốt nhất để phát triển” trong toàn hệ thống Bảo Việt.

Sáng tạo là sức sống

Bảo Việt luôn chủ động tìm hướng đi mới, đột phá và dẫn dắt thị trường bằng

các sản phẩm và dịch vụ ưu việt để phát triển một cách bền vững. Đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hoá và cạnh tranh gay gắt, Bảo Việt sẵn sàng đổi mới để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu ngày càng cao và liên tục thay đổi của thị trường.

Đội ngũ cán bộ Bảo Việt năng động, sáng tạo, sẵn sàng tiếp thu cái mới, vượt qua thử thách để chinh phục đỉnh cao. Sự nỗ lực của cán bộ, tư vấn viên được ghi nhận và tưởng thưởng thông qua các chương trình khen thưởng thường niên dành cho cán bộ, chương trình tôn vinh tư vấn viên thường niên “Sao Việt”, “Vùng Tàu chào đón Sao Bảo Việt”, đồng thời được lan tỏa trên hệ thống truyền thông nội bộ đa dạng của Tập đoàn.

Nâng cao giá trị sống

Là doanh nghiệp kinh doanh đa lĩnh vực dịch vụ tài chính, dựa trên ba trụ cột: bảo hiểm - đầu tư - dịch vụ tài chính, tinh thần trách nhiệm luôn được Bảo Việt đề cao. Chính trách nhiệm với công việc, trách nhiệm với khách hàng, cổ đông, đối tác và với cộng đồng xã hội đã góp phần tạo nên uy tín và sự tôn trọng dành cho thương hiệu Bảo Việt.

Bảo Việt luôn thể hiện tinh thần gánh vác, chia sẻ trách nhiệm với xã hội vì một tương lai bền vững. Không chỉ chú trọng xây dựng mối quan hệ gắn gũi và có trách nhiệm với cộng đồng tại địa phương, Bảo Việt còn kêu gọi sự tham gia của cán bộ nhân viên trong các hoạt

động thiện nguyện để cải thiện điều kiện sống cho cộng đồng. Những việc làm thiết thực như hiến máu cứu người, ủng hộ đồng bào bị bão lũ, thăm hỏi gia đình chính sách, tặng quà cho trẻ em vùng cao,... đã trở thành nét đẹp truyền thống của các cán bộ Bảo Việt.

Xây dựng và phát huy nét đẹp trong truyền thống văn hóa doanh nghiệp là vấn đề được Bảo Việt đặc biệt quan tâm và trở thành niềm tự hào của mỗi cán bộ, tư vấn viên. Bảo Việt chú trọng xây dựng một nền văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng, bởi nó không chỉ giúp điều hành doanh nghiệp một cách hiệu quả, mà còn tạo sự gắn kết và động lực phấn đấu cho mỗi cán bộ, đóng góp vào sự phát triển bền vững của Bảo Việt.

Niềm tin kiến tạo tương lai vững bền

TỔNG QUAN	150
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	158
SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN	166
TĂNG TRƯỞNG VỮNG CHẮC VỀ KINH TẾ	176
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG	182
HÀNH ĐỘNG VÌ MÔI TRƯỜNG	196

Tham khảo Báo cáo phát triển bền vững bản đầy đủ tại
Website: <http://www.baoviet.com.vn>



TỔNG QUAN

Thế giới của chúng ta đang thay đổi từng ngày. Mặt trái của nền kinh tế thị trường - mô hình kinh tế hiệu quả trong việc phân phối các nguồn lực kinh tế khan hiếm, là sự gia tăng các tác động môi trường, sự mất cân bằng xã hội, và những ảnh hưởng ngoại lai tác động tiêu cực lên hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những áp lực chưa từng xuất hiện trước đây liên quan đến môi trường và xã hội như vấn đề khan hiếm lương thực, nguồn nước sạch, an ninh năng lượng, khả năng khai thác tài nguyên thiên nhiên, biến đổi khí hậu, sự già hóa dân số trở thành mối quan tâm tất yếu của cộng đồng doanh nghiệp.

2°C



Khí hậu toàn cầu đang biến đổi với nhiệt độ trung bình tăng thêm 2°C

-50°C



Nhiệt độ xuống âm 50°C, nước Nga lạnh nhất trong 70 năm và nước Mỹ lạnh nhất trong 20 năm

1,75

Tỷ người



1,75 tỷ người hiện vẫn bị tước đoạt các quyền cơ bản như: nước sạch và vệ sinh, nguyên liệu sạch trong nấu ăn...

40%



40% đất nông nghiệp bị thoái hóa

11.000

Tỷ đồng



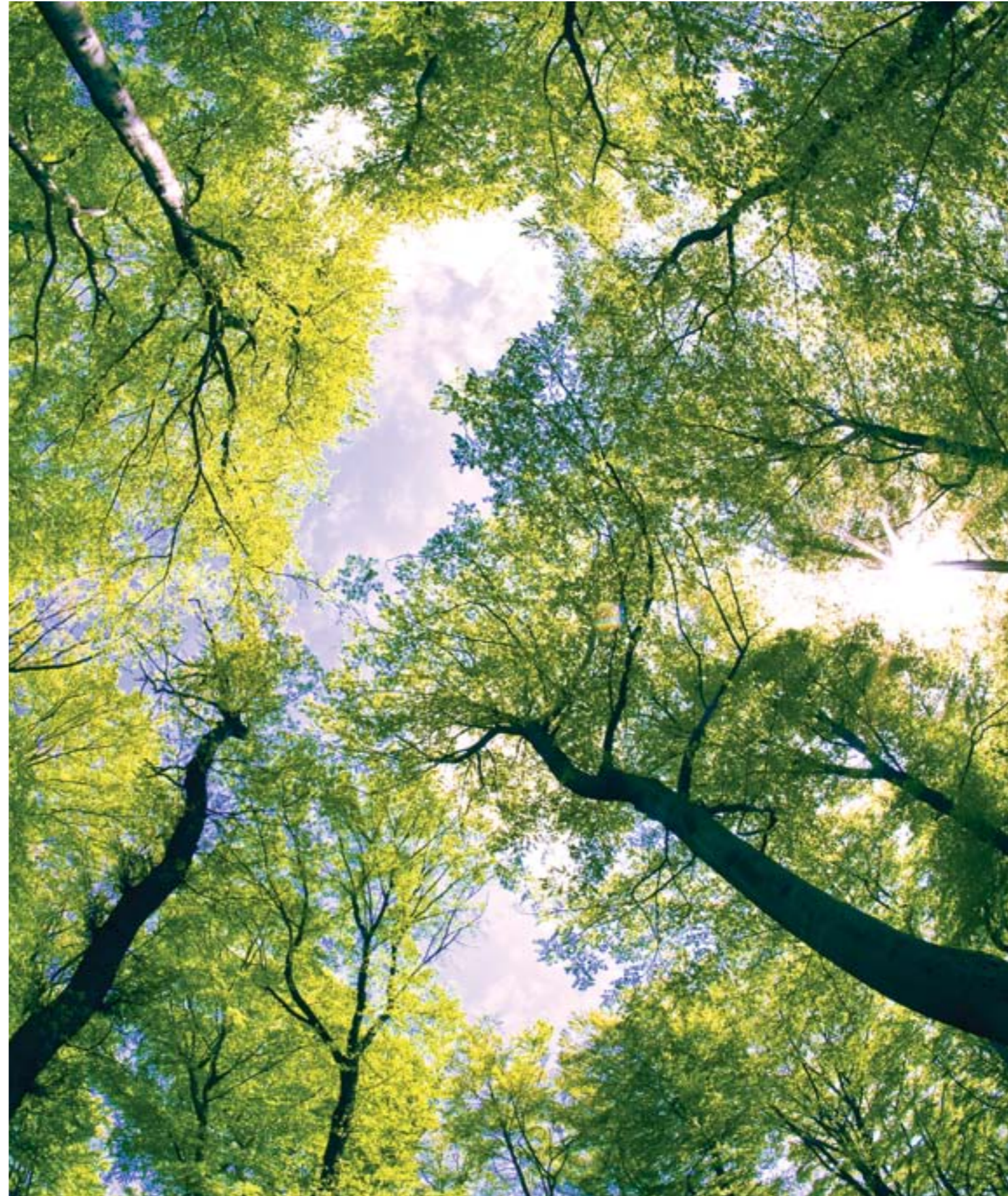
Siêu bão Wutip - cơn bão mạnh nhất trong 7 năm trở lại đây đã gây thiệt hại 11.000 tỷ đồng cho Việt Nam

Nguồn Bộ Tài nguyên và môi trường, 2013

Cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu từ năm 2008 với những mục tiêu tăng trưởng nhanh đã gây ra tác động tiêu cực lên không chỉ bản thân nền kinh tế mà còn tạo ra các hệ lụy về biến đổi khí hậu cũng như các vấn đề xã hội trong những năm gần đây. Việc này gây ảnh hưởng không nhỏ lên sự phát triển của thế giới trong tương lai. Phát triển bền vững trở thành mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia hiện nay trong đó có Việt Nam.

Năm 2012, Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng Xanh chính thức được phê duyệt thể hiện sự quyết tâm của Chính phủ Việt Nam trong việc đảm bảo tăng trưởng ổn định và bền vững trong dài hạn. Doanh nghiệp với vai trò là công cụ điều tiết của Nhà nước để ổn định nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai chiến lược này.

Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, Bảo Việt nhận thức rõ vai trò không chỉ là đầu tàu kinh tế mà còn doanh nghiệp tiên phong trong các vấn đề bảo vệ môi trường, bảo đảm sự bình an và phát triển cộng đồng. Là doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho hàng triệu người dân Việt Nam, Bảo Việt xác định doanh nghiệp chỉ có thể thực hiện chiến lược phát triển bền vững khi thực hiện kết hợp mục tiêu tăng trưởng, lợi nhuận kinh tế với thực hiện phát triển xã hội, bảo vệ môi trường.



BẢO VIỆT - ĐỐI DIỆN THÁCH THỨC, NẮM BẮT CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG

Năm 2013, chúng ta đã chứng kiến ngày càng rõ hơn những tác động của biến đổi khí hậu lên trái đất khi hàng loạt các vụ thiên tai, bão lũ mạnh chưa từng có trong hàng chục năm qua gây thiệt hại cho nền kinh tế và xã hội. Những thiệt hại về nông nghiệp, nhà cửa, xe cơ giới... làm tăng chi phí bồi thường bảo hiểm của Bảo Việt. Là doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu với uy tín lâu năm trên thị trường, chúng tôi chủ động tiếp cận và thực hiện công tác giám định bồi thường, đảm bảo quyền lợi cho khách hàng. Đồng thời, Bảo Việt cũng đầu tư xây dựng quy trình đánh giá các rủi ro thiên tai nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tăng trưởng ổn định.

Năm 2013 là năm thứ 6 kinh tế Việt Nam tăng trưởng dưới mức tiềm năng. Theo giới chuyên gia, năm 2013 cũng là bước tiếp nối của giai đoạn Việt Nam đối mặt với bất ổn kinh tế vĩ mô kéo dài nhất kể từ thập niên 1990. Điều này tác động lên hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và hành vi tiêu dùng của người dân. Các doanh nghiệp trở nên cẩn trọng hơn trong các hoạt động đầu tư, lãi suất huy động giảm không kích thích người tiêu dùng, lãi suất cho vay cao tạo rào cản đối với các doanh nghiệp muốn tiếp cận vốn từ tổ chức tín dụng. Là doanh nghiệp tài chính, Bảo Việt cũng chịu ảnh hưởng từ các tác động này. Tuy nhiên, với tiềm lực tài chính vững mạnh, cùng định hướng phát triển đúng đắn, Bảo Việt vẫn duy trì kết quả kinh doanh khả quan, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, khách hàng và người lao động.

Nước ta bước vào thời kỳ dân số vàng với 60% thuộc độ tuổi lao động, nhưng theo dự đoán, chỉ chưa đầy 30 năm nữa, Việt Nam sẽ bước sang thời kỳ dân số già. Điều này gây thách thức không nhỏ trong việc bảo đảm chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế cho người cao tuổi đồng thời đảm bảo an sinh từ quỹ bảo hiểm

xã hội. Tuy nhiên, Bảo Việt nhìn nhận đây là một cơ hội để phát huy thế mạnh, phát triển sản phẩm hưu trí, đảm bảo cho cuộc sống của người dân khi đến tuổi nghỉ hưu. Sản phẩm bảo hiểm “ An hưởng điển viên” được ra mắt năm 2013 là tiền đề để Bảo Việt đưa ra thị trường gói sản phẩm bảo hiểm hưu trí mới, ưu việt hơn.

Với 16,1 triệu người dùng Internet mỗi tháng, Việt Nam hiện đang là quốc gia có lượng người dùng Internet đông nhất tại khu vực Đông Nam Á, Việt Nam cũng là quốc gia có lượng tăng trưởng người dùng Internet nhanh thứ 2 tại khu vực. Năm bắt xu hướng này, Bảo Việt đã đầu tư cho các hoạt động marketing kỹ thuật số thông qua việc đẩy mạnh tính tương tác trên website, xây dựng kênh website bán hàng cho sản phẩm bảo hiểm nhằm tăng cường các điểm tiếp xúc với khách hàng cũng như đa dạng hóa sự lựa chọn của khách hàng trong quá trình giao dịch.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG, ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 2013, Bảo Việt đã tập trung vào các hoạt động thiết thực nhằm thúc đẩy hiệu quả kinh doanh và lồng ghép các yếu tố bền vững trong hầu hết các lĩnh vực hoạt động nhằm đảm bảo không chỉ bám sát kế hoạch kinh doanh mà đồng thời tiếp tục đẩy mạnh công tác an sinh xã hội và bảo vệ môi trường theo đúng định hướng phát triển bền vững do Ban Lãnh đạo Bảo Việt đã đề ra.

Hệ thống kiểm soát từ Tập đoàn tới các Công ty Con phát huy vai trò trong việc kiểm tra, giám sát các hoạt động thực thi định hướng chiến lược phát triển

bền vững từ Hội đồng Quản trị tại các đơn vị trong hệ thống. Trong năm 2013, Bảo Việt cũng đã đưa các đánh giá rủi ro môi trường liên quan đến thiên tai, động đất trong hoạt động quản lý rủi ro nhằm kiểm soát tốt hơn trong hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ.

Trong lĩnh vực đầu tư, Bảo Việt đã nghiên cứu triển khai các Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm của Liên Hợp quốc (Principles for Responsible Investment), thực hiện rà soát và đánh giá một số dự án đầu tư theo ESG (Environment, Social, Corporate Governance) nhằm nhận diện rủi ro cũng như đánh giá các giá trị và hiệu quả đầu tư trong trung và dài hạn của dự án.

Phát triển bền vững của Bảo Việt gắn kết chặt chẽ với các bên liên quan nhằm tối đa hóa lợi ích mang lại cho các bên:

- Gia tăng lợi ích cho **khách hàng** thông qua việc đa dạng hóa chất lượng sản phẩm dịch vụ và cải tiến chất lượng dịch vụ khách hàng;
- Gia tăng lợi ích của **nhà đầu tư** thông qua việc đầu tư cho hoạt động quan hệ cổ đông, cung cấp thông tin kịp thời, minh bạch cùng các phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua Bản tin nhà đầu tư IR-newsletter.
- Xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, bảo vệ quyền lợi **người lao động**, đối xử công bằng với người lao động, tạo cơ hội thăng tiến đồng đều cho cán bộ có năng lực, không phân biệt giới tính, khu vực, tôn giáo.
- Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng sống của **cộng đồng** thông qua các công trình an sinh xã hội và đầu tư cho

thể hệ trẻ: Tiếp nối truyền thống tốt đẹp về các hoạt động vì cộng đồng, Bảo Việt đã thực hiện nhiều chương trình ý nghĩa, thu hút sự tham gia của đông đảo cán bộ trong hệ thống.

- Thực hiện **lối sống xanh**: chuỗi hành động vì môi trường Baoviet GoGreen được đẩy mạnh thông qua các sáng kiến xanh vì môi trường;
- Tăng cường hoàn thiện mô hình **quản lý doanh nghiệp** hướng tới thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh, giảm chi phí vốn, tăng giá trị tài sản và nâng cao uy tín, vị thế của Bảo Việt nhằm đảm bảo phát triển bền vững.

ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀ ĐẦU TƯ CHO TƯƠNG LAI

Với gần nửa thế kỷ phát triển, Bảo Việt hiểu rằng doanh nghiệp không thể tồn tại khi chỉ hướng đến các mục tiêu ngắn hạn trước mắt mà quên đi những tác động lâu dài tới môi trường và cộng đồng xung quanh. Bảo Việt tin rằng nếu mỗi doanh nghiệp có ý thức hơn về vấn đề phát triển bền vững thì có thể tạo nên những thay đổi lớn cho toàn xã hội trong hiện tại và cả thế hệ tương lai và giữ vững được niềm tin với khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.

Tại Bảo Việt, vấn đề phát triển bền vững được thực hiện xuyên suốt toàn Tập đoàn, từ cấp độ Hội đồng Quản trị đến Ban điều hành; các đơn vị thành viên và phòng ban chức năng của Bảo Việt. Chúng tôi xác định phát triển bền vững là trách nhiệm không chỉ của Ban Lãnh đạo mà cần sự chung tay của tất cả thành viên trong hệ thống.

Định hướng phát triển bền vững năm 2014

(Chiến lược, mô hình phát triển bền vững được trình bày cụ thể trong phần Chiến lược phát triển bền vững, trang 43)

Tăng trưởng Kinh tế bền vững

Mục tiêu

Củng cố vị trí hàng đầu trong các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
Tập trung vào 3 trụ cột: bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính
Tăng cường bán chéo sản phẩm, hợp lực tập đoàn
Chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa và nâng cao hiệu quả, năng suất lao động
Minh bạch hóa thông tin hoạt động của doanh nghiệp

Trọng tâm 2014

Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ tài chính, phù hợp với nhu cầu người dân
Đẩy mạnh các hoạt động khai thác chéo giữa các đơn vị
Tăng cường tiềm lực tài chính của các lĩnh vực kinh doanh mũi nhọn, phát huy sức mạnh tổng lực của Tập đoàn
Bổ sung bộ tiêu chí đánh giá nhà cung cấp – gắn kết yếu tố xã hội môi trường
Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, tăng cường quản lý rủi ro hạn chế tổn thất
Hoàn thiện quy chế công bố thông tin; triển khai quy chế phòng chống tham nhũng trong hệ thống

Xây dựng Xã hội bền vững

Mục tiêu

Tiếp tục đóng góp cho sự phát triển của xã hội thông qua hoạt động kinh doanh
Xây dựng môi trường làm việc lý tưởng, gắn kết người lao động
Đầu tư cho giáo dục và xóa đói giảm nghèo.

Trọng tâm 2014

Triển khai các gói sản phẩm bảo hiểm vì một cộng đồng xanh và bền vững
Tăng cường tỷ lệ gắn kết của cán bộ nhân viên lên 70%
Thực hiện đào tạo về phát triển bền vững trong hệ thống
Đa dạng hóa các dự án đầu tư cộng đồng, tập trung cho thế hệ trẻ và người dân khó khăn

Bảo vệ Môi trường bền vững

Mục tiêu

Giảm thiểu tác động liên quan đến biến đổi khí hậu, sử dụng nguồn lực hiệu quả
Gắn kết hoạt động môi trường trong các quyết định đầu tư.

Trọng tâm 2014

Giảm phát khí thải nhà kính từ các tòa nhà văn phòng, điều hòa và tủ lạnh
Thực hiện dự án trồng cây xanh, giảm tác động của biến đổi khí hậu
Cùng khách hàng và cộng đồng thực hiện lối sống xanh, tiêu dùng xanh



Mô hình phát triển bền vững của Bảo Việt

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO

Khái niệm và quan điểm phát triển bền vững đã được hình thành tại Bảo Việt từ lâu. Tuy nhiên, đây là năm thứ hai Bảo Việt chính thức thực hiện và phát hành Báo cáo phát triển bền vững. Nội dung báo cáo thể hiện cách tiếp cận của Bảo Việt đối với các vấn đề về phát triển bền vững. Cùng với báo cáo thường niên, báo cáo này nhằm góp phần cung cấp thông tin về hoạt động của Bảo Việt tới nhà đầu tư, khách hàng và các đối tượng quan tâm khác một cách toàn diện và minh bạch hơn.

Báo cáo ghi lại những hoạt động quan trọng của Bảo Việt liên quan đến các vấn đề về bền vững trong năm 2013. Báo cáo này bao gồm các công bố thông tin theo tiêu chuẩn dựa trên Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững của GRI, phiên bản G4 dành cho ngành tài chính của Tổ chức sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Index).

Báo cáo phát triển bền vững 2013 truyền thông tới cổ đông và các bên liên quan của Bảo Việt.

Nội dung chính của Báo cáo bao gồm các phần sau:

1	Tổng quan	4	Tăng trưởng vững chắc về kinh tế
2	Quản trị doanh nghiệp để phát triển bền vững	5	Đầu tư phát triển cộng đồng
3	Sự tham gia của các bên liên quan	6	Hành động vì môi trường

Nội dung chi tiết về các hoạt động phát triển bền vững có thể xem thêm tại website Bảo Việt:

<http://baoviet.com.vn/phan-trien-ben-vung/ArticalDetail/155/>

PHẠM VI BÁO CÁO

Các số liệu tài chính trong phần nội dung thực hiện các mục tiêu về kinh tế được trích từ số liệu hợp nhất của Báo cáo tài chính của Bảo Việt. Các hoạt động xã hội, môi trường được tổng hợp các hoạt động chính được thực hiện tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2013 (1/1/2013 - 31/12/2013) của Bảo Việt, đồng thời cũng đề cập đến định hướng và mục tiêu của Bảo Việt trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững. Việc triển khai các hoạt động phát triển bền vững được kiểm soát theo hệ thống kiểm soát chung của Tập đoàn.

Cách thức xác định nội dung báo cáo

Cách tiếp cận các vấn đề phát triển bền vững của Bảo Việt xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của doanh nghiệp kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.

Nội dung phát triển bền vững được Bảo Việt chia sẻ tích cực và chủ động với các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề được các bên quan tâm. Những vấn đề này tiếp tục được chúng tôi đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại của công ty và mức độ ảnh hưởng lên môi trường, xã hội, từ đó xác định ra các vấn đề trọng yếu để thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện trong Báo cáo phát triển bền vững 2013.

Liên hệ

Báo cáo được thực hiện bởi Khối Hoạt động - Tập đoàn Bảo Việt

Mọi ý kiến đóng góp, vui lòng liên hệ với

TS. Hoàng Việt Hà - Giám đốc Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt

Phó Chủ tịch Hội đồng Doanh nghiệp Phát triển Bền vững Việt Nam

Điện thoại: +84-4-3928.9999 hoặc gửi về hòm thư: thongtin@baoviet.com.vn

Địa chỉ: Tập đoàn Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

CON SỐ VÀ SỰ KIỆN

"Bảo Việt tin rằng nếu mỗi doanh nghiệp có ý thức hơn về vấn đề phát triển bền vững thì có thể tạo nên những thay đổi lớn cho toàn xã hội trong hiện tại và tương lai. Với Bảo Việt, chúng tôi giữ vững niềm tin với khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng bằng việc hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững."

CON SỐ NỔI BẬT



100 tỷ đồng

Đầu tư cho hoạt động an sinh xã hội giai đoạn (2006-2013)



75.000

Hỗ trợ gần 75.000 em học sinh có hoàn cảnh khó khăn



208.000

Hộ nghèo được bảo hiểm nông nghiệp với tổng diện tích lúa tham gia bảo hiểm là 42.500 ha



3.000.000

Bảo hiểm cho 3 triệu xe máy, ô tô trên toàn quốc



1.000 lượt

Cán bộ Bảo Việt tham gia vào các chương trình đào tạo cộng đồng



234.000 giờ

Cán bộ Bảo Việt đóng góp 234.000 giờ cho các hoạt động cộng đồng



67.046 lượt

Cán bộ và tư vấn viên tham gia chương trình đào tạo trong năm 2013



75%

Người lao động tham gia khảo sát thể hiện sự hài lòng với công ty; 66% trong số đó mong muốn gắn kết với công ty lâu dài

Nguồn: Tập đoàn Bảo Việt, 2013

1 Bảo Việt tham gia Ban điều hành của Hội đồng Doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam



Ngày 20/1/2014, Bảo Việt trở thành Hội viên chính thức của Hội đồng doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) và Đại diện Tập đoàn Bảo Việt - Tiến sỹ Hoàng Việt Hà, Giám đốc Hoạt động đã được các thành viên của Hội bầu làm Phó Chủ tịch Hội.

Cùng với các thành viên trong VBCSD, Bảo Việt sẽ thực hiện bốn nhóm hoạt

động chính bao gồm: Hoạt động truyền thông và tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp về phát triển bền vững; Tham gia tập huấn về lồng ghép phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; Các hoạt động nghiên cứu triển khai và Hoạt động hợp tác quốc tế trong vấn đề phát triển bền vững.

2 Tham gia các Hội thảo trao đổi kinh nghiệm liên quan đến việc thực hiện phát triển bền vững tại doanh nghiệp



Ngày 25/6/2013, Tập đoàn Bảo Việt tham dự "Hội thảo Giới thiệu về Báo cáo bền vững" do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Mạng lưới Hiệp ước toàn cầu tại Việt Nam (GCNV) phối hợp với Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI) tổ chức. Hội thảo tập trung giới thiệu tổng quan về tính cần thiết của việc thực hiện báo cáo bền vững, xu hướng hiện tại của các quốc gia trên thế giới và trong khu vực, cũng như giới thiệu khuôn khổ Báo cáo bền vững của GRI - Đây là một trong những khuôn khổ báo cáo ra đời sớm nhất và được sử dụng phổ biến nhất hiện nay. Báo cáo

của Bảo Việt cũng thực hiện theo các tiêu chí của tổ chức này.

Tại Hội thảo với chủ đề "Phát huy vai trò của doanh nghiệp đối với phát triển bền vững" do VBCSD tổ chức vào ngày 21/2/2014, Bảo Việt đã có bài tham luận chia sẻ về thực tế triển khai Báo cáo bền vững trong năm đầu tiên với các doanh nghiệp thành viên. Tại Hội thảo, TS. Hoàng Việt Hà cũng nhấn mạnh thêm về sức mạnh của cộng đồng doanh nghiệp cũng như vai trò điều phối của chính phủ trong việc hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững.

3 TOP50 doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và phát triển cộng đồng năm 2013



Chương trình do Tạp chí Kinh tế và Dự báo - Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng các doanh nghiệp trong công tác thực hiện trách nhiệm an sinh xã hội. Đây là lần thứ hai Bảo Việt tham gia chương trình và cũng là lần thứ 2 Bảo Việt được vinh danh tại buổi Lễ.

Năm 2013, những nỗ lực của Bảo Việt trong việc đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo cũng như đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ đã được Ban giám khảo ghi nhận và đánh giá Bảo Việt thuộc TOP50 doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và phát triển cộng đồng.

4 Ngày hội Hiến máu tình nguyện "Bảo Việt - Vì những niềm tin của bạn"



Ngày 22/11/2013, hơn 300 cán bộ, nhân viên, đại lý Bảo Việt trên địa bàn Hà Nội đã tham gia Ngày hội Hiến máu tình nguyện "Bảo Việt - Vì những niềm tin của bạn" do Tập đoàn Bảo Việt phối hợp cùng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương tổ chức.

Trước đó, năm 2009, Bảo Việt là Tập đoàn kinh tế tiên phong tham gia chương trình "Những giọt máu hồng" do Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương phối hợp tổ chức. Trong suốt những năm qua, Tập đoàn Bảo Việt

luôn tích cực tham gia các chương trình hiến máu của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

Bên cạnh việc đóng góp máu cho quỹ máu dự trữ, Bảo Việt còn mời các bác sĩ, chuyên gia của Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương tới tuyên truyền và phổ biến về lợi ích và quyền lợi của việc tham gia hiến máu nhằm góp phần nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của cộng đồng đối với việc hiến máu.

5 Đồng hành cùng Terry Fox 2013 với thông điệp "Bảo Việt - Vì những niềm tin của bạn"



Hơn 300 cán bộ, nhân viên Bảo Việt cùng gia đình đã tham gia chương trình Terry Fox Run 2013 nhằm gây quỹ hỗ trợ trẻ em nghèo mắc bệnh tại Hà Nội.

Đồng hành cùng chương trình 7 năm liên tiếp, Bảo Việt mong muốn được tiếp tục chung sức với các doanh nghiệp cùng đóng góp vì một Việt Nam tươi đẹp hơn. Thông

điệp "Bảo Việt - Vì những niềm tin của bạn" trong chương trình là sự gửi gắm của cán bộ Bảo Việt tới những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nói riêng và cộng đồng nói chung về tinh thần lạc quan, giữ vững niềm tin vào tương lai tươi sáng, để mỗi chúng ta đều khỏe mạnh và có cuộc sống tốt đẹp hơn.

6 Tổ chức lễ phát động chương trình "Baoviet GoGreen - Hành trình xanh"



Ngày 5/6/2013, nhân dịp kỷ niệm 41 năm Ngày môi trường thế giới, Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức Lễ phát động chương trình "Baoviet GoGreen - Hành trình xanh" nhằm nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường.

Trong khuôn khổ chương trình, Tập đoàn Bảo Việt cũng đã trao giải cuộc thi vẽ tranh về môi trường với chủ đề "Vi một hành tinh xanh" dành cho con em cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống. Cuộc thi nhằm nâng cao nhận thức của thế hệ trẻ về vấn đề bảo vệ môi trường và khám phá những ý tưởng sáng tạo, khơi gợi tình yêu thương gắn bó với

thiên nhiên, cộng đồng của thế hệ mầm non tương lai của đất nước.

Các bức vẽ thể hiện cách nhìn của các bé về thế giới, là mong muốn của các em về một thế giới hòa bình và tươi đẹp.

Thông qua cuộc thi, Tập đoàn Bảo Việt muốn gửi gắm thông điệp "Mỗi chúng ta cùng đóng góp một bàn tay, chung sức vì một môi trường không còn ô nhiễm, khói bụi. Hãy cùng chung tay để biến giấc mơ của con em chúng ta thành hiện thực."

Chi tiết các hoạt động Xã hội - Môi trường của Bảo Việt xem tại phần Đầu tư phát triển cộng đồng, trang 182

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản trị doanh nghiệp - yếu tố quan trọng
đảm bảo phát triển bền vững

Quản trị doanh nghiệp là yếu tố cốt lõi để đảm bảo thực hiện phát triển bền vững trong dài hạn, góp phần xây dựng và củng cố niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư và cổ đông dành cho doanh nghiệp.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ ĐẢM BẢO TÍNH BỀN VỮNG

Bảo Việt thực hiện cổ phần hóa thành công và bắt đầu hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ tháng 10/2007 theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con. Sau hơn 6 năm cổ phần hóa, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã đổi mới toàn diện, đặc biệt là xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến áp dụng theo thông lệ quốc tế.

Mô hình Quản trị công ty Bền vững của Bảo Việt được thực hiện dựa trên các sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố sau:

- Nền tảng cơ cấu quản trị công ty vững chắc
- Chuẩn mực quản trị quốc tế
- Phù hợp thông lệ và Pháp luật Việt Nam
- Áp dụng thống nhất trên toàn Tập đoàn

Thông qua việc xây dựng một Cơ cấu quản trị vững mạnh trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị công ty, bao gồm ĐHCĐ, Ban Kiểm soát, HĐQT (và các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc), Ban Điều hành và các Khối chức năng, đồng thời ban hành hệ thống các quy chế nội bộ xác định rõ các chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và mối quan hệ giữa Công ty Mẹ và các Công ty con, Tập đoàn Bảo Việt muốn khẳng định quyết tâm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Chi tiết xem thêm phần Quản trị doanh nghiệp hướng đến phát triển bền vững, trang 100



CƠ CẤU QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

Tại Bảo Việt, việc triển khai chiến lược phát triển bền vững được thực hiện xuyên suốt toàn Tập đoàn, từ cấp độ Hội đồng Quản trị đến Ban điều hành; các đơn vị thành viên và phòng ban chức năng của Bảo Việt. Chúng tôi xác định phát triển bền vững là trách nhiệm không chỉ của Ban Lãnh đạo mà cần sự chung tay của tất cả thành viên trong hệ thống.

Mô phỏng Khung quản lý phát triển bền vững



Vấn đề phát triển bền vững được thực hiện trong toàn Tập đoàn, từ cấp độ Hội đồng Quản trị đến Ban Điều hành; các đơn vị thành viên và phòng ban chức năng của Bảo Việt.

Cấp độ	Trách nhiệm chính	Bộ phận chịu trách nhiệm
Cấp Hội đồng Quản trị và Các Hội đồng/Ủy ban trực thuộc		
Hội đồng Quản trị	Ban hành chiến lược phát triển kết hợp định hướng phát triển bền vững triển khai trên toàn Tập đoàn	Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm chỉ đạo, xây dựng và triển khai các vấn đề phát triển bền vững.
Ủy ban Chiến lược và Đầu tư	Chỉ đạo việc xây dựng chiến lược phát triển của Tập đoàn Bảo Việt bao gồm chiến lược phát triển bền vững	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Chiến lược và Đầu tư của Bảo Việt chịu trách nhiệm về việc thẩm định, chỉ đạo chiến lược triển khai.
Kiểm soát nội bộ	Đánh giá độc lập, khách quan hệ thống kiểm soát, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho Hội đồng quản trị	Kiểm toán nội bộ của Tập đoàn (Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm phi nhân thọ, Đầu tư)

Cấp độ	Trách nhiệm chính	Bộ phận chịu trách nhiệm
Hội đồng Quản lý rủi ro	Hội đồng Quản lý rủi ro (RMC) định kỳ rà soát các rủi ro trên phạm vi toàn Tập đoàn và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp. Thông qua việc rà soát và trao đổi tại cuộc họp Hội đồng quản lý rủi ro, các loại rủi ro được nhận dạng, phân tích, đánh giá và kiểm soát một cách có hệ thống theo quy trình chuẩn.	Các thành viên Hội đồng
Tổng Giám đốc & Ban điều hành		
Tổng Giám đốc và Ban điều hành	Chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai vấn đề phát triển bền vững trong hoạt động thực tế của doanh nghiệp thông qua xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng Khối/Ban chức năng và đơn vị thành viên; Giám sát kết quả thực hiện mục tiêu bền vững của các đơn vị thành viên, đảm bảo đạt cân bằng tương đối giữa 3 yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường.	Tổng Giám đốc, Giám đốc Quản lý Hoạt động chịu trách nhiệm về việc triển khai phát triển bền vững theo đúng chiến lược phát triển bền vững. Triển khai các sáng kiến phát triển bền vững theo đúng định hướng và phù hợp với đặc điểm của từng đơn vị.
Các Khối Chức năng của Công ty Mẹ		
Các Khối/Ban Công ty Mẹ	Triển khai vấn đề phát triển bền vững tại Công ty Mẹ và Giám sát kết quả thực hiện mục tiêu bền vững của các đơn vị thành viên, đảm bảo đạt cân bằng tương đối giữa 3 yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường.	Ban Truyền thông - Thương hiệu thuộc Khối Hoạt động kết hợp với các Khối/Ban của Công ty Mẹ chịu trách nhiệm về việc triển khai và hiện thực hóa các ý tưởng phát triển bền vững theo đúng định hướng của Ban Điều hành.
Khối Chiến lược và Quản lý rủi ro	Hoạt động quản lý rủi ro được thực hiện thống nhất từ Tập đoàn Bảo Việt đến các Công ty con để phòng ngừa những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, góp phần duy trì hoạt động kinh doanh của Bảo Việt theo phương châm ổn định, an toàn, hiệu quả	Khối Chiến lược và Quản lý rủi ro chịu trách nhiệm quản lý các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững.
Các đơn vị thành viên		
Đại diện vốn của Tập đoàn Bảo Việt; Lãnh đạo đơn vị thành viên	Triển khai vấn đề phát triển bền vững trong hoạt động thực tế của đơn vị; xây dựng mục tiêu, triển khai, giám sát kết quả thực hiện của đơn vị và báo cáo đề xuất với Công ty Mẹ	Tổng Giám đốc chỉ đạo các bộ phận Chiến lược, Kế hoạch, Phát triển sản phẩm và Marketing của đơn vị và các Phòng/Bộ phận chức năng liên quan chịu trách nhiệm về việc triển khai và hiện thực hóa các ý tưởng phát triển bền vững theo đúng định hướng của Bảo Việt và phù hợp với điều kiện kinh doanh của đơn vị.
Phòng/Ban/Chi nhánh công ty thành viên	Triển khai theo các hoạt động hướng đến phát triển bền vững theo kế hoạch và chỉ tiêu từ đầu năm	Các bộ phận/đầu mối chịu trách nhiệm về phát triển bền vững tại các Chi nhánh/Công ty thành viên của các đơn vị thuộc hệ thống Bảo Việt

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN TRONG VẤN ĐỀ QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Vai trò và trách nhiệm của HĐQT

Hoạch định mục tiêu chiến lược và định hướng phát triển bền vững

Năm 2012, Bảo Việt công bố định hướng phát triển bền vững trong chiến lược phát triển của Bảo Việt với sự cam kết của Lãnh đạo cấp cao về việc đảm bảo thực hiện 3 mục tiêu kinh tế - xã hội và môi trường. Định hướng chiến lược này được hiện thực hóa thông qua việc xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng Khối/Ban chức năng và đơn vị thành viên. Các mục tiêu này được lượng hóa theo chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs), trong đó bao gồm các chỉ tiêu tài chính (kinh tế) và phi tài chính (môi trường và xã hội).

Năm 2013, Bảo Việt triển khai định hướng phát triển bền vững từ Lãnh đạo cấp cao đến các Khối/Ban thực hiện đánh giá các chỉ tiêu này và báo cáo định kỳ lên Hội đồng Quản trị. Có thể nói, hoạt động kinh doanh của Bảo Việt gắn kết ngày một chặt chẽ hơn với các vấn đề xã hội và môi trường.

Đánh giá năng lực và cách thức triển khai liên quan đến vấn đề phát triển bền vững

Hiện thực hóa chiến lược thông qua các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả

Các định hướng chiến lược và kế hoạch hành động liên quan đến vấn đề kinh tế - xã hội - môi trường được đưa ra tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức hàng năm. Tiếp đó, HĐQT tiếp tục triển khai các Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, đưa xuống Ban điều hành để cụ thể hóa thành các hành động thông qua hoạt động tại Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên. Các Giám đốc Khối chức năng cùng Lãnh đạo Khối/Ban có trách nhiệm cụ thể hóa mục tiêu thành các chỉ số hiệu quả của Khối/Ban và tiếp tục triển khai xuống các đơn vị thành viên. Tại mỗi đơn vị, định hướng chiến lược, kế hoạch hành động, mục tiêu phát triển của đơn vị được phổ biến,



thống nhất tới cán bộ nhân viên thông qua các cuộc Họp triển khai nhiệm vụ kinh doanh, Họp Hội nghị người lao động, các khóa đào tạo, phổ biến tới toàn thể cán bộ.

Theo dõi, nắm bắt và chỉ đạo các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững

HĐQT nắm bắt tình hình triển khai định kỳ theo các Quý cùng những báo cáo trực tiếp từ Ban điều hành, cụ thể:

- **Báo cáo tại các cuộc họp HĐQT định kỳ:** Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt duy trì việc họp định kỳ mỗi quý một lần nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tại các cuộc họp này, Tổng Giám đốc, các Ủy ban trực thuộc HĐQT và các cán bộ quản lý báo cáo về các vấn đề trọng tâm liên quan đến Kinh tế - Xã hội - Môi trường ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. HĐQT sẽ xem xét và có những đánh giá, định hướng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm: đánh giá tình hình kinh tế xã hội để có những sự thay đổi

chiến lược kinh doanh hợp lý; chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên; triển khai thực hiện các chương trình an sinh xã hội. Tổng Giám đốc sẽ triển khai thực hiện theo Nghị quyết của HĐQT được ban hành sau các cuộc họp.

- **Báo cáo trực tiếp với HĐQT khi phát sinh thông qua họp hoặc xin ý kiến bằng văn bản:** Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý có thể gửi báo cáo trực tiếp lên HĐQT về các vấn đề liên quan đến kinh tế - xã hội - môi trường. HĐQT tổ chức lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo giải quyết các vấn đề có liên quan và ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo để Tổng Giám đốc và các bộ phận chức năng có liên quan thực hiện. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị dựa trên sự nhất trí, đồng lòng của các thành viên Hội đồng quản trị vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

- **Thực hiện rà soát các ảnh hưởng, rủi ro và cơ hội liên quan đến Kinh tế - Xã hội - Môi trường:** Trong các văn bản chỉ đạo tại các cuộc họp, HĐQT yêu cầu tập trung công tác dự báo, thường xuyên theo dõi sát sao diễn biến thực tiễn về tình hình kinh tế, xã hội và hoạt động kinh doanh, để chủ động điều chỉnh linh hoạt và kịp thời đưa ra các định hướng, quyết sách, giải pháp cho phù hợp, hiệu quả, đảm bảo chỉ đạo triển khai thẳng lợi kế hoạch kinh doanh năm và chiến lược kinh doanh.

- **Giám sát việc tổ chức triển khai** các quyết định, nghị quyết và chính sách của Công ty do Hội đồng Quản trị ban hành liên quan đến phát triển bền vững và các vấn đề môi trường, xã hội.

Chỉ đạo thực hiện báo cáo bền vững

HĐQT giám sát việc triển khai chiến lược của Bảo Việt, trong đó bao gồm chiến lược phát triển bền vững. Tương tự, HĐQT có trách nhiệm phê duyệt chủ trương thực hiện và phê chuẩn các báo cáo tài chính đã được kiểm toán và gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định trước khi trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua lần cuối. Hội đồng Quản trị giao Ban điều hành và Bộ phận chịu trách nhiệm về phát triển bền vững chuẩn bị, xây dựng nội dung phù hợp với chuẩn mực quốc tế về phát triển bền vững và phù hợp với pháp luật, thông lệ và điều kiện Việt Nam.

Vai trò và trách nhiệm của các Hội đồng/Ủy ban thuộc HĐQT

Vai trò của Ủy ban Chiến lược và Đầu tư

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do HĐQT quyết định thành lập. Chức năng chính của Ủy ban là tư vấn và tham mưu cho HĐQT Tập đoàn trong việc hoạch định chiến lược kinh doanh và bao gồm định hướng phát triển bền vững, chiến lược đầu tư, và nghiên cứu, thẩm định, đánh giá các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Ngoài ra, Ủy ban cũng tư vấn cho HĐQT về công tác đầu tư, sử dụng nguồn vốn của Bảo Việt để đảm bảo định hướng phát triển bền vững và theo xu hướng quốc tế về đầu tư có trách nhiệm. Đồng thời, tư vấn cho HĐQT về việc xây dựng quy chế quản lý đầu tư và thực hiện đánh giá kết quả hoạt động theo danh mục và chính sách đầu tư.

Năm 2013, Ủy ban đã tham gia tích cực trong việc rà soát Chiến lược phát triển của toàn Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt giai đoạn 2011 - 2015, xây dựng Đề án Tái cơ cấu của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm, đưa ra các ý kiến thẩm định, tư vấn trong các lĩnh vực đầu tư và các khoản đầu tư chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên để đảm bảo hiệu quả đầu tư và định hướng phát triển bền vững.

Vai trò của Hội đồng Quản lý rủi ro

Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt có trách nhiệm xây dựng và triển khai khung pháp lý quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt, phối hợp và giám sát hoạt động quản lý rủi ro tại các Công ty con nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế.

Năm 2013, Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con tổ chức họp định kỳ hàng quý để rà soát các loại rủi ro và đề xuất những biện pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp. Thông qua việc rà soát và trao đổi tại cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro, các loại rủi ro được nhận dạng, phân tích, đánh giá và kiểm soát một cách có hệ thống theo quy trình chuẩn. Ngoài ra, có sự trao đổi thông tin chặt chẽ trong hoạt động kiểm soát rủi ro giữa các Ủy ban/Hội đồng với các Khối, Ban chức năng tại Tập đoàn Bảo Việt cũng như giữa Tập đoàn Bảo Việt với các Công ty con.

Hội đồng Quản lý Rủi ro Tập đoàn Bảo Việt và đơn vị thành viên đã thực hiện tốt nhiệm vụ giúp việc Ban điều hành tổ chức công tác quản lý rủi ro trên tất cả các lĩnh vực hoạt động góp phần vào sự tăng trưởng bền vững của Tập đoàn Bảo Việt.

Vai trò và trách nhiệm của Ban điều hành

Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện quyền và trách nhiệm của Chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con và doanh nghiệp có vốn góp của Công ty, chịu trách nhiệm triển khai vấn đề phát triển bền vững trong hoạt động thực tế của doanh nghiệp thông qua xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng Khối/Ban chức năng và đơn vị thành viên;

- Chỉ đạo và giám sát kết quả thực hiện mục tiêu phát triển của các đơn vị thành viên, đảm bảo sự cân bằng tương đối giữa 3 yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường.

- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT trong việc tổ chức đôn đốc, chỉ đạo Người đại diện vốn triển khai thực hiện các mục tiêu chiến lược và định hướng phát triển của Công ty và cân đối với các mục tiêu bền vững kinh tế - môi trường - xã hội, kế hoạch kinh doanh của Công ty tại Công ty Mẹ, Công ty con và các Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty nhằm bảo toàn, phát triển vốn, nâng cao hiệu quả kinh doanh, phối hợp sử dụng hiệu quả các nguồn lực của các đơn vị thành viên Bảo Việt.

- Thực hiện báo cáo các ảnh hưởng, rủi ro và cơ hội liên quan đến kinh tế - xã hội - môi trường theo định kỳ mỗi quý 1 lần để HĐQT xem xét quyết định các thay đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoặc sẽ có báo cáo đột xuất trong những trường hợp xét thấy tình hình kinh tế - xã hội - môi trường có ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động của doanh nghiệp.

Giám đốc Quản lý Hoạt động

- Giám đốc Quản lý Hoạt động chịu trách nhiệm về việc triển khai Kế hoạch phát triển bền vững theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm về việc đôn đốc, giám sát thực hiện các vấn đề về phát triển bền vững.

- Đưa ra và triển khai các sáng kiến, biện pháp nhằm đảm bảo phát triển bền vững theo đúng định hướng và phù hợp với đặc điểm của từng đơn vị theo chiến lược, định hướng phát triển của doanh nghiệp
- Triển khai vấn đề phát triển bền vững tại Công ty Mẹ và giám sát kết quả thực hiện mục tiêu bền vững của các đơn vị thành viên, đảm bảo sự cân bằng tương đối giữa 3 yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường.
- Đưa ra các ý tưởng và sáng kiến bền vững trên cơ sở phối hợp với các Khối/Ban của Tập đoàn và các đơn vị thành viên triển khai và hiện thực hóa các ý tưởng phát triển bền vững theo đúng định hướng của Ban Điều hành.

Phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển bền vững

- Giám đốc Quản lý Hoạt động chủ trì việc phối hợp xây dựng chiến lược phát triển bền vững là một bộ phận trong chiến lược phát triển doanh nghiệp, trên cơ sở cân bằng các yếu tố kinh tế - môi trường - xã hội. Đồng thời, kiểm soát rủi ro và phân tích, hỗ trợ nhận diện các rủi ro liên quan đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.
- Các Giám đốc Khối và các Ban chức năng phối hợp trong việc triển khai và thúc đẩy phát triển bền vững trong toàn Tập đoàn.
- Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt phối hợp

nhằm nâng cao nhận thức và các hoạt động kinh doanh hướng tới phát triển bền vững, đảm bảo lợi ích của đơn vị và lợi ích chung của toàn Tập đoàn.

- Tập đoàn quy định chính sách, định hướng phối hợp các lĩnh vực hoạt động trong phạm vi toàn tập đoàn nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực, thế mạnh, nâng cao tính chuyên nghiệp và chuyên môn hóa của các đơn vị thành viên.
- Người đại diện vốn trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm triển khai các chính sách, định hướng phối hợp các hoạt động giữa các đơn vị thành viên nhằm phát huy hiệu quả hoạt động chung.

Lượng hóa các chỉ tiêu phi tài chính

Phạm vi đánh giá	Các chỉ tiêu	Cách thức đo lường
Khách hàng	Tiếp tục cải tiến chất lượng phục vụ khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống dữ liệu ghi lại phản hồi của khách hàng tại Trung tâm dịch vụ khách hàng • Dự án khảo sát thị trường thực hiện bởi Công ty nghiên cứu thị trường • Hệ thống phản hồi từ cán bộ và đội ngũ bán hàng
Nhà đầu tư	Tăng cường nhận thức về chi phí bỏ ra và lợi ích nhận được từ việc đầu tư phát triển bền vững, đem lại lợi ích lâu dài cho cổ đông	<ul style="list-style-type: none"> • Kết quả tăng trưởng kinh doanh qua các năm • Tỷ lệ chi trả cổ tức • Thực hiện đánh giá khi Bảo Việt đầu tư cho các hoạt động cộng đồng
Người lao động	<p>Truyền thông nội bộ về định hướng phát triển bền vững của Bảo Việt</p> <p>Duy trì cam kết của Bảo Việt trong việc tạo môi trường lao động thân thiện, quan tâm đến sức khỏe và an toàn của người lao động</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Các phản hồi của cán bộ trong quá trình triển khai mục tiêu Kinh tế - Xã hội - Môi trường • Các sáng kiến của cán bộ liên quan đến hoạt động xã hội - môi trường • Tỷ lệ cán bộ thôi việc giảm dần qua các năm • Đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ trong hệ thống
Cộng đồng	Tạo ra các ảnh hưởng tích cực và có thể đo lường được tại địa bàn Bảo Việt hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng ma trận đánh giá các dự án tài trợ, so sánh giữa điểm đánh giá ban đầu của dự án và điểm đánh giá sau khi kết thúc dự án • Tỷ lệ chi phí đầu tư cho hoạt động cộng đồng/ Lợi nhuận trước thuế
Nhà cung cấp	Tối đa hóa tác động tích cực lên xã hội, giảm thiểu các tác động môi trường trong chuỗi cung ứng cho Bảo Việt	<ul style="list-style-type: none"> • Tỷ lệ các nhà thầu áp dụng các chỉ tiêu đánh giá tác động ESG của Bảo Việt • Mức độ áp dụng của các nhà thầu trong các dự án cung cấp dịch vụ khác

Tăng cường tính tương tác trong nội bộ

Căn cứ trên các ý kiến phản hồi của cán bộ về việc chia sẻ thông tin hoạt động giữa các đơn vị trong hệ thống Bảo Việt, chúng tôi đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin thông qua xây dựng cổng thông tin Intranet với tên gọi Baoviet People, đây là hệ thống mạng truyền thông nội bộ với mục đích chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin trong toàn hệ thống, trong đó bao gồm các

chủ trương, nghị quyết, kế hoạch hành động chung của toàn Tập đoàn.

Theo kế hoạch năm 2014, mạng Intranet trở thành diễn đàn trao đổi thông tin của các cán bộ liên quan đến các vấn đề của doanh nghiệp. Đặc biệt, chúng tôi sẽ phân tách các mảng Kinh tế - Xã hội - đã được phê duyệt từ HĐQT. Như vậy, kênh Intranet Baoviet People sẽ trở thành diễn đàn mở để các bộ chia sẻ về thực tế triển khai cũng

như những đóng góp sáng kiến liên quan tới các mảng hoạt động này, đặc biệt là đối với xã hội và môi trường.

Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng khai thác triệt để các kênh truyền thông nội bộ nhằm đảm bảo cán bộ có thể hiểu rõ hơn về định hướng phát triển của doanh nghiệp, từ đó xây dựng mục tiêu của cá nhân và Khối/Ban rõ ràng hơn trong việc thực thi định hướng phát triển bền vững:

Các kênh tương tác	Chức năng	Thực hiện
Trên các ấn phẩm nội bộ của Bảo Việt		
Tạp chí	Tạp chí Tài chính - Bảo hiểm phát hành theo Quý, bao gồm các bài nghiên cứu của Lãnh đạo, cán bộ Bảo Việt, các cộng tác viên bên ngoài trao đổi chuyên sâu về hoạt động của ngành.	<ul style="list-style-type: none"> • Loạt bài viết giới thiệu nội dung Báo cáo bền vững • Bài nghiên cứu về Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - Bài viết các bài trao đổi đánh giá sản phẩm, chất lượng dịch vụ của Bảo Việt
Bản tin	Bản tin Bảo Việt phát hành theo tháng, bao gồm các tin tức hoạt động chính trong tháng của Bảo Việt	<ul style="list-style-type: none"> • Các bài viết truyền thông liên quan đến phát triển bền vững của Bảo Việt (các bài phỏng vấn Lãnh đạo, các Hội thảo bền vững Bảo Việt tham gia...) • Đố vui có thưởng liên quan đến nội dung phát triển bền vững
E-news	Cập nhật liên tục các hoạt động của Bảo Việt diễn ra hàng ngày	<ul style="list-style-type: none"> • Các tin tức còn bao gồm những phỏng vấn trên truyền hình mà Lãnh đạo Bảo Việt tham gia; • Chia sẻ thông tin các hoạt động của đối thủ cạnh tranh, bao gồm các hoạt động xã hội, môi trường
Trên kênh điện tử		
Website	Chuyên mục "Phát triển bền vững"	<ul style="list-style-type: none"> • Thông điệp của Chủ tịch về định hướng phát triển bền vững • Báo cáo bền vững bản điện tử • Hoạt động của Bảo Việt
Intranet	Kho chia sẻ dữ liệu trong nội bộ Bảo Việt	<ul style="list-style-type: none"> • Diễn đàn trao đổi, đóng góp sáng kiến của cán bộ Bảo Việt liên quan tới các hoạt động của Bảo Việt.
Tham gia Hội thảo		
Hội thảo bên ngoài	Tham gia các Hội thảo liên quan đến phát triển bền vững để tăng cường nhận thức cho các cán bộ phụ trách	Cử các cán bộ chuyên trách về Phát triển bền vững tại Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên tham gia các khóa Hội thảo, đào tạo trong năm. Năm 2013, Bảo Việt đã cử cán bộ tham gia 6 Hội thảo lớn nhỏ với các nội dung liên quan
Hội thảo chuyên sâu	Mời chuyên gia đến trao đổi về các nội dung liên quan; Thực hiện các báo cáo chuyên đề về phát triển bền vững	Hội thảo nội bộ về Phát triển bền vững và thực hiện báo cáo bền vững trong hệ thống Tập đoàn Bảo Việt; Hội thảo về quản trị doanh nghiệp cho công ty Đại chúng

Chính sách thù lao và khen thưởng

Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn hàng năm quyết định thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát căn cứ vào mức độ hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trong năm.

Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2012: Thù lao của HĐQT năm 2013 bằng 0,15% và Thù lao của Ban Kiểm soát bằng 0,04% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Ngoài chế độ thù lao, các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát còn nhận được tiền thưởng được lấy trích từ nguồn lợi nhuận

sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn trong trường hợp Tập đoàn hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đã đặt ra.

Chi tiết xem thêm tại phần Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích khác, trang 119.

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Phát triển bền vững cần sự chung tay của mọi người

Các bên liên quan được xem là các đối tác quan trọng. Phản hồi từ các đối tác này là nguồn thông tin quý giá để chúng tôi tiếp tục phát triển và củng cố hoạt động của doanh nghiệp.

XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

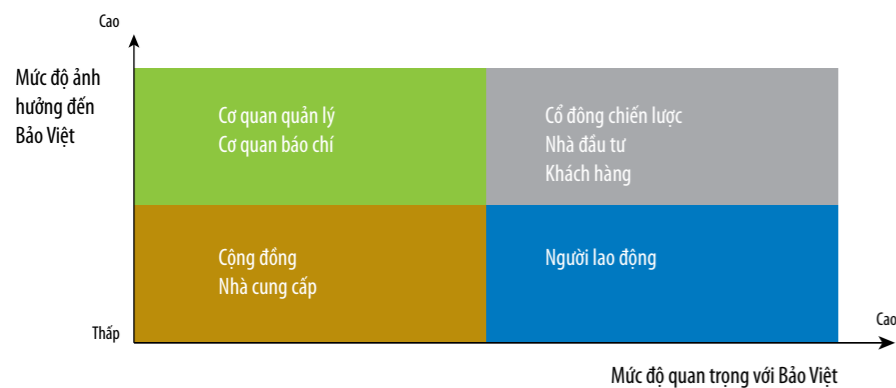
Trong năm 2013, Bảo Việt đã tăng cường và chủ động xây dựng các mối quan hệ sâu và bền vững với khách hàng, cổ đông nhà đầu tư, cán bộ nhân viên... Vấn đề phát triển bền vững cũng được chúng tôi lồng ghép trong quá trình trao đổi tiếp xúc với các bên nhằm tăng cường nhận thức về vấn đề này cũng như để lắng nghe ý kiến của các bên đối với hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến kinh tế - xã hội - môi trường.

Bảo Việt xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của họ đối với Bảo Việt theo “mô hình đánh giá mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Bảo Việt” dưới đây. Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và để cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp.

Thông qua các chương trình khảo sát và ghi nhận ý kiến từ các bên liên quan giúp Bảo Việt hiểu được mối quan tâm và kì vọng của họ. Với mỗi nhóm đối tượng, Bảo Việt sử dụng cách thức tiếp cận thông tin khác nhau.

Chúng tôi cũng đầu tư xây dựng chuyên mục “Phát triển bền vững” trên website Bảo Việt nhằm cập nhật những thông tin mới nhất liên quan đến các hoạt động bền vững của Bảo Việt đến các bên quan tâm.

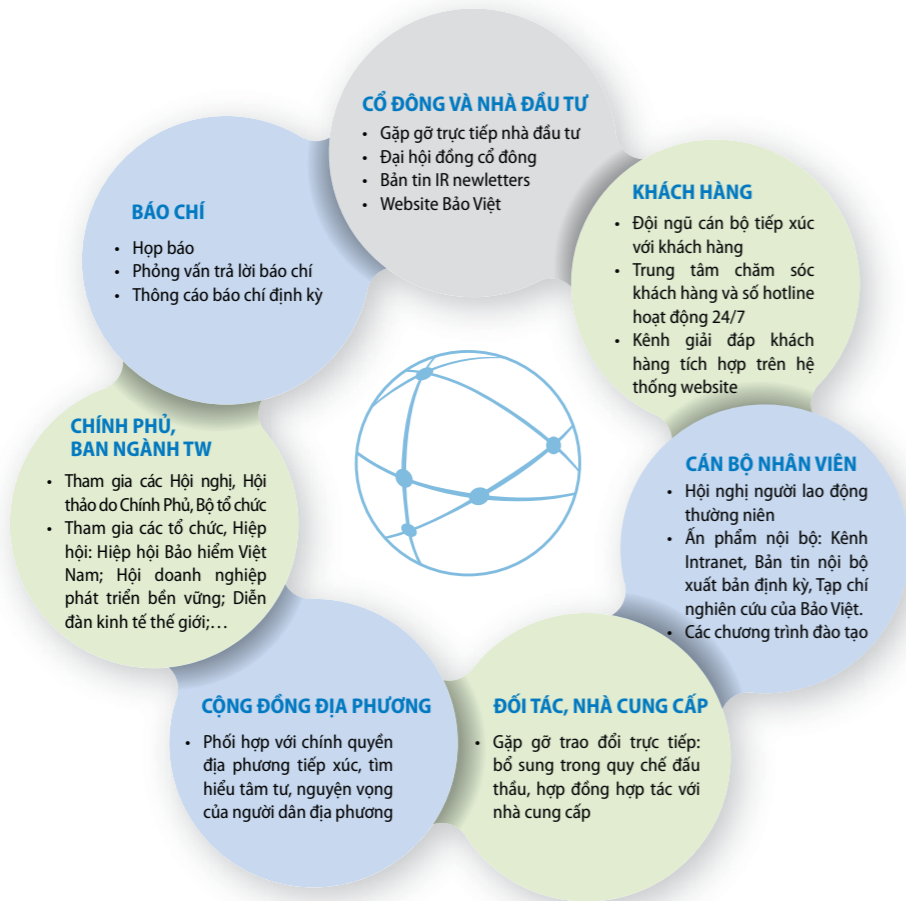
Mô hình đánh giá mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Bảo Việt



Tại mỗi “Ô”, chúng tôi xây dựng các cách thức tương tác khác nhau, đảm bảo đáp ứng được mối quan tâm cũng như cân bằng lợi ích giữa các bên.



Hoạt động gắn kết của Bảo Việt với các bên liên quan được thể hiện tóm tắt như hình dưới đây:



SỰ THAM GIA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT

Các bên liên quan được xem là các đối tác quan trọng, phản hồi từ các đối tác này là nguồn thông tin quý giá để chúng tôi tiếp tục phát triển và củng cố hoạt động của doanh nghiệp. Qua những lần trao đổi, tiếp xúc, chúng tôi đã rút ra được các vấn đề được các bên quan tâm và tính trọng yếu của các vấn đề này đối với hoạt động của Bảo Việt. Đây cũng là cơ sở để chúng tôi xây dựng nội dung của báo cáo bền vững 2013.

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề, chúng tôi thực hiện đầu tư, phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.



Các vấn đề trọng yếu trong năm 2013 được thể hiện theo mô hình trên

CỔ ĐÔNG - NHÀ ĐẦU TƯ

Bảo Việt không ngừng tăng trưởng và tiếp tục phát triển các lĩnh vực kinh doanh nhằm đem lại lợi suất đầu tư lâu dài và ổn định cho cổ đông

“Qua buổi tiếp xúc, tôi cảm nhận được Bảo Việt đang chuyển mình. Điều này thể hiện rõ nét nhất qua đội ngũ những người trẻ, tài năng và có tâm huyết với hoạt động hiện tại và tương lai của Bảo Việt”

Ông Phạm Anh Vũ - Giám đốc Quản lý danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư Korea Investment Management tại Việt Nam



Đại diện lãnh đạo Bảo Việt trao đổi tại Diễn đàn M&A 2013

Tầm quan trọng

Cổ đông là người tin tưởng và đầu tư vốn cho các hoạt động của Bảo Việt. Chính vì vậy, việc đem lại các giá trị gia tăng thông qua sự tăng trưởng và duy trì cổ tức ở mức cao qua các năm cho các cổ đông và nhà đầu tư là mục tiêu quan trọng của Bảo Việt.

Chúng tôi tin rằng sự tăng trưởng ổn định về kinh tế, những đóng góp tích cực cho cộng đồng và trách nhiệm doanh nghiệp đối với môi trường sẽ góp phần nâng cao giá trị cho cổ phiếu BVH, đồng thời thể hiện nỗ lực nhằm đáp lại sự tin tưởng mà nhà đầu tư dành cho Bảo Việt.

Các phản hồi và hành động của Bảo Việt

Kết quả chính	Hành động của Bảo Việt
Tăng cường thông tin truyền thông tới nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Đẩy mạnh hoạt động tiếp xúc và chia sẻ thông tin với các nhà đầu tư trong và ngoài nước thông qua các buổi gặp gỡ chính thức có sự tham gia của lãnh đạo cấp cao của Bảo Việt
Tăng cường tính minh bạch và tuân thủ	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện bản tin IR newsletter phân tích tình hình kinh doanh của công ty; xuất bản hàng quý gửi đến nhà đầu tư tổ chức; Xây dựng Quy chế công bố thông tin nội bộ, quy chế phòng chống tham nhũng. Tăng cường truyền thông kết quả kinh doanh của Bảo Việt cùng các phân tích, thuyết minh về yếu tố ảnh hưởng tới tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận.
Bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông	<ul style="list-style-type: none"> Đầu tư nhân sự cho bộ phận quan hệ nhà đầu tư, xây dựng quy trình giải quyết các yêu cầu dịch vụ cổ đông như chuyển nhượng cổ phần, điều chỉnh thông tin cổ đông, lưu ký chứng khoán...
Đối xử bình đẳng với các cổ đông	<ul style="list-style-type: none"> Thực thi chính sách bình đẳng giữa các cổ đông lớn và cổ đông nhỏ đều cung cấp thông tin như nhau, bao gồm thông tin về thời gian, tỷ lệ chi trả cổ tức, thông tin về đợt phát hành, tạo điều kiện cho mọi cổ đông thực hiện quyền biểu quyết.

đơn vị tổ chức. Đối với nhà đầu tư cá nhân, bộ phận quan hệ cổ đông cũng nhận các ý kiến phản hồi thông qua số hotline và ý kiến phản hồi trên website. Bên cạnh đó, Đại hội đồng cổ đông diễn ra vào tháng 4 hàng năm cũng là cơ hội Lãnh đạo Bảo Việt tiếp xúc và trả lời trực tiếp các chất vấn của cổ đông liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

Năm 2013, Bảo Việt đã tiếp đón gần 100 lượt nhà đầu tư tổ chức; tham gia hàng chục Hội thảo nhà đầu tư trong nước và quốc tế và giải quyết trên 200 cuộc gọi giải đáp thắc mắc và đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư cá nhân.

KHÁCH HÀNG

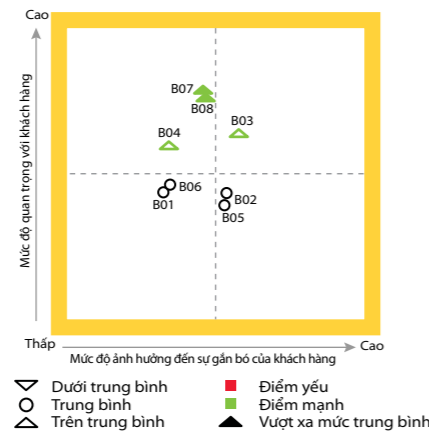
Phục vụ khách hàng tốt nhất để phát triển là triết lý kinh doanh bền vững mà Bảo Việt luôn hướng tới

“Cảm ơn Trung tâm Dịch vụ khách hàng của Bảo Việt, nhờ có Trung tâm mà hồ sơ vụ tai nạn của tôi đã được Bảo Việt Khánh Hòa giải quyết bởi thường một cách nhanh chóng. Tôi rất hài lòng với dịch vụ của Bảo Việt”.

Chị Nguyễn Thị Dung, khách hàng mua Bảo hiểm xe ô tô tại Bảo Việt Khánh Hòa. (Thông tin ghi âm tại Trung tâm Dịch vụ khách hàng của Bảo hiểm Bảo Việt)

Khảo sát đánh giá của khách hàng về các chi nhánh/điểm giao dịch của Bảo Việt

Năng lực, thái độ của nhân viên; Thời gian giao dịch thuận tiện; Khả năng đáp ứng sản phẩm dịch vụ của Bảo Việt là những yếu tố được khách hàng đánh giá cao



- B01 Chi nhánh được đặt ở vị trí thuận lợi
- B02 Chi nhánh thiết kế đẹp, bày trí gọn gàng
- B03 Chi nhánh cung cấp những sản phẩm/dịch vụ khách hàng cần
- B04 Thời gian giao dịch thuận tiện
- B05 Tài liệu truyền thông sản phẩm đa dạng...
- B06 Thời gian chờ đợi/ xếp hàng hợp lý
- B07 Nhân viên thân thiện, nhiệt tình
- B08 Nhân viên có kiến thức chuyên môn và năng lực chăm sóc khách hàng

Nguồn: Báo cáo Nghiên cứu thị trường của Bảo Việt được thực hiện bởi Công ty Nghiên cứu thị trường quốc tế

Tầm quan trọng

Chúng tôi xác định khách hàng là trung tâm mọi hoạt động. Chính vì vậy việc nghiên cứu, tìm hiểu nhu cầu khách hàng là nội dung quan trọng trong hoạt động phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ và truyền thông thương hiệu của Bảo Việt. Những phản hồi của khách hàng thông qua các kênh khác nhau giúp cho Bảo Việt cải tiến chất lượng hoạt động, từ đó phục vụ khách hàng một cách tốt hơn, cũng như đem lại các giá trị gia tăng cho khách hàng.

Mục tiêu

Xây dựng các sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng khách hàng; bảo vệ khách hàng trước các rủi ro, đem đến cho khách hàng các cơ hội để hiện thực hóa ước mơ, đảm bảo sự bình an và thịnh vượng cho khách hàng.

Triển khai

Thực hiện nghiên cứu thị trường thông qua việc phỏng vấn các khách hàng của Bảo Việt và khách hàng của đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực bảo hiểm nhằm thu thập thông tin từ nhiều góc độ khác nhau, cung cấp đánh giá khách

quan về mức độ hài lòng của khách hàng đối với sản phẩm dịch vụ cung cấp, sức mạnh của Bảo Việt trên thị trường và trong tâm trí khách hàng.

Phối hợp với Công ty nghiên cứu thị trường thực hiện 2 cuộc khảo sát tại 6 tỉnh thành phố (Hà Nội, tp. HCM, Đà Nẵng, Nghệ An, Hải Phòng, Nha Trang).

- Khảo sát định lượng: 1.200 khách hàng bao gồm:

- 1000 khách hàng cá nhân
- 200 khách hàng doanh nghiệp

- Khảo sát định tính: 22 khách hàng, thực hiện phỏng vấn sâu theo từng cặp.

Các phản hồi và hành động của Bảo Việt

Kết quả chính	Hành động của Bảo Việt
Sản phẩm dịch vụ: Đa dạng hóa các sản phẩm, đáp ứng nhu cầu cho khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> Ra mắt các sản phẩm dịch vụ mới: Các sản phẩm bảo hiểm: Mở rộng đối tượng được bảo hiểm, gia tăng các quyền lợi cho khách hàng Các sản phẩm đầu tư hướng tới đối tượng khách hàng bên ngoài Ra mắt Quý BVFED mở rộng tới đối tượng khách hàng bên ngoài
Chất lượng phục vụ: Chuyên nghiệp, bài bản trong phong cách phục vụ	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường chất lượng Trung tâm Dịch vụ khách hàng. Xây dựng quy định về trả lời và tư vấn cho khách hàng, đảm bảo tin tức phản hồi kịp thời cho khách hàng Đa dạng hóa các điểm tiếp xúc với khách hàng, đầu tư phát triển kênh bán hàng trực tuyến và bán hàng qua điện thoại (telesales)
Hình ảnh: Cần tăng cường đổi mới hình ảnh thương hiệu, thống nhất và năng động hơn	<ul style="list-style-type: none"> Hiện đại hóa hình ảnh tại các điểm bán hàng theo hướng thân thiện, gần gũi với khách hàng nhưng vẫn đảm bảo các quy định theo "Hướng dẫn sử dụng thương hiệu" của Bảo Việt Đa dạng hóa và đồng bộ hóa hình ảnh trên các kênh: Thực hiện quảng cáo trên internet, báo đài và hệ thống biển bảng ngoài trời

NGƯỜI LAO ĐỘNG

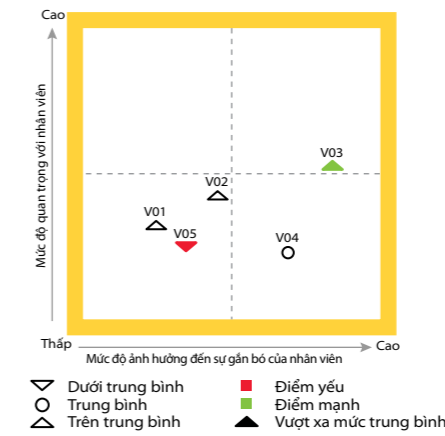
Phát huy tính chủ động, sáng tạo và nhiệt tình của người lao động, tạo môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp và thân thiện

“Điều tôi thích nhất khi làm việc tại Bảo Việt đó là kết quả công việc được đánh giá theo các mục tiêu hoàn thành. Trực tiếp trao đổi với lãnh đạo về kết quả công việc cũng như nhận được các góp ý phản hồi và định hướng hoạt động trong năm tiếp theo giúp tôi hiểu rõ hơn những điểm mạnh/yếu của mình để từ đó hoàn thiện và phấn đấu hơn”.

Anh Trần Đức Phương, cán bộ Ban Tài chính Quốc tế, Tập đoàn Bảo Việt

Khảo sát đánh giá của người lao động về hoạt động truyền thông nội bộ của Bảo Việt

Các thông tin trực tiếp từ lãnh đạo và kênh truyền thông qua Bản tin, Tạp chí, email, e-newsletter được người lao động đánh giá cao



- V01 Thông tin về hoạt động của Bảo Việt từ Tập đoàn (qua các kênh Bản tin, Tạp chí, email, e-newsletter, website)
- V02 Thông tin về hoạt động của Bảo Việt từ Trụ sở chính (qua các kênh Bản tin, email, website)
- V03 Thông tin về hoạt động của Bảo Việt từ Lãnh đạo trực tiếp
- V04 Thông tin từ đồng nghiệp
- V05 Từ các phương tiện truyền thông: tivi, báo (điện tử và báo giấy), đài...

Nguồn: Báo cáo Nghiên cứu thị trường của Bảo Việt được thực hiện bởi Công ty Nghiên cứu thị trường quốc tế

Tầm quan trọng

Tại Bảo Việt, chúng tôi xác định nhân lực là yếu tố nền tảng, quyết định sự tăng trưởng và phát triển của doanh nghiệp. Nguồn nhân lực đủ về số lượng, được đào tạo và nâng cao về chất lượng là yếu tố then chốt để nâng cao sức cạnh tranh của Bảo Việt trên thị trường Việt Nam.

Mục tiêu

Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, có thái độ, động cơ làm việc tích cực, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý

hiện đại, tiên tiến, hoàn thành sứ mệnh và giá trị của Bảo Việt.

Triển khai

Thực hiện khảo sát cán bộ nhân viên trong hệ thống, đánh giá mức độ hài lòng và gắn kết của nhân viên đối với hoạt động của công ty cũng như những đánh giá khách quan đối với sản phẩm, dịch vụ của Bảo Việt trong mối tương quan so sánh với đối thủ cạnh tranh.

Khảo sát gần 600 cán bộ nhân viên trong đó thực hiện phỏng vấn sâu 24 cán bộ theo hình thức thảo luận nhóm

là các trường nhóm tư vấn viên bảo hiểm, những người tiếp xúc trực tiếp với khách hàng.

Triển khai Hội nghị người lao động tại các đơn vị trong hệ thống với sự tham gia của Ban lãnh đạo và Công đoàn nhằm trao đổi về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, các thách thức - cơ hội - mục tiêu cũng như thay đổi trong các chính sách ban hành. Lắng nghe ý kiến trực tiếp từ người lao động đối với hoạt động của doanh nghiệp.

Các phản hồi và hành động của Bảo Việt

Kết quả chính	Hành động của Bảo Việt
<ul style="list-style-type: none"> Hiện đại hóa hình ảnh thương hiệu, khơi dậy niềm tự hào của cán bộ đối với tổ chức Tăng cường các hoạt động kết nối của cán bộ trong hệ thống 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức các chương trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong phạm vi công ty, các Khối/Ban, đơn vị; Tăng cường thông tin tới cán bộ nhân viên trong hệ thống về hoạt động của Bảo Việt thông qua Bản tin nội bộ;
<ul style="list-style-type: none"> Truyền thông kịp thời về các sản phẩm, khuyến mãi,... trong toàn hệ thống Tăng cường kiến thức về các sản phẩm của Bảo Việt 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng các chương trình thi đua trong hệ thống, khuyến khích cán bộ tìm hiểu sâu hơn cũng như cập nhật thông tin về sản phẩm, hoạt động của doanh nghiệp trên các kênh thông tin khác nhau Tổ chức các khóa học đào tạo kiến thức cơ bản về bảo hiểm, đầu tư cho cán bộ;
<ul style="list-style-type: none"> Truyền thông chính sách thống nhất và xuyên suốt từ cấp độ Tập đoàn đến các đơn vị thành viên Hướng dẫn cụ thể hơn liên quan đến các hoạt động bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> Triển khai mạng nội bộ Intranet: Chia sẻ Kho dữ liệu chung về biểu mẫu, báo cáo nội bộ; Cập nhật thông tin liên quan đến hoạt động của các đơn vị trong toàn hệ thống; Tăng cường số lượng các bài viết liên quan đến phát triển bền vững trên các kênh truyền thông nội bộ của Tập đoàn; Lồng ghép trong các nội dung trong các chương trình tương tác nhằm tạo sự thu hút và tăng cường nhận thức của cán bộ trong hệ thống.

CỘNG ĐỒNG

Sự phát triển của Bảo Việt luôn gắn liền với các hoạt động từ thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng.

“Mỗi cái bút, quyển vở, chiếc áo ấm đều là món quà rất ý nghĩa với các em học sinh xã vùng cao khó khăn. Rất cảm ơn tấm lòng cũng như sự quan tâm thiết thực của Lãnh đạo và anh chị em Bảo Việt đối với trường chúng tôi.”

Thầy Cà Văn Thức - Hiệu trưởng trường tiểu học xã Bằng Thành, Bắc Kạn chia sẻ tại chương trình “Sẽ chia hơi ấm, chung vui nụ cười”.



Đại diện lãnh đạo và cán bộ Bảo Việt trao quà cho các em học sinh trường Sùng Trãi - Hà Giang

Tầm quan trọng

Với mạng lưới bao phủ khắp các tỉnh thành trên cả nước, hoạt động của Bảo Việt có tác động không nhỏ tới các cộng đồng sinh sống tại địa phương. Vì vậy, chúng tôi chú trọng đảm bảo cuộc sống cho người dân địa phương, vì khi dân cư ổn định và phát triển sẽ tạo ra cơ hội cho Bảo Việt khai thác các cơ hội kinh doanh, tạo công ăn việc làm và đóng góp cho kinh tế tại nơi đó.

Mục tiêu

Hỗ trợ cộng đồng thông qua đóng góp xây dựng các điều kiện sống căn bản, giúp người dân tập trung lao động sản xuất, đảm bảo kinh tế gia đình, qua đó thúc đẩy kinh tế địa phương, tạo ra các cơ hội phát triển kinh doanh cho Bảo Việt.

Triển khai

Trọng tâm hoạt động cộng đồng bao gồm 4 lĩnh vực bao gồm: Công tác xóa

đói giảm nghèo; Đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ; Hoạt động đền ơn đáp nghĩa; Khắc phục hậu quả thiên tai. Chúng tôi thực hiện khảo sát từ đơn vị cơ sở đối với tình hình tại địa bàn hoạt động đồng thời đại diện đơn vị trao đổi trực tiếp với lãnh địa phương về các khó khăn chung để đánh giá tình hình thực tế cũng như thăm hỏi, tiếp xúc với bà con để từ đó có các hành động thích ứng.

Các phản hồi và hành động của Bảo Việt

Kết quả chính	Hành động của Bảo Việt
Tiếp tục hỗ trợ cho sự phát triển của cộng đồng tại địa phương	<ul style="list-style-type: none"> Ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực địa phương; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại 02 huyện kinh tế đặc biệt khó khăn tại Bắc Kạn, Nghệ An Đẩy mạnh các chương trình đến với bà con vùng cao bao gồm khám chữa bệnh, tặng quà cho bà con vùng núi; tặng sách vở và quần áo cho các em học sinh Chú trọng đầu tư cho công tác giáo dục thông qua công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức người dân hướng đến lợi ích lâu dài thông qua việc tạo điều kiện con em nghèo có cơ hội cấp sách tới trường.
Tiếp cận các sản phẩm dịch vụ của Bảo Việt	<ul style="list-style-type: none"> Khai thác các kênh truyền thông đại trà để phổ biến sản phẩm tới người dân đồng thời đẩy mạnh hoạt động của đại lý, tư vấn viên đến với các bà con vùng sâu vùng xa.

CHÍNH PHỦ VÀ CÁC CƠ QUAN BAN NGÀNH

Bảo Việt là một nhân tố tích cực trong việc phối hợp với cơ quan ban ngành thực thi các chính sách của chính phủ vì sự phát triển chung của đất nước

“Là một thành viên tích cực của VBCSD, Bảo Việt đã tham gia khá nhiều các sự kiện nhằm chia sẻ nhận thức và hành động của một doanh nghiệp lớn đối với triển khai phát triển bền vững. Chúng tôi hy vọng, Bảo Việt sẽ tiếp tục đóng góp hơn nữa cho các hoạt động của Hội trong tương lai”

Ông Nguyễn Quang Vinh - Phó Chủ tịch Hội đồng doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam.



Đại diện Lãnh đạo Bảo Việt thăm hỏi tình hình bà con tỉnh Nghệ An sau cơn bão Wutip

Tầm quan trọng

Bảo Việt xác định việc tuân thủ theo các quy định của Nhà nước, cơ quan ban ngành liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời xây dựng các cơ hội hợp tác giữa các ngành sẽ đóng góp cho sự thành công của Bảo Việt trong dài hạn.

Mục tiêu

Tiên phong đi đầu trong việc thực hiện các định hướng, chiến lược phát triển của Chính phủ; xây dựng các mối quan hệ bền vững với các cơ quan Ban ngành,

đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung và của Bảo Việt nói riêng.

Triển khai

Bảo Việt cập nhật thông tin và đóng góp ý kiến qua thông qua các Hội thảo chuyên ngành về tài chính - bảo hiểm; các Hội thảo liên quan tới phổ biến những sửa đổi, bổ sung về chính sách, luật pháp của Nhà nước.

Hưởng ứng “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh” của Chính Phủ, Bảo Việt đã cử đại diện tham gia vào Ban điều hành của Hội đồng doanh

nh nghiệp phát triển bền vững (VBCSD) với cương vị Phó Chủ tịch Hội. Việc tham gia sâu hơn trong các hoạt động của VBCSD sẽ giúp Bảo Việt nâng cao các kiến thức về phát triển bền vững thông qua việc trao đổi kinh nghiệm triển khai quốc tế của các doanh nghiệp thành viên; từ đó phát huy vai trò của doanh nghiệp đi đầu trong việc đảm bảo phát triển cân đối 3 mục tiêu kinh tế - xã hội và môi trường theo đúng chiến lược phát triển bền vững mà Bảo Việt đã đề ra.

Các phản hồi và hành động của Bảo Việt

Kết quả chính	Hành động của Bảo Việt
Thực thi trách nhiệm của doanh nghiệp với Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm của doanh nghiệp liên quan đến nộp thuế, đóng góp bảo hiểm xã hội... Triển khai Nghị quyết 30A của Chính phủ về xóa đói giảm nghèo tại các địa bàn khó khăn
Tuân thủ quy định công bố thông tin đối với tổ chức niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện công bố thông tin đầy đủ theo quy định. Áp dụng bộ tiêu chuẩn thực hiện công bố thông tin qua mạng (IDS)
Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp theo hướng bền vững	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thiện định hướng chiến lược phát triển bền vững từ cấp Hội đồng Quản trị Phân công trách nhiệm thực hiện tại từ cấp Ban điều hành xuống Đơn vị thành viên/Công ty Con Đánh giá, rà soát hiệu quả triển khai của từng đơn vị.

BÁO CHÍ VÀ CƠ QUAN TRUYỀN THÔNG

Báo Việt luôn muốn đồng hành, chia sẻ và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí truyền thông để tăng cường nhận thức của cộng đồng về các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững.

“Năm 2013, khi cùng Báo Việt tham gia các hoạt động cứu trợ miền Trung trong cơn bão Wutip, được trực tiếp tiếp xúc với Lãnh đạo và phỏng vấn bà con vùng bị lũ, tôi thấy việc làm của doanh nghiệp trở nên ý nghĩa hơn với những hành động kịp thời và thiết thực. Bên cạnh đó, hoạt động truyền thông báo chí của Báo Việt cũng ngày một chuyên nghiệp hơn với các tin tức được cập nhật chủ động, liên tục qua nhiều kênh”.

Nhà báo Nguyễn Thùy Dương, Thông tấn xã Việt Nam.



Lãnh đạo Báo Việt trả lời câu hỏi báo chí tại buổi họp báo công bố kết quả kinh doanh

Tầm quan trọng

Cơ quan truyền thông đóng vai trò là cầu nối giữa Báo Việt tới các bên hữu quan khác, giúp hoạt động của Báo Việt gần gũi hơn, minh bạch hơn, và rõ ràng hơn đối với nhà đầu tư, khách hàng và các đối tượng quan tâm khác.

Mục tiêu

Kết nối chặt chẽ với cơ quan báo chí, đảm bảo tin tức hoạt động của Báo

Việt được cập nhật kịp thời và phản ánh một cách chân thực, khách quan tới các bên liên quan.

Triển khai

Báo Việt thường xuyên tiếp xúc với cơ quan báo chí trong các chương trình Họp báo, các Hội nghị của doanh nghiệp và Hội nghị chuyên ngành trong lĩnh vực tài chính -bảo hiểm. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng mời nhà báo đồng hành cùng Báo Việt trong một số

hoạt động ví dụ các chương trình Hội thảo mà Báo Việt tham gia, đặc biệt là các hoạt động cộng đồng để nhà báo có thể hiểu rõ hơn cũng như khai thác thông tin theo chiều sâu với góc nhìn khách quan.

Năm 2013, Báo Việt đã tham gia trả lời 20 cuộc phỏng vấn trên truyền hình, gần 200 bài phỏng vấn trên báo chí cùng hàng trăm các cuộc tiếp xúc trực tiếp và gián tiếp với cơ quan báo chí.

Các phản hồi và hành động của Báo Việt

Kết quả chính	Hành động của Báo Việt
Cung cấp thông tin kịp thời về hoạt động của Báo Việt	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường số lượng thông tin gửi tới báo chí thông qua các thông cáo báo chí, các tin ngắn, các bài viết phân tích chuyên sâu nội bộ gửi tới các cơ quan báo chí mục tiêu. Tăng cường trao đổi và chia sẻ thông tin với báo chí thông qua việc mời các nhà báo tham dự một số chương trình do Báo Việt tổ chức hoặc Báo Việt tham gia.

NHÀ CUNG CẤP

Chúng tôi muốn cùng với nhà cung cấp, xây dựng chuỗi giá trị bền vững, tạo nên ảnh hưởng mang tính lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp.

“Hợp tác với Báo Việt trong việc thiết kế và in ấn, chúng tôi đã hoàn thiện quy trình “Đối tác Xanh - Thiết kế và sản xuất bền vững” để đảm bảo không gây tác động xấu đến môi trường và tăng cường sử dụng các nguồn nguyên liệu tái sinh như các chất liệu giấy, gỗ. Đây là thách thức cho chúng tôi nhưng cũng là cơ hội để chúng tôi tiếp tục hoàn thiện hoạt động, hướng tới phát triển bền vững của chính doanh nghiệp mình”

Ông Phan Văn Hưng, Giám đốc Công ty In ấn Thiên Hà



Tầm quan trọng

Là một nhân tố trong chuỗi giá trị, nhà cung cấp có vai trò nhất định trong hoạt động hướng tới phát triển bền vững của Báo Việt. Chúng tôi muốn xây dựng mạng lưới nhà cung cấp mạnh trên thị trường, đáp ứng các yêu cầu của Báo Việt không chỉ về chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp mà còn đáp ứng các yêu cầu liên quan vấn đề môi trường và xã hội.

Mục tiêu

Đối xử bình đẳng với các nhà cung cấp; ưu tiên lựa chọn những nhà cung cấp không gây tổn hại đến môi trường và xã hội.

Triển khai

Trong quá trình tìm kiếm nhà cung ứng hoặc trong các quá trình đấu thầu, Báo Việt thường xuyên trao đổi trực

tiếp với nhà cung ứng. Ngoài việc tìm hiểu khả năng của nhà cung ứng, Báo Việt cũng xem xét đến khía cạnh xã hội - môi trường của đối tác trong quá trình sản xuất kinh doanh như một tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp.

Các phản hồi và hành động của Báo Việt

Kết quả chính	Hành động của Báo Việt
Cụ thể hóa các yêu cầu về xã hội và môi trường	<p>Lượng hóa các chỉ số yêu cầu về xã hội và môi trường, lồng ghép trong bộ tiêu chí lựa chọn nhà thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> Thiết kế tối ưu, truyền đạt thông tin hiệu quả với nội dung ngắn gọn nhất, tiết kiệm chi phí sản xuất và lưu trữ. In ấn tối ưu, tiết kiệm năng lượng và vật tư in ấn. Vật liệu tối ưu, gia tăng sử dụng giấy và sản phẩm tái chế, thân thiện môi trường. Số lượng tối ưu: chỉ sản xuất số lượng phù hợp, ưu tiên sử dụng tài liệu điện tử.

TĂNG TRƯỞNG VỮNG CHẮC VỀ KINH TẾ

Yếu tố cốt lõi trong chiến lược phát triển của Bảo Việt

Tại Bảo Việt, chúng tôi xác định mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất trong chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt vì chúng tôi chỉ có thể đạt được mục tiêu xã hội, môi trường khi đã đạt được các mục tiêu kinh tế.

Tăng trưởng bền vững và ổn định qua các năm

Đảm bảo đóng góp và tạo đà phát triển bền vững cho nền kinh tế

Thực hiện chiến lược kinh doanh bền vững

Tăng cường kiểm soát rủi ro, đảm bảo phát triển bền vững

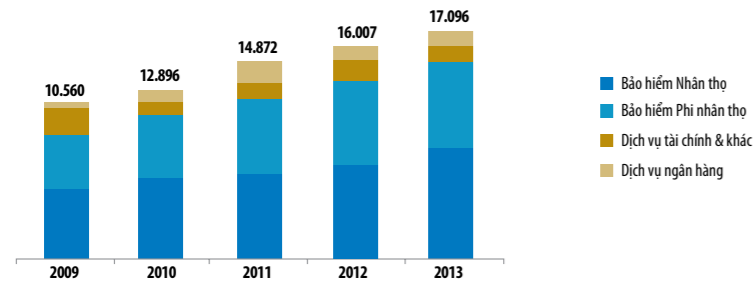


TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG VÀ ỔN ĐỊNH QUA CÁC NĂM

Chi tiết xem Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013, trang 56

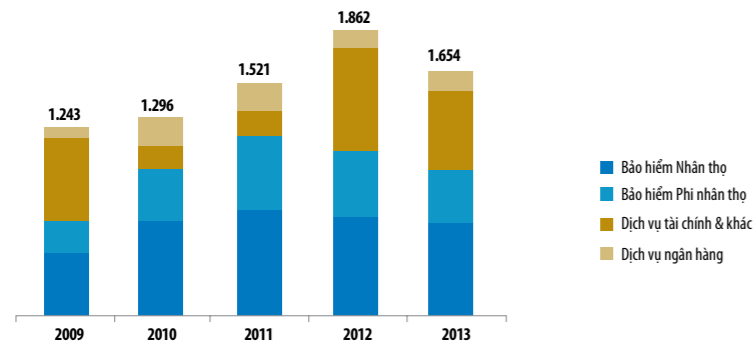
Tổng doanh thu hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng



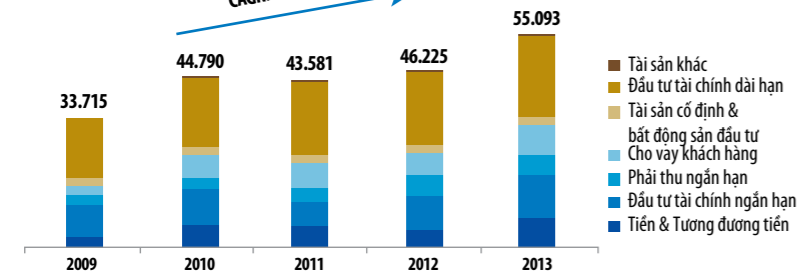
LN trước thuế hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng



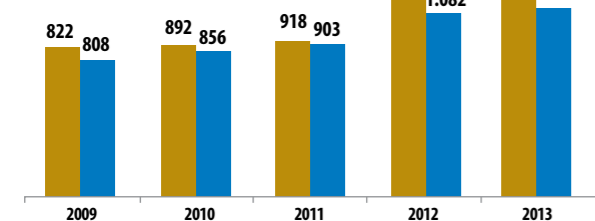
Tổng tài sản hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng



Lợi nhuận Công ty Mẹ

Đơn vị: tỷ đồng



Doanh thu hợp nhất giữ đà tăng

trưởng với tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2013 đạt 17.096 tỷ đồng, tăng 6,8% so với năm 2012, tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2009-2013 đạt 12,8%, trong đó:

- Tổng doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ là 8.482 tỷ đồng, tăng trưởng 15,8% so với năm 2012, hoàn thành vượt mức kế hoạch 9,6%, đóng góp mạnh vào tổng doanh thu hợp nhất. Doanh thu khai thác mới đạt 1.459 tỷ đồng, tăng trưởng 24% so với cùng kỳ.

- Tổng doanh thu trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ là 6.646 tỷ đồng, tăng trưởng 3,9% so với năm 2012 và cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Thu nhập từ hoạt động ngân hàng là 1.213 tỷ đồng;

- Tổng doanh thu trong lĩnh vực tài chính & khác là 1.098 tỷ đồng.

Tài sản hợp nhất tăng trưởng ấn tượng, tiền gửi và trái phiếu tăng mạnh, chiếm tỷ trọng cao, đảm bảo an toàn.

Tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn Bảo Việt tăng mạnh qua các năm 2009 - 2013, năm 2013, tổng tài sản tăng 8.868 tỷ đồng so với năm 2012 do hoạt động repo trái phiếu được đẩy mạnh, các đơn vị cũng tăng cường đầu tư vào trái phiếu và đầu tư vào tiền gửi - kênh đầu tư an toàn, hiệu quả nhất trong bối cảnh kinh tế hiện nay.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ tiếp tục tăng trưởng

Lợi nhuận trước thuế năm 2013 đạt 1.192 tỷ đồng; bằng 102,7% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.104 tỷ đồng; bằng 100,1% kế hoạch, tăng trưởng 2,1% so với cùng kỳ. Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 16,2%; đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức như đã cam kết với cổ đông.

ĐẢM BẢO LỢI ÍCH CHO NHÀ ĐẦU TƯ, HOÀN THÀNH TRÁCH NHIỆM TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC

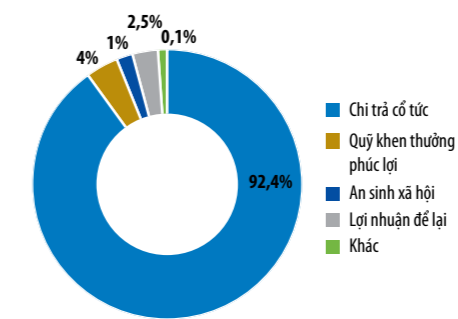
Hoạt động kinh doanh ổn định và đạt tăng trưởng hiệu quả giúp chúng tôi đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông, trả lương cho cán bộ nhân viên; chi phí cho các nhà cung cấp; đóng góp thuế và các khoản phí khác vào ngân sách nhà nước.

Việc thực hiện tốt mục tiêu kinh tế giúp Bảo Việt dự kiến duy trì mức chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2013 là 15% tương đương với 1.020,63 tỷ đồng, chiếm 92% lợi nhuận phân phối sau thuế của Bảo Việt.

Năm 2013, Bảo Việt đóng góp 803 tỷ đồng vào Ngân sách nhà nước, nâng tổng mức đóng góp trong 4 năm (2010-2013) của Bảo Việt lên gần 3.436 tỷ đồng.

Thông qua các hoạt động thương mại phục vụ hoạt động kinh doanh, Bảo Việt đã thực hiện chi trả 73 tỷ đồng cho các nhà cung cấp trên toàn quốc.

Phân phối lợi nhuận sau thuế (dự kiến)



Tỷ trọng đầu tư cho hoạt động cộng đồng/LN sau thuế

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Chi phí đầu tư cho cộng đồng	LN sau thuế	Đầu tư cho cộng đồng/LN sau thuế
2009	10,5	1.012	1,04%
2010	10,7	1.006	1,06%
2011	26,5	1.203	2,2%
2012	24,6	1.431	1,72%
2013	21,8	1.234	1,76%

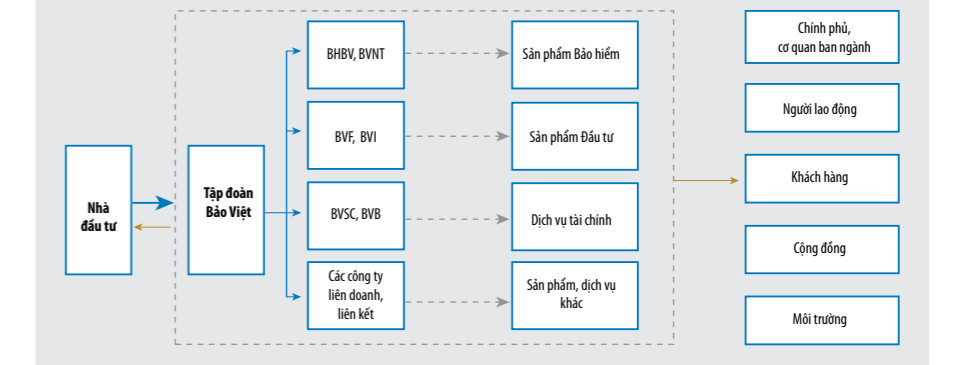
THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC KINH DOANH BỀN VỮNG

Khi phát triển bền vững được cụ thể hóa trong mục tiêu của Bảo Việt thì các yếu tố bền vững luôn được lồng ghép trong tất cả các hoạt động của doanh nghiệp trong các chuỗi giá trị từ cung ứng đầu vào đến hoạt động kinh doanh và các yếu tố đầu ra đều được xem xét ở 3 khía cạnh: Kinh tế - xã hội - môi trường.

Xây dựng chuỗi giá trị bền vững

Với mô hình Tập đoàn - Tài chính doanh nghiệp, hoạt động của Bảo Việt xét ở góc độ tập đoàn tương đối phức tạp với sự tham gia của nhiều thành phần và quy trình hoạt động để ra sản phẩm dịch vụ cuối cùng. Tuy nhiên, ở đây chúng tôi đưa ra báo cáo về mô hình đơn giản hóa để hình dung các yếu tố đầu vào, đầu ra và các ảnh hưởng từ hoạt động của doanh nghiệp

Mô hình giảm lược chuỗi giá trị của Bảo Việt



Thông qua vốn góp của các cổ đông tổ chức và cá nhân, Tập đoàn Bảo Việt đại diện cho vốn góp của cổ đông thực hiện đầu tư vào các công ty con (bao gồm công ty sở hữu 100% vốn, công ty cổ phần chiếm vốn ưu thế), công ty liên doanh.

Các công ty này thông qua các quy trình nghiệp vụ để cung cấp sản dịch vụ bảo hiểm - tài chính, đầu tư cho khách hàng. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp sẽ tác động ít nhiều đến cộng đồng, môi trường.

Phần lợi nhuận thu được sẽ trả lại đầu tư (cổ tức) cho cổ đông, người lao động; thực hiện đầu tư ngược lại cho cộng đồng và môi trường. Phần lợi nhuận còn lại được dùng để tái đầu tư nhằm gia tăng vốn.

Quy định đối với nguồn cung ứng đầu vào cho hoạt động của doanh nghiệp

Là doanh nghiệp tài chính – bảo hiểm, Bảo Việt không sử dụng nhiều các nhà cung ứng nguồn đầu vào trực tiếp cho quá trình kinh doanh. Điều này cũng hạn chế khả năng can thiệp của Bảo Việt tới các doanh nghiệp trực tiếp sản xuất sản phẩm.

Tuy nhiên, năm 2013, chúng tôi đã bổ sung thêm một số các yêu cầu trong quy định lựa chọn nhà thầu của doanh nghiệp, trong đó bao gồm các yếu tố bền vững được lồng ghép trong các tiêu chí đánh giá nhà thầu của Bảo Việt. Các quy định này bao gồm:

- Đánh giá về nguồn nguyên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất
- Hệ thống xử lý chất thải
- Vấn đề sử dụng lao động tại doanh nghiệp
- Đánh giá nguy cơ tiềm ẩn (nếu có) về môi trường, xã hội từ hoạt động của doanh nghiệp

Năm 2013, chúng tôi đã đưa vào trong Hợp đồng cung cấp giữa Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị cung ứng dịch vụ các điều khoản liên quan tới trách nhiệm của nhà cung cấp với môi trường và xã hội. Việc đánh giá hiệu quả của nhà thầu cũng bổ sung thêm các tiêu chí này và đưa vào trong nội dung báo cáo xếp hạng trong Danh sách nhà thầu của Bảo Việt. Danh sách này theo đó được chia sẻ giữa các đơn vị trong hệ thống để đảm bảo hiệu quả khai thác dịch vụ cung cấp của các thành viên trong hệ thống Bảo Việt.

Nghiên cứu triển khai đầu tư có trách nhiệm và bước đầu áp dụng các nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm (PRI)

Bảo Việt sử dụng nguồn vốn dự phòng từ nghiệp vụ bảo hiểm để thực hiện các

dự án đầu tư nhằm gia tăng lợi nhuận, duy trì cho hoạt động chính là bảo hiểm. Đối với công ty mẹ, chúng tôi sử dụng lợi nhuận thu về từ các công ty con để tiếp tục đầu tư, góp vốn vào các dự án khác để tăng trưởng lợi nhuận.

Chúng tôi tin rằng các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) ảnh hưởng đến hiệu quả danh mục đầu tư, và là một phần quan trọng để đánh giá các giá trị và hiệu quả đầu tư trong trung và dài hạn. Bảo Việt cũng đồng thời nhận thấy việc áp dụng những nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm giúp Bảo Việt có cái nhìn rộng hơn, nhận diện được toàn bộ các rủi ro cũng như cơ hội khi đối mặt với chúng, từ đó phân bổ nguồn vốn phù hợp với các lợi ích ngắn hạn và dài hạn của khách hàng, nhà đầu tư và các bên liên quan khác.

Trên cơ sở các tiêu chí bền vững GRI, Bảo Việt bước đầu đánh giá các vấn đề ESG cho các dự án đầu tư hiện tại và xem xét các dự án đầu tư trong tương lai căn cứ trên các nguyên tắc PRI của Liên Hợp quốc. Hiện tại, chúng tôi đang áp dụng 5/6 nguyên tắc bao gồm:

Nguyên tắc 1: Gắn kết vấn đề ESG trong các quy trình phân tích đầu tư và đưa ra quyết định đầu tư

Chúng tôi đã tiến hành rà soát lại quy chế đầu tư để ban hành và đang bổ sung thêm các vấn đề về ESG thông qua việc cụ thể hóa và lượng hóa các tiêu chí; nghiên cứu thực tiễn ESG áp dụng tại môi trường Việt Nam và tình hình kinh doanh cụ thể của Bảo Việt trên cơ sở xác định những nhân tố trọng yếu có tác động đến các doanh nghiệp mà Bảo Việt thực hiện đầu tư.

Nguyên tắc 2: Gắn kết ESG trong các vấn đề liên quan đến quyền lợi của chủ đầu tư

Bảo Việt khai thác vai trò của nhà đầu tư thông qua quyền biểu quyết đối với các vấn đề quản trị và gắn kết trực tiếp vấn đề môi trường, xã hội trong hoạt động của công ty góp vốn.

Bảo Việt ủng hộ cho các vấn đề liên quan tới minh bạch hóa thông tin bổ nhiệm/khen thưởng đối với Ban lãnh

đạo, coi trọng các quyền lợi của cổ đông, phê duyệt các vấn đề kế toán và hoạt động tài chính của công ty, hay các quyết định liên quan đến sự thay đổi/cải tiến trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.

Các vấn đề ESG được xem xét dưới góc độ rủi ro trọng yếu hay cơ hội cần nắm bắt, và vì thế có thể ảnh hưởng tới lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp. Chính vì vậy, đối với những công ty chúng tôi nắm cổ phần chi phối, Bảo Việt có điều kiện để triển khai ESG thông qua vai trò cổ đông chi phối.

Nguyên tắc 3: Xây dựng quy chế công bố thông tin phù hợp đối với vấn đề ESG tại các doanh nghiệp mà Bảo Việt đầu tư

Chúng tôi khuyến khích các doanh nghiệp mà Bảo Việt góp vốn gắn kết các vấn đề kinh tế, xã hội và quản trị - các vấn đề có ảnh hưởng trọng yếu tới các nhà đầu tư chủ chốt đồng thời đưa các vấn đề này trong nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp.

Nguyên tắc 4: Hợp tác với các tổ chức tài chính khác để đẩy mạnh hiệu quả triển khai

ESG là vấn đề vẫn còn khá mới tại Việt Nam, do vậy, Bảo Việt sẽ phát huy vai trò Ban điều hành của Hội đồng doanh nghiệp phát triển bền vững trong các buổi gặp gỡ, nghị luận với các doanh nghiệp thành viên khác trong Hội với mong muốn mở rộng khai thác tiêu chí ESG này trong các dự án đầu tư của chúng tôi.

Nguyên tắc 5: Thực hiện báo cáo các hoạt động triển khai

Hiện tại chúng tôi đã có các báo cáo sơ bộ về tình hình áp dụng ESG để có cơ sở hoàn thiện. Báo cáo này sẽ tiếp tục được nâng cấp, tiến tới tham gia chính thức PRI (the Principles for Responsible Investment) để thực hiện Báo cáo, tương tự như Báo cáo phát triển bền vững của Bảo Việt.

Hiện tại, các tiêu chí ESG được Bảo Việt áp dụng tại 11 Công ty có vốn góp (chiếm 44% tổng danh mục đầu tư của Công ty Mẹ):

1	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	7	Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc
2	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	8	Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Quốc tế Vigeba
3	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	9	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	10	Công ty Cổ phần Tập đoàn HiPT
5	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	11	Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt		

TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT RỦI RO, ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nhận diện và quản trị các ảnh hưởng, rủi ro và cơ hội trong hoạt động doanh nghiệp

Tập đoàn Bảo Việt luôn đề cao vai trò hoạt động quản lý rủi ro trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như sự phát triển bền vững của Tập đoàn. Hoạt động quản lý rủi ro được thực hiện thống nhất từ Tập đoàn Bảo Việt đến các Công ty con để phòng ngừa những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, trong đó bao gồm các đánh giá rủi ro liên quan đến kinh tế - xã hội và môi trường, góp phần duy trì hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con theo phương châm ổn định, an toàn, hiệu quả; tạo môi trường quản lý minh bạch, bảo vệ tài sản và uy tín của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con.

Bảo Việt cũng tập trung nâng cao nhận thức và hình thành văn hóa quản lý rủi ro, đảm bảo Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ, nhân viên của Tập đoàn Bảo Việt và Công ty con nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của hoạt động quản lý rủi ro và luôn chủ động xem xét mọi khía cạnh của các loại rủi ro trong hoạt động hàng ngày, bao gồm cả việc ra quyết định kinh doanh.

Góp phần duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, an toàn, hiệu quả

Các ảnh hưởng từ sản phẩm dịch vụ của Bảo Việt không gây tác hại đến môi trường và xã hội mà ngược lại chúng tôi phải tính toán các tác động của 3 yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường lên người dân để từ đó đưa ra thị trường các sản phẩm bảo vệ người dân trước các tác động đó. Với đặc thù kinh doanh của Bảo Việt, quản trị rủi ro được đặc biệt chú trọng việc nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

Phạm vi quản lý rủi ro bao gồm:

- Quản lý rủi ro tín dụng
- Quản lý rủi ro bảo hiểm
- Quản lý rủi ro thanh khoản
- Quản lý rủi ro thị trường
- Quản lý rủi ro hoạt động

Áp dụng mô hình nghiên cứu của nước ngoài để đánh giá các rủi ro từ môi trường

Với tình hình thiên tai bão lũ xảy ra ngày càng nhiều hơn, Bảo Việt đã tập trung xây dựng các mô hình đánh giá rủi ro thiên tai, bão lũ gây ảnh hưởng tới hoạt động bảo hiểm của Bảo Việt.

Hiện tại, chưa có một mô hình chuẩn về đánh giá các rủi ro này cho Việt Nam. Do vậy, chúng tôi đã căn cứ trên các nghiên cứu trước đó của quốc tế để áp dụng tại Bảo Việt.

Các đánh giá này bao gồm đánh giá rủi ro do thiên tai (được Bảo Việt áp dụng theo mô hình CAT); dự báo ảnh hưởng của bão tới Châu Á (theo mô hình Impact Forecasting's Asia Typhoon Model - IF ATM).

Chi tiết xem thêm tại phần Quản trị rủi ro, trang 122

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Cải thiện chất lượng và cuộc sống của cộng đồng

Bảo Việt cũng ưu tiên thực hiện mục tiêu phát triển cộng đồng, bởi vì một cộng đồng phát triển lành mạnh, an toàn và giàu có là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính như Bảo Việt có thể tăng trưởng và phục vụ lâu dài.

Trách nhiệm với người lao động

Trách nhiệm với khách hàng

Trách nhiệm với xã hội

TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xây dựng môi trường làm việc tốt nhất, bảo vệ quyền lợi người lao động

Năm 2013, Niesen và Anphabe đã công bố kết quả khảo sát về nơi làm việc tốt nhất dựa trên cuộc điều tra thông tin 9.032 người lao động có kinh nghiệm tại Việt Nam. Kết quả, Bảo Việt đứng thứ 55 trong số 100 doanh nghiệp có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam và đứng thứ 4 trong ngành bảo hiểm. Kết quả này phản ánh nỗ lực của chúng tôi trong việc xây dựng môi trường chuyên nghiệp, hướng theo tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời đảm bảo quyền lợi và sự gắn kết của cán bộ doanh nghiệp thông qua vai trò của Công đoàn, Đoàn thanh niên trong các hoạt động phong trào quần chúng.



Tại Bảo Việt, chúng tôi luôn đồng hành và giúp người lao động hiểu rõ mục đích công việc để có phương pháp làm việc đạt hiệu quả cao, phát huy được năng lực của bản thân, góp phần hoàn thành mục tiêu, chiến lược của Tập đoàn.

Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, tăng cường sự gắn kết của cán bộ

Bảo Việt áp dụng chính sách tuyển dụng công khai nhằm thu hút các ứng viên tiềm năng. Chúng tôi tập trung đánh giá ứng viên dựa theo: kiến thức, kỹ năng và thái độ của ứng viên đáp ứng được yêu cầu của vị trí công việc. Năm 2013, Bảo Việt đã tuyển dụng thêm 302 cán bộ mới trong toàn hệ thống.

Bảo Việt tăng cường mức độ gắn bó của cán bộ nhân viên thông qua chính sách lương và phúc lợi, thăng tiến, đào tạo bồi dưỡng, môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp. Chúng tôi thực hiện chính sách trả lương gắn liền với từng vị trí công việc, hiệu quả làm việc cá nhân và hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị. Qua đó đảm bảo sự cạnh tranh trên thị trường lao động nhằm giữ nguồn nhân lực chất lượng cao, đảm bảo cho mục tiêu phát triển bền vững doanh nghiệp.

Với mục tiêu xây dựng môi trường làm việc tốt nhất, việc đối thoại giữa người sử dụng lao động và người lao động được diễn ra thường xuyên thông qua tổ chức công đoàn, hội nghị người lao động, các chương trình khảo sát nội bộ nhằm ghi nhận các phản hồi từ đó có điều chỉnh về chính sách nhân sự đảm bảo xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định. Nhờ vậy, tỷ lệ lao động thôi việc giảm từ 7,46% năm 2011 xuống còn 5,78% năm 2012 và 3,5% năm 2013.

Nâng cao chất lượng nguồn lao động

Từ năm 2010 đến nay, Bảo Việt đã triển khai đào tạo theo Bản đồ học tập nhằm tập trung phát triển, nâng cao kiến thức, năng lực quản lý, lãnh đạo và các kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên. Bảo Việt đã đào tạo được gần 5.000 lượt cán bộ, từng bước trang bị các kỹ năng và nâng cao những năng lực cơ bản và cốt lõi mang tính nền tảng cho đội ngũ cán bộ, nhân viên. Đồng thời, Bảo Việt đã cử cán bộ tham gia các chương trình Hội thảo ở nước ngoài, hướng đến mục tiêu hội nhập và tiếp cận các tiêu chuẩn quốc tế.

Riêng năm 2013, Tập đoàn đã tổ chức đào tạo 67 khóa theo bản đồ học tập với 1.558 lượt học viên, đào tạo ngoài Bản đồ học tập là 3.490 lượt người.

Bảo Việt cũng đầu tư cho công tác đào tạo của đội ngũ đại lý/tư vấn viên bán bảo hiểm. Đặc biệt trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, với đặc thù sản phẩm tương đối phức tạp, để tư vấn được cho khách hàng, lực lượng tư vấn viên cần hiểu rõ các dòng sản phẩm để tư vấn sản phẩm phù hợp nhất với nhu cầu và điều kiện tài chính của khách hàng, cũng như tăng cường năng lực nhận diện và đánh giá được rủi ro, xử lý tình huống khi có các khiếu kiện. Đạo đức nghề nghiệp cũng nằm trong phạm vi đào tạo nhằm giảm thiểu các nguy cơ từ trục lợi bảo hiểm. Năm 2013, Bảo Việt đã thực hiện 58.071 lượt đào tạo cho tư vấn viên sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và 3.927 lượt đào tạo cho đại lý bảo hiểm phi nhân thọ.

Đối xử công bằng với người lao động

Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Bảo Việt tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực then chốt, xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp và thân thiện. Bảo Việt thực hiện quản lý và đánh giá người lao động theo năng suất và hiệu quả công việc, chúng tôi đem lại cơ hội công

Dữ liệu		Độ tuổi				Giới tính	
		<25	25-30	30-40	>40	Nam	Nữ
Số lượng tuyển dụng năm 2013	Số lượng (ng)	114	87	68	33	176	126
	Tỷ lệ (%)	38%	29%	23%	10%	58%	42%
Số lượng nghỉ việc năm 2013	Số lượng (ng)	39	45	47	62	110	83
	Tỷ lệ (%)	20%	23%	24%	33%	57%	43%

Số giờ và lượt đào tạo trung bình tại Công ty Mẹ và Trụ sở chính các Công ty con 100% vốn Bảo Việt

	Theo giới tính		Theo chức danh	
	Nam	Nữ	Quản lý	Nhân viên
1- Số giờ đào tạo				
1.1 Theo bản đồ học tập	4.152	2,376	656	5,872
1.2 Theo chuyên môn nghiệp vụ	1.664	704	608	1.760
2- Số lượt đào tạo				
2.1. Theo bản đồ học tập	195	112	37	270
2.2. Theo chuyên môn nghiệp vụ	104	44	38	110

* Bản đồ học tập (Learning Map) là sơ đồ bao gồm một hệ thống các chương trình đào tạo nhằm cung cấp những năng lực (kiến thức, kỹ năng, thái độ) cần thiết cho các nhóm vị trí công việc khác nhau, được sắp xếp theo một lộ trình nhất định.

bằng cho tất cả các cán bộ trong quá trình làm việc, cống hiến và tạo điều kiện để họ phát huy năng lực tối đa.

Với số lượng 2.773 cán bộ nữ, chiếm 47,01% lao động tại Bảo Việt, chúng tôi luôn cố gắng để đảm bảo công bằng cho cán bộ nữ trong mọi hoạt động của doanh nghiệp; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cũng như tạo điều kiện để các cán bộ nữ được thực sự tham gia công tác chuyên môn, quy hoạch và bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo.

Bảo vệ quyền lợi của cán bộ nữ thông qua hoạt động của "Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ"

Tại Bảo Việt, chúng tôi thành lập "Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ" với mục đích

đảm bảo các quyền lợi cho cán bộ nữ trong lĩnh vực lao động việc làm (tuyển dụng, hỗ trợ trong quá trình công tác), giáo dục đào tạo, cải thiện và nâng cao sức khỏe; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của phụ nữ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội để tăng tỷ lệ cán bộ nữ tham gia lãnh đạo.

Cùng với Công đoàn, "Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ" của Bảo Việt giữ vai trò quan trọng trong việc trong việc đưa vấn đề giới vào quá trình xây dựng, thực hiện chính sách trong doanh nghiệp; đảm bảo các cán bộ nữ được hưởng các chế độ chính sách của Nhà nước và chế độ phúc lợi như: nghỉ phép, nghỉ theo chế độ và tham gia mua bảo hiểm thân thể, bảo hiểm xã

hội, khám sức khỏe định kỳ, tham gia sinh hoạt văn hóa doanh nghiệp.

Chúng tôi khuyến khích cán bộ nữ nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học; tạo điều kiện về thời gian, công việc, kinh phí để cán bộ nữ tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng, học hỏi trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước nhất là các khóa đào tạo theo Bản đồ học tập.

Trong bộ máy quản lý, điều hành từ Tập đoàn đến các Công ty đều có sự tham gia của nữ cán bộ. Hiện nay Tập đoàn có 02 cán bộ nữ là Giám đốc Khối/ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty và 21 cán bộ nữ giữ cương vị Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty thành viên và hơn 150 nữ cán bộ giữ cương vị lãnh đạo cấp Ban/ Phòng.

Đánh giá hiệu quả làm việc của người lao động

Để có cơ sở trả lương cho người lao động một cách chính xác công bằng, đồng thời khuyến khích các cán bộ có đóng góp tích cực cho doanh nghiệp, Bảo Việt đã xây dựng và thực hiện Hệ thống Quản lý hiệu quả làm việc đối với người lao động.

Quản lý hiệu quả làm việc là một quy trình tuần hoàn, liên tục có quan hệ chặt chẽ giữa cá nhân, người quản lý trực tiếp và bộ phận nhân sự bao gồm các hoạt động: Đặt mục tiêu làm việc cho mỗi năm hoạt động; đánh giá giữa năm và cuối năm. Bảo Việt sử dụng thang đánh giá hiệu quả làm việc 5 mức và áp dụng phương pháp hiệu chỉnh để đánh giá hiệu quả làm việc của cá nhân, đảm bảo rõ ràng, hợp lý và công bằng.

Kết quả đánh giá hiệu quả làm việc là thước đo giúp cá nhân và người quản lý trực tiếp xác định mức độ phù hợp của mục tiêu; các điều kiện và nguồn lực hỗ trợ cần thiết giúp cá nhân đạt mục tiêu và là căn cứ ra các quyết định trong hoạt động quản trị nhân sự bao gồm lương thưởng, đào tạo, phát triển

nhân tài, thăng tiến. Kết quả đánh giá người lao động tiếp tục được đưa ra xem xét tại Hội đồng đánh giá hiệu quả nhằm đảm bảo công bằng, khách quan cho người lao động trong đơn vị.

Phát huy tính dân chủ của người lao động

Nhằm phát huy vai trò và trách nhiệm của người lao động đối với hoạt động của doanh nghiệp, Bảo Việt đã đề ra nhiều biện pháp để phát huy tính dân chủ của họ. Thông qua việc trao đổi trực tiếp và công khai tại các chương trình nội bộ, người lao động có quyền tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng các chính sách của doanh nghiệp.

Hội nghị người lao động của Bảo Việt được tổ chức thường niên (vào khoảng giữa năm) và triển khai tại tất cả các đơn vị kinh doanh trên toàn quốc. Hội nghị là diễn đàn chia sẻ giữa Lãnh đạo và cán bộ liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Lãnh đạo Bảo Việt có trách nhiệm chia sẻ thông tin định hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh, các sự kiện nổi bật đồng thời lắng nghe và phản hồi các ý kiến của người lao động trong Hội nghị. Người lao động được công khai thảo luận các điều khoản trong Thỏa ước lao động tập thể, được nghe thông báo kết quả thực hiện Thỏa ước hàng năm và công bố công khai việc sử dụng Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp.

Chăm lo sức khỏe cho cán bộ

Bảo Việt luôn quan tâm đến bảo vệ sức khỏe cho người lao động thông qua việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ; mua bảo hiểm sức khỏe (Health Care) và bảo hiểm sinh mạng (An Nghiệp Thành Công) cho cán bộ nhân viên, đồng thời hỗ trợ thêm cán bộ qua gói bảo hiểm ưu đãi dành cho người thân.

Với thể mạnh về sản phẩm bảo vệ khách hàng trước các rủi ro về sức khỏe, Bảo Việt thường xuyên tổ chức các chương trình tư vấn với sự tham gia của các chuyên gia và bác sỹ dành cho khách hàng nội bộ và cán bộ nhân

viên nhằm tăng cường các kiến thức bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là đối với chị em phụ nữ.

Bên cạnh đó, các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe của cán bộ được chúng tôi khuyến khích thông qua việc tổ chức các lớp học, các câu lạc bộ như lớp học Yoga, câu lạc bộ bóng bàn, giải thi đấu tennis, giải giao hữu bóng đá. Tại một số đơn vị của Bảo Việt đã xây dựng phòng tập thể dục tạo điều kiện cho cán bộ tập luyện ngoài giờ làm việc.

Đối với các cán bộ nghỉ hưu, ngoài việc tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân các dịp Quốc tế Người cao tuổi; Tết Âm lịch, Bảo Việt vẫn duy trì mua bảo hiểm kết hợp con người hàng năm cho với mức trách nhiệm bồi thường là 10.000.000 đồng/người.

TRÁCH NHIỆM VỚI KHÁCH HÀNG

Vì sức khỏe và sự an toàn của Khách hàng

Là doanh nghiệp bảo hiểm và tài chính, các sản phẩm Bảo Việt đem lại sự an tâm cho khách hàng trước những rủi ro trong cuộc sống, chúng tôi mong muốn chia sẻ gánh nặng trước những bất trắc liên quan đến sức khỏe, tài sản của bản thân, gia đình và doanh nghiệp.

Bảo vệ tương lai thông qua sản phẩm bảo hiểm:

Bảo Việt cung cấp các sản phẩm đa dạng, bảo vệ khách hàng ở mọi lứa tuổi khác nhau, ngay từ khi sinh ra và có thể kéo dài đến hết cuộc đời.

Bảo vệ toàn diện cho khách hàng thông qua sản phẩm đa dạng và linh hoạt:

- Các vấn đề về y tế, sức khỏe của khách hàng và gia đình với các gói sản phẩm Medical Care (bảo hiểm 1 năm) và sản phẩm nhiều năm bảo vệ khách hàng trước các bất trắc liên quan đến bệnh tật, tai nạn...
- Bảo vệ tài sản cá nhân: Chia sẻ rủi ro liên quan đến các tài sản của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp như xe cơ giới, nhà tư nhân
- Bảo vệ tài sản của doanh nghiệp thông qua các gói bảo hiểm các phương tiện vận chuyển, xí nghiệp, nhà máy...



Đầu tư cho tương lai thông qua dịch vụ tài chính: Chúng tôi đảm bảo cho tương lai thịnh vượng của khách hàng thông qua gói dịch vụ tài chính bao gồm các tư vấn và ủy thác đầu tư, các dịch vụ ngân hàng.

Trong quá trình phát triển sản phẩm, Bảo Việt luôn lồng ghép các yếu tố xã hội và môi trường như các rủi ro thường xuyên gặp phải trong cuộc sống hàng ngày của khách hàng. Ví dụ: sự biến đổi khí hậu là tác nhân gây ra nhiều loại bệnh mới, nghiêm trọng đe dọa tới sức khỏe của người dân. Chúng tôi đã phát triển các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ như An Tâm Sống Khỏe bảo vệ khách hàng trước các bệnh lý nghiêm trọng nếu không may mắc phải; Sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ "Bảo hiểm cháy nổ" và "Bảo hiểm nhà tư nhân" được giới thiệu trên thị trường trong bối cảnh Việt Nam có liên tiếp các vụ cháy nổ phương tiện xe cơ giới, các vụ nổ bình khí ga tại

nhà gây thiệt hại nghiêm trọng tính mạng và tài sản của người dân.

Bảo vệ toàn diện cho khách hàng thông qua nhiều sản phẩm dịch vụ mới

Trong năm 2013, Bảo Việt tiếp tục đầu tư nghiên cứu phát triển các sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của khách hàng. Đối với sản phẩm bảo hiểm, chúng tôi đã giới thiệu trên thị trường nhiều sản phẩm mới với sự mở rộng về phạm vi đối tượng được bảo hiểm và các rủi ro bảo hiểm nhằm bảo vệ khách hàng một cách toàn diện cho bản thân và gia đình.

Với các sản phẩm đầu tư và dịch vụ tài chính, Bảo Việt cũng mở rộng tới các khách hàng cá nhân với sản phẩm Quỹ mở với hình thức đầu tư linh hoạt; đẩy mạnh các chương trình ưu đãi về lãi suất cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.

Sản phẩm/Dịch vụ mới	Mô tả/Đặc điểm nổi trội	Lĩnh vực
Bảo hiểm Toàn diện gia đình Bảo vệ 3 thể hệ gia đình cùng các tài sản cá nhân trong cùng một đơn bảo hiểm	Sản phẩm có nhiều đặc tính vượt trội như: bảo vệ 3 thế hệ gia đình trong cùng một đơn bảo hiểm; được khám và điều trị tại các bệnh viện chất lượng cao kèm theo dịch vụ bảo lãnh viện phí 24/7; nhiều ưu đãi về phí và quyền lợi khi khách hàng tham gia nhiều loại hình bảo hiểm.	Bảo hiểm phi nhân thọ
An Tâm Hạnh Phúc Bảo vệ khách hàng tối đa thông qua chi trả bảo hiểm cho 657 loại phẫu thuật và điều trị ngoại khoa	Giúp người được bảo hiểm không chỉ quẳng gánh lo về mặt tài chính mà còn tạo sự yên tâm lựa chọn phương thức điều trị tốt hơn nhằm sớm bình phục sức khỏe, nếu không may người được bảo hiểm hay người thân trong gia đình mắc bệnh phẫu thuật và điều trị ngoại khoa dài kỳ	Bảo hiểm nhân thọ

Sản phẩm/Dịch vụ mới	Mô tả/Đặc điểm nổi trội	Lĩnh vực
An Hưng Thịnh Vượng Đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng đối với các sản phẩm bảo hiểm kết hợp tiết kiệm, đầu tư ngắn và trung hạn	Sản phẩm bảo hiểm tiết kiệm dành riêng cho khách hàng cao cấp, là những khách hàng thu nhập khá trở lên nhưng có quỹ thời gian ít, cần đơn giản trong thủ tục giao dịch, nhu cầu bảo mật thông tin cao, đồng thời vẫn có mong muốn lợi nhuận gia tăng ổn định và liên tục.	Bảo hiểm nhân thọ
An Tâm Tri Kỳ Gói sản phẩm hỗ trợ bán kèm cho người hôn phối nhằm mang lại kế hoạch tài chính toàn diện nhất	Với tinh thần tôn vinh các giá trị hôn nhân bền vững, chia ngọt sẻ bùi trong những lúc hạnh phúc hay khó khăn, sản phẩm giúp khách hàng đạt được kế hoạch bảo vệ tài chính toàn diện cho gia đình trong trường hợp xảy ra rủi ro về sức khỏe với người bạn đời	Bảo hiểm nhân thọ
An Tâm Miễn Phí (ra mắt Quý I/2014) Sản phẩm hỗ trợ được kết hợp với hợp đồng chính để mang lại quyền lợi bảo hiểm miễn phí đặc biệt cho khách hàng khi không may mắc bệnh lý nghiêm trọng	Tham gia sản phẩm này, hợp đồng chính của khách hàng sẽ được miễn phí ngay sau khi người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc 45 bệnh lý nghiêm trọng (bao gồm 8 bệnh ung thư phổ biến của phụ nữ), trong khi toàn bộ quyền lợi của khách hàng trong hợp đồng chính vẫn được đảm bảo như trường hợp khách hàng tự đóng phí.	Bảo hiểm nhân thọ
BVFED Quỹ BVFED là quỹ mở đầu tiên trên thị trường lựa chọn chiến lược đầu tư năng động	Đây là sản phẩm quỹ đầu tư dạng mở đầu tiên lựa chọn mô hình đầu tư năng động với việc điều chỉnh linh hoạt tỷ trọng các tài sản đầu tư trong danh mục bao gồm cổ phiếu và các công cụ lãi suất cố định như trái phiếu, tiền gửi.	Quản lý Quỹ

Bảo Việt cũng đồng thời chú trọng các yếu tố xã hội trong quá trình thiết kế sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu bảo vệ cho người dân có thu nhập thấp. Năm 2013, chúng tôi tiếp tục cung cấp các sản phẩm bảo hiểm vi mô như: bảo hiểm học sinh, bảo hiểm nông nghiệp... cũng như nghiên cứu phát triển sản phẩm bảo hiểm hưu trí.

Đầu tư phát triển các sản phẩm phục vụ cộng đồng

Sản phẩm bảo hiểm vi mô

Mặc dù đóng góp doanh thu từ các nghiệp vụ bảo hiểm này chỉ chiếm tỷ lệ thấp trong tổng doanh thu phí bảo hiểm. Nhưng Bảo Việt vẫn duy trì các sản phẩm bảo hiểm vi mô với mục đích bảo vệ cho số đông người dân.

Hỗ trợ công tác khuyến học thông qua bảo hiểm học sinh

Ở lứa tuổi thanh thiếu niên, các em

học sinh khá hiếu động và thích khám phá, chính điều này cũng tạo ra những rủi ro liên quan đến tai nạn học đường của các em học sinh. Những rủi ro này ảnh hưởng không chỉ đến sức khỏe mà còn có thể gây ra gánh nặng tài chính cho gia đình các em khi trang trải chi phí điều trị. Mặc dù tỷ lệ bồi thường cho sản phẩm này khá cao so với tổng thu phí bảo hiểm, tuy nhiên Bảo Việt vẫn tích cực đẩy mạnh sản phẩm bảo hiểm học sinh tại các trường học trên cả nước với mục đích nhân văn và hỗ trợ cho công tác khuyến học, khuyến tài tại địa phương. Năm học vừa qua, Bảo Việt đã giải quyết, chi trả bồi thường cho 200.000 vụ tai nạn của học sinh, giáo viên với số tiền bồi thường là 128 tỷ đồng.

Bên cạnh việc đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến cáo phòng tránh tai nạn để hạn chế tổn thất, đơn vị cũng có nhiều ưu đãi cho học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách. Bảo Việt nhận bảo

hiểm miễn phí cho toàn bộ học sinh, sinh viên là con em đối tượng chính sách, thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ; giảm 50% phí bảo hiểm cho học sinh tàn tật, mồ côi, không nơi nương tựa và học sinh nghèo. Việc áp dụng miễn, giảm phí được thực hiện như một chính sách xã hội, góp phần tích cực vào phát triển sự nghiệp giáo dục.

Bảo hiểm xe cơ giới: Giảm thiểu các rủi ro của người dân khi tham gia giao thông

Số vụ tai nạn giao thông ở mức báo động với mức độ thiệt hại ngày càng tăng là một thách thức đối với Việt Nam. Nâng cao ý thức của người tham gia giao thông và giảm thiểu những thiệt hại vật chất khi tai nạn xảy ra là vấn đề được Bảo Việt xem xét khi cung cấp sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới.

Hiện tại, Bảo Việt bảo hiểm cho gần 3 triệu xe máy và ô tô trên toàn quốc với phạm vi bảo hiểm liên quan tới cháy

nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe và bảo hiểm tai nạn người ngồi trên xe.

Nhằm giảm thiểu các rủi ro trong quá trình lưu thông trên đường, chúng tôi tích cực truyền thông nâng cao ý thức của người tham gia giao thông dưới nhiều hình thức khác nhau: Truyền thông trên bảng biển ngoài trời, trên các trục đường chính, các tuyến đường trọng yếu; Lắp đặt các gương phản chiếu trên đoạn đường cua nguy hiểm, đặc biệt là tại các địa hình đồi núi hiểm trở...

Bảo hiểm nông nghiệp: hướng đến sản xuất an toàn, bền vững, giảm thiểu tác hại lên môi trường

Là một nước nông nghiệp, nhưng hàng năm thiên tai, dịch bệnh đã cướp trắng của nông dân Việt Nam khối tài sản ước tính 1,5% GDP (giá trị tương đương khoảng 10 tỷ đô la). Người dân cần một sự bảo đảm cho thành quả và công sức lao động của họ và sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp được xây dựng để thực hiện cho sự bảo đảm này.

Bảo Việt đã phối hợp với các cấp chính quyền, các bộ, ban ngành triển khai thí điểm trên phạm vi rộng nhằm đưa Bảo hiểm nông nghiệp trở thành chỗ dựa vững chắc của người nông dân. Các sản phẩm nông nghiệp Bảo Việt hiện đang cung cấp bao gồm: Bảo hiểm Cây lúa; Bảo hiểm Vật nuôi và Bảo hiểm Tôm/Cá; Với tổng số tiền bảo hiểm năm 2013 là 4.930 tỷ đồng trong đó bảo hiểm cây lúa là 1.205 tỷ đồng, bảo hiểm vật nuôi là 1.990 tỷ đồng và bảo hiểm thủy sản là 1.735 tỷ đồng.

Với mong muốn nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của Bảo hiểm Nông nghiệp, chúng tôi cũng hỗ trợ 100% phí bảo hiểm cho hộ nông dân, cá nhân nghèo; 80% phí bảo hiểm cho hộ nông dân, cá nhân cận nghèo; hỗ trợ 20% phí bảo hiểm cho tổ chức sản xuất nông nghiệp.

Sau 2 năm triển khai (2012-2013), chúng tôi đã thực hiện bảo hiểm cho



gần 262.000 lượt hộ nông dân trong đó có 208.000 lượt hộ nghèo (chiếm 79,4%), diện tích lúa tham gia bảo hiểm là 42.500 ha.

Song song với việc thực hiện bảo hiểm nông nghiệp, Bảo Việt cũng phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện sản xuất nông nghiệp bền vững: không sử dụng thuốc trừ sâu cho lúa, không dùng các chất kích thích tăng trưởng cho vật nuôi và cây giống; thực hiện vệ sinh vườn-ao-chuồng phòng tránh dịch bệnh cho vật nuôi... Những biện pháp này, một mặt hạn chế các rủi ro, đảm bảo cho hoạt động sản xuất của nông dân, mặt khác hạn chế các tác động ảnh hưởng lên môi trường do sử dụng các chất hóa học làm suy giảm chất lượng nguồn đất, nguồn nước của địa phương.

Bảo hiểm hưu trí tự nguyện: Nghiên cứu phát triển sản phẩm trước thách thức già hóa dân số

Cùng với số người cao tuổi tăng nhanh, chi phí chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi đòi hỏi cao hơn, già hóa dân số đang đặt ra những thách thức và sức ép lớn các vấn đề an sinh xã hội. Qua phân tích nhu cầu tài chính và tình hình thu nhập trong giai đoạn nghỉ hưu, chúng tôi nhận thấy thách thức lớn

nhất đối với người lao động về hưu là thu nhập không đủ đáp ứng nhu cầu tài chính cho cuộc sống.

Trong khi đó, Việt Nam hiện đang có cơ cấu dân số vàng nhưng cơ cấu này chỉ duy trì được khoảng 30 năm, sau đó là đến thời kỳ dân số già. Theo dự báo đến năm 2050 sẽ có 30% dân số Việt Nam trên 60 tuổi. Khi đó, nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để chi cho việc điều chỉnh lương hưu hàng năm trên 3.000 tỷ đồng và có xu hướng tiếp tục gia tăng trong những năm tới. Tuổi thọ gia tăng cũng tạo thêm gánh nặng ngày càng lớn đối với quỹ bảo hiểm xã hội, ngân sách nhà nước và toàn xã hội nói chung.

Bảo Việt đã ra mắt thị trường sản phẩm bảo hiểm nhân thọ "An hưởng điển viên" nhằm cung cấp giải pháp tài chính hoàn hảo giúp khách hàng bổ sung nguồn thu nhập để có thể ổn định và nâng cao mức sống khi đến tuổi nghỉ hưu thông qua việc nhận các khoản niên kim cho đến hết cuộc đời. Hiện tại, Bảo Việt đang tiếp tục nghiên cứu để ra mắt sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện với các tính năng ưu việt nhằm đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của người dân khi hết tuổi lao động.

Cung cấp thông tin đầy đủ và trung thực về sản phẩm

Tư vấn hỗ trợ khách hàng về sản phẩm dịch vụ thông qua đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp.

Khi nhận thức về các sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chính tại thị trường Việt Nam vẫn chưa cao thì việc thông tin đầy đủ tới khách hàng về sản phẩm, giúp khách hàng hiểu rõ các quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia sản phẩm là trách nhiệm bắt buộc của Bảo Việt.

Các kênh thông tin tới khách hàng được Bảo Việt thực hiện qua:

- Kênh trực tiếp: đội ngũ cán bộ tiếp xúc với khách hàng
- Hotline: trung tâm chăm sóc khách hàng và số hotline hoạt động 24/7
- Internet: kênh giải đáp khách hàng tích hợp trên hệ thống website
- Dịch vụ tin nhắn SMS: gửi tin nhắn chăm sóc khách hàng từ trung tâm dịch vụ

Trong đó, lực lượng bán hàng đóng vai trò quan trọng, góp phần xây dựng, củng cố hình ảnh của thương hiệu Bảo Việt trong tâm trí khách hàng. Chính vì vậy, công tác tuyển dụng, đào tạo và huấn luyện đội ngũ cán bộ, tư vấn viên luôn được quan tâm sâu sát. Bảo Việt hiện có hơn 37.000 tư vấn viên, cán bộ bán hàng hoạt động trên khắp 63 tỉnh thành luôn sẵn sàng tư vấn, giới thiệu cũng như giải đáp các thắc mắc của khách hàng liên quan đến sản phẩm.

Một trong nguyên tắc quan trọng được quy định trong đạo đức nghề nghiệp của cán bộ bán hàng Bảo Việt đó là tư vấn đầy đủ, rõ ràng, và có trách nhiệm các nội dung trong Hợp đồng ký kết, không vì các lợi ích trước mắt mà gây ảnh hưởng đến quyền lợi cho khách hàng và doanh nghiệp.

Các chương trình đào tạo về kỹ năng mềm cũng như các chương trình đào tạo nghiệp vụ liên tục được cập nhật, đổi mới. Quy trình, chính sách được rà soát thường xuyên đóng góp đáng kể

cho công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, tư vấn viên chuyên nghiệp, hiện đại, mang tới cho khách hàng chất lượng phục vụ ngày càng cao.

Thực hiện trách nhiệm của nhà bảo hiểm

Chủ động thực hiện các trách nhiệm của nhà bảo hiểm trước những rủi ro của khách hàng

Năm 2013 là một năm xảy ra khá nhiều các rủi ro với khách hàng của Bảo Việt liên quan đến các thiệt hại từ cháy nổ và thiên tai bão lũ. Chúng tôi đã tích cực phối hợp cùng với các cơ quan chức năng để nắm bắt đầy đủ thông tin, hỗ trợ gia đình và bản thân những người gặp nạn để hoàn tất hồ sơ và giải quyết chi trả bảo hiểm nhanh chóng, chính xác và theo đúng quy định.

Bên cạnh công tác nghiệp vụ, Bảo Việt cũng cử các đoàn công tác đến thăm hỏi, động viên và chia sẻ các gia đình gặp rủi ro.

Rủi ro lớn xảy ra trong năm	Đóng hàng vì lợi ích khách hàng
Vụ nổ Kho pháo hoa thuộc Xí nghiệp pháo hoa - Nhà máy Z121 - Bộ Quốc phòng ngày 12/10/2013 có mức thiệt hại về người và tài sản lớn, vụ nổ cũng gây ảnh hưởng tới phần lớn hộ dân ở khu vực cách hiện trường từ 500m đến 2km.	Bảo Việt Phú Thọ đã chi trả bồi thường cho gia đình 17 công nhân xấu số bị thiệt mạng ngay tại Phú Thọ, với trách nhiệm bảo hiểm tối đa là 20 triệu đồng mỗi gia đình. Công ty cũng đồng thời tạm ứng và hỗ trợ cho những công nhân bị thương nằm điều trị tại Bệnh viện Phú Thọ và một số bệnh viện tại Hà Nội (Việt Đức, Viện bỏng Quốc gia, Bệnh viện Quân y 103).
Giải quyết nhanh vụ tai nạn nổ xe khách biển số 37B-00348 tại địa bàn Nghệ An	Bảo Việt Nghệ An đã trực tiếp tới thăm hỏi, động viên và chia sẻ với gia đình các nạn nhân không may mắn. Hai nạn nhân xấu số bị tử vong được Công ty Bảo Việt Nghệ An hỗ trợ một khoản kinh phí ban đầu là 20 triệu đồng. Công ty hỗ trợ số tiền ban đầu là 5 triệu đồng cho bà Nguyễn Thị Bình (bị thương nặng) được cấp cứu tại Bệnh Viện Hà Nội.
Hỗ trợ vụ cháy xưởng sản xuất của nhà máy Diana Bắc Ninh Ngày 25/10/2013, lửa xuất phát từ cuối nhà xưởng, của nhà máy Diana ở Tiên Du (Bắc Ninh) thiêu rụi một phần nhà máy	Bảo hiểm Bảo Việt ngay lập tức cử cán bộ có mặt tại hiện trường, gặp người được bảo hiểm để hỗ trợ, nắm bắt thông tin; đồng thời nhanh chóng thu thập hồ sơ phục vụ công tác giải quyết, chi trả bảo hiểm nhanh chóng, theo đúng quy định của pháp luật để giúp Công ty nhanh chóng trở lại sản xuất, kinh doanh.
Chia sẻ trách nhiệm của nhà bảo hiểm trước những thiệt hại của khách hàng trong cơn bão số 11 Cơn bão liên tục diễn ra, đã gây thiệt hại to lớn về người và tài sản cho nhân dân các tỉnh phía Bắc và miền Trung nước ta.	Ngay sau khi cơn bão số 11 vừa ngưng, Bảo Việt đã cử một đoàn cán bộ trực tiếp tới các tỉnh bị thiệt hại nắm bắt tình hình cụ thể về tổn thất: triển khai các Đội giám định có mặt tại hiện trường thăm hỏi khách hàng, kiểm tra tình hình thiệt hại, tiến hành các thủ tục giám định tổn thất; khẩn trương đưa ra các biện pháp xử lý và giải quyết bồi thường cho khách hàng.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của dịch vụ chăm sóc khách hàng

Bảo Việt là doanh nghiệp tiên phong cung cấp dịch vụ chăm sóc khách hàng trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ từ năm 2011 qua hệ thống Call Center phục vụ 24/7. Năm 2012, chúng tôi mở rộng dịch vụ chăm sóc trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ. Với đầu số duy nhất 1900 55 88 99, hoạt động của Trung tâm Dịch vụ khách hàng tương đối phong phú nhằm tạo điều kiện cho khách hàng liên hệ giải đáp thắc mắc, nâng cao chất lượng phục vụ và rút ngắn thời gian giải quyết khiếu nại.

Với chức năng hai trong một, vừa là “Kênh tư vấn thông tin” vừa là “Kênh giao dịch”, các hoạt động chính của Trung tâm Dịch vụ khách hàng bao gồm:

- Tư vấn sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm
- Tiếp nhận khai báo tai nạn và yêu cầu bồi thường
- Hướng dẫn thủ tục lập hồ sơ bồi thường và thanh toán tiền bảo hiểm
- Hỗ trợ tiếp cận với các dịch vụ giá trị gia tăng đi kèm sản phẩm như: dịch vụ cứu hộ xe ô tô; chỉ dẫn địa chỉ Gara liên kết; bệnh viện/phòng khám nằm trong hệ thống bảo lãnh viện phí...
- Tiếp nhận đóng góp ý kiến về các sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm

Bảo Việt cũng thực hiện chăm sóc khách hàng 24/7 đối với các dịch vụ ngân hàng thông qua đầu số 1900 55 88 48 bao gồm các tư vấn sản phẩm, tra cứu thông tin địa điểm ATM/POS, điểm giao dịch, tiếp nhận các yêu cầu mua sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, cung cấp dịch vụ thư viện thông tin văn hóa xã hội...



Thường xuyên đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng

Với mục đích đánh giá khách quan về sức mạnh của Bảo Việt trên thị trường, chúng tôi định kỳ thực hiện các cuộc khảo sát, đánh giá phản hồi của khách hàng liên quan đến thương hiệu, sản phẩm, dịch vụ chăm sóc khách hàng để từ đó có những cải tiến, điều chỉnh kịp thời với những thay đổi từ thị trường nói chung và khách hàng của Bảo Việt nói riêng.

Việc đánh giá được thực hiện từ nhiều nguồn khác nhau, các dữ liệu này được tổng hợp và báo cáo đến các phòng/ban liên quan bao gồm phòng Phát triển sản phẩm, phòng marketing thương hiệu:

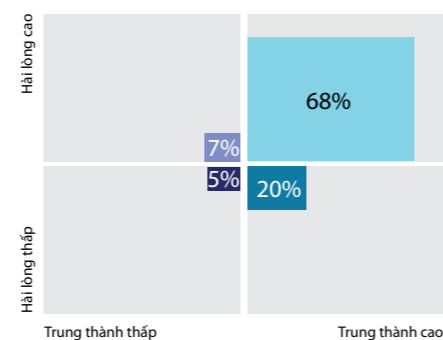
- Qua nghiên cứu thị trường với khách hàng (khách hàng hiện tại, khách hàng cũ, khách hàng của đối thủ cạnh tranh) và đội ngũ tư vấn viên bảo hiểm
- Hồ sơ dữ liệu của Trung tâm dịch vụ khách hàng

Dự án nghiên cứu thị trường triển khai trên diện rộng, dựa trên việc khảo sát 1.600 người trong đó bao gồm 346 cán bộ nhân viên Bảo Việt; hơn 1.200 khách

hàng sử dụng sản phẩm bảo hiểm của Bảo Việt và đối thủ cạnh tranh; và các đại lý tư vấn viên Bảo Việt, thực hiện trên 6 tỉnh thành phố lớn bao gồm: Hà Nội, tp.HCM, Hải Phòng, Nghệ An, Đà Nẵng, Nha Trang.

Kết quả dự án được chúng tôi khai thác tích cực trong công tác phát triển sản phẩm và dịch vụ chăm sóc khách hàng. Một số hành động cụ thể trong năm 2013 đã được đề cập trong nội dung “Sự tham gia của các bên liên quan/Phản ánh ý kiến của các bên trong các chính sách và hoạt động của Bảo Việt”.

Biểu đồ đánh giá sự hài lòng của khách hàng Bảo Việt trong lĩnh vực bảo hiểm



Nguồn: Báo cáo Nghiên cứu thị trường của Bảo Việt được thực hiện bởi Công ty Nghiên cứu thị trường quốc tế

TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI

Tiếp tục động đầu tư vì sự phát triển của cộng đồng địa phương

Với Bảo Việt, thực hiện các hoạt động vì cộng đồng là đầu tư dài hạn cho doanh nghiệp. Chúng tôi thay mặt cho các cổ đông, thực hiện các dự án phát triển cộng đồng, nhằm đem lại lợi ích cho cộng đồng và cho chính Bảo Việt thông qua việc tối đa hóa giá trị của các dự án cộng đồng mang lại cho người dân địa phương và mức độ ảnh hưởng của Bảo Việt tại địa phương đó.

Hoạt động đầu tư cộng đồng của Bảo Việt tuân thủ theo 3 nguyên tắc cơ bản sau:

1. Thực hiện 4 nội dung trọng tâm bao gồm:

- Xóa đói giảm nghèo
- Đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ
- Tri ân anh hùng liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng và
- Khắc phục hậu quả thiên tai

2. Dự án phải đề ra mục tiêu cụ thể, có sự cam kết dài hạn với cộng đồng địa phương và hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Bảo Việt trong tương lai

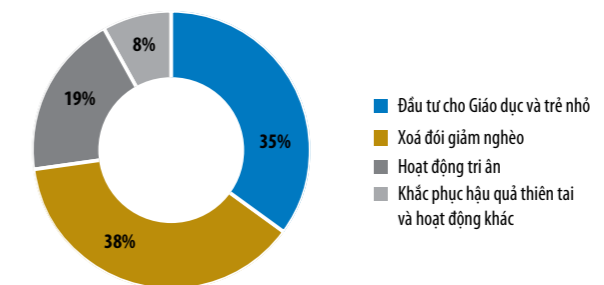
3. Dự án có sự đầu tư về nguồn vốn và con người: không chỉ đầu tư đơn thuần về vật chất, dự án cần gắn kết sự tham gia của cán bộ nhân viên Bảo Việt tại địa phương.

Đánh giá hiệu quả các dự án cộng đồng

Năm 2013, Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện nội dung Bảng ma trận đánh giá hiệu quả dự án cộng đồng (Score Matrix). Bảng ma trận đánh giá để cập sâu hơn với các nội dung lượng hóa cụ thể để đánh giá rõ ràng hơn về hiệu quả của



Tỷ lệ ngân sách cho các hoạt động an sinh xã hội năm 2013



Năm 2013, Bảo Việt đã dành hơn 22 tỷ đồng cho các hoạt động cộng đồng. Đặc biệt, chúng tôi đẩy mạnh chuỗi chương trình “Kết nối yêu thương”, gắn kết các hoạt động của các đơn vị trong hệ thống, mang thương yêu đến người dân các vùng khó khăn. Các dự án đều lôi kéo sự tham gia của cán bộ

nhân viên Bảo Việt, nhằm gia tăng giá trị đóng góp cho Bảo Việt. Năm 2013, chúng tôi có tổng cộng 1.000 lượt cán bộ tham gia các dự án cộng đồng, giá trị tương đương 234.000 giờ đóng góp và khoảng 1.715.000.000 đồng.

dự án đầu tư cộng đồng của Bảo Việt. Bảng ma trận đánh giá bao gồm 20 tiêu chí khác nhau trên thang điểm 100 bao gồm đánh giá tổng quan về: Mục tiêu và phạm vi thực hiện của dự án; lợi ích dự án đối với cộng đồng; số

lượng đối tượng được hưởng lợi từ dự án; khả năng duy trì mức độ ảnh hưởng của dự án sau khi khai thác hết nguồn vốn tài trợ...

Xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ đồng bào các tỉnh khó khăn

“Chúng tôi muốn giảm bớt tác động của nền kinh tế lên sự phát triển bất cân đối giữa các khu vực thành thị và nông thôn thông qua việc đầu tư cơ sở hạ tầng cho đồng bào các tỉnh khó khăn, giúp họ yên tâm lao động sản xuất để nuôi sống bản thân và gia đình”

Đầu tư cơ sở vật chất cho đồng bào tại Pắc Nặm



Sau 10 năm thành lập huyện, mạng lưới trường lớp học và đội ngũ giáo viên, nhà quản lý của Pắc Nặm đã phát triển không ngừng. Năm học 2003 - 2004, toàn huyện mới có 22 trường với 286 phòng học, đến năm học 2013 - 2014, số trường đã tăng lên thành 30, với tổng số phòng học là 468; số lượng giáo viên, cán bộ quản lý cũng tăng từ 405 lên con số 684 người. Bảo Việt tự hào khi đóng góp cho sự đổi mới này của huyện Pắc Nặm.

Bảo Việt đã hỗ trợ xóa 410 căn nhà tạm và dột nát tại huyện Pắc Nặm và tu sửa

nhà nội trú Trường PTCS xã Giáo Hiệu, đồng thời đầu tư xây dựng trạm y tế cho các xã: Bộc Bố, Nhận Môn, Xuân La, Bằng Thành, An Thắng và Cổ Linh.

Tính đến nay, Bảo Việt đã xây dựng 9 trạm y tế tại 2 huyện Pắc Nặm (Bắc Kạn) và Quế Phong (Nghệ An) với tổng kinh phí là 24 tỷ đồng. Trong đó, Trạm y tế xã Nghiễn Loan (Pắc Nặm) - công trình được Bảo Việt tài trợ xây dựng từ năm 2010, đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho bệnh nhân đến khám tại trạm.

Đến với người dân Sùng Trá (Đồng Văn, Hà Giang)



Từ ngày 6-8/12/2013, đoàn cán bộ Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt, Công ty Chứng khoán Bảo Việt phối hợp với Bệnh viện Hữu Nghị đã đến thăm, tặng quà các em học sinh và khám chữa bệnh cho người dân tại xã Sùng Trá (Hà Giang).

Tại đây, đoàn đã mang 500 khăn ấm, 200 đôi giày, 300 áo len cùng lương thực (gạo, mì tôm), bánh kẹo đến với các em học sinh và một số hộ nghèo. Bảo Việt đã bàn giao kinh phí 30 triệu đồng xây dựng nhà nhân ái cho anh

Ly Mĩ Cơ (thôn Phụng Thủng). Gia đình anh Ly Mĩ Cơ là hộ gia đình nghèo nhất xã, anh cùng vợ con sống trong căn nhà ọp ẹp hầu như không có vật dụng nào đáng giá đã gần 10 năm nay. Chương trình đã giúp gia đình anh Cơ có một mái ấm khang trang, xua tan đi cái giá lạnh mùa đông.

Bên cạnh đó, đoàn cũng tổ chức khám bệnh và phát thuốc cho hơn 500 người dân sinh sống tại xã. Tổng giá trị quà tặng và công trình nhà ở lên đến gần 100 triệu đồng.

Hành trình thương yêu đến với Bằng Thành (Bắc Kạn)



Xã Bằng Thành là một xã đặc biệt khó khăn của huyện Pắc Nặm, toàn xã có hơn 300 hộ dân, chủ yếu là dân tộc Mông với trên 90% hộ dân thuộc diện hộ nghèo. Toàn xã có 1 trường Tiểu học 300 học sinh, 1 trường THCS với 150 học sinh. Nhiều em do nhà xa phải ở nội trú tại trường, đặc biệt nhiều gia đình muốn các em ở nhà lao động

thay vì đến trường học chữ, nên tỷ lệ bỏ lớp tại xã tương đối cao.

Chương trình đã huy động gửi tặng các em học sinh và bà con nơi đây 500 khăn ấm, 200 áo rét, 2 tấn gạo, 300 cặp lồng, 3 tủ sách, 700 quyển vở, cùng sách, bút, đồ dùng học tập, lương thực thực phẩm...

Đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ

“Giáo dục có thể mang lại cơ hội thay đổi cuộc sống. Đầu tư cho giáo dục cũng chính là đầu tư mang tính nền tảng nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế cũng như xây dựng một cộng đồng thịnh vượng trong tương lai”.

Chương trình học bổng An Sinh Giáo Dục - 9 năm hành trình thấp sáng niềm tin cho trẻ em nghèo



Khởi động từ năm 2005, năm 2013 đánh dấu 9 năm liên tiếp Bảo Việt Nhân thọ phối hợp với Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam triển khai chương trình học bổng An Sinh Giáo Dục và 07 năm triển khai các chương trình tặng quà nhân dịp các ngày lễ Tết truyền thống

Năm 2013, Bảo Việt Nhân thọ tài trợ 1.000 suất học bổng An Sinh Giáo Dục, mỗi suất trị giá 800 nghìn đồng cùng 3.000 suất quà Tết Thiếu nhi 1-6, Tết Nguyên Đán 2014, mỗi suất trị giá 200 nghìn đồng.

Mang trung thu yêu thương tới trẻ em cả nước



Trong dịp Trung Thu, Bảo Việt Nhân thọ phối hợp cùng Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội tổ chức các chương trình Vui tết Trung thu và trao 1.000 phần quà cho các em học sinh trên 17 tỉnh thành trên cả nước.

Với tổng số tiền trao học bổng và quà Trung thu lên đến gần 400 triệu đồng, chương trình trao quà được Bảo Việt Nhân thọ tổ chức nhằm mang đến một Tết Trung thu ý nghĩa cho trẻ

em, tạo cho các em nguồn động viên khích lệ bằng chương trình phá cỗ đêm trăng và giao lưu với những tấm gương sáng trong học tập vượt khó.

Kết nối yêu thương' dành cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại Sơn Tây và Ba Vì



Nhân dịp Tết thiếu nhi 1/6, Bảo Việt đã đến thăm và tặng quà các em nhỏ của Hội viên Hội người mù Sơn Tây và các em thuộc Trung tâm Giáo dục Lao động số 2 tại Yên Bái, Ba Vì.

Hội người mù Sơn Tây có trên 200 hội viên là những người khiếm thị, trong đó có 40 cháu là con em hội viên cũng bị khuyết tật trên cơ thể. Các em tại

Trung tâm Giáo dục Lao động số 2 tại Yên Bái, Ba Vì lại có hoàn cảnh hoàn toàn khác.

Các em ở đây đều là những em có HIV và bị cha mẹ bỏ rơi. Hiện tại, Trung tâm đang nuôi dưỡng gần 100 em, ở nhiều lứa tuổi khác nhau, từ trẻ chưa đầy 3 tháng tuổi, có những em đã bước vào độ tuổi trăng rằm.

Tri ân các anh hùng liệt sỹ và gia đình có công với cách mạng

Nhiều thế hệ cán bộ công tác tại Bảo Việt đã từng tham gia kháng chiến bảo vệ tổ quốc, Bảo Việt luôn trân trọng những công hiến và hi sinh của thế hệ cha anh vì nền hòa bình mà chúng tôi có ngày hôm nay.

Thăm và tặng quà Trung tâm Điều dưỡng Thương bệnh binh Nho Quan, Ninh Bình



Ngày 25/7, Đại diện Công đoàn, Đoàn Thanh niên Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên đã đến thăm hỏi và tặng quà cho các thương binh nặng và con em các thương binh liệt sỹ bị nhiễm chất độc màu da cam tại Trung tâm

Điều dưỡng Thương bệnh binh Nho Quan, Ninh Bình.

Đóng góp xây dựng các công trình lịch sử cách mạng



Bảo Việt đã đóng góp xây dựng công trình Nghĩa trang liệt sỹ đường 9, nâng tổng mức ủng hộ của Bảo Việt cho công trình lên 5 tỷ đồng. Đây là một công trình đền ơn đáp nghĩa đồ sộ quy mô lớn, thể hiện sự tri ân của Đảng và Nhà nước ta đối với những người con trên mọi miền Tổ quốc đã không tiếc máu xương cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Bảo Việt cũng ủng hộ 4 tỷ đồng để tôn tạo di tích lịch sử Trưng Bôn tại tỉnh

Nghệ An. Tại đây, ngày 31/10/1968, 13 chiến sĩ của Đại đội Thanh niên xung phong 317 đã cùng lúc anh dũng hi sinh khi tuổi đời còn rất trẻ. Sự hi sinh ấy là một dấu son trong sổ vàng truyền thống của lực lượng Thanh niên xung phong, tỏ rõ thêm chủ nghĩa anh hùng cách mạng, và cũng là bằng chứng hết sức nổi bật về những mất mát, đau thương do chiến tranh để lại.

Tri ân mẹ Việt Nam anh hùng



Nhân dịp kỷ niệm 83 năm Ngày Phụ nữ Việt Nam, sáng ngày 20/10, Bảo Việt đã tiến hành khởi công xây dựng nhà tình nghĩa tặng gia đình mẹ Dương Thị Vương tại thôn Bon 1, xã Minh Tân, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Mẹ Vương hiện đã 68 tuổi, người dân tộc Tày, là vợ liệt sỹ Hoàng Văn Sáng. Trong một thời gian dài, gia đình mẹ đã phải sống và sinh hoạt trong một ngôi nhà dột nát, xiêu vẹo, không đủ điều kiện cư trú.

Biết được hoàn cảnh khó khăn của gia đình mẹ, Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt đã hỗ trợ toàn bộ kinh phí xây dựng, tương đương 50 triệu đồng và phối hợp cùng với các đoàn thể địa phương xây cho mẹ ngôi nhà mới rộng 48m2 bằng gạch vữa mác bê tông, lợp ngói trên nền đất cũ. Công trình với tổng trị giá hơn 100 triệu đồng đã được khánh thành và bàn giao lại cho mẹ Vương ngày 7/12/2013.

Khắc phục hậu quả thiên tai

Truyền thống tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách luôn được Bảo Việt chú trọng duy trì và phát triển trong gần 50 năm qua

Quyên góp ủng hộ đồng bào miền Trung sau siêu bão Wutip



Siêu bão số 10 với cường độ rất lớn đã tàn phá trên diện rộng, gây thiệt hại nặng nề về người và của, đặc biệt là các tỉnh từ Thanh Hóa đổ vào, những người dân miền Trung đã phải gồng mình lên chống bão.

Với truyền thống tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách luôn được Bảo Việt chú trọng duy trì và phát triển trong gần 50 năm qua, Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức buổi quyên góp kêu gọi sự chung tay hỗ trợ cho đồng bào gặp nạn của cán bộ nhân viên Bảo Việt với tên gọi "BẢO VIỆT - Kết nối yêu

thương: Hướng về miền Trung thân yêu". Trong khuôn khổ chương trình "Bảo Việt: Kết nối yêu thương, hướng về miền Trung thân yêu", tập thể cán bộ Bảo Việt trong hệ thống đã quyên góp trên 350 triệu đồng hỗ trợ đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả trong cơn bão.

Đại diện Lãnh đạo và cán bộ Bảo Việt đã đến các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị để thăm hỏi tình hình bà con miền Trung sau mùa lũ và trao tặng số tiền hỗ trợ.

Đoàn Thanh niên ủng hộ đồng bào tại Quảng Bình



Ngày 4/10/2013, đã ghi dấu thêm một ngày lịch sử của Việt Nam khi Đại tướng Võ Nguyên Giáp qua đời. Quảng Bình quê hương nơi Đại tướng sinh ra cùng lúc gánh chịu hai mất mát to lớn, sự ra đi của Người và sự tàn phá của cơn bão số 10.

Với tình cảm và lòng thành kính biết ơn sâu sắc đến vị Đại tướng của toàn dân tộc Võ Nguyên Giáp và hướng về đồng

bào lũ lụt miền trung, đặc biệt là quê hương Quảng Bình, Đoàn Thanh niên Tập đoàn Bảo Việt phát động phong trào "Nhớ Đại tướng - Thương đồng bào", kêu gọi quyên góp từ việc mua huy hiệu hình đại tướng. Chương trình đã nhận được sự quan tâm của các cán bộ trong và ngoài Bảo Việt, góp thêm một phần nhỏ gửi về đồng bào Quảng Bình.

HÀNH ĐỘNG VÌ MÔI TRƯỜNG

Hành động nhỏ cho thay đổi lớn

Bảo Việt hiểu rằng nếu tiếp tục khai thác các tài nguyên thiên nhiên mà không cân nhắc đến việc duy trì lâu dài các tài nguyên đó thì không một doanh nghiệp nào trong chúng ta có thể tăng trưởng và phát triển.

Xanh hóa hoạt động kinh doanh

Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững

Giảm cường độ phát thải khí nhà kính

Xanh hóa hoạt động kinh doanh

Tiếp tục thực hiện chương trình sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên nhiên liệu

Năm 2013, Bảo Việt tiếp tục triển khai chương trình tiết giảm chi phí với mục tiêu tiết giảm 150 tỷ đồng từ việc sử dụng tiết kiệm các nguồn nguyên vật liệu; nhiên liệu, điện và chi phí quản lý. Kết quả, Bảo Việt đã hoàn thành kế hoạch với kết quả tiết giảm được bao gồm:

Nội dung	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013
Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng	698	702
Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Triệu đồng	927	1300
Tiết kiệm điện	Kw/h	27.505	35.000
Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)	1.490	2.500
Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng	110.854	150.363
Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	Triệu đồng	496	800



Xây dựng môi trường lao động xanh, sạch và khoa học

Ý thức bảo vệ môi trường cần xuất phát từ việc xây dựng môi trường sạch sẽ, không gian thông thoáng tại nơi làm việc. Do đó, Bảo Việt đã phối hợp với Trung tâm Năng suất Việt Nam thực hiện dự án 5S nhằm bảo đảm hệ thống hồ sơ, tài liệu được "Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ = Sẵn sàng - Sẵn sàng", lưu trữ một cách khoa học giúp giảm thiểu tối đa thời gian tìm kiếm, góp phần nâng cao hiệu quả công việc đồng thời cũng tránh được những lãng phí không cần thiết về giấy tờ, vật phẩm văn phòng tiêu thụ, ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường.

Quan trọng hơn, dự án "Thực hành tốt 5S" thay đổi cách suy nghĩ, hình thành thói quen làm việc cũng như ý thức kỷ luật tốt, khơi nguồn sáng tạo của mỗi cán bộ trong doanh nghiệp.

Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững

Tăng cường nhận thức về môi trường của cán bộ nhân viên

Ngày 5/6/2013, nhân dịp kỷ niệm 41 năm Ngày môi trường thế giới, Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức Lễ phát động chương trình "Baoviet GoGreen - Hành trình xanh" nhằm nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường. Trong khuôn khổ chương trình, Bảo Việt đã tổ chức cuộc thi vẽ tranh về môi trường với chủ đề "Vì một hành tinh xanh" dành cho con em cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống. Cuộc thi nhằm nâng cao nhận thức của thế hệ trẻ về vấn đề bảo vệ môi trường và khám phá những ý tưởng sáng tạo, khơi gợi tình yêu thương gắn bó với thiên nhiên, cộng đồng của thế hệ mầm non tương lai của đất nước.

Các bài thi xuất sắc được trưng bày tại Triển lãm tranh về môi trường của Tập đoàn Bảo Việt. Các bức vẽ thể hiện cách nhìn của các bé về thế giới; mong muốn của các em về một thế giới hòa

binh và tươi đẹp. Thông qua cuộc thi, Bảo Việt muốn gửi gắm thông điệp “Mỗi chúng ta cùng đóng góp một bàn tay, chung sức vì một môi trường không còn ô nhiễm, khói bụi. Hãy cùng chung tay để biến giấc mơ của con em chúng ta thành hiện thực”.

Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông giảm thiểu nguồn năng lượng sử dụng

Năm 2013, Bảo Việt tiếp tục kêu gọi các đơn vị kinh doanh trong hệ thống tiết giảm chi phí quản lý thông qua việc sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng điện, nước và nguyên vật liệu từ văn phòng phẩm có nguồn gốc từ khai thác tài nguyên: giảm lượng giấy in tài liệu; tái sử dụng các loại bút và đồ dùng văn phòng bằng nhựa; giảm tần suất công tác sử dụng phương tiện các phương tiện máy bay, tàu hỏa...

Không chỉ đưa mục tiêu tiết giảm cho các đơn vị, chúng tôi cũng đồng thời đưa ra các giải pháp thay thế thông qua việc tăng cường các ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào hoạt động của doanh nghiệp như:

- Tăng cường sử dụng cầu truyền hình và các phương tiện kỹ thuật tiên tiến để trao đổi giữa các địa phương thay vì tổ chức các cuộc họp thông thường

- Giảm thiểu số lượng xuất bản các ấn phẩm nội bộ, thay vào đó tăng cường truyền thông qua hệ thống điện tử và mạng nội bộ

- Truyền thông, khuyến khích các cán bộ sử dụng phương tiện công cộng để đi làm, đảm bảo an toàn cá nhân cũng như giảm thiểu lượng khí CO2 từ các phương tiện vận chuyển cá nhân

Giảm cường độ phát thải khí nhà kính

Cam kết môi trường trong quản lý hoạt động tòa nhà

Bên cạnh việc kiểm soát việc khai thác gián tiếp và sử dụng các nguồn lực tự nhiên, năm 2013, chúng tôi cũng chú trọng hơn đến vấn đề xả thải ra môi trường từ nguồn nước thải sinh hoạt trong quá trình vận hành của doanh nghiệp. Chúng tôi tăng cường vai trò của Ban Quản lý tòa nhà trong việc kiểm soát các chất thải của tòa nhà và xử lý chất thải nguy hại tới môi trường.

Dự thảo “Đề án bảo vệ môi trường” trình Sở Tài nguyên và Môi trường

Năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt đã phối hợp với đơn vị tư vấn là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Môi trường An Phú xây dựng dự thảo “Đề án bảo vệ môi trường” theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/03/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho các tòa nhà của Bảo Việt.

Theo đó, chúng tôi tiến hành khảo sát thực địa, phân tích các mẫu nước theo đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Kết quả phân tích cho thấy toàn bộ nước thải phát sinh trong hoạt động của Tập đoàn đều có bản chất là nước thải sinh hoạt, các chỉ tiêu phân tích nước thải đều đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước.

Các đề xuất đưa ra trong Đề án này bao gồm các nội dung liên quan đến giải pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải thông qua việc bổ sung chế phẩm vi sinh, dọn dẹp hệ thống cống thoát nước để đảm bảo thông thoáng sạch

sẽ; kiểm tra định kỳ hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải tránh hiện tượng tắc nghẽn trên các dòng thải. Trong dài hạn, chúng tôi sẽ tiến hành nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, giảm thiểu tối đa ô nhiễm của dòng thải vào hệ thống xả thải chung của thành phố.

Thu gom và xử lý chất thải

Các chất thải từ các tòa nhà văn phòng có khả năng nguy hại tới môi trường được Bảo Việt thực hiện thu gom và xử lý theo Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/04/2011 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định về Quản lý chất thải nguy hại.

Các bước thực hiện bao gồm:

- Lấy mẫu nước thải, mẫu khí xung quanh và tại ống khói, lấy mẫu đất, mẫu nước ngầm;
- Xác định các nguồn gây ô nhiễm của tòa nhà như: khí thải, nước thải, chất thải rắn.
- Xác định các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của tòa nhà;
- Đánh giá tác động của từng nguồn gây ô nhiễm.

Chúng tôi cũng thực hiện báo cáo định kỳ trong hoạt động quản lý tòa nhà, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý nước thải phù hợp. Bảo Việt cũng đã được chứng nhận cấp phép xả nước thải vào lưu vực nguồn nước theo quy định tại QĐ số 35/2010/QĐ-UBND của TP. Hà Nội quy định về việc cấp phép khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước tại Hà Nội.



CUỘC THI VẼ TRANH VỀ MÔI TRƯỜNG VỚI CHỦ ĐỀ “VÌ MỘT HÀNH TINH XANH”

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Số lượng chi nhánh, văn phòng giao dịch	150	150
Tổng số lượng cán bộ nhân viên (người)	5.869	5.899
Tổng số lượng đại lý/tư vấn viên (người)	41.000	37.329
KINH TẾ		
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)	16.007	17.096
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	1.862	1.654
Tổng thuế nộp Ngân sách Nhà nước (tỷ đồng)	1.086	803
Chi trả cổ tức (tỷ đồng)*	817	1.020,6
Tổng các khoản chi trả cho người lao động (bao gồm cả tiền lương và khoản an sinh khác)* (tỷ đồng)	96,5	104
XÃ HỘI		
Người lao động		
Cơ cấu theo độ tuổi lao động		
• Dưới 25	5,2%	4,95%
• 25 - dưới 30	12,2%	20,12%
• Trên 30	44,3%	43,29%
• Trên 40	32,3%	31,63%
Tỷ lệ cán bộ nữ	44,36%	47,01%
Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động* (tỷ đồng)	2	2,5
Đầu tư cho hoạt động cộng đồng (tỷ đồng)		
Xóa đói giảm nghèo	12,7	8,3
Đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ	9,3	7,7
Tri ân các anh hùng liệt sỹ	3	4,1
Khắc phục thiên tai và hoạt động khác	1,2	1,7
MÔI TRƯỜNG		
Tiết kiệm nguyên, vật liệu (triệu đồng)	698	702
Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng (triệu đồng)	927	1.300
Tiết kiệm điện (Kw/h)	27.505	35.000
Tiết kiệm xăng, dầu (Tấn)	1.490	2.500

* Số liệu của Công ty Mẹ

BẢNG TUÂN THỦ (Tóm tắt)

Báo cáo này bao gồm các Công bố thông tin theo tiêu chuẩn dựa trên Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững của GRI.

GRI	Nội dung trong Báo cáo
Chiến lược & phân tích	Báo cáo trình bày các nội dung cụ thể liên quan đến tình hình tổng quan, những thách thức và cơ hội cho Bảo Việt cũng như các định hướng phát triển bền vững năm 2014 và tổng quan về báo cáo (Trình bày tại phần Tổng quan của Báo cáo, trang 150) Năm 2013, Bảo Việt chú trọng tới thực hiện chiến lược kinh doanh bền vững trong đó rà soát các yếu tố trong chuỗi giá trị (Trình bày tại phần Thực hiện kinh doanh bền vững, trang 179)
Phạm vi ranh giới Báo cáo	Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2013 (1/1/2013 - 31/12/2013) của Bảo Việt, đồng thời cũng đề cập đến định hướng và mục tiêu của Bảo Việt trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững. Việc triển khai các hoạt động phát triển bền vững được kiểm soát theo hệ thống kiểm soát chung của Tập đoàn.

GRI	Nội dung trong Báo cáo
Các nội dung trọng yếu trong báo cáo	Các bên liên quan được xem là các đối tác quan trọng, phản hồi từ các đối tác này là nguồn thông tin quý giá để chúng tôi tiếp tục phát triển và củng cố hoạt động của doanh nghiệp. Qua những lần trao đổi, tiếp xúc, chúng tôi đã rút ra được các vấn đề được các bên quan tâm và tính trọng yếu của các vấn đề này đối với hoạt động của Bảo Việt. Đây cũng là cơ sở để chúng tôi xây dựng nội dung của báo cáo bền vững 2013. (Chi tiết xem phần Sự tham gia của các bên liên quan, trang 166)
Sự tham gia của các bên liên quan	Trong năm 2013, Bảo Việt đã tăng cường và chủ động xây dựng các mối quan hệ sâu và bền vững với khách hàng, cổ đông nhà đầu tư, cán bộ nhân viên... Vấn đề phát triển bền vững cũng được chúng tôi lồng ghép trong quá trình trao đổi tiếp xúc với các bên nhằm tăng cường nhận thức về vấn đề này cũng như để lắng nghe ý kiến của các bên đối với hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến kinh tế - xã hội - môi trường. (Chi tiết xem phần Sự tham gia của các bên liên quan, trang 166)
Vai trò của HĐQT trong việc thiết lập mục tiêu, giá trị và chiến lược phát triển bền vững	Vấn đề phát triển bền vững được thực hiện xuyên suốt toàn Tập đoàn, từ cấp độ Hội đồng Quản trị đến Ban điều hành; các đơn vị thành viên và phòng ban chức năng của Bảo Việt. HĐQT có các vai trò: Hoạch định mục tiêu chiến lược và định hướng phát triển bền vững; Đánh giá năng lực và cách thức triển khai liên quan đến vấn đề phát triển bền vững thông qua xây dựng chỉ tiêu đánh giá hiệu quả; Theo dõi, nắm bắt và chỉ đạo các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững; Chỉ đạo thực hiện Báo cáo phát triển bền vững (Chi tiết xem phần Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững, trang 159)
MỤC TIÊU KINH TẾ	
Hiệu quả kinh tế	Bảo Việt đạt tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững và ổn định qua các năm. Trong giai đoạn 2009-2013, tốc độ tăng trưởng bình quân của doanh thu hợp nhất đạt 12,8%, của tài sản hợp nhất đạt 13,1%.
Các ảnh hưởng kinh tế gián tiếp	Thông qua việc đầu tư cơ sở hạ tầng cho đồng bào các tỉnh khó khăn, Bảo Việt muốn hỗ trợ người dân nơi đây yên tâm lao động sản xuất để nuôi sống bản thân và gia đình họ. Năm 2013, Bảo Việt đã đầu tư hơn 8 tỷ đồng cho hoạt động xóa đói giảm nghèo. Năm 2013, Bảo Việt đóng góp gần 22 tỷ đồng cho hoạt động An sinh xã hội, chi trả gần 1.021 tỷ đồng lợi tức cho cổ đông và đóng góp 803 tỷ đồng thuế vào Ngân sách nhà nước cũng như chi trả 73 tỷ đồng cho các nhà cung cấp dịch vụ tại địa phương. (Chi tiết xem thêm tại Xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ đồng bào các tỉnh khó khăn trang 192)
MỤC TIÊU XÃ HỘI	
Trách nhiệm với người lao động	Tại Bảo Việt, chúng tôi luôn coi trọng mục tiêu cá nhân và khuyến khích người lao động phấn đấu hoàn thành mục tiêu của họ, đảm bảo hài hòa với mục tiêu của tổ chức. Bảo Việt tăng cường mức độ gắn bó của cán bộ thông qua chính sách lương và phúc lợi, thăng tiến, đào tạo bồi dưỡng, môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp.
<i>Đào tạo và giáo dục</i>	Bảo Việt đã đào tạo được gần 5.000 lượt cán bộ, từng bước trang bị các kỹ năng và nâng cao những năng lực cơ bản và cốt lõi mang tính nền tảng cho đội ngũ cán bộ, nhân viên. Đồng thời, Bảo Việt đã cử cán bộ tham gia các chương trình Hội thảo ở nước ngoài, hướng đến mục tiêu hội nhập và tiếp cận các tiêu chuẩn quốc tế
<i>Đa dạng và công bằng trong năm bắt cơ hội; Khen thưởng công bằng không phân biệt giới tính</i>	Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Bảo Việt tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực then chốt, xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp và thân thiện. Bảo Việt thực hiện quản lý và đánh giá người lao động theo năng suất và hiệu quả công việc, đem lại cơ hội công bằng cho tất cả các cán bộ trong quá trình làm việc, cống hiến và tạo điều kiện để họ phát huy năng lực tối đa.
Trách nhiệm với xã hội	
<i>Cộng đồng địa phương</i>	Năm 2013, Bảo Việt đã dành gần 22 tỷ đồng cho các hoạt động cộng đồng. Đặc biệt, chúng tôi đẩy mạnh chuỗi chương trình "Kết nối yêu thương", gắn kết các hoạt động của các đơn vị trong hệ thống, mang thương yêu đến người dân các vùng khó khăn. Các dự án đều có sự tham gia của cán bộ nhân viên Bảo Việt, nhằm gia tăng giá trị đóng góp cho Bảo Việt
<i>Đánh giá hiệu quả</i>	Năm 2013, Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện nội dung Bảng đánh giá hiệu quả dự án cộng đồng (Score Matrix). Bảng đánh giá đề cập sâu hơn với các nội dung lượng hóa cụ thể để đánh giá rõ ràng hơn về hiệu quả của dự án đầu tư cộng đồng của Bảo Việt.
Trách nhiệm với khách hàng	
<i>Vì sức khỏe và an toàn của khách hàng</i>	Là doanh nghiệp bảo hiểm và tài chính, các sản phẩm Bảo Việt đem lại sự an tâm cho khách hàng trước những rủi ro trong cuộc sống, chúng tôi mong muốn chia sẻ gánh nặng trước những bất trắc liên quan đến sức khỏe, tài sản của bản thân, gia đình và doanh nghiệp.
<i>Truyền thông tiếp thị</i>	Khi nhận thức về các sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chính tại thị trường Việt Nam vẫn chưa cao thì việc thông tin đầy đủ tới khách hàng về sản phẩm, giúp khách hàng hiểu rõ các quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia sản phẩm là trách nhiệm bắt buộc của của Bảo Việt. Một trong nguyên tắc quan trọng được quy định trong đạo đức nghề nghiệp của cán bộ bán hàng Bảo Việt đó là tư vấn đầy đủ, rõ ràng, và có trách nhiệm các nội dung trong Hợp đồng ký kết, không vì các lợi ích trước mắt mà gây ảnh hưởng đến quyền lợi cho khách hàng và doanh nghiệp.
MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG	Thực hiện theo Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã công bố ngày 29/10, Bảo Việt tiếp tục đẩy mạnh các chuỗi hoạt động Baoviet GoGreen, hướng đến một công số xanh và góp phần xây dựng môi trường xanh thông qua các hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> Xanh hóa hoạt động kinh doanh: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy việc sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Niềm tin vào sự minh bạch

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

**Báo cáo của Hội đồng Quản trị
và báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
Ngày 31 tháng 12 năm 2013**

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	204 - 206
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	207
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	208 - 209
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	210 - 213
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	214 - 216
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	217 - 218
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	219 - 302
THÔNG TIN BỔ SUNG VỀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP THÍ ĐIỂM NĂM 2013	303



THÔNG TIN CHUNG

TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh đã được đăng ký thay đổi 5 lần, lần thứ 5 vào ngày 08 tháng 05 năm 2013.

Tập đoàn niêm yết toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08 tháng 05 năm 2013 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các Công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; và hoạt động kinh doanh bất động sản
Vốn điều lệ:	6.804.714.340.000 đồng Việt Nam
Số cổ phần đã đăng ký:	680.471.434
Cổ đông sáng lập:	Bộ Tài chính, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), HSBC Insurance (Asia - Pacific) Holdings Limited

Tập đoàn có các Công ty con sau:

Các công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	35 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ")	1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVVF")	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới và lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc ("Bảo Việt - Âu Lạc")	Hà Liễu, Phường Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt ("Baoviet Bank")	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ ngân hàng	52%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt ("BVInvest")	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	55%

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Tập đoàn có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc	Địa chỉ
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư xây dựng cơ bản Bảo Việt ("PMU")	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có các sự kiện quan trọng sau:

- Theo thỏa thuận ký kết giữa Tập đoàn Bảo hiểm HSBC Châu Á - Thái Bình Dương (HSBC) và Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (Sumitomo Life), ngày 26 tháng 03 năm 2013, Sumitomo Life đã hoàn tất giao dịch mua 122.509.091 cổ phiếu từ HSBC, tương đương với 18% số cổ phiếu đang lưu hành. Sumitomo Life đã trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của Tập đoàn Bảo Việt với tỷ lệ sở hữu là 18% vốn điều lệ.
- Ngày 24 tháng 04 năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 và đã thông qua việc bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2012-2017. Ngày 08 tháng 05 năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Đăng ký thay đổi lần thứ 5 đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, theo đó người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn Bảo Việt là ông Trần Trọng Phúc, Tổng Giám đốc Tập đoàn.
- Trong năm 2013, Tập đoàn đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ lên 2.000 tỷ đồng theo lộ trình tăng vốn đề ra. Bộ Tài chính đã chính thức phê duyệt và cấp Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC5/KDBH cho Bảo hiểm Bảo Việt và Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC2/KDBH cho Bảo Việt Nhân thọ chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2007
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Ông Trần Trọng Phúc	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2007
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2007
Ông Lê Hải Phong	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 09 năm 2009
Ông Dương Đức Chuyển	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2011
Ông Charles Bernard Gregory	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2011 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2013
Ông Yukihiro Yoshiharu	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2013
Ông Kono Shinzo	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2013

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phan Kim Bằng	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2007
Ông Lui Ho Yin Danny	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2012 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2013
Ông Đặng Thái Quý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Ông Ông Tiến Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Ông Yagi Nobuyuki	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2013

BAN ĐIỀU HÀNH

Thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Trọng Phúc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2007 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2013
Ông Lê Hải Phong	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2008
Ông Phan Tiến Nguyên	Giám đốc Nguồn Nhân lực	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2008
Ông Dương Đức Chuyển	Giám đốc Đầu tư	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2010
Ông Malcolm Gray	Giám đốc Công nghệ thông tin	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2013
Ông Alan Royal	Giám đốc Công nghệ thông tin	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2008 Miễn nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2013
Ông Hoàng Việt Hà	Giám đốc Hoạt động	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 09 năm 2011
Ông Abhishek Sharma	Giám đốc Quản lý Rủi ro	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2012 Miễn nhiệm ngày 10 tháng 09 năm 2013
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Giám đốc Bất động sản	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 07 năm 2012
Bà Thân Hiền Anh	Giám đốc Chiến lược và Quản lý rủi ro	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 09 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn tại ngày lập báo cáo này là ông Trần Trọng Phúc, chức danh: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Tập đoàn ("Ban Điều hành") chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Ông Lê Quang Bình
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2014

Số tham chiếu: 60780870/16489163-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông
Tập đoàn Bảo Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2014 và được trình bày từ trang 210 đến trang 302, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1



Lê Đức Linh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1672-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.009.687.670.927	17.778.444.201.197
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	7.318.047.598.296	4.077.977.824.233
111	1. Tiền		836.894.089.325	1.945.622.912.658
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.481.153.508.971	2.132.354.911.575
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	13.1	10.995.898.404.043	9.327.381.495.268
121	1. Đầu tư ngắn hạn		12.514.663.014.621	10.414.796.247.039
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.518.764.610.578)	(1.087.414.751.771)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	4.397.993.530.033	4.168.099.088.601
131	1. Phải thu về hoạt động bảo hiểm		1.824.021.478.361	2.074.300.750.625
132	2. Trả trước cho người bán		88.996.179.443	51.489.130.241
133	3. Tạm ứng		41.980.266.141	37.800.374.779
137	4. Phải thu từ hoạt động đầu tư tài chính		2.494.816.116.126	2.064.848.319.861
138	5. Các khoản phải thu khác		129.887.859.063	80.506.720.647
139	6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(181.708.369.101)	(140.846.207.552)
140	IV. Hàng tồn kho	7	162.995.465.855	125.424.309.750
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		134.752.672.700	79.561.483.345
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		68.513.237.801	78.219.073.858
155	2. Tài sản thiếu chờ xử lý		147.390.507	164.690.507
152	3. Thuế GTGT được khấu trừ		751.544.721	1.942.748
154	4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	415.602.249
156	5. Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn		30.000.000	30.000.000
158	6. Tài sản ngắn hạn khác		65.310.499.671	730.173.983
160	B. CHO VAY KHÁCH HÀNG	8	7.886.252.689.174	7.042.879.686.335
161	1. Cho vay khách hàng		7.985.891.545.791	7.181.296.896.386
169	2. Dự phòng rủi ro tín dụng		(99.638.856.617)	(138.417.210.051)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
200	C. TÀI SẢN DÀI HẠN		24.197.199.460.622	21.403.882.267.523
220	I. Tài sản cố định		1.948.142.084.366	1.985.583.550.142
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	906.048.201.009	960.799.622.487
222	<i>Nguyên giá</i>		1.689.832.873.731	1.751.548.457.078
223	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(783.784.672.722)	(790.748.834.591)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	755.237.331.779	785.457.387.925
228	<i>Nguyên giá</i>		992.696.305.284	974.047.474.075
229	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(237.458.973.505)	(188.590.086.150)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	286.856.551.578	239.326.539.730
240	II. Bất động sản đầu tư	12	23.448.947.000	23.448.947.000
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13.2	22.115.641.028.608	19.282.761.991.644
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		368.451.544.686	366.365.372.992
258	2. Đầu tư dài hạn khác		21.794.588.483.922	19.469.322.932.199
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(47.399.000.000)	(552.926.313.547)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		109.967.400.648	112.087.778.737
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	62.857.060.931	40.935.483.284
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17.2	10.751.442.075	37.572.956.615
267	3. Tài sản ký quỹ dài hạn		28.902.340.251	26.406.721.414
268	4. Tài sản dài hạn khác		7.456.557.391	7.172.617.424
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		55.093.139.820.723	46.225.206.155.055

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		40.877.671.108.929	32.045.837.112.707
310	I. Nợ ngắn hạn		5.778.504.510.049	3.812.091.377.204
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	265.151.573.583	923.705.262.994
312	2. Phải trả thương mại	16.1	4.466.973.931.161	1.888.571.689.158
313	3. Người mua trả tiền trước	16.2	3.632.865.493	4.522.746.642
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	134.655.736.018	103.686.164.689
315	5. Phải trả người lao động		320.061.539.134	298.578.500.742
316	6. Chi phí phải trả		25.050.208.098	24.652.065.124
317	7. Doanh thu chưa thực hiện		57.765.890.568	47.483.118.430
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	400.881.755.465	445.597.835.967
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	104.331.010.529	75.293.993.458
320	II. Tiền gửi của khách hàng	20	11.551.571.033.756	7.148.473.125.999
321	1. Tiền gửi của các tổ chức tín dụng	20.1	4.517.816.221.382	2.636.138.607.863
322	2. Tiền gửi của khách hàng	20.2	7.033.754.812.374	4.512.334.518.136
330	III. Nợ dài hạn		49.051.501.927	39.192.814.605
333	1. Ký quỹ, ký cược dài hạn		48.257.468.453	39.192.814.605
335	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	17.2	794.033.474	-
340	IV. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	21	23.498.544.063.197	21.046.079.794.899
341	1. Dự phòng phí chưa được hưởng		2.316.444.731.074	2.044.049.829.410
342	2. Dự phòng toán học		18.673.827.677.728	16.144.557.359.748
343	3. Dự phòng bồi thường		1.229.492.036.892	1.558.099.012.989
344	4. Dự phòng dao động lớn		5.668.068.505	140.727.302.811
345	5. Dự phòng chia lãi		1.230.452.168.754	1.123.018.043.453
346	6. Dự phòng đảm bảo cân đối		42.659.380.244	35.628.246.488
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.125.472.235.060	12.113.876.041.877
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	12.125.472.235.060	12.113.876.041.877
411	1. Vốn chủ sở hữu		6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.184.332.381.197	3.184.332.381.197
415	3. Quỹ chênh lệch tỷ giá		16.075.608.000	16.075.608.000
416	4. Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm		204.006.060.361	162.698.505.129
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		23.128.503.219	20.372.157.338
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		35.756.438.161	29.808.118.286
419	7. Quỹ khác		103.568.802.818	103.568.802.818
420	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.753.890.101.304	1.792.306.129.109
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	23	2.089.996.476.734	2.065.493.000.471
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		55.093.139.820.723	46.225.206.155.055

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
1. Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm (VND)	352.068.456.420	332.335.039.485
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	5.455.412.081	4.792.072.856
3. Ngoại tệ (USD)	2.701.376	2.373.145
4. Chứng khoán lưu ký (VND)	16.546.388.370	17.155.622.420.000
5. Chứng khoán chưa lưu ký (VND)	2.733.484.330.000	2.927.807.560.000
6. Cam kết trong nghiệp vụ L/C (VND)	-	9.794.658.592
7. Bảo lãnh khác (VND)	64.991.582.036	144.260.754.820
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác (VND)	6.673.212	7.422.138
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (VND)	17.916.407.002	20.116.407.002
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác (VND)	3.021.304.520	3.021.304.520

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Trọng Phúc
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
01	Thu phí bảo hiểm gốc	24.1	11.989.345.135.217	10.593.014.184.645
02	Thu phí nhận tái bảo hiểm	24.2	329.868.031.467	324.578.137.216
03	Các khoản giảm trừ doanh thu	24.3	(1.389.620.090.028)	(1.501.748.076.327)
04	Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm		(1.308.653.689.794)	(1.434.243.708.247)
05	Giảm phí		(15.946.757.921)	(7.979.725.534)
06	Hoàn phí		(65.019.642.313)	(59.524.642.546)
08	Tăng dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng toán học		(2.801.665.219.645)	(1.251.949.923.686)
09	Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		229.353.990.840	233.185.227.477
10	Thu nhập khác		9.048.272.395	17.042.548.860
11	Thu khác nhận tái bảo hiểm		3.103.652.066	375.911.524
12	Thu khác nhượng tái bảo hiểm		1.530.344.400	6.665.993.519
13	Thu hoạt động khác		4.414.275.929	10.000.643.817
14	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01+02+03+08+09+10)		8.366.330.120.246	8.414.122.098.185
15	Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	25.1	(5.883.774.672.138)	(6.003.194.937.115)
16	Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	25.2	(433.296.203.260)	(148.001.677.644)
17	Các khoản giảm trừ chi phí		1.121.407.840.675	526.541.089.376
18	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	25.3	1.107.727.646.001	512.995.603.382
19	Thu đòi người thứ ba		10.079.533.624	12.262.322.625
20	Thu xử lý hàng bồi thường 100%		3.600.661.050	1.283.163.369
21	Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (21 = 15+16+17)		(5.195.663.034.723)	(5.624.655.525.383)
22	Chi bồi thường từ quỹ dao động lớn		228.000.000.000	261.000.000.000
23	(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường		(73.687.999.443)	18.232.587.305
24	Trích dự phòng dao động lớn		(92.940.765.694)	(148.097.890.419)
25	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.485.151.441.124)	(1.331.261.852.972)
26	Chi khác hoạt động bảo hiểm gốc		(1.423.213.313.473)	(1.243.322.203.860)
27	- Chi hoa hồng		(1.266.367.965.547)	(1.092.774.193.612)
28	- Chi để phòng hạn chế tổn thất		(78.352.943.499)	(67.873.257.653)
29	- Chi giám định, chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm, chi khác		(78.492.404.427)	(82.674.752.595)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
30	Chi nhận tái bảo hiểm khác		(59.254.451.704)	(72.969.818.599)
31	Chi nhượng tái bảo hiểm		(2.683.675.947)	(14.969.830.513)
33	Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (33 = 21+22+23+24+25)		(6.619.443.240.984)	(6.824.782.681.469)
34	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (34 = 14+33)		1.746.886.879.262	1.589.339.416.716
35.1	Thu nhập từ hoạt động ngân hàng		1.213.034.837.755	1.523.279.562.209
35.2	Chi phí của hoạt động ngân hàng		(699.633.866.134)	(907.620.184.648)
35	Thu nhập thuần từ hoạt động ngân hàng	26	513.400.971.621	615.659.377.561
36.1	Doanh thu hoạt động khác		214.777.973.512	200.394.721.098
36.2	Chi phí hoạt động khác		(202.191.253.806)	(195.047.750.032)
36	Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	27	12.586.719.706	5.346.971.066
37	Chi phí bán hàng		(372.533.232.026)	(330.887.098.697)
38	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(2.681.154.696.353)	(2.441.607.022.254)
38.1	Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		(2.131.094.559.615)	(1.947.460.725.860)
38.2	Chi phí quản lý liên quan trực tiếp đến hoạt động ngân hàng		(253.450.157.503)	(227.127.126.926)
38.3	Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến các lĩnh vực khác		(296.609.979.235)	(267.019.169.468)
39.1	Lỗ thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (39.1 = 34+37+38.1). Trong đó:		(756.740.912.379)	(689.008.407.841)
	- Lỗ thuần từ hoạt động bảo hiểm nhân thọ		(832.065.837.088)	(809.916.681.369)
	- Lãi thuần từ hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ		75.324.924.709	120.908.273.528
39.2	Lợi nhuận thuần hoạt động ngân hàng (39.2=35+38.2)		259.950.814.118	388.532.250.635
39.3	Lỗ thuần từ các hoạt động khác (39.3=36+38.3)		(284.023.259.529)	(261.672.198.402)
40	Doanh thu hoạt động tài chính	29.1	3.129.407.493.920	3.067.529.848.446
41	Chi phí hoạt động tài chính	29.2	(734.501.891.093)	(748.084.396.312)
42	Lợi nhuận hoạt động tài chính (42 = 40+41)		2.394.905.602.827	2.319.445.452.134
43	Thu nhập hoạt động khác		14.343.064.061	57.539.041.189
44	Chi phí hoạt động khác		(5.926.302.074)	(2.700.108.267)
45	Lợi nhuận từ hoạt động khác (45 = 43+44)	30	8.416.761.987	54.838.932.922

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
46	Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh		31.557.789.847	49.568.269.333
47	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (47 = 39.1+39.2+39.3+42+45+46)		1.654.066.796.871	1.861.704.298.781
48	Dự phòng bảo đảm cân đối		(7.031.133.756)	(6.940.009.967)
49	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.1	(385.445.670.590)	(448.194.863.779)
50	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	17.2	(27.615.548.015)	24.624.208.165
51	LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (51 = 47+48+49)		1.233.974.444.510	1.431.193.633.200
52	Phân chia lợi ích cổ đông thiểu số		96.443.745.088	82.924.754.770
53	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CHỦ SỞ HỮU TẬP ĐOÀN (53 = 51-52)		1.137.530.699.422	1.348.268.878.430
54	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1.672	1.981



Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng



Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Trọng Phúc
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu phí bảo hiểm và thu lãi		11.854.672.626.869	12.457.680.958.628
02	2. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ		(8.517.277.203.934)	(8.368.151.577.665)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.153.866.184.663)	(1.068.313.662.691)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(1.602.304.145)	(16.605.387.892)
05	5. Tiền đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(345.166.145.838)	(455.240.598.927)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.233.909.172.785	2.153.119.365.366
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.513.713.720.257)	(2.796.048.602.263)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.556.956.240.817	1.906.440.494.556
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(76.760.319.326)	(97.488.528.824)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		2.770.185.088	208.610.761
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(11.968.982.554.833)	(14.191.212.522.421)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác		14.315.909.713.046	12.216.319.794.524
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(879.172.180.950)	(1.350.213.053.444)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		992.284.832.781	1.652.042.816.841
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		411.742.414.400	199.251.338.835
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.797.792.090.206	(1.571.091.543.728)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		-	720.000.000.000
32	2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(35.763.844.591)	-
33	3. Tiền thu từ vay ngắn và dài hạn		52.043.573.583	85.195.778.594
34	4. Tiền trả cổ tức		(1.056.846.370.350)	(816.565.720.800)
36	5. Tiền chi khác từ hoạt động tài chính		(74.650.225.393)	(1.725.118.460.639)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.115.216.866.751)	(1.736.488.402.845)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.239.531.464.272	(1.401.139.452.017)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	5	4.077.977.824.233	5.479.823.264.414
61	Ảnh hưởng của biến động tỷ giá		538.309.791	(705.988.164)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	7.318.047.598.296	4.077.977.824.233



Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng

Ngày 28 tháng 03 năm 2014



Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Trọng Phúc
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh được đăng ký thay đổi 5 lần, lần 5 vào ngày 08 tháng 05 năm 2013.

Tập đoàn niêm yết toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần 5 ngày 08 tháng 05 năm 2013 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các Công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; và hoạt động kinh doanh bất động sản
Vốn điều lệ:	6.804.714.340.000 đồng Việt Nam
Số cổ phần đã đăng ký:	680.471.434
Cổ đồng sáng lập:	Bộ Tài chính, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), HSBC Insurance (Asia - Pacific) Holdings Limited
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Trần Trọng Phúc Chức danh: Tổng Giám đốc

Cơ cấu vốn cổ phần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Cổ đồng	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Bộ Tài chính	482.509.800	70,91
Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (Sumitomo Life)	122.509.091	18,00
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	22.154.400	3,26
Các cổ đồng khác	53.298.143	7,83
Tổng cộng	680.471.434	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Chi tiết của các Công ty con, các đơn vị hạch toán phụ thuộc và Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt ("BVF1") được trình bày dưới đây:

Các công ty con

Các công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	35 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ")	1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVVF")	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới và lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc ("Bảo Việt - Âu Lạc")	Hà Liễu, Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt ("Baoviet Bank")	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ ngân hàng	52%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt ("BVInvest")	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	55%

- Bảo hiểm Bảo Việt được thành lập ngày 21 tháng 06 năm 2004 theo Quyết định số 1296/QĐ/BTC của Bộ Tài chính và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01/GPĐC3/KDBH do Bộ Tài chính cấp cùng ngày. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 45GP/KDBH. Ngày 27 tháng 03 năm 2013, Bộ Tài chính đã phê duyệt và cấp giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC5/KDBH chấp thuận việc Bảo hiểm Bảo Việt tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng Việt Nam.
- Bảo Việt Nhân thọ được thành lập ngày 04 tháng 12 năm 2003 theo Quyết định số 3668/QĐ/BTC của Bộ Tài chính. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ dưới hình thức chuyển đổi từ Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 46/GP/KDBH. Ngày 19 tháng 12 năm 2013, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC2/KDBH chấp thuận việc Bảo Việt Nhân thọ tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng Việt Nam.
- BVF được thành lập vào ngày 22 tháng 08 năm 2005 theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HDQT-BV của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Giấy phép Kinh doanh số 0104000256 ban hành ngày 22 tháng 08 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và giấy phép điều chỉnh số 10/UBCK-GPĐCQLQ ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của BVF là 50.000.000.000 đồng Việt Nam.
- BVSC được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mức vốn điều lệ là 43.000.000.000 đồng Việt Nam. Ngày 10 tháng 12 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 288/UBCK-GP điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD với mức vốn điều lệ mới là 722.339.370.000 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty con (tiếp theo)

- Bảo Việt - Âu Lạc được thành lập vào ngày 18 tháng 02 năm 2009 theo Quyết định số 2300373648 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Bắc Ninh. Vốn điều lệ của Bảo Việt - Âu Lạc là 60.660.000.000 đồng Việt Nam.
- Baoviet Bank được thành lập vào ngày 11 tháng 12 năm 2008 theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 328/GP-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103126572 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 12 năm 2012. Vốn điều lệ của Baoviet Bank là 3.000 tỷ đồng Việt Nam.
- BVInvest được thành lập vào ngày 09 tháng 01 năm 2009 theo Giấy phép Kinh doanh số 0103034168 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Vốn điều lệ ban đầu của BVInvest là 100 tỷ VNĐ. BVInvest có hai lần thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh: lần đầu vào ngày 19 tháng 01 năm 2009 và lần thứ hai là thay đổi vốn điều lệ vào ngày 01 tháng 11 năm 2011. Theo đó, vốn điều lệ của BVInvest tăng lên là 300 tỷ đồng Việt Nam. Tại thời điểm lập báo cáo này, các cổ đông của BVInvest đã thực hiện góp bổ sung 100 tỷ VNĐ trên tổng số vốn góp cam kết bổ sung là 200 tỷ đồng Việt Nam (tỷ lệ sở hữu của các cổ đông của BVInvest sau khi phát hành thêm cổ phần không thay đổi).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVInvest như sau:

	Số vốn góp cam kết VNĐ	% trên vốn điều lệ	Số vốn đã góp VNĐ
Đầu tư trực tiếp của Công ty Mẹ	165.000.000.000	55	110.000.000.000
Đầu tư gián tiếp qua các Công ty con	120.000.000.000	40	80.000.000.000
- Bảo Việt Nhân thọ	60.000.000.000	20	40.000.000.000
- Bảo hiểm Bảo Việt	60.000.000.000	20	40.000.000.000
	285.000.000.000	95	190.000.000.000

Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt ("BVF1")

BVF1 được thành lập tại Việt Nam ngày 19 tháng 07 năm 2006 dưới hình thức quỹ đóng theo giấy phép số 05/UBCK-TLQTV do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Thời gian hoạt động ban đầu của Quỹ là 5 năm kể từ ngày được cấp giấy phép. Vào ngày 27 tháng 07 năm 2011, BVF1 nhận được thông báo chính thức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận gia hạn thời gian hoạt động của Quỹ đến ngày 19 tháng 07 năm 2014.

Quỹ có Vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 50.000.000 (năm mươi triệu) đơn vị quỹ cho cổ đông với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ và được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng Việt Nam theo công văn số 98/TB-UBCK ngày 04 tháng 03 năm 2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp tương đương với 100.000.000 (một trăm triệu) đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ.

Quỹ được quản lý bởi BVF là Công ty con của Tập đoàn. Ngân hàng giám sát của Quỹ BVF1 là Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam).

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Thành viên của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt số 02.2012/BVF1-HĐTV ngày 18 tháng 10 năm 2012 và Công văn chấp thuận số 17/UBCKQLQ ngày 19 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Quỹ BVF1 bắt đầu tiến hành giải thể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, thời gian thực hiện giải thể Quỹ là từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 19 tháng 07 năm 2014. Tập đoàn ghi nhận giảm số lượng chứng chỉ quỹ BVF1 dựa trên giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ định giá gần nhất theo Công văn số 1458/UBCK-QLQ ngày 16 tháng 04 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi Ngân hàng giám sát HSBC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Quý Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (“BVF1”) (tiếp theo)

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVF1 như sau:

	Số vốn góp VND	% trên vốn điều lệ
Đầu tư trực tiếp của Công ty Mẹ	46.825.443.452	9,42
Đầu tư gián tiếp qua các Công ty con	408.477.272.655	82,16
- Bảo Việt Nhân thọ	298.885.809.259	60,12
- Bảo hiểm Bảo Việt	109.591.463.396	22,04
	455.302.716.107	91,58

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Đơn vị hạch toán phụ thuộc	Địa chỉ
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư Xây dựng Cơ bản Bảo Việt	71 Ngõ Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Mẹ Tập đoàn và các Công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Mẹ Tập đoàn là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính và lập báo cáo tài chính theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp. Tuy nhiên, do Công ty Mẹ Tập đoàn và các Công ty con có các hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và có tham khảo đến Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1296 TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ Tài chính và Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ Tập đoàn, các công ty con và BVF1 (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty Mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty Mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty Mẹ Tập đoàn có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con nhằm thu lợi ích từ hoạt động này.

Báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Tập đoàn thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (“VND”).

2.5 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Ngoài ra, Tập đoàn còn lập báo cáo tài chính hợp nhất cho từng quý.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành Tập đoàn cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Tập đoàn cũng đồng thời tuân thủ chính sách kế toán về ghi nhận giá trị định giá lại quyền sử dụng đất như được trình bày tại Thuyết minh số 4.11.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Thay đổi trong chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Ngày 25 tháng 04 năm 2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Thông tư có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013. Theo quy định của Thông tư này, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; và
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

Theo đó, kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Tập đoàn thực hiện giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, đồng thời phân bổ giá trị còn lại của các tài sản này vào kết quả hoạt động kinh doanh với thời hạn không quá 03 năm.

4.2 Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực cho đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính được liệt kê dưới đây. Tập đoàn dự kiến sẽ áp dụng khi những chuẩn mực và quy định này có hiệu lực.

Thông tư số 02/2013/TT-NHNN - Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”).

Ngày 21 tháng 1 năm 2013, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 02/2013/TT-NHNN quy định việc phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Ngày 27 tháng 5 năm 2013, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 12/2013/TT-NHNN sửa đổi thời gian hiệu lực thi hành quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư 02 từ ngày 1 tháng 6 năm 2013 sang ngày 01 tháng 6 năm 2014.

Thông tư 02 sẽ thay thế các quy định hiện hành về phân loại nợ và trích lập dự phòng các khoản cho vay khách hàng được quy định trong Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 04 năm 2007 và Quyết định số 780/QĐ-NHNN ngày 23 tháng 04 năm 2012.

So với các quy định trước đây, Thông tư 02 có một số thay đổi quan trọng như sau:

- Mở rộng phạm vi phân loại nợ: cụ thể quy định về việc phân loại và trích lập dự phòng rủi ro cho các hoạt động ủy thác đầu tư, ủy thác cấp tín dụng, thế tín dụng, mua bán nợ, tiền gửi tại các TCTD khác...
- Sử dụng thông tin tín dụng: Thông tư 02 yêu cầu kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng do tổ chức tín dụng phân loại phải được điều chỉnh theo kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng có mức độ rủi ro cao hơn tại các tổ chức tín dụng khác. Đồng thời, mỗi quý một lần, TCTD phải gửi kết quả phân loại nợ và cam kết ngoại bảng cho Trung tâm thông tin tín dụng - NHNN (“CIC”).
- Định giá tài sản đảm bảo: tài sản đảm bảo trị giá trên 200 tỷ đồng hoặc trên 50 tỷ đồng của các khoản cho vay các bên liên quan, đối tượng hạn chế cấp tín dụng phải được định giá độc lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực (tiếp theo)

Ngày 18 tháng 3 năm 2013, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 09/2013/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN. Theo đó các sửa đổi chính như sau:

- Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ: Điều khoản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 03 năm 2014 và hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2015.
- Sử dụng thông tin tín dụng: Điều khoản này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

Ban Điều hành Tập đoàn đang đánh giá ảnh hưởng (nếu có) của những quy định này đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh liên quan đến hoạt động ngân hàng của Tập đoàn cho các năm tài chính tiếp theo.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp hợp nhất trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Tập đoàn chủ yếu bao gồm đất đai, chi phí phát triển đất, nhà ở và căn hộ liên quan đến các hoạt động đầu tư xây dựng của BVIInvest và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần thể hiện giá bán ước tính trừ các chi phí dự tính để có thể hoàn thành, chi phí marketing và chi phí bán hàng ước tính sau khi đã lập dự phòng (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Hàng tồn kho (tiếp theo)

BVInvest áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Đối với hàng tồn kho là đất đai, chi phí phát triển đất, nhà ở và căn hộ, giá trị hàng tồn kho được xác định như sau:

- Quyền sử dụng đất, phí sử dụng đất, chi phí giải phóng mặt bằng, các chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp tới các hoạt động phát triển nhà đất;
- Các chi phí liên quan tới việc xây dựng khu căn hộ và nhà ở.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của BVInvest dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.6 Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.7 Dự phòng rủi ro tín dụng

Phân loại nợ

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 04 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 04 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, các tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Các khoản nợ được phân loại là *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* được coi là nợ xấu.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, các khoản cho vay sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối mỗi quý cho 3 quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho Quý 4 trong năm tài chính.

Ngày 23 tháng 04 năm 2012, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 780/QĐ-NHNN về việc Phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Theo đó, Baoviet Bank, Công ty con của Tập đoàn, đã tiến hành điều chỉnh kỳ hạn nợ và gia hạn nợ đối với một số khoản vay của các khách hàng được Ngân hàng đánh giá là hoạt động sản xuất kinh doanh có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt sau khi điều chỉnh kỳ hạn nợ và gia hạn nợ, đồng thời giữ nguyên các nhóm nợ cho các khoản vay này như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn nợ và gia hạn nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Baoviet Bank phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Baoviet Bank thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Chi tiết về phân loại nợ, tính toán dự phòng và số dự phòng Tập đoàn thực tế hạch toán cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày ở Thuyết minh số 8.1 và 8.2.

4.8 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6 hoặc Điều 7 của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.9 Nghiệp vụ bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (“VAMC”)

Trong năm 2013, BaoViet Bank thực hiện bán nợ cho VAMC theo giá trị ghi sổ theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 9 tháng 7 năm 2013 về “Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam”, Thông tư số 19/2013/TT-NHNN “Quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam” và Công văn số 8499/NHNN-TCKT về việc “Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD”. Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó và nhận dưới dạng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành.

Sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, BaoViet Bank tiến hành hạch toán tất toán gốc và dự phòng cho vay khách hàng và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ bán. Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, BaoViet Bank sử dụng nguồn dự phòng rủi ro cụ thể đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch giữa dự phòng rủi ro đã trích lập và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi được sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Thu nhập khác”.

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của BaoViet Bank. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, BaoViet Bank tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm không thấp hơn 20% mệnh giá trái phiếu đặc biệt. Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Chi phí hoạt động ngân hàng”. Trái phiếu đặc biệt này không phải thực hiện trích lập dự phòng chung.

4.10 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên giá trị định giá lại do chuyên gia thẩm định giá thực hiện đối với các lô đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đang trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 nhằm phục vụ mục đích cổ phần hóa của Công ty Mẹ Tập đoàn.

4.12 Khấu hao

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 08 năm
Trang thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	04 năm
Phần mềm tin học	03 - 05 năm
Tài sản cố định vô hình khác	03 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tập đoàn không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn theo quy định tại Thông tư 45.

4.13 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất có thời hạn	theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Nhà cửa	06 - 50 năm
Tài sản khác	05 - 10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay (ngoài chi phí lãi trong hoạt động ngân hàng) bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.15 Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể mà không phải dưới hình thức công ty con hay liên doanh. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Khoản cổ tức/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết phải được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Tập đoàn thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Danh sách các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 13.2.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu bao gồm việc ghi nhận phần sở hữu Tập đoàn trong lãi hoặc lỗ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư của Tập đoàn tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trên tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi của quỹ dự trữ sau khi mua được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức được nhận từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được căn trừ vào khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

4.17 Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc tại ngày giao dịch và sau đó luôn được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng (nếu có).

- Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản cho vay, cho vay ủy thác, tiền gửi ngân hàng và các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao khác có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và có thời hạn gốc trên 03 tháng và thời gian đáo hạn dưới một năm.
- Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các loại cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản cho vay, cho vay ủy thác, tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng có thời gian đầu tư dự kiến trên một năm.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo các quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 5 Thông tư số 228/2009/TT-BTC ("Thông tư 89") và các quy định khác có liên quan. Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây:

Đối với chứng khoán niêm yết

Đối với chứng khoán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, nếu xét thấy có bằng chứng khách quan về việc giảm giá thị trường so với giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán thì phần giảm giá được tính bằng khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá thực tế thị trường của chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo công thức quy định trong Thông tư 228 như sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \text{Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại ngày lập báo cáo tài chính} \times \left(\text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ sách} - \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính} \right)$$

Giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính là giá đóng cửa tại các sàn giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác (tiếp theo)

Đối với chứng khoán chưa niêm yết

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, những phương pháp dưới đây được sử dụng để tính giá trị hợp lý phục vụ cho việc so sánh với giá trị ghi sổ nhằm xác định mức tổn thất dự phòng:

- Đối với chứng khoán đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, giá thị trường là giá trị giao dịch trung bình tại ngày lập báo cáo tài chính;
- Giá thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết khác là giá bình quân tính trên các báo giá được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán độc lập có uy tín hoạt động tại Việt Nam tại thời điểm lập dự phòng;
- Đối với các chứng khoán không xác định được giá thị trường thì Tập đoàn không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu (06) trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin, do Vinashin đang gặp khó khăn về tình hình tài chính và căn cứ vào lịch sử trả nợ gốc và lãi của các trái phiếu này, Tập đoàn đã dừng dự thu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và trích lập dự phòng 100% đối với các khoản lãi trái phiếu đã dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Đối với các khoản đầu tư tiền gửi tại Công ty Tài chính Công nghiệp Tàu thủy Vinashin (VFC) và Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn II (ALCII), cũng do đánh giá tình hình thực tế tại ALCII và VFC, Tập đoàn đã trích lập dự phòng 100% đối với phần lãi dự thu trong hạn theo hợp đồng và đồng thời dừng ghi nhận và trích lập dự phòng đối với phần lãi phạt quá hạn.

Đầu tư góp vốn vào các tổ chức kinh tế

Đối với các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật và các khoản đầu tư dài hạn khác phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89.

Mức trích cho mỗi khoản đầu tư tài chính không vượt quá số vốn đã đầu tư và tính theo công thức được nêu trong Thông tư 89 như sau:

$$\text{Mức trích dự phòng cho mỗi khoản đầu tư tài chính} = \left(\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} - \text{Vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế} \right) \times \frac{\text{Vốn đầu tư của Tập đoàn}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Căn cứ để lập dự phòng là khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Tạm ứng từ giá trị giải ước

Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ 24 tháng trở lên và có giá trị giải ước có quyền được yêu cầu tạm ứng từ giá trị giải ước theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị giải ước và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

Tạm ứng từ giá trị giải ước theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận theo giá gốc và được trình bày trong mục "Các khoản đầu tư tài chính dài hạn" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lãi suất cho từng hợp đồng sẽ do Tập đoàn thông báo trong từng thời kỳ. Phần tiền lãi phát sinh từ các hợp đồng tạm ứng này được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất trong năm.

4.19 Chứng khoán mua lại và bán lại theo hợp đồng có kỳ hạn ("hợp đồng repo")

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được phân bổ vào chi phí trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại theo phương pháp đường thẳng.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được phân bổ vào doanh thu trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại theo phương pháp đường thẳng.

4.20 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.21 Lợi ích nhân viên

Các khoản trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí cho các nhân viên của Tập đoàn sau khi nghỉ hưu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam chi trả. Theo quy định, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, hàng tháng Tập đoàn sẽ đóng góp vào quỹ lương hưu cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo mức 17% trên mức lương cơ bản của nhân viên (từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 16% và trước ngày 01 tháng 01 năm 2010 là 15%). Ngoài ra, Tập đoàn không có nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

- Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2012, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Lợi ích nhân viên (tiếp theo)

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc (tiếp theo)

- Trợ cấp mất việc: theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

Theo Quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, từ năm 2012, Tập đoàn không trích lập hay duy trì Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, theo quy định mới của Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ban hành ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện việc thu, chi, quản lý Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4.22 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư số 125/2012/TT-BTC (“Thông tư 125”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 07 năm 2012. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tập đoàn bao gồm:

Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ	Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ
Dự phòng toán học	Dự phòng phí chưa được hưởng
Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng	Dự phòng bồi thường
Dự phòng bồi thường	Dự phòng dao động lớn
Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường	
Dự phòng chia lãi	
Dự phòng đảm bảo cân đối	

Chi tiết về các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ được trình bày dưới đây:

4.22.1 Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ

- Dự phòng toán học* là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các khoản bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh theo phương pháp Zillmer đối với các khoản phải thu phí bảo hiểm trong tương lai. Dự phòng toán học được tính toán cho tất cả các sản phẩm với các công thức tính toán bảo hiểm cụ thể và những nhân tố cho mỗi loại sản phẩm đã được đăng ký và chấp nhận bởi Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.22.1 Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ (tiếp theo)

Dự phòng toán học cho những sản phẩm của bảo hiểm liên kết chung được Tập đoàn tính toán theo các quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 96/2007/QĐ-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 và theo Thông tư 125 và theo các nguyên tắc và công thức tính toán được chấp nhận rộng rãi trên toàn thế giới. Phương pháp và cơ sở để xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đối với sản phẩm liên kết chung của Tập đoàn đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt.

- Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng* là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã thu vào ngày lập báo cáo tài chính và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo.
- Dự phòng bồi thường* cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết.
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường* được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống.
- Dự phòng chia lãi* là khoản dự phòng cho phần lãi tích lũy chưa trả đối với các hợp đồng bảo hiểm được chia lãi. Dự phòng chia lãi được tính trên phần chênh lệch giữa tỉ lệ lãi suất đầu tư thực hiện đã thông báo cho các hợp đồng được chia lãi và lãi suất kỹ thuật của hợp đồng đó.
- Dự phòng bảo đảm cân đối*: Mức trích lập hàng năm là 1% từ lợi nhuận trước thuế cho đến khi khoản dự phòng này bằng 5% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của Bảo Việt Nhân thọ.

4.22.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập bằng 25% trên tổng phí giữ lại;
- Đối với các loại hình bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8. Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một quý của doanh nghiệp bảo hiểm phân bố đều giữa các tháng trong quý, hay nói một cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được tính theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \text{Phí bảo hiểm giữ lại} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng}$$

- Đối với các đơn bảo hiểm có thời hạn dài hơn một năm, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp từng ngày theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm giữ lại} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm}}$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.22.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm theo quy định tại Thông tư 125 của Bộ Tài chính; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR) xác định theo quy định tại Thông tư 125, theo đó:

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại của năm tài chính	=	$\frac{\text{Tổng số tiền BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi BT của 3 năm TC trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền BT phát sinh của 3 năm TC trước liên tiếp}}$	x	Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại	x	$\frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm TC hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm TC trước}}$	x	$\frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC trước}}$
--	---	---	---	---	---	---	---	--

(iii) Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được dự chi mỗi kỳ cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại và dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ của Ban Tổng Giám đốc Bảo hiểm Bảo Việt. Bảo hiểm Bảo Việt sử dụng dự phòng dao động lớn để bồi thường khi có dao động lớn về tổn thất hoặc tổn thất lớn xảy ra mà tổng phí bảo hiểm giữ lại trong kỳ sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả tiền bồi thường đối với phần trách nhiệm giữ lại Bảo hiểm Bảo Việt.

4.22.3 Quy định về trích lập dự phòng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam - Chuẩn mực về hợp đồng bảo hiểm (VAS 19)

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại ngày kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 03 năm 2007 về việc quy định chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn và Bảo Việt Nhân thọ trích lập dự phòng đảm bảo cân đối trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Tỷ lệ trích lập dự phòng dao động lớn của Bảo hiểm Bảo Việt hiện tại là 2% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm theo Thông tư 125 và tỷ lệ trích lập dự phòng đảm bảo cân đối của Bảo Việt Nhân thọ là 1% lợi nhuận trước thuế hàng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.23 Quỹ dự trữ bắt buộc

Các quỹ dự trữ bắt buộc dưới đây được trích lập phù hợp với các quy định hiện hành mà Tập đoàn và các Công ty con đang hoạt động trong từng lĩnh vực cụ thể:

Hoạt động bảo hiểm

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế mỗi kỳ kế toán và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 03 năm 2007. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt đã trích 5% lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự trữ bảo hiểm bắt buộc.

Hoạt động chứng khoán

BVSC, Công ty con của Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 01 tháng 02 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ đầu tư phát triển	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Hoạt động ngân hàng

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 20 tháng 07 năm 2012, các ngân hàng thương mại cổ phần phải trích lập quỹ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	100% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	10%	25% vốn điều lệ

4.24 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Bảo hiểm nhân thọ

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với Thông tư 125. Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi bên mua bảo hiểm đã chấp nhận và đóng phí bảo hiểm. Phí bảo hiểm đóng một lần được ghi nhận là doanh thu kể từ khi hợp đồng có hiệu lực. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối niên độ kế toán được ghi nhận ở phần "Người mua trả tiền trước" và được thể hiện ở mục "Các khoản phải trả, phải nộp khác" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.24 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu phí bảo hiểm gốc (tiếp theo)

Bảo hiểm nhân thọ (tiếp theo)

Tổng phí thu được từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận là doanh thu. Giá trị quỹ liên kết chung được các Chuyên gia định phí của Bảo Việt Nhân thọ tính toán và được ghi nhận thông qua “Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Bảo hiểm phi nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 125. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau:

- (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm; và
- (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối niên độ kế toán được ghi nhận ở phần “Phí bảo hiểm trả trước” và được thể hiện ở mục “Doanh thu chưa thực hiện” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lãi

Doanh thu được ghi nhận là lãi dự thu có tính đến lãi đầu tư thực tế đạt được của tài sản trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

Tiền lãi trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. Doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của trái phiếu khi đáo hạn. Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư trái phiếu đã được dồn tích trước khi Tập đoàn mua lại khoản trái phiếu đó, thì khi thu được tiền lãi từ khoản đầu tư trái phiếu, Tập đoàn phân bổ vào cả các kỳ trước khi nó được mua. Chỉ có phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Tập đoàn. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Thu nhập lãi từ hoạt động ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dự thu sử dụng lãi suất danh nghĩa. Việc ghi nhận lãi cho vay tạm ngừng khi khoản vay bị suy giảm khả năng thu hồi, là khi các khoản nợ được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo quy định theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 04 năm 2005 và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 04 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước. Lãi dự thu của các khoản nợ đó được chuyển ra và tiếp tục theo dõi ở các tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Tập đoàn thực nhận.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí lưu ký, phí thường hoạt động, phí môi giới, bảo lãnh phát hành, v.v... được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Lãi từ kinh doanh chứng khoán được tính từ phần chênh lệch giữa giá bán và giá gốc bình quân của chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.24 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức hay lợi nhuận được chia của Tập đoàn với tư cách là nhà đầu tư được xác định. Theo quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC, Tập đoàn không ghi nhận doanh thu đối với phần cổ tức được trả bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo dõi ngoại bảng.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (“TSCĐ”), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4.25 Ghi nhận chi phí

Chi bồi thường và chi trả đáo hạn

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi bồi thường và chi trả đáo hạn được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán đối với chủ hợp đồng theo điều khoản hợp đồng được xác lập.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Bảo hiểm Bảo Việt chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Chi hoa hồng

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về Luật Kinh doanh Bảo hiểm (“Thông tư 124”).

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, chi phí hoa hồng chỉ được ghi nhận khi phát sinh. Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư 124.

Chi phí lãi từ hoạt động ngân hàng

Chi phí lãi từ hoạt động ngân hàng được ghi nhận theo nguyên tắc dự chi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.25 Ghi nhận chi phí (tiếp theo)

Giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Giá vốn đất đã chuyển nhượng bao gồm toàn bộ các chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất hoặc các chi phí có thể phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Toàn bộ các chi phí về đất và phát triển đất
- Các chi phí bắt buộc, không thu hồi được khác phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản liên quan đến các hoạt động phát triển đất hiện tại và trong tương lai của dự án.

Tài sản đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.26 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định

- Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của Bảo hiểm Bảo Việt.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

- Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bản kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và
- Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận nhận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.27 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ hoàn thành bằng cách so sánh tỷ lệ của chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ khi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

4.28 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.28 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

4.29 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn được phân chia theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

4.30 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“CMKTVN số 10”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đã áp dụng nhất quán trong năm trước và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.31 Cấn trừ

Tài sản và công nợ được cấn trừ và thể hiện giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Tập đoàn dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị thuần, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

4.32 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng. Các ước tính này chủ yếu được dựa trên định tính và rủi ro chưa xác định nên kết quả thực tế có thể sẽ rất khác dẫn tới việc dự phòng có thể phải sửa đổi.

4.33 Các khoản mục ngoại bảng

Theo Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm, các hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết nhưng chưa phát sinh trách nhiệm đối với các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không cần phải phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi phí bảo hiểm đã được thu hoặc đơn bảo hiểm có hiệu lực.

Ngoài ra, Tập đoàn hoạt động trên các lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ... do vậy trên một số thông tin liên quan đến các khoản mục như là chứng khoán lưu ký và chưa lưu ký, cam kết ngoại bảng, danh mục ủy thác đầu tư... cũng được trình bày ngoại bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các yêu cầu luật định áp dụng cho các doanh nghiệp này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND
Tiền mặt tại quỹ	163.702.785.205	146.203.039.415
Tiền gửi ngân hàng	611.436.426.741	1.651.252.310.173
Tiền đang chuyển	61.754.877.379	148.167.563.070
Các khoản tương đương tiền (*)	6.481.153.508.971	2.132.354.911.575
Tổng	7.318.047.598.296	4.077.977.824.233

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại các tổ chức tài chính có kỳ hạn gốc không quá ba tháng với lãi suất bằng đồng Việt Nam dao động từ 3,4%/năm đến 7,5%/năm và 1,3%/năm đến 1,5%/năm đối với đồng Đô la Mỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Phải thu về hoạt động bảo hiểm		
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	653.946.733.564	630.179.996.116
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	140.559.652.420	113.687.464.465
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	895.664.437.696	1.293.724.300.108
Phải thu khác hoạt động bảo hiểm	4.890.277.796	346.638.012
Phải thu liên quan đến đồng bảo hiểm	128.960.376.885	36.362.351.924
	1.824.021.478.361	2.074.300.750.625
Trả trước cho người bán	88.996.179.443	51.489.130.241
Tạm ứng	41.980.266.141	37.800.374.779
Phải thu từ hoạt động đầu tư tài chính		
Phải thu cổ tức	13.338.723.300	11.865.661.007
Lãi tiền gửi ngân hàng	735.337.401.252	654.913.150.716
Phải thu từ hợp đồng repo	50.011.258.889	-
Phải thu lãi trái phiếu	925.056.205.875	855.685.386.977
Phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	358.381.076.838	190.351.336.238
Tạm ứng phí tự động	53.515.659.326	50.987.433.340
Phải thu lãi cho vay khách hàng	147.218.892.470	72.982.657.826
Phải thu lãi từ hợp đồng tạm ứng từ giá trị giải ước giải ước	206.074.679.854	223.242.905.493
Phải thu đầu tư khác	5.882.218.322	4.819.788.264
	2.494.816.116.126	2.064.848.319.861
Các khoản phải thu khác	129.887.859.063	80.506.720.647
Tổng cộng các khoản phải thu	4.579.701.899.134	4.308.945.296.153
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(181.708.369.101)	(140.846.207.552)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	4.397.993.530.033	4.168.099.088.601

7. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Ấn chỉ	17.976.480.753	15.554.836.810
Vật liệu, văn phòng phẩm	9.945.682.754	10.204.014.813
Thiết bị, dụng cụ	2.514.154.178	1.151.015.876
Chi phí sản xuất dở dang (*)	132.559.148.170	98.514.442.251
Tổng cộng hàng tồn kho	162.995.465.855	125.424.309.750
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	162.995.465.855	125.424.309.750

(*) Đây là chi phí xây dựng dở dang của các bất động sản đầu tư của BVInvest. Các khoản này đang được ghi nhận là hàng tồn kho cho đến khi hoàn thành sẽ chuyển vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Cho vay thương mại	7.956.891.545.791	6.748.196.896.386
Trong đó:		
- Nợ ngắn hạn	2.746.954.013.844	2.595.278.387.565
- Nợ trung hạn	1.076.255.680.391	1.161.408.717.125
- Nợ dài hạn	4.133.681.851.556	2.991.509.791.696
Cho vay các Tổ chức Tín dụng	29.000.000.000	433.100.000.000
	7.985.891.545.791	7.181.296.896.386
Dự phòng rủi ro tín dụng	(99.638.856.617)	(138.417.210.051)
Giá trị thuần các khoản cho khách hàng	7.886.252.689.174	7.042.879.686.335

Lãi suất cho vay thương mại	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (%/năm)	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (%/năm)
Bằng VNĐ	5,0 – 22,0	6,4 – 24,0
Bằng ngoại tệ	2,0 – 9,1	4,49 – 9,1

8.1. Phân tích chất lượng các khoản cho vay thương mại

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Nợ đủ tiêu chuẩn	6.666.573.754.708	5.083.114.648.862
Nợ cần chú ý	979.294.849.008	1.264.098.893.141
Nợ dưới tiêu chuẩn	14.676.361.728	188.057.179.548
Nợ nghi ngờ	119.268.465.518	36.838.757.775
Nợ có khả năng mất vốn	177.078.114.829	176.087.417.060
	7.956.891.545.791	6.748.196.896.386

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

8.2 Dự phòng rủi ro tín dụng

Chi tiết thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm các khoản sau:

	Dự phòng cụ thể VNĐ	Dự phòng chung VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2013	92.753.465.350	45.663.744.701	138.417.210.051
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đã trích trong kỳ	105.648.279.792	12.342.307.715	117.990.587.507
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng trong kỳ	-	(960.375.000)	(960.375.000)
Xử lý rủi ro trong năm	(155.808.565.941)	-	(155.808.565.941)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	42.593.179.201	57.045.677.416	99.638.856.617

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VNĐ	Trang thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2013	922.166.391.914	89.068.738.382	368.506.169.585	369.322.706.451	2.484.450.746	1.751.548.457.078
Tăng trong kỳ	57.987.498.055	2.557.518.619	28.896.517.166	27.728.827.849	67.884.000	117.238.245.689
- Mua sắm	50.452.127.348	1.373.031.800	28.796.717.166	27.604.242.049	67.884.000	108.294.002.363
- Khác	7.535.370.707	1.184.486.819	99.800.000	124.585.800	-	8.944.243.326
Giảm trong kỳ	(4.755.680.800)	(8.750.054.641)	(8.254.068.477)	(156.670.941.003)	(523.084.115)	(178.953.829.036)
- Thanh lý, nhượng bán	(4.654.396.941)	(339.570.016)	(7.584.686.477)	(90.739.726.220)	(448.624.615)	(103.767.004.269)
- Khác (*)	(101.283.859)	(8.410.484.625)	(669.382.000)	(65.931.214.783)	(74.459.500)	(75.186.824.767)
Tại ngày 31/12/2013	975.398.209.169	82.876.202.360	389.148.618.274	240.380.593.297	2.029.250.631	1.689.832.873.731
Hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2013	268.912.440.696	48.083.502.895	206.115.331.824	266.664.001.799	973.557.377	790.748.834.591
Tăng trong kỳ						
- Khấu hao trong kỳ	39.037.032.756	12.454.774.481	45.351.101.398	37.012.069.503	279.720.736	134.134.698.874
Giảm trong kỳ	(4.071.739.854)	(7.677.538.186)	(6.500.702.652)	(122.425.675.691)	(423.204.360)	(141.098.860.743)
- Thanh lý, nhượng bán	(3.978.709.224)	(292.515.914)	(6.258.827.652)	(71.553.058.479)	(381.578.231)	(82.464.689.500)
- Khác (*)	(93.030.630)	(7.385.022.272)	(241.875.000)	(50.872.617.212)	(41.626.129)	(58.634.171.243)
Tại ngày 31/12/2013	303.877.733.598	52.860.739.190	244.965.730.570	181.250.395.611	830.073.753	783.784.672.722
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2013	653.253.951.218	40.985.235.487	162.390.837.761	102.658.704.652	1.510.893.369	960.799.622.487
Tại ngày 31/12/2013	671.520.475.571	30.015.463.170	144.182.887.704	59.130.197.686	1.199.176.878	906.048.201.009

(*) Bao gồm các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2013	690.996.590.171	279.044.688.865	4.006.195.039	974.047.474.075
- Tăng trong kỳ	12.795.405.000	7.301.666.131	-	20.097.071.131
- Giảm trong kỳ (*)	(787.960.000)	(647.639.422)	(12.640.500)	(1.448.239.922)
Tại ngày 31/12/2013	703.004.035.171	285.698.715.574	3.993.554.539	992.696.305.284
Khấu hao lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2013	38.577.238.057	147.589.545.018	2.423.303.075	188.590.086.150
- Khấu hao trong kỳ	7.216.826.659	41.769.577.137	511.199.138	49.497.602.934
- Giảm trong kỳ (*)	-	(616.075.079)	(12.640.500)	(628.715.579)
Tại ngày 31/12/2013	45.794.064.716	188.743.047.076	2.921.861.713	237.458.973.505
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2013	652.419.352.114	131.455.143.847	1.582.891.964	785.457.387.925
Tại ngày 31/12/2013	657.209.970.455	96.955.668.498	1.071.692.826	755.237.331.779

(*) Bao gồm các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và giảm do phân loại lại quyền sử dụng đất sang tài sản cố định hữu hình.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Mua sắm tài sản cố định chưa dùng	99.740.828.103	92.066.716.501
Xây dựng cơ bản dở dang	186.250.720.282	146.461.865.236
Sửa chữa lớn tài sản cố định	865.003.193	797.957.993
	286.856.551.578	239.326.539.730

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang ("XDDD") tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Công trình XDDD tại Bảo hiểm Bảo Việt	81.554.988.768	64.839.702.808
Công trình XDDD tại Bảo Việt Nhân thọ	50.828.073.859	6.947.705.000
Công trình XDDD của Công ty Mẹ Tập đoàn	41.456.598.928	62.591.184.951
Công trình XDDD của Bảo Việt Âu Lạc	12.083.272.477	12.083.272.477
Công trình XDDD của Baoviet Bank	327.786.250	-
	186.250.720.282	146.461.865.236

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Là khoản đầu tư vào Dự án khu biệt thự nhà vườn Quang Minh tại khu vực Đồng Địa, Cửa Cuồng, Mả Vàng thuộc thôn Gia Tân - Xã Quang Minh - huyện Mê Linh - tỉnh Vĩnh Phúc. Các dự án này vẫn đang được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc bán dự án tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Số dư các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013			Ngày 31 tháng 12 năm 2012		
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng giảm giá VNĐ	Giá trị thuần VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng giảm giá VNĐ	Giá trị thuần VNĐ
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	12.514.663.014.621	(1.518.764.610.578)	10.995.898.404.043	10.414.796.247.039	(1.087.414.751.771)	9.327.381.495.268
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	22.163.040.028.608	(47.399.000.000)	22.115.641.028.608	19.835.688.305.191	(552.926.313.547)	19.282.761.991.644
	34.677.703.043.229	(1.566.163.610.578)	33.111.539.432.651	30.250.484.552.230	(1.640.341.065.318)	28.610.143.486.912

13.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD	9.841.532.847.572	8.449.299.538.923
Trái phiếu	1.113.827.448.268	748.635.945.143
Cổ phiếu niêm yết	1.238.522.465.618	1.070.558.981.071
Cổ phiếu chưa niêm yết	255.886.469.844	81.673.569.920
Cho vay và cho vay ủy thác	45.750.405.092	45.318.857.716
Đầu tư ngắn hạn khác	19.143.378.227	19.309.354.266
	12.514.663.014.621	10.414.796.247.039
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.518.764.610.578)	(1.087.414.751.771)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư ngắn hạn	10.995.898.404.043	9.327.381.495.268

13.1.1 Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	9.841.532.847.572	8.136.879.538.923
Tiền gửi có kỳ hạn bằng USD	-	312.420.000.000
	9.841.532.847.572	8.449.299.538.923

Các hợp đồng tiền gửi có thời gian đáo hạn trong vòng một năm và có lãi suất dao động từ 6%/năm đến 16,80%/năm đối với đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

13.1.2 Trái phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Trái phiếu doanh nghiệp	1.009.328.918.268	518.638.489.212
Trái phiếu Chính phủ	104.498.530.000	229.997.455.931
	1.113.827.448.268	748.635.945.143

Loại trái phiếu	Loại tiền tệ	Kỳ hạn (năm)	Lãi suất (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Trái phiếu doanh nghiệp	VNĐ	1 - 15	10,00 - 15,95	1.009.328.918.268
Trái phiếu Chính phủ	VNĐ	3 - 5	7,60 - 9,30	104.498.530.000
				1.113.827.448.268

Các khoản đầu tư ngắn hạn vào trái phiếu của Tập đoàn là các khoản trái phiếu có thời hạn còn lại dưới một năm.

13.1.3 Cổ phiếu niêm yết

Tập đoàn hiện đang nắm giữ các cổ phiếu của các công ty niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Tập đoàn không nắm giữ các cổ phiếu của các công ty niêm yết trên thị trường quốc tế.

13.1.4 Cho vay và cho vay ủy thác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn đã thực hiện trích lập dự phòng 100% cho toàn bộ số dư 45.750.405.092 đồng Việt Nam của các khoản cho vay và cho vay ủy thác do các khoản mục này đã bị phân nhóm là nợ có khả năng mất vốn theo quy định.

13.1.5 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng	738.754.530.128	590.607.102.097
Trái phiếu (*)	139.838.022.519	85.728.343.158
Cổ phiếu niêm yết	468.347.654.037	296.047.886.364
Cổ phiếu chưa niêm yết	104.421.666.417	47.908.072.502
Cho vay và cho vay ủy thác	45.750.405.092	45.318.857.716
Đầu tư ngắn hạn khác	21.652.332.385	21.804.489.934
	1.518.764.610.578	1.087.414.751.771

(*) Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin, do Vinashin đang gặp khó khăn về tình hình tài chính và căn cứ vào lịch sử trả nợ gốc và lãi của các trái phiếu này, Tập đoàn đã dừng ghi nhận lãi dự thu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và trích lập dự phòng 100% đối với các khoản lãi trái phiếu đã dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2010. Khoản dự thu trái tức của trái phiếu Vinashin kể từ thời điểm dừng dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 218.070.000.000 đồng được Tập đoàn theo dõi ngoại bảng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	13.2.1	368.451.544.686	366.365.372.992
Đầu tư dài hạn khác		21.794.588.483.922	19.469.322.932.199
Tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD	13.2.2	1.521.500.000.000	2.296.015.600.000
Trái phiếu	13.2.3	18.832.601.419.030	15.303.781.368.291
Tạm ứng từ giá trị giải ước	13.2.4	672.270.142.547	667.347.421.564
Đầu tư dài hạn khác	13.2.5	768.216.922.345	1.202.178.542.344
Tổng các khoản đầu tư tài chính dài hạn		22.163.040.028.608	19.835.688.305.191
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	13.2.6	(47.399.000.000)	(552.926.313.547)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư dài hạn		22.115.641.028.608	19.282.761.991.644

13.2.1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị các khoản đầu tư của Tập đoàn vào các công ty liên kết, liên doanh bao gồm:

Thuyết minh	Đơn vị được đầu tư	Ngày 31 tháng 12 năm 2013			Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
		Vốn điều lệ VND	Vốn Tập đoàn đã góp (theo giá gốc) VND	Tỷ lệ %	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
13.2.1.a	Công ty CP Khách sạn và Du lịch Bảo Việt (Baoviet Resort)	60.000.000.000	21.000.000.000	35	21.000.000.000	21.000.000.000
13.2.1.b	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A (VIGEB A)	180.000.000.000	54.000.000.000	30	54.952.041.210	62.040.558.308
13.2.1.c	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Long Việt và Dự án Quang Minh	65.043.200.000	29.269.440.000	45	32.021.463.044	31.618.905.133
13.2.1.d	Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine (Bảo Việt Tokio Marine)	300.000.000.000	153.000.000.000	51	219.281.231.963	230.957.228.772
13.2.1.e	Công ty TNHH Bảo Việt - SCIC (Bảo Việt SCIC)	80.000.000.000	40.000.000.000	50	41.196.808.469	20.748.680.779
		297.269.440.000	368.451.544.686		366.365.372.992	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

13.2.1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)

13.2.1.a Đầu tư vào Baoviet Resort

	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013	21.000.000.000
Tăng vốn trong kỳ	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	21.000.000.000

13.2.1.b Đầu tư vào VIGEB A

	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013	62.040.558.308
Cổ tức được chia	(6.480.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ thuộc về Tập đoàn	(608.517.098)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	54.952.041.210

13.2.1.c Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long Việt và Dự án Quang Minh

	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013	31.618.905.133
Điều chỉnh theo Báo cáo tài chính 2012 đã được kiểm toán của Long Việt	271.733.498
Trích quỹ phúc lợi	(149.035.127)
Lợi nhuận trong kỳ thuộc về Tập đoàn	279.859.540
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	32.021.463.044

13.2.1.d Đầu tư vào Bảo Việt Tokio Marine

	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013	230.957.228.772
Cổ tức được chia	(42.991.618.156)
Lợi nhuận trong kỳ thuộc về Tập đoàn	31.315.621.347
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	219.281.231.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

13.2.1.e Đầu tư vào Bảo Việt SCIC

	VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013	20.748.680.779
Tăng vốn trong kỳ	20.000.000.000
Cổ tức được chia	-
Lợi nhuận trong kỳ thuộc về Tập đoàn	448.127.690
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	41.196.808.469

13.2.2 Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam	1.521.500.000.000	2.296.015.600.000
	1.521.500.000.000	2.296.015.600.000

Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn từ trên 1 năm đến 15 năm với mức lãi suất từ 8%/năm đến 15%/năm.

13.2.3 Trái phiếu

Loại trái phiếu	Loại tiền tệ	Kỳ hạn (năm)	Lãi suất (%/năm)	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Trái phiếu Doanh nghiệp	VNĐ	3-20	0,00 - 16,00	2.988.169.125.837
Trái phiếu Chính phủ	VNĐ	2-15	7,60 - 15,00	15.844.432.293.193
				18.832.601.419.030

13.2.4 Tạm ứng từ giá trị giải ước

Tạm ứng từ giá trị giải ước theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận theo giá gốc.

Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ 24 tháng trở lên và có giá trị giải ước có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị giải ước và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

13.2.5 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản mục đầu tư này bao gồm đầu tư góp vốn mua cổ phần của các công ty khác nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu đến các công ty đó. Vì vậy, các khoản đầu tư này không phải là các khoản đầu tư dưới dạng cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát hoặc hoạt động liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

13.2.5 Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư này theo nguồn như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Công ty Mẹ Tập đoàn	363.058.140.000	935.411.166.767
Bảo hiểm Bảo Việt	154.586.329.888	96.576.603.121
Bảo Việt Nhân thọ	162.796.479.457	75.174.799.456
BVSC	87.775.973.000	90.275.973.000
BVF1	-	4.740.000.000
	768.216.922.345	1.202.178.542.344

13.2.6 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	3.087.000.000	468.014.613.566
Cổ phiếu chưa niêm yết	44.312.000.000	84.911.699.981
	47.399.000.000	552.926.313.547

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Số dư đầu năm	40.935.483.284	59.278.302.318
Số tăng trong năm	72.432.177.062	33.589.664.959
Số giảm trong năm	(50.510.599.415)	(51.932.483.993)
Số dư cuối năm	62.857.060.931	40.935.483.284

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Bằng VNĐ	202.043.573.583	794.571.662.994
Bằng ngoại tệ	63.108.000.000	129.133.600.000
	265.151.573.583	923.705.262.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

16.1 Phải trả thương mại

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Phải trả hoạt động bảo hiểm		
Bảo hiểm nhân thọ	186.597.108.350	195.827.482.211
Phải trả bồi thường bảo hiểm nhân thọ	40.492.610.450	73.584.508.350
Phải trả hoa hồng bảo hiểm nhân thọ	140.015.839.700	116.031.383.914
Phải trả hoàn phí bảo hiểm nhân thọ	-	673.500
Lãi phải trả cho chủ hợp đồng	6.088.658.200	6.210.916.447
Bảo hiểm phi nhân thọ	665.223.871.680	687.180.129.576
Phải trả hoa hồng	70.834.434.893	79.323.254.885
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc phi nhân thọ	64.457.854.786	53.766.560.550
Phải trả nhận tái bảo hiểm phi nhân thọ	134.312.263.058	89.838.216.666
Phải trả nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ	395.619.318.943	464.252.097.475
	851.820.980.030	883.007.611.787
Phải trả hoạt động tài chính		
Lãi trái phiếu nhận trước	23.105.550.685	23.323.558.904
Lãi tiền gửi nhận trước	4.067.688.019	3.523.084.365
Lãi tiền gửi phải trả khách hàng	133.489.636.492	158.158.345.750
Phải trả khác hoạt động tài chính	4.691.800.437	8.891.777.495
	165.354.675.633	193.896.766.514
Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ		
Phải trả nhà cung cấp	80.593.006.430	44.839.259.514
Phải trả cho công ty phát hành chứng khoán	1.939.916.665	3.631.186.752
Phải trả các hợp đồng repo trái phiếu	3.355.317.995.652	760.109.438.893
Phải trả khác	11.947.356.751	3.087.425.698
	3.449.798.275.498	811.667.310.857
	4.466.973.931.161	1.888.571.689.158

16.2 Người mua trả tiền trước

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Tạm ứng từ khách hàng để giao dịch chứng khoán	1.819.300.000	1.949.715.000
Phí bảo hiểm tạm thu	1.813.565.493	2.573.031.642
	3.632.865.493	4.522.746.642

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 01 tháng 01 năm 2013 VNĐ	Tăng trong năm VNĐ	Nộp ngân sách trong năm VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Thuế phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	25.682.510.453	240.407.279.491	(240.844.982.003)	25.244.807.941
Thuế thu nhập doanh nghiệp	52.572.252.739	386.913.331.859	(345.166.145.838)	94.319.438.760
Thuế thu nhập cá nhân	6.225.977.672	73.788.566.197	(73.383.344.132)	6.631.199.737
Tiền thuế đất	146.940.638	30.405.990.338	(30.906.104.344)	(353.173.368)
Các loại thuế khác	19.058.483.187	71.031.220.044	(81.276.240.283)	8.813.462.948
	103.686.164.689	802.546.387.929	(771.576.816.600)	134.655.736.018

17.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Trong năm 2013, ngoại trừ trường hợp của BVF và Bảo Việt - Âu Lạc, Công ty Mẹ Tập đoàn và các Công ty con có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được. Ngày 19 tháng 06 năm 2013, Quốc hội ban hành Luật số 32/2013/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014, thuế suất thuế TNDN của Công ty Mẹ Tập đoàn và các công ty con được giảm từ 25% xuống 22% và sau đó được giảm tiếp xuống 20% kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Đối với các công ty có doanh thu năm không quá 20 tỷ VNĐ sẽ được hưởng thuế suất thuế TNDN là 20% kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2013.

Đối với dịch vụ đào tạo của Bảo Việt - Âu Lạc mức thuế TNDN áp dụng là 10%. BVF có trách nhiệm nộp thuế TNDN với thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế trong 10 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh và với thuế suất 25% trong các năm tiếp theo, được miễn trừ thuế TNDN trong hai (02) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong ba (03) năm tiếp theo. Theo đó, từ năm 2008 đến năm 2010, BVF có nghĩa vụ nộp thuế 10%. Từ năm 2011, BVF có nghĩa vụ nộp thuế 20%.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn và các Công ty con chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	385.445.670.590	448.194.863.779
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27.615.548.015	(24.624.208.165)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	413.061.218.605	423.570.655.614

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

17.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	1.654.066.796.871	1.861.704.298.781
Điều chỉnh lợi nhuận chịu thuế		
- Chi phí không hợp lệ cho mục đích tính thuế	49.603.932.282	132.026.945.645
- Cổ tức không chịu thuế	(78.598.865.342)	(63.433.305.368)
- Thu nhập do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(3.346.219)	-
- Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc đã trích từ lợi nhuận sau thuế	-	(19.876.607.531)
- Các chi phí khác	(4.477.078.125)	-
Các khoản không chịu thuế phát sinh từ các bút toán điều chỉnh hợp nhất	152.240.097.116	(68.382.127.343)
Chuyển lỗ từ năm trước	(221.090.340.189)	(238.521.236.048)
Tổng điều chỉnh đối với lợi nhuận trước thuế	(102.325.600.477)	(258.186.330.645)
Dự phòng đảm bảo cân đối	(7.031.133.756)	(6.940.009.967)
Thu nhập chịu thuế ("TNCT") ước tính	1.544.710.062.638	1.596.577.958.169
Trong đó:		
- TNCT của Công ty Mẹ chịu thuế suất ("TS") 25%	307.241.486.805	357.580.125.239
- TNCT của các công ty con chịu TS 25%	1.220.994.998.060	1.220.357.088.518
- TNCT của các công ty con chịu TS ưu đãi 20%	16.473.577.773	18.640.744.412
- TNCT của các công ty con chịu TS 10%	-	-
Thuế TNDN hiện hành ước tính	385.353.836.772	398.212.452.322
Điều chỉnh theo quyết định của cơ quan thuế	91.833.818	49.982.411.457
Thuế TNDN ước tính trong năm	385.445.670.590	448.194.863.779
Thuế TNDN phải trả đầu năm	52.572.252.739	59.617.987.887
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	1.467.661.269	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(345.166.145.838)	(455.240.598.927)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	94.319.438.760	52.572.252.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

17.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi tiết các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Tập đoàn năm nay và năm trước được trình bày dưới đây:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại	10.751.442.075	37.572.956.615	(26.821.514.541)	23.617.156.242
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(794.033.474)	-	(794.033.474)	1.007.051.923
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			(27.615.548.015)	24.624.208.165

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	289.846.606	186.637.106
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	3.603.818.765	7.154.025.866
Phải trả các tổ chức theo nghiệp vụ chứng khoán	21.284.810.873	12.387.215.055
Phải trả cho HSBC Insurance - Dự án hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực	-	25.615.067.730
Phải trả cổ tức VIGEB A	53.001.550.723	59.481.550.723
Tạm ứng từ đối tác liên quan đến các hợp đồng hợp tác kinh doanh	83.342.866.603	62.100.000.000
Phải trả đồng bảo hiểm	83.515.363.772	53.467.724.371
Phải trả khác	155.843.498.123	225.205.615.116
	400.881.755.465	445.597.835.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Số dư đầu năm	75.310.793.458	69.026.615.476
Tăng trong năm	82.625.297.952	74.578.491.254
Sử dụng trong năm	(53.605.080.881)	(68.311.113.272)
Số dư cuối năm	104.331.010.529	75.293.993.458

20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Tiền, vàng gửi của các tổ chức tín dụng khác	4.517.816.221.382	2.636.138.607.863
Tiền gửi của khách hàng	7.033.754.812.374	4.512.334.518.136
	11.551.571.033.756	7.148.473.125.999

20.1 Tiền, vàng gửi của các tổ chức tín dụng khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn		
Bằng VNĐ	2.220.541	10.135.085
Bằng vàng và ngoại tệ	841	883
	2.221.382	10.135.968
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn		
Bằng VNĐ	3.750.000.000.000	2.323.708.471.895
Bằng vàng và ngoại tệ	767.814.000.000	312.420.000.000
	4.517.814.000.000	2.636.128.471.895
	4.517.816.221.382	2.636.138.607.863

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

20.2 Tiền gửi của khách hàng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn	1.140.596.143.211	318.128.542.595
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	1.103.970.490.526	296.955.147.184
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	4.695.515	5.507.732
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	33.824.464.567	20.975.385.722
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.796.492.603	192.501.957
Tiền gửi có kỳ hạn	5.887.806.983.250	4.177.701.089.566
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	2.243.862.013.313	1.518.362.026.447
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	3.370.953.143.779	2.385.475.413.709
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	367.718.326	14.413.075.558
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	272.624.107.832	259.450.573.852
Tiền gửi ký quỹ	5.351.685.913	16.504.885.975
Tiền gửi ký quỹ bằng VNĐ	5.351.685.913	8.453.460.537
Tiền gửi ký quỹ bằng vàng và ngoại tệ	-	8.051.425.438
	7.033.754.812.374	4.512.334.518.136

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 %/năm	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 %/năm
Lãi suất tiền gửi của khách hàng		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	1,2 - 2,0	2,0 - 2,4
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	1,2 - 2,2	2,0 - 2,4
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,25 - 0,6	0,5 - 0,6
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,5 - 0,6	0,5 - 0,6
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	7,0 - 10,0	8 - 14
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	6,0 - 9,0	6 - 14
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,25 - 2,0	0,5 - 2,0
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1,25 - 5,5	1,5 - 5,95

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

	Dự phòng phí chưa được hưởng VNĐ	Dự phòng toán học VNĐ	Dự phòng bồi thường VNĐ	Dự phòng dao động lớn VNĐ	Dự phòng chia lãi VNĐ	Dự phòng đảm bảo cân đối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Bảo hiểm nhân thọ							
Tại ngày 01/01/2013	3.573.101.845	16.144.557.359.748	15.185.015.198	-	1.123.018.043.453	35.628.246.488	17.321.961.766.732
Thay đổi trong kỳ	53.204.216.655	2.529.270.317.980	(70.276.000)	-	107.434.125.301	7.031.133.756	2.696.869.517.692
Tại ngày 31/12/2013	56.777.318.500	18.673.827.677.728	15.114.739.198	-	1.230.452.168.754	42.659.380.244	20.018.831.284.424
Bảo hiểm phi nhân thọ							
Tại ngày 01/01/2013	2.040.476.727.565	-	1.542.913.997.791	140.727.302.811	-	-	3.724.118.028.167
Thay đổi trong kỳ	219.190.685.009	-	(328.536.700.097)	(135.059.234.306)	-	-	(244.405.249.394)
Tại ngày 31/12/2013	2.259.667.412.574	-	1.214.377.297.694	5.668.068.505	-	-	3.479.712.778.773
Tổng cộng tại ngày 01/01/2013	2.044.049.829.410	16.144.557.359.748	1.558.099.012.989	140.727.302.811	1.123.018.043.453	35.628.246.488	21.046.079.794.899
Tổng cộng tại ngày 31/12/2013	2.316.444.731.074	18.673.827.677.728	1.229.492.036.892	5.668.068.505	1.230.452.168.754	42.659.380.244	23.498.544.063.197

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ chênh lệch tỷ giá (*) VNĐ	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác (**) VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 01/01/2013	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	16.075.608.000	162.698.505.129	20.372.157.338	29.808.118.286	103.568.802.818	1.792.306.129.109	12.113.876.041.877
Chia cổ tức cho năm 2012	-	-	-	-	-	-	-	(1.020.707.151.000)	(1.020.707.151.000)
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	1.137.530.699.422	1.137.530.699.422
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	-	41.307.555.232	2.756.345.881	5.948.319.875	-	(50.012.220.988)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(81.842.154.336)	(81.842.154.336)
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Tập đoàn và các Công ty con trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	(3.409.293.337)	(3.409.293.337)
Trích quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội (***)	-	-	-	-	-	-	-	(19.975.907.566)	(19.975.907.566)
Tại ngày 31/12/2013	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	16.075.608.000	204.006.060.361	23.128.503.219	35.756.438.161	103.568.802.818	1.753.890.101.304	12.125.472.235.060

(*) Số dư 16.075.608.000 VNĐ tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 thể hiện Quỹ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt – Tokio Marine từ đô la Mỹ sang VNĐ từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

(**) Đây là phần lợi ích còn lại của Tập đoàn trong thặng dư vốn cổ phần của BVSC phát sinh do hợp nhất báo cáo tài chính.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên các năm 2012 và 2013, Tập đoàn đã trích 1% lợi nhuận sau thuế tương đương với số tiền 9.034.632.345 VNĐ cho năm 2011 và 10.817.054.826 VNĐ cho năm 2012 cho quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013			Ngày 31 tháng 12 năm 2012		
	Tổng số VNĐ	Cổ phiếu thường VNĐ	Cổ phiếu ưu đãi VNĐ	Tổng số VNĐ	Cổ phiếu thường VNĐ	Cổ phiếu ưu đãi VNĐ
Số vốn góp của cổ đông	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000	-	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197	-	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197	-
TỔNG CỘNG	9.989.046.721.197	9.989.046.721.197	-	9.989.046.721.197	9.989.046.721.197	-

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Không có giao dịch về vốn nào với chủ sở hữu được thực hiện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

22.4 Cổ tức

Ngày 24 tháng 04 năm 2013, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn đã thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2012 để chi trả cổ tức cho năm 2012 với tỷ lệ 15% (1.500 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 6.804.714.340.000 VNĐ, tương đương với số tiền 1.020.707.151.000 VNĐ.

23. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	VNĐ
Ngày 01 tháng 01 năm 2013	2.065.493.000.471
Lợi nhuận tăng trong năm	96.443.745.088
Giảm vốn trong năm	(35.885.369.911)
Chia cổ tức trong năm	(36.000.000.000)
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm	(54.898.914)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	2.089.996.476.734

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Thu phí bảo hiểm gốc

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Bảo hiểm nhân thọ		
Bảo hiểm hỗn hợp	3.317.080.447.986	3.238.403.129.230
Bảo hiểm liên kết chung	2.712.970.520.972	1.735.337.865.798
Bảo hiểm tử kỳ	8.375.136.342	7.020.462.400
Bảo hiểm trọn đời	6.378.529.800	7.053.512.500
Niên kim nhân thọ	76.892.934.300	58.559.548.900
Điều khoản riêng	194.018.135.483	160.978.905.882
Bảo hiểm liên kết ngân hàng	478.025.564	1.585.667.387
Tổng doanh thu bảo hiểm nhân thọ	6.316.193.730.447	5.208.939.092.097
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	390.742.965.126	365.861.710.081
Bảo hiểm Tàu thủy	451.176.266.214	469.913.982.517
Bảo hiểm Dầu khí	-	141.134.314
Bảo hiểm Hàng không	200.729.765.887	344.972.993.212
Bảo hiểm Kỹ thuật	331.739.888.013	354.247.069.850
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt	439.883.515.598	416.416.052.123
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	89.550.306.944	101.435.803.317
Bảo hiểm Nông nghiệp	111.558.208.826	135.294.275.745
Bảo hiểm Xe cơ giới	1.710.816.320.281	1.596.297.702.441
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và Bảo hiểm con người	1.946.954.167.881	1.599.494.368.948
Tổng doanh thu bảo hiểm phi nhân thọ	5.673.151.404.770	5.384.075.092.548
Tổng doanh thu bảo hiểm	11.989.345.135.217	10.593.014.184.645

24.2 Thu phí nhận tái bảo hiểm

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	12.562.652.180	10.891.153.861
Bảo hiểm Tàu thủy	39.690.115.693	69.091.749.077
Bảo hiểm Dầu khí	11.766.189.589	16.450.333.978
Bảo hiểm Hàng không	6.140.280.290	4.369.540.755
Bảo hiểm Kỹ thuật	27.517.223.145	53.420.694.668
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt	218.005.657.437	159.142.820.549
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	14.185.913.133	11.211.844.328
	329.868.031.467	324.578.137.216

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU (tiếp theo)

24.3 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm nhân thọ	2.850.917.992	2.244.939.083
Bảo hiểm hỗn hợp	218.093.102	174.758.744
Bảo hiểm liên kết chung	1.845.558.657	1.513.899.448
Bảo hiểm tử kỳ	2.778.824	26.878.381
Bảo hiểm trọn đời	13.445.122	9.836.284
Niên kim nhân thọ	2.419.242	1.889.923
Điều khoản riêng	768.623.045	517.676.303
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ	1.305.802.771.802	1.431.998.769.164
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	54.317.052.797	56.195.035.054
Bảo hiểm Tàu thủy	304.923.588.523	271.388.942.624
Bảo hiểm Dầu khí	4.297.743.404	4.752.851.500
Bảo hiểm Hàng không	181.084.250.315	340.479.208.967
Bảo hiểm Kỹ thuật	211.991.090.692	217.907.901.256
Bảo hiểm Hỏa hoạn, các rủi ro đặc biệt và bảo hiểm Trách nhiệm chung	391.512.117.927	370.038.165.078
Bảo hiểm Nông nghiệp	96.365.851.912	120.496.520.404
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và Bảo hiểm con người	61.311.076.232	50.740.144.281
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	1.308.653.689.794	1.434.243.708.247
Giảm phí	15.946.757.921	7.979.725.534
Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ	15.946.757.921	7.979.725.534
Hoàn phí	65.019.642.313	59.524.642.546
Hoạt động bảo hiểm nhân thọ	10.500.472.739	7.932.490.862
Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ	54.519.169.574	51.592.151.684
Tổng cộng các khoản giảm trừ	80.966.400.234	67.504.368.080
	1.389.620.090.028	1.501.748.076.327

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

25.1 Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Chi trả đáo hạn	1.532.394.660.800	2.272.529.733.980
Chi giá trị giải ước	459.876.949.539	550.681.388.375
Chi bồi thường	815.675.686.080	669.045.413.569
	2.807.947.296.419	3.492.256.535.924
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	153.271.496.722	146.730.152.889
Bảo hiểm Tàu thủy	376.280.129.909	326.865.275.408
Bảo hiểm Dầu khí	-	-
Bảo hiểm Hàng không	28.614.626.751	20.710.575.044
Bảo hiểm Kỹ thuật	90.049.686.301	53.458.255.039
Bảo hiểm Hòa hoạn và các rủi ro đặc biệt	222.117.727.304	159.185.202.134
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	7.403.860.950	10.039.591.195
Bảo hiểm Nông nghiệp	282.978.478.906	57.475.497.077
Bảo hiểm Xe cơ giới	882.665.959.510	878.121.163.884
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và Bảo hiểm con người	1.032.445.409.366	858.352.688.521
	3.075.827.375.719	2.510.938.401.191
	5.883.774.672.138	6.003.194.937.115

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM (tiếp theo)

25.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	3.328.910.834	10.921.720.664
Bảo hiểm Tàu thủy	171.412.185.099	36.108.901.259
Bảo hiểm Dầu khí	225.035.321	10.223.863.757
Bảo hiểm Hàng không	9.180.774.149	5.073.116.574
Bảo hiểm Kỹ thuật	35.564.154.634	16.021.063.689
Bảo hiểm Hòa hoạn và các rủi ro đặc biệt	195.609.926.767	63.092.074.620
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	17.975.216.456	6.560.937.081
	433.296.203.260	148.001.677.644

25.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Thu từ nhượng tái bảo hiểm	3.388.104.402	8.076.115.996
	3.388.104.402	8.076.115.996
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	35.448.248.177	34.955.014.970
Bảo hiểm Tàu thủy	358.130.934.624	185.168.420.282
Bảo hiểm Dầu khí	78.811.818	21.070.438
Bảo hiểm Hàng không	29.442.645.234	17.732.657.611
Bảo hiểm Kỹ thuật	102.751.844.107	44.264.645.425
Bảo hiểm Hòa hoạn, các rủi ro đặc biệt và Trách nhiệm chung	281.486.877.709	142.375.153.510
Bảo hiểm Nông nghiệp	265.285.807.842	48.606.313.106
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và Bảo hiểm con người	31.714.372.088	31.796.212.044
	1.104.339.541.599	504.919.487.386
	1.107.727.646.001	512.995.603.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THU NHẬP THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		
Thu nhập lãi tiền gửi	90.463.453.859	281.900.016.417
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	887.640.999.179	991.858.760.493
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	193.321.608.360	233.017.713.140
Thu khác từ hoạt động tín dụng	-	6.785.878
	1.171.426.061.398	1.506.783.275.928
Thu nhập hoạt động ngân hàng khác		
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ ngân hàng	8.046.353.793	14.328.478.315
Lãi hoạt động kinh doanh ngoại hối	5.943.263.397	1.681.240.727
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	27.619.159.167	486.567.239
	41.608.776.357	16.496.286.281
Tổng thu nhập từ hoạt động ngân hàng	1.213.034.837.755	1.523.279.562.209
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự		
Trả lãi tiền gửi	(511.024.130.557)	(643.884.635.619)
Trả lãi tiền vay	(47.141.521.807)	(30.529.003.300)
Chi phí hoạt động tín dụng khác	(9.002.858.435)	(165.715.447.592)
	(567.168.510.799)	(840.129.086.511)
Chi phí ngân hàng khác		
Chi về hoạt động dịch vụ ngân hàng	(3.857.242.015)	(7.344.393.492)
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(4.554.312.975)	(1.226.977.549)
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	(7.382.427.722)	(1.031.800.000)
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(116.671.372.623)	(57.887.927.096)
	(132.465.355.335)	(67.491.098.137)
Tổng chi phí hoạt động ngân hàng	(699.633.866.134)	(907.620.184.648)
Thu nhập thuần từ hoạt động ngân hàng	513.400.971.621	615.659.377.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THU NHẬP THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Thu nhập từ các hoạt động khác		
Hoạt động môi giới chứng khoán	38.985.824.124	45.256.351.538
Hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán	1.742.284.007	62.995.770
Dịch vụ tư vấn đầu tư	6.180.753.634	5.180.687.568
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	2.212.661.896	2.564.813.089
Quản lý danh mục đầu tư	303.519.237	235.842.234
Quản lý bất động sản	4.103.852.358	2.747.905.026
Dịch vụ đào tạo	12.966.982.762	17.095.110.052
Hoạt động xây lắp và kinh doanh thiết bị vật liệu xây dựng	93.590.209.537	91.502.587.078
Doanh thu cho thuê nhà	24.931.899.952	22.827.648.265
Các dịch vụ khác	29.759.986.005	12.920.780.478
	214.777.973.512	200.394.721.098
Chi phí từ các hoạt động khác		
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	(34.352.451.571)	(33.810.121.113)
Chi phí bảo lãnh, phát hành chứng khoán	(77.291.272)	(5.154.547)
Dịch vụ tư vấn đầu tư	(5.604.134.438)	(4.947.884.577)
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	(7.808.478.678)	(9.070.653.295)
Quản lý danh mục đầu tư	(57.630.486)	(75.090.786)
Quản lý bất động sản	(39.548.279.890)	(30.558.089.044)
Hoạt động xây lắp và kinh doanh thiết bị vật liệu xây dựng	(93.120.821.045)	(92.599.937.913)
Các dịch vụ khác	(21.622.166.426)	(23.980.818.757)
	(202.191.253.806)	(195.047.750.032)
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	12.586.719.706	5.346.971.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		
Chi phí nhân công	900.308.414.642	814.367.518.570
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.517.140.867	81.799.348.979
Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.649.395.820	89.908.221.748
Thuế và chi phí lệ phí	16.715.919.148	14.825.134.751
Chi phí dịch vụ mua ngoài	353.347.778.783	331.963.352.387
Chi phí dự phòng	35.717.002.650	32.631.040.355
Chi phí khác	636.838.907.705	581.966.109.070
	2.131.094.559.615	1.947.460.725.860
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động ngân hàng		
Chi phí nhân công	105.234.436.092	91.574.369.295
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.270.378.651	4.068.239.127
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.431.972.948	27.410.031.483
Thuế và chi phí lệ phí	856.598.118	920.688.256
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.501.922.511	79.756.032.517
Chi phí khác	36.154.849.183	23.397.766.248
	253.450.157.503	227.127.126.926
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến các lĩnh vực khác		
Chi phí nhân công	127.447.549.718	121.387.356.452
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.073.013.074	5.139.533.983
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.985.355.680	36.430.625.297
Thuế và chi phí lệ phí	25.638.419.024	14.682.875.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.071.797.430	53.434.661.040
Chi phí dự phòng	6.130.861.916	2.118.593.600
Chi phí khác	34.262.982.393	33.825.523.241
	296.609.979.235	267.019.169.468
	2.681.154.696.353	2.441.607.022.254

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

29.1 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Lãi tiền gửi	1.311.450.144.086	1.242.231.746.498
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	1.576.646.137.186	1.534.983.277.412
Thu nhập từ tạm ứng giá trị giải ước	112.538.093.149	141.688.347.234
Cổ tức được chia	78.598.865.342	62.633.305.368
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.068.222.649	10.218.196.149
Lãi đầu tư chứng khoán	5.700.133.398	54.636.122.136
Doanh thu hoạt động tài chính khác	33.405.898.110	21.138.853.649
	3.129.407.493.920	3.067.529.848.446

29.2 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Dự phòng chia lãi	107.434.125.300	76.206.447.096
Chênh lệch tỷ giá	9.116.234.825	21.839.274.894
Chi phí repo và lãi vay	169.030.298.487	164.494.586.249
Trả lãi cho chủ hợp đồng	286.406.519.890	229.933.991.753
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	166.077.444.940	206.201.505.797
Hoàn nhập dự phòng	(74.177.454.747)	(33.193.352.050)
Các chi phí khác	70.614.722.398	82.601.942.573
	734.501.891.093	748.084.396.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản	2.070.020.570	790.951.264
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	43.400.753.082
Thu nhập khác	12.273.043.491	13.347.336.843
	14.343.064.061	57.539.041.189
Chi phí khác		
Chi thanh lý tài sản	(96.219.828)	(15.130.000)
Chi phí khác	(5.830.082.246)	(2.684.978.267)
	(5.926.302.074)	(2.700.108.267)
Lợi nhuận thuần hoạt động khác	8.416.761.987	54.838.932.922

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tập đoàn đã tiến hành các giao dịch với các công ty có liên quan qua hoạt động đầu tư góp vốn. Như trình bày dưới đây, giao dịch giữa Tập đoàn và các công ty có liên quan thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung.

Các bên liên quan với Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày bao gồm:

Các bên liên quan	Quan hệ
Bộ Tài chính	Cổ đồng sáng lập
HSBC Insurance (Asia - Pacific) Holdings Limited	Cổ đồng sáng lập
SCIC	Cổ đồng sáng lập
Sumitomo Life	Cổ đồng chiến lược
Bảo Việt Tokio Marine	Liên doanh
Bảo Việt SCIC	Liên doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Việt	Công ty liên kết
Baoviet Resort	Công ty liên kết
VIGEB A	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch quan trọng với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 gồm:

Các bên liên quan	Giao dịch	Số tiền VNĐ
Cổ đồng sáng lập		
Bộ Tài chính	Cổ tức đã trả	723.764.700.000
SCIC	Cổ tức đã trả	33.231.600.000
HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	Chi phí dự án Hỗ trợ và Chuyển giao Năng lực Kỹ thuật	24.653.895.296
Cổ đồng chiến lược		
Sumitomo Life	Cổ tức đã trả	183.763.636.500
Công ty liên doanh, liên kết		
Bảo Việt Tokio Marine	Cổ tức được chia	42.991.618.156
VIGEB A	Cổ tức được chia	6.480.000.000

Lương cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Lương cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn	2.700.000.000	1.725.000.000
	2.700.000.000	1.725.000.000

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.137.530.699.422	1.348.268.878.430
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	680.471.434	680.471.434
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.672	1.981

Tập đoàn không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính có thể làm pha loãng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Ban Điều hành theo dõi kết quả hoạt động của từng đơn vị kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho quá trình ra quyết định về việc phân bổ nguồn lực và đánh giá hoạt động.

Nhằm mục đích quản trị, Tập đoàn được tổ chức theo từng đơn vị kinh doanh dựa trên sản phẩm và dịch vụ mà các đơn vị này cung cấp. Tập đoàn có thể báo cáo theo 5 bộ phận hoạt động như sau:

- Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm trọn đời; bảo hiểm sinh kỳ; bảo hiểm tử kỳ; bảo hiểm hỗn hợp; bảo hiểm liên kết ngân hàng, bảo hiểm trả tiền định kỳ; bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người hỗ trợ cho bảo hiểm nhân thọ và các loại hình bảo hiểm nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người.
- Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người; bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; bảo hiểm hàng hóa vận chuyển; bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; bảo hiểm trách nhiệm chung; bảo hiểm hàng không; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm cháy nổ; bảo hiểm nông nghiệp và các loại hình bảo hiểm phi nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Dịch vụ tài chính bao gồm các dịch vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư, môi giới và kinh doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, v.v... Dịch vụ quản lý đầu tư cung cấp dịch vụ quản lý đầu tư cho chủ hợp đồng bảo hiểm thông qua các dịch vụ do BVF cung cấp. BVSC cung cấp các dịch vụ môi giới, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và kinh doanh chứng khoán.
- Dịch vụ ngân hàng bao gồm nhận các khoản tiền gửi của cá nhân, công ty và các tổ chức tín dụng, đồng thời cung cấp dịch vụ cho vay khách hàng, dịch vụ thấu chi, các dịch vụ liên quan đến thẻ tín dụng và chuyển khoản thông qua Baoviet Bank.
- Các hoạt động về bất động sản và các hoạt động khác bao gồm các dịch vụ cho thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan đối với tòa nhà Bảo Việt tại số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội, tòa nhà 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và một số khu vực khác. Ngoài ra, Tập đoàn đang tiến hành xây dựng các dự án bất động sản như xây dựng tòa nhà Bảo hiểm Nhân thọ ở Hà Nội, dự án ở thành phố Hồ Chí Minh và các dự án bất động sản khác trong nước.

Giá chuyển nhượng giữa các bộ phận kinh doanh được quyết định dựa trên giá thị trường tương tự như giao dịch với bên thứ ba khác. Doanh thu bộ phận, chi phí bộ phận và kết quả kinh doanh bộ phận bao gồm doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động chuyển giao giữa các bộ phận với nhau. Các giao dịch chuyển giao này được loại bỏ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính hợp nhất này không trình bày các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì phạm vi hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó đều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và khả năng sinh lời.

Theo lĩnh vực kinh doanh

Các bảng biểu sau trình bày thông tin về tình hình tài chính và về doanh thu và lợi nhuận liên quan đến các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Đơn vị: triệu đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Thu phí bảo hiểm gốc	6.316.194	5.673.151	-	-	-	-	11.989.345
Thu phí nhận tái bảo hiểm	-	329.868	-	-	-	-	329.868
Các khoản giảm trừ	(13.351)	(1.376.269)	-	-	-	-	(1.389.620)
(Tăng)/giảm dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng toán học	(2.582.475)	(219.191)	-	-	-	-	(2.801.666)
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	392	228.962	-	-	-	-	229.354
Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	-	9.048	-	-	-	-	9.048
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	3.720.760	4.645.569	-	-	-	-	8.366.329
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(2.807.947)	(3.075.827)	-	-	-	-	(5.883.774)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	(433.296)	-	-	-	-	(433.296)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	3.388	1.118.020	-	-	-	-	1.121.408
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	-	228.000	-	-	-	-	228.000
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường	70	(73.758)	-	-	-	-	(73.688)
Trích dự phòng dao động lớn	-	(92.941)	-	-	-	-	(92.941)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(623.043)	(862.109)	-	-	-	-	(1.485.152)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(3.427.532)	(3.191.911)	-	-	-	-	(6.619.443)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	293.228	1.453.658	-	-	-	-	1.746.886
Thu nhập thuần từ các hoạt động ngân hàng	-	-	-	413.322	-	100.078	513.400
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	-	89.754	-	22.174	(99.341)	12.587
Chi phí bán hàng	(372.533)	-	-	-	-	-	(372.533)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(763.632)	(1.390.235)	(308.757)	(277.407)	(9.278)	68.155	(2.681.154)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	1.540.326	333.503	1.619.386	-	8.503	(1.106.812)	2.394.906
Lợi nhuận khác	5.725	1.435	752	5.597	(585)	(4.507)	8.417
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	31.558	31.558
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	703.114	398.361	1.401.135	141.512	20.814	(1.010.869)	1.654.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Đơn vị: triệu đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Thu phí bảo hiểm gốc	5.208.939	5.384.075	-	-	-	-	10.593.014
Thu phí nhận tái bảo hiểm	-	324.578	-	-	-	-	324.578
Các khoản giảm trừ	(10.177)	(1.491.571)	-	-	-	-	(1.501.748)
(Tăng)/giảm dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng toán học	(1.036.285)	(215.665)	-	-	-	-	(1.251.950)
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	501	232.684	-	-	-	-	233.185
Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	-	17.043	-	-	-	-	17.043
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.162.978	4.251.144	-	-	-	-	8.414.122
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(3.492.257)	(2.510.938)	-	-	-	-	(6.003.195)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	(148.002)	-	-	-	-	(148.002)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	8.076	518.465	-	-	-	-	526.541
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	-	261.000	-	-	-	-	261.000
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường	4.464	13.769	-	-	-	-	18.233
Trích dự phòng dao động lớn	-	(148.098)	-	-	-	-	(148.098)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(511.669)	(819.593)	-	-	-	-	(1.331.262)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(3.991.386)	(2.833.397)	-	-	-	-	(6.824.783)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	171.592	1.417.747	-	-	-	-	1.589.339
Thu nhập thuần từ các hoạt động ngân hàng	-	-	-	370.643	-	245.016	615.659
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	-	90.994	-	9.431	(95.077)	5.348
Chi phí bán hàng	(330.887)	-	-	-	-	-	(330.887)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(659.030)	(1.309.039)	(271.461)	(249.585)	(10.769)	58.277	(2.441.607)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	1.499.546	339.358	1.566.311	-	13.942	(1.099.710)	2.319.447
Lợi nhuận khác	12.780	3.424	22.932	423	17	15.261	54.837
Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	49.568	49.568
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	694.001	451.490	1.408.776	121.481	12.621	(826.665)	1.861.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo bộ phận của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Đơn vị: triệu đồng

	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Tài sản							
Tiền và các khoản tương đương tiền	742.033	127.194	764.894	5.189.606	32.910	461.410	7.318.047
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	-	140.560	-	-	-	-	140.560
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	-	895.664	-	-	-	-	895.664
Các khoản phải thu khác	1.362.887	40.516	1.016.939	268.736	123.815	(238.923)	2.573.970
Đầu tư tài chính	23.843.351	3.990.531	11.939.757	3.309.829	91.500	(10.063.427)	33.111.541
Tài sản cố định hữu hình	261.079	214.246	358.934	33.146	29.264	9.378	906.047
Tài sản cố định vô hình	289.679	380.271	60.707	9.941	14.640	-	755.238
Cho vay khách hàng	-	-	-	7.886.253	-	-	7.886.253
Các tài sản khác	149.098	1.044.561	75.009	90.886	148.006	(1.745)	1.505.815
Tổng tài sản	26.648.127	6.833.543	14.216.240	16.788.397	440.135	(9.833.307)	55.093.135
Nợ phải trả							
Nợ phải trả ngắn hạn	4.370.742	1.274.945	984.650	484.158	154.231	(1.490.224)	5.778.502
Tiền gửi khách hàng	-	-	-	13.120.122	-	(1.568.551)	11.551.571
Nợ dài hạn	47.011	1.216	-	-	30	794	49.051
Quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	20.018.831	3.479.712	-	-	-	-	23.498.543
Tổng nợ phải trả	24.436.584	4.755.873	984.650	13.604.280	154.261	(3.057.981)	40.877.667
Nguồn vốn chủ sở hữu	2.211.543	2.077.670	13.231.590	3.184.117	285.874	(8.865.322)	12.125.472
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	2.089.996	2.089.996
Tổng nguồn vốn	26.648.127	6.833.543	14.216.240	16.788.397	440.135	(9.833.307)	55.093.135

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo bộ phận của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Đơn vị: triệu đồng

	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Tài sản							
Tiền và các khoản tương đương tiền	676.157	492.965	1.751.778	1.451.472	29.207	(323.600)	4.077.979
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	-	113.687	-	-	-	-	113.687
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	-	1.293.724	-	-	-	-	1.293.724
Các khoản phải thu khác	1.182.325	24.364	1.446.428	282.746	81.612	(923.680)	2.093.795
Đầu tư tài chính	17.498.059	3.365.598	11.340.880	4.414.695	115.000	(8.124.088)	28.610.144
Tài sản cố định hữu hình	278.810	224.567	374.550	46.505	36.369	-	960.801
Tài sản cố định vô hình	296.819	382.276	70.899	20.824	14.640	-	785.458
Cho vay khách hàng	-	-	-	7.041.809	-	1.070	7.042.879
Các tài sản khác	102.479	910.967	107.340	21.893	111.813	(7.753)	1.246.739
Tổng tài sản	20.034.649	6.808.148	15.091.875	13.279.944	388.641	(9.378.051)	46.225.206
Nợ phải trả							
Nợ phải trả ngắn hạn	961.626	1.163.603	1.662.707	1.225.327	116.341	(1.317.513)	3.812.091
Tiền gửi khách hàng	-	-	-	8.901.217	-	(1.752.743)	7.148.474
Nợ dài hạn	37.875	1.188	-	-	130	-	39.193
Quý dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	17.321.961	3.724.118	-	-	-	-	21.046.079
Tổng nợ phải trả	18.321.462	4.888.909	1.662.707	10.126.544	116.471	(3.070.256)	32.045.837
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.713.187	1.919.239	13.429.168	3.153.400	272.170	(8.373.288)	12.113.876
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	2.065.493	2.065.493
Tổng nguồn vốn	20.034.649	6.808.148	15.091.875	13.279.944	388.641	(9.378.051)	46.225.206

34. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động bao gồm các tài sản là văn phòng, trụ sở làm việc không hủy ngang như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Tổng số tiền thuê theo các hợp đồng không hủy ngang sẽ đến hạn trong vòng:		
- Dưới 1 năm	85.570.537.267	106.235.388.718
- Từ 1 đến 5 năm	289.295.839.122	221.917.808.744
- Trên 5 năm	8.740.666.850	161.678.396.004
	383.607.043.239	489.831.593.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các khoản tranh chấp, kiện tụng

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Bảo hiểm Bảo Việt hiện đang có các vụ tranh chấp, kiện tụng với khách hàng liên quan đến các khoản yêu cầu bồi thường từ phía khách hàng nhưng Bảo hiểm Bảo Việt không chấp nhận toàn phần, hoặc chỉ chấp nhận một phần trách nhiệm bảo hiểm. Tổng số yêu cầu bồi thường từ phía khách hàng liên quan đến các vụ việc nêu trên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 93.876.850.879 đồng Việt Nam, trong đó phần ước tính thuộc trách nhiệm của Bảo hiểm Bảo Việt là 8.062.308.535 đồng Việt Nam. Ảnh hưởng cuối cùng của các vụ tranh chấp, kiện tụng nêu trên chỉ có thể được xác định dựa trên kết quả cuối cùng của các Ủy ban hòa giải hay của Tòa án và do đó, Bảo hiểm Bảo Việt hiện chưa trích lập dự phòng nợ phải trả cho các yêu cầu bồi thường này.

Bảo lãnh thanh toán

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, BVSC hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, có thực hiện các nghiệp vụ hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán với các ngân hàng thương mại. Theo đó, BVSC sẽ thay mặt ngân hàng để quản lý tài sản đảm bảo là số dư tài khoản tiền gửi của nhà đầu tư mở tại các ngân hàng và số dư chứng khoán được chấp thuận bởi BVSC trong tài khoản của nhà đầu tư đó tại BVSC, khi các nhà đầu tư vay vốn tại ngân hàng để thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh. BVSC được hưởng phí từ việc quản lý và toàn quyền xử lý tài sản đảm bảo của khách hàng. Trong trường hợp nhà đầu tư không trả được nợ gốc và lãi khi đến hạn thì Ngân hàng có quyền yêu cầu BVSC trích tiền trong tài khoản của BVSC mở cho nhà đầu tư tại ngân hàng để thanh toán nợ.

Chi tiết dư nợ của các nhà đầu tư tại các ngân hàng mà BVSC đang thực hiện quản lý tài sản đảm bảo và cam kết thanh toán nợ thay tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Ngân hàng TMCP Quân đội	111.790.408.519	76.156.893.946
Tổng giá trị	111.790.408.519	76.156.893.946

Bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết khác trong hoạt động ngân hàng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Baoviet Bank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Baoviet Bank khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Baoviet Bank cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Baoviet Bank cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết khác trong hoạt động ngân hàng (tiếp theo)

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Baoviet Bank ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Baoviet Bank phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Baoviet Bank trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Baoviet Bank thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Baoviet Bank đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm tàng và cam kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Thư tín dụng trả ngay	-	9.794.658.592
Cam kết bảo lãnh khác	64.991.582.036	144.260.754.820
	64.991.582.036	154.055.413.412

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

Mục tiêu của hoạt động Quản lý rủi ro (QLRR) tại Tập đoàn và các Công ty con nhằm phòng ngừa những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra để góp phần duy trì hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các Công ty con theo phương châm ổn định, an toàn, hiệu quả; góp phần tạo ra môi trường quản lý minh bạch; bảo vệ tài sản và uy tín của Tập đoàn và các Công ty con.

Hoạt động QLRR được tiến hành thống nhất từ Ban Lãnh đạo Tập đoàn đến từng bộ phận chức năng, cán bộ tại Tập đoàn và các Công ty con theo một nguyên tắc chung nhằm chủ động phát hiện, đánh giá và kiểm soát tác động của các loại rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Tập đoàn (HĐQT) chịu trách nhiệm quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản lý rủi ro Tập đoàn, ban hành chiến lược, chính sách quản lý rủi ro Tập đoàn và thực hiện giám sát hoạt động QLRR toàn Tập đoàn.

Tổng Giám đốc Tập đoàn ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn quản lý rủi ro nội bộ, tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách quản lý rủi ro đã được HĐQT phê duyệt. Các chính sách và hệ thống QLRR được rà soát định kỳ nhằm phản ánh kịp thời những biến động của thị trường và các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn (RMC) là cơ quan giúp việc của Tổng Giám đốc Tập đoàn để triển khai công tác quản lý rủi ro. Các cuộc họp của RMC được tiến hành định kỳ nhằm đánh giá mức độ rủi ro tập trung toàn Tập đoàn, đánh giá nhận dạng các rủi ro mới và biện pháp phòng ngừa; phê duyệt mô hình, công cụ đo lường, hạn mức các loại rủi ro; giám sát việc thực hiện các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

Tại thuyết minh này, Tập đoàn trình bày cách thức cơ bản về hoạt động QLRR nói chung và các mục tiêu, chính sách, quy trình, phương pháp quản lý, đo lường các loại rủi ro cụ thể liên quan tới việc sử dụng các công cụ tài chính nói riêng.

Quản lý vốn

Mục tiêu ưu tiên của Tập đoàn và phần lớn các Công ty con trong việc quản lý vốn là luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ phát triển kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về khả năng thanh toán theo luật định. Tập đoàn và các Công ty con nhận thức được những tác động của mức độ vốn đã góp đối với lợi nhuận của cổ đông và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng. Tập đoàn và các Công ty con đều đáp ứng tất cả các yêu cầu về vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Yêu cầu về khả năng thanh toán phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Tập đoàn và các Công ty con, theo đó Tập đoàn và các Công ty con phải giữ nguồn vốn đủ để đáp ứng các nghĩa vụ nợ cũng như các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Các cơ quan quản lý chủ yếu quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của chủ hợp đồng bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả vì lợi ích của các chủ hợp đồng này. Các cơ quan quản lý đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để ứng phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự kiến do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

Bảng dưới đây trình bày biên khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ:

	Biên khả năng thanh toán triệu VNĐ	Biên khả năng thanh toán tối thiểu triệu VNĐ	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Bảo hiểm Bảo Việt			
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	1.606.203	1.156.688	139%
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.493.739	1.054.270	142%
Bảo Việt Nhân thọ			
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	1.575.441	1.004.841	157%
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.155.441	897.159	129%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của các Công ty con kinh doanh bảo hiểm là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính toán theo các hướng dẫn tại Thông tư số 125 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu chịu sự tác động của các loại rủi ro sau:

- Rủi ro bảo hiểm
- Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Để đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa thiệt hại do rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro, Ban Điều hành Tập đoàn liên tục theo dõi hoạt động quản lý rủi ro của Tập đoàn để bảo đảm sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và lợi nhuận. Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

37.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm là rủi ro liên quan đến tổn thất mà công ty bảo hiểm có thể phải gánh chịu do mức phí bảo hiểm không đủ để chi trả cho các quyền lợi bảo hiểm. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được thực hiện bởi hai Công ty con của Tập đoàn là Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ.

37.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu quản lý rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt là kiểm soát phạm vi và mức độ tổn thất phát sinh nằm trong giới hạn rủi ro cho phép của Tập đoàn.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ

Bảo Việt Nhân thọ quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, nguyên tắc tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm đối với các loại rủi ro cụ thể và rủi ro chung. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phương pháp stress testing. Các lý thuyết xác suất được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp.

Quy trình xây dựng các giả định của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai. Điều này được đảm bảo bằng việc áp dụng giả định tương đối thận trọng để tránh các biến động trong thực tiễn hoạt động. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện nhằm đảm bảo mức chênh lệch giữa giả định áp dụng và ước tính khả thi nhất với kết quả trong tương lai nằm trong giới hạn chấp nhận được.

Các giả định cơ bản sử dụng trong tính toán dự phòng cho các hợp đồng dài hạn bao gồm:

(i) Bảng tỷ lệ tử vong

Bảng tỷ lệ tử vong sử dụng trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bảo Việt Nhân thọ đang sử dụng Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

37.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

(ii) Bảng phân loại bệnh tật

Tỷ lệ xảy ra bệnh tật trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt. Tỷ lệ xảy ra bệnh tật chủ yếu bao gồm các căn bệnh nguy hiểm và thương tật được tính toán từ thống kê về thanh toán quyền lợi được chi trả và phí bảo hiểm bình quân năm.

(iii) Lãi suất

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng cùng tỷ lệ lãi suất cho nhóm sản phẩm bảo hiểm truyền thống, cụ thể là 5% đối với sản phẩm tham gia chia lãi và 1,9% với sản phẩm không chia lãi.

Bảo Việt Nhân thọ cũng thực hiện chính sách quản lý rủi ro thông qua tái bảo hiểm, chuyển giao một phần rủi ro của hợp đồng bảo hiểm cho công ty nhận tái bảo hiểm cố định. Mức giữ lại phụ thuộc vào khả năng tài chính, mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, bên nhận tái bảo hiểm đồng ý chi trả số tiền tương ứng đã nhận tái bảo hiểm trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo hiểm Bảo Việt

Để đạt mục tiêu mà hoạt động quản lý rủi ro bảo hiểm đặt ra, Bảo hiểm Bảo Việt lựa chọn chiến lược chấp nhận rủi ro ở mức cân bằng có ưu tiên tính an toàn và hướng đến sự ổn định trên cơ sở đa dạng hóa các loại hình rủi ro và tương ứng với mỗi loại hình rủi ro đó, Bảo hiểm Bảo Việt dự kiến sẵn các ngưỡng chấp nhận rủi ro phù hợp. Bảo hiểm Bảo Việt đã thiết lập và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, ngoài việc chủ động đa dạng hóa loại hình rủi ro bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt cũng áp dụng các tiêu chí lựa chọn rủi ro. Bảo hiểm Bảo Việt chú trọng đối với các rủi ro bảo hiểm có khả năng xảy ra cao hoặc có nguy cơ bị trục lợi cao. Bảo hiểm Bảo Việt cũng tăng cường đánh giá rủi ro tích tụ và đưa ra các quy định về chấp nhận bảo hiểm đối với các nghiệp vụ khác nhau, các địa phương khác nhau để phân tán rủi ro, tránh tích tụ rủi ro ở cấp độ toàn Bảo hiểm Bảo Việt.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Bảo hiểm Bảo Việt đã xác định lại tỉ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên kinh nghiệm tổn thất và dự báo, xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh, các quy định của pháp luật.

Bảo hiểm Bảo Việt cũng áp dụng các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác và với chính người tham gia bảo hiểm như đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, áp dụng miễn thường.

Việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường đã được thực hiện theo hai cấp. Những vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp đều đã được xử lý và bồi thường tập trung tại Hội sở Bảo hiểm Bảo Việt. Bảo hiểm Bảo Việt đã hoàn thành triển khai giai đoạn đầu phần mềm InsureJ và đưa vào phục vụ kinh doanh thành công Trung tâm dịch vụ khách hàng để hoàn thiện thêm một bước quy trình khai thác bảo hiểm và đặc biệt là quy trình tiếp nhận thông báo tai nạn, giám định tổn thất và giải quyết bồi thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

37.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm

a. Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Bảo hiểm Nhân thọ với mục tiêu đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm chính của Bảo Việt Nhân thọ và cách thức Bảo Việt Nhân thọ quản lý các rủi ro liên quan.

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống

Các đặc tính sản phẩm - Đặc điểm cơ bản của hoạt động bảo hiểm truyền thống dài hạn là cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong được đảm bảo được xác định từ thời điểm phát hành hợp đồng. Các sản phẩm bảo hiểm có yếu tố tiết kiệm đều được đảm bảo quyền lợi đáo hạn và quyền lợi nhận giá trị giải ước. Đối với một số sản phẩm (sản phẩm dành cho trẻ em), người tham gia bảo hiểm sẽ được hưởng quyền lợi miễn nộp phí bảo hiểm khi người tham gia bảo hiểm chết hoặc trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn hoặc khi người được bảo hiểm trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn cũng được chi trả trong trường hợp người được bảo hiểm bị lâm vào tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn đối với sản phẩm dành cho trẻ em.

Các sản phẩm nhân thọ truyền thống với cấu phần không đảm bảo cho phép người tham gia bảo hiểm được tham gia chia lãi đối với quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ. Các quỹ này đưa ra mức thưởng hàng năm tùy chọn dưới dạng lãi chia bằng tiền mặt tích lũy vào cuối năm tài chính và dưới dạng phải trả các chủ hợp đồng bảo hiểm tại ngày kỷ niệm hợp đồng cho mỗi giai đoạn năm (05) năm.

Các nguyên tắc phân chia lợi nhuận giữa các chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ:

- (i) Phản ánh tình hình tài chính của Bảo Việt Nhân thọ;
- (ii) Xem xét kỳ vọng thích đáng của các chủ hợp đồng bảo hiểm; và
- (iii) Cân bằng lợi ích giữa chủ hợp đồng bảo hiểm và chủ sở hữu.

Bảo Việt Nhân thọ được toàn quyền quyết định mức thưởng công bố theo hợp đồng. Trên thực tế, Bảo Việt Nhân thọ sẽ xem xét các kỳ vọng thích đáng khi đặt ra mức thưởng. Mục đích của Bảo Việt Nhân thọ là duy trì tỷ lệ lãi chia đều đặn dựa trên tỷ suất lợi tức dài hạn. Công việc soát xét hàng năm sẽ được thực hiện để đảm bảo tỷ lệ lãi chia là hợp lý khi xem xét kinh nghiệm tổng thể về các khoản đầu tư, bồi thường, chi phí hoạt động và chi phí hủy hợp đồng.

Rủi ro đầu tư được quản lý thông qua việc cân đối giữa tài sản và các khoản công nợ. Các chiến lược đầu tư được xây dựng nhằm đáp ứng hợp lý mức lợi suất đầu tư kỳ vọng của các chủ hợp đồng bảo hiểm. Rủi ro tử vong được quản lý thông qua việc thực hiện đúng quy trình phát hành/cấp đơn bảo hiểm.

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết chung

Các đặc tính sản phẩm - Bảo Việt Nhân thọ hiện đang cung cấp các sản phẩm bảo hiểm liên kết chung với cả hai yếu tố bảo vệ và đầu tư trong quỹ liên kết chung bao gồm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung hỗn hợp có thời hạn bảo hiểm 15, 20 hoặc 25 năm và sản phẩm bảo hiểm liên kết chung trọn đời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

37.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm (tiếp theo)

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết chung (tiếp theo)

Bên mua bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết chung có thể lựa chọn quyền lợi bảo hiểm tử vong là số lớn hơn giữa giá trị tài khoản và số tiền bảo hiểm gia tăng hoặc giá trị tài khoản cộng với số tiền bảo hiểm gia tăng và quyền lợi đáo hạn là giá trị tài khoản của người tham gia hợp đồng bảo hiểm. Lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu cho sản phẩm này là 5%, trong trường hợp người tham gia bảo hiểm tử vong, yêu cầu giải ước và khi hợp đồng đáo hạn.

Phí bảo hiểm thu được sẽ được chuyển vào quỹ liên kết chung của Bảo Việt Nhân thọ sau khi trừ đi các loại phí phân bổ. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng và phí quản lý quỹ sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản quỹ.

b. Các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ

Đối với các sản phẩm phi nhân thọ, Bảo hiểm Bảo Việt quy định trong Hợp đồng bảo hiểm bên tham gia bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm ngay sau khi hợp đồng bảo hiểm được ký kết. Trong một số trường hợp, Tổng Công ty có thể gia hạn đóng phí bảo hiểm. Năm 2013, Tổng Công ty đã loại trừ rủi ro tín dụng trong việc đóng phí của khách hàng bằng những quy định chặt chẽ hơn về gia hạn đóng phí bảo hiểm và từ chối bảo hiểm hoặc chấm dứt hiệu lực hợp đồng đối với những trường hợp không có khả năng đóng phí bảo hiểm đúng thời hạn.

Đối với dòng tiền ra phát sinh khi bồi thường, thời gian và giá trị không được dự báo trước trong điều kiện và điều khoản của hợp đồng. Tuy vậy, hầu hết các hợp đồng bảo hiểm quy định mức bồi thường tối đa. Trong trường hợp rủi ro tích tụ và rủi ro thảm họa, sau khi mua các hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường và các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ, mức trách nhiệm tối đa của Bảo hiểm Bảo Việt cũng được xác định. Mặt khác, với quy định về giới hạn thời gian khai báo tai nạn khi tổn thất xảy ra cũng như quy định thời gian giải quyết bồi thường, Bảo hiểm Bảo Việt đảm bảo chủ động nhất định trước các nhu cầu về nguồn tiền thanh toán bồi thường.

37.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm

Ảnh hưởng đến lợi nhuận báo cáo và vốn chủ sở hữu

Trong cơ cấu tổng lợi nhuận của Bảo hiểm Bảo Việt, kết quả kinh doanh của hoạt động bảo hiểm đóng góp quan trọng trong tổng lợi nhuận nên trong trường hợp lợi nhuận hoạt động bảo hiểm có thay đổi lớn, tổng lợi nhuận của Bảo hiểm Bảo Việt sẽ bị tác động đáng kể. Trong khi các chi phí ngoài chi phí bồi thường có độ ổn định và gần như không có biến động bất thường, tỷ lệ tổn thất là chỉ số khó dự báo trước và có tác động trực tiếp và ngay lập tức đến lợi nhuận hoạt động bảo hiểm. Cơ chế quản lý rủi ro hiện tại của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm các quy trình kiểm soát chặt chẽ như đánh giá rủi ro khi nhận bảo hiểm, tái bảo hiểm, giám định tổn thất và giải quyết bồi thường đã đảm bảo kiểm soát được tỷ lệ tổn thất trong mức độ chấp nhận được.

Đối với Bảo Việt Nhân thọ, lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm phụ thuộc rất lớn vào các rủi ro như rủi ro lãi suất chiết khấu, tỷ lệ tử vong. Bảo Việt Nhân thọ đã thực hiện thử nghiệm các mô hình định giá dựa trên các giả định khác nhau. Việc phân tích độ nhạy với từng tình huống cho thấy cái nhìn rõ hơn với các rủi ro chính mà Bảo Việt Nhân thọ có thể gặp phải. Bảng trình bày dưới đây chỉ ra độ nhạy của các ước tính nghĩa vụ bảo hiểm đối với từng thay đổi cụ thể trong các giả định sử dụng trong quá trình ước tính. Một số biến nhất định dự kiến sẽ ảnh hưởng đến các nghĩa vụ bảo hiểm hơn các biến khác, và vì vậy dự kiến sẽ có độ nhạy lớn hơn đối với các biến này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

37.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Ảnh hưởng đến lợi nhuận báo cáo và vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Ảnh hưởng tới lợi nhuận báo cáo do ảnh hưởng của sự thay đổi của các biến số chính như sau:

	Thay đổi biến %	Thay đổi nghĩa vụ được bảo hiểm (triệu VND)	Ảnh hưởng đến nguồn vốn (triệu VND)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Tỷ lệ chiết khấu	+0.25	(244.194)	183.146
Tỷ lệ chiết khấu	-0.25	287.450	(215.588)
Tỷ lệ tử vong	+10	6.997	(5.248)
Tỷ lệ tử vong	-10	(6.150)	4.613
Tỷ lệ tử vong	+20	14.682	(11.012)
Tỷ lệ tử vong	-20	(11.441)	8.581
Ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Tỷ lệ chiết khấu	+0.25	(255.053)	191.290
Tỷ lệ chiết khấu	-0.25	214.277	(160.708)
Tỷ lệ tử vong	+10	6.693	(5.020)
Tỷ lệ tử vong	-10	(6.093)	4.570
Tỷ lệ tử vong	+20	14.125	(10.594)
Tỷ lệ tử vong	-20	(11.584)	8.688

Phân tích trên được lập với giả định các giả định khác không đổi khi thay đổi biến số và bỏ qua thay đổi về giá trị của các tài sản liên quan.

Tích tụ rủi ro

Rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm hầu hết các loại rủi ro bảo hiểm phi nhân thọ như rủi ro hàng hóa vận chuyển, rủi ro tàu thủy, rủi ro hàng không, rủi ro dầu khí, rủi ro tài sản, rủi ro con người, rủi ro kỹ thuật,... Do vậy ngoài rủi ro tích tụ cùng loại rủi ro, Bảo hiểm Bảo Việt còn đối mặt với rủi ro tích tụ các loại rủi ro liên quan, chẳng hạn như bảo hiểm đồng thời tàu và hàng, bảo hiểm đồng thời tài sản và con người,... Bảo hiểm Bảo Việt đã có quy định về theo quản lý rủi ro tích tụ và mua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ để giới hạn mức trách nhiệm khi xảy ra sự kiện rủi ro tích tụ hoặc thảm họa.

Những rủi ro chính đối với Bảo Việt Nhân thọ như rủi ro tử vong, rủi ro bệnh tật, rủi ro tuổi thọ, rủi ro từ hoạt động đầu tư, rủi ro chi phí, rủi ro từ việc ra quyết định của người được bảo hiểm không có khác biệt lớn giữa các vùng miền, theo loại hình được bảo hiểm hay theo ngành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

37.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Tích tụ rủi ro (tiếp theo)

Chiến lược khai thác bảo hiểm nhân thọ của Bảo Việt Nhân thọ được thiết kế nhằm đảm bảo rằng những rủi ro bảo hiểm được đa dạng cả về loại hình và mức độ của các quyền lợi bảo hiểm. Điều này phần lớn đạt được thông qua việc khai thác bảo hiểm trên tất cả ngành, vùng lãnh thổ địa lý, sử dụng các chương trình y tế để đảm bảo rằng việc định giá sản phẩm đã tính đến các điều kiện sức khỏe hiện tại và tiền sử sức khỏe của gia đình, đặc thù nghề nghiệp những người làm việc trong từng ngành, rà soát thường xuyên các vụ bồi thường thực tế và quy trình định giá các sản phẩm cũng như quy trình giải quyết bồi thường. Các hạn mức khai thác được thực hiện nhằm đảm bảo các tiêu chí lựa chọn rủi ro phù hợp. Ví dụ, Bảo Việt Nhân thọ có quyền không tái tục các hợp đồng riêng lẻ, Bảo Việt Nhân thọ có thể áp dụng các mức khấu trừ và có quyền từ chối thanh toán các khiếu nại gian lận. Hợp đồng bảo hiểm cũng cho phép Bảo Việt Nhân thọ quyền thu đòi các bên thứ ba một phần hoặc toàn bộ các chi phí. Bảo Việt Nhân thọ củng cố chính sách chủ động quản lý và thu đòi bồi thường để giảm các rủi ro không dự đoán trước được trong tương lai có thể ảnh hưởng không tốt trực tiếp đến Bảo Việt Nhân thọ.

Bảng dưới đây thể hiện mức độ tập trung của các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ theo loại hình hợp đồng:

	Nghĩa vụ các hợp đồng bảo hiểm và đầu tư có cấu phần không đảm bảo VND	Nghĩa vụ các hợp đồng bảo hiểm không có cấu phần không đảm bảo VND	Tổng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Điều khoản riêng	3.555.354.199	74.898.778.820	78.454.133.019
Trộn đời	74.828.975.891	-	74.828.975.891
Tử kỳ	-	5.423.976.157	5.423.976.157
Hỗn hợp	8.007.319.535.475	8.198.327.234.588	16.205.646.770.063
Liên kết chung	-	3.290.244.075.456	3.290.244.075.456
Niên kim	321.573.973.596	-	321.573.973.596
Tổng	8.407.277.839.161	11.568.894.065.021	19.976.171.904.182
Ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Điều khoản riêng	4.166.075.806	66.404.039.769	70.570.115.575
Trộn đời	69.393.700.645	-	69.393.700.645
Tử kỳ	-	5.164.924.213	5.164.924.213
Hỗn hợp	7.903.643.135.554	7.215.208.597.508	15.118.851.733.062
Liên kết chung	-	1.761.707.219.761	1.761.707.219.761
Niên kim	260.645.826.990	-	260.645.826.990
Tổng	8.237.848.738.995	9.048.484.781.251	17.286.333.520.246

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

37.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Ước tính bồi thường

Để quản lý hiệu quả rủi ro bảo hiểm, quy trình tiếp nhận thông tin tổn thất, ước tính, thống kê và quản lý dữ liệu bồi thường là một công tác được Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt chú trọng.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện thêm quy trình thống kê và quản lý bồi thường để ước tính và trích vào chi phí đúng kỳ các khoản chi trả bồi thường có thể phát sinh. Quy trình này đã được Bảo hiểm Bảo Việt thực hiện từ nhiều năm và ước tính bồi thường ngày càng sát với các khoản chi trả thực tế. Quy trình thống kê bồi thường của Bảo hiểm Bảo Việt là một quy trình đầy đủ và chi tiết từ tiếp nhận khai báo tổn thất đến giải quyết bồi thường, được áp dụng cho từng loại rủi ro bảo hiểm. Khi có thông tin về tổn thất, những thông tin ban đầu của vụ tổn thất cũng như ước tính số tiền phải bồi thường được ghi nhận vào bảng thống kê tổn thất. Mỗi khi có thêm thông tin có thể làm thay đổi số ước bồi thường, số tiền phải bồi thường ước tính sẽ được cập nhật. Mỗi khi thực hiện tạm ứng hoặc chi trả bồi thường, thông tin về ngày tháng và số tiền tạm ứng, chi trả được cập nhật vào bảng thống kê bồi thường để làm giảm số ước còn phải bồi thường. Khi đã thanh toán bồi thường đầy đủ, hồ sơ vụ tổn thất sẽ được đóng lại.

Dự phòng tổn thất chưa giải quyết của Bảo Việt Nhân thọ được trích lập cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết. Thông tin tổn thất sẽ được cập nhật vào hệ thống quản lý nghiệp vụ khi Bảo Việt Nhân thọ nhận được thông báo tổn thất từ phía khách hàng. Số tiền ước tính thường không chênh lệch lớn so với chi phí bồi thường thực trả do tổn thất ước tính được xác định dựa trên thông tin tổn thất và tỷ lệ bồi thường quy định theo từng loại sản phẩm bảo hiểm.

37.2 Quản lý rủi ro tài chính

Các giao dịch công cụ tài chính có thể mang rủi ro tài chính cho Tập đoàn và các Công ty con. Những rủi ro này bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Điều hành Tập đoàn xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

37.2.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được định nghĩa là khoản lỗ tiềm tàng - do khả năng hoặc thiện chí trả nợ theo hợp đồng của bên vay hoặc đối tác có những thay đổi bất lợi.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn có thể phát sinh từ hoạt động tín dụng bảo hiểm (chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt), hoạt động đầu tư tài chính (tiền gửi, trái phiếu và các công cụ tài chính khác), hoạt động cho vay của Baoviet Bank và hoạt động kinh doanh khác.

Tín dụng bảo hiểm

Rủi ro tín dụng bảo hiểm là nguy cơ người tham gia bảo hiểm không thực hiện được đầy đủ và đúng hạn việc đóng phí bảo hiểm theo các điều kiện và điều khoản được quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Trong khi Bảo hiểm Bảo Việt chưa thu được phí bảo hiểm nhưng do hợp đồng bảo hiểm đã phát sinh hiệu lực nên Bảo hiểm Bảo Việt vẫn phải nộp thuế GTGT, phát sinh chi phí phát hành và quản lý hợp đồng, chuyển phí nhượng tái bảo hiểm và nếu tổn thất phát sinh Bảo hiểm Bảo Việt vẫn phải thanh toán bồi thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tín dụng bảo hiểm (tiếp theo)

Để làm giảm thiểu rủi ro này, Bảo hiểm Bảo Việt đã ban hành và yêu cầu tuân thủ chặt chẽ quy trình gia hạn đóng phí bảo hiểm. Chỉ những người tham gia bảo hiểm còn khả năng đóng phí hoặc có triển vọng là khách hàng chiến lược mới được gia hạn đóng phí bảo hiểm. Những người tham gia bảo hiểm bị đánh giá tín dụng thấp, không có khả năng đóng phí sẽ bị chấm dứt hiệu lực hợp đồng và tiếp tục theo dõi công nợ để làm các thủ tục đòi hoặc xóa nợ sau này. Đối với các khoản phí bảo hiểm không đóng đúng thời hạn, Bảo hiểm Bảo Việt theo dõi trích lập dự phòng như quy định của nhà nước đối với nợ quá hạn và làm thủ tục xóa nợ nếu có đầy đủ cơ sở.

Trong các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm, sau khi phân bổ trách nhiệm đối với tổn thất cho các nhà nhận tái bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt cũng phải đối mặt với rủi ro tín dụng. Bảo hiểm Bảo Việt đã rất chú trọng việc kiểm soát rủi ro này khi chỉ nhượng tái bảo hiểm cho các nhà bảo hiểm được xếp hạng tín dụng cao bởi các tổ chức xếp hạng hàng đầu thế giới. Đối với các nhà nhận tái bảo hiểm trong nước không được xếp hạng tín dụng, Bảo hiểm Bảo Việt cũng có những đánh giá riêng và theo dõi chặt chẽ diễn biến khả năng tài chính của họ.

Các khoản đầu tư tiền gửi

Rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi được hiểu là nguy cơ không thu hồi được cả gốc và lãi theo thời hạn đã ấn định trong hợp đồng xảy ra do tổ chức tín dụng phá sản, bị tụt hạng tín dụng hoặc mất khả năng thanh khoản.

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính, Tập đoàn đã xây dựng và triển khai mô hình đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng dựa trên mô hình phân tích tín dụng nội bộ. Hội đồng QLRR của Tập đoàn xác định hạn mức tín dụng tại các ngân hàng mà Tập đoàn được phép gửi tiền và các hạn mức này được rà soát định kỳ. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Hội đồng QLRR của Tập đoàn rà soát mức độ rủi ro và đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp.

Đầu tư trái phiếu

Rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư trái phiếu là nguy cơ không thu hồi được nợ của bên phát hành trái phiếu khi đến hạn thanh toán. Để quản lý rủi ro tín dụng từ đầu tư trái phiếu, Tập đoàn xây dựng kế hoạch, phê duyệt hạn mức đầu tư từng loại trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản; thận trọng khi đầu tư thêm trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2013; tuân thủ quy trình thẩm định, phê duyệt các khoản đầu tư.

Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con sẽ tiến hành xử lý tài sản đảm bảo. Trái phiếu Chính phủ ít rủi ro hơn trái phiếu doanh nghiệp và đang chiếm tỷ trọng lớn tổng danh mục đầu tư trái phiếu nên hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro trung bình thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tín dụng ngân hàng

Rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Rủi ro tín dụng của Baoviet Bank chủ yếu xuất phát từ các hoạt động cấp tín dụng như cho vay đối với tổ chức kinh tế, cá nhân và các tổ chức tín dụng; đầu tư trái phiếu doanh nghiệp; các nghiệp vụ cấp tín dụng khác như bảo lãnh, chiết khấu giấy tờ có giá... Trong đó, hoạt động chủ yếu dẫn đến phát sinh rủi ro tín dụng vẫn là cho vay tổ chức kinh tế và cá nhân (dư nợ cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp (tổ chức kinh tế) chiếm tỷ trọng cao nhất, lên tới gần 86% tổng dư nợ cho vay của Ngân hàng).

Để quản lý rủi ro tín dụng ngân hàng, Baoviet Bank áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đánh giá mức độ tín nhiệm và phân loại khách hàng, thiết lập hạn mức tín dụng; tăng cường việc thẩm định, định giá và quản lý đối với tài sản bảo đảm theo cơ chế tập trung; giám sát tín dụng chặt chẽ nhằm đưa ra cảnh báo sớm đối với rủi ro tín dụng. Công tác thu hồi nợ và xử lý nợ xấu được triển khai đồng bộ và mạnh mẽ bằng việc thành lập các Tổ xử lý nợ theo vùng miền, tại Đơn vị kinh doanh phối hợp với bộ phận xử lý nợ tại Hội sở chính với quy định hướng dẫn thực hiện cụ thể, có sự chỉ đạo sát sao của cấp lãnh đạo kết hợp với việc bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) theo quy định.

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ xảy ra rủi ro thanh toán khi khách hàng không thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi của số tiền vay dù đã bán hết chứng khoán là tài sản đảm bảo. BVSC thực hiện chính sách đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để quản lý rủi ro này. Các khách hàng đều được đánh giá trước khi đàm phán về điều kiện xếp loại và hạn mức vay ký quỹ tương ứng. Ngoài ra rủi ro tín dụng còn được quản trị thông qua các biện pháp như xây dựng tiêu chuẩn cho các cổ phiếu và chứng chỉ quỹ nằm trong danh mục cho vay ký quỹ, xây dựng tỷ lệ ký quỹ an toàn, để ra các biện pháp thực hiện xử lý tài sản đảm bảo nhằm đảm bảo an toàn nguồn vốn phục vụ cho vay ký quỹ của BVSC.

Rủi ro tín dụng của hoạt động giao dịch ký quỹ năm 2013 ở mức thấp khi các khoản vay giao dịch ký quỹ được thanh toán đúng hạn, tỉ lệ tài sản đảm bảo được duy trì ở mức an toàn.

Phải thu khách hàng khác

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Do các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến các khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định. Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng dựa trên tổn thất ước tính khi có bằng chứng các khoản phải thu không có khả năng thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Chưa quá hạn và không giảm giá trị VNĐ	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt VNĐ	Bị giảm giá trị riêng biệt VNĐ	Tổng VNĐ
TÀI SẢN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.318.047.598.296	-	-	7.318.047.598.296
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	451.764.368.026	106.231.924.867	76.563.813.422	634.560.106.315
Phải thu tái bảo hiểm	1.036.224.090.116	-	-	1.036.224.090.116
Các khoản phải thu khác	42.271.063.551	-	-	42.271.063.551
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	28.932.340.251	-	-	28.932.340.251
- Phải thu cổ tức	13.338.723.300	-	-	13.338.723.300
Các khoản đầu tư tài chính	31.344.888.071.265	-	698.073.839.390	32.042.961.910.655
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	11.332.620.410.682	-	1.800.000.008	11.334.420.410.690
- Trái phiếu	20.012.267.660.583	-	696.273.839.382	20.708.541.499.965
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	8.073.140.117.539	284.174.125.004	1.126.879.553.465	9.484.193.796.008
Các tài sản khác	336.150.349.655	3.637.931.518	2.131.607.978	341.919.889.151
TỔNG CỘNG	48.602.485.658.448	394.043.981.389	1.903.648.814.255	50.900.178.454.092

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Chưa quá hạn và không giảm giá trị VNĐ	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt VNĐ	Bị giảm giá trị riêng biệt VNĐ	Tổng VNĐ
TÀI SẢN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.077.977.824.233	-	-	4.077.977.824.233
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	396.690.517.826	150.663.021.206	-	547.353.539.032
Phải thu tái bảo hiểm	1.407.411.764.573	-	-	1.407.411.764.573
Các khoản đầu tư tài chính	26.813.279.044.556	20.500.000.000	760.840.238.333	27.594.619.282.889
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	10.685.668.484.539	20.500.000.000	89.400.000.000	10.795.568.484.539
- Trái phiếu	16.127.610.560.017	-	671.440.238.333	16.799.050.798.350
Các khoản phải thu	38.302.382.421	-	-	38.302.382.421
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	26.436.721.414	-	-	26.436.721.414
- Phải thu cổ tức	11.865.661.007	-	-	11.865.661.007
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	6.502.332.224.970	683.287.891.220	869.324.852.700	8.054.944.968.890
Các tài sản khác	377.718.977.239	-	-	377.718.977.239
TỔNG CỘNG	39.613.712.735.818	854.450.912.426	1.630.165.091.033	42.098.328.739.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các số dư trình bày ở đây là tổng giá trị thuần của các tài sản, bao gồm gốc, lãi dự thu, lãi trả trước và dự phòng trích lập theo Thông tư 228, Thông tư 89, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước.

Trong đó:

- Chưa quá hạn và không giảm giá trị:* các tài sản hoặc các khoản cho vay với lãi suất và nợ gốc chưa tới ngày đáo hạn và không có bằng chứng của việc suy giảm giá trị.
- Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt:* các tài sản với lãi suất và nợ gốc đã quá hạn nhưng Tập đoàn tin rằng các khoản này không bị giảm giá trị vì chúng được đảm bảo bởi các tài sản thế chấp và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng và các biện pháp đảm bảo tín dụng khác của khách hàng.
- Bị giảm giá trị riêng biệt:* các công cụ nợ và các khoản cho vay khách hàng mà Tập đoàn cho rằng không thể thu hồi đầy đủ lãi và nợ gốc theo các điều khoản của hợp đồng.

Tập đoàn trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá các khoản phải thu theo Thông tư 228 và Thông tư 89, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước. Trong tổng tài sản quá hạn, có những khoản nợ Tập đoàn đang làm thủ tục xóa nợ vì không thu được trong khi đã đủ cơ sở xóa nợ. Có những khoản nợ không thu được nhưng chưa đủ cơ sở xóa nợ, Tập đoàn đang làm các thủ tục khởi kiện. Có những khoản nợ mà bên nợ vẫn có khả năng trả nợ, Tập đoàn đã làm các thủ tục xác nhận nợ và xúc tiến việc thu nợ.

37.2.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và nợ phải trả trong ngắn hạn.

Mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt là đảm bảo cân đối các luồng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn tiếp tục tiến hành phân tích thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính và thông tin về luồng tiền ước tính. Phân tích các nhu cầu thanh khoản trong quá khứ để thấy những biến động về nhu cầu này và các nhân tố ảnh hưởng. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ xem xét và báo cáo cho Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO). Ủy ban sẽ rà soát mức độ thanh khoản, hiệu quả đầu tư và xác định các hành động phù hợp.

Đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng, rủi ro thanh khoản được hiểu là rủi ro khi Ngân hàng không đủ khả năng để thực hiện đúng những cam kết tài chính hàng ngày hoặc để đáp ứng nhu cầu rút tiền trước hạn của khách hàng, dẫn đến tổn thất cho Ngân hàng do tăng chi phí kinh doanh, mất uy tín hoặc mất khả năng thanh toán.

Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Baoviet Bank nỗ lực huy động đa dạng nguồn vốn, kiểm soát tỷ lệ huy động từ nhóm khách hàng có tiền gửi lớn; duy trì một lượng tài sản Có có khả năng thanh khoản cao để có thể đáp ứng mọi nghĩa vụ thanh toán tại bất cứ thời điểm nào và thực hiện đo lường, kiểm soát trạng thái mất cân đối về kỳ hạn của dòng tiền ra và dòng tiền vào; đo lường, kiểm soát các chỉ số thanh khoản chính và các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Việc đo lường, kiểm soát, giám sát và báo cáo rủi ro thanh khoản được thực hiện hàng ngày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Đơn vị: triệu đồng						
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	7.318.048	-	-	7.318.048
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	634.560	-	-	634.560
Phải thu tái bảo hiểm	-	-	1.036.224	-	-	1.036.224
Các khoản phải thu khác	-	-	42.271	-	-	42.271
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	28.932	-	-	28.932
- Phải thu cổ tức	-	-	13.339	-	-	13.339
Các khoản đầu tư tài chính	151.800	1.466.290	12.789.174	13.373.748	18.783.021	46.564.033
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	1.800	-	10.462.116	1.029.591	820.993	12.314.500
- Trái phiếu	150.000	-	2.327.058	12.344.157	17.962.028	32.783.243
- Cổ phiếu	-	1.466.290	-	-	-	1.466.290
Cho vay khách hàng	431.563	-	4.099.821	1.328.106	3.736.445	9.595.935
Các tài sản khác	-	-	341.920	-	-	341.920
	583.363	1.466.290	26.262.018	14.701.854	22.519.466	65.532.991

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu và thời gian ước tính của các luồng tiền phát sinh từ các nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm vào ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Đơn vị: triệu đồng						
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
NỢ TÀI CHÍNH						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	5.256	-	(133.006)	(2.389)	41.370.035	41.239.896
Tiền gửi của khách hàng	-	-	8.545.017	57.214	75	8.602.306
Tiền gửi của ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	-	-	4.780.924	-	-	4.780.924
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	323.703	-	-	323.703
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	529.932	-	-	529.932
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	-	3.549.082	-	-	3.549.082
- Nhận ký quỹ	-	-	48.257	-	-	48.257
- Khác	-	-	3.500.825	-	-	3.500.825
TỔNG CỘNG	5.256	-	17.595.652	54.825	41.370.110	59.025.843

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Đơn vị: triệu đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	4.077.978	-	-	4.077.978
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	1.488.932	-	-	1.488.932
Phải thu tái bảo hiểm	-	-	1.407.412	-	-	1.407.412
Các khoản phải thu khác	-	26.407	11.896	-	-	38.303
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	26.407	30	-	-	26.437
- Phải thu cổ tức	-	-	11.866	-	-	11.866
Các khoản đầu tư tài chính	177.400	1.346.361	11.486.209	12.521.995	14.601.509	40.133.474
- Hợp đồng tiền gửi	89.400	-	9.205.244	1.869.078	1.020.667	12.184.389
- Trái phiếu	88.000	-	2.280.965	10.652.917	13.580.842	26.602.724
- Cổ phiếu	-	1.346.361	-	-	-	1.346.361
Cho vay khách hàng	1.552.613	-	2.740.313	897.262	1.923.179	7.113.367
Các tài sản khác	-	-	377.719	-	-	377.719
	1.730.013	1.372.768	21.590.459	13.419.257	16.524.688	54.637.185

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu và thời gian ước tính của các luồng tiền phát sinh từ các nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm vào ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Đơn vị: triệu đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
NỢ TÀI CHÍNH						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	-	-	1.039.615	789.295	36.022.358	37.851.268
Tiền gửi của khách hàng	-	375.978	3.934.656	261.856	68	4.572.558
Tiền gửi của ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	-	24.582	3.633.050	-	-	3.657.632
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	331.490	-	-	331.490
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	554.090	-	-	554.090
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	39.063	1.045.964	121.432	3.253	1.209.712
- Nhận ký quỹ	-	39.063	-	130	-	39.193
- Khác	-	-	1.045.964	121.302	3.253	1.170.519
TỔNG CỘNG	-	439.623	10.538.865	1.172.583	36.025.679	48.176.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái.

Mục tiêu của Tập đoàn là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro thị trường nhằm cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro bằng cách duy trì danh mục rủi ro thị trường nhất quán với chiến lược đầu tư của Tập đoàn.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động của tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt và Baoviet Bank tuy nhiên mức độ chịu ảnh hưởng không đáng kể.

Trong danh mục nợ của Bảo hiểm Bảo Việt, một phần công nợ tái bảo hiểm được quy đổi và chốt theo đồng đô la Mỹ. Mặc dù được thanh toán theo hình thức bù trừ và chỉ thực chi phần chênh lệch nhưng với xu hướng đồng Việt Nam ngày càng mất giá, Bảo hiểm Bảo Việt có nguy cơ gia tăng công nợ theo đà tăng của tỷ giá. Để giảm tác động của rủi ro tỷ giá, Bảo hiểm Bảo Việt đã có một số giải pháp như xây dựng dự báo thu chi ngoại tệ dựa trên các khoản phải thu phải chi và số kinh nghiệm thu chi ngoại tệ; nỗ lực tích lũy nguồn ngoại tệ thông qua việc thu từ các giao dịch được phép và dự trữ để thanh toán.

Đối với Baoviet Bank, rủi ro tỷ giá ngoại tệ chủ yếu xuất phát từ hoạt động mua/bán, kinh doanh ngoại tệ, hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn bằng ngoại tệ. Baoviet Bank từng bước quản lý rủi ro tỷ giá ngoại tệ và thực hiện xây dựng các kịch bản, tình huống giả định về tình hình biến động tỷ giá trên thị trường (bao gồm cả trong điều kiện bất thường, xảy ra khủng hoảng); cũng như các kịch bản, tình huống về tình hình biến động giá trị danh mục tài sản có – tài sản nợ để xác định mức độ ảnh hưởng lên kết quả kinh doanh. Đồng thời, Baoviet Bank đã thiết lập một số loại hạn mức để quản lý như hạn mức trạng thái ngoại tệ, hạn mức lỗ tối đa đối với hoạt động kinh doanh ngoại tệ. Các hạn mức này do Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO) phê duyệt từng thời kỳ phù hợp với diễn biến tỷ giá trên thị trường và khẩu vị rủi ro của Ngân hàng.

Trong năm 2013, tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và đô la Mỹ diễn biến ổn định, nguồn ngoại tệ từ nguồn thu của Bảo hiểm Bảo Việt cũng như trên thị trường đều đối đảo, tỷ giá giao dịch trên thị trường liên ngân hàng trong năm qua thường xuyên duy trì thấp hơn mức trần niêm yết, tâm lý thị trường khá ổn định. Vì vậy rủi ro tỷ giá ngoại tệ của Tập đoàn được đánh giá ở mức thấp. Bảng sau minh họa ảnh hưởng của biến động tỷ giá ngoại tệ giữa đồng đô la Mỹ và đồng Việt Nam đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với giả định là các yếu tố khác không đổi:

Biến động	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế VNĐ
31 tháng 12 năm 2013	
+5%	18.063.543.087
-5%	(18.063.543.087)
31 tháng 12 năm 2012	
+5%	12.868.330.655
-5%	(12.868.330.656)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn, các khoản đầu tư vào trái phiếu có kỳ hạn cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ để phù hợp với các khoản phải trả trong tương lai. Danh mục các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu có lãi suất thả nổi chịu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất, tuy nhiên, Tập đoàn đánh giá rủi ro này ở mức thấp do các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu có lãi suất thả nổi chiếm tỷ trọng nhỏ trong toàn bộ danh mục đầu tư.

Ngoài ra, biến động lãi suất giảm cũng tác động đến các dòng tiền đáo hạn để tái đầu tư vào danh mục tiền gửi và trái phiếu. Tập đoàn thường xuyên rà soát và lựa chọn kỳ hạn tái đầu tư hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất lên các khoản tái đầu tư trong khi vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận. Với chính sách quản lý rủi ro nhất quán, Tập đoàn đánh giá mức độ rủi ro tái đầu tư do lãi suất biến động đối với danh mục đầu tư của Tập đoàn ở mức trung bình.

Đối với các sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các loại hình bảo hiểm truyền thống có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không đảm bảo.

Rủi ro lãi suất của Baoviet Bank chủ yếu xuất phát từ các hoạt động đầu tư, hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn. Nhằm giảm thiểu tác động của rủi ro lãi suất, Baoviet Bank đảm bảo cơ cấu hợp lý về kỳ hạn và giữa Tài sản có và Tài sản nợ; thiết lập cơ chế điều hành lãi suất linh hoạt; Baoviet Bank thực hiện xây dựng các kịch bản, tình huống giả định về tình hình biến động lãi suất trên thị trường (bao gồm cả trong điều kiện bất thường, xảy ra khủng hoảng) nhằm mô phỏng biến động giá trị danh mục tài sản có – tài sản nợ để xác định mức độ tổn thất lợi nhuận/giá trị tài sản của Ngân hàng theo các kịch bản, tình huống đó. Dựa vào các kết quả đó, Ngân hàng quản lý quy mô, cơ cấu tài sản trong và ngoài bảng cân đối cũng như có chính sách điều hành lãi suất linh hoạt để bảo đảm ngăn ngừa, hạn chế mức độ rủi ro mà Ngân hàng phải đối mặt.

Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu là nguy cơ xảy ra giá cổ phiếu niêm yết, giá cổ phiếu OTC biến động mạnh trên thị trường chứng khoán. Rủi ro giá cổ phiếu có nguy cơ khi đầu tư quá nhiều vào một ngành, một công ty hoặc một nhóm công ty có chung chủ sở hữu. HĐQT quản lý rủi ro này bằng việc lựa chọn ngành nghề và công ty để đầu tư; quy định hạn mức vào một ngành hoặc một công ty hoặc nhóm công ty; phân tích rủi ro hệ thống đến danh mục khi có biến động lớn của thị trường. Nhằm giảm thiểu các tác động xấu do điều kiện thị trường và hành vi của các nhà đầu tư, danh mục đầu tư cổ phiếu của Tập đoàn được đa dạng hóa và tỷ trọng đầu tư cổ phiếu giữ ở mức tương đối thấp trong toàn danh mục đầu tư.

Tập đoàn sử dụng công cụ Giá trị rủi ro (“VaR”) để giám sát và giới hạn rủi ro giá cổ phiếu niêm yết. VaR là phương pháp ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động của thị trường và giá trong khoảng thời gian nhất định, với mức độ tin cậy cho trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá cổ phiếu (tiếp theo)

Đơn vị: VND

Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	HOSE	HNX	Tổng
Giá trị sổ sách	1.000.450.528.062	247.596.842.856	1.248.047.370.918
Giá trị thị trường	615.160.450.500	431.917.727.100	1.047.078.177.600
VaR (95%, 1 ngày)	(11.503.913.562)	(14.366.851.113)	(25.870.764.675)
Mức độ giảm VaR (95%)	9.047.220.522	6.807.652.090	15.854.872.612
VaR (95%, 1 tuần)	N/A	N/A	(57.848.788.442)
VaR (95%, 1 tháng)	N/A	N/A	(115.697.576.884)
VaR (95%, 1 năm)	N/A	N/A	(410.685.657.334)
Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	HOSE	HNX	Tổng
Giá trị sổ sách	1.085.877.736.393	384.094.244.676	1.469.971.981.069
Giá trị thị trường	511.245.788.250	311.767.962.700	823.013.750.950
VaR (95%, 1 ngày)	(10.214.906.692)	(9.193.757.395)	(19.408.664.087)
Mức độ giảm VaR (95%)	8.788.234.448	5.748.345.896	14.536.580.344
VaR (95%, 1 tuần)	N/A	N/A	(43.399.092.251)
VaR (95%, 1 tháng)	N/A	N/A	(86.798.184.502)
VaR (95%, 1 năm)	N/A	N/A	(308.102.990.725)

Giá trị rủi ro VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 25,8 tỷ đồng, nghĩa là với xác suất 95%, mức tổn thất tối đa của danh mục cổ phiếu niêm yết trong một ngày là 25,8 tỷ đồng.

VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 lớn hơn VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012; tỷ lệ phần trăm của VaR so với giá trị thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (2,5%) cao hơn tỷ lệ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (2,4%).

Tập đoàn còn sử dụng phương pháp phân tích kịch bản “stress testing” để đánh giá những ảnh hưởng tiềm ẩn đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy, khi có sự biến động của chỉ số thị trường (chỉ số VN-Index hoặc HNX Index), các yếu tố còn lại không đổi, lợi nhuận trước thuế sẽ bị ảnh hưởng. Mối tương quan của các biến số cũng tác động đáng kể trong việc giảm thiểu rủi ro về giá:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

37.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

37.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá cổ phiếu (tiếp theo)

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của danh mục cổ phiếu niêm yết (*) VND
31 tháng 12 năm 2013		
Kịch bản 1	+10%	20.422.718.291
Kịch bản 2	-10%	(34.482.596.910)
31 tháng 12 năm 2012		
Kịch bản 1	+10%	46.426.652.369
Kịch bản 2	-10%	(47.617.761.371)

(*) Lưu ý: Số liệu được tính toán áp dụng chính sách trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán theo quy định tại Thông tư 228 và thông tư 89, do đó ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của việc biến động giá cổ phiếu chỉ tính tới các cổ phiếu mà giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính giảm xuống dưới giá gốc.

38. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Tập đoàn vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các công cụ kỳ hạn cố định, công cụ vốn niêm yết và không niêm yết, các khoản cho vay và phải thu khách hàng, và các khoản phải thu tài chính khác. Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;

(ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

(iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- **Các khoản cho vay và phải thu:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- **Tài sản sẵn sàng để bán:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;

b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc

c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay. Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- **Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

(i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;

(i) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

(ii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	Giá trị ghi sổ VNĐ	Dự phòng giảm giá trị VNĐ	Tổng VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
31 tháng 12 năm 2013				
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư kỳ hạn cố định	32.921.554.463.304	(878.592.552.650)	32.042.961.910.654	32.321.986.173.303
- Sẵn sàng để bán - Chứng khoán Nợ	16.977.745.295.803	-	16.977.745.295.803	17.448.650.461.619
- Cho vay và phải thu - Chứng khoán Nợ	3.870.634.226.681	(139.838.022.519)	3.730.796.204.162	3.241.851.442.549
- Cho vay và phải thu - Hợp đồng tiền gửi	12.073.174.940.820	(738.754.530.131)	11.334.420.410.689	11.631.484.269.135
Đầu tư vốn	2.086.457.975.229	(620.168.320.456)	1.466.289.654.773	1.667.464.294.635
- Sẵn sàng để bán	1.781.783.725.732	(561.976.914.611)	1.219.806.811.121	1.409.603.275.968
- Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	304.674.249.497	(58.191.405.845)	246.482.843.652	257.861.018.667
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	8.606.092.550.507	(184.735.681.810)	8.421.356.868.697	8.421.356.868.697
Tạm ứng từ giá trị giải ước	931.860.481.727	-	931.860.481.727	931.860.481.727
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	787.797.388.245	(153.237.281.930)	634.560.106.315	534.973.812.898
Phải thu tái bảo hiểm	1.036.224.090.116	-	1.036.224.090.116	1.036.224.090.116
Phải thu khác	383.464.965.360	(10.776.999.455)	372.687.965.905	372.687.965.905
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	28.932.340.251	-	28.932.340.251	28.932.340.251
- Phải thu cổ tức	13.338.723.300	-	13.338.723.300	13.338.723.300
- Khác	341.193.901.809	(10.776.999.455)	330.416.902.354	330.416.902.354
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.318.047.598.296	-	7.318.047.598.296	7.318.047.598.296
TỔNG CỘNG	54.071.499.512.784	(1.847.510.836.301)	52.223.988.676.483	52.604.601.285.577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Giá trị ghi sổ VNĐ	Dự phòng giảm giá trị VNĐ	Tổng VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
31 tháng 12 năm 2012				
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư kỳ hạn cố định	28.270.954.728.143	(676.335.445.254)	27.594.619.282.889	28.478.388.105.561
- <i>Sẵn sàng để bán - Chứng khoán nợ</i>	13.262.760.202.516	-	13.262.760.202.516	14.171.286.228.643
- <i>Cho vay và phải thu - Chứng khoán nợ</i>	3.622.018.938.991	(85.728.343.157)	3.536.290.595.834	3.093.038.155.431
- <i>Cho vay và phải thu - Hợp đồng tiền gửi</i>	11.386.175.586.636	(590.607.102.097)	10.795.568.484.539	11.214.063.721.487
Đầu tư vốn	2.243.243.210.758	(896.882.272.422)	1.346.360.938.336	1.331.350.176.256
- <i>Sẵn sàng để bán</i>	1.796.380.402.190	(693.657.366.410)	1.102.723.035.780	1.086.362.010.962
- <i>Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	446.862.808.568	(203.224.906.012)	243.637.902.556	244.988.165.294
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	7.299.598.411.917	(186.231.203.424)	7.113.367.208.493	6.988.929.623.369
Tạm ứng từ giá trị giải ước	941.577.760.397	-	941.577.760.397	941.577.760.397
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	666.888.986.052	(119.535.447.020)	547.353.539.032	511.268.116.040
Phải thu tái bảo hiểm	1.407.411.764.573	-	1.407.411.764.573	1.407.411.764.573
Phải thu khác	437.332.120.192	(21.310.760.532)	416.021.359.660	416.021.359.660
- <i>Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược</i>	26.436.721.414	-	26.436.721.414	26.436.721.414
- <i>Phải thu cổ tức</i>	11.865.661.007	-	11.865.661.007	11.865.661.007
- <i>Khác</i>	399.029.737.771	(21.310.760.532)	377.718.977.239	377.718.977.239
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.077.977.824.233	-	4.077.977.824.233	4.077.977.824.233
TỔNG CỘNG	45.344.984.806.265	(1.900.295.128.652)	43.444.689.677.613	44.152.924.730.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
31 tháng 12 năm 2013		
Nợ phải trả Tài chính		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	21.139.439.951.879	21.139.439.951.879
Tiền gửi của khách hàng	7.167.244.448.866	7.167.244.448.866
Tiền gửi của ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	4.782.967.794.965	4.782.967.794.965
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	323.702.963.522	323.702.963.522
Phải trả tái bảo hiểm	529.931.582.001	529.931.582.001
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	3.549.082.563.359	3.549.082.563.359
- <i>Nhận ký quỹ</i>	48.257.468.453	48.257.468.453
- <i>Khác</i>	3.500.825.094.906	3.500.825.094.906
Tổng cộng	37.492.369.304.592	37.492.369.304.592
31 tháng 12 năm 2012		
Nợ phải trả Tài chính		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	18.969.974.820.846	18.969.974.820.846
Tiền gửi của khách hàng	4.572.558.059.255	4.582.987.478.071
Tiền gửi của ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	3.657.632.373.241	3.662.785.445.409
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	331.490.329.288	331.490.329.288
Phải trả tái bảo hiểm	554.090.314.141	554.090.314.141
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	1.209.711.865.982	1.209.711.865.982
- <i>Nhận ký quỹ</i>	39.192.814.605	39.192.814.605
- <i>Khác</i>	1.170.519.051.377	1.170.519.051.377
Tổng cộng	29.295.457.762.753	29.311.040.253.737

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư kỳ hạn cố định có lãi suất cố định hay thả nổi được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, độ rủi ro của dự án được tài trợ và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Tập đoàn ước tính giá trị hiện tại của các luồng tiền trong tương lai bằng cách chiết khấu theo lãi suất thị trường.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn được giao dịch tích cực trên thị trường tài chính có tổ chức được xác định theo giá công bố, nếu có, tại ngày lập báo cáo.
- Với các khoản đầu tư vốn không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp. Các phương pháp này bao gồm chiết khấu luồng tiền, so sánh với các công cụ tài chính tương đồng có giá thị trường, giá trị tài sản ròng và các mô hình định giá liên quan.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn đánh giá xem liệu có tồn tại các bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị của từng tài sản tài chính riêng biệt trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ đó là đáng kể, hoặc đánh giá chung các tài sản tài chính trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ không đáng kể.
- Đối với các tài sản bị giảm giá trị riêng lẻ, lỗ do suy giảm giá trị được xác định là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính trong tương lai chiết khấu theo lãi suất thực tế ban đầu.
- Đối với đánh giá chung, các tài sản được phân nhóm dựa trên đặc tính rủi ro tín dụng. Lỗ do giảm giá trị được đánh giá tổng thể dựa trên kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ của các tài sản với đặc tính tương tự.
- Đối với các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài những thông tin đã công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng

Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Trọng Phúc
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

THÔNG TIN BỔ SUNG VỀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP THÍ ĐIỂM NĂM 2013

Theo quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01 tháng 03 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 121/2011/TT-BTC về thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2013, bắt đầu từ năm 2011, Bảo hiểm Bảo Việt đã thực hiện triển khai loại hình bảo hiểm này tại một số địa phương trên cả nước. Các sản phẩm bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt đã triển khai bao gồm bảo hiểm cây lúa, vật nuôi và thủy sản. Tình hình và kết quả thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp cho đến 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày như sau:

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay
1	Doanh thu	33.167.794.826
1.1	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	101.437.738.855
1.2	Các khoản giảm trừ (phí nhượng tái)	(96.365.851.912)
	- Chuyển phí nhượng tái	(96.365.851.912)
1.3	Giảm dự phòng phí	(2.273.209.770)
1.4	Thu hoa hồng nhượng tái	30.369.117.653
2	Chi phí	(23.553.433.174)
2.1	Chi bồi thường bảo hiểm gốc	(279.248.218.780)
2.2	Các khoản giảm trừ	265.285.807.841
2.3	- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	265.285.807.841
2.4	Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	(18.051.997.744)
2.5	Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	8.968.164.203
2.6	Trích dự phòng dao động lớn	(507.188.694)
3	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	9.614.361.652
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(15.215.660.828)
4.1	- Chi quản lý chưa lương	(10.143.773.885)
4.2	- Chi lương	(5.071.886.943)
5	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(5.601.299.176)

DỰ PHÒNG BỒI THƯỜNG

Dự phòng bồi thường các tổn thất chưa giải quyết	16.053.510.470
Phản trách nhiệm thu hồi từ nhà tái	(15.250.834.947)
Phản trách nhiệm thuộc về Bảo Việt	802.675.523

Niềm tin vào sự minh bạch

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

**Báo cáo của Hội đồng Quản trị
và báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
Ngày 31 tháng 12 năm 2013**

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	306 - 308
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	309
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	310 - 311
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	312 - 313
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	314
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	315
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	316 - 355



THÔNG TIN CHUNG

TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) trước đây là một doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh đã được đăng ký thay đổi 5 lần, lần thứ 5 vào ngày 08 tháng 05 năm 2013.

Tập đoàn niêm yết toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08 tháng 05 năm 2013 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các Công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; và hoạt động kinh doanh bất động sản
Vốn điều lệ:	6.804.714.340.000 đồng Việt Nam
Số cổ phần đã đăng ký:	680.471.434
Cổ đông sáng lập:	Bộ Tài chính, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), HSBC Insurance (Asia - Pacific) Holdings Limited

Tập đoàn có các Công ty con sau:

Các công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (“Bảo hiểm Bảo Việt”)	35 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (“Bảo Việt Nhân thọ”)	1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (“BVF”)	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC”)	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới và lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc (“Bảo Việt - Âu Lạc”)	Hà Liễu, Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (“Baoviet Bank”)	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ ngân hàng	52%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt (“BVInvest”)	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	55%

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Tập đoàn có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc	Địa chỉ
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư xây dựng cơ bản Bảo Việt (“PMU”)	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có các sự kiện quan trọng sau:

- Theo thỏa thuận ký kết giữa Tập đoàn Bảo hiểm HSBC Châu Á - Thái Bình Dương (HSBC) và Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (Sumitomo Life), ngày 26 tháng 03 năm 2013, Sumitomo Life đã hoàn tất giao dịch mua 122.509.091 cổ phiếu từ HSBC, tương đương với 18% số cổ phiếu đang lưu hành. Sumitomo Life đã trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của Tập đoàn Bảo Việt với tỷ lệ sở hữu là 18% vốn điều lệ.
- Ngày 24 tháng 04 năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 và đã thông qua việc bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2012-2017. Ngày 08 tháng 05 năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Đăng ký thay đổi lần thứ 5 đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, theo đó người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn Bảo Việt là ông Trần Trọng Phúc, Tổng Giám đốc Tập đoàn.
- Trong năm 2013, Tập đoàn đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ lên 2.000 tỷ đồng theo lộ trình tăng vốn đề ra. Bộ Tài chính đã chính thức phê duyệt và cấp Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC5/KDBH cho Bảo hiểm Bảo Việt và Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC2/KDBH cho Bảo Việt Nhân thọ chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2007
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Ông Trần Trọng Phúc	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2007
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2007
Ông Lê Hải Phong	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 09 năm 2009
Ông Dương Đức Chuyển	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2011
Ông Charles Bernard Gregory	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2011 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2013
Ông Yukihira Yoshiharu	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2013
Ông Kono Shinzo	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2013

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phan Kim Bằng	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2007
Ông Lui Ho Yin Danny	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2012 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2013
Ông Đặng Thái Quý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Ông Ông Tiến Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Ông Yagi Nobuyuki	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2013

BAN ĐIỀU HÀNH

Thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Trọng Phúc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2007 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2013
Ông Lê Hải Phong	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2008
Ông Phan Tiến Nguyên	Giám đốc Nguồn Nhân lực	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2008
Ông Dương Đức Chuyển	Giám đốc Đầu tư	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2010
Ông Malcolm Gray	Giám đốc Công nghệ thông tin	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2013
Ông Alan Royal	Giám đốc Công nghệ thông tin	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2008 Miễn nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2013
Ông Hoàng Việt Hà	Giám đốc Hoạt động	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 09 năm 2011
Ông Abhishek Sharma	Giám đốc Quản lý Rủi ro	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2012 Miễn nhiệm ngày 10 tháng 09 năm 2013
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Giám đốc Bất động sản	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 07 năm 2012
Bà Thân Hiền Anh	Giám đốc Chiến lược và Quản lý rủi ro	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 09 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn tại ngày lập báo cáo này là ông Trần Trọng Phúc, chức danh: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt ("Ban Điều hành") chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty mẹ Tập đoàn. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty Mẹ Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty Mẹ Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty Mẹ Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Ông Lê Quang Bình
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2014



Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam
Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60780870/16489163

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông
Tập đoàn Bảo Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt ("Tập đoàn") được lập ngày 28 tháng 03 năm 2014 và được trình bày từ trang 312 đến trang 355, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn và các công ty con.



Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1

Lê Đức Linh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 1672-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.269.152.947.328	4.947.254.810.976
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	227.414.382.562	1.018.050.613.752
111	1. Tiền		53.414.382.562	96.050.613.752
112	2. Các khoản tương đương tiền		174.000.000.000	922.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	2.498.816.794.255	2.736.283.051.941
121	1. Đầu tư ngắn hạn		3.091.113.948.000	2.966.300.000.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(592.297.153.745)	(230.016.948.059)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		538.408.053.204	1.185.437.657.127
131	1. Phải thu khách hàng	7	287.890.678.363	372.348.852.093
133	2. Phải thu từ các bên liên quan	8	248.865.261.546	808.187.797.065
135	3. Các khoản phải thu khác		1.652.113.295	4.901.007.969
140	IV. Hàng tồn kho		-	13.314.000
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.513.717.307	7.470.174.156
151	1. Chi phí trả trước chờ phân bổ		3.717.503.658	6.741.694.213
158	2. Tạm ứng cho nhân viên		796.213.649	728.479.943
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.619.866.064.677	7.750.187.165.454
220	I. Tài sản cố định		453.972.630.071	496.218.867.954
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	352.894.077.464	366.023.443.809
222	Nguyên giá		552.147.734.547	525.163.208.987
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(199.253.657.083)	(159.139.765.178)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	58.127.611.405	66.109.896.920
228	Nguyên giá		122.489.254.056	120.638.599.406
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(64.361.642.651)	(54.528.702.486)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	42.950.941.202	64.085.527.225
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	8.163.413.416.487	7.240.355.070.314
251	1. Đầu tư vào công ty con và Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	12.1	6.498.116.592.172	5.845.481.388.414
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12.2	177.000.000.000	257.269.440.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	12.3	1.568.309.660.459	1.680.862.479.282
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	12.4	(80.012.836.144)	(543.258.237.382)
260	III. Tài sản dài hạn khác		2.480.018.119	13.613.227.186
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.2	1.036.200.000	11.447.500.000
268	2. Tài sản dài hạn khác		1.443.818.119	2.165.727.186
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		11.889.019.012.005	12.697.441.976.430

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		394.668.514.511	1.233.135.106.982
310	I. Nợ ngắn hạn		394.668.514.511	1.233.135.106.982
312	1. Phải trả người bán (*)		4.402.212.301	3.673.057.043
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	27.941.066.919	2.808.741.959
315	3. Phải trả người lao động	14	19.708.010.099	24.976.904.190
317	4. Phải trả các bên liên quan	15	56.567.655.088	1.132.566.883.838
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	51.740.948.611	39.052.473.313
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	38.863.823.433	29.065.379.923
327	7. Phải trả giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	18	194.336.464.676	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện (*)		1.108.333.384	991.666.716
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.494.350.497.494	11.464.306.869.448
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	11.494.350.497.494	11.464.306.869.448
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.184.332.381.197	3.184.332.381.197
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.505.303.776.297	1.475.260.148.251
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		11.889.019.012.005	12.697.441.976.430

(*) Năm 2013, Tập đoàn phân loại khoản lãi tiền gửi nhận trước từ mục "Phải trả người bán" (mã số 312) sang mục "Doanh thu chưa thực hiện" (mã số 338) đồng thời các số liệu đầu kỳ cũng được phân loại lại tương ứng.

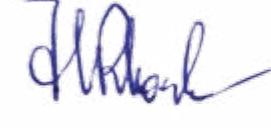
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
1. Đô la Mỹ (USD)	2.509,96	826,21



Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng

Ngày 28 tháng 03 năm 2014



Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Trọng Phúc
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
21	1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	20	1.271.386.829.175	1.287.882.591.037
22	2. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	86.888.357.584	37.959.671.475
24	3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động tài chính		1.358.275.186.759	1.325.842.262.512
25	4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(226.286.706.729)	(196.766.641.959)
30	5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.131.988.480.030	1.129.075.620.553
31	6. Thu nhập khác	23	80.993.123.463	104.715.312.375
32	7. Chi phí khác	23	(21.452.331.214)	(24.370.731.180)
40	8. Lợi nhuận khác	23	59.540.792.249	80.344.581.195
50	9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.191.529.272.279	1.209.420.201.748
51	10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(76.810.371.701)	(139.162.219.176)
52	11. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24.2	(10.411.300.000)	11.447.500.000
60	12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.104.307.600.578	1.081.705.482.572

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng

Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Trọng Phúc
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		738.954.040.996	551.808.598.442
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ		-	-
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(82.502.738.557)	(74.503.265.584)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(43.810.158.116)	(106.867.990.892)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		175.225.471.992	736.912.520.071
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(245.022.593.313)	(176.135.453.735)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		542.844.023.002	931.214.408.302
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(21.663.946.076)	(14.448.758.405)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		16.652.200	-
23	3. Tiền chi mua các khoản đầu tư của các đơn vị khác		(2.046.146.383.951)	(5.163.178.570.358)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các khoản đầu tư của đơn vị khác		2.454.406.447.766	4.153.687.556.355
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(700.000.000.000)	(780.000.000.000)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(313.387.230.061)	(1.803.939.772.408)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.020.096.370.350)	(816.565.720.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.020.096.370.350)	(816.565.720.800)
50	IV. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(790.639.577.409)	(1.689.291.084.906)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.018.050.613.752	2.707.341.698.658
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.346.219	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	227.414.382.562	1.018.050.613.752

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng

Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Trọng Phúc
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh được đăng ký thay đổi 5 lần, lần 5 vào ngày 08 tháng 05 năm 2013.

Tập đoàn niêm yết toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần 5 ngày 08 tháng 05 năm 2013 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các Công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; và hoạt động kinh doanh bất động sản
Vốn điều lệ:	6.804.714.340.000 đồng Việt Nam
Số cổ phần đã đăng ký:	680.471.434
Cổ đông sáng lập:	Bộ Tài chính, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), HSBC Insurance (Asia - Pacific) Holdings Limited
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Trần Trọng Phúc Chức danh: Tổng Giám đốc

Cơ cấu vốn cổ phần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Bộ Tài chính	482.509.800	70,91
Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (Sumitomo Life)	122.509.091	18,00
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	22.154.400	3,26
Các cổ đông khác	53.298.143	7,83
Tổng cộng	680.471.434	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Tập đoàn có các công ty con và đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Các công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	35 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ")	1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF")	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới và lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc ("Bảo Việt - Âu Lạc")	Hà Liễu, Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt ("Baoviet Bank")	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ ngân hàng	52%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt ("BVInvest")	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	55%

Đơn vị hạch toán phụ thuộc	Địa chỉ
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư Xây dựng Cơ bản Bảo Việt	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Đồng tiền kế toán

Đơn vị tiền tệ được Tập đoàn sử dụng trong việc hạch toán sổ sách kế toán là đồng Việt Nam (“VND”).

2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Ngoài ra, hàng quý, Tập đoàn còn lập báo cáo tài chính riêng.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt cam kết đã lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Tập đoàn cũng đồng thời tuân thủ chính sách kế toán về ghi nhận giá trị định giá lại quyền sử dụng đất như được trình bày tại Thuyết minh số 4.6.

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng phản ánh các hoạt động của riêng Công ty Mẹ Tập đoàn và các đơn vị phụ thuộc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm Công ty Mẹ Tập đoàn và các công ty con được lập riêng và độc lập với báo cáo tài chính riêng này. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Mẹ Tập đoàn và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Công ty Mẹ Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2012, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ sau:

Ngày 25 tháng 04 năm 2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư có hiệu lực từ ngày 10 tháng 06 năm 2013. Theo quy định của Thông tư này, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Có thời gian sử dụng trên 01 năm trở lên; và
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

Theo đó, kể từ ngày 10 tháng 06 năm 2013, Công ty Mẹ Tập đoàn thực hiện giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng trên bảng cân đối kế toán riêng, đồng thời hạch toán giá trị còn lại của các tài sản này vào chi phí hoạt động kinh doanh.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi thanh toán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các Công ty con

Khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tập đoàn nắm quyền kiểm soát được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá gốc. Các khoản lợi nhuận được chia trên lợi nhuận lũy kế của các Công ty con kể từ ngày đầu tư sẽ được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các thu nhập từ các nguồn khác ngoài khoản lợi nhuận nêu trên được coi là các khoản hoàn lại đầu tư và được ghi giảm vào giá gốc của các khoản đầu tư.

Danh sách các Công ty con của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh số 12.1.1.

Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (“BVF1”)

Khoản đầu tư góp vốn vào Quỹ BVF1 được phản ánh trên cơ sở giá gốc. Thu nhập phát sinh từ khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở thông báo chia lãi từ Ban Đại diện Quỹ vào thời điểm cuối kỳ. Định kỳ, dự phòng giảm giá khoản đầu tư góp vốn vào Quỹ BVF1 được ghi nhận khi giá trị vốn góp thực tế của các bên tại BVF1 lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có (NAV) của BVF1 tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán của BVF1.

Chi tiết thông tin về Quỹ BVF1 và tỷ lệ vốn góp của các bên được trình bày tại thuyết minh số 12.1.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trong báo cáo tài chính riêng. Các khoản lợi tức được chia trên lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết, liên doanh kể từ ngày đầu tư sẽ được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các thu nhập từ các nguồn khác ngoài khoản lợi nhuận nêu trên được coi là các khoản hoàn lại đầu tư và được ghi giảm vào giá gốc của các khoản đầu tư.

Danh sách các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh số 12.2.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc tại ngày giao dịch và sau đó luôn được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng (nếu có).

- Các khoản đầu tư ngắn hạn phản ánh giá trị tất cả các khoản đầu tư ngắn hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn, các loại cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các loại chứng khoán có thời gian đáo hạn không quá một năm.
- Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các khoản đầu tư góp vốn, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn có thời gian đáo hạn trên một năm.

Danh mục đầu tư của các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư

Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị ủy thác đầu tư (Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt) đã ký Biên bản thanh lý các hợp đồng ủy thác đầu tư của hai đơn vị tại Tập đoàn. Theo đó, Tập đoàn đã bàn giao tài sản đầu tư cho các đơn vị, đồng thời dừng ghi nhận tài sản và công nợ theo các hợp đồng đầu tư ủy thác này trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo các quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ("Thông tư 89"). Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây:

Đối với chứng khoán niêm yết

Đối với chứng khoán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, nếu xét thấy có bằng chứng khách quan về việc giảm giá thị trường so với giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán thì phần giảm giá được tính bằng khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá thực tế thị trường của chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng theo công thức quy định trong Thông tư 228 như sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \text{Số lượng chứng khoán bị giảm giá thời điểm lập báo cáo tài chính riêng} \times \left[\text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ sách} - \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính} \right]$$

Giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính là giá đóng cửa tại các sàn giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác (tiếp theo)

Đối với chứng khoán chưa niêm yết

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, những phương pháp dưới đây được sử dụng để tính giá trị hợp lý phục vụ cho việc so sánh với giá trị ghi sổ nhằm xác định mức tổn thất dự phòng:

- Đối với chứng khoán đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, giá thị trường là giá trị giao dịch trung bình tại ngày kết thúc năm tài chính;
- Giá thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết khác là giá bình quân tính trên các báo giá của ba công ty chứng khoán độc lập hoạt động tại Việt Nam tại ngày kết thúc năm tài chính; và
- Đối với các chứng khoán không xác định được giá thị trường thì Tập đoàn không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin, do Vinashin đang gặp khó khăn về tình hình tài chính và căn cứ vào lịch sử trả nợ gốc và lãi của các trái phiếu này, Tập đoàn đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản lãi trái phiếu đã dự thu và dừng ghi nhận doanh thu lãi trái phiếu, thực hiện theo dõi ngoại bảng đối với các khoản dự thu này.

Đối với các khoản đầu tư tiền gửi vào Công ty Tài chính Công nghiệp Tàu thủy Vinashin ("VFC") và Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn II ("ALCII"), cũng do đánh giá tình hình thực tế tại ALCII và VFC, Tập đoàn đã trích lập dự phòng 100% đối với phần lãi dự thu trong hạn theo hợp đồng và dừng ghi nhận và trích lập dự phòng đối với phần lãi phạt quá hạn.

Đầu tư góp vốn vào các tổ chức kinh tế

Đối với các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế và các khoản đầu tư dài hạn khác, phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89.

Mức trích cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức được quy định trong Thông tư 89 như sau:

$$\text{Mức trích dự phòng cho mỗi khoản đầu tư tài chính} = \left(\text{Tổng vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} - \text{Vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế} \right) \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của Tập đoàn}}{\text{Tổng vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Căn cứ để lập dự phòng là tổng số vốn đầu tư thực tế của chủ sở hữu cao hơn tổng giá trị vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế được đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo. Dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi được trình bày trên một tài khoản riêng.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ. Đối với các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết, mức trích lập dự phòng được ước tính trên cơ sở dự kiến tổn thất có thể xảy ra. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Trên ba năm	100%

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên giá trị định giá lại do chuyên gia thẩm định giá thực hiện đối với các lô đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đang trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 nhằm phục vụ mục đích cổ phần hóa của Công ty Mẹ Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06- 08 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
Phần mềm tin học	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác	04 năm

Tập đoàn không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất dài hạn theo quy định tại Thông tư 45.

4.8 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Chứng khoán mua lại và bán lại theo hợp đồng có kỳ hạn (“hợp đồng repo”)

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được phân bổ vào chi phí trong kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại theo phương pháp đường thẳng.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được phân bổ vào doanh thu trong kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại theo phương pháp đường thẳng.

4.10 Lợi ích nhân viên

Các khoản trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí cho các nhân viên của Tập đoàn sau khi nghỉ hưu do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chi trả. Theo quy định, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, hàng tháng Tập đoàn sẽ đóng góp vào quỹ lương hưu cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo mức 17% trên mức lương cơ bản của nhân viên (từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 16% và trước 01 tháng 01 năm 2010 là 15%). Ngoài ra, Tập đoàn không có nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Lợi ích nhân viên (tiếp theo)

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

- Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2012, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính;
- Trợ cấp mất việc: theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

Theo Quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, từ năm 2012, Tập đoàn không trích lập hay duy trì Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, theo quy định mới của Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ban hành ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện việc thu, chi, quản lý Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Lãi

Doanh thu được ghi nhận là lãi dự thu có tính đến lãi đầu tư thực tế đạt được của tài sản trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

Tiền lãi trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. Doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của nó khi đáo hạn. Khi lãi dồn tích trước khi mua khoản trái phiếu đó đã được dự thu thì khi thu được tiền lãi của khoản đầu tư trái phiếu đó, Tập đoàn sẽ phân bổ vào cả kỳ trước và sau khi mua trái phiếu. Chỉ có phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Tập đoàn. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức hay lợi nhuận được chia của Tập đoàn với tư cách là nhà đầu tư được xác định. Tập đoàn không ghi nhận doanh thu đối với phần cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thường mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo dõi ngoại bảng theo quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

4.13 Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán riêng khi và chỉ khi Công ty Mẹ Tập đoàn có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Công ty Mẹ Tập đoàn dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị thuần, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm của Công ty Mẹ Tập đoàn được phân chia theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

4.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“CMKTVN số 10”) và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty Mẹ Tập đoàn (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	126.854.403	221.234.138
Tiền gửi ngân hàng	53.287.528.159	95.829.379.614
Tiền gửi ngân hàng (VNĐ), gồm các nguồn:	53.234.767.978	95.811.381.714
- Nguồn tiền gửi của Công ty Mẹ Tập đoàn	53.234.767.978	91.713.383.154
- Nguồn ủy thác của Bảo Việt Nhân thọ (*)	-	4.097.998.560
Tiền gửi ngân hàng đô la Mỹ (USD) quy VNĐ	52.760.181	17.997.900
Các khoản tương đương tiền (**)	174.000.000.000	922.000.000.000
	227.414.382.562	1.018.050.613.752

(*) Trong năm 2013, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị ủy thác đầu tư (Bảo Việt Nhân thọ, Bảo hiểm Bảo Việt) đã ký các Biên bản thanh lý Hợp đồng ủy thác đầu tư. Trên cơ sở này, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đã bàn giao tài sản đầu tư cho các đơn vị, đồng thời dừng ghi nhận các tài sản, công nợ từ hoạt động đầu tư thuộc các hợp đồng đầu tư ủy thác trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(**) Các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng (TCTD) có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Tiền gửi ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng (*)		
Nguồn đầu tư của Tập đoàn	2.511.000.000.000	2.763.000.000.000
Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo Việt Nhân thọ (**)	-	154.300.000.000
Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo hiểm Bảo Việt (**)	-	49.000.000.000
	2.511.000.000.000	2.966.300.000.000
Trái phiếu	60.000.000.000	-
	60.000.000.000	-
Cổ phiếu (***)		
Cổ phiếu niêm yết	421.863.948.000	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	98.250.000.000	-
	520.113.948.000	-
Tổng cộng đầu tư ngắn hạn	3.091.113.948.000	2.966.300.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (****)	(592.297.153.745)	(230.016.948.059)
Tổng đầu tư ngắn hạn	2.498.816.794.255	2.736.283.051.941

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các TCTD có thời hạn gốc trên ba (03) tháng và thời gian đáo hạn không quá một (01) năm.

(**) Trong năm 2013, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị ủy thác đầu tư (Bảo Việt Nhân thọ, Bảo hiểm Bảo Việt) đã ký các Biên bản thanh lý Hợp đồng ủy thác đầu tư. Trên cơ sở này, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đã bàn giao tài sản đầu tư cho các đơn vị, đồng thời dừng ghi nhận các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn từ hoạt động đầu tư thuộc các hợp đồng đầu tư ủy thác trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(***) Trong năm 2013, Tập đoàn đã thực hiện cơ cấu lại danh mục đầu tư theo các nội dung của Đề án tái cơ cấu tại Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã được Bộ Tài chính phê duyệt. Theo đó, để phù hợp với định hướng và mục tiêu đầu tư, một số khoản đầu tư vào cổ phiếu đang được phân loại là dài hạn năm trước được chuyển sang phân loại là ngắn hạn cùng với dự phòng giảm giá đầu tư tương ứng.

(****) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn bao gồm dự phòng giảm giá cổ phiếu, dự phòng cho các khoản tiền gửi đã quá hạn gốc và lãi và khoản lãi quá hạn của trái phiếu Vinashin. Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin, do Vinashin đang gặp khó khăn về tình hình tài chính và căn cứ vào lịch sử trả nợ gốc và lãi của các trái phiếu này, Tập đoàn đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản lãi trái phiếu đã dự thu, đồng thời dừng ghi nhận doanh thu lãi trái phiếu và thực hiện theo dõi ngoại bảng đối với khoản dự thu này với số tiền đến 31 tháng 12 năm 2013 là 36.060.000.000 VNĐ.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Phải thu của khách hàng là các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư của Tập đoàn:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Phải thu từ:		
- Nguồn đầu tư của Tập đoàn	287.890.678.363	257.781.535.139
- Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo Việt Nhân thọ (*)	-	91.534.239.998
- Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo hiểm Bảo Việt (**)	-	23.033.076.956
	287.890.678.363	372.348.852.093

(*) Trong năm 2013, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị ủy thác đầu tư (Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt) đã ký các Biên bản thanh lý hợp đồng ủy thác đầu tư. Trên cơ sở này, Công ty Mẹ Tập đoàn đã bàn giao tài sản đầu tư cho Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt, đồng thời dừng ghi nhận các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư thuộc các hợp đồng đầu tư ủy thác trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

8. PHẢI THU TỪ CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Phải thu:		
- Bảo Việt Nhân thọ	100.479.734.828	515.255.629.307
- Bảo hiểm Bảo Việt	134.097.132.738	269.283.070.853
- Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	6.428.954.902	9.412.627.106
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	6.096.569.243	5.422.658.987
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	-	7.108.117.198
- Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc	-	1.260.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	1.762.869.835	1.704.433.614
	248.865.261.546	808.187.797.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VNĐ	Dụng cụ Quản lý VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2013	307.526.103.620	11.294.299.639	145.484.202.651	59.439.841.200	1.418.761.877	525.163.208.987
Tăng trong kỳ	24.296.152.438	-	2.805.212.450	11.406.720.315	37.884.000	38.545.969.203
Giảm trong kỳ (*)	-	-	(822.722.199)	(10.680.741.444)	(57.980.000)	(11.561.443.643)
Tại ngày 31/12/2013	331.822.256.058	11.294.299.639	147.466.692.902	60.165.820.071	1.398.665.877	552.147.734.547
Hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2013	41.311.951.212	6.143.844.577	75.731.707.720	35.894.281.669	57.980.000	159.139.765.178
Khấu hao trong kỳ	12.203.926.819	1.739.372.070	22.365.063.904	12.847.621.660	249.776.295	49.405.760.748
Giảm trong kỳ (**)	-	-	(764.200.331)	(8.479.338.925)	(48.329.587)	(9.291.868.843)
Tại ngày 31/12/2013	53.515.878.031	7.883.216.647	97.332.571.293	40.262.564.404	259.426.708	199.253.657.083
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2013	266.214.152.408	5.150.455.062	69.752.494.931	23.545.559.531	1.360.781.877	366.023.443.809
Tại ngày 31/12/2013	278.306.378.027	3.411.082.992	50.134.121.609	19.903.255.667	1.139.239.169	352.894.077.464

(*) Bao gồm các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm tin học VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2013	63.135.267.200	57.503.332.206	120.638.599.406
Tăng trong kỳ	-	1.884.238.400	1.884.238.400
Giảm trong kỳ (**)	-	(33.583.750)	(33.583.750)
Tại ngày 31/12/2013	63.135.267.200	59.353.986.856	122.489.254.056
Hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2013	15.596.849.969	38.931.852.517	54.528.702.486
Khấu hao trong kỳ	1.708.119.864	8.126.839.708	9.834.959.572
Giảm trong kỳ (**)	-	(2.019.407)	(2.019.407)
Tại ngày 31/12/2013	17.304.969.833	47.056.672.818	64.361.642.651
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2013	47.538.417.231	18.571.479.689	66.109.896.920
Tại ngày 31/12/2013	45.830.297.367	12.297.314.038	58.127.611.405

(*) Bao gồm các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013	64.085.527.225
Chi phí phát sinh trong kỳ	18.968.405.811
Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	(40.102.991.834)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	42.950.941.202

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Đầu tư vào các Công ty Con và BVF1	12.1	6.498.116.592.172	5.845.481.388.414
- Đầu tư vào các Công ty Con	12.1.1	6.451.291.148.720	5.751.291.148.720
- Đầu tư vào BVF1	12.1.2	46.825.443.452	94.190.239.694
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12.2	177.000.000.000	257.269.440.000
Đầu tư dài hạn khác	12.3	1.568.309.660.459	1.680.862.479.282
- Trái phiếu	12.3.1	750.251.520.459	545.451.312.515
- Tiền gửi có kỳ hạn	12.3.2	455.000.000.000	200.000.000.000
- Đầu tư góp vốn dài hạn khác	12.3.3	363.058.140.000	935.411.166.767
		8.243.426.252.631	7.783.613.307.696
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	12.4	(80.012.836.144)	(543.258.237.382)
		8.163.413.416.487	7.240.355.070.314

12.1 Đầu tư vào các Công ty Con và BVF1

12.1.1 Đầu tư vào các Công ty Con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các Công ty Con như sau:

Công ty con	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Bảo Việt Nhân thọ (*)	2.000.000.000.000	1.500.000.000.000
Bảo hiểm Bảo Việt (**)	2.000.000.000.000	1.800.000.000.000
BVF	50.000.000.000	50.000.000.000
BVSC	694.895.148.720	694.895.148.720
Baoviet Bank	1.560.000.000.000	1.560.000.000.000
BVInvest	110.000.000.000	110.000.000.000
Bảo Việt – Âu Lạc	36.396.000.000	36.396.000.000
	6.451.291.148.720	5.751.291.148.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các Công ty con và BVF1 (tiếp theo)

12.1.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(*) Ngày 06 tháng 12 năm 2013, Công ty Mẹ Tập đoàn đã chuyển 500 tỷ VNĐ cho Bảo Việt Nhân thọ để hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 1.500 tỷ đồng lên thành 2.000 tỷ đồng của Bảo Việt Nhân thọ từ nguồn vốn chủ sở hữu của Tập đoàn.

(**) Ngày 28 tháng 02 năm 2013, Công ty Mẹ Tập đoàn đã chuyển 200 tỷ VNĐ cho Bảo hiểm Bảo Việt để hoàn thành việc tăng vốn điều lệ theo lộ trình tăng vốn từ 1.500 tỷ đồng lên thành 2.000 tỷ đồng của Bảo hiểm Bảo Việt từ nguồn vốn chủ sở hữu của Tập đoàn.

12.1.2 Đầu tư vào BVF1

BVF1 được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo giấy phép số 05/UBCK-TLQTV do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 07 năm 2006. Thời gian hoạt động ban đầu của Quỹ là 5 năm kể từ ngày được cấp giấy phép. Vào ngày 27 tháng 07 năm 2011, BVF1 nhận được thông báo chính thức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận gia hạn thời gian hoạt động của Quỹ đến ngày 19 tháng 07 năm 2014.

Quỹ có vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 50.000.000 (năm mươi triệu) đơn vị quỹ và được chấp thuận cho tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng cho thành viên với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/ đơn vị quỹ theo các Công văn điều chỉnh sau:

Công văn điều chỉnh số:	Ngày
83/UBCK-QLKD chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 800 tỷ đồng	14 tháng 02 năm 2007
98/TB-UBCK chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng	04 tháng 03 năm 2008

Quỹ được quản lý bởi BVF là công ty con của Tập đoàn Bảo Việt. Ngân hàng giám sát của Quỹ BVF1 là Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam).

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Thành viên của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt số 02.2012/BVF1-HĐTV ngày 18 tháng 10 năm 2012 và Công văn chấp thuận số 17/UBCKQLQ ngày 19 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Quỹ BVF1 bắt đầu tiến hành giải thể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, thời gian thực hiện giải thể Quỹ là từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 19 tháng 07 năm 2014. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Quỹ BVF1 đã tiến hành chi trả cho Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt theo 10 đợt vào các ngày 7/1, ngày 6/2, ngày 11/3, ngày 4/4, ngày 19/6, ngày 21/8, ngày 13/9, ngày 16/10, ngày 22/10 và ngày 19/12 với tổng số tiền chuyển trả là 40.030.851.870 VNĐ. Công ty Mẹ Tập đoàn ghi nhận giảm số lượng chứng chỉ quỹ BVF1 dựa trên giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ định giá gần nhất theo Công văn số 1458/UBCK-QLQ ngày 16 tháng 04 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi Ngân hàng Giám sát HSBC.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVF1 như sau:

	Số vốn góp VNĐ	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
Đầu tư trực tiếp của Tập đoàn Bảo Việt	46.825.443.452	9,42%
Đầu tư gián tiếp qua các Công ty Con	408.477.272.655	82,16%
- Bảo Việt Nhân thọ	298.885.809.259	60,12%
- Bảo hiểm Bảo Việt	109.591.463.396	22,04%
	455.302.716.107	91,58%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Nguồn đầu tư Tập đoàn	177.000.000.000	177.000.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt (Baoviet Resort)	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine (Bảo Việt Tokio Marine)	153.000.000.000	153.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế (VIGEBA)	15.000.000.000	15.000.000.000
Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo Việt Nhân thọ (*)	-	80.269.440.000
Baoviet Resort	-	12.000.000.000
VIGEBA	-	39.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Việt	-	29.269.440.000
	177.000.000.000	257.269.440.000

(*) Trong năm 2013, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt và đơn vị ủy thác đầu tư (Bảo Việt Nhân thọ) đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng ủy thác đầu tư. Trên cơ sở này, Công ty Mẹ Tập đoàn đã bàn giao tài sản đầu tư cho Bảo Việt Nhân thọ, đồng thời dùng ghi nhận các khoản đầu tư trong danh mục đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thuộc các hợp đồng đầu tư ủy thác trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh của Tập đoàn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Công ty được đầu tư	Vốn điều lệ VNĐ	Vốn Tập đoàn đã góp VNĐ	Tỷ lệ %
Công ty liên kết			
Baoviet Resort	60.000.000.000	21.000.000.000	35
- Vốn góp của Công ty Mẹ Tập đoàn		9.000.000.000	
- Vốn góp của Bảo Việt Nhân Thọ		12.000.000.000	
VIGEBA	180.000.000.000	54.000.000.000	30
- Vốn góp của Công ty Mẹ Tập đoàn		15.000.000.000	
- Vốn góp của Bảo Việt Nhân thọ		39.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Việt	65.043.200.000	29.269.440.000	45
- Vốn góp của Bảo Việt Nhân thọ		29.269.440.000	
Liên doanh			
Bảo Việt Tokio Marine	300.000.000.000	153.000.000.000	51
		257.269.440.000	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn không có cam kết góp thêm vốn vào các công ty liên kết, liên doanh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3 Đầu tư dài hạn khác

12.3.1 Trái phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Trái phiếu doanh nghiệp	485.966.258.263	545.451.312.515
Trái phiếu chính phủ	264.285.262.196	-
	750.251.520.459	545.451.312.515

Các trái phiếu doanh nghiệp mà Tập đoàn đầu tư có lãi suất từ 9,5%/năm đến 10,2%/năm.

Các trái phiếu chính phủ mà Tập đoàn đầu tư có lãi suất từ 9,1%/năm đến 9,3%/năm.

12.3.2 Tiền gửi có kỳ hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Tiền gửi dài hạn tại các tổ chức tín dụng	455.000.000.000	200.000.000.000
	455.000.000.000	200.000.000.000

Khoản đầu tư vào tiền gửi dài hạn của Tập đoàn bao gồm các hợp đồng tiền gửi có lãi suất từ 8% đến 10,5%/năm.

12.3.3 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn của Tập đoàn vào các đơn vị không phải là công ty con, liên doanh hay công ty liên kết của Công ty mẹ Tập đoàn.

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Nguồn đầu tư Công ty Mẹ Tập đoàn	363.058.140.000	806.333.740.000
Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo Việt Nhân thọ (*)	-	71.205.200.000
Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo hiểm Bảo Việt (*)	-	57.872.226.767
	363.058.140.000	935.411.166.767

(*) Trong năm 2013, Công ty Mẹ Tập đoàn và đơn vị ủy thác đầu tư (Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt) đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng ủy thác đầu tư. Trên cơ sở này, Công ty Mẹ Tập đoàn đã bàn giao tài sản đầu tư cho các đơn vị, đồng thời dùng ghi nhận các khoản đầu tư vốn thuộc các hợp đồng đầu tư ủy thác trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn thể hiện khoản dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn và chứng chỉ quỹ mà tổng số vốn đầu tư thực tế của Tập đoàn cao hơn tổng giá trị vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế được đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn (*)	72.872.214.463	477.754.220.456
Dự phòng giảm giá tài sản ròng của chứng chỉ quỹ	7.140.621.681	65.504.016.926
	80.012.836.144	543.258.237.382

(*) Trong năm 2013, Tập đoàn đã thực hiện việc cơ cấu lại danh mục đầu tư theo các nội dung của Đề án tái cơ cấu tại Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã được Bộ Tài chính phê duyệt. Theo đó, để phù hợp với định hướng và mục tiêu đầu tư, một số khoản đầu tư vào cổ phiếu đang được phân loại là dài hạn năm trước được chuyển sang phân loại là ngắn hạn cùng với dự phòng giảm giá đầu tư tương ứng.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 01 tháng 01 năm 2013 VNĐ	Số phải nộp trong kỳ VNĐ	Số đã nộp trong kỳ VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Thuế và lệ phí				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.905.645.351	12.358.866.974	(11.977.682.361)	4.286.829.964
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(10.619.648.399)	76.810.371.701	(43.810.158.116)	22.380.565.186
Thuế thu nhập cá nhân	422.058.096	9.759.066.657	(9.311.586.557)	869.538.196
Tiền thuế đất	26.507.898	25.185.502.462	(25.212.010.360)	-
Các loại thuế khác	9.074.179.013	1.197.800.224	(9.867.845.664)	404.133.573
	2.808.741.959	125.311.608.018	(100.179.283.058)	27.941.066.919

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh 24.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Quỹ tiền lương còn phải trả	19.708.010.099	24.976.904.190
	19.708.010.099	24.976.904.190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Bảo Việt Nhân thọ	723.348.247	784.272.592.007
Bảo hiểm Bảo Việt	1.356.636.052	286.232.138.856
BVInvest	1.486.120.066	-
VIGEBA	53.001.550.723	59.481.550.723
HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	-	2.580.602.252
	56.567.655.088	1.132.566.883.838

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Kinh phí công đoàn	259.287.182	617.554.907
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	274.936.481	593.290.016
Bảo hiểm thất nghiệp	66.146.638	91.166.509
Kinh phí cho các chương trình An sinh xã hội chờ giải ngân (*)	39.824.837.694	25.074.301.451
Phải trả tiền đặt cọc của các đơn vị thuê trụ sở làm việc	9.438.091.461	10.730.150.990
Phải trả phải nộp khác	1.877.649.155	1.946.009.440
	51.740.948.611	39.052.473.313

(*) Chi phí chương trình 30A của Chính phủ và các chương trình An sinh xã hội đang chờ giải ngân theo tiến độ các công trình tài trợ.

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Quỹ khen thưởng	18.151.015.238	17.967.339.235
Quỹ phúc lợi	20.712.808.195	11.098.040.688
	38.863.823.433	29.065.379.923

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Phải trả hợp đồng repo (*)	194.336.464.676	-
	194.336.464.676	-

(*) Bao gồm khoản phải trả hợp đồng repo với ngân hàng thương mại mà Tập đoàn cam kết sẽ mua lại trong thời gian dưới một năm.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 01/01/2013	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	1.475.260.148.251	11.464.306.869.448
Chia cổ tức cho năm 2012	-	-	(1.020.707.151.000)	(1.020.707.151.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	1.104.307.600.578	1.104.307.600.578
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(32.451.164.477)	(32.451.164.477)
Chi thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(1.253.969.884)	(1.253.969.884)
Trích quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội (*)	-	-	(19.851.687.171)	(19.851.687.171)
Số dư tại ngày 31/12/2013	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	1.505.303.776.297	11.494.350.497.494

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012 và 2013, Tập đoàn được trích 1% lợi nhuận sau thuế tương đương với số tiền 9.034.632.345 VNĐ cho năm 2011 và 10.817.054.826 VNĐ cho năm 2012 cho quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội.

19.2 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013			Ngày 31 tháng 12 năm 2012		
	Tổng số VNĐ	Cổ phiếu thường VNĐ	Cổ phiếu ưu đãi VNĐ	Tổng số VNĐ	Cổ phiếu thường VNĐ	Cổ phiếu ưu đãi VNĐ
Số vốn góp của cổ đông	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000	-	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197	-	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197	-
TỔNG CỘNG	9.989.046.721.197	9.989.046.721.197	-	9.989.046.721.197	9.989.046.721.197	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Không có giao dịch về vốn nào với chủ sở hữu được thực hiện trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

19.4 Cổ tức

Ngày 24 tháng 04 năm 2013, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt đã thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2012 để chi trả cổ tức cho năm 2012 với tỷ lệ 15% (1.500 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 6.804.714.340.000 đồng Việt Nam, tương đương với số tiền 1.020.707.151.000 đồng Việt Nam.

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.382.121.468	25.495.142.928
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	369.756.569.847	527.204.529.019
Lãi trái phiếu	52.453.986.848	48.010.595.575
Cổ tức và lợi nhuận được chia	846.751.406.556	687.164.501.739
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.346.219	7.821.776
Các khoản thu nhập khác	1.039.398.237	-
	1.271.386.829.175	1.287.882.591.037

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(93.631.251.180)	(38.321.388.176)
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	37.915.880	-
Chi phí tài chính khác	6.704.977.716	361.716.701
	(86.888.357.584)	(37.959.671.475)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Chi phí nhân viên	85.465.551.633	81.529.813.701
Chi phí vật liệu quản lý	852.965.300	1.211.724.045
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.439.912.855	1.425.670.383
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.870.606.365	30.400.746.130
Tiền thuê đất (*)	25.151.555.974	4.739.686.800
Thuế, phí, lệ phí	329.290.788	13.897.195.600
Chi phí tư vấn	9.324.988.062	17.070.892.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.050.753.862	27.625.228.083
Chi phí quản lý khác	27.801.081.890	18.865.684.503
	226.286.706.729	196.766.641.959

(*) Bao gồm số tiền thuê đất của các năm trước theo Quyết định số 870/QĐ-UBND về việc duyệt đơn giá thuê đất tại Tòa nhà Bảo Việt, số 233 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1 để kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc ngày 21 tháng 02 năm 2013, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành. Tập đoàn Bảo Việt đã nộp đầy đủ số tiền thuê đất theo đơn giá và quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thuế Quận 1, Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2013.

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Thu nhập khác		
Cho thuê văn phòng	79.743.285.874	81.721.439.531
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	21.320.496.170
Các khoản thu nhập khác	1.249.837.589	1.673.376.674
	80.993.123.463	104.715.312.375
Chi phí khác		
Chi phí quản lý tòa nhà	(21.382.412.824)	(24.319.582.265)
Các khoản chi phí khác	(69.918.390)	(51.148.915)
	(21.452.331.214)	(24.370.731.180)
Lợi nhuận khác	59.540.792.249	80.344.581.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong năm tài chính 2013, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận chịu thuế. Ngày 19 tháng 06 năm 2013, Quốc hội ban hành Luật số 32/2013/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Mẹ Tập đoàn được giảm từ 25% xuống 22% và sau đó được giảm tiếp xuống 20% kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

24.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.191.529.272.279	1.209.420.201.748
Các khoản điều chỉnh giảm:		
- Thu nhập không chịu thuế từ cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(846.754.752.775)	(687.164.501.739)
- Phần thu nhập hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc đã trích từ lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại TT 64/1999/TT-BTC chưa được sử dụng hết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012	-	(19.790.207.531)
- Thu nhập đã tính thuế từ các năm trước	-	(199.155.151.464)
- Hoàn nhập chi phí đã không tính vào chi phí được khấu trừ của năm trước	(45.790.000.000)	-
Các khoản điều chỉnh tăng:		
- Chi phí không được khấu trừ thuế	8.256.967.301	54.269.784.225
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	307.241.486.805	357.580.125.239
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành	76.810.371.701	89.395.031.310
Thuế bổ sung theo thông báo của cơ quan thuế	-	49.767.187.866
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ	76.810.371.701	139.162.219.176
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	(10.619.648.399)	(42.914.228.683)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(43.810.158.116)	(106.867.638.892)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	22.380.565.186	(10.619.648.399)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chính có các biến động trong năm 2013 và 2012 như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.036.200.000	11.447.500.000	(10.411.300.000)	11.447.500.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			(10.411.300.000)	11.447.500.000

25. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tập đoàn đã tiến hành các giao dịch với các công ty có liên quan qua hoạt động đầu tư góp vốn. Như trình bày dưới đây, giao dịch giữa Tập đoàn và các công ty có liên quan thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó là thành viên của cùng một tập đoàn.

Các bên liên quan của Công ty Mẹ Tập đoàn có giao dịch với Công ty Mẹ Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm:

Các bên liên quan	Quan hệ
Bộ Tài chính	Cổ đông sáng lập
SCIC	Cổ đông sáng lập
HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	Cổ đông sáng lập
Sumitomo Life	Cổ đông chiến lược
Bảo hiểm Bảo Việt	Công ty con
Bảo Việt Nhân thọ	Công ty con
BVF	Công ty con
BVSC	Công ty con
BVInvest	Công ty con
Baoviet Bank	Công ty con
Baoviet Resort	Công ty liên kết
VIGEBA	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Việt	Công ty liên kết
Bảo Việt Tokio Marine	Công ty liên doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch quan trọng với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm:

Các bên liên quan	Giao dịch	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Cổ đông sáng lập		
Bộ Tài chính	Cổ tức đã trả	723.764.700.000
SCIC	Cổ tức đã trả	33.231.600.000
HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	Chi phí dự án Hỗ trợ và Chuyển giao Năng lực Kỹ thuật	3.961.249.812
Cổ đông chiến lược		
Sumitomo Life	Cổ tức đã trả	183.763.636.500
Công ty liên kết, liên doanh		
Bảo Việt Tokio Marine	Cổ tức được chia	42.991.618.156
VIGEBA	Cổ tức được chia	1.800.000.000
Công ty con		
Bảo Việt Nhân thọ	Lợi nhuận chuyển về Doanh thu cho thuê nhà	458.650.190.861 4.358.409.590
Bảo hiểm Bảo Việt	Lợi nhuận chuyển về Doanh thu cho thuê nhà	259.494.809.139 4.985.627.640
BVF	Lợi nhuận chuyển về Doanh thu cho thuê nhà	10.932.000.000 3.569.568.940
BVSC	Doanh thu cho thuê nhà	10.361.606.254
Baoviet Bank	Doanh thu cho thuê nhà Doanh thu lãi tiền gửi Cổ tức nhận được	17.696.868.909 71.514.811.717 39.000.000.000
BVInvest	Chi phí quản lý tòa nhà Doanh thu cho thuê nhà	21.291.592.402 24.604.582.875

Số dư các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan được trình bày tại các Thuyết minh số 8 và 15 trong báo cáo tài chính riêng này.

Lương cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Lương cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	2.700.000.000	1.725.000.000
	2.700.000.000	1.725.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

26.1 Cơ chế quản lý rủi ro

Mục tiêu của hoạt động Quản lý rủi ro (QLRR) tại Tập đoàn Bảo Việt nhằm phòng ngừa những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra để góp phần duy trì hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo phương châm ổn định, an toàn, hiệu quả; góp phần tạo ra môi trường quản lý minh bạch; bảo vệ tài sản và uy tín của Tập đoàn.

Hoạt động quản lý rủi ro được tiến hành thống nhất từ Ban Lãnh đạo Tập đoàn đến từng bộ phận chức năng, cán bộ tại Tập đoàn theo một nguyên tắc chung nhằm chủ động phát hiện, đánh giá và kiểm soát tác động của các loại rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (HĐQT) chịu trách nhiệm quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt; ban hành chiến lược, chính sách quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt và thực hiện giám sát hoạt động quản lý rủi ro toàn Tập đoàn Bảo Việt.

Tổng Giám đốc Tập đoàn ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn quản lý rủi ro nội bộ, tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách quản lý rủi ro đã được HĐQT phê duyệt. Các chính sách và hệ thống QLRR được rà soát định kỳ nhằm phản ánh kịp thời những biến động của thị trường và các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Hội đồng Quản lý rủi ro (RMC) Tập đoàn Bảo Việt là cơ quan giúp việc của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để triển khai công tác quản lý rủi ro. Các cuộc họp của RMC được tiến hành định kỳ nhằm đánh giá mức độ rủi ro tập trung toàn Tập đoàn, đánh giá nhận dạng các rủi ro mới và biện pháp phòng ngừa; phê duyệt mô hình, công cụ đo lường, hạn mức các loại rủi ro; giám sát việc thực hiện các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt.

Tại thuyết minh này, Tập đoàn Bảo Việt trình bày cách thức cơ bản về hoạt động QLRR nói chung và các mục tiêu, chính sách, quy trình, phương pháp quản lý, đo lường các loại rủi ro cụ thể liên quan tới việc sử dụng các công cụ tài chính nói riêng.

26.2 Quản lý rủi ro tài chính

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Để đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa thiệt hại do rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro, Ban Điều hành Tập đoàn liên tục theo dõi hoạt động quản lý rủi ro của Tập đoàn bảo đảm sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và lợi nhuận.

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chịu tác động bởi rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

26.2.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được định nghĩa là khoản lỗ tiềm tàng do khả năng hoặc thiện chí trả nợ theo hợp đồng của bên vay hoặc đối tác có những thay đổi bất lợi.

Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính, bao gồm tiền gửi, trái phiếu và các công cụ tài chính khác. Ban Điều hành đã ban hành một khung quản lý rủi ro tín dụng để quản lý chất lượng tín dụng và rủi ro tập trung.

- Các khoản đầu tư tiền gửi

Rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi được hiểu là nguy cơ không thu hồi được cả gốc và lãi theo thời hạn đã ấn định trong hợp đồng xảy ra do tổ chức tín dụng phá sản, bị tụt hạng tín dụng hoặc mất khả năng thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

26.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

26.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tiền gửi (tiếp theo)

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tiền gửi, Tập đoàn đã xây dựng và triển khai mô hình đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng dựa trên mô hình phân tích tín dụng nội bộ. RMC Tập đoàn xác định hạn mức tín dụng đối với mỗi tổ chức tín dụng mà Bảo Việt được phép gửi tiền và các hạn mức này được rà soát định kỳ. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đưa ra hành động kịp thời khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. RMC Tập đoàn rà soát mức độ rủi ro và đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp.

- Đầu tư trái phiếu

Rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư trái phiếu là nguy cơ không thu hồi được nợ của bên phát hành trái phiếu khi đến hạn thanh toán. Để quản lý rủi ro tín dụng từ đầu tư trái phiếu, Tập đoàn xây dựng kế hoạch, phê duyệt hạn mức đầu tư từng loại trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản; xem xét thận trọng khi đầu tư trái phiếu doanh nghiệp; tuân thủ quy trình thẩm định, phê duyệt các khoản đầu tư mới.

- Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ và Ban Điều hành đánh giá mức độ rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu này ở mức thấp.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Đơn vị: VND

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt	Bị giảm giá trị riêng biệt	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	227.414.382.562	-	-	227.414.382.562
Các khoản đầu tư tài chính	3.600.330.831.928	-	150.000.000.000	3.750.330.831.928
- Hợp đồng tiền gửi	2.920.893.180.522	-	-	2.920.893.180.522
- Trái phiếu	679.437.651.406	-	150.000.000.000	829.437.651.406
Phải thu từ các bên liên quan	248.865.261.546	-	-	248.865.261.546
Các khoản phải thu	16.078.556.811	-	-	16.078.556.811
- Phải thu cổ tức	12.974.563.200	-	-	12.974.563.200
- Phải thu khác	3.103.993.611	-	-	3.103.993.611
Tổng	4.092.689.032.847	-	150.000.000.000	4.242.689.032.847

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

26.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

26.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Đơn vị: VND

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt	Bị giảm giá trị riêng biệt	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.018.050.613.752	-	-	1.018.050.613.752
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	3.323.397.299.537	-	515.029.233.601	3.838.426.533.138
- <i>Hợp đồng tiền gửi</i>	2.917.848.897.175	-	365.029.233.601	3.282.878.130.776
- <i>Trái phiếu</i>	405.548.402.362	-	150.000.000.000	555.548.402.362
Phải thu từ các bên liên quan	808.187.797.065	-	-	808.187.797.065
Các khoản phải thu	19.612.691.303	-	-	19.612.691.303
- <i>Phải thu cổ tức</i>	8.643.600.000	-	-	8.643.600.000
- <i>Phải thu thương mại</i>	4.901.007.969	-	-	4.901.007.969
- <i>Phải thu khác</i>	6.068.083.334	-	-	6.068.083.334
Tổng	5.169.248.401.657	-	515.029.233.601	5.684.277.635.258

Tập đoàn đã trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá các khoản phải thu theo Thông tư 228 và Thông tư 89. Trong đó:

- Chưa quá hạn và không giảm giá trị:* các tài sản tài chính hoặc các khoản cho vay với lãi suất và nợ gốc chưa tới ngày đáo hạn và không có bằng chứng của việc suy giảm giá trị.
- Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt:* tài sản tài chính với lãi suất và nợ gốc đã quá hạn nhưng Tập đoàn tin rằng các khoản này không bị giảm giá trị vì chúng được đảm bảo bởi các tài sản thế chấp và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng và các biện pháp đảm bảo tín dụng khác của khách hàng.
- Bị giảm giá trị riêng biệt:* các công cụ nợ và các khoản cho vay khách hàng mà Tập đoàn cho rằng không thể thu hồi lãi và nợ gốc một phần hoặc toàn bộ theo các điều khoản của hợp đồng.

Các tài sản bị đánh giá là giảm giá trị riêng biệt bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin, đầu tư tiền gửi vào VFC và ALC II và đang được phản ánh theo giá trị thuần sau khi đã trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

26.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

26.2.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và nợ phải trả trong ngắn hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn liên tục tiến hành phân tích thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính và thông tin về luồng tiền ước tính; phân tích các nhu cầu thanh khoản trong quá khứ để thấy những biến động về nhu cầu này và các nhân tố ảnh hưởng. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ xem xét báo cáo cho Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO). Ủy ban sẽ rà soát mức độ thanh khoản, hiệu quả đầu tư và xác định các hành động phù hợp.

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2013								
Tài sản tài chính								
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	227.414	-	-	-	-	227.414
Các khoản đầu tư tài chính	60.000	564.948	2.734.918	646.323	361.500	357.200	-	4.724.889
- <i>Hợp đồng tiền gửi</i>	-	-	2.673.643	388.098	-	-	-	3.061.741
- <i>Trái phiếu</i>	60.000	-	61.275	258.225	361.500	357.200	-	1.098.200
- <i>Cổ phiếu</i>	-	564.948	-	-	-	-	-	564.948
Phải thu từ các bên liên quan	-	-	248.865	-	-	-	-	248.865
Các khoản phải thu	-	-	16.079	-	-	-	-	16.079
- <i>Phải thu cổ tức</i>	-	-	12.975	-	-	-	-	12.975
- <i>Phải thu khác</i>	-	-	3.104	-	-	-	-	3.104
Tổng	60.000	564.948	3.227.276	646.323	361.500	357.200	-	5.217.247
Nợ phải trả tài chính								
Phải trả các bên liên quan	-	-	56.568	-	-	-	-	56.568
Phải trả về hoạt động đầu tư tài chính	-	-	9.438	-	-	-	-	9.438
Phải trả thương mại	-	-	4.402	-	-	-	-	4.402
Phải trả thương mại khác	-	-	41.702	-	-	-	-	41.702
Tổng	-	-	112.110	-	-	-	-	112.110

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

26.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

26.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2012								
Tài sản tài chính								
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	1.018.051	-	-	-	-	1.018.051
Các khoản đầu tư tài chính	365.029	656.683	3.022.456	456.992	338.500	71.600	-	4.911.260
- Hợp đồng tiền gửi	365.029	-	2.919.606	221.292	-	-	-	3.505.927
- Trái phiếu	-	-	102.850	235.700	338.500	71.600	-	748.650
- Cổ phiếu	-	656.683	-	-	-	-	-	656.683
Phải thu từ các bên liên quan	-	-	808.188	-	-	-	-	808.188
Các khoản phải thu	-	-	19.613	-	-	-	-	19.613
- Phải thu cổ tức	-	-	8.644	-	-	-	-	8.644
- Phải thu thương mại khác	-	-	4.901	-	-	-	-	4.901
- Phải thu khác	-	-	6.068	-	-	-	-	6.068
Tổng	365.029	656.683	4.874.376	456.992	338.500	71.600	-	6.763.180
Nợ phải trả tài chính								
Phải trả các bên liên quan	-	-	1.132.567	-	-	-	-	1.132.567
Phải trả về hoạt động đầu tư tài chính	-	-	992	-	-	-	-	992
Phải trả thương mại	-	-	3.501	-	-	-	-	3.501
Phải trả thương mại khác	-	-	8.492	-	-	-	-	8.492
Tổng	-	-	1.145.552	-	-	-	-	1.145.552

Không có sự khác biệt trọng yếu giữa giá trị kỳ vọng của tài sản và công nợ theo thời gian đáo hạn của hợp đồng như đã trình bày ở trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

26.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

26.2.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái.

Mục tiêu của Tập đoàn là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro thị trường nhằm cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro bằng cách duy trì danh mục rủi ro thị trường nhất quán với chiến lược đầu tư.

- Rủi ro lãi suất:*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của một công cụ tài chính thay đổi do biến động của lãi suất thị trường.

Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn, các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ để phù hợp với các khoản phải trả trong tương lai. Danh mục các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu có lãi suất thả nổi chịu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất, tuy nhiên, Tập đoàn đánh giá rủi ro này ở mức thấp do các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu có lãi suất thả nổi chiếm tỷ trọng nhỏ trong toàn bộ danh mục đầu tư.

Ngoài ra, biến động lãi suất giảm cũng tác động đến các dòng tiền đáo hạn để tái đầu tư vào danh mục tiền gửi và trái phiếu. Tập đoàn thường xuyên rà soát và lựa chọn kỳ hạn tái đầu tư hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất lên các khoản tái đầu tư trong khi vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận.

- Rủi ro tỷ giá ngoại tệ:*

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động của tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Tuy nhiên, rủi ro này của Tập đoàn không đáng kể do hầu hết các giao dịch tài sản và công nợ của Tập đoàn đều bằng đồng Việt Nam.

- Rủi ro giá cổ phiếu:*

Danh mục đầu tư cổ phiếu của Tập đoàn bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Danh mục các cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá. Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết có thể có xu hướng bất lợi nếu điều kiện thị trường xấu đi.

Tình hình tài chính của các công ty mà Tập đoàn đầu tư và điều kiện thị trường có ảnh hưởng đến kết quả danh mục đầu tư. Hội đồng Quản trị Tập đoàn quản lý rủi ro này bằng việc lựa chọn ngành nghề và công ty để đầu tư. Nhằm giảm thiểu các tác động xấu do điều kiện thị trường và hành vi của các nhà đầu tư, danh mục đầu tư cổ phiếu của Tập đoàn được đa dạng hóa và tỷ trọng đầu tư cổ phiếu giữ ở mức tương đối thấp trong toàn danh mục đầu tư.

Tập đoàn sử dụng thước đo Giá trị rủi ro ("VaR") để giám sát và giới hạn rủi ro giá cổ phiếu niêm yết. Thước đo VaR dùng để ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động bất lợi trong khoảng thời gian nhất định (1 ngày, 1 tuần, 1 tháng), với mức độ tin cậy cho trước (95%):

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

26.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

26.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá cổ phiếu (tiếp theo)

Đơn vị: VND

Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	HOSE	HNX	Tổng
Giá trị sổ sách	353.937.948.000	67.926.000.000	421.863.948.000
Giá trị thị trường	113.553.788.500	208.702.080.000	322.255.868.500
VaR (95%, 1 ngày)	(2.770.071.327)	(11.825.270.709)	(14.595.342.036)
Mức độ giảm VaR (95%)	1.395.192.187	-	1.395.192.187
VaR (95%, 1 tuần)	N/A	N/A	(32.636.176.947)
VaR (95%, 1 tháng)	N/A	N/A	(65.272.353.894)
VaR (95%, 1 năm)	N/A	N/A	(231.693.871.958)
Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	HOSE	HNX	Tổng
Giá trị sổ sách	312.401.600.000	57.624.000.000	370.025.600.000
Giá trị thị trường	67.119.076.800	121.010.400.000	188.129.476.800
VaR (95%, 1 ngày)	(2.109.908.774)	(5.944.412.603)	(8.054.321.377)
Mức độ giảm VaR (95%)	554.438.406	-	554.438.406
VaR (95%, 1 tuần)	N/A	N/A	(18.010.010.112)
VaR (95%, 1 tháng)	N/A	N/A	(36.020.020.225)
VaR (95%, 1 năm)	N/A	N/A	(127.858.388.063)

Giá trị rủi ro VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 14,6 tỷ đồng, nghĩa là với xác suất 95%, mức tổn thất tối đa của danh mục cổ phiếu niêm yết trong một ngày là 14,6 tỷ đồng. VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 lớn hơn VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tuy nhiên tỷ lệ phần trăm của VaR so với giá trị thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (4%) thấp hơn tỷ lệ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (4,2%).

Tập đoàn còn sử dụng phương pháp phân tích kịch bản “stress testing” để đánh giá những ảnh hưởng tiềm ẩn đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy, khi có sự biến động của chỉ số thị trường (chỉ số VN-Index hoặc HNX Index), các yếu tố còn lại không đổi, lợi nhuận trước thuế sẽ bị ảnh hưởng. Mối tương quan của các biến số cũng tác động đáng kể trong việc giảm thiểu rủi ro về giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

26.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

26.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá cổ phiếu (tiếp theo)

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của danh mục cổ phiếu niêm yết (*) VND
31 tháng 12 năm 2013		
Kịch bản 1	+10%	7.367.826.109
Kịch bản 2	-10%	(7.641.684.308)
31 tháng 12 năm 2012		
Kịch bản 1	+10%	7.069.047.987
Kịch bản 2	-10%	(7.069.047.987)

(*) Lưu ý: Số liệu được tính toán áp dụng chính sách trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89 do đó ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của việc biến động giá cổ phiếu niêm yết chỉ tính tới các cổ phiếu có giá thị trường giảm xuống dưới giá gốc.

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Tập đoàn vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư kỳ hạn cố định, công cụ vốn niêm yết và không niêm yết, các khoản cho vay và phải thu khách hàng, và các khoản phải thu tài chính khác. Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

- (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

• **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

• **Các khoản cho vay và phải thu:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

• **Tài sản sẵn sàng để bán:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay. Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

• **Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- (i) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- (ii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

• **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trên báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý VNĐ
	Nguyên giá VNĐ	Dự phòng giảm giá trị VNĐ	Tổng VNĐ	
Tài sản tài chính				
Đầu tư kỳ hạn cố định	4.049.403.635.571	(299.072.803.643)	3.750.330.831.928	3.690.762.626.008
- Sản sàng để bán - Chứng khoán nợ	275.217.043.019	-	275.217.043.019	266.867.393.491
- Cho vay và phải thu - Chứng khoán nợ	590.664.667.898	(36.444.059.511)	554.220.608.387	427.337.819.483
- Cho vay và phải thu - Hợp đồng tiền gửi	3.183.521.924.654	(262.628.744.132)	2.920.893.180.522	2.996.557.413.034
Đầu tư vốn	858.172.088.000	(293.224.350.100)	564.947.737.900	558.334.502.429
- Sản sàng để bán	858.172.088.000	(293.224.350.100)	564.947.737.900	558.334.502.429
Phải thu từ các bên liên quan	248.865.261.546	-	248.865.261.546	248.865.261.546
Tài sản tài chính khác	16.078.556.811	-	16.078.556.811	16.078.556.811
- Phải thu cổ tức	12.974.563.200	-	12.974.563.200	12.974.563.200
- Phải thu khác	3.103.993.611	-	3.103.993.611	3.103.993.611
Tiền và các khoản tương đương tiền	227.414.382.562	-	227.414.382.562	227.414.382.562
TỔNG CỘNG	5.399.933.924.490	(592.297.153.743)	4.807.636.770.747	4.741.455.329.356

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trên báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý VNĐ
	Nguyên giá VNĐ	Dự phòng giảm giá trị VNĐ	Tổng VNĐ	
Tài sản tài chính				
Đầu tư kỳ hạn cố định	4.068.443.481.198	(230.016.948.060)	3.838.426.533.138	3.750.660.756.943
- Cho vay và phải thu - Chứng khoán nợ	591.992.461.873	(36.444.059.511)	555.548.402.362	515.661.665.676
- Cho vay và phải thu - Hợp đồng tiền gửi	3.476.451.019.325	(193.572.888.549)	3.282.878.130.776	3.234.999.091.267
Đầu tư vốn	1.029.601.406.461	(372.917.948.526)	656.683.457.935	598.372.641.205
- Sản sàng để bán	1.029.601.406.461	(372.917.948.526)	656.683.457.935	598.372.641.205
Phải thu từ các bên liên quan	808.187.797.065	-	808.187.797.065	808.187.797.065
Tài sản tài chính khác	19.612.691.303	-	19.612.691.303	19.612.691.303
- Phải thu cổ tức	8.643.600.000	-	8.643.600.000	8.643.600.000
- Phải thu thương mại khác	4.901.007.969	-	4.901.007.969	4.901.007.969
- Phải thu khác	6.068.083.334	-	6.068.083.334	6.068.083.334
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.018.050.613.752	-	1.018.050.613.752	1.018.050.613.752
TỔNG CỘNG	6.943.895.989.779	(602.934.896.586)	6.340.961.093.193	6.194.884.500.268

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính được trình bày trên báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
31 tháng 12 năm 2013		
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả các bên liên quan	56.567.655.088	56.567.655.088
Phải trả tiền đặt cọc	9.438.091.461	9.438.091.461
Phải trả thương mại	4.402.212.301	4.402.212.301
Phải trả thương mại khác	41.702.486.849	41.702.486.849
Tổng cộng	112.110.445.699	112.110.445.699
31 tháng 12 năm 2012		
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả các bên liên quan	1.132.566.883.838	1.132.566.883.838
Phải trả về hoạt động đầu tư tài chính	991.666.716	991.666.716
Phải trả thương mại	3.501.315.843	3.501.315.843
Phải trả thương mại khác	8.492.052.410	8.492.052.410
Tổng cộng	1.145.551.918.807	1.145.551.918.807

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư kỳ hạn cố định có lãi suất cố định hay thả nổi được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong phạm vi lãnh thổ, độ rủi ro của dự án được tài trợ và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng, Tập đoàn ước tính giá trị hiện tại của các luồng tiền trong tương lai bằng cách chiết khấu theo lãi suất thị trường.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn được giao dịch tích cực trên thị trường tài chính có tổ chức được xác định theo giá công bố, nếu có, tại ngày báo cáo.
- Với các khoản đầu tư vốn không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp. Các phương pháp này bao gồm chiết khấu luồng tiền, so sánh với các công cụ tài chính tương đồng có giá thị trường, giá trị tài sản ròng và các mô hình định giá liên quan.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

- Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đánh giá xem liệu có tồn tại các bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị của từng tài sản tài chính riêng biệt trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ đó là đáng kể, hoặc đánh giá chung các tài sản tài chính trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ không đáng kể.
- Đối với các tài sản bị giảm giá trị riêng lẻ, lỗ do suy giảm giá trị được xác định là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính trong tương lai chiết khấu theo lãi suất thực tế ban đầu.
- Đối với đánh giá chung, các tài sản được phân nhóm dựa trên đặc tính rủi ro tín dụng. Lỗ do giảm giá trị được đánh giá tổng thể dựa trên kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ của các tài sản với đặc tính tương tự.
- Đối với các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

28. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài những thông tin đã công bố trong báo cáo tài chính riêng này, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2013 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	27,50	38,96
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	72,50	61,04
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng Nguồn vốn	%	3,32	9,71
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng Nguồn vốn	%	96,68	90,29
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	8,28	4,01
2.2 Khả năng thanh toán nhanh	Lần	8,28	4,01
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	%	93,72	91,91
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	86,86	83,99
3.2 Tỷ suất lợi nhuận/ tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	%	10,02	9,52
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	9,29	8,52
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	%	9,61	9,44

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng

Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính

Ông Trần Trọng Phúc
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

1	AFYP	Doanh thu khai thác mới quy năm
2	ALCO	Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có
3	AUM	Tổng tài sản quản lý
4	BANCASURANCE	Bán chéo các sản phẩm bảo hiểm qua hệ thống ngân hàng
5	BCTC	Báo cáo tài chính
6	BCTN	Báo cáo thường niên
7	BCPTBV	Báo cáo phát triển bền vững
8	BKS	Ban Kiểm soát
9	BH	Bảo hiểm
10	BHBV	Bảo hiểm Bảo Việt
11	BVB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt
12	BVINVEST	Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt
13	BVF	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
14	BVFED	Quỹ đầu tư cổ phiếu năng động Bảo Việt
15	BVF1	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt
16	BVH	Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt
17	BVNT	Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ
18	BVSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
19	CAGR	Tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm
20	CAR	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu
21	CAT	Mô hình đánh giá rủi ro thiên tai
22	CNTT	Công nghệ thông tin
23	COC	Mô hình kinh doanh tập trung
24	CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
25	ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông

26	ĐVTV/CTTV	Đơn vị thành viên/ Công ty thành viên
27	EPS	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
28	E&Y	Công ty kiểm toán Ernst & Young
29	KPI	Chỉ tiêu hoạt động cơ bản
30	KTM	Khai thác mới
31	FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
32	FED	Cục Dự trữ Liên bang Mỹ
33	KLGD	Khối lượng giao dịch
34	KTNB	Kiểm toán nội bộ
35	GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
36	HĐQT/HĐTV	Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên
37	HNX	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
38	HOSE/HSX	Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
39	HSBC	HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited
40	IR	Quan hệ nhà đầu tư
41	IFRS	Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Quốc tế
42	M&A	Thâu tóm và sáp nhập
43	LACP	Hiệp hội Truyền thông chuyên nghiệp Hoa Kỳ
44	LN	Lợi nhuận
45	LNST	Lợi nhuận sau thuế
46	NPL	Tỷ lệ nợ xấu
47	LNSTT	Lợi nhuận trước thuế
48	NHNN	Ngân hàng nhà nước
49	NSNN	Ngân sách Nhà nước
50	ODA	Viện trợ phát triển chính thức

51	P/E	Hệ số giá trên thu nhập của cổ phiếu
52	QLGSBH	Cục Quản lý và Giám sát Bảo hiểm
53	PVIF	Giá trị lợi nhuận trong tương lai của các hợp đồng đang có hiệu lực
54	QE3	Chương trình nới lỏng định lượng của Chính phủ Mỹ
55	QLRR	Quản lý rủi ro
56	ROA	Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản
57	ROE	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
58	RMC	Hệ đồng Quản lý rủi ro
59	SCIC	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
60	SP	Sản phẩm
61	TCT	Tổng công ty
62	TNHH/CTCP	Trách nhiệm hữu hạn/ Công ty Cổ phần
63	TNDS	Trách nhiệm dân sự
64	TTCK	Thị trường chứng khoán
65	TTLK	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
66	TSCTA	Thoả thuận Hỗ trợ kỹ thuật và Chuyển giao năng lực
67	UBKT	Ủy ban Kiểm toán
68	UNCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
69	UPCOM	Thị trường giao dịch các cổ phiếu chưa niêm yết
70	VAS	Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam
71	VCSH	Vốn chủ sở hữu
72	VĐL	Vốn điều lệ
73	VN-INDEX	Chỉ số giá chứng khoán VN-Index
74	VPĐD	Văn phòng đại diện
75	WB	Ngân hàng Thế giới

www.baoviet.com.vn



Báo cáo thường niên 2013

Hãy đọc

Báo cáo thường niên và Báo cáo Phát triển bền vững của Bảo Việt tại website www.baoviet.com.vn để giảm thiểu tác động đến môi trường



Báo cáo Phát triển bền vững 2013



Năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt đã tiết giảm 150 tỷ đồng chi phí quản lý trong đó có việc sử dụng tiết kiệm các nguồn nguyên vật liệu, đặc biệt là chi phí in ấn để giảm thiểu tác động đến môi trường

BAOVIET

BAOVIET Holdings TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT BAOVIET Insurance BẢO HIỂM BẢO VIỆT BAOVIET Life BẢO VIỆT NHÂN THỌ BAOVIET Securities CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT BAOVIET Bank NGÂN HÀNG BẢO VIỆT BAOVIET Fund QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT BAOVIET Invest ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

www.baoviet.com.vn

NIỀM TIN VỮNG CHẮC, CAM KẾT VỮNG BỀN